

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC MÁC-LÊNIN**  
**Mã học phần: ML211030**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ:03; Số tín chỉ lý thuyết:03; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Hải Yến; Số điện thoại: 0914069347;

Email: nguyenthihaiyen@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Đặng Nguyên Hà, Số điện thoại: 0914411422; Email:dnha@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Phạm Phương Anh; Số điện thoại: 0914250184;

Email:Phuonganh84@yahoo.com

Giảng viên 4: Họ và tên:Nguyễn Đình Huân ; Số điện thoại:0914483777;

Email:ndhuan@ttn.edu.vn

Giảng viên 5: Họ và tên:Lê Thị Hồng Hạnh, Số điện thoại:0935882303;

Email:lthhanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 6: Họ và tên:Phạm Thị Tâm, Số điện thoại:0944535491;

Email:pttam@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Triết học Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức lý luận chính trị, mang tính bắt buộc. Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin, và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế-xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:*

**MT1:** Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin.

**MT2.** Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

**MT3.** Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

**H1.** Người học có những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin

**H2.** Người học có thể vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật vào giải quyết những vấn đề của nhận thức và hoạt động thực tiễn.

**H3.** Người học hiểu được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác-Lênin.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C1	C15
H1	x	
H2	x	x
H3	x	

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội</b></p> <p><b>1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</b></p> <p>1.1.1. Khái lược về triết học</p> <p>1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học</p> <p>1.1.3. Biện chứng và siêu hình</p> <p><b>1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội</b></p> <p><b>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác- Lênin</b></p> <p><b>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin</b></p> <p><b>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</b></p>	5 tiết	[1] Chương 1.
2	<p><b>Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</b></p> <p><b>2.1. Vật chất và ý thức</b></p> <p>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p><b>2.2. Phép biện chứng duy vật</b></p> <p><b>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBC duy vật</b></p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p><b>2.3. Lý luận nhận thức</b></p> <p>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức</p> <p>2.3.5. Tính chất của chân lý</p>	20 tiết	[1] Chương 2.
3	<p><b>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b></p> <p><b>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</b></p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p><b>3.2. Giai cấp và dân tộc</b></p> <p>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại</p> <p>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</p> <p>3.3.1. Nhà nước</p> <p>3.3.2. Cách mạng xã hội</p> <p><b>3.4. Ý thức xã hội</b></p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội</p> <p><b>3.5. Triết học về con người</b></p>	20 tiết	[1] Chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam		

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/5	<b>Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội</b> <b>1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học</b> 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình <b>1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội</b> <b>1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác-Lênin</b> <b>1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác – Lênin</b> <b>1.2.3. Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay</b>	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ... <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Phân tích vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Vấn đáp trước lớp
2;3;4;5;6/20	<b>Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng</b> <b>2.1. Vật chất và ý thức</b> 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức <b>2.2. Phép biện chứng duy</b>	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình	- Các bài đánh giá: + Báo cáo thảo luận của nhóm + Các câu hỏi cho cá nhân - Hình thức đánh

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p><b>vật</b></p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và PBC duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p><b>2.3. Lý luận nhận thức</b></p> <p>2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>2.2.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>2.3.4. Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức</p> <p>2.3.5. Tính chất của chân lý</p>		<p>bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: Phân tích mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. Vận dụng mối quan hệ trong hoạt động thực tiễn</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>giá:</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Vấn đáp trước lớp</p> <p>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</p>
7;8;9;10;11;12/20	<p><b>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</b></p> <p><b>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</b></p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội</p> <p>3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p><b>3.2. Giai cấp và dân tộc</b></p> <p>3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại</p> <p><b>3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội</b></p> <p>3.3.1. Nhà nước</p> <p>3.3.2. Cách mạng xã hội</p> <p><b>3.4. Ý thức xã hội</b></p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: Đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Các bài đánh giá:</p> <p>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</p> <p>+ Các câu hỏi cho cá nhân</p> <p>- Hình thức đánh giá:</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Vấn đáp trước lớp</p> <p>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</p>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội <b>3.5. Triết học về con người</b> 3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác-Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam			

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nội dung được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

### 7.4. Phần khác (nếu có):

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận:** 30%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33,3%
2	Bài tập cá nhân (kiểm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc	H1 H2 H3	33,3%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
	tra)	nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên		
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,3%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm.	H1 H2 H3

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người biên soạn

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN**  
**Mã học phần: ML211031**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Triết học Mác - Lênin

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Thị Việt Anh; Số điện thoại: 0917984411;

Email: [vtvanh@ttn.edu.vn](mailto:vtvanh@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Thu Nguyễn; Số điện thoại: 0914409756;

Email: [nguyenthithunguyen@ttn.edu.vn](mailto:nguyenthithunguyen@ttn.edu.vn)

Giảng viên 3: Họ và tên: Trương Văn Thủy; Số điện thoại: 0913913544;

Email: [truongvanthuy@ttn.edu.vn](mailto:truongvanthuy@ttn.edu.vn)

Giảng viên 4: Họ và tên: Nguyễn Quang Dương; Số điện thoại: 0946122285;

Email: [nqduong@ttn.edu.vn](mailto:nqduong@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin là một trong 5 học phần thuộc khối kiến thức Lý luận chính trị và được học sau học phần Triết học Mác - Lênin. Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về kinh tế hàng hóa, thị trường; những tri thức kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Từ đó, người học hiểu được cơ sở khách quan của các chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và các quan hệ lợi ích trong nền kinh tế; vấn đề công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề kinh tế chính trị của Việt Nam hiện nay.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1: Cung cấp cho người học những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị.

MT2: Trang bị cho người học khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

MT3: Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với người học.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Người học hiểu được những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Hệ thống những kiến thức được trang bị đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, tính liên thông, tăng cường tích hợp và giảm tải những nội dung không còn phù hợp hoặc những nội dung mang tính kinh viện đối với người học không chuyên lý luận chính trị.

H2. Người học có khả năng tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

H3. Người học có lập trường tư tưởng vững vàng, hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin, tin tưởng vào đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C1	C15
H1	x	
H2	x	x
H3	x	

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</b></p> <p>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.</p> <p>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.</p> <p>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.</p> <p>1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin.</p> <p>1.3.1. Chức năng nhận thức.</p> <p>1.3.2. Chức năng thực tiễn.</p> <p>1.3.3. Chức năng tư tưởng.</p> <p>1.3.4. Chức năng phương pháp luận.</p>	LT: 3 tiết	[1] Chương 1
2	<p><b>Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</b></p> <p>2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa.</p> <p>2.1.1. Sản xuất hàng hóa.</p> <p>2.1.2. Hàng hóa.</p> <p>2.1.3. Tiền.</p> <p>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay.</p> <p>2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường.</p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường.</p> <p>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường</p> <p>2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường</p> <p>2.3.1. Người sản xuất</p> <p>2.3.2. Người tiêu dùng</p> <p>2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường</p> <p>2.3.4. Nhà nước</p>	LT: 5 tiết	[1] Chương 2
3	<p><b>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</b></p> <p>3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư.</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản.</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế</p>	LT: 8 tiết	[1] Chương 3



TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	thị trường. 3.3.1. Lợi nhuận. 3.3.2. Lợi tức. 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa		
4	<b>Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</b> 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế độc quyền trong nền kinh tế thị trường. 4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	LT: 4 tiết	[1] Chương 4
5	<b>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</b> 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích	LT: 5 tiết	[1] Chương 5
6	<b>Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</b> 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. 6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của	LT: 5 tiết	[1] Chương 6

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam		

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	<p><b>Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin</b></p> <p>1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác – Lênin.</p> <p>1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.</p> <p>1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.</p> <p>1.2.2. Mục đích nghiên cứu của KTCT Mác - Lênin</p> <p>1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của KTCT Mác-Lênin.</p> <p>1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin.</p> <p>1.3.1. Chức năng nhận thức.</p> <p>1.3.2. Chức năng thực tiễn.</p> <p>1.3.3. Chức năng tư tưởng.</p> <p>1.3.4. Chức năng phương pháp luận.</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thực hiện các bài tập cá nhân</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</li> <li>+ Các câu hỏi cho cá nhân</li> <li>- Hình thức đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Vấn đáp trước lớp</li> </ul>
1;2/5	<p><b>Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường</b></p> <p>2.1. Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa.</p> <p>2.1.1. Sản xuất hàng hóa.</p> <p>2.1.2. Hàng hóa.</p> <p>2.1.3. Tiền.</p> <p>2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay.</p> <p>2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường.</p> <p>2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường.</p> <p>2.2.2. Nền kinh tế thị trường và</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thực hiện các bài tập cá nhân</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</li> <li>+ Các câu hỏi cho cá nhân</li> <li>- Hình thức đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Vấn đáp trước lớp</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</li> </ul>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường</p> <p>2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường</p> <p>2.3.1. Người sản xuất</p> <p>2.3.2. Người tiêu dùng</p> <p>2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường</p> <p>2.3.4. Nhà nước</p>		<p>câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
3;4/8	<p><b>Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</b></p> <p>3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư.</p> <p>3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư</p> <p>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản.</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>3.3.1. Lợi nhuận.</p> <p>3.3.2. Lợi tức.</p> <p>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thực hiện các bài tập cá nhân</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Các bài đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</li> <li>+ Các câu hỏi cho cá nhân</li> </ul> <p>- Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Vấn đáp trước lớp</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</li> </ul>
5/4	<p><b>Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường</b></p> <p>4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p> <p>4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền</p> <p>4.1.2. Quan hệ cạnh tranh ở trạng thái độc quyền</p> <p>4.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa</p> <p>4.2.1. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế độc quyền trong nền kinh tế thị trường.</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thực hiện các bài tập cá nhân</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p>	<p>- Các bài đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</li> <li>+ Các câu hỏi cho cá nhân</li> </ul> <p>- Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Vấn đáp trước lớp</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</li> </ul>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước</p> <p>4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p> <p>4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền</p> <p>4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước</p> <p>4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản</p>		<p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
6;7/5	<p><b>Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</b></p> <p>5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam.</p> <p>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.2. Vai trò nhà nước trong đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thực hiện các bài tập cá nhân</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</li> <li>+ Các câu hỏi cho cá nhân</li> <li>- Hình thức đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Vấn đáp trước lớp</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</li> </ul>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	ích			
7;8/5	<p><b>Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</b></p> <p>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam.</p> <p>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</p> <p>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam</p> <p>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư</p> <p>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam</p> <p>6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Làm việc nhóm</li> <li>- Thực hiện các bài tập cá nhân</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo thảo luận của nhóm</li> <li>+ Các câu hỏi cho cá nhân</li> <li>- Hình thức đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Vấn đáp trước lớp</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</li> </ul>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận

### 7.4. Phần khác (nếu có):

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận:** 30%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo	H1 H2	33,33 %

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
	cần	các hoạt động trong giờ học của sinh viên	đổi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H3	
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm tùy quy định từng năm	H1 H2 H3

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**  
**Mã học phần: ML211032**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: Không

Học phần học trước: Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Bảo Lâm; Số điện thoại: 0905232423;

Email: nblam@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Đình Huân; Số điện thoại: 0914483777;

Email: ndhuan@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.

MT2. Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức Chủ nghĩa xã hội khoa học và việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

MT3. Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Kiến thức: sinh viên có những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên nghiên cứu các phạm trù tiếp theo của chủ nghĩa xã hội khoa học

H2. Kỹ năng: sinh viên có cái nhìn tổng quan về cấu trúc, hệ thống các phạm trù của môn chủ nghĩa xã hội khoa học; có khả năng so sánh được đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học với các khoa học xã hội khác; bước đầu có thể có tư duy, phương pháp tiếp cận và phân tích những hiện thực nảy sinh trong thực tiễn cộng cuộc xây dựng, đổi mới và phát triển đất nước.

H3. Thái độ: sinh viên có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị; có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; tin tưởng vào sự thành công của công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C1	C15
H1	x	
H2	x	x
H3	x	

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học</b></p> <p>1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới.</p> <p>1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời.</p> <p>1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu.</p> <p>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu.</p> <p>1.3.3. Ý nghĩa</p>	<p>LT: 3 tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] chương 1</p>
2	<p><b>Chương 2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.</b></p> <p>2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về GCCN và sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN.</p> <p>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN.</p> <p>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN.</p> <p>2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN.</p> <p>2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay.</p> <p>2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.</p> <p>2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.</p> <p>2.3. Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam</p> <p>2.3.1. Đặc điểm GCCN Việt Nam.</p> <p>2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.</p> <p>2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN Việt Nam hiện nay.</p>	<p>LT: 5tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] chương 2</p>
3	<p><b>Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>3.1. Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.</p> <p>3.1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.</p>	<p>LT: 4tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] chương 3</p>



TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.		
4	<p><b>Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.</b></p> <p>4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ.</p> <p>4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.2.1. Sự ra đời, bản chất chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.</p>	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] chương 4
5	<p><b>Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.1.1. Khái niệm, vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội.</p> <p>5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật trong cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] chương 5
6	<p><b>Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc.</p> <p>6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam.</p> <p>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo</p> <p>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay.</p> <p>6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.</p>	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] chương 6

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
7	<p><b>Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình.</p> <p>7.1.1. Khái niệm.</p> <p>7.1.2. Vị trí.</p> <p>7.1.3. Chức năng.</p> <p>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội.</p> <p>7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội.</p> <p>7.2.3. Cơ sở văn hóa.</p> <p>7.2.4. Chế độ hôn nhân văn hóa.</p> <p>7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] chương 7

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	<p><b>Chương 1. Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học</b></p> <p>1.1. Sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen</p> <p>1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>1.2.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới.</p> <p>1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời.</p> <p>1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học.</p> <p>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu.</p> <p>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu.</p> <p>1.3.3. Ý nghĩa</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Nghe giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, đặt câu hỏi</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài kiểm tra</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: + Bằng bài viết nộp tại lớp.</p>
2,3/5	<b>Chương 2. Sứ mệnh lịch sử</b>	H1	<b>Phương pháp</b>	- Bài kiểm tra

<b>Buổi học/số tiết</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chuẩn đầu ra học phần</b>	<b>Hoạt động dạy và học</b>	<b>Bài đánh giá</b>
	<p><b>của giai cấp công nhân.</b></p> <p>2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về GCCN và sứ mệnh lịch sử thế giới của GCCN.</p> <p>2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của GCCN.</p> <p>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của GCCN.</p> <p>2.1.3. Những điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của GCCN.</p> <p>2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN hiện nay.</p> <p>2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay.</p> <p>2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.</p> <p>2.3 Sứ mệnh lịch sử của GCCN Việt Nam</p> <p>2.3.1. Đặc điểm GCCN Việt Nam.</p> <p>2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của GCCN thế giới hiện nay.</p> <p>2.3.3. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN Việt Nam hiện nay.</p>	H2 H3	<p><b>dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.
3,4/4	<p><b>Chương 3. Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>3.1. Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.1.1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.</p> <p>3.1.2. Điều kiện ra đời của Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của Chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.2.1 Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>3.3 Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	- Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa.</p> <p>3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.</p>			
4,5/4	<p><b>Chương 4. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.</b></p> <p>4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ.</p> <p>4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.2.1. Sự ra đời, bản chất chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa.</p> <p>4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.</p> <p>4.3.3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.
5,6/4	<p><b>Chương 5. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.1.1. Khái niệm, vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội.</p> <p>5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật trong cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p>	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p> <p>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.</p>		- Giảng đường	
6,7/4	<p><b>Chương 6. Vấn đề dân tộc và tôn giáo thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>6.1.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về dân tộc.</p> <p>6.1.2. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam.</p> <p>6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>6.2.1. Chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo</p> <p>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, nhà nước ta hiện nay.</p> <p>6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.</p> <p>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.
7,8/3	<p><b>Chương 7. Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</b></p> <p>7.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình.</p> <p>7.1.1. Khái niệm.</p> <p>7.1.2. Vị trí.</p> <p>7.1.3. Chức năng.</p> <p>7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội.</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép,</p>	-Bài kiểm tra -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội. 7.2.3. Cơ sở văn hóa. 7.2.4. Chế độ hôn nhân văn hóa. 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. 7.3.2. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.		chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ GD&ĐT(2020). Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, NXBCTQG

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

#### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

#### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

#### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

#### 7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

#### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận:** 30; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	33.3 %
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	0%
3	Bài tập	Đánh giá mức độ hoàn	Phương pháp đánh giá thông	H1	33.3

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
	nhóm	thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H2 H3	%
4	Tiểu luận/Thí nghiệm, thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3	0%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.		
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	33.3 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn





**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH**  
**Mã học phần: ML211002**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: TS. Nguyễn Minh Hải; Số điện thoại: 0987504608;

Email: nmhai@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: ThS. Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906;

Email: ltnhanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: ThS. Nguyễn Thị Khuyên; Số điện thoại: 0946097279;

Email: ntkhuyen@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo các ngành đại học, cao đẳng. Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, đạo đức, con người.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2. Rèn luyện cho người học năng lực tư duy độc lập, phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

MT3. Hình thành cho người học niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nâng cao bản lĩnh chính trị, lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu được kiến thức cơ bản của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh.

H2. Có khả năng tư duy độc lập, biết phân tích, đánh giá và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống.

H3. Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức trách nhiệm trong học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C1	C15
H1	x	
H2	x	x
H3	x	

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</b></p> <p>1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.3. Phương pháp nghiên cứu</p> <p>1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.3.2. Một số phương pháp cụ thể</p> <p>1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p> <p>1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>	LT: 2 tiết	[1] Chương 1, [2] Chương I
2	<p><b>Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</b></p> <p>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.1. Cơ sở thực tiễn</p> <p>2.1.2. Cơ sở lý luận</p> <p>2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p>2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới</p> <p>2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản</p> <p>2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo</p> <p>2.2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta</p> <p>2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc và thời đại</p> <p>2.3.1. Đối với dân tộc Việt Nam</p> <p>2.3.2. Đối với sự phát triển của nhân loại</p>	LT: 2,5 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 2, [2] Chương II
3	<p><b>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</b></p> <p>3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc</p> <p>3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc</p> <p>3.1.2. Cách mạng giải phóng dân tộc</p> <p>3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội</p>	LT: 6 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 3, [2] Chương III

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	<p>3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc</p> <p>3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội</p> <p>3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay</p> <p>3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định</p> <p>3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>3.4.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị</p> <p>3.3.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ</p>		
4	<p><b>Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</b></p> <p>4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</p> <p>4.2.1. Nhà nước dân chủ</p> <p>4.2.2. Nhà nước pháp quyền</p> <p>4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <p>4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3.2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân</p>	LT: 6 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 4, [2] Chương IV
5	<p><b>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</b></p> <p>5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p>	LT: 3 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 5, [2] Chương V

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay 5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng 5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng 5.3.3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế		
6	<b>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người</b> 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa 6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng 6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng	LT: 3 tiết TL: 3 tiết	[1] Chương 6, [2] Chương VI

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	<b>Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</b> 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP đàm thoại <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV	Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>1.3.2. Một số phương pháp cụ thể</p> <p>1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước</p> <p>1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>		<p>trả lời.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	
2/4 3/1,5	<p><b>Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.1.1. Cơ sở thực tiễn</p> <p>2.1.2. Cơ sở lý luận</p> <p>2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh</p> <p>2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh</p> <p>2.2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và có chí hướng tìm con đường cứu nước mới</p> <p>2.2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920: Dần dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản</p> <p>2.2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>2.2.4. Thời kỳ từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo</p> <p>2.4.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969: tư tưởng Hồ</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...</p> <p>- Làm việc theo nhóm</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên</p> <p>- Báo cáo của nhóm trước lớp.</p>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Chí Minh tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với vấn đề dân tộc và thời đại 2.3.1. Đối với dân tộc Việt Nam 2.3.2. Đối với sự phát triển của nhân loại			
3/2 4/4 5/3	<b>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</b> 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc 3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc 3.1.2. Cách mạng giải phóng dân tộc 3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.2.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
	<b>Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</b> 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề cho chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện để đảm bảo nền độc lập dân tộc vững chắc 3.3.3. Điều kiện để bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	nghĩa xã hội 3.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với xây dựng chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay 3.4.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.4.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3.4.3. Cùng cố, kiên toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.3.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ		- Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
5/1 6/4 7/4	<b>Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân</b> 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.1. Nhà nước dân chủ	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời. - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,... - Làm việc theo nhóm <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên - Báo cáo của nhóm trước lớp.
7/4	<b>Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân</b>	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP	- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p><b>dân, do nhân dân, vì nhân dân</b></p> <p>4.2.2. Nhà nước pháp quyền</p> <p>4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước</p> <p>4.3.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh</p> <p>4.3.2. Xây dựng Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân</p>		<p>nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời.</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...</li> <li>- Làm việc theo nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo của nhóm trước lớp.</li> </ul>
8/4 9/2	<p><b>Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế</b></p> <p>5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất</p> <p>5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc</p> <p>5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức</p> <p>5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p>5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP nêu vấn đề.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gọi mở SV trả lời.</li> <li>- Làm bài kiểm tra 1 tiết</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...</li> <li>- Làm bài kiểm tra 1 tiết.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên</li> <li>- Bài kiểm tra viết.</li> </ul>



Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay</p> <p>5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng</p> <p>5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>5.3.3. Đại đoàn kết dân tộc phải kết hợp với đoàn kết quốc tế</p>			
9/2 10/4	<p><b>Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người</b></p> <p>6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <p>6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p>6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa</p> <p>6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>6.2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng</p> <p>6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng</p> <p>6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng</p> <p>6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người</p> <p>6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người</p> <p>6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người</p> <p>6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người</p> <p>6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- GV nêu vấn đề, câu hỏi, gợi mở SV trả lời.</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời,...</li> <li>- Làm việc theo nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá thông qua câu trả lời của sinh viên</li> <li>- Báo cáo của nhóm trước lớp.</li> </ul>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người 6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng			

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Đoàn Sỹ Tuấn, Nguyễn Minh Hải, Trần Trọng Đạo (2020), *Hướng dẫn học và ôn tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Đại học Huế.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài thảo luận nhóm được giao.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

### 7.4. Phần khác (nếu có)

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%.

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc tham gia xây dựng bài trên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H3	33,33 %
2	Đánh giá thảo luận	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2	33,33 %
3	Bài kiểm	Đánh giá mức độ đạt	Phương pháp đánh giá thông	H1	33,33

<b>TT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Phương thức kiểm tra, đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>
	tra định kỳ	được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	qua bài kiểm tra tự luận/trắc nghiệm	H2	%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

Ngày tháng năm 2020  
**Người biên soạn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**  
**Mã học phần: ML211033**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4. Số tín chỉ thảo luận: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Tĩnh; Số điện thoại: 091 446 1976;

Email: nttinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Khắc Trinh; Số điện thoại: 0983 133 145;

Email: nktrinh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

MT2: Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

MT3: Trang bị phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Hiểu được những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

H2: Có ý thức tôn trọng sự thật khách quan, lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

H3: Hiểu được phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học, vận dụng nhận thức lịch sử vào công tác thực tiễn, phê phán quan niệm sai trái về lịch sử của Đảng.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C1	C15
H1	x	
H2	x	
H3	x	x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p>Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>2. Phạm vi nghiên cứu</p> <p>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học</p> <p>1. Chức năng</p> <p>2. Nhiệm vụ</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học</p> <p>1. Phương pháp luận</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể</p>	LT: 2	[1] Chương mở đầu
2	<p>Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>1.2.1. Phong trào cách mạng (1930-1935) và khôi phục phong trào (1932-1935)</p> <p>1.2.2. Phong trào dân chủ (1936-1939)</p> <p>1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945)</p> <p>1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945</p>	LT: 5 TL: 2	[1] Chương I
3	<p>Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)</p> <p>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)</p> <p>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950)</p> <p>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược</p>	LT: 7 TL: 2	[1] Chương II

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	<p>và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954</p> <p>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)</p> <p>2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965</p> <p>2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975</p> <p>2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)</p>		
4	<p>Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020)</p> <p>3.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</p> <p>3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)</p> <p>3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)</p> <p>3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020)</p> <p>3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996)</p> <p>3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2020)</p> <p>3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> <p>3.3.1. Thành tựu</p> <p>3.3.2. Kinh nghiệm</p>	LT: 7 TL: 2	[1] Chương III
5	<p>Chương IV: Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng</p> <p>4.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam</p> <p>4.1.1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.</p> <p>4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc,</p> <p>4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>4.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>4.2.1. Năm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân</p> <p>4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết</p> <p>4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế</p> <p>4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết</p>	TL: 3	[1] Chương IV

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	định thắng lợi của cách mạng Việt Nam		

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/2	<p>Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập</p> <p>I. Đối tượng nghiên cứu của môn học</p> <p>1. Đối tượng nghiên cứu</p> <p>2. Phạm vi nghiên cứu</p> <p>II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học</p> <p>1. Chức năng</p> <p>2. Nhiệm vụ</p> <p>III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học</p> <p>1. Phương pháp luận</p> <p>2. Các phương pháp cụ thể</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: Các câu hỏi của sinh viên.</p> <p>- Hình thức đánh giá: Các câu hỏi của sinh viên gửi qua mail</p>
1,2,3/ 5-4	<p>Chương I: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng</p> <p>1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.2. Lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)</p> <p>1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm:</p> <p>+ Vai trò của Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng.</p> <p>+ Quá trình tạo và chớp thời cơ làm nên thành công của cách mạng tháng Tám năm 1945.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị</p>	<p>- Các bài đánh giá:</p> <p>+ Báo cáo của nhóm</p> <p>+ Bài tập cá nhân</p> <p>+ Các câu hỏi của sinh viên</p> <p>- Hình thức đánh giá:</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài tập cá nhân làm tại lớp</p> <p>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</p>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	trào 1932-1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945		báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
3,4,5,6/7-4	Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) 2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện (1946-1950) 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1954-1965 2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ... <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Phương châm tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng. + Vai trò của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Các bài đánh giá: + Báo cáo của nhóm + Bài tập cá nhân + Các câu hỏi của sinh viên - Hình thức đánh giá: + Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài tập cá nhân làm tại lớp + Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email



Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.2.3. Ý nghĩa và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)			
6,7,8,9/ 7-4	<p>Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2020)</p> <p>3.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</p> <p>3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)</p> <p>3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)</p> <p>3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020)</p> <p>3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội (1986-1996)</p> <p>3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2020)</p> <p>3.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới</p> <p>3.3.1. Thành tựu</p> <p>3.3.2. Kinh nghiệm</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Ý nghĩa của đường lối đổi mới. Liên hệ với địa phương.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các bài đánh giá:</li> <li>+ Báo cáo của nhóm</li> <li>+ Bài tập cá nhân</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên</li> </ul> <p><b>Hình thức đánh giá:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>+ Bài tập cá nhân làm tại lớp</li> <li>+ Các câu hỏi của sinh viên gửi qua email</li> </ul>
10,11/6	<p>Chương IV: Tổng kết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng</p> <p>4.1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam</p> <p>4.1.1. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.</p> <p>4.1.2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thảo luận trên lớp, gợi mở-vấn đáp, ôn tập ...</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem phim tư liệu</li> <li>- Thảo luận nhóm: Sự lãnh đạo đúng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Báo cáo của nhóm</li> <li>- Hình thức đánh giá: Báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p>phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc,</p> <p>4.1.3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>4.2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>4.2.1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</p> <p>4.2.2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân</p> <p>4.2.3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết</p> <p>4.2.4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế</p> <p>4.2.5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam</p>		<p>đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho sinh viên Đại học, Cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Đọc giáo trình, chuẩn bị nội dung thảo luận, câu hỏi.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

### 7.4. Phần khác (nếu có):

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài	H1 H2 H3	33,33 %

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
		của sinh viên	ở nhà của sinh viên.		
2	Bài tập cá nhân (kiểm tra)	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3	33,33 %
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	33,33 %
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp hoặc trắc nghiệm	H1 H2 H3

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

TS. Nguyễn Khắc Trinh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG**  
**Mã học phần: KC211027**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 01 ; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

- |     |                         |   |
|-----|-------------------------|---|
| 1.  | Nguyễn Văn Sĩ;          | Điện thoại: 0947697569 ; Email: nvsy@ttn.edu.vn   |
| 2.  | Nguyễn Thị Như;         | Điện thoại: 0906200625; Email: ntnhu@ttn.edu.vn   |
| 3.  | Nguyễn Đức Thắng;       | Điện thoại: 0983507907; Email: ndthang@ttn.edu.vn   |
| 4.  | Trần Xuân Thắng;        | Điện thoại: 0169403657; Email: txthang@ttn.edu.vn   |
| 5.  | Phan Thị Đài Trang;     | Điện thoại: 0943087474; Email: ptdtrang@ttn.edu.vn  |
| 6.  | Trương Hải;             | Điện thoại: 0949354649;<br>Email: truonghai.dhtn@gmail.com  |
| 7.  | Nguyễn Quốc Cường;      | Điện thoại: 0973303109;<br>Email: nguyenquoccuong@ttn.edu.vn  |
| 8.  | Trương Thị Hương Giang; | Điện thoại: 0942509609;<br>Email: tthgiang@ttn.edu.vn   |
| 9.  | Hồ Thị Phượng;          | Điện thoại: 09772576675;<br>Email: <a href="mailto:hophuongdhtn@gmail.com">hophuongdhtn@gmail.com</a> |
| 10. | Vũ Anh Tuấn;            | Điện thoại: 0983717389;<br>Email: toibantang@gmail.com  |

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này thuộc nhóm Kiến thức giáo dục đại cương, giảng dạy cho sinh viên năm thứ nhất, hệ đại học của tất cả các chuyên ngành.

Học phần Tin học Đại cương hướng dẫn sinh viên đạt được các kiến thức tổng quan về máy tính và quản lý thông tin; vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học văn phòng để giải quyết các yêu cầu công việc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức và rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm thông dụng trong công tác văn phòng như: soạn thảo văn bản với Microsoft Word, tính toán và phân tích dữ liệu nâng cao với Microsoft Excel, thiết kế và xây dựng bài trình chiếu với Microsoft PowerPoint. Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả vào học tập và cuộc sống.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

Học phần này trang bị cho sinh viên:

- MT1. Kiến thức tổng quan về tin học, quản lý thông tin, các thành phần cơ bản của máy vi tính.
- MT2. Kiến thức cơ bản về xử lý văn bản, bảng tính điện tử và thực hiện bài báo cáo.
- MT3. Khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các yêu cầu trong học tập và cuộc sống.
- MT4. Rèn luyện cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về trình bày, soạn thảo văn bản, tính toán cơ bản với bảng tính, thiết kế và trình diễn bài báo cáo.
- MT5. Kỹ năng tự học và rèn luyện để nâng cao kiến thức. Có kỹ năng giao tiếp, thảo luận và làm việc nhóm.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Diễn giải được các kiến thức tổng quan về thông tin, các đơn vị đo lường thông tin, biểu diễn thông tin trong máy tính điện tử, cách hệ điều hành quản lý thông tin trong máy tính

thông qua các đối tượng cơ bản như tập tin, thư mục, ổ đĩa và đường dẫn. Phân biệt sự khác nhau giữa Hệ điều hành và các phần mềm ứng dụng

H2. Phân biệt, diễn giải được các chức năng của các phím lệnh trong phần mềm soạn thảo văn bản MS. Word, các hàm xử lý bảng tính và phân tích dữ liệu trong MS Excel, các công cụ trong xây dựng bài thuyết trình sử dụng MS. PowerPoint.

H3. Vận dụng kiến thức về soạn thảo văn bản để xây dựng các văn bản, công văn, tờ trình, báo cáo nghiên cứu khoa học với MS Word.

H4. Vận dụng kiến thức về kiểu dữ liệu và các hàm để xây dựng bảng tính và phân tích dữ liệu với bảng tính điện tử MS Excel.

H5. Vận dụng kiến thức về bài báo cáo để xây dựng được bài thuyết trình và phương pháp thuyết trình hiệu quả với MS PowerPoint.

H6. Rèn luyện kỹ năng làm việc chính xác, cẩn thận, theo phong cách công nghiệp, hệ thống.

H7. Có kỹ năng đọc và hiểu tài liệu hướng dẫn của kỳ thi vô địch tin học văn phòng MOS

H8. Có tư duy độc lập, khả năng tìm tòi kiến thức mới và thích ứng với môi trường làm việc nhóm để giúp nhau hiểu biết sâu sắc hơn các vấn đề liên quan đến môn học.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C4	C12
H1	x	
H2	x	x
H3	x	
H4	x	
H5		x
H6		x
H7	x	
H8		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Đại cương về Tin học</b></p> <p>1.1. Thông tin và biểu diễn thông tin</p> <p>1.1.1. Khái niệm thông tin</p> <p>1.1.2. Đơn vị đo thông tin</p> <p>1.1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính</p> <p>1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử</p> <p>1.2.1. Cấu trúc của một hệ thống máy tính</p> <p>1.2.2. Phần cứng (Hardware)</p> <p>1.2.3. Bộ nhớ</p> <p>1.2.4. Bộ xử lý trung tâm (CPU)</p> <p>1.2.5. Các thiết bị nhập xuất</p> <p>1.2.6. Các thiết bị lưu trữ</p> <p>1.3. Quản lý thông tin trong máy vi tính</p> <p>1.3.1. Hệ điều hành</p> <p>1.3.2. Phần mềm (Software)</p> <p>1.3.3. Tập tin (File) và thư mục (Folder)</p> <p>1.3.4. Ổ đĩa (Drive) và đường dẫn (Patch)</p> <p>1.3.5. Màn hình nền (Desktop) của Windows</p>	<p>LT: 2 Tiết</p> <p>TH: 4 Tiết</p>	<p>[1] Chương 1,2</p> <p>[2] Chương 1</p>
2	<p><b>Chương 2. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word</b></p> <p>2.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản</p>	<p>LT: 4 Tiết</p> <p>TH: 8 Tiết</p>	[1] Chương 4

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.2. Gõ Tiếng Việt trong Windows 2.1.3. Các quy tắc trong soạn thảo văn bản 2.1.4. Giới thiệu về MS Word 2.1.5. Các thao tác với tập tin văn bản 2.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Word 2.2.1. Xác lập môi trường soạn thảo văn bản 2.2.2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản 2.2.3. Chèn các đối tượng vào văn bản 2.2.4. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản 2.2.5. Thiết lập trang in và in ấn trong Word 2.3. Các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao 2.3.1. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style) 2.3.2. Thao tác với Header và Footer 2.3.3. Mục lục tự động 2.3.4. Danh mục hình ảnh và bảng biểu 2.3.5. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List) 2.3.6. Trộn thư (Mail Merge) 2.3.7. Biểu đồ và vẽ biểu đồ		[2] Chương 2 [3] Chapter 1-5
3	<b>Chương 3. Xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel</b> 3.1. Giới thiệu về MS. Excel 3.1.1. Các khái niệm cơ bản 3.1.2. Cấu trúc của một workbook 3.1.3. Các kiểu dữ liệu và cách nhập 3.1.4. Phân biệt các loại địa chỉ 3.1.5. Các thông báo lỗi thường gặp 3.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Excel 3.2.1. Xử lý trên vùng 3.2.2. Thao tác trên cột và hàng 3.2.3. Định dạng bảng tính 3.2.4. Thao tác trên tập tin 3.3. Làm việc với hàm trong MS. Excel 3.3.1. Giới thiệu về hàm và cách sử dụng 3.3.2. Các hàm thông dụng 3.3.3. Các hàm thống kê cơ bản 3.3.4. Phân tích dữ liệu với Pivot Table 3.3.5. Biểu đồ và vẽ biểu đồ 3.3.6. Sắp xếp dữ liệu 3.3.7. Trích lọc dữ liệu 3.4. Định dạng và in ấn trong MS. Excel 3.4.1. Định dạng trang in 3.4.2. Chèn số trang 3.4.3. Xem trước và in bảng tính	LT: 5 Tiết TH: 10 Tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [4] Chapter 1-5
4.	<b>Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint</b> 4.1. Giới thiệu về MS. PowerPoint 4.1.1. Bối cảnh sử dụng trình chiếu 4.1.2. Chuẩn bị cho bài thuyết trình 4.1.3. Màn hình làm việc của MS. PowerPoint	LT: 4 Tiết TH: 8 Tiết	[1] Chương 6 [5] Chapter 1-5

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	4.1.4. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình bày 4.2. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.2.1. Slide Master 4.2.2. Sử dụng Slide Templates 4.2.3. Thao tác, chỉnh sửa trên Slide 4.2.4. Chèn các đối tượng trên Slide 4.2.5. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations) 4.2.6. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions) 4.2.7. Liên kết (Hyperlink) và Nút lệnh (Action Buttons) 4.3. Trình diễn bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.3.1. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình 4.3.2. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình 4.3.3. Định dạng và in bài thuyết trình		

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học /số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết 1 – 6	<b>Chương 1. Đại cương về Tin học</b> 1.1. Thông tin và biểu diễn thông tin 1.1.1. Khái niệm thông tin 1.1.2. Đơn vị đo thông tin 1.1.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính 1.2. Cấu trúc tổng quát của máy tính điện tử 1.2.1. Cấu trúc của một hệ thống máy tính 1.2.2. Phần cứng (Hardware) 1.2.3. Bộ nhớ 1.2.4. Bộ xử lý trung tâm (CPU) 1.2.5. Các thiết bị nhập xuất 1.2.6. Các thiết bị lưu trữ 1.3. Quản lý thông tin trong máy vi tính 1.3.1. Hệ điều hành 1.3.2. Phần mềm (Software) 1.3.3. Tập tin (File) và thư mục (Folder) 1.3.4. Ổ đĩa (Drive) và đường dẫn (Patch) 1.3.5. Màn hình nền (Desktop) của Windows	H1, H2	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức nền tảng về tin học đã biết. - Thảo luận nhóm: sự khác nhau giữa thông tin và dữ liệu? Các đơn vị đo thông tin trong máy vi tính, cách chuyển đổi giữa các đơn vị đo thông tin. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu [1], [2]. - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Phân biệt thông tin, dữ liệu, các đơn vị đo thông tin; Các thành phần chính của máy vi tính; cách tổ chức, quản lý thông tin trong máy vi tính. - Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle.
Tiết 7 – 18	<b>Chương 2. Soạn thảo văn bản với Microsoft Word</b> 2.1. Tổng quan về soạn thảo văn bản	H3, H4, H7, H8	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP	- Tạo lập, soạn thảo và căn chỉnh văn bản theo

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.1.1. Các khái niệm cơ bản 2.1.2. Gỡ Tiếng Việt trong Windows 2.1.3. Các quy tắc trong soạn thảo văn bản 2.1.4. Giới thiệu về MS Word 2.1.5. Các thao tác với tập tin văn bản 2.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Word 2.2.1. Xác lập môi trường soạn thảo văn bản 2.2.2. Nhập, điều chỉnh và định dạng văn bản 2.2.3. Chèn các đối tượng vào văn bản 2.2.4. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản 2.2.5. Thiết lập trang in và in ẩn trong Word 2.3. Các kỹ thuật soạn thảo văn bản nâng cao 2.3.1. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style) 2.3.2. Thao tác với Header và Footer 2.3.3. Mục lục tự động 2.3.4. Danh mục hình ảnh và bảng biểu 2.3.5. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List) 2.3.6. Trộn thư (Mail Merge) 2.3.7. Biểu đồ và vẽ biểu đồ		gọi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức về soạn thảo văn bản sử dụng MS. Word đã học. - Đưa ra các tình huống soạn thảo văn bản thường gặp để sinh viên suy luận, ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết. - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. Word? Các quy tắc soạn thảo văn bản. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu [1], [2], [3] - Ghi chép - Giải quyết các tình huống được đưa ra. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	mẫu. - Hình thức đánh giá: nộp file văn bản lên Google Docs.
Tiết 19 – 33	<b>Chương 3. Xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel</b> 3.1. Giới thiệu về MS. Excel 3.1.1. Các khái niệm cơ bản 3.1.2. Cấu trúc của một workbook 3.1.3. Các kiểu dữ liệu và cách nhập 3.1.4. Phân biệt các loại địa chỉ 3.1.5. Các thông báo lỗi thường gặp 3.2. Các thao tác cơ bản trong MS. Excel 3.2.1. Xử lý trên vùng 3.2.2. Thao tác trên cột và hàng	H3, H5, H7, H8	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, nhắc lại các kiến thức về xử lý bảng tính sử dụng MS.	- Tạo lập, nhập dữ liệu, xử lý và phân tích bảng tính theo yêu cầu cho trước. - Hình thức đánh giá: Hoàn thành file bài tập thực hành MS. Excel trên Google Sheets, gửi



Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.2.3. Định dạng bảng tính 3.2.4. Thao tác trên tập tin 3.3. Làm việc với hàm trong MS. Excel 3.3.1. Giới thiệu về hàm và cách sử dụng 3.3.2. Các hàm thông dụng 3.3.3. Các hàm thống kê cơ bản 3.3.4. Phân tích dữ liệu với Pivot Table 3.3.5. Biểu đồ và vẽ biểu đồ 3.3.6. Sắp xếp dữ liệu 3.3.7. Trích lọc dữ liệu 3.4. Định dạng và in ấn trong MS. Excel 3.4.1. Định dạng trang in 3.4.2. Chèn số trang 3.4.3. Xem trước và in bảng tính		Excel đã học. - Đưa ra các tình huống để sinh viên suy luận, giải quyết, ứng dụng và phối hợp các hàm đã học để giải quyết các bài toán phức tạp. - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. Excel? Các kiểu dữ liệu cơ bản, sự khác nhau giữa chúng. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu [1], [2], [4] - Ghi chép - Giải quyết các tình huống được đưa ra. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	file mềm qua email.
Tiết 34 – 45	<b>Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint</b> 4.1. Giới thiệu về MS. PowerPoint 4.1.1. Bối cảnh sử dụng trình chiếu 4.1.2. Chuẩn bị cho bài thuyết trình 4.1.3. Màn hình làm việc của MS. PowerPoint 4.1.4. Thiết kế nội dung và hình thức bài trình bày 4.2. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.2.1. Slide Master 4.2.2. Sử dụng Slide Templates 4.2.3. Thao tác, chỉnh sửa trên Slide 4.2.4. Chèn các đối tượng trên Slide 4.2.5. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations) 4.2.6. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions) 4.2.7. Liên kết (Hyperlink) và	H3, H6, H7, H8	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP giải quyết vấn đề, PP học theo tình huống, bài tập ở nhà. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Đặt câu hỏi, đưa ra các tình huống để sinh viên suy luận và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết. - Thảo luận nhóm: Sự khác nhau giữa các phiên bản MS. PowerPoint? Các yếu tố cấu thành một bài trình chiếu đẹp, cuốn hút và truyền tải đầy đủ nội dung.	- (1) Tạo lập, xây dựng bài thuyết trình và hiệu chỉnh theo mẫu cho trước. - (2) Xây dựng, thiết kế, sáng tạo bài thuyết trình dựa trên văn bản, báo cáo hoàn chỉnh. - Hình thức đánh giá: nộp file mềm bài thuyết trình qua email (1,2); trình diễn, thuyết trình nội dung trước lớp

Buổi học /số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	Nút lệnh (Action Buttons) 4.3. Trình diễn bài thuyết trình với MS. PowerPoint 4.3.1. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình 4.3.2. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình 4.3.3. Định dạng và in bài thuyết trình		<b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu [1], [5] - Ghi chép - Giải quyết các tình huống được đưa ra. - Chuẩn bị câu hỏi, câu trả lời, thảo luận nhóm. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	(2).

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Hoàng Thị Thanh Hà (2014). Giáo trình Tin học đại cương, NXB Thông tin Truyền thông.

[2] Nguyễn Đức Thắng (2015). Bài giảng Tin học đại cương, Thư viện Trường Đại học Tây Nguyên.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft Word, Pearson Education.

[4] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft Excel, Pearson Education.

[5] Joan E. Lambert (2016). MOS 2016 Study Guide for Microsoft PowerPoint, Pearson Education.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao trên lớp, trong sách thực hành.

### 7.2. Phần thực hành

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Bài 1: Thực hành Soạn thảo văn bản</b> 1.1. Khởi động máy tính và thao tác trên cửa sổ (Windows) 1.2. Sử dụng Explorer để quản lý thư mục (Folder) và tập tin (File) 1.3. Sử dụng chức năng tìm kiếm tập tin và thư mục 1.4. Sử dụng chương trình hỗ trợ soạn thảo Tiếng Việt: Unikey 1.5. Khởi động ứng dụng Word và thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu văn bản, tạo văn bản mới, mở văn bản có sẵn,... 1.6. Xác lập môi trường soạn thảo trong văn bản. 1.7. Nhập điều chỉnh và định dạng văn bản: định dạng trang in định dạng ký tự, định dạng đoạn. 1.8. Sử dụng tab stop 1.9. Chia cột báo và chữ thụt đầu đoạn	TH: 4 tiết	[1] Chương 4 [2] Chương 2 [3] Phần 1: Bài tập Word
2	<b>Bài 2: Thực hành soạn thảo văn bản (tiếp theo)</b> 2.1. Sử dụng bảng biểu. 2.1. Chèn các đối tượng trong văn bản. 2.3. Tìm kiếm và thay thế trong văn bản 2.4. Thiết lập trang in và in ẩn trong Word 2.5. Thiết lập phong cách trình bày văn bản (Style) 2.6. Thao tác với Header và Footer	TH: 4 tiết	[1] Chương 4 [2] Chương 2 [3] Phần 1: Bài tập Word

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.7. Mục lục tự động 2.8. Danh mục hình ảnh và bảng biểu 2.9. Chỉ mục đa cấp (Multilevel List) 2.10. Trộn thư (Mail Merge) 2.11. Biểu đồ và vẽ biểu đồ		
3	<b>Bài 3. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel</b> 3.1. Khởi động ứng dụng Excel và thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu bảng tính, tạo mới, mở bảng tính có sẵn,... 3.2. Soạn thảo và định dạng bảng tính 3.3. Thao tác cơ bản trên bảng tính 3.4. Nhóm hàm thông dụng.	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
4	<b>Bài 4. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo)</b> 4.1. Nhóm hàm logic 4.1. Nhóm hàm tra cứu 4.2. Nhóm hàm thống kê cơ bản	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
5	<b>Bài 5. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo)</b> 5.1. Phân tích dữ liệu với Pivot Table 5.2. Biểu đồ và vẽ biểu đồ 5.3. Sắp xếp dữ liệu	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
6	<b>Bài 6. Thực hành xử lý và phân tích bảng tính với Microsoft Excel (tiếp theo)</b> 6.1. Trích lọc dữ liệu 6.2. Định dạng trang in 6.3. Chèn số trang 6.4. Xem trước và in bảng tính	TH: 4 tiết	[1] Chương 5 [2] Chương 3 [3] Phần 2: Bài tập Excel
7	<b>Bài 7. Xây dựng bài thuyết trình với Microsoft PowerPoint</b> 7.1. Khởi động ứng dụng PowerPoint; thực hiện các thao tác cơ bản như: lưu, tạo mới, mở bản thuyết trình có sẵn. 7.2. Các thao tác tạo mới, chỉnh sửa trên slide 7.3. Slide Master 7.4. Sử dụng Slide Templates 7.5. Chèn các đối tượng trên slide, liên kết (Hyperlink) và nút lệnh (Action Buttons) 7.6. Hiệu ứng hoạt hình của đối tượng (Animations) 7.7. Hiệu ứng chuyển Slide (Transitions) 7.8. Tùy biến, hiệu chỉnh bài thuyết trình 7.9. Chuẩn bị và trình chiếu bài thuyết trình 7.10. Định dạng và in bài thuyết trình.	TH: 4 tiết	[1] Chương 6 [3] Phần 3: Bài tập PowerPoint [5] Chapter 1-5
8	<b>Bài 8. Ôn tập và kiểm tra</b> Ôn tập và thực hiện bài kiểm tra tổng hợp.	TH: 2 tiết	

### 7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Sinh viên tìm kiếm và thực hiện các bài thi trắc nghiệm về chuẩn công nghệ công tin cơ bản
- Sinh viên nghiên cứu tài liệu, nội dung bài học trước khi đến lớp

TT	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Đại cương về Tin học	18	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 1,2 – [2] Chương 1
2	Soạn thảo văn bản với MS. Word	36	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 4 – [2] Chương 2 – [3] Chapter 1-5
3	Xử lý và phân tích bảng tính với MS. Excel	45	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 5 – [2] Chương 3 – [4] Chapter 1-5
4	Chương 4. Xây dựng bài thuyết trình với MS. PowerPoint	36	Nghiên cứu trước tài liệu: – [1] Chương 6 – [5] Chapter 1-5

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. *Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

8.2. *Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận*

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1, H2, H3, H8	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc hoàn thành bài tập cá nhân của sinh viên, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	H4, H5, H6, H7	20%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá: – Thông qua bài kiểm tra trắc nghiệm. – Thông qua bài kiểm tra thực hành – thực hiện bài báo cáo trên word, excel và powerpoint	H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7	60%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào khả năng ghi nhớ, hiểu	1. Phương pháp đánh giá: Thi trắc nghiệm khách quan trên hệ thống Moodle. 2. Thực hiện bài kiểm tra thực hành	H1, H2, H3.

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>	
biết và vận dụng các lý thuyết đã học để giải quyết vấn đề của sinh viên.	báo cáo trên máy tính		

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**TS. Nguyễn Văn Bông**

**ThS. Nguyễn Thị Như**

**ThS. Nguyễn Đức Thắng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**Mã học phần: FL211019**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Lê Thanh Tú; Số điện thoại: 0905721183

Email: [tlttu@ttn.edu.vn](mailto:tlttu@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;

Email: [htxuan@tnn.edu.vn](mailto:htxuan@tnn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Phương pháp luận nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sinh viên học môn nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng. Với hướng tiếp cận thực hành, nội dung của học phần bao gồm những khái niệm, mục đích và bản chất của nghiên cứu khoa học nói chung và một số phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn với quy trình cụ thể gồm nhiều bước như chọn đề tài nghiên cứu, xác định câu hỏi nghiên cứu/mục tiêu nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, xây dựng cơ sở lý luận, xác định phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích và trình bày dữ liệu, và viết báo cáo.

Học phần nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh viên có ý định làm nghiên cứu khoa học, tạo cơ sở cho sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp. Ngoài ra trong học phần này sinh viên sẽ tham gia các hoạt động như thảo luận, thực hành nhóm giúp sinh viên áp dụng những lý thuyết liên quan đến nghiên cứu khoa học vào thực tế.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học sẽ:*

MT1. trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học với quy trình cụ thể gồm nhiều bước như chọn đề tài nghiên cứu, xác định câu hỏi nghiên cứu/mục tiêu nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, xây dựng cơ sở lý luận, xác định phương pháp nghiên cứu, thu thập dữ liệu, phân tích và trình bày dữ liệu, và viết báo cáo.

MT2. hướng dẫn cho người học áp dụng được lý thuyết vào thực hiện một nghiên cứu khoa học, tạo cơ sở cho sinh viên làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp.

MT3. phát triển kỹ năng lập luận, tư duy, phân tích đánh giá và nghiên cứu các vấn đề văn hóa - xã hội.

MT4. trang bị cho người học các thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến phương pháp luận nghiên cứu khoa học

MT5. Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và thuyết trình.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, người học có khả năng:*

H1. hiểu được các khái niệm, thuật ngữ và phương pháp nghiên cứu thường dùng; vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và PPNCKH, bước đầu thực hiện được một NCKH, có thái độ tự tin và linh hoạt khi tham gia một nghiên cứu khoa học, tạo cơ sở để làm chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp

H2. hiểu được những lợi ích nghiên cứu khoa học, nhận thức được tầm quan trọng của việc tìm hiểu vấn đề một cách có hệ thống và có phương pháp.

H3. biết được các thuật ngữ liên quan đến khoa học và nghiên cứu khoa học

H4. thảo luận, phát biểu và đưa ra các quan điểm cá nhân/ nhóm về các vấn đề liên quan đến NCKH khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

H5. nhận thức đúng về môn học, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, ý thức đóng góp cho sự phát triển của ngành học nói riêng và của cộng đồng nói chung

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C10	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x
H5		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Research: a way of thinking</b> 1.1. The research process: Characteristics and requirements 1.2. Types of research 1.3. Paradigms of research 1.4. The research process : An eight – step model	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 1-31 [2] pages 7-15
2	<b>Chương 2. Formulating a research problem</b> 2.1. Literature review 2.2. Formulating a research problem 2.3. Identifying variables 2.4. Constructing hypothesis	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] pages 48 -109 [2] pages 52-62
3	<b>Chương 3. Conceptualizing a research design</b> 3.1. The research design 3.2. Conceptualizing a research design	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 119-163 [2] pages 29-41
4	<b>Chương 4. Constructing an instrument for data collection</b> 4.1. Selecting a method of data collection 4.2. Collecting data using attitudinal scales 4.3. Establishing the validity and reliability of a research instrument	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 167-211
5	<b>Chương 5. Selecting a sample</b> 5.1. Selecting a sample 5.2. The differences between sampling in quantitative and qualitative research	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 225-250
6	<b>Chương 6. Writing a research proposal</b> 6.1. The research proposal in quantitative and qualitative research 6.2. Contents of a research proposal 6.3. Work schedule	LT: 2 tiết BT: 4 tiết	[1] pages 255- 276 [2] pages 146-166
7	<b>Chương 7. Collecting data</b> 7.1. The concept of ethics 7.2. Ethical issues in data collection	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 281 -289 [2] pages 42-52
8	<b>Chương 8. Processing and displaying data</b> 8.1. Processing data in quantitative and qualitative research	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 291- 349 [2] pages 78-112

	8.2. Methods of communicating and displaying analyzed data		
9	<b>Chương 9. Writing a research report</b> 9.1. Writing a research report 9.2. Developing a draft outline	LT: 1 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 351-361 [2] pages 146-166

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 4	<b>Chương 1. Research: a way of thinking</b> 1.1. The research process: Characteristics and requirements 1.2. Types of research 1.3. Paradigms of research 1.4. The research process : An eight – step model	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về chủ đề: the different approaches to research, the differences between these approaches. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Thảo luận và trình bày ý kiến <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: “The different approaches to research, the differences between these approaches” -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo nhóm trước lớp
Buổi học 2 + 3 Số tiết: 8	<b>Chương 2. Formulating a research problem</b> 2.1. Literature review 2.2. Formulating a research problem 2.3. Identifying variables 2.4. Constructing hypothesis	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành nhóm: Formulation of a research problem <b>Yêu cầu sinh viên</b>	- Bài đánh giá: + Thực hành nhóm: “Formulation of a research problem.” -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo gửi qua mail.



			<b>viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị bài thực hành - Hoàn thành phần thực hành <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 4 Số tiết: 4	<b>Chương 3.</b> <b>Conceptualizing a research design</b> 3.1. The research design 3.2. Conceptualizing a research design	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành nhóm: Conceptualizing a research design <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Hoàn thành bài thực hành nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá + Thực hành nhóm: “Conceptualizing a research design” -Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm gửi qua email.
Buổi học 5 Số tiết: 4	<b>Chương 4. Constructing an instrument for data collection</b> 4.1. Selecting a method of data collection 4.2. Collecting data using attitudinal scales 4.3. Establishing the validity and reliability of a research instrument	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành nhóm: Developing a research instrument <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu	- Bài đánh giá + Thực hành nhóm: “Developing the research instrument” -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm gửi qua email.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thực hành nhóm</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 6 Số tiết: 4	<b>Chương 5. Selecting a sample</b> 5.1. Selecting a sample 5.2. The differences between sampling in quantitative and qualitative research	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành nhóm: Selecting a sample <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị thực hành nhóm - Hoàn thành bài thực hành nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá + Thực hành nhóm: Selecting a sample Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm gửi qua email.
Buổi học 7+8 Số tiết: 6	<b>Chương 6. Writing a research proposal</b> 6.1. The research proposal in quantitative and qualitative research 6.2. Contents of a research proposal 6.3. Work schedule	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành nhóm: "Writing a research proposal" <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Hoàn thành bài	- Bài đánh giá + Thực hành nhóm: Writing a research proposal -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm gửi qua email.

			thực hành nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 9 Số tiết:4	<b>Chương 7. Collecting data</b> 7.1. The concept of ethics in research 7.2. Ethical issues in data collection	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Ethical issues to consider concerning research participants and researchers <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Hoàn thành bài thực hành nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: Ethical issues to consider concerning research participants and researchers -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 10 Số tiết: 4	<b>Chương 8. Processing and displaying data</b> 8.1. Processing data in quantitative and qualitative research 8.2. Methods of communicating and displaying analyzed data	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận: the roles of statistics and computers in research <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận	- Bài đánh giá: Thảo luận nhóm: the roles of statistics and computers in research -Hình thức đánh giá: Báo cáo trước lớp

			- Hoàn thành câu hỏi thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 11 Số tiết: 3	<b>Chương 9. Writing a research report</b> 9.1. Writing a research report 9.2. Developing a draft outline	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành nhóm: Writing a research report <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị bài thực hành nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Thực hành nhóm: Writing a research report -Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm gửi qua email.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Ranjit Kumar (2014). *Research methodology: A step by step guide for beginners*. Sage Publications

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Nicholas Walliman (2009). *Research Methods: The Basics*. Routledge

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, thực hành nhóm
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5	25%

2	Bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm nhóm của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	50%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Th.S. Nguyễn Thị Kim Phượng

Th.S. Nguyễn Lệ Hằng

Th.S. Trần Lê Thanh Tú

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG PHÁP 1**  
**Mã học phần: FL211015**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 3; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Minh Thu Hương Số điện thoại: 0935040108

Email: hmthuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Liên Số điện thoại: 0914111080

Email: ntmlie@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân; Số điện thoại: 0905.338.384;

Email: nguyenthithanhvantnuni@yahoo.com.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Trần Quang Nhật; Số điện thoại: 0946.186.416;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Pháp 1 là học phần thứ nhất trong bốn học phần Tiếng Pháp nhằm giúp tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên năm thứ hai, chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Tiếng Pháp 1 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần Tiếng Pháp 1 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Pháp.

Kết thúc học phần Tiếng Pháp 1, người học đạt trình độ bậc 1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Tiếng Pháp 1 sẽ trang bị cho người học kiến thức về:*

MT 1. từ vựng Ngoại ngữ 1 với các chủ đề như quốc tịch, mua sắm, màu sắc, đồ vật, trang phục, phương tiện giao thông, công việc, thức ăn, lễ hội, kỳ nghỉ, giải trí.

MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Pháp như thì hiện tại của động từ nhóm 1, 2, 3, thức mệnh lệnh, thì quá khứ kép, thể phủ định của động từ, giống số của danh từ và tính từ, đại từ nhân xưng, mạo từ, tính từ, câu nghi vấn, cách dùng parce que.

MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Pháp.

MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Tiếng Pháp 1, người học có khả năng:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về các chủ đề cơ bản, liên quan đến đời sống hàng ngày như quốc tịch, mua sắm, màu sắc, đồ vật, trang phục, phương tiện giao thông, công việc, thức ăn, lễ hội, kỳ nghỉ, giải trí; sử dụng tương đối chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Pháp ở trình độ sơ cấp khi viết và nói.

H2. nói được một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề liên quan đến bản thân với phát âm rõ ràng, tương đối chính xác; giao tiếp khá tự nhiên, có ngữ điệu.

H3. nghe hiểu và theo dõi được dàn ý của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc nếu được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng.

H4. đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

H5. viết được những bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc và cụ thể như bản thân, gia đình, mua sắm, miêu tả đồ vật.

*Sau khi học xong học phần Tiếng Pháp 1, người học:*

H6. có nhận thức đúng về học phần Tiếng Pháp 1, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi tham gia học tập trên lớp, hăng hái khi thảo luận và phát biểu, phát huy tinh thần tự học ở nhà và tự nghiên cứu thêm khi cần thiết. Người học có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C2	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	
H6		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1: Rencontres</b></p> <p><b>1.1. Bienvenue !</b></p> <p><b>1.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Saluer</li> <li>-Demander et dire le prénom et le nom</li> </ul> <p><b>1.1.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Être, s'appeler au singulier du présent</li> <li>-Masculin, féminin</li> <li>-L'interrogation avec qui</li> </ul> <p><b>1.1.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les professions</li> </ul> <p><b>1.2. Qui est-ce?</b></p> <p><b>1.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Identifier une personne</li> </ul> <p><b>1.2.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-L'article défini au singulier</li> <li>-Le genre des noms et des adjectifs</li> <li>-Prépositions + noms de pays/ville</li> </ul> <p><b>1.2.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La nationalité</li> </ul> <p><b>1.3. Ça va bien ?</b></p> <p><b>1.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Abrorder qqn</li> <li>-Demander l'âge, l'adresse, le numéro de téléphone</li> </ul> <p><b>1.3.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Aller, avoir au singulier du présent</li> <li>-L'adjectif possessif au singulier</li> <li>-L'article indéfini au singulier</li> <li>-L'adjectif interrogatif quel</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 2 tiết</p>	<p>[1] trang 12-13 [2] trang 4-5 [3] trang 6; trang 62 [4] trang 23</p> <p>[1] trang 16-17 [2] trang 6-7 [3] trang 9-12 [4] trang 17</p> <p>[1] trang 18-19 [2] trang 8-9 [3] trang 17; trang 39 [4] trang 38</p>

	<p><b>1.3.3. Lexique</b>          -La santé          -L'adresse          -L'âge          -Le téléphone</p> <p><b>1.4. <u>Correspond@nce.com</u></b>  <b>1.4.1. Objectifs communicatifs</b>          - Parler de ses goûts</p> <p><b>1.4.2. Lexique</b>          -L'internet et la lettre électronique</p>	<p>LT: 1 tiết          BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 20-21          [2] trang 10</p>
2	<p><b>Chương 2: Portraits</b>  <b>2.1. Trouvez l'objet</b>  <b>2.1.1. Objectifs communicatifs</b>          -Nommer, montrer et situer des objets</p> <p><b>2.1.2. Grammaire</b>          -Le pluriel des articles et des noms          -Il y a          -Être au pluriel du présent          -Les prépositions de lieu          -L'interrogation avec <i>qu'est-ce que</i></p> <p><b>2.1.3. Lexique</b>          -Les objets et les meubles          -Les lieux</p> <p><b>2.2. Portrait-robot</b>  <b>2.2.1. Objectifs communicatifs</b>          -Exprimer la possession          -Indiquer les couleurs</p> <p><b>2.2.2. Grammaire</b>          -Les pronoms toniques          -Avoir au pluriel du présent          -La négation ne ... pas          -L'accord des adjectifs avec le nom          -Les adjectifs possessifs au pluriel</p> <p><b>2.2.3. Lexique</b>          - Les vêtements          -Les couleurs</p> <p><b>2.3. Shopping</b>  <b>2.3.1. Objectifs communicatifs</b>          --Caractériser un objet          -Demander et indiquer le prix          -Exprimer des goûts</p> <p><b>2.3.2. Grammaire</b>          L'adjectif interrogatif quel          -L'interrogation avec comment, combien          -Les adjectifs démonstratifs</p> <p><b>2.3.3. Lexique</b>          - Les objets          -Les vêtements          -Les couleurs          -Le prix</p> <p><b>2.4. Le coin des artistes</b>  <b>2.4.1. Objectifs communicatifs</b></p>	<p>LT: 1 tiết          BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết          BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết          BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết          BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 24-25          [2] trang 11, 12          [3] trang 9-12          [4] trang 8</p> <p>[1] trang 26-27          [2] trang 13-14          [3] trang 24-29;          trang 43          [4] trang 52</p> <p>[1] trang 28-29          [2] trang 15-16          [3] trang 154-161          [4] trang 35</p> <p>[1] trang 30-31          [2] trang 17</p>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Montrer et situer des personnes</li> </ul> <p><b>2.4.2. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les vêtements</li> <li>-Les couleurs</li> </ul>		
3	<p><b>Chương 3: Ça se trouve où?</b></p> <p><b>3.1. Appartement à louer</b></p> <p><b>3.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Situer un lieu sur un plan</li> <li>-S’informer sur un lieu</li> <li>-Décrire un appartement</li> </ul> <p><b>3.1.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les pronoms toniques au pluriel</li> <li>-Les prépositions + nom</li> <li>-L’interrogation avec où</li> </ul> <p><b>3.1.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La localisation</li> </ul> <p><b>3.2. C’est par où ?</b></p> <p><b>3.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Demander son chemin</li> <li>-Indiquer une direction</li> <li>-Indiquer un moyen de transport</li> </ul> <p><b>3.2.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-L’impératif</li> <li>-Prendre au présent</li> <li>-Les prépositions et articles contractés</li> <li>-L’adverbe Y</li> </ul> <p><b>3.2.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les moyens de transport</li> </ul> <p><b>3.3. Bon voyage !</b></p> <p><b>3.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Situer un lieu sur une carte</li> <li>-Donner un conseil</li> </ul> <p><b>3.3.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-C’est+ lieu</li> <li>+ article + nom/+ adjectif</li> <li>-Les prépositions de lieu</li> <li>-Pronom On</li> </ul> <p><b>3.3.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La ville</li> </ul> <p><b>3.4. Marseille</b></p> <p><b>3.4.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Décrire un lieu</li> </ul> <p><b>3.4.2. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Les moyens de transport</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 34-35 [2] trang 18-19 [3] trang 157; trang 122-128 [4] trang 111</p> <p>[1] trang 36-37 [2] trang 20, 21 [3] trang 50; trang 109-113 [4] trang 71</p> <p>[1] trang 38-39 [2] trang 22, 23 [3] trang 126; trang 114 [4] trang 8</p> <p>[1] trang 40-41 [2] trang 24</p>
4	<p><b>Chương 4: Au rythme du temps</b></p> <p><b>4.1. Un aller simple</b></p> <p><b>4.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Demander et donner l’heure</li> <li>-Indiquer une date</li> <li>-Demander poliment</li> </ul> <p><b>4.1.2. Grammaire</b></p>	<p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 46-47 [2] trang 25-27 [3] trang 74; trang 157-159 [4] trang 112</p>

	<p>-L'interrogation avec quand, quel</p> <p>-Partir au présent</p> <p><b>4.1.3. Lexique</b></p> <p>-La date et l'heure</p> <p><b>4.2. À Londres</b></p> <p><b>4.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Demander la profession de qqn</p> <p>-Situer dans le temps</p> <p><b>4.2.2. Grammaire</b></p> <p>-Faire au présent</p> <p>-L'interrogation avec est-ce que, qu'est-ce que, quand est-ce que, où est-ce que</p> <p>-Le genre des noms</p> <p><b>4.2.3. Lexique</b></p> <p>-La profession</p> <p>-Les activités quotidiennes</p> <p><b>4.3. Le dimanche matin</b></p> <p><b>4.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-S'informer sur une activité en cours, habituelle</p> <p>-Dire quel sport on fait</p> <p><b>4.3.2. Grammaire</b></p> <p>-Lire et écrire au présent</p> <p>-Les verbes pronominaux</p> <p>-Faire de/ jouer à + sport</p> <p><b>4.3.3. Lexique</b></p> <p>-La profession</p> <p>-Les activités quotidiennes</p> <p><b>4.4. Une journée avec Laure Manaudou</b></p> <p><b>4.4.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Parler des activités quotidiennes</p> <p><b>4.4.2. Lexique</b></p> <p>-Les activités quotidiennes</p>	<p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 48-49 [2] trang 28-30 [3] trang 9; trang 154 [4] trang 13, trang 44</p> <p>[1] trang 50-51 [2] trang 31-33 [3] trang 74-82 [4] trang 92</p> <p>[1] trang 52-53 [2] trang 34-35</p>
5	<p><b>Chương 5 : La vie de tous les jours</b></p> <p><b>5.1. On fait des crêpes ?</b></p> <p><b>5.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Demander et exprimer des besoins</p> <p>-S'informer sur des habitudes</p> <p>-Indiquer des quantités</p> <p><b>5.1.2. Grammaire</b></p> <p>-L'article partitif</p> <p>-Boire, acheter, manger au présent</p> <p><b>5.1.3. Lexique</b></p> <p>- La nourriture</p> <p><b>5.2. Il est comment ?</b></p> <p><b>5.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Rapporter des événements passés</p> <p>-Exprimer une opinion</p> <p><b>5.2.2. Grammaire</b></p> <p>-Le passé composé avec avoir</p> <p>-La formation du participe passé</p> <p>-L'accord de l'adjectif <i>beau</i></p> <p><b>5.2.3. Lexique</b></p>	<p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 56-57 [2] trang 36-38 [3] trang 20-21; trang 74-80 [4] trang 26</p> <p>[1] trang 58-59 [2] trang 39-41 [3] trang 88-90 [4] trang 80</p>

	- La nourriture <b>5.3. Chère Léa ...</b> <b>5.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Parler d'événements passés -Interroger sur le moment et la durée <b>5.3.2. Grammaire</b> -Le passé composé avec être -Pour et dans + durée future <b>5.3.3. Lexique</b> - Les activités quotidiennes <b>5.4. Les fêtes</b> <b>5.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Comprendre des souvenirs <b>5.4.2. Lexique</b> -Les fêtes	LT: 1 tiết BT: 1 tiết          LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 60-61 [2] trang 42-44 [3] trang 90-93 [4] trang 81          [1] trang 62-63 [2] trang 45, 46
6	<b>Test d'évaluation</b>	1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1-3	<b>Chương 1: Rencontres</b> <b>1.1. Bienvenue !</b> <b>1.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Saluer -Demander et dire le prénom et le nom <b>1.1.2. Grammaire</b> -Être, s'appeler au singulier du présent -Masculin, féminin -L'interrogation avec qui <b>1.1.3. Lexique</b> -Les nombres <b>1.2. Qui est-ce?</b> <b>1.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Identifier une personne <b>1.2.2. Grammaire</b> -L'article défini au singulier -Le genre des noms et des adjectifs -Prépositions + noms de pays/ville <b>1.2.3. Lexique</b> -La nationalité <b>1.3. Ça va bien ?</b> <b>1.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Abrorder qqn -Demander l'âge, l'adresse, le numéro de téléphone <b>1.3.2. Grammaire</b> -Aller, avoir au singulier du présent	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày. - Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm. - Giảng viên đặt câu hỏi gọi mở, sinh viên trả lời. - Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp. - Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật.	+ Bằng bài viết nộp tại lớp. + Bằng bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.
4-6				
7-9				

10- 11	-L'adjectif possessif au singulier -L'article indéfini au singulier -L'adjectif interrogatif quel <b>1.3.3. Lexique</b> -La santé -L'adresse -L'âge -Le téléphone <b>1.4. <u>Correspond@nce.com</u></b> <b>1.4.1. Objectifs communicatifs</b> - Parler de ses goûts <b>1.4.2. Lexique</b> -L'internet et la lettre électronique		- Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất. - Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ. - Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, - Ghi chép, - Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày. - Chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
12- 14  15- 16  17-	<b>Chương 2: Portraits</b> <b>2.1. Trouvez l'objet</b> <b>2.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Nommer, montrer et situer des objets <b>2.1.2. Grammaire</b> -Le pluriel des articles et des noms -Il y a -Être au pluriel du présent -Les prépositions de lieu -L'interrogation avec <i>qu'est-ce que</i> <b>2.1.3. Lexique</b> -Les objets et les meubles -Les lieux <b>2.2. Portrait-robot</b> <b>2.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer la possession -Indiquer les couleurs <b>2.2.2. Grammaire</b> -Les pronoms toniques -Avoir au pluriel du présent -La négation ne ... pas -L'accord des adjectifs avec le nom -Les adjectifs possessifs au pluriel <b>2.2.3. Lexique</b> - Les vêtements -Les couleurs	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày. - Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm. - Giảng viên đặt câu hỏi gợi mở, sinh viên trả lời. - Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp. - Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh	+ Bằng bài viết nộp tại lớp. + Bằng bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.

18    19- 20	<p><b>2.3. Shopping</b>  <b>2.3.1. Objectifs communicatifs</b>  --Caractériser un objet  -Demander et indiquer le prix  -Exprimer des goûts  <b>2.3.2. Grammaire</b>  L'adjectif interrogatif quel  -L'interrogation avec comment, combien  -Les adjectifs démonstratifs  <b>2.3.3. Lexique</b>  - Les objets  -Les vêtements  -Les couleurs  -Le prix  <b>2.4. Le coin des artistes</b>  <b>2.4.1. Objectifs communicatifs</b>  - Montrer et situer des personnes  <b>2.4.2. Lexique</b>  -Les vêtements  -Les couleurs</p>		viên đóng vai theo từng nhân vật. - Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất. - Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ. - Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, - Ghi chép, - Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày. - Chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
21- 22   23- 24   25-	<p><b>Chương 3: Ça se trouve où?</b>  <b>3.1. Appartement à louer</b>  <b>3.1.1. Objectifs communicatifs</b>  -Situer un lieu sur un plan  -S'informer sur un lieu  -Décrire un appartement  <b>3.1.2. Grammaire</b>  -Les pronoms toniques au pluriel  -Les prépositions + nom  -L'interrogation avec où  <b>3.1.3. Lexique</b>  -La localisation  <b>3.2. C'est par où ?</b>  <b>3.2.1. Objectifs communicatifs</b>  -Demander son chemin  -Indiquer une direction  -Indiquer un moyen de transport  <b>3.2.2. Grammaire</b>  -L'impératif  -Prendre au présent  -Les prépositions et articles contractés  -L'adverbe Y  <b>3.2.3. Lexique</b>  -Les moyens de transport</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày. - Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm. - Giảng viên đặt câu hỏi gọi mở, sinh viên trả lời. - Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp.	+ Bằng bài viết nộp tại lớp. + Bằng bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.

26    27- 28	<b>3.3. Bon voyage !</b> <b>3.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Situer un lieu sur une carte -Donner un conseil <b>3.3.2. Grammaire</b> -C'est+ lieu + article + nom/+ adjectif -Les prépositions de lieu -Pronom On <b>3.3.3. Lexique</b> -La ville <b>3.4. Marseille</b> <b>3.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Décrire un lieu <b>3.4.2. Lexique</b> - Les moyens de transport		- Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật. - Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất. - Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ. - Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, - Ghi chép, - Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày. - Chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
29- 30    31- 32	<b>Chương 4: Au rythme du temps</b> <b>4.1. Un aller simple</b> <b>4.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Demander et donner l'heure -Indiquer une date -Demander poliment <b>4.1.2. Grammaire</b> -L'interrogation avec quand, quel -Partir au présent <b>4.1.3. Lexique</b> -La date et l'heure <b>4.2. À Londres</b> <b>4.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Demander la profession de qqn -Situer dans le temps <b>4.2.2. Grammaire</b> -Faire au présent -L'interrogation avec est-ce que, qu'est-ce que, quand est-ce que, où est-ce que -Le genre des noms <b>4.2.3. Lexique</b> -La profession	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày. - Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm. - Giảng viên đặt câu hỏi gợi mở, sinh viên trả lời. - Giảng viên nêu vấn đề,	+ Bằng bài viết nộp tại lớp. + Bằng bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.

33-34	<p>-Les activités quotidiennes</p> <p><b>4.3. Le dimanche matin</b></p> <p><b>4.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-S'informer sur une activité en cours, habituelle</p> <p>-Dire quel sport on fait</p> <p><b>4.3.2. Grammaire</b></p> <p>-Lire et écrire au présent</p> <p>-Les verbes pronominaux</p> <p>-Faire de/ jouer à + sport</p> <p><b>4.3.3. Lexique</b></p> <p>-La profession</p> <p>-Les activités quotidiennes</p>		<p>sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp.</p> <p>- Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật.</p> <p>- Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất.</p> <p>- Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ.</p> <p>- Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu,</p> <p>- Ghi chép,</p> <p>- Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày.</p> <p>- Chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	
35-36	<p><b>4.4. Une journée avec Laure Manaudou</b></p> <p><b>4.4.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Parler des activités quotidiennes</p> <p><b>4.4.2. Lexique</b></p> <p>-Les activités quotidiennes</p>			
37-38	<p><b>Chương 5 : La vie de tous les jours</b></p> <p><b>5.1. On fait des crêpes ?</b></p> <p><b>5.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Demander et exprimer des besoins</p> <p>-S'informer sur des habitudes</p> <p>-Indiquer des quantités</p> <p><b>5.1.2. Grammaire</b></p> <p>-L'article partitif</p> <p>-Boire, acheter, manger au présent</p> <p><b>5.1.3. Lexique</b></p> <p>- La nourriture</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình,</p> <p>PP thảo luận theo nhóm trên lớp,</p> <p>PP gọi mở-vấn đáp,</p> <p>PP làm việc theo cặp,</p> <p>PP đóng vai,</p> <p>PP trò chơi,</p> <p>PP động não,</p> <p>PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.</p> <p>- Giảng viên đặt câu hỏi</p>	<p>+ Bằng bài viết nộp tại lớp.</p> <p>+ Bằng bài viết gửi qua email.</p> <p>+ Bằng cách đóng vai tại lớp.</p> <p>+ Bằng cách trả lời cá nhân.</p> <p>+ Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.</p>
39-40	<p><b>5.2. Il est comment ?</b></p> <p><b>5.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Rapporter des événements passés</p> <p>-Exprimer une opinion</p> <p><b>5.2.2. Grammaire</b></p> <p>-Le passé composé avec avoir</p> <p>-La formation du participe passé</p> <p>-L'accord de l'adjectif <i>beau</i></p> <p><b>5.2.3. Lexique</b></p>			

41- 42	- La nourriture <b>5.3. Chère Léa ...</b> <b>5.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Parler d'événements passés -Interroger sur le moment et la durée <b>5.3.2. Grammaire</b> -Le passé composé avec être -Pour et dans + durée future		gọi mở, sinh viên trả lời. - Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp. - Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật. - Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất.	
43- 44	<b>5.3.3. Lexique</b> - Les activités quotidiennes <b>5.4. Les fêtes</b> <b>5.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Comprendre des souvenirs <b>5.4.2. Lexique</b> -Les fêtes		- Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ. - Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, - Ghi chép, - Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày. - Chuẩn bị câu hỏi.	
			<b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 1*, Hachette (kèm CD audio và DVD) .

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 1 Cahier d'exercices*, Hachette

[3] Anne Akyüz, (2005), *Les exercices de grammaire avec corrigés A1*, Hachette.

[4] J.Bady, (1993), *Grammaire - 350 exercices Niveau débutant*, Hachette.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên :

### 7.1 Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp > 2/3 tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2 Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1 Trong số điểm bộ phận:** 30 % ; Trong số thi kết thúc học phần : 70 %

**8.2 Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**



TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập tại lớp hoặc ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận và trắc nghiệm làm tại lớp.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3 Thi kết thúc học phần

Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần
Nghe hiểu	Đánh giá mức độ nghe hiểu ý chính các thông tin đơn giản, ngắn gọn về các đoạn ghi âm ngắn, có liên quan tới các tình huống đơn giản thường gặp trong đời sống hàng ngày.	Sinh viên làm bài thi trên máy và trả lời các câu hỏi (2 bài nghe khác nhau) về đoạn ghi âm ngắn, có liên quan tới các tình huống trong đời sống hàng ngày (hai lần nghe)	H1 H2 H3 H4 H5
Đọc hiểu	Đánh giá mức độ hiểu các bài văn rất ngắn và rất đơn giản, các tin nhắn đơn giản và ngắn	Sinh viên làm bài thi trên máy và trả lời các câu hỏi (2 bài đọc) về các loại văn bản khác nhau có liên	H1 H2 H3 H4

	gọn trên một tấm bưu thiệp	quan tới các tình huống trong đời sống, công việc hàng ngày.	H5
Từ vựng	Đánh giá mức độ tiếp nhận từ vựng từ các chủ đề đã học trong học phần.	Sinh viên làm bài thi trên máy dưới hình thức trắc nghiệm với 5 câu riêng biệt.	H1 H2 H3 H4 H5
Ngữ pháp	Đánh giá mức độ tiếp nhận ngữ pháp từ các điểm ngữ pháp đã được học trong học phần.	Sinh viên làm bài thi trên máy dưới hình thức trắc nghiệm với 5 câu riêng biệt.	H1 H2 H3 H4 H5
Vấn đáp	Đánh giá mức độ giao tiếp đơn giản và trực tiếp về các tình huống quen thuộc hàng ngày.	Bài thi gồm hai phần - đặt câu hỏi – trả lời theo chủ đề (khoảng 2 phút) - đóng vai	H1 H2 H3 H4 H5
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm thi kết thúc học phần			

**Ghi chú:**

Kết quả học phần = Kết quả điểm bộ phận X trọng số điểm bộ phận + Điểm thi X trọng số điểm thi

**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng ThS. Hoàng Minh Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Mỹ Liên**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG PHÁP 2**  
**Mã học phần: FL211002**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành:

Học phần học trước: Tiếng Pháp 1 - FL211015

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Minh Thu Hương Số điện thoại: 0935040108

Email: hmthuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Liên Số điện thoại: 0914111080

Email: ntmlien@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân; Số điện thoại: 0905.338.384;

Email: nguyenthithanhvantnuni@yahoo.com.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Trần Quang Nhật; Số điện thoại: 0946.186.416;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Pháp 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần Tiếng Pháp nhằm giúp tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên năm thứ ba, chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Tiếng Pháp 2 giới thiệu và hướng dẫn thực hành các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên có kiến thức về những phong cách giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng tiếng ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần Tiếng Pháp 2 còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Pháp.

Kết thúc học phần Tiếng Pháp 2, người học đạt trình độ bậc 2 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Tiếng Pháp 2 sẽ trang bị cho người học kiến thức về:*

MT 1. từ vựng Tiếng Pháp 2 với các chủ đề như kỳ nghỉ, công việc, nhà ở, thực phẩm, lễ hội, thời tiết.

MT 2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Pháp như chia động từ ở thì hiện tại của các nhóm, đặc biệt nhóm 3, nhận biết và sử dụng được các đại từ nhân xưng bỏ ngữ trực tiếp và gián tiếp, từ phủ định, từ nghi vấn, động từ phản thân ở hiện tại và quá khứ kép; hiểu được vị trí và áp dụng được sự tương hợp của quá khứ phân từ trong câu, vị trí của đại từ *en* và *ça*, hiểu và sử dụng được các loại mẫu câu phủ định, diễn đạt câu điều kiện, hiểu và dùng được sự tương hợp của các thì hiện tại, quá khứ, tương lai và phân biệt cách dùng của thì quá khứ chưa hoàn thành và thì quá khứ kép, hiểu sự tương hợp về giống và số của quá khứ phân từ trong câu.

MT 3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Pháp.

MT 4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Tiếng Pháp 2 người học có khả năng:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về các chủ đề cơ bản, liên quan đến đời sống hằng ngày như sở thích, thời tiết, du lịch, kế hoạch dự định, những kỷ niệm; sử dụng tương đối chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Pháp ở trình độ sơ cấp khi viết và nói.

H2. nói được một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề liên quan đến bản thân với phát âm rõ ràng, tương đối chính xác; giao tiếp khá tự nhiên, có ngữ điệu.

H3. nghe hiểu và theo dõi được dàn ý của các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc nếu được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng.

H4. đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản như thư từ, tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

H5. viết được những bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc và cụ thể như bản thân, gia đình, mua sắm, miêu tả đồ vật.

*Sau khi học xong học phần Tiếng Pháp 2 người học:*

H6. có nhận thức đúng về học phần Tiếng Pháp 2, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi tham gia học tập trên lớp, hăng hái khi thảo luận và phát biểu, phát huy tinh thần tự học ở nhà và tự nghiên cứu thêm khi cần thiết. Người học có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C2	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	
H6		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 6: Vivre avec les autres</b></p> <p><b>6.1. C'est interdit !</b></p> <p><b>6.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Demander, donner et refuser une permission</li> <li>-Exprimer des interdictions</li> </ul> <p><b>6.1.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Pouvoir au présent</li> <li>- La négation de l'impératif</li> <li>- Les pronoms COI après l'impératif affirmatif</li> </ul> <p><b>6.1.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- La communication professionnelle</li> <li>- Les compétences</li> </ul> <p><b>6.2. Petites annonces</b></p> <p><b>6.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Exprimer la possibilité, le savoir-faire, la volonté</li> <li>-Exprimer l'obligation</li> </ul> <p><b>6.2.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Vouloir et savoir au présent</li> <li>-Il faut + inf</li> <li>-Le futur proche</li> </ul> <p><b>6.2.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La communication professionnelle</li> <li>-Les compétences</li> </ul> <p><b>6.3. Qu'est-ce qu'on lui offre ?</b></p> <p><b>6.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Faire des propositions</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] trang 66-67 [2] trang 47-49 [3] trang 89 [4] trang 71</p> <p>[1] trang 68-69 [2] trang 50-52 [3] trang 77 [4] trang 27, trang 66</p> <p>[1] trang 70-71</p>

	<p>-Accepter et refuser une proposition <b>6.3.2. Grammaire</b> -Connaître au présent -Les pronoms COD le, la, l', les -Les pronoms COI lui, leur <b>6.3.3. Lexique</b> La communication professionnelle -Les compétences <b>6.4. Le candidat idéal ...</b> <b>6.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Comprendre des conseils <b>6.4.2. Lexique</b> La communication professionnelle -Les compétences</p>	<p>LT: 1 tiết BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p>	<p>[2] trang 53-55 [3] trang 32-37 [4] trang 88</p> <p>[1] trang 72-73 [2] trang 56-57</p>
2	<p><b>Chương 7: Un peu, beaucoup, passionnément ....</b> <b>7.1. Enquête</b> <b>7.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer des goûts et des préférences -Exprimer la fréquence et l'intensité <b>7.1.2. Grammaire</b> -La fréquence et l'intensité avec beaucoup (de), un peu (de) -Les pronoms en et ça -La négation ne ... plus <b>7.1.3. Lexique</b> -Les loisirs -Les vacances <b>7.2. Quitter Paris</b> <b>7.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Demander et exprimer une opinion -Exprimer une contestation <b>7.2.2. Grammaire</b> -La cause avec pourquoi, parce que -Trop/Assez + adjectif, trop de/ assez de + nom -Tout(e), tous, toutes <b>7.2.3. Lexique</b> -Les loisirs -Les vacances <b>7.3. Vivement les vacances!</b> <b>7.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer des goûts -Donner des conseils <b>7.3.2. Grammaire</b> -Les verbes pronominaux au présent et au passé composé -La place du pronom à l'impératif avec un verbe pronominal <b>7.3.3. Lexique</b></p>	<p>LT: 1 tiết BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết BT: 2 tiết</p>	<p>[1] trang 78-79 [2] trang 58-60 [3] trang 38; trang 131 [4] trang 52</p> <p>[1] trang 80-81 [2] trang 61-63 [3] trang 159</p> <p>[1] trang 82-83 [2] trang 64-66 [3] trang 89 [4] trang 145</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Les loisirs</li> <li>-Les vacances</li> <li><b>7.4. Les Français en vacances</b></li> <li><b>7.4.1. Objectifs communicatifs</b></li> <li>-Exprimer des préférences</li> <li><b>7.4.2. Lexique</b></li> <li>-Les loisirs</li> <li>-Les vacances</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 84-85 [2] trang 67-68</p>
3	<p><b>Chương 8: Tout le monde en parle</b></p> <p><b>8.1. Enfant de la ville</b></p> <p><b>8.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Rapporter un événement récent</li> <li>-Rapporter des états et des habitudes passés</li> </ul> <p><b>8.1.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La formation de l'imparfait</li> <li>-Le passé récent</li> </ul> <p><b>8.1.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les médias</li> <li>-L'expression du temps</li> </ul> <p><b>8.2. Fait divers</b></p> <p><b>8.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Rapporter des événements passés</li> <li>-Décrire les circonstances d'une action</li> </ul> <p><b>8.2.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les emplois du passé composé et de l'imparfait</li> </ul> <p><b>8.2.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les médias</li> <li>-L'expression du temps</li> </ul> <p><b>8.3. Ma première histoire d'amour</b></p> <p><b>8.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Situer des événements dans le temps</li> <li>-Exprimer le but</li> </ul> <p><b>8.3.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Le moment</li> <li>-Le but</li> <li>-Les participes passés</li> </ul> <p><b>8.3.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les médias</li> <li>-L'expression du temps</li> </ul> <p><b>8.4. La 2CV ... et autres symboles !</b></p> <p><b>8.4.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Situer des événements dans le temps</li> </ul> <p><b>8.4.2. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Les médias</li> <li>-L'expression du temps</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 1</p>	<p>[1] trang 88-89 [2] trang 69-71 [3] trang 69; trang 74 [4] trang 73</p> <p>[1] trang 90-91 [2] trang 72-74 [3] trang 69 [4] trang 85</p> <p>[1] trang 92-93 [2] trang 75-77 [3] trang 61; trang 163 [4] trang 79</p> <p>[1] trang 94-95 [2] trang 78-79</p>

		tiết	
4	<p><b>Chương 9: On verra bien!</b></p> <p><b>9.1. Beau fixe</b></p> <p><b>9.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Faire une prévision</li> <li>-Exprimer une probabilité ou une certitude</li> </ul> <p><b>9.1.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Le futur simple</li> </ul> <p><b>9.1.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La météo</li> <li>-Le logement</li> </ul> <p><b>9.2. Projets d’avenir</b></p> <p><b>9.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Parler de ses intentions</li> <li>-Situer dans le temps</li> </ul> <p><b>9.2.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-L’expression du futur : présent, futur proche, futur simple</li> </ul> <p><b>9.2.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La météo</li> <li>-Le logement</li> </ul> <p><b>9.3. Envie de changement</b></p> <p><b>9.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Exprimer une condition</li> </ul> <p><b>9.3.2. Grammaire</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La condition et l’hypothèse : Si + présent, futur</li> <li>-Le moment : quand + futur</li> <li>-Verbes irréguliers au futur</li> </ul> <p><b>9.3.3. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La météo</li> <li>-Le logement</li> </ul> <p><b>9.4. Le pain, mangez-en !</b></p> <p><b>9.4.1. Objectifs communicatifs</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Exprimer des hypothèses</li> </ul> <p><b>9.4.2. Lexique</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-La météo</li> <li>-Le logement</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p> <p>LT: 1 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 98-99</p> <p>[2] trang 80-83</p> <p>[3] trang 78-82</p> <p>[4] trang 66</p> <p>[1] 100-101</p> <p>[2] trang 84-87</p> <p>[3] trang 84-85</p> <p>[4] trang 69</p> <p>[1] trang 102-103</p> <p>[2] trang 88-91</p> <p>[3] trang 82-85</p> <p>[4] trang 70</p> <p>[1] trang 104-105</p> <p>[2] trang 92-94</p>
5	<b>Test d’évaluation</b>	1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1-3	<b>Chương 6: Vivre avec les autres</b> <b>6.1. C’est interdit !</b>	H1 H2	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình,	+ Bảng bài viết

4-6	<p><b>6.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Demander, donner et refuser une permission -Exprimer des interdictions</p> <p><b>6.1.2. Grammaire</b> - Pouvoir au présent - La négation de l'impératif - Les pronoms COI après l'impératif affirmatif</p> <p><b>6.1.3. Lexique</b> - La communication professionnelle - Les compétences</p> <p><b>6.2. Petites annonces</b></p> <p><b>6.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer la possibilité, le savoir-faire, la volonté -Exprimer l'obligation</p> <p><b>6.2.2. Grammaire</b> -Vouloir et savoir au présent -Il faut + inf -Le futur proche</p> <p><b>6.2.3. Lexique</b> -La communication professionnelle -Les compétences</p>	H3 H4 H5	<p>PP thảo luận theo nhóm trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày. - Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm. - Giảng viên đặt câu hỏi gọi mở, sinh viên trả lời. - Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp. - Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật. - Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất. - Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ. - Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, - Ghi chép, - Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày. - Chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>nộp tại lớp. + Bằng bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.</p>
7-9	<p><b>6.3. Qu'est-ce qu'on lui offre ?</b></p> <p><b>6.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Faire des propositions -Accepter et refuser une proposition</p> <p><b>6.3.2. Grammaire</b> -Connaître au présent -Les pronoms COD le, la, l', les -Les pronoms COI lui, leur</p> <p><b>6.3.3. Lexique</b> La communication professionnelle -Les compétences</p>		<p>- Faire des propositions - Accepter et refuser une proposition</p>	
10-11	<p><b>6.4. Le candidat idéal ...</b></p> <p><b>6.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Comprendre des conseils</p> <p><b>6.4.2. Lexique</b> La communication professionnelle -Les compétences</p>		<p>- Comprendre des conseils</p>	
12-	<p><b>Chương 7: Un peu, beaucoup, passionnément ....</b></p> <p><b>7.1. Enquête</b></p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm</p>	+ Bằng bài viết nộp tại



<p>14</p> <p>15- 17</p> <p>18- 20</p> <p>21- 22</p>	<p><b>7.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer des goûts et des préférences -Exprimer la fréquence et l'intensité</p> <p><b>7.1.2. Grammaire</b> -La fréquence et l'intensité avec beaucoup (de), un peu (de) -Les pronoms en et ça -La négation ne ... plus</p> <p><b>7.1.3. Lexique</b> -Les loisirs</p> <p>-Les vacances</p> <p><b>7.2. Quitter Paris</b></p> <p><b>7.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Demander et exprimer une opinion -Exprimer une contestation</p> <p><b>7.2.2. Grammaire</b> -La cause avec pourquoi, parce que -Trop/Assez + adjectif, trop de/assez de + nom -Tout(e), tous, toutes</p> <p><b>7.2.3. Lexique</b> -Les loisirs</p> <p>-Les vacances</p> <p><b>7.3. Vivement les vacances!</b></p> <p><b>7.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer des goûts -Donner des conseils</p> <p><b>7.3.2. Grammaire</b> -Les verbes pronominaux au présent et au passé composé -La place du pronom à l'impératif avec un verbe pronominal</p> <p><b>7.3.3. Lexique</b> -Les loisirs</p> <p>-Les vacances</p> <p><b>7.4. Les Français en vacances</b></p> <p><b>7.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer des préférences</p> <p><b>7.4.2. Lexique</b> -Les loisirs -Les vacances</p>	<p>H4 H5</p>	<p>trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.</li> <li>- Giảng viên đặt câu hỏi gọi mở, sinh viên trả lời.</li> <li>- Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp.</li> <li>- Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật.</li> <li>- Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất.</li> <li>- Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ.</li> <li>- Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu,</li> <li>- Ghi chép,</li> <li>- Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày.</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>lớp. + Bằng bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.</p>
<p>23- 25</p>	<p><b>Chương 8: Tout le monde en parle</b></p> <p><b>8.1. Enfant de la ville</b></p> <p><b>8.1.1. Objectifs communicatifs</b> -Rapporter un événement récent</p>	<p>H1 H2 H3 H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm trên lớp,</p>	<p>+ Bằng bài viết nộp tại lớp.</p>

26- 28    29- 31   32- 33	<p>-Rapporter des états et des habitudes passés</p> <p><b>8.1.2. Grammaire</b></p> <p>-La formation de l'imparfait</p> <p>-Le passé récent</p> <p><b>8.1.3. Lexique</b></p> <p>-Les médias</p> <p>-L'expression du temps</p> <p><b>8.2. Fait divers</b></p> <p><b>8.2.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Rapporter des événements passés</p> <p>-Décrire les circonstances d'une action</p> <p><b>8.2.2. Grammaire</b></p> <p>-Les emplois du passé composé et de l'imparfait</p> <p><b>8.2.3. Lexique</b></p> <p>-Les médias</p> <p>-L'expression du temps</p> <p><b>8.3. Ma première histoire d'amour</b></p> <p><b>8.3.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Situer des événements dans le temps</p> <p>-Exprimer le but</p> <p><b>8.3.2. Grammaire</b></p> <p>-Le moment</p> <p>-Le but</p> <p>-Les participes passés</p> <p><b>8.3.3. Lexique</b></p> <p>-Les médias</p> <p>-L'expression du temps</p> <p><b>8.4. La 2CV ... et autres symboles !</b></p> <p><b>8.4.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Situer des événements dans le temps</p> <p><b>8.4.2. Lexique</b></p> <p>-Les médias</p> <p>-L'expression du temps</p>	H5	<p>PP gọi mở-vấn đáp, PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.</p> <p>- Giảng viên đặt câu hỏi gọi mở, sinh viên trả lời.</p> <p>- Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp.</p> <p>- Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật.</p> <p>- Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất.</p> <p>- Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ.</p> <p>- Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu,</p> <p>- Ghi chép,</p> <p>- Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày.</p> <p>- Chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>+ Bằng bài viết gửi qua email.</p> <p>+ Bằng cách đóng vai tại lớp.</p> <p>+ Bằng cách trả lời cá nhân.</p> <p>+ Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.</p>
34- 36	<p><b>Chương 9: On verra bien!</b></p> <p><b>9.1. Beau fixe</b></p> <p><b>9.1.1. Objectifs communicatifs</b></p> <p>-Faire une prévision</p> <p>-Exprimer une probabilité ou une</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận theo nhóm trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp,</p>	<p>+ Bằng bài viết nộp tại lớp.</p> <p>+ Bằng</p>

<p>37- 39</p> <p>40- 42</p> <p>43- 44</p>	<p>certitude</p> <p><b>9.1.2. Grammaire</b> -Le futur simple</p> <p><b>9.1.3. Lexique</b> -La météo -Le logement</p> <p><b>9.2. Projets d’avenir</b></p> <p><b>9.2.1. Objectifs communicatifs</b> -Parler de ses intensions -Situer dans le temps</p> <p><b>9.2.2. Grammaire</b> -L’expression du futur : présent, futur proche, futur simple</p> <p><b>9.2.3. Lexique</b> -La météo -Le logement</p> <p><b>9.3. Envie de changement</b></p> <p><b>9.3.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer une condition</p> <p><b>9.3.2. Grammaire</b> -La condition et l’hypothèse : Si + présent, futur -Le moment : quand + futur -Verbes irréguliers au futur</p> <p><b>9.3.3. Lexique</b> -La météo -Le logement</p> <p><b>9.4. Le pain, mangez-en !</b></p> <p><b>9.4.1. Objectifs communicatifs</b> -Exprimer des hypothèses</p> <p><b>9.4.2. Lexique</b> -La météo -Le logement</p>	<p>PP làm việc theo cặp, PP đóng vai, PP trò chơi, PP động não, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm: nhóm trưởng ghi rõ chủ đề/nội dung thảo luận, phân nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm.</li> <li>- Giảng viên đặt câu hỏi gợi mở, sinh viên trả lời.</li> <li>- Giảng viên nêu vấn đề, sinh viên làm việc, trao đổi theo cặp.</li> <li>- Các đoạn hội thoại, giảng viên phân vai, sinh viên đóng vai theo từng nhân vật.</li> <li>- Giảng viên đưa ra cách chơi, luật chơi, sinh viên theo dõi và đưa ra đáp án nhanh và đúng nhất.</li> <li>- Giảng viên đưa ra câu hỏi, sinh viên trả lời, người sau không được lặp lại câu trả lời của người trước, sinh viên không có thời gian suy nghĩ.</li> <li>- Giảng viên hệ thống hóa kiến thức, sinh viên tổng hợp, có thể tự trình bày dưới dạng mind-map.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu,</li> <li>- Ghi chép,</li> <li>- Chuẩn bị giấy A0, bút viết, phân người lên trình bày.</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>bài viết gửi qua email. + Bằng cách đóng vai tại lớp. + Bằng cách trả lời cá nhân. + Bằng cách trình bày của nhóm trước lớp.</p>
---	---	---	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 1*, Hachette (kèm CD audio và DVD) .

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 1 Cahier d’exercices*, Hachette

[3] Anne Akyüz, (2006), *Les exercices de grammaire avec corrigés A2*, Hachette.

[4] J.Bady, (1993), *Grammaire - 350 exercices Niveau débutant*, Hachette.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên :

### 7.1 Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp > 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2 Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1 Trong số điểm bộ phận: 30 %; Trong số thi kết thúc học phần: 70 %

### 8.2 Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập tại lớp hoặc ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận và trắc nghiệm làm tại lớp.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3 Thi kết thúc học phần

Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Nghe hiểu	Đánh giá mức độ nghe	Sinh viên làm bài thi trên máy	H1	25%

	hiểu ý chính các thông tin đơn giản, ngắn gọn về các đoạn ghi âm ngắn, có liên quan tới các tình huống đơn giản thường gặp trong đời sống hàng ngày.	và trả lời các câu hỏi (2 bài nghe khác nhau) về đoạn ghi âm ngắn, có liên quan tới các tình huống trong đời sống hàng ngày (hai lần nghe)	H2 H3 H4 H5	
Đọc hiểu	Đánh giá mức độ hiểu các bài văn rất ngắn và rất đơn giản, các tin nhắn đơn giản và ngắn gọn trên một tấm bưu thiếp	Sinh viên làm bài thi trên máy và trả lời các câu hỏi (2 bài đọc) về các loại văn bản khác nhau có liên quan tới các tình huống trong đời sống, công việc hàng ngày.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
Từ vựng	Đánh giá mức độ tiếp nhận từ vựng từ các chủ đề đã học trong học phần.	Sinh viên làm bài thi trên máy dưới hình thức trắc nghiệm với 5 câu riêng biệt.	H1 H2 H3 H4 H5	10%
Ngữ pháp	Đánh giá mức độ tiếp nhận ngữ pháp từ các điểm ngữ pháp đã được học trong học phần.	Sinh viên làm bài thi trên máy dưới hình thức trắc nghiệm với 5 câu riêng biệt.	H1 H2 H3 H4 H5	10%
Vấn đáp	Đánh giá mức độ giao tiếp đơn giản và trực tiếp về các tình huống quen thuộc hàng ngày.	Bài thi gồm hai phần - Sinh viên trả lời câu hỏi của giáo viên về các chủ đề đã được học (khoảng 2 phút) - Sinh viên đóng vai với bạn theo chủ đề bốc thăm ngẫu nhiên.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
				100%

**Ghi chú:**

Kết quả học phần = Kết quả điểm bộ phận X trọng số điểm bộ phận + Điểm thi X trọng số điểm

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng ThS. Hoàng Minh Thu Hương ThS. Nguyễn Thị Mỹ Liên**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG PHÁP 3**  
**Mã học phần: FL211003**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03 ; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Tiếng Pháp 2- FL211002

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Minh Thu Hương Số điện thoại: 0935040108

Email: hmthuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Liên Số điện thoại: 0914111080

Email: ntmlien@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân; Số điện thoại: 0905.338.384;

Email: nguyenthithanhvantanuni@yahoo.com.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Trần Quang Nhật; Số điện thoại: 0946.186.416;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Nội dung học phần gồm các kiến thức tiếp nối và nâng cao so với các học phần Tiếng Pháp 1 và 2 . Các bài học bao gồm các chủ đề trong cuộc sống hàng ngày: hoàn cảnh gia đình, quan hệ gia đình, sinh hoạt hàng ngày, nhà ở, thực phẩm, thể thao, phương tiện giao thông, việc làm, giáo dục .... Các chủ đề này được thể hiện thông qua các hình thức ngôn ngữ (temps passé récent, passé composé, imparfait, mode conditionnel, subjonctif, pronoms relatifs, pronoms démonstratifs, pronoms interrogatifs, pronoms en, y, pronoms possessifs, pronoms indéfinis, adjectifs interrogatifs, adjectifs qualificatifs, adjectifs indéfinis, adverbes, interrogation, négation, condition, hypothèse, cause, comparatif, superlatif ...); từ vựng (liên quan đến các chủ đề nêu trên); các bài đối thoại thông thường.

Kết thúc học phần Tiếng Pháp 3, người học đạt trình độ tiền bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. từ vựng tiếng Pháp với các chủ đề như gia đình, bản thân, mua sắm, nơi ở, học tập và làm việc...

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Pháp như temps passé récent, passé composé, imparfait, mode conditionnel, subjonctif, pronoms relatifs, pronoms démonstratifs, pronoms interrogatifs, pronoms en, y, pronoms possessifs, pronoms indéfinis, adjectifs interrogatifs, adjectifs qualificatifs, adjectifs indéfinis, adverbes, interrogation, négation, condition, hypothèse, cause, comparatif, superlatif ...

MT3. kiến thức về đất nước, văn hóa của một số nước nói Tiếng Pháp

MT4. bốn kỹ năng tiếng như kỹ năng nghe hiểu những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày, kỹ năng nói giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kỹ năng đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình, kỹ năng viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Tiếng Pháp 3, người học có khả năng:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về các chủ đề như gia đình, sinh hoạt hàng ngày, miêu tả hình dạng, phong cách thời trang, chỗ ở, phương tiện giao thông, thành phố,

thực phẩm, bữa ăn, thể thao, công việc, trường học, giáo dục và các cấu trúc câu và ngữ pháp như chia động từ ở điều kiện cách hiện tại, nhận biết và sử dụng được các đại từ quan hệ, đại từ chỉ định, đại từ bất định, đại từ nghi vấn, đại từ sở hữu, đại từ nhân xưng, hiểu được vị trí và sự tương hợp của tính từ chỉ tính chất, tính từ bất định, hiểu và sử dụng được các mẫu câu so sánh, diễn đạt câu điều kiện loại 2, hiểu và dùng được bảng thái cách, hiểu các thì của động từ dùng trong kể chuyện, hiểu cách hình thành trạng từ cách thức.

H2. nghe hiểu những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày.

H3. nói về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc.

H4. đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.

H5. viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc.

H6. có nhận thức đúng về học phần Tiếng Pháp 3, có thái độ tích cực, nghiêm túc trong việc tự nghiên cứu nâng cao trình độ, có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C2	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	
H6		x

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Un air de famille</b> 1.1 Je me présente 1.1.1 Adjectif quel, questions 1.1.2 État civil 1.2 De mère en fille 1.2.1 Passé récent, futur proche, adjectif tout 1.2.2 Liens de famille 1.3 Blog 1.3.1 Pronoms toniques, préposition + pays/ville, adverbes de fréquence et d'intensité 1.3.2 Activités quotidiennes 1.4 Une famille en or Révision	LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  BT: 2 tiết	[1] trang 12,13 [2] trang 4, 5 [3] trang 100-105 [4] trang 68 [1] trang 14,15 [2] 6, 7 [3] trang 27-35, 78-84 [1] trang 16,17 [2] 8, 9 [3] trang 36, 40, 43, 121-124, 161-164, 187 [4] trang 47 [1] trang 18,19 [2] 10
2	<b>Chương 2. La vie des autres</b> 2.1 – Parisiens, qui êtes-vous ? 2.1.1 Pronoms relatifs qui, que, pronoms démonstratifs (1) 2.1.2 -Description physique 2.2 – Question de mode 2.2.1 Adjectifs : place, accord, pronoms	LT:.....tiết BT:.....tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 22, 23 [2] 11, 12 [3] trang 20, 44-50 [4] trang 59 [1] trang 24, 25 [2] 13, 14 [3] trang 9-11

	démonstratifs (2) 2.2.2 Styles vestimentaires 2.3 – Une minute pour un projet 2.3.1 Conditionnel présent, pronom interrogatif lequel 2.3.2 Portrait social 2.4 – Les ados Révision	LT: 1 tiết BT: 1 tiết  BT: 2 tiết	[1] trang 26, 27 [2] 15, 16 [3] trang 88, 89, [4] trang 105 [1] trang 28, 29 [2] 17
3	<b>Chương 3. C'est bien, chez vous !</b> 3.1 – Le logement idéal 3.1.1 Pronoms relatifs où, dont 3.1.2 Logement 3.2 – À bicyclette 3.2.1 Comparatif, pronoms possessifs 3.2.2 Moyens de transport 3.3 – Destination soleil 3.3.1 Superlatif 3.3.2 Ville 3.4 – Choix de vie Révision	LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  BT: 2 tiết	[1] trang 32, 33 [2] 18, 19 [3] trang 44-50 [4] trang 60 [1] trang 34, 35 [2] 20, 21 [3] trang 24-26, 183-188 [1] trang 36, 37 [2] 22, 23 [3] trang 183-188 [4] trang 156 [1] trang 38, 39 [2] 24
4	<b>Chương 4. Parcours santé</b> 4.1 – De bonnes résolutions 4.1.1 Hypothèse, adjectifs indéfinis 4.1.2 Sport 4.2 – Manger mieux, bouger plus 4.2.1 Pronoms en, y, pronoms indéfinis 4.2.2 Alimentation 4.3 – Demain, j'arrête 4.3.1 Devoir + inf, subjonctif présent 4.3.2 Santé 4.4 – La journée du sport Révision	LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  BT: 2 tiết	[1] trang 44, 45 [2] 25, 26, 27 [3] trang 27-35, 177-182 [1] trang 46, 47 [2] 28, 29, 30 [3] trang 27-35, 37-43 [4] trang 56 [1] trang 48, 49 [2] 31, 32, 33 [3] trang 85-87, 135, 136, 139 [1] trang 50, 51 [2] 34, 35
5	<b>Chương 5. Allez ! Au travail !</b> 5.1 – Au chômage 5.1.1 Présent, passé composé, imparfait 5.1.2 Travail 5.2 – À mi-temps 5.2.1 Adverbe en –ment, ne ... que 5.2.2 Travail 5.3 – Souvenirs d'école 5.3.1 Depuis, il y a 5.3.2 École, enseignement 5.4 – Les études à l'étranger <b>Révision</b>	LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết  BT: 2 tiết	[1] trang 54, 55 [2] 36, 37, 38 [3] trang 59, 60, 67, 68, 72, 73, 75-77, 84 [1] trang 56, 57 [2] 39, 40, 41 [3] trang 109, 111, 125, 126, 130, [4] trang 43 [1] trang 58, 59 [2] 42, 43, 44 [3] trang 162 [1] trang 60, 61 [2] 45, 46
6	<b>Chương 6. Temps libre</b> 6.1 – Internet et vous	LT: 1 tiết	[1] trang 64, 65 [2] 47, 48, 49



	6.1.1 Négation 6.1.2 Communication 6.2 – À chacun son café 6.2.1 Expression de la cause 6.2.2 Cafés	BT: 1 tiết  LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[3] trang 16, 17, 19, 106-111 [1] trang 66, 67 [2] 50, 51, 52 [3] trang 149-151 [4] trang 119
7	<b>Test d'évaluation</b>	1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<b>Chương 1. Un air de famille</b> 1.1 Je me présente 1.1.1 Adjectif quel, questions 1.1.2 État civil 1.2 De mère en fille 1.2.1 Passé récent, futur proche, adjectif tout 1.2.2 Liens de famille 1.3 Blog 1.3.1 Pronoms toniques, préposition + pays/ville, adverbes de fréquence et d'intensité 1.3.2 Activités quotidiennes 1.4 Une famille en or Révision	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở - vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học</b> -Nghe giảng do giảng viên trình bày: nội dung từ vựng, ngữ pháp thông qua các tài liệu (hội thoại, bài khóa, ...) -Thảo luận nhóm: Bienvenue au club / Rencontre (1.1) Interview (journaliste-artiste) (1.2) Portrait (1.3) Jeux de rôles (1.4) -Bài tập thực hành: 1, 2, 3, 4, 5 trang 12, 13 (1.1) 1, 2, 3, 4, 5 trang 14, 15 (1.2) 1, 2, 3, 4, 5 trang 16, 17 (1.3) 1, 2, 5 trang 18, 19 (1.4) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Nghe giảng, đọc tài liệu. ghi chép, chuẩn bị báo cáo, làm bài tập ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email -Báo cáo của nhóm trước lớp -Các bài tập trong Cahier d'exercices
	<b>Chương 2. La vie des autres</b> 2.1 – Parisiens, qui êtes-vous ? 2.1.1 Pronoms relatifs qui, que, pronoms démonstratifs (1) 2.1.2 -Description physique 2.2 – Question de mode 2.2.1 Adjectifs : place, accord, pronoms démonstratifs (2)	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở - vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học</b> -Nghe giảng do giảng viên trình bày: nội dung từ vựng, ngữ pháp thông qua các tài liệu (hội thoại, bài khóa, ...) -Thảo luận nhóm: Interview pour écrire deux portraits (2.1) Vêtements (2.2)	-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email -Báo cáo của nhóm trước lớp -Các bài tập trong Cahier d'exercices

	<p>2.2.2 Styles vestimentaires  2.3 – Une minute pour un projet  2.3.1 Conditionnel présent, pronom interrogatif lequel  2.3.2 Portrait social  2.4 – Les ados  Révision</p>		<p>Projets (2.3)  Jeux de rôles sur les portraits, les rêves / vidéo unité 2 (2.4)  -Bài tập thực hành:  1, 2, 3, 4, trang 22, 23 (2.1)  1, 2, 3, 4, trang 24, 25 (2.2)  1, 2, 3, 4, 5 trang 26, 27 (2.3)  1, 2, 5 trang 28, 29 (2.4)  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  Nghe giảng, đọc tài liệu. ghi chép, chuẩn bị báo cáo, làm bài tập ...  <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
	<p><b>Chương 3. C'est bien, chez vous !</b>  3.1 – Le logement idéal  3.1.1 Pronoms relatifs où, dont  3.1.2 Logement  3.2 – À bicyclette  3.2.1 Comparatif, pronoms possessifs  3.2.2 Moyens de transport  3.3 – Destination soleil  3.3.1 Superlatif  3.3.2 Ville  3.4 – Choix de vie  Révision</p>	<p>H1  H2  H3  H4  H5  H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở - vấn đáp  <b>Hình thức tổ chức dạy học</b>  -Nghe giảng do giảng viên trình bày: nội dung từ vựng, ngữ pháp thông qua các tài liệu (hội thoại, bài khóa, ...)  -Thảo luận nhóm:  Logement (3.1)  Location de vélo (3.2)  Lieu de vie idéal (3.3)  Jeux de rôles sur la comparaison des lieux de vie/ vidéo unité 3 (3.4)  -Bài tập thực hành:  1, 2, 3, 4, 5, 6 trang 32, 33 (3.1)  1, 2, 3, 4, 5 trang 34, 35 (3.2)  1, 2, 3, 4, trang 36, 37 (3.3)  1, 2, 5 trang 38, 39 (3.4)  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  Nghe giảng, đọc tài liệu. ghi chép, chuẩn bị báo cáo, làm bài tập ...  <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email  -Báo cáo của nhóm trước lớp  -Các bài tập trong Cahier d'exercices</p>
	<p><b>Chương 4. Parcours santé</b>  4.1 – De bonnes résolutions  4.1.1 Hypothèse, adjectifs indéfinis  4.1.2  4.2 – Manger mieux, bouger plus  4.2.1 Pronoms en, y, pronoms indéfinis  4.2.2  4.3 – Demain, j'arrête  4.3.1 Devoir + inf, subjonctif</p>	<p>H1  H2  H3  H4  H5  H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở - vấn đáp  <b>Hình thức tổ chức dạy học</b>  -Nghe giảng do giảng viên trình bày: nội dung từ vựng, ngữ pháp thông qua các tài liệu (hội thoại, bài khóa, ...)  -Thảo luận nhóm:  Résolutions et hypothèses sur le présent(4.1)  Alimentation (4.2)</p>	<p>-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email  -Báo cáo của nhóm trước lớp  -Các bài tập trong Cahier d'exercices</p>

	<p>présent 4.3.2 4.4 – La journée du sport Révision</p>		<p>Conseils pour des problèmes de santé, de travail (4.3) Jeux de rôles sur la santé / vidéo unité 4 (4.4) -Bài tập thực hành: 1, 2, 3, 4, 5, trang 44, 45 (4.1) 1, 2, 3, 4, trang 46, 47 (4.2) 1, 2, 3, 4, 5, 6 trang 48, 49 (4.3) 1, 2, 5 trang 50, 51 (4.4) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Nghe giảng, đọc tài liệu. ghi chép, chuẩn bị báo cáo, làm bài tập ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
	<p><b>Chương 5. Allez ! Au travail !</b> 5.1 – Au chômage 5.1.1 Présent, passé composé, imparfait 5.1.2 Travail 5.2 – À mi-temps 5.2.1 Adverbe en –ment, ne ... que 5.2.2 Travail 5.3 – Souvenirs d'école 5.3.1 Depuis, il y a 5.3.2 École, enseignement 5.4 – Les études à l'étranger <b>Révision</b></p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5 H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở - vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học</b> -Nghe giảng do giảng viên trình bày: nội dung từ vựng, ngữ pháp thông qua các tài liệu (hội thoại, bài khóa, ...) -Thảo luận nhóm: Entretien d'embauche (5.1) Travail (5.2) Souvenirs d'école (5.3) Jeux de rôles sur le système éducatif / vidéo unité 4 (5.4) -Bài tập thực hành: 1, 2, 3, 4, trang 54, 55 (5.1) 1, 2, 3, 4 trang 56, 57 (5.2) 1, 2, 3, 4, trang 58, 59 (5.3) 1, 2, 5 trang 60, 61 (5.4) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Nghe giảng, đọc tài liệu. ghi chép, chuẩn bị báo cáo, làm bài tập ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email -Báo cáo của nhóm trước lớp -Các bài tập trong Cahier d'exercices</p>
	<p><b>Chương 6. Temps libre</b> 6.1 – Internet et vous 6.1.1 Négation 6.1.2 Communication 6.2 – À chacun son café 6.2.1 Expression de la cause 6.2.2 Cafés</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5 H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở - vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học</b> -Nghe giảng do giảng viên trình bày: nội dung từ vựng, ngữ pháp thông qua các tài liệu (hội thoại, bài khóa, ...) -Thảo luận nhóm: Utilisation d'Internet (6.1) Cafés (6.2) -Bài tập thực hành:</p>	<p>-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email -Báo cáo của nhóm trước lớp -Các bài tập trong Cahier d'exercices</p>

			1, 2, 3, 4, 5 trang 64, 65 (6.1) 1, 2, 3, 4, 5 trang 66, 67 (6.2) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Nghe giảng, đọc tài liệu. ghi chép, chuẩn bị báo cáo, làm bài tập ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
	<b>Test d'évaluation</b>			Làm bài tại lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2*, Hachette (kèm CD audio và DVD) .

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2, Cahier d'exercices*, Hachette

[3] Marie-Pierre Caquineau-Gündüz, (2005), *Les exercices de grammaire avec corrigés niveau B1*, Hachette.

[4] Y. Delatour, (1994), *Grammaire - 350 exercices Niveau moyen*, Hachette.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên :

### 7.1 Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp > 2/3 tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2 Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra , đánh giá học phần

**8.1 Trọng số điểm bộ phận:** 30 % ; **Trọng số thi kết thúc học phần :** 70 %

### 8.2 Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6	30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập tại lớp hoặc ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%

		sẽ giữ sinh viên với sinh viên.			
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận và trắc nghiệm làm tại lớp.	H1 H4 H5 H6	30%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3 Thi kết thúc học phần:

Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần
Nghe hiểu	Đánh giá mức độ nghe hiểu ý chính các thông tin đơn giản, ngắn gọn về các đoạn ghi âm ngắn, có liên quan tới các tình huống đơn giản thường gặp trong đời sống hàng ngày.	Sinh viên làm bài thi trên máy và trả lời các câu hỏi (2 bài nghe khác nhau) về đoạn ghi âm ngắn, có liên quan tới các tình huống trong đời sống hàng ngày (hai lần nghe)	H2
Đọc hiểu	Đánh giá mức độ hiểu các bài văn rất ngắn và rất đơn giản, các tin nhắn đơn giản và ngắn gọn trên một tấm bưu thiếp	Sinh viên làm bài thi trên máy và trả lời các câu hỏi (2 bài đọc) về các loại văn bản khác nhau có liên quan tới các tình huống trong đời sống, công việc hàng ngày.	H4
Từ vựng	Đánh giá mức độ tiếp nhận từ vựng từ các chủ đề đã học trong học phần.	Sinh viên làm bài thi trên máy dưới hình thức trắc nghiệm với 5 câu riêng biệt.	H1
Ngữ pháp	Đánh giá mức độ tiếp nhận ngữ pháp từ các điểm ngữ pháp đã được học trong học phần.	Sinh viên làm bài thi trên máy dưới hình thức trắc nghiệm với 5 câu riêng biệt.	H1
Vấn đáp	Đánh giá mức độ giao tiếp đơn giản và trực tiếp về các tình huống quen thuộc hàng ngày.	Sinh viên bốc thăm 1 tình huống giao tiếp và đóng vai theo cặp.	H3

Tổng tỷ lệ thành phần của điểm thi kết thúc học phần
--

**Ghi chú:**

Kết quả học phần = Kết quả điểm bộ phận X trọng số điểm bộ phận + Điểm thi X trọng số điểm thi

**Trưởng khoa**

**Trưởng bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng ThS. Hoàng Minh Thu Hương ThS. Hoàng Minh Thu Hương**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG PHÁP 4**  
**Mã học phần: FL211004**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các loại yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: Không

Học phần học trước: Tiếng Pháp 3- FL211003

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Minh Thu Hương; Số điện thoại: 0935040108

Email: hmthuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thị Mỹ Liên; Số điện thoại: 0914111080

Email: ntmlien@ttn.edu.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Vân; Số điện thoại: 0905.338.384;

Email: nguyenthithanhvantnuni@yahoo.com.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Trần Quang Nhật; Số điện thoại: 0946.186.416;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Ngoại ngữ 4 là học phần cuối trong bốn học phần Ngoại ngữ nhằm giúp tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm, lòng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh và ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ trong những tình huống giao tiếp khác nhau, từ đó có thể phát triển bốn kỹ năng ngôn ngữ ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức về con người và đất nước Pháp cũng như một số quốc gia nói tiếng Pháp.

Kết thúc học phần Ngoại ngữ 4, người học đạt trình độ bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Ngoại ngữ 4 trang bị cho người học kiến thức về:*

MT1. từ vựng và cách diễn đạt liên quan tới các chủ đề về hoạt động thư giãn cuối tuần, các ngày nghỉ lễ, các mối quan hệ xã hội, các phương tiện truyền thông, giới trẻ, nghề nghiệp, các mối quan tâm xã hội, du lịch, quan niệm về hạnh phúc, thành đạt, các giá trị của cuộc sống.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Pháp liên quan đến các tình huống giao tiếp: câu phức, câu trực tiếp, câu gián tiếp, danh động từ, bàng thái cách, diễn đạt haju quả, đối lập thời gian, đại từ bỏ ngữ ...

MT3. các kiến thức văn hóa của nước Pháp và các quốc gia nói tiếng Pháp.

MT4. bốn kỹ năng tiếng: như kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng nói độc thoại và nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và thông tin tổng quát, kỹ năng viết sản sinh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Ngoại ngữ 4, người học có khả năng:*

H1. lĩnh hội và sử dụng các từ vựng liên quan đến các chủ đề như về hoạt động thư giãn cuối tuần, các ngày nghỉ lễ, các mối quan hệ xã hội, các phương tiện truyền thông, giới trẻ, nghề nghiệp, các mối quan tâm xã hội, du lịch, quan niệm về hạnh phúc, thành đạt, các giá trị của cuộc sống; hiểu và sử dụng được các điểm ngữ pháp như danh động từ (gérondif), thì tương lai (le futur), dạng nguyên thể (l'infinitif), diễn đạt quan hệ về mặt thời gian (la chronologie), diễn đạt nguyên nhân, hệ quả, thì quá khứ (le passé), sử dụng các đại từ COD,

COI, vị trí của các đại từ trong câu, sử dụng câu trực tiếp, câu gián tiếp, diễn đạt sự đối lập và nhượng bộ, bằng thái cách (le subjonctif).

H2. nói về các chủ đề hàng ngày, trao đổi thông tin với mức độ làm chủ ngôn ngữ

H3. nghe hiểu và theo dõi được các ý trong hội thoại về các chủ đề trong cuộc sống nếu được diễn đạt theo giọng chuẩn, rõ ràng.

H4. đọc hiểu được các đoạn văn bản ngắn, có nội dung tương đối đơn giản, từ vựng thông dụng, thư từ giao dịch, trao đổi hàng ngày, mô tả các sự kiện.

H5. viết về các hoạt động thể thao, giải trí, sự kiện, bản thân, gia đình, công việc, học tập, du lịch.

H6. nhận thức đúng về việc học ngoại ngữ, có thái độ tích cực, nghiêm túc trong việc tự nghiên cứu nâng cao trình độ. Người học có tinh thần hợp tác khi làm việc nhóm, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C2	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	
H6		x

### 4. Cấu trúc học phần

STT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
6	<p><b>Chương 6. Temps libre</b></p> <p><b>6.3. Week-end</b></p> <p>6.3.1. Découverte des documents</p> <p>6.3.2. Vocabulaire sur les loisirs</p> <p>6.3.3. Grammaire : la formation et l'emploi du gérondif</p> <p>6.3.4. Phonétique : distinction [ã] / [õ] / [ẽ]</p> <p>6.3.5. Communication : parler de vos activités de loisirs, d'un projet</p> <p><b>6.4. La fête des voisins</b></p> <p>6.4.1. Découverte des documents</p> <p>6.4.2. Vocabulaire sur les fêtes, manifestation culturelle</p> <p>6.4.3. Grammaire : la formation et l'emploi du gérondif</p> <p>6.4.4. Phonétique : distinction [ã] / [õ] / [ẽ]</p> <p>6.4.5. Communication : présenter les raisons d'un phénomène, décrire une manifestation culturelle</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 68, 69, 117</p> <p>[2] trang 53,54,55</p> <p>[3] trang 152</p> <p>[4] trang 122</p>
	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 70, 71, 117, 118</p> <p>[2] trang 56,57</p> <p>[3] trang 153</p> <p>[4] trang 123</p>	
	<p><b>Chương 7. L'air du temps</b></p> <p><b>7.1. La télé de demain</b></p> <p>7.1.1. Découverte des documents</p> <p>7.1.2. Vocabulaire sur les médias</p> <p>7.1.3. Grammaire : l'expression du futur : présent, futur proche, futur simple, les indicateurs de temps</p> <p>7.1.4. Phonétique : distinction [l] / [r]</p> <p>7.1.5. Communication : parler des médias</p> <p><b>7.2. Allo ! Tu es où ?</b></p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 76, 77, 118</p> <p>[2] trang 58,59</p> <p>[3] trang 161</p> <p>[4] trang 88</p>
	<p>LT: 2 tiết</p>	<p>[1] trang 78, 79, 118</p>	



	<p>7.2.1. Découverte des documents 7.2.2. Vocabulaire sur la technologie 7.2.3. Grammaire : avant de + infinitif présent, après + infinitif passé 7.2.4. Phonétique : intonation : distinction de l'ordre, de la mise en garde, de l'incitation et du conseil 7.2.5. Communication: donner votre avis sur des comportements, exprimer une probabilité ou une certitude</p>	BT: 1 tiết	[2] trang 61,62,63 [3] trang 82 [4] trang 109
7	<p><b>7.3. Situation de crise</b> 7.3.1. Découverte des documents 7.3.2. Vocabulaire sur les médias, latechnologie 7.3.3. Grammaire : l'expression de la conséquence 7.3.4. Phonétique : intonation : expression de l'insistance 7.3.5. Communication : faire un constat et décrire les conséquences, situer dans le temps</p>	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 80, 81, 118, 119 [2] trang 64,65,66 [3] trang 154 [4] trang 125
	<p><b>7.4. La presse magazine</b> 7.4.1. Découverte des documents 7.4.2. Vocabulaire sur les médias 7.4.3. Grammaire : l'expression du futur : présent, futur proche, futur simple, les indicateurs de temps, avant de + infinitif présent, après + infinitif passé, l'expression de la conséquence 7.4.4. Phonétique : distinction [l] / [r] 7.4.5. Communication : parler des médias, exprimer la cause</p>	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 82, 83, 84 [2] trang 67,68 [3] trang 95, 168 [4] trang 133
8	<p><b>Chương 8. Bon voyage</b> <b>8.1. Ailleurs</b> 8.1.1. Découverte des documents 8.1.2. Vocabulaire sur le tourisme 8.1.3. Grammaire : l'accord du participe passé 8.1.4. Phonétique : prononciation du participe passé selon l'accord 8.1.5. Communication : décrire votre comportement de voyageur, parler de vos motivations, de vos habitudes <b>8.2. Souvenir de voyage</b> 8.2.1. Découverte des documents 8.2.2. Vocabulaire sur le voyage 8.2.3. Grammaire : les marqueurs chronologiques, l'expression de la durée 8.2.4. Phonétique : distinction [e] / [ɛ] 8.2.5. Communication : raconter des souvenirs de voyage <b>8.3. Album photos</b> 8.3.1. Découverte des documents 8.3.2. Vocabulaire sur les sentiments 8.3.3. Grammaire : les pronoms compléments</p>	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 86, 87, 119 [2] trang 69,70,71 [3] trang 74 [4] trang 85 [1] trang 88, 89, 119, 120 [2] trang 72,73,74 [3] trang 162 [4] trang 133 [1] trang 90, 91, 120 [2] trang 75,76,77 [3] trang 36 [4] trang 49, 51

	<p>directs et indirects</p> <p>8.3.4. Phonétique : suppression de plusieurs <i>e</i> successifs</p> <p>8.3.5. Communication : donner votre avis sur des comportements, évoquer des souvenirs</p>		
	<p><b>8.4. La poésie des villes</b></p> <p>8.4.1. Découverte des documents</p> <p>8.4.2. Vocabulaire sur le tourisme, le voyage, les sentiments</p> <p>8.4.3. Grammaire : la place des pronoms compléments directs et indirects</p> <p>8.4.4. Phonétique : l'accord du participe passé, distinction [e] / [ɛ], suppression de plusieurs <i>e</i> successifs</p> <p>8.4.5. Communication : décrire votre comportement de voyageur, raconter des souvenirs de voyage, donner votre avis sur des comportements</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 92, 93, 94</p> <p>[2] trang 78,79</p> <p>[3] trang 37</p> <p>[4] trang 52</p>
9	<p><b>Chương 9. Vous voulez mon avis?</b></p> <p><b>9.1. C'est quoi le bonheur ?</b></p> <p>9.1.1. Découverte des documents</p> <p>9.1.2. Vocabulaire sur la politique</p> <p>9.1.3. Grammaire : discours rapporté au présent</p> <p>9.1.4. Phonétique : rythme : groupes rythmiques et accentuation</p> <p>9.1.5. Communication : transmettre un message, rapporter les paroles d'une personne</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 96, 97, 120</p> <p>[2] trang 80,81,82</p> <p>[3] trang 140</p> <p>[4] trang 114</p>
	<p><b>9.2. À voté</b></p> <p>9.2.1. Découverte des documents</p> <p>9.2.2. Vocabulaire sur l'argent</p> <p>9.2.3. Grammaire : l'opposition et la concession</p> <p>9.2.4. Phonétique : intonation : l'opposition</p> <p>9.2.5. Communication : exprimer votre avis sur un sujet, exprimer votre accord ou votre désaccord</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] trang 98, 99, 120, 121</p> <p>[2] trang 83,84,85</p> <p>[3] trang 171</p> <p>[4] trang 142</p>
	<p><b>9.3. Votre avis nous intéresse</b></p> <p>9.3.1. Découverte des documents</p> <p>9.3.2. Vocabulaire sur l'opinion</p> <p>9.3.3. Grammaire : ce qui, ce que</p> <p>9.3.4. Phonétique : intonation : les sentiments</p> <p>9.3.5. Communication : nuancer une opinion, exprimer une opposition, une concession</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] trang 100, 101, 121</p> <p>[2] trang 86,87,88</p> <p>[3] trang 113</p> <p>[4] trang 64</p>
	<p><b>9.4. Questions de valeurs</b></p> <p>9.4.1. Découverte des documents</p> <p>9.4.2. Vocabulaire sur la politique, l'argent, l'opinion</p> <p>9.4.3. Grammaire: indicatif ou subjonctif?</p> <p>9.4.4. Phonétique : Rythme : groupes rythmiques et accentuation, intonation : l'opposition, intonation : les sentiments</p> <p>9.4.5. Communication : transmettre un message,</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>[1] trang 102, 103, 104, 121</p> <p>[2] trang 89,90,91,92,93,94,95</p> <p>[3] trang 87</p> <p>[4] trang 97, 98</p>

	exprimer votre avis sur un sujet, nuancer une opinion, exprimer un souhait, un doute		
	<b>Test partiel</b>	1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p><b>Chương 6. TEMPS LIBRE</b></p> <p><b>6.3. Week-end</b></p> <p>6.3.1. Découverte de thématique de la leçon : les activités de week-end des Français</p> <p>6.3.2. Mots nouveaux: les loisirs</p> <p>6.3.3. Grammaire: la formation et l'emploi du gérondif</p> <p>6.3.4. Prononciation: distinction du son nasal [ã] / [ɔ̃] / [ɛ̃]</p> <p>6.3.5. Communication: jouer la scène avec le/la voisin(e)</p> <p>6.3.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>6.4. La fête des voisins</b></p> <p>6.4.1. Découverte de thématique de la leçon : la fête des voisins</p> <p>6.4.2. Mots nouveaux: les fêtes, les âges, les relations sociales, les sentiments</p> <p>6.4.3. Grammaire: la négation, l'expression de la cause, le gérondif</p> <p>6.4.4. Communication: production orale, échanger avec le/la voisin(e)</p> <p>6.4.5. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Hoạt động 1: Sử dụng lời nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP gọi mở - hỏi đáp</li> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP giải thích</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2: Trực quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP dạy học trực quan</li> <li>- PP trình diễn</li> </ul> <p><b>Hoạt động 3: Thực hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP dạy học luyện tập và thực hành</li> <li>- PP ôn tập</li> <li>- PP tự học</li> </ul> <p>Hình thức tổ chức dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p>Yêu cầu sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị báo cáo</li> <li>- Hoàn thành bài tập nhóm hoặc cá nhân</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email</li> <li>- Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>- Các bài tập trong Cahier d'exercices</li> </ul>
	<p><b>Chương 7. L'AIR DU TEMPS</b></p> <p><b>7.1. La télé de demain</b></p> <p>7.1.1. Découverte de thématique de la leçon : la journée sans voitures, la journée sans télé, la journée sans portable</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Hoạt động 1: Sử dụng lời nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP gọi mở - hỏi đáp</li> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP giải thích</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2: Trực</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email</li> <li>- Báo cáo của nhóm trước lớp</li> <li>- Các bài tập</li> </ul>

<p>7.1.2. Mots nouveaux: les médias</p> <p>7.1.3. Grammaire: l'expression du future, les indicateurs de temps</p> <p>7.1.4. Prononciation: [l] / [r]</p> <p>7.1.5. Communication: discuter l'importance et l'utilisation des réseaux sociaux pour communiquer</p> <p>7.1.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>7.2. Allô! Tu es où ?</b></p> <p>7.2.1. Découverte de thématique de la leçon : les risques du téléphone au volant</p> <p>7.2.2. Mots nouveaux: voitures, routes</p> <p>7.2.3. Grammaire: la chronologie</p> <p>7.2.4. Prononciation: intonation d'un ordre, d'une mise en garde, d'une incitation, ou d'un conseil</p> <p>7.2.5. Communication: jouer la scène avec le/la voisin(e) pour donner un conseil, un ordre</p> <p>7.2.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>7.3. Situation de crise</b></p> <p>7.3.1. Découverte de thématique de la leçon : la crise, la concurrence</p> <p>7.3.2. Mots nouveaux: les médias</p> <p>7.3.3. Grammaire: l'expression de la conséquence</p> <p>7.3.4. Prononciation: intonation d'insistance</p> <p>7.3.5. Communication: Avec le/la voisin(e), répondre aux questions sur les réseaux sociaux</p> <p>7.3.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>7.4. La presse magazine</b></p> <p>7.4.1. Découverte de thématique de la leçon : les médias</p>		<p><b>quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP dạy học trực quan</li> <li>- PP trình diễn</li> </ul> <p><b>Hoạt động 3: Thực hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP dạy học luyện tập và thực hành</li> <li>- PP ôn tập</li> <li>- PP tự học</li> </ul> <p>Hình thức tổ chức dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p>Yêu cầu sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị báo cáo</li> <li>- Hoàn thành bài tập nhóm hoặc cá nhân</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>trong Cahier d'exercices</p>
---	--	---	---------------------------------

	<p>7.4.2. Mots nouveaux: les médias</p> <p>7.4.3. Grammaire: l'expression de la conséquence</p> <p>7.4.4. Prononciation: intonation d'insistance</p> <p>7.4.5. Communication: parler de la cause de la crise</p> <p>7.4.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p>			
	<p><b>Chương 8. BON VOYAGE</b></p> <p><b>8.1. Ailleurs</b></p> <p>8.1.1. Découverte de thématique de la leçon : les voyages</p> <p>8.1.2. Mots nouveaux: le tourisme</p> <p>8.1.3. Grammaire: l'accord du participe passé</p> <p>8.1.4. Prononciation:</p> <p>8.1.5. Communication: jouer la scène avec le/la voisin(e)</p> <p>8.1.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>8.2. Souvenir de voyage</b></p> <p>8.2.1. Découverte de thématique de la leçon : les souvenirs de voyage</p> <p>8.2.2. Mots nouveaux:</p> <p>8.2.3. Grammaire: les marqueurs chronologiques, l'expression de la durée</p> <p>8.2.4. Prononciation: distinction [e] / [ɛ]</p> <p>8.2.5. Communication: jouer la scène le/la voisin(e)</p> <p>8.2.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>8.3. Album photos</b></p> <p>8.3.1. Découverte de thématique de la leçon</p> <p>8.3.2. Mots nouveaux</p> <p>8.3.3. Grammaire</p> <p>8.3.4. Prononciation</p> <p>8.3.5. Communication</p> <p>8.3.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Hoạt động 1: Sử dụng lời nói</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP gọi mở - hỏi đáp</li> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP giải thích</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> </ul> <p><b>Hoạt động 2: Trực quan</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP dạy học trực quan</li> <li>- PP trình diễn</li> </ul> <p><b>Hoạt động 3: Thực hành</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP dạy học luyện tập và thực hành</li> <li>- PP ôn tập</li> <li>- PP tự học</li> </ul> <p>Hình thức tổ chức dạy học:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p>Yêu cầu sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị báo cáo</li> <li>- Hoàn thành bài tập nhóm hoặc cá nhân</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email</p> <p>-Báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>-Các bài tập trong Cahier d'exercices</p>

	<p><b>8.4. La poésie des villes</b>        8.4.1. Découverte de thématique de la leçon : les voyages et les souvenirs        8.4.2. Mots nouveaux: le tourisme        8.4.3. Grammaire: COD et COI, la place des compléments        8.4.4. Prononciation:        8.4.5. Communication: parler des souvenirs de voyage        8.4.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p>			
	<p><b>Chương 9. VOUS VOULEZ MON AVIS ?</b>  <b>9.1. C'est quoi le bonheur ?</b>        9.1.1. Découverte de thématique de la leçon : le bonheur, la réussite de la vie personnelle et professionnelle, les valeurs spirituelles et matérielles        9.1.2. Mots nouveaux: le bonheur        9.1.3. Grammaire: le discours indirect au présent        9.1.4. Prononciation: intonation pour distinguer les groupes de mots        9.1.5. Communication: parler du bonheur, de la réussite dans la vie        9.1.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits  <b>9.2. À voté !</b>        9.2.1. Découverte de thématique de la leçon : les citoyens français à voter        9.2.2. Mots nouveaux: l'élection        9.2.3. Grammaire: l'expression de l'opposition et de la concession, ce qui, ce que        9.2.4. Prononciation: intonation des expressions        9.2.5. Communication: jouer la scène avec le/la voisin(e) par l'élection        9.2.6. Exercices:</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Hoạt động 1: Sử dụng lời nói</b>        - PP gọi mở - hỏi đáp        - PP thuyết trình        - PP giải thích        - PP thảo luận trên lớp  <b>Hoạt động 2: Trực quan</b>        - PP dạy học trực quan        - PP trình diễn  <b>Hoạt động 3: Thực hành</b>        - PP dạy học luyện tập và thực hành        - PP ôn tập        - PP tự học        Hình thức tổ chức dạy học:        - Nghe giảng do giảng viên trình bày        - Thảo luận nhóm        Yêu cầu sinh viên:        - Đọc tài liệu        - Ghi chép        - Chuẩn bị báo cáo        - Hoàn thành bài tập nhóm hoặc cá nhân  <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>-Bài viết nộp tại lớp hoặc gửi qua email        -Báo cáo của nhóm trước lớp        -Các bài tập trong Cahier d'exercices</p>

	<p>grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>9.3. Votre avis nous intéresse</b></p> <p>9.3.1. Découverte de thème de la leçon : les enquêtes d'opinion, l'importance des valeurs</p> <p>9.3.2. Mots nouveaux: des valeurs</p> <p>9.3.3. Grammaire: l'emploi de l'indicatif et du subjonctif</p> <p>9.3.4. Prononciation: exprimer le doute, la plainte, l'enthousiasme, la colère</p> <p>9.3.5. Communication: jouer scène avec le/la voisin(e) en choisissant les valeurs</p> <p>9.3.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p> <p><b>9.4. Une question de valeurs</b></p> <p>9.4.1. Découverte de thématique de la leçon : les valeurs de vie</p> <p>9.4.2. Mots nouveaux: découverte des documents</p> <p>9.4.3. Grammaire: révision générale</p> <p>9.4.4. Prononciation: production orale</p> <p>9.4.5. Communication: jouer scène avec le/la voisin(e) en échangeant les points de vue sur le sujet</p> <p>9.4.6. Exercices: grammaticaux, lexicaux oraux, écrits</p>			
--	--	--	--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2*, Hachette (kèm CD audio và DVD) .

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Guy Capelle, (2009), *Le Nouveau Taxi 2, Cahier d'exercices*, Hachette

[3] Marie-Pierre Caqueneau-Gündüz, (2005), *Les 500 exercices de grammaire avec corrigés niveau B1*, Hachette.

[4] Y. Delatour, (1994), *Grammaire - 350 exercices Niveau moyen*, Hachette.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên :

### 7.1 Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp > 2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2 Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1 Trong số điểm bộ phận: 30 % ; Trong số thi kết thúc học phần : 70 %****8.2 Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm kỹ năng, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm	H1 H2 H3 H4	40%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên; đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	H1 H2 H3 H4 H5	
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100 %

**8.3 Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. Mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận và vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS Hoàng Minh Thu Hương

ThS. Trần Quang Nhật



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ NĂNG MỀM**  
**Mã học phần: KT212202**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02 ; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

1. Giảng viên 1: Hà Thị Thanh Trang; Số điện thoại: 0359178527; Email: [hathithanhtrang@gmail.com](mailto:hathithanhtrang@gmail.com)
2. Giảng viên 2: Vũ Nhật Phương; Số điện thoại: 0934773738; Email: [vnphuong@ttn.edu.vn](mailto:vnphuong@ttn.edu.vn)
3. Giảng viên 3: Thái Thị Hoài An; Số điện thoại: 0905861975; Email: [thaiandhtn@gmail.com](mailto:thaiandhtn@gmail.com)
4. Giảng viên 4: Lại Thị Ngọc Hạnh; Số điện thoại: 0984949906; Email: [hanh84dhtn@gmail.com](mailto:hanh84dhtn@gmail.com)
5. Giảng viên 5: Lương Huỳnh Việt Thắng; Số điện thoại: 0973364646; Email: [vietthang.taynguyenuni@gmail.com](mailto:vietthang.taynguyenuni@gmail.com)
6. Giảng viên 6: Nguyễn Phương Đại Nguyên; Số điện thoại: 0914032103; Email: [npdnguyen@ttn.edu.vn](mailto:npdnguyen@ttn.edu.vn)
7. Giảng viên 7: Hồ Ngọc Đoàn Thư; Số điện thoại: 0914248778; Email: [hongocdoanthu@gmail.com](mailto:hongocdoanthu@gmail.com)
8. Giảng viên 8: Cao Thị Hoài; Số điện thoại: 0984486838; Email: [caohoi.tnu@gmail.com](mailto:caohoi.tnu@gmail.com)
9. Giảng viên 9: Trương Thị Hiền; Số điện thoại: 0905091558; email: [tthien@ttn.edu.vn](mailto:tthien@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần kỹ năng mềm được xếp là học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo đại học của tất cả các ngành tại Trường Đại học Tây Nguyên. Học phần này có vị trí quan trọng trong việc hình thành cho sinh viên những kỹ năng mềm cơ bản để thích ứng với xu thế phát triển chung của thời đại. Học phần bao gồm kiến thức về các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm, kỹ năng tư duy tích cực và sáng và kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian. Từ những kiến thức được cung cấp, sinh viên sẽ hình thành và vận dụng được một cách linh hoạt những kỹ năng mềm này vào trong thực tiễn học tập và cuộc sống, giúp sinh viên trở nên năng động hơn, góp phần đáp ứng được yêu cầu của các đơn vị sử dụng lao động. Với những kiến thức và kỹ năng mềm được rèn luyện trong học phần, sinh viên còn có thể vận dụng sáng tạo nhằm hỗ trợ cho việc học tập các học phần khác trong chương trình đào tạo của ngành.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

M1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một kỹ năng mềm thiết yếu.

M2: Phát triển, thực hành các kỹ năng mềm phục vụ cho việc thực hiện công việc và phát triển bản thân, đóng góp vào sự phát triển của tổ quốc và xã hội

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1: Biết xây dựng chiến lược giao tiếp hiệu quả cho bản thân;

H2: Vận dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau.

H3: Biết hình thành và điều hành nhóm làm việc hiệu quả khi thực hiện các mục tiêu chung của nhóm.

H4: Biết cách vận dụng các kỹ năng cần thiết để xử lý các vấn đề xảy ra trong quá trình làm việc nhóm.

H5: Xác định được các rào cản hạn chế khả năng sáng tạo và cách thức vượt qua các rào cản.

H6: Áp dụng các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo vào học tập và cuộc sống.

H7: Sử dụng các công cụ quản lý thời gian để tối ưu hóa việc tổ chức, sắp xếp kế hoạch nhằm đạt được ước mơ, mục tiêu cá nhân.

H8: Vận dụng kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian trong việc xây dựng kế hoạch học tập chủ động của sinh viên.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	C1	C2	C3	C8	C15
H1			x		
H2			x	x	
H3			x	x	
H4			x		
H5			x		
H6			x		x
H7			x		x
H8			x		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Kỹ năng giao tiếp hiệu quả</b></p> <p><b>1.1. Định nghĩa giao tiếp và văn hóa giao tiếp</b></p> <p>1.1.1. Định nghĩa giao tiếp</p> <p>1.1.2. Văn hóa giao tiếp</p> <p><b>1.2. Các loại hình giao tiếp</b></p> <p>1.2.1. Giao tiếp bằng lời</p> <p>1.2.2. Giao tiếp không lời</p> <p>1.2.3. Giao tiếp thông qua các phương tiện hỗ trợ</p> <p>1.2.4. Giao tiếp bằng chữ viết</p> <p><b>1.3. Các nguyên tắc trong giao tiếp</b></p> <p><b>1.4. Cách giao tiếp hiệu quả</b></p> <p><b>1.5. Nghệ thuật lắng nghe</b></p> <p>1.5.1. Vai trò của lắng nghe</p> <p>1.5.2. Cải thiện kỹ năng lắng nghe</p> <p><b>1.6. Giao tiếp và ứng xử</b></p> <p><b>1.7. Giao tiếp với những đối tượng khác nhau</b></p> <p>1.7.1. Cấp trên</p> <p>1.7.2. Cấp dưới</p> <p>1.7.3. Đồng nghiệp</p>	<p>LT: 6 tiết</p> <p>BT: 1 tiết</p>	<p>Chương 1</p> <p>bài giảng và tài liệu tham khảo</p> <p>[2-3]</p> <p>[2-5]</p>
2	<p><b>Chương 2. Kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm</b></p> <p><b>2.1. Khái quát chung về mục tiêu và làm việc nhóm</b></p> <p>2.1.1. Khái quát chung về làm việc nhóm Cấu trúc nhóm làm việc</p> <p>2.1.1.1. Các hình thức nhóm làm việc</p> <p>2.1.1.2. Đặc điểm nhóm làm việc hiệu quả</p> <p>2.1.1.3. Các giai đoạn hình thành nhóm làm việc</p>	<p>LT: 3 tiết</p> <p>BT: 5 tiết</p>	<p>Chương 2</p> <p>bài giảng và tài liệu tham khảo</p> <p>[2-1]</p> <p>[2-6]</p>

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	2.1.2. Khái quát về mục tiêu 2.1.2.1. Định nghĩa mục tiêu 2.1.2.2. Nguyên tắc xác lập mục tiêu <b>2.2. Một số kỹ năng trong làm việc nhóm</b> 2.2.1. Kỹ năng truyền thông trong nhóm 2.2.2. Kỹ năng họp nhóm 2.2.3. Kỹ năng biết chấp nhận người khác 2.2.4. Kỹ năng thích nghi và hợp tác 2.2.5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn 2.2.6. Kỹ năng ra quyết định 2.2.7. Kỹ năng xây dựng tinh thần nhóm		
	<b>Chương 3: Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo</b> <b>3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sáng tạo</b> 3.1.1. Khái niệm sáng tạo 3.1.2. Tầm quan trọng của sáng tạo <b>3.2. Các cấp độ sáng tạo</b> 3.2.1. Sử dụng ngay ý tưởng có sẵn 3.2.2. Lựa chọn ý tưởng tối ưu trong những ý tưởng có sẵn 3.2.3. Cải tiến ý tưởng có sẵn 3.2.4. Đưa ra ý tưởng mới 3.2.5. Đưa ra nguyên lý hoạt động mới tạo hệ thống mới <b>3.3. Rào cản hạn chế sự sáng tạo</b> 3.3.1. Các rào cản 3.3.2. Cách thức vượt qua các rào cản <b>3.4. Đặc điểm người giàu tính sáng tạo</b> 3.4.1. Cởi mở 3.4.2. Giàu trí tưởng tượng 3.4.3. Luôn đặt câu hỏi 3.4.4. Thách thức ý kiến cũ 3.4.5. Kết nối các ý tưởng rời rạc 3.4.6. Tìm giải pháp mới <b>3.5. Các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo</b> 3.5.1. Động não 3.5.2. Sáu chiếc mũ tư duy 3.5.3. Bản đồ tư duy 3.5.4. Kỹ thuật gán ghép ngẫu nhiên 3.5.5. What if	LT: 3 tiết BT: 5 tiết	Chương 3 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-4] [2-8]
...	<b>Chương 4. Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian</b> <b>4.1. Ước mơ và mục tiêu</b> 4.1.1. Ước mơ 4.1.2. Mục tiêu 4.1.3. Yếu tố thời gian 4.1.3.1. Tầm quan trọng của thời gian 4.1.3.2. Kẻ “móc túi” thời gian <b>4.2. Công cụ quản lý thời gian</b> 4.2.1. Ma trận quản lý thời gian 4.2.2. Lịch tuần cá nhân 4.2.3. Lập kế hoạch học tập chủ động	LT: 3 tiết BT: 4 tiết	Chương 4 bài giảng và tài liệu tham khảo [2-2] [2-7]

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 tiết		H1 H2	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Chia sẻ những khó khăn và vướng mắc trong giao tiếp.</li> <li>- Thực hành: Bài tập tình huống giao tiếp, ngôn ngữ hình thể.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng đường</li> </ul>	Tham gia thực hành trên lớp Trình bày của sinh viên (nhóm) trước lớp.
Số tiết: 8 tiết	<p><b>Chương 2. Kỹ năng xác lập mục tiêu và làm việc nhóm</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>2.1. Khái quát chung về mục tiêu và làm việc nhóm</p> <p>2.1.1. Khái quát chung về làm việc nhóm Cấu trúc nhóm làm việc</p> <p>2.1.1.1. Các hình thức nhóm làm việc</p> <p>2.1.1.2. Đặc điểm nhóm làm việc hiệu quả</p> <p>2.1.1.3. Các giai đoạn hình thành nhóm làm việc</p> <p>2.1.2. Khái quát về mục tiêu</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP Warm up, PP gọi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Warm up: Giới thiệu và làm quen bằng cách tự giới thiệu về bản thân thông qua lá bài.</li> <li>- Phương pháp gọi mở từ: Cây kỳ vọng, xem</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành.</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp</li> <li>+ Kết quả thực hành trước lớp.</li> <li>+ Trình bày của sinh viên (nhóm) trước lớp.</li> </ul> </li> </ul>

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	2.1.2.1. Định nghĩa mục tiêu 2.1.2.2. Nguyên tắc xác lập mục tiêu <b>2.2. Một số kỹ năng trong làm việc nhóm</b> 2.2.1. Kỹ năng truyền thông trong nhóm 2.2.2. Kỹ năng họp nhóm 2.2.3. Kỹ năng biết chấp nhận người khác 2.2.4. Kỹ năng thích nghi và hợp tác 2.2.5. Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn 2.2.6. Kỹ năng ra quyết định 2.2.7. Kỹ năng xây dựng tinh thần nhóm		phim rạp xiếc bướm bướm - Tổ chức trò chơi: Hoạt động vẽ tranh, hoạt động lạc trên biển, hoạt động truyền tin, 6 chiếc mũ tư duy. - Thực hành: lạc trên đảo hoang để tìm ra người thích hợp làm vai trò nhóm trưởng. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Số tiết: 7 tiết	<b>Chương 3: Kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo</b> <b>Nội dung</b> 3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của sáng tạo 3.1. Khái niệm sáng tạo 3.2. Tầm quan trọng của sáng tạo 3.2. Các cấp độ sáng tạo 3.2.1. Sử dụng ngay ý tưởng có sẵn 3.2.2. Lựa chọn ý tưởng tối ưu trong những ý tưởng có sẵn 3.2.3. Cải tiến ý tưởng có sẵn 3.2.4. Đưa ra ý tưởng mới 3.2.5. Đưa ra nguyên lý hoạt động mới tạo hệ thống mới 3.3. Rào cản hạn chế sự sáng tạo	H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thảo luận nhóm thực hành. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Dạy học thông qua các hoạt động, trò chơi hoặc các hoạt động có tính thực hành theo nội dung bài học và tùy vào chuyên ngành đào tạo <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa.	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp + Kết quả thực hành trước lớp.

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	3.3.1. Các rào cản 3.3.1.1. Tư duy theo lối mòn 3.3.1.2. Ngại vượt qua khuôn thước định sẵn 3.3.1.3. Sợ sự chế giễu 3.3.2. Cách thức vượt qua các rào cản 3.3.2.1. Điều chỉnh quá trình tư duy 3.3.2.2. Thách thức điều đã định 3.3.2.3. Phớt lờ sự chế diễu 3.4. Đặc điểm người giàu tính sáng tạo 3.4.1. Cởi mở 3.4.2. Giàu trí tưởng tượng 3.4.3. Luôn đặt câu hỏi 3.4.4. Thách thức ý kiến cũ 3.4.5. Kết nối các ý tưởng rời rạc 3.4.6. Tìm giải pháp mới 3.5. Các kỹ thuật thường dùng trong sáng tạo 3.5.1. Động não 3.5.2 Sáu chiếc mũ tư duy 3.5.3. Bản đồ tư duy 3.5.4. Kỹ thuật gán ghép ngẫu nhiên 3.5.5. What if		<b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Số tiết: 7 tiết	<b>Chương 4. Kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian</b> 4.1. Ước mơ và mục tiêu 4.1.1. Ước mơ 4.1.2. Mục tiêu 4.1.3. Yếu tố thời gian 4.1.3.1. Tầm quan trọng của thời gian 4.1.3.2. Kể “móc túi” thời gian	H7 H8	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP Warm up, PP gợi mở, tổ chức các trò chơi, thực hành. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: Tham gia các trò chơi và tham gia thực hành. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng kết quả tham gia của các thành viên tại lớp + Kết quả thực

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	4.2. Công cụ quản lí thời gian 4.2.1. Ma trận quản lí thời gian 4.2.2. Lịch tuần cá nhân 4.2.3. Lập kế hoạch học tập chủ động		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Warm up: Giới thiệu và làm quen bằng cách trả lời các câu hỏi liên quan đến ước mơ và mục tiêu, hỏi nhanh đáp nhanh.</li> <li>- Phương pháp gợi mở từ: hoạt động xây tháp, xem clip về 5 cụ già người Đài Loan.</li> <li>- Tổ chức trò chơi: Trò chơi với số 30, đặt lịch hẹn hò, trò chơi tử thần, trò chơi nào ta cùng thắng, thí nghiệm đá – sỏi – cát – nước</li> <li>- Thực hành: xây dựng ước mơ và phiên dịch ước mơ sang mục tiêu, ma trận quản lí thời gian, xây dựng lịch tuần cá nhân, xây dựng kế hoạch học tập chủ động</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu, tham gia các hoạt động, tích cực tìm hiểu ý nghĩa.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	hành trước lớp.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Tên tác giả (năm xuất bản). Tên tài liệu, nhà xuất bản.

(Sách, giáo trình chính trong giảng dạy và học tập thường chiếm 50% nội dung sử dụng trở lên)

Nguyễn Phương Đại Nguyên, Vũ Nhật Phương, Thái Thị Hoài An, Lưu Huỳnh Việt Thắng, Hồ Ngọc Đoan Thư, Lại Thị Ngọc Hạnh, Cao Thị Hoài, Hà Thị Thanh Trang, Trương Thị Hiền (2020) - Bài giảng Kỹ năng mềm – Trường Đại học Tây Nguyên

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2-1]. John Maxwell (2018). 17 Nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-2]. Leander Kahney, (2014), Kiểm Soát Thời Gian – Chu Toàn Mọi Việc, NXB lao động xã hội

[2-3]. Leil Lowndes (2014), Nghệ Thuật Giao Tiếp Để Thành Công, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-4]. Michael J.Gelb (Tái bản 2018), Tư duy như Leonardo da Vinci, NXB Lao động.

[2-5]. Nannette Rundle Carroll (2014). Nghệ Thuật Giải Quyết Các Vấn Đề Trong Giao Tiếp, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-6]. Robert Bolton & Dorothy Grover Bolton (2008). 4 phong cách làm việc, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

[2-7]. S. J. Scott, (Tái bản 2018), Ngay bây giờ hoặc không bao giờ - 23 thói quen chống lại sự trì hoãn, NXB Lao động

[2-8]. Takashi Ishii, (2017), Tư duy một phút – ý tưởng nằm ở lối đi khác biệt, NXB Lao động.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài tập, tình huống thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thực hành:

- Tham gia đầy đủ, tích cực các bài tập thực hành của học phần;
- Thực hiện đầy đủ các hoạt động trên lớp theo yêu cầu giảng viên.

7.3. Phần bài tập lớn: Các bài tập lớn liên quan xử lý tình huống trong giao tiếp, trong làm việc nhóm, trong phát triển khả năng tư duy sáng tạo và trong việc quản lý thời gian.

### 7.4. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thi kết thúc học phần: 100%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm kết thúc học phần

Điểm kết thúc học phần đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Điểm học phần là điểm trung bình cộng của 4 bài tập lớn sau khi học xong 4 chương do 4 giảng viên đảm nhiệm.

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kỹ năng giao tiếp	Bài tập lớn	H1 H2	25%
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kỹ năng	Bài tập lớn	H3 H4	25%



<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>
xác lập mục tiêu và làm việc nhóm			
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kỹ năng tư duy tích cực và sáng tạo	Bài tập lớn	H5 H6	25%
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi học xong kỹ năng tổ chức công việc và quản lý thời gian	Bài tập lớn	H7 H8	25%

**Nhóm nghiên cứu  
phát triển kỹ năng**

*Ngày tháng năm 2020*  
**TM. Nhóm biên soạn**

**TS.Trương Thị Hiền**

**TS.Thái Thị Hoài An**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: KHỞI NGHIỆP**  
**Mã học phần: KT213355**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,5; Số tín chỉ thực hành: 0,5

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

TT	HỌ VÀ TÊN	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
1	PGS.TS. Lê Đức Niêm	0964061111	<a href="mailto:ldniem@ttn.edu.vn">ldniem@ttn.edu.vn</a>
2	TS. Nguyễn Ngọc Thắng	0935500000	<a href="mailto:nnthang@ttn.edu.vn">nnthang@ttn.edu.vn</a>
3	TS. Nguyễn Văn Đạt	0914144384	<a href="mailto:nvdat@ttn.edu.vn">nvdat@ttn.edu.vn</a>
4	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	0919356677	<a href="mailto:nthyen@ttn.edu.vn">nthyen@ttn.edu.vn</a>
5	TS. Đỗ Thị Nga	0914056482	<a href="mailto:dothinga@ttn.edu.vn">dothinga@ttn.edu.vn</a>
6	ThS. Huỳnh Thị Nga	0989411179	<a href="mailto:htnga@ttn.edu.vn">htnga@ttn.edu.vn</a>

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Khởi nghiệp là học phần bắt buộc của sinh viên khối ngành Kinh tế. Học phần cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Học phần cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra học phần còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp. Đây là học phần sử dụng kiến thức tổng hợp từ nhiều môn như Quản trị điều hành, Quản trị tài chính, Quản trị marketing... tuy nhiên học phần được thiết kế gọn nhẹ, có phần kiến thức cơ bản để sinh viên các ngành khác có thể học tập học phần này.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

**3.1. Mục tiêu học phần:**

Sau khi học xong học phần này, người học:

MT1: Có kiến thức cơ bản về khởi nghiệp, các hình thức khởi nghiệp, hiểu rõ về tổ chức và tinh thần cần có của doanh nhân.

MT2: Hiểu được cách thức tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp và sơ bộ cụ thể hoá ý tưởng đó.

MT3: Nắm rõ cách xây dựng bản kế hoạch khởi nghiệp, hiểu rõ về cách thức tổ chức các nguồn lực cho kế hoạch khởi nghiệp.

MT4: Lựa chọn và triển khai được kế hoạch kinh doanh, tổ chức và thực hiện các hoạt động chính của quá trình kinh doanh.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần:**

H1: Trau dồi các tổ chức của doanh nhân từ đó có thái độ tích cực, chủ động xác định mục tiêu, sứ mệnh khởi nghiệp đúng đắn.

H2: Áp dụng các phương pháp để tìm ra ý tưởng khởi nghiệp, lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp

H3: Vận dụng các phương pháp quản trị để điều hành hoạt động khởi nghiệp hiệu quả.

H4: Tinh thần khởi nghiệp chủ động và sáng tạo trong khuôn khổ luật pháp và các quy định của chính quyền trung ương và địa phương

H5: Kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy độc lập và sáng tạo

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C3	C15
H1	x	
H2	x	x
H3	x	x
H4	x	x

### 4. Cấu trúc học phần:

STT	Chương	Số tiết	Tài liệu tự học
1	<b>Chương 1: Khái quát về khởi nghiệp:</b> 1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội 1.2 Tổ chức doanh nhân 1.3 Tinh thần doanh nhân 1.4 Các hình thức khởi nghiệp	LT: 2 TH: 2	[1] chương 1
2	<b>Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp</b> 2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp 2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh 2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp 2.4 Tìm cộng sự 2.5 Tìm nguồn tài chính 2.6 Thăm dò thị trường	LT: 4 TH: 4	[1] chương 2
3	<b>Chương 3: Phương án khởi nghiệp</b> 3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch 3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường 3.3 Phân tích nguồn lực 3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp 3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ 3.6 Dự toán vốn đầu tư 3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành	LT: 8 TH: 4	[1] chương 3
4	<b>Chương 4: Khởi nghiệp (Triển khai hoạt động kinh doanh)</b> 4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh 4.2 Chiến lược marketing 4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ 4.4 Tổ chức bán hàng 4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp 4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp	LT: 8,5 TH: 5	[1] chương 4, chương 5
	<b>Tổng cộng</b>	37,5	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi thứ nhất (4 tiết)	<b>Chương 1: Khái quát về khởi nghiệp:</b> 1.1 Khởi nghiệp - hiện tượng kinh tế và xã hội 1.2 Tổ chức doanh nhân 1.3 Tinh thần doanh nhân 1.4 Các hình thức khởi nghiệp	H1 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP nêu vấn đề, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 2 (4 tiết)	<b>Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp</b> 2.1 Các phương pháp tìm ý tưởng khởi nghiệp 2.2 Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh 2.3 Giới thiệu ý tưởng khởi nghiệp	H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 3 (4 tiết)	<b>Chương 2: Ý tưởng khởi nghiệp (tt)</b> 2.4 Tìm cộng sự 2.5 Tìm nguồn tài chính 2.6 Thăm dò thị trường	H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 4 (4 tiết)	<b>Chương 3: Phương án khởi nghiệp</b> 3.1 Cấu trúc của bản kế hoạch 3.2 Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường 3.3 Phân tích nguồn lực	H1 H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi,	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	biện.
Buổi thứ 5 (4 tiết)	<b>Chương 3: Phương án khởi nghiệp (tt)</b> 3.4 Lựa chọn hình thức khởi nghiệp 3.5 Lựa chọn kỹ thuật và công nghệ 3.6 Dự toán vốn đầu tư 3.7 Kế hoạch tổ chức vận hành	H1 H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 6 (4 tiết)	<b>Thảo luận, thuyết trình nhóm</b>	H1 H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP nêu vấn đề, PP thảo luận trên lớp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bảng câu hỏi Kết quả khảo sát Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 7 (4 tiết)	<b>Chương 4: Khởi nghiệp (Triển khai hoạt động kinh doanh)</b> 4.1 Lựa chọn chiến lược kinh doanh 4.2 Chiến lược marketing	H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 8 (4 tiết)	<b>Chương 4: Khởi nghiệp (tt)</b> 4.3 Vận hành sản xuất sản phẩm/cung ứng dịch vụ 4.4 Tổ chức bán hàng	H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			- Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	tham gia phản biện.
Buổi thứ 9 (4 tiết)	<b>Chương 4: Khởi nghiệp (tt)</b> 4.5 Đánh giá kế hoạch khởi nghiệp 4.6 Điều chỉnh kế hoạch khởi nghiệp	H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thảo luận và trình bày. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Đánh giá:</b> Chuyên cần Bài thuyết trình của nhóm <b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.
Buổi thứ 10 (1,5 tiết)	<b>Kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4		

## 6. Tài liệu học tập:

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Ngọc Huyền (2011), *Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp*, NXB ĐH KTQD (tài liệu chính).

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lưu Đan Thọ (2016), *Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh*, NXB Tài chính, 2016.

[3] Eric Ries (2011), *Khởi nghiệp tinh gọn (the lean startup)*, NXB the Crown Publishing

Group.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài giảng và nội dung thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. **Trọng số điểm bộ phận:** 30%; **Trọng số Đề án startup thu hoạch:** 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua: - Điểm danh; - Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học; - Mức độ tham gia thảo luận và phản biện trên lớp	H1 H2 H3 H4 H5	10%

2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Đánh giá thông qua: - Chất lượng bài trình bày; - Kỹ năng trình bày; - Kỹ năng phản biện; - Kỹ năng làm việc nhóm	H1 H2 H3 H4 H5	50%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Đánh giá thông qua: Kiểm tra tự luận	H2 H3 H4	20%
4	Trắc nghiệm ngắn	Kiểm tra mức độ nhớ các kiến thức căn bản	3 bài trắc nghiệm ngắn, mỗi bài 10 phút		20%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Đề án startup thu hoạch

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thuyết trình đề án	H1 H2 H3 H4 H5

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hải Yến

TS. Nguyễn Ngọc Thắng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: PHÁP LUẬT VIỆT NAM ĐẠI CƯƠNG**  
**Mã học phần: NL211702**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1. Họ và tên: Phan Thúy An; Số điện thoại: 0973300803;

Email: ptan@ttn.edu.vn

Giảng viên 2. Họ và tên: Đỗ Thị Bông; Số điện thoại: 0962223979;

Email: dtbong@ttn.edu.vn

Giảng viên 3. Họ và tên: Bùi Thị Thu Dung; Số điện thoại: 0353030033;

Email: bttdung@ttn.edu.vn

Giảng viên 4. Họ và tên: Đặng Thị Nhung; Số điện thoại: 0982915979;

Email: dtnhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 5. Nguyễn Trường Tam; Số điện thoại: 0919667686;

Email: nttam@ttn.edu.vn

Giảng viên 6. Họ và tên: Trịnh Thị Thủy; Số điện thoại: 0972344322;

Email: ttthuy@ttn.edu.vn

Giảng viên 7. Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyền; Số điện thoại: 0968010188;

Email: nttuyen@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Pháp luật Việt Nam đại cương trang bị cho sinh viên các ngành những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật; về các ngành luật quan trọng, nền tảng trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vận dụng kiến thức đã học xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong học tập, công việc và đời sống.

Các nội dung cụ thể bao gồm:

- Những vấn đề cơ bản về nhà nước;
- Những vấn đề cơ bản về pháp luật;
- Quy phạm pháp luật và quan hệ pháp luật;
- Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;
- Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân và Gia đình, Luật Phòng, chống tham nhũng...

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1: Có kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật;

MT2: Hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

MT3: Có kiến thức cơ bản về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;

MT4: Có kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phản biện và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống;

MT5: Rèn luyện tác phong sống và làm việc theo pháp luật.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật;

H2: Có khả năng hiểu được các khái niệm pháp lý: Quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý;

H3: Nắm vững kiến thức về các ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam;



H4: Phát triển được kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, thuyết trình, phân biệt và vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn học tập, công việc và đời sống;

H5: Có tinh thần thượng tôn pháp luật.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C5	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x
H5		x

## 4. Cấu trúc học phần

STT	Tên chương	Số tiết	Tài liệu tự học
1	<p><b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC</b></p> <p>1.1. Nguồn gốc nhà nước</p> <p><b>1.1.1. Một số học thuyết phi Macxit về nguồn gốc nhà nước</b></p> <p><b>1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc nhà nước</b></p> <p>1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước</p> <p>1.3 Bản chất nhà nước</p> <p>1.3.1. Tính giai cấp của nhà nước</p> <p>1.3.2. Tính xã hội của nhà nước</p> <p>1.4. Chức năng của nhà nước</p> <p>1.4.1. Chức năng đối nội</p> <p>1.4.2. Chức năng đối ngoại</p> <p>1.5. Bộ máy nhà nước</p> <p>1.6. Hình thức và kiểu nhà nước</p> <p>1.6.1. Hình thức nhà nước</p> <p>1.6.2. Kiểu nhà nước</p> <p><b>Thảo luận (TL):</b> Những đặc trưng cơ bản của nhà nước.</p>	<p>LT: 02 tiết</p> <p>TL: 01 tiết</p>	<p>[1] Chương 2, 3, 4, 5, 6;</p> <p>[2] Chương 1; [3]; [8]; [9]; [10]</p>
2	<p><b>Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT</b></p> <p>2.1. Nguồn gốc pháp luật</p> <p>2.2. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật</p> <p>2.3. Bản chất của pháp luật</p> <p>2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật</p> <p>2.2.2. Tính xã hội của pháp luật</p> <p>2.4. Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật</p> <p>2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế</p> <p>2.4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị</p> <p>2.4.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước</p> <p>2.4.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác</p> <p>2.5. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật</p> <p>2.5.1. Hình thức pháp luật</p> <p>2.5.2. Kiểu pháp luật</p> <p><b>Thảo luận (TL):</b> Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật.</p>	<p>LT: 02 tiết</p> <p>TL: 01 tiết</p>	<p>[1] Chương 10, 12, 13;</p> <p>[2] Chương 1.</p>
3	<p><b>Chương 3. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT</b></p>	<p>LT: 01 tiết</p>	<p>[1] Chương</p>

	<p>3.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật</p> <p>3.1.2. Đặc điểm quy phạm pháp luật</p> <p>3.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật</p> <p>3.2. Quan hệ pháp luật</p> <p>3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật</p> <p>3.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật</p> <p>3.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật</p> <p>3.3. Sự kiện pháp lý</p> <p>3.3.1. Khái niệm sự kiện pháp lý</p> <p>3.3.2. Phân loại sự kiện pháp lý</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> Quan hệ pháp luật.</p>	TT: 01 tiết	14, 17; [2] Chương 2.
4	<p><b>Chương 4. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ</b></p> <p>4.1. Thực hiện pháp luật</p> <p>4.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật</p> <p>4.1.2. Các hình thức thực hiện pháp luật</p> <p>4.2. Vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.4. Phân loại vi phạm pháp luật</p> <p>4.3. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.2. Đặc điểm trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.3. Phân loại trách nhiệm pháp lý</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> 1. Các hình thức thực hiện pháp luật; 2. Vi phạm pháp luật</p>	LT: 02 tiết TT: 02 tiết	[1] Chương 18, 19; [2] Chương 3.
5	<p><b>Chương 5. LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH</b></p> <p>5.1. Luật Hiến pháp</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp</p> <p>5.1.2. Hiến pháp – Luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>5.1.3. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013</p> <p>5.1.4. Tổ chức bộ máy và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>5.2. Luật Hành chính</p> <p>5.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính</p> <p>5.2.2. Quan hệ pháp luật Hành chính</p> <p>5.2.3. Vi phạm hành chính</p> <p>5.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p>	LT: 03 tiết TT: 01 tiết	[2] Chương 4, 5; [3];[8]; [9]; [10]; [11]; []; []
6	<p><b>Chương 6. LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b></p> <p>6.1. Luật Hình sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự</p> <p>6.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự</p>	LT: 03 tiết TT: 01 tiết	[2] Chương 6; [4]; [5]; [9] [10];

	6.1.3. Tội phạm 6.1.4. Cấu thành tội phạm 6.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp 6.2. Luật Tố tụng hình sự 6.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự 6.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng 6.2.3. Các giai đoạn tố tụng hình sự <i>Thuyết trình (TT):</i> Tội phạm và cấu thành tội phạm		
7	<b>Chương 7. LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ</b> 7.1. Luật Dân sự 7.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự 7.1.2. Quyền sở hữu 7.1.3. Giao dịch dân sự 7.1.4. Thừa kế 7.2. Luật Tố tụng dân sự 7.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự 7.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự 7.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự 7.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự <i>Thuyết trình (TT):</i> Thừa kế.	LT: 03 tiết TT: 01 tiết	[2] Chương 7; [6]; [7];[14]
8	<b>Chương 8. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH</b> 8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình 8.1.2 Khái niệm Luật Hôn nhân và Gia đình 8.1.2. Đối tượng điều chỉnh 8.1.3. Phương pháp điều chỉnh 8.2 Kết hôn và các điều kiện kết hôn 8.2.1. Kết hôn 8.2.2. Các điều kiện kết hôn 8.3. Đăng ký kết hôn 8.4. Hủy kết hôn trái pháp luật 8.5. Ly hôn 8.5.1. Khái niệm ly hôn 8.5.2. Căn cứ ly hôn 8.5.3. Các trường hợp ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình 8.5.4. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn <i>Thuyết trình (TT):</i> Kết hôn và các điều kiện kết hôn	LT: 01 tiết TT: 01 tiết	[12]
9	<b>Chương 9. LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</b> 9.1. Khái niệm tham nhũng 9.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng 9.3. Các hành vi tham nhũng 9.4. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng 9.5. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng	LT: 02 tiết	[13]
10	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	02 tiết	
	<b>Tổng cộng: 30 tiết</b>		

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi thứ nhất (04 tiết)	<p><b>Chương 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC</b></p> <p>1.1. Nguồn gốc nhà nước</p> <p>1.1.1. Một số học thuyết phi Macxit về nguồn gốc Nhà nước</p> <p>1.1.2. Học thuyết Mác-Lênin về nguồn gốc Nhà nước</p> <p>1.2. Những đặc trưng cơ bản của nhà nước</p> <p>1.3 Bản chất nhà nước</p> <p>1.3.1. Tính giai cấp của nhà nước</p> <p>1.3.2. Tính xã hội của nhà nước</p> <p>1.4. Chức năng của nhà nước</p> <p>1.4.1. Chức năng đối nội</p> <p>1.4.2. Chức năng đối ngoại</p> <p>1.5. Bộ máy nhà nước</p> <p>1.6. Hình thức và kiểu nhà nước</p> <p>1.6.1. Hình thức nhà nước</p> <p>1.6.2. Kiểu nhà nước</p> <p><i>Thảo luận (TL):</i> Những đặc trưng cơ bản của nhà nước</p> <p><b>Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT</b></p> <p>2.1. Nguồn gốc của pháp luật</p> <p>2.2. Khái niệm và đặc trưng cơ bản của pháp luật</p>	H1 H2 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận).</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thảo luận của nhóm.</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài thảo luận của nhóm.</p>
Buổi thứ 2 (04 tiết)	<p><b>Chương 2. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT (Tiếp theo)</b></p> <p>2.3. Bản chất của pháp luật</p> <p>2.2.1. Tính giai cấp của pháp luật</p> <p>2.2.2. Tính xã hội của pháp luật</p> <p>2.4 Các mối quan hệ cơ bản của pháp luật</p> <p>2.4.1. Mối quan hệ giữa pháp luật với kinh tế</p> <p>2.4.2. Mối quan hệ giữa pháp luật với chính trị</p> <p>2.4.3. Mối quan hệ giữa pháp luật với Nhà nước</p> <p>2.4.4. Mối quan hệ giữa pháp luật với các quy phạm xã hội khác</p> <p>2.5. Hình thức pháp luật và kiểu pháp luật</p> <p>2.5.1. Hình thức pháp luật</p> <p>2.5.2. Kiểu pháp luật</p> <p><i>Thảo luận (TL):</i> Các mối quan hệ</p>	H1 H2 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV và SV thuyết trình); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận).</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học; Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường.</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận của nhóm.</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Chất lượng bài thảo luận của nhóm.</p>

	<p>cơ bản của pháp luật</p> <p><b>Chương 3. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ QUAN HỆ PHÁP LUẬT</b></p> <p>3.1. Quy phạm pháp luật</p> <p>3.1.1. Khái niệm quy phạm pháp luật</p> <p>3.1.2. Đặc điểm quy phạm pháp luật</p> <p>3.1.3. Cấu trúc của quy phạm pháp luật</p> <p>3.2. Quan hệ pháp luật</p> <p>3.2.1. Khái niệm quan hệ pháp luật</p> <p>3.2.2. Đặc điểm của quan hệ pháp luật</p> <p>3.2.3. Thành phần của quan hệ pháp luật</p> <p>3.3. Sự kiện pháp lý</p> <p>3.3.1. Khái niệm sự kiện pháp lý</p> <p>3.3.2. Phân loại sự kiện pháp lý</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> Quan hệ pháp luật</p>			
<p>Buổi thứ 3 (04 tiết)</p>	<p><b>Chương 4. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT, VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ</b></p> <p>4.1. Thực hiện pháp luật</p> <p>4.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật</p> <p>4.1.2 Các hình thức thực hiện pháp luật</p> <p>4.2. Vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.1. Khái niệm vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.2. Dấu hiệu vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.3. Cấu thành vi phạm pháp luật</p> <p>4.2.4. Phân loại vi phạm pháp luật</p> <p>4.3. Trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.1. Khái niệm trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.2. Đặc điểm trách nhiệm pháp lý</p> <p>4.3.3. Phân loại trách nhiệm pháp lý</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> 1. Các hình thức thực hiện pháp luật; 2. Vi phạm pháp luật</p>	<p>H2</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.</p>
<p>Buổi thứ 4 (04 tiết)</p>	<p><b>Chương 5. LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH</b></p> <p>5.1. Luật Hiến pháp</p> <p>5.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hiến pháp</p>	<p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình;</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận</p>

	<p>5.1.2. Hiến pháp - Luật cơ bản của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>5.1.3. Nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013</p> <p>5.1.4. Tổ chức bộ máy và các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>5.2. Luật Hành chính</p> <p>5.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Hành chính</p> <p>5.2.2. Quan hệ pháp luật Hành chính</p> <p>5.2.3. Vi phạm hành chính</p> <p>5.2.4. Xử phạt vi phạm hành chính</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p>		<p>SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>nhóm</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện</p>
<p>Buổi thứ 5 (04 tiết)</p>	<p><b>Chương 6. LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b></p> <p>6.1. Luật Hình sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự</p> <p>6.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự</p> <p>6.1.3. Tội phạm</p> <p>6.1.4. Cấu thành tội phạm</p> <p>6.1.5. Hình phạt và các biện pháp tư pháp</p> <p>6.2. Luật Tố tụng hình sự</p> <p>6.2.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng hình sự</p> <p>6.2.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng</p> <p>6.2.3. Các giai đoạn tố tụng hình sự</p> <p><b>Thuyết trình (TT):</b> Tội phạm và cấu thành tội phạm</p>	<p>H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình; SV thuyết trình; Thảo luận nhóm trên lớp (trình bày kết quả thảo luận); Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài thuyết trình (ppt) theo phân công.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm; Bài thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.</p>
<p>Buổi thứ 6 (04 tiết)</p>	<p><b>Chương 7. LUẬT DÂN SỰ VÀ TỔ TỤNG DÂN SỰ</b></p> <p>7.1. Luật Dân sự</p> <p>7.1.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Dân sự</p> <p>7.1.2. Quyền sở hữu</p> <p>7.1.3. Giao dịch dân sự</p> <p>7.1.4. Thừa kế</p>	<p>H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV và SV); PP gọi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV;</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm.</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình</p>

	<p>7.2. Luật Tố tụng dân sự</p> <p>7.2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật Tố tụng dân sự</p> <p>7.2.2. Khái niệm vụ việc dân sự</p> <p>7.2.3. Chủ thể của Luật Tố tụng dân sự</p> <p>7.2.4. Thủ tục giải quyết vụ việc dân sự</p> <p><i>Thuyết trình (TT):</i> Thừa kế</p>		<p>Làm BT cá nhân</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài giảng (ppt) theo sự phân công.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.</p>
<p>Buổi thứ 7 (04 tiết)</p>	<p><b>Chương 8. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH</b></p> <p>8.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật Hôn nhân và Gia đình</p> <p>8.1.2. Khái niệm Luật Hôn nhân và Gia đình</p> <p>8.1.2. Đối tượng điều chỉnh</p> <p>8.1.3. Phương pháp điều chỉnh</p> <p>8.2 Kết hôn và các điều kiện kết hôn</p> <p>8.2.1. Kết hôn</p> <p>8.2.2. Các điều kiện kết hôn</p> <p>8.3. Đăng ký kết hôn</p> <p>8.4. Hủy kết hôn trái pháp luật</p> <p>8.5. Ly hôn</p> <p><b>8.5.1. Khái niệm ly hôn</b></p> <p><b>8.5.2. Căn cứ ly hôn</b></p> <p><b>8.5.3. Các trường hợp ly hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình</b></p> <p><b>8.5.4. Hậu quả pháp lý của việc ly hôn</b></p> <p><i>Thuyết trình (TT):</i> Kết hôn và các điều kiện kết hôn</p> <p><b>Chương 9. LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG</b></p> <p>9.1. Khái niệm tham nhũng</p> <p>9.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng</p> <p>9.3. Các hành vi tham nhũng</p> <p>9.3. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng</p> <p>9.4. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng</p>	<p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình (GV và SV); PP gợi mở-vấn đáp; PP thảo luận nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV thuyết trình; SV thuyết trình; Phản biện giữa SV-SV; SV trả lời câu hỏi của GV.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước buổi học, Chuẩn bị bài giảng (ppt) theo sự phân công.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài thuyết trình của nhóm.</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b> Điểm danh; Kỹ năng trình bày; Chất lượng bài trình bày; Mức độ tham gia phản biện.</p>
<p>Buổi thứ 8 (02 tiết)</p>	<p>Ôn tập (01 tiết)</p> <p>Kiểm tra (01 tiết)</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Giảng viên thuyết trình; Sinh viên đặt câu hỏi.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> GV tóm tắt lại toàn bộ nội dung đã</p>	<p><b>Đánh giá:</b> Chuyên cần; Bài kiểm tra cá nhân.</p> <p><b>Hình thức đánh giá:</b></p>

			học; giải đáp thắc mắc của sinh viên. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ôn tập toàn bộ nội dung đã học của các buổi trước; chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Điểm danh; Chấm điểm bài kiểm tra cá nhân.
--	--	--	---	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phân

[1]. Trường Đại học Luật Hà Nội (2019), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân.

[2]. Lê Minh Toàn (2019), *Pháp luật đại cương*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3]. Quốc hội (2013), *ngày 28 tháng 11 năm 2013 Hiến pháp*, Hà Nội;

[4]. Quốc hội (2015), *Luật số 100/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Hình sự 2015; Luật số 12/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 Sửa đổi, một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13*, Hà Nội;

[5]. Quốc hội (2015), *Luật số 101/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội;

[6]. Quốc hội (2015), *Luật số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Dân sự 2015*, Hà Nội;

[7]. Quốc hội (2015), *Luật số 92/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự*, Hà Nội;

[8]. Quốc hội (2015), *Luật số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2015 Luật Tổ chức chính quyền địa phương*, Hà Nội;

[9]. Quốc hội (2014), *Luật số 62/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Luật Tổ chức Toà án nhân dân*, Hà Nội;

[10]. Quốc hội (2014), *Luật số 63/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Hà Nội;

[11]. Quốc hội (2012), *Luật số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội;

[12]. Quốc hội (2014), *Luật số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014 Luật Hôn nhân và Gia đình*, Hà Nội;

[13]. Quốc hội (2018), *Luật số 36/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 Luật Phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội;

[14]. Quốc hội (2008), *Luật số 26/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 Luật Thi hành án dân sự; Luật số 64/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự*, Hà Nội;

[15]. Quốc hội (2015), *Luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận



TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên. <b>Đánh giá thông qua:</b> - Điểm danh; - Mức độ chuẩn bị bài trước buổi học.	H1 H2 H3	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	<b>Đánh giá thông qua:</b> - Chất lượng bài trình bày; - Kỹ năng trình bày; - Kỹ năng phân biện; - Kỹ năng làm việc nhóm; - Mức độ tham gia thảo luận trên lớp.	H1 H2 H3	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	<b>Đánh giá thông qua:</b> Kiểm tra tự luận	H1 H2 H3	40%
4	Tổng		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày ... tháng ... năm 20...

Người biên soạn

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH**  
**Mã học phần: SP 211001**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đoàn Thị Tâm; Số điện thoại: 0944919298;

Email: dttam@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Thị Thắm; Số điện thoại: 0935410785;

Email: tttham@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần *Tiếng Việt thực hành* trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả. Ngoài việc rèn luyện và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, để cung cấp cho người học một thứ công cụ vô cùng quan trọng để dễ dàng giao tiếp và lĩnh hội các tri thức khoa học, sách còn rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt tương ứng với những vấn đề lý thuyết đã trình bày như kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả. Mục tiêu quan trọng hơn nữa là giúp người học phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp; Bồi dưỡng cho người học thái độ yêu quý và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, sử dụng chuẩn mực và sáng tạo tiếng Việt ở cả hai lĩnh vực giao tiếp là nói và viết.

Học phần có kết cấu 4 chương: *Rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; Rèn luyện kỹ năng đặt câu; Rèn luyện kỹ năng dùng từ; Rèn luyện kỹ năng chính tả.*

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1: Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất những vấn đề về văn bản, đoạn văn, câu, từ và chính tả tiếng Việt. Qua đó, người học biết vận dụng những kiến thức đã được học vào hoạt động giao tiếp một cách có hiệu quả.

MT2: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản trong nhà trường, về vấn đề đặt câu, dùng từ và chính tả.

MT3: Cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết *Ngôn ngữ học* và *Việt ngữ học*.

MT4: Chú trọng việc thực hành giải bài tập rèn luyện các kỹ năng sử dụng tiếng Việt nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt cho người học.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm.

H2: Có kỹ năng sử dụng Tiếng Việt như: Kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.

H3: Phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C6	C7
H1		x
H2		x
H3		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Rèn luyện về văn bản</b> 1.1. Khái quát về văn bản 1.2. Các phong cách chức năng	LT: 8 tiết BT: 4 tiết	[1]: Chương 1 [2]: Phần V [3]: Chương 9, 10 [4]: Bài 4, 5, 6, 7, 8. [5]: Chương I, II
2	<b>Chương 2. Rèn luyện về câu</b> 2.1. Câu trong hoạt động giao tiếp 2.2. Dấu câu 2.3. Một số thao tác rèn luyện về câu 2.4. Câu sai	LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1]: Chương 2 [2]: Phần II, III, IV [3]: Chương 7 [4]: Bài 3 [5]: Chương III
3	<b>Chương 3. Rèn luyện về từ</b> 3.1. Các lớp từ tiếng Việt 3.2. Nghĩa của từ 3.3. Khắc phục một số lỗi dùng từ thường gặp	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương 3 [2]: Phần IV [3]: Chương 4, 5, 6 [4]: Bài 2 [5]: Chương IV, mục A
4	<b>Chương 4. Rèn luyện về chính tả</b> 4.1. Quy tắc viết hoa 4.2. Quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài. 4.3. Khắc phục một số lỗi chính tả	LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương 4 [2]: Phần I [3]: Chương 1, 2, 3 [4]: Bài 1 [5]: Chương IV, mục B

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
12 tiết	<b>Chương 1. Rèn luyện về văn bản</b> 1.1. Khái quát về văn bản 1.2. Các phong cách chức năng Câu hỏi ôn tập và bài tập	H1: Nắm được khái niệm văn bản (VB), các yêu cầu của VB, các phong cách chức năng H2: Soạn thảo được VB hành chính	- <b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp - <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày + Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn... - Thực hành: Soạn thảo VBHC - <b>Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng	Báo cáo của SV trước lớp

			đường	
8 tiết	<p><b>Chương 2. Rèn luyện về câu</b></p> <p>2.1. Câu trong hoạt động giao tiếp</p> <p>2.2. Dấu câu</p> <p>2.3. Một số thao tác rèn luyện về câu</p> <p>2.4. Câu sai</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập</p>	<p>H1: Nắm được cấu tạo câu, phân loại câu, thành phần câu, các loại dấu câu...</p> <p>H2: Nhận biết được câu sai, biết sửa lại, biết dùng dấu câu đúng chức năng của chúng</p>	<p><b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp</p> <p><b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn...</p> <p>- Thực hành: Sửa câu sai</p> <p><b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Bài viết nộp tại lớp</p> <p>- Báo cáo của SV trước lớp</p>
5 tiết	<p><b>Chương 3. Rèn luyện về từ</b></p> <p>3.1. Các lớp từ tiếng Việt</p> <p>3.2. Nghĩa của từ</p> <p>3.3. Khắc phục một số lỗi dùng từ thường gặp</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập</p>	<p>H1: Nắm được các lớp từ tiếng Việt, nghĩa của từ, các lớp từ TV</p> <p>H2: Nhận biết được các từ dùng sai</p>	<p><b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp</p> <p><b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn...</p> <p>- Thực hành: Soạn thảo VBHC</p> <p><b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Bằng bài viết nộp tại lớp</p> <p>- Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
5 tiết	<p><b>Chương 4. Rèn luyện về chính tả</b></p> <p>4.1. Quy tắc viết hoa</p> <p>4.2. Quy tắc phiên âm tiếng nước ngoài.</p> <p>4.3. Khắc phục một số lỗi chính tả</p> <p>Câu hỏi ôn tập và bài tập</p>	<p>H1: Nắm được quy tắc chính tả các lớp từ TV</p> <p>H2: Biết sửa lỗi chính tả</p>	<p><b>- Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp</p> <p><b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Yêu cầu của văn bản, các phong cách chức năng, các loại đoạn văn...</p> <p>- Thực hành: Soạn thảo VBHC</p> <p><b>- Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu</p>	<p>Báo cáo của SV trước lớp</p>

			hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
--	--	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đoàn Thị Tâm (2013). *Giáo trình Tiếng Việt thực hành*, Thư viện Đại học Tây Nguyên.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Hữu Đạt (1995). *Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, Hà Nội.

[3]. Nguyễn Công Đức (2007). *Tiếng Việt thực hành và soạn thảo văn bản*, NXB GD, Hà Nội.

[4]. Hà Thúc Hoan (2007), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Tổng hợp TP, Hồ Chí Minh.

[5]. Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh (1998). *Tiếng Việt thực hành*, NXB GD, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận;

### 7.4. Phần khác (nếu có):

### 7.5. SV tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của SV	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của SV trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của SV.	H3: Phát triển tư duy khoa học độc lập, tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện ý thức cần cù, năng động, hăng say học tập nghiên cứu và tìm hiểu những cách nói và viết đúng trong thực tiễn giao tiếp.	20%
2	Thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của SV.	Phương pháp đánh giá thông qua cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của SV.	H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm. H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng	30%
		Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của SV, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, sản phẩm của thực hành do SV tạo ra.		

				tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.	
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của SV qua một giai đoạn học tập của SV, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của SV sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm. H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của SV, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của SV.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1: Có kiến thức cơ bản về vấn đề tiếp nhận và tạo lập văn bản, đặt câu, dùng từ và chính tả; có năng lực sử dụng tiếng Việt đáp ứng yêu cầu trong học tập cũng như giao tiếp và vị trí việc làm. H2: Có kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng về chính tả.

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Trần Thị Thắm

PGS.TS. Đoàn Thị Tâm

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM**  
**Mã học phần: SP211003**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Buôn Krông Thị Tuyết Nhung; Số điện thoại: 0905691169

Email: tuyetnhungbkw@gmail.com; buonkrongtuyetnhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Hoàng Thị Thúy; Số điện thoại: 0919508293

Email: htthuy@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về khái niệm, cấu trúc, loại hình văn hóa, tiến trình, đặc trưng, giá trị văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể trong không gian văn hóa Việt Nam. Làm cơ sở giúp sinh viên nhận diện giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam, đồng thời giáo dục ý thức bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và phát triển.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan đến khái niệm văn hóa, tọa độ văn hóa Việt Nam, tiến trình văn hóa Việt Nam, các vấn đề cốt lõi của văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, cộng đồng và đặc trưng văn hóa ứng xử của người Việt Nam với môi trường tự nhiên, môi trường xã hội cũng như những giao thoa, tiếp biến của nó trong quá trình phát triển.

MT2: Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng cơ bản để nhận diện, trình bày, phân tích các đặc trưng, giá trị và vai trò của văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.

MT3: Giáo dục cho sinh viên ý thức trân trọng giá trị lịch sử, không gian văn hóa Việt Nam và bảo vệ và phát huy các giá trị của di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn. Phát triển các chuẩn mực ứng xử, giao tiếp phù hợp với các nguyên tắc của văn hóa Việt Nam.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức văn hóa Việt Nam trong nghiên cứu, học tập một cách phù hợp với từng vùng văn hóa. Hình thành và phát triển kỹ năng ứng xử, giao tiếp phù hợp với những nguyên tắc, quy định trên cơ sở văn hóa Việt Nam.

H2: Có kỹ năng cảm thụ giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể Việt Nam. Hình thành và phát triển nhận thức thẩm mỹ qua di sản văn hóa, qua hoạt động thực tiễn. Có thái độ đúng đắn, khoa học đối với di sản văn hóa Việt Nam; Trân trọng, tự hào về giá trị văn hóa Việt Nam; Có ý thức phát huy, bảo tồn giá trị, vai trò di sản văn hóa Việt Nam trong thực tiễn.

H3: Có kỹ năng tích hợp kiến thức để hoạt động trải nghiệm sáng tạo qua sự phân tích, lý giải, tổng hợp, so sánh các vấn đề của văn hóa Việt Nam. Hình thành và phát triển cách tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, phát huy vai trò trong thực tập và hoạt động ngoại khóa; viết báo cáo; tổ chức sự kiện, sưu tầm, bảo tồn, quảng bá... văn hóa Việt Nam.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C6	C7
H1	x	
H2	x	
H3	x	x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1.</b> Văn hóa và văn hóa Việt Nam 1.1. Văn hóa và văn hóa học 1.2. Định vị văn hóa Việt Nam 1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam	5 tiết LT: 4 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương I [2]: Chương 1 [3]: Chương III
2	<b>Chương 2.</b> Văn hóa nhận thức 2.1. Nhận thức về vũ trụ 2.1.1. Xuất phát từ bản chất vũ trụ 2.1.2. Xuất phát từ cấu trúc không gian vũ trụ; 2.1.3. Xuất phát từ cấu trúc thời gian vũ trụ. 2.2. Nhận thức về con người 2.2.1. Quan niệm con người tự nhiên 2.2.2. Quan niệm con người xã hội	4 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương II [2]: Chương II [3]: Chương II
3	<b>Chương 3:</b> Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng 3.1. Tổ chức cộng đồng gia tộc 3.2. Tổ chức làng xã 3.3. Tổ chức đô thị. 3.4. Tổ chức quốc gia	4 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương III [2]: Chương III [3]: Chương IV
4	<b>Chương 4:</b> Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Phong tục, tập quán 4.3. Văn hóa lễ hội 4.3. Giao tiếp – nghệ thuật ngôn từ 4.4. Nghệ thuật thanh sắc và nghệ thuật hình khối	6 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương IV [2]: Chương IV [3]: Chương III
5	<b>Chương 5:</b> Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 5.1. Ăn 5.2. Ở và đi lại 5.3. Mặc	6 tiết LT: 3 tiết BT: 2 tiết	[1]: Chương V [2]: Chương V [3]: Chương II
6	<b>Chương 6:</b> Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội 6.1. Tiếp nhận văn hóa Ấn độ 6.2. Tiếp nhận văn hóa Trung Hoa 6.3. Tiếp nhận văn hóa phương Tây 6.4. Tính dung hợp của văn hóa Việt Nam	5 tiết LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1]: Chương VI [2]: Chương VI [3]: Chương II



## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,5/5	<b>Chương 1.</b> Văn hóa và văn hóa Việt Nam 1.1. Văn hóa và văn hóa học 1.2. Định vị văn hóa Việt Nam 1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam	H1 H2 H3	<b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp <b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày + Thảo luận nhóm: các nội dung liên quan đến chương 1 + Thực hành: Các kiến thức liên quan <b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời và tương tác... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Sinh viên trình bày các khái niệm liên quan bài giảng; - Thực hành cá nhân hoặc theo nhóm;
1/4	<b>Chương 2: Văn hóa nhận thức</b> 2.1. Nhận thức về vũ trụ 2.1.1. Xuất phát từ bản chất vũ trụ 2.1.2. Xuất phát từ cấu trúc không gian vũ trụ; 2.1.3. Xuất phát từ cấu trúc thời gian vũ trụ. 2.2. Nhận thức về con người 2.2.1. Quan niệm con người tự nhiên 2.2.2. Quan niệm con người xã hội	H1 H2 H3	<b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp <b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: các kiến thức liên quan đến văn hóa nhận thức - Thực hành: Trao đổi các vấn đề về văn hóa nhận thức <b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, tương tác... + Viết bài <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Trình bày trực tiếp tại lớp theo nhóm hoặc cá nhân
1/4	<b>Chương 3: Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng</b> 3.1. Tổ chức cộng đồng gia tộc 3.2 Tổ chức làng xã 3.3. Tổ chức đô thị. 3.4. Tổ chức quốc gia	H1 H2 H3	<b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp <b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: các vấn đề liên quan đến văn hóa tổ chức đời sống tinh thần - Thực hành: Trao đổi, phân tích các nội dung đã học <b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi,	- Báo cáo của nhóm trước lớp báo cáo cá nhân

			trả lời <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
1,5/6	<b>Chương 4: Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân</b> 4.1. Tín ngưỡng 4.2. Phong tục 4.3. Nghi lễ - lễ hội 4.4. Giao tiếp – nghệ thuật ngôn từ 4.5. Nghệ thuật thanh sắc và nghệ thuật hình khối	H1 H2 H3	<b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp <b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: chủ đề phong tục, tập quán và hệ thống văn hóa phi vật thể khác <b>- Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi và tương tác <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Thực hành và đánh giá kỹ năng thực hành văn hóa - Kiểm tra 1 tiết
1,5/6	<b>Chương 5: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên</b> 5.1. Ăn 5.2. Ở và đi lại 5.3. Mặc	H1 H2 H3	<b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp <b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: chủ đề văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên <b>- Thực hành:</b> Trao đổi, phân tích các nội dung đã học <b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi và tương tác <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Thực hành và đánh giá kỹ năng thực hành văn hóa - Thảo luận các vấn đề về văn hóa ứng xử
1,5/5	<b>Chương 6: Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội</b> 6.1. Tiếp nhận văn hóa Ấn độ 6.2. Tiếp nhận văn hóa Trung Hoa 6.3. Tiếp nhận văn hóa phương Tây 6.4. Tính dung hợp của văn hóa Việt Nam	H1 H2 H3	<b>-Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp <b>- Hình thức tổ chức dạy học:</b> + GV trình bày +Thảo luận nhóm: Chủ đề văn hóa ứng xử trong môi trường xã hội <b>- Thực hành:</b> Trao đổi, phân tích các nội dung đã học <b>-Yêu cầu SV:</b> + Đọc tài liệu + Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, trả lời... <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Trình bày trực tiếp tại lớp - Kiểm tra 01 tiết

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Trần Ngọc Thêm (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb ĐH KHXH & NV TP HCM.

[2] Trần Quốc Vương (1997), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Lê Văn Chương, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Trẻ, TP.HCM, 1999.

[4] Chu Xuân Diên, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb VHKHXH, Hà Nội, 1999.

[5] Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*. Nxb Văn hóa Thông tin,

HN.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

- Các bài thí nghiệm, thực hành của học phần;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thí nghiệm, thực hành.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Tên bài tập lớn hoặc tiểu luận: Nội dung phù thuộc vào gợi ý, đề xuất của người dạy và sự lựa chọn của sinh viên liên quan đến nội dung của Học phần.

7.4. Phần khác: Việc tham quan thực tế sẽ được bổ sung nếu thấy cần thiết.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

T T	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	30%
2	Thực hành	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên. Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành, thí nghiệm.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên. Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành, thí nghiệm của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành, thí nghiệm do sinh viên tạo ra.	H1 H2 H3	20%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	50%

		năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.		
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận	100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận hoặc vấn đáp	H1 H2 H3

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**TS.Thái Thị Hoài An**

**PGS.TS.Buôn Krông Thị Tuyết Nhung**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG**  
**Mã học phần: SP211006**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trương Thị Hiền; Số điện thoại: 0905091558;

Email: truongthihien.xhh@gmail.com.

Giảng viên 2: Họ và tên: Phạm Trọng Lượng; Số điện thoại: 0915855887;

Email: luonganthro@gmail.com.

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Xã hội học đại cương là học phần thuộc khối kiến thức khoa học xã hội trong nội dung kiến thức giáo dục đại cương. Học phần này gồm có các nội dung cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tri thức xã hội học, bao gồm: đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu xã hội học; đặc trưng trong tiếp cận xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học và một số mô hình lý thuyết; một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học: cơ cấu xã hội; hành động xã hội và tương tác xã hội; cá nhân và xã hội; bất bình đẳng và phân tầng xã hội, sự điều tiết của xã hội, chuyển biến xã hội; phương pháp nghiên cứu xã hội học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1: Sinh viên hiểu được bối cảnh ra đời xã hội học qua đó phân biệt đối tượng nghiên cứu cách tiếp cận xã hội học với với các khoa khoa học xã hội khác.

MT2: Sinh viên có được tư duy, trí tưởng tượng xã hội học.

MT3: Sinh viên có hiểu biết về một số chủ đề cơ bản của xã hội học cũng như quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin.

MT4: Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức xã hội học vào việc nghiên cứu những vấn đề xã hội có liên quan.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1: Phân tích được đặc trưng trong tiếp cận xã hội học

H2: Biết bối cảnh ra đời của xã hội học.

H3: Mô tả những biểu hiện trong thực tế của một trong số các khái niệm cơ bản trong xã hội học như: vị thế xã hội, vai trò xã hội, thiết chế xã hội, bất bình đẳng, hành động xã hội, tương tác xã hội, kiểm soát và lệch chuẩn xã hội, chuyển biến xã hội.

H4: Vận dụng tri thức xã hội học để giải thích một số sự kiện, hiện tượng xảy ra trong đời sống xã hội.

H5: Áp dụng lối tiếp cận xã hội học trong công việc và cuộc sống.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C6	C7
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	

H5	x	
----	---	--

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học	4 tiết	[1] [2] [3] [5] [6]
2	Chương 2. Sự ra đời của xã hội học và một số mô hình lí thuyết xã hội học	4 tiết	[1] [2] [3]
3	Chương 3. Cơ cấu xã hội	4 tiết	[1] [2] [3]
4	Chương 4. Hành động xã hội và tương tác xã hội	2 tiết	[1] [2] [3]
5	Chương 5. Cá nhân và xã hội	2 tiết	[1] [2] [3] [5] [6]
6	Chương 6. Sự điều tiết của xã hội	4 tiết	[1] [2] [3]
7	Chương 7. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội	4 tiết	[1] [2] [3]
8	Chương 8. Chuyển biến xã hội	2 tiết	[1] [2] [3]
9	Chương 9. Phương pháp nghiên cứu xã hội học	2 tiết 2 tiết	[1] [2] [3] [4] [7]

#### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	<b>Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng nghiên cứu của xã hội học</b> 1.1. Khái niệm xã hội học 1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học 1.3. Đặc trưng trong tiếp	H1 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - Thuyết trình - Thảo luận nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm -Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp

	<p>cận xã hội học</p> <p>1.4. Mối quan hệ giữa xã hội học với một số khoa học khác</p> <p>1.5. Chức năng nghiên cứu của xã hội học</p> <p>1.6. Nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học</p> <p>1.7. Lợi ích của việc học xã hội học</p>		<p>- Thảo luận nhóm: Các điều kiện xã hội đã có những ảnh hưởng như thế nào tới xu hướng hành động và quan điểm của cá nhân?</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
1/4	<p><b>Chương 2. Sự ra đời của xã hội học và một số mô hình lí thuyết xã hội học</b></p> <p>2.1. Sự ra đời của xã hội học</p> <p>2.2. Một số mô hình lí thuyết xã hội học</p>	H2	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> <li>- Trả lời câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: Câu trả lời của sinh viên</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: Trả lời câu hỏi trước lớp</p>
1/4	<p><b>Chương 3. Cơ cấu xã hội</b></p> <p>3.1. Vị thế xã hội</p> <p>3.2. Vai trò xã hội</p> <p>3.3. Nhóm xã hội</p> <p>3.4. Tổ chức xã hội</p> <p>3.5. Thiết chế xã hội</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: (1) Các cá nhân sống và giao tiếp với nhau chủ yếu thông qua việc thực hiện các vai trò của mình; (2) Những xung đột trong một tổ chức cũng có khi bắt nguồn từ những khác biệt về cá tính giữa người này với người khác, nhưng thông thường vẫn là do những va chạm giữa các vai trò trong thiết chế xã hội?</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
1/2	<p><b>Chương 4. Hành động xã hội và tương tác xã hội</b></p> <p>4.1. Hành động xã hội</p> <p>4.2. Tương tác xã hội</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Giả sử bạn muốn lí giải về một lối ứng xử hoặc xu hướng hành động nào đó, hãy vận dụng các cách lí giải về hành động xã hội để đưa ra lối lí giải của mình.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>
1/2	<p><b>Chương 5. Cá nhân và xã hội</b></p> <p>5.1. Con người xã hội</p> <p>5.2. Xã hội hóa cá nhân</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Đọc thêm các thông tin liên quan “người rừng” và cho biết ý kiến của mình về tầm quan trọng của khía cạnh giáo dục xã hội lên nhân cách của cá nhân.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>
1/4	<p><b>Chương 6. Sự điều tiết của xã hội</b></p> <p>6.1. Giá trị xã hội</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</li> <li>- Hình thức</li> </ul>



	<p>6.2. Chuẩn mực xã hội và lịch lạc xã hội</p> <p>6.3. Nghi lễ và biểu tượng</p>		<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Một số hiện tượng loạn chuẩn trong xã hội hiện nay và giải thích hiện tượng theo lối nhìn xã hội học.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
1/4	<p><b>Chương 7. Bất bình đẳng và phân tầng xã hội</b></p> <p>7.1. Bất bình đẳng xã hội</p> <p>7.2. Phân tầng xã hội</p> <p>7.3. Di động xã hội</p> <p>7.4. Một số lí thuyết về bất bình đẳng và phân tầng xã hội</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Những yếu tố nào ảnh hưởng tới khả năng di động xã hội của cá nhân?</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
1/2	<p><b>Chương 8. Chuyển biến xã hội</b></p> <p>8.1. Khái niệm</p> <p>8.2. Một số lưu ý khi nghiên cứu chuyển biến xã hội</p> <p>8.3. Một số quan điểm xã hội học về chuyển biến xã hội</p> <p>8.4. Một số yếu tố ảnh hưởng tới chuyển biến xã hội</p>	H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Quá trình hiện đại hóa xã hội là gì? Quá trình hiện đại hóa có dẫn tới những chuyển biến xã hội mà bạn quan sát được tại cộng đồng mà bạn đang sinh sống không? Hãy mô tả về những chuyển biến đó.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p>	<p>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: Báo cáo của nhóm trước lớp</p>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> <li>- Đặt câu hỏi</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
1/2 1/2	<b>Chương 9. Phương pháp nghiên cứu xã hội học</b> 9.1. Lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu 9.2. Các kỹ thuật thu thập thông tin 9.2.1. Phân tích tài liệu 9.2.2. Quan sát 9.2.3. Phỏng vấn 9.2.4. Bảng hỏi 9.3. Xử lý thông tin trong điều tra xã hội học	H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Bài tập nhóm</li> </ul> <b>Yêu cầu sinh viên:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Báo cáo</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Báo cáo nhóm</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: Nộp báo cáo trong buổi học</li> </ul>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Trương Thị Hiền (2020), *Giáo trình xã hội học đại cương*, Nxb Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.

[2] Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Xã hội học*, Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

[3] Trần Hữu Quang (2019), *Xã hội học nhập môn*, Nxb Khoa học Xã hội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[4] Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*, Nxb Phương Đông.

[5] P. Berger, T. Luckmann (1966), *Sự kiến tạo xã hội về thực tại. Khảo luận về xã hội học nhận thức* (1966), Trần Hữu Quang chủ biên dịch thuật, giới thiệu và chú giải, (2015), Nxb Tri thức, Hà Nội.

[6] Peter I. Berger, *Lời mời đến với xã hội học: một góc nhìn nhân văn*, Phạm Văn Bích (dịch, 2017), Nxb Tri thức.

[7] Trương Thị Hiền (2017), *Luật tục Ê đê - Một nền tư pháp hòa giải, những giá trị xã hội và sự biến đổi*, Nxb Khoa học xã hội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không có

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không có

7.4. Phần khác: Không có

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 80 %.

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, việc trả lời trên lớp của sinh viên	H4 H5	10%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H3 H4	30%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Kiểm tra trắc nghiệm	H1 H2 H3	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*

**Người biên soạn**

**PGS. TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**ThS. Vũ trọng Hòa**

**TS. Trương Thị Hiền**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: THỂ DỤC CƠ BẢN VÀ ĐIỀN KINH**  
**Mã học phần: SP211032**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thiện Tín; Số điện thoại: 0985859510;

Email: nguyenthientin@yahoo.com

Giảng viên 3: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Thể dục cơ bản và Điền kinh là học phần bắt buộc cho sinh viên trong chương trình đào tạo hệ Đại học của Trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần trang bị cho sinh viên các tư thế, động tác cơ bản Thể dục cơ bản và Điền kinh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để duy trì và phát triển thể chất.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện cơ bản kỹ thuật điền kinh, biết vận dụng các bài tập thể dục để nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

**Chuẩn đầu ra học phần**

**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**C15**

**x**

**H1**

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Bài tập phát triển chung. 1.1. Kỹ thuật từng động tác 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật từng động tác	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1] chương 3.
2	Chương 2. Điền kinh cơ bản. 2.1. Kỹ thuật các động tác cơ bản của điền kinh 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật của từng động tác 2.2. Kỹ thuật tư thế của từng động tác 2.2.1. Mô tả chung 2.2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[2] chương 2

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5/3	<p>Chương 1.</p> <p>1. Bài tập phát triển chung. (10 động tác)</p> <p>1. Kỹ thuật từng động tác</p> <p>1.1. Mô tả chung</p> <p>1.2. Yêu cầu tối thiểu khi thực hiện động tác, bài tập, tư thế đúng</p> <p>1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật từng động tác</p> <p>1.4. phân chia bài tập cho sinh viên học</p>	H1. Thực hiện được bài tập thể dục phát triển chung với tư thế đúng	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp Giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động (SVĐ).</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i> Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển</p> <p><i>Hình thức đánh giá của từng bài:</i> + Bảng thực hành trực tiếp trên Sân vận động</p>
5/3	<p>Chương 2. Điền kinh cơ bản.</p> <p>2.1. Kỹ thuật các động tác cơ bản của điền kinh</p> <p>2.1.1. Mô tả chung</p> <p>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật của từng động tác</p> <p>2.2. Kỹ thuật tư thế của từng động tác</p> <p>2.2.1. Mô tả chung</p> <p>2.2.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>2.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	H1. Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của Học phần điền kinh.	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp Giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện</li> <li>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá của từng bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển</li> <li>- Bảng thực hành trực tiếp trên Sân vận động.</li> </ul>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Nguyễn Xuân Sinh, Lê Văn Lãm, Trần Phúc Phong, Trương Anh Tuấn (2009), *Thể dục - Sách giáo khoa dùng cho sinh viên đại học thể dục thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[2]. Trường Đại học thể dục thể thao I (2008), *Sách giáo khoa điền kinh*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[5]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

**7. Nhiệm vụ của sinh viên**7.1. *Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận*Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.7.2. *Phần thí nghiệm, thực hành:* Có.7.3. *Phần bài tập lớn, tiểu luận:* Không.7.4. *Phần khác (nếu có):* Không.7.5. *Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu***8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%****8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	<i>Bài kiểm tra thực hành</i>	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	<i>Kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kỹ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng, thực hành các kỹ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi chạy 100m.	H1

Trưởng khoa

Trưởng Bộ Môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

PGS. TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

TS. Lê Tử Trường

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 1**  
**Mã học phần: SP 211039**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcongdhntn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần****3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Biết cách chơi một ván cờ đúng luật, giải được cờ thế 1 nước chiếu hết.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo****Chuẩn đầu ra học phần****Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo****C15****x****H1****4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Cấu tạo bàn cờ, quân Cờ; vị trí ban đầu của các quân; luật di chuyển quân và ăn quân; luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu; mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ 1.1. Cấu tạo bàn Cờ vua 1.2. Quân cờ 1.3. Vị trí ban đầu của các quân cờ 1.4. Luật di chuyển quân và ăn quân 1.5. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu 1.6. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương I, mục 1.
2	Chương 2: Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua, Cờ thế 2.1. Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua 2.2. Cờ thế 2.3. Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương I, mục 1; Chương III, mục 2.

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5/3	<p>Chương 1: Cấu tạo bàn cờ, quân Cờ; vị trí ban đầu của các quân; luật di chuyển quân và ăn quân; luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu; mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ</p> <p>1.1. Cấu tạo bàn Cờ vua</p> <p>1.2. Quân cờ</p> <p>1.3. Vị trí ban đầu của các quân cờ</p> <p>1.4. Luật di chuyển quân và ăn quân.</p> <p>1.5. Luật thực hiện nước đi và các quy tắc khi thi đấu</p> <p>1.6. Mục đích của ván cờ, hoàn thành ván Cờ</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tự học. - Thực hành.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành.</p> <p><i>Địa điểm:</i> Tại Nhà thi đấu.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</p>
5/3	<p>Chương 2: Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua, Cờ thế</p> <p>2.1. Các nước đi đặc biệt trong Cờ vua</p> <p>2.2. Cờ thế</p> <p>2.3. Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày: Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, tự học. - Thực hành.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><i>Địa điểm:</i> Tại Nhà thi đấu.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp  $\geq 80\%$  tổng số thời lượng của học phần

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.



- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thực hành

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

### 8.2. Mục đích, thành phần và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	<i>Thực hành</i>	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H1	25%
3	<i>Bài kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá Thực hành.	H1

Trưởng khoa

Trưởng Bộ Môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Vũ Đình Công

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 2**  
**Mã học phần: SP 211040**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lí thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Cờ vua 1

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcongdhcn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần****3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Khai cuộc một ván cờ đúng nguyên tắc, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo****Chuẩn đầu ra học phần****Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo****C15****H1****x****4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Các thuật ngữ trong Cờ vua cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.1. Các thuật ngữ trong Cờ vua 1.2. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.3. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 10 tiết	[1]. Chương I, mục 1; Chương III, mục 2.
2	Chương 2: Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua, giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.1. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua 2.2. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.3. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 10 tiết	[1]
3	Chương 3: Kiến thức khai cuộc trong Cờ Vua 3.1. Khái niệm khai cuộc, các nguyên tắc khai cuộc 3.2. Phân loại khai cuộc và một số loại khai cuộc cơ bản 3.3. Cờ thế Thực hành đấu tập và giải bài tập cờ thế	LT: 0 tiết BT: 10 tiết	[1]

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1: Các thuật ngữ trong Cờ vua cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.1. Các thuật ngữ trong Cờ vua. 1.2. Cách ghi chép và đọc biên bản Cờ vua 1.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở - vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận.
5/3	Chương 2: Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua, giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.1. Các ký hiệu thông tin quy ước trong Cờ vua 2.2. Giá trị tương đối giữa các quân trong Cờ vua 2.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở - vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận.
4/3	Chương 3: Kiến thức khai cuộc trong Cờ vua 3.1. Khái niệm khai cuộc, các nguyên tắc khai cuộc 3.2. Phân loại khai cuộc và một số loại khai cuộc cơ bản 3.3. Cờ thế	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở - vấn đáp, phương pháp ôn tập, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TDTT Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bầm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp  $\geq 80\%$  tổng số thời lượng của học phần.

#### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

#### 7.2. Phần thực hành

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.
- Giải các thế cờ.

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%.

#### 8.2. Mục đích, thành phần và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	<i>Thực hành</i>	Đánh giá mức độ thành thạo của các kĩ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H1	25%
3	<i>Bài kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá Thực hành.	H1

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ Môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng****TS. Phạm Hùng Mạnh****ThS. Vũ Đình Công**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CỜ VUA 3**  
**Mã học phần: SP 211041**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Cờ vua 2.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcongdhcn@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Cờ vua là trò chơi quốc tế và là Học phần thể thao trí tuệ cho 2 người chơi. Ngày nay, Cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới với hàng triệu người tại nhà riêng, trong câu lạc bộ, trực tuyến, từ xa và trong các giải. Việc học tập, chơi Cờ vua được coi là một cách để rèn luyện tư duy và bản lĩnh có tác dụng tốt đối với sức khỏe phát triển thể lực toàn diện, tạo tiền đề để học tập các Học phần thể thao khác. Chơi Cờ vua chính là góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần****3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Biết thi đấu một ván cờ vua, giải được cờ thế 2 nước chiếu hết.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản Cờ vua để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo****Chuẩn đầu ra học phần****Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo****C15****H1****x****4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ vua 1.1. Khái niệm, các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc 1.2. Đòn phối hợp 1.3. Vấn đề đối quân trong Cờ vua 1.4. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương II, mục 2; Chương III, mục 2.
2	Chương 2: Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ vua 2.1. Khái niệm tàn cuộc và nhiệm vụ của giai đoạn tàn cuộc 2.2. Các nguyên tắc trong tàn cuộc và phân loại tàn cuộc 2.3. Cờ thế	LT: 0 tiết BT: 15 tiết	[1]. Chương II, mục 3; Chương III, mục 2.

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

<i>Buổi học/ số tiết</i>	<i>Nội dung</i>	<i>CĐR học phần</i>	<i>Hoạt động dạy và học</i>	<i>Bài đánh giá</i>
5/3	<p>Chương 1: Kiến thức giai đoạn trung cuộc trong Cờ vua</p> <p>1.1. Khái niệm, các nhân tố chiến thuật trong giai đoạn trung cuộc</p> <p>1.2. Đòn phối hợp</p> <p>1.3. Vấn đề đối quân trong Cờ vua</p> <p>1.4. Cờ thế</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, thực hành.</p> <p><i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</p>
5/3	<p>Chương 2: Kiến thức giai đoạn tàn cuộc trong Cờ vua.</p> <p>2.1. Khái niệm tàn cuộc và nhiệm vụ của giai đoạn tàn cuộc</p> <p>2.2. Các nguyên tắc trong tàn cuộc và phân loại tàn cuộc</p> <p>2.3. Cờ thế</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp thuyết trình, phương pháp thảo luận trên lớp, phương pháp gợi mở-vấn đáp, phương pháp ôn tập, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia thực hành trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Báo cáo kết quả thảo luận của nhóm trước lớp.</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Đàm Quốc Chính (2008), *Giáo trình Cờ Vua*, Nhà xuất bản TĐTT Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Dự lớp  $\geq 80\%$  tổng số thời lượng của học phần.

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thực hành

- Thực hiện thi đấu đúng Luật Cờ vua.

- Giải các thế cờ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%.**

### 8.2. Mục đích, thành phần và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	<i>Thực hành</i>	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành, của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H1	25%
3	<i>Bài kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp, thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá Thực hành.	H1

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

Trưởng khoa

Trưởng Bộ Học phần

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Vũ Đình Công



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG CHUYÊN CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP 211033**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thiện Tín; Số điện thoại: 0985859510;

Email: nguyenthientin@yahoo.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com

Giảng viên 3: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

Giảng viên 4: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bóng chuyên là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về bóng chuyên.

Tập luyện Bóng chuyên giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng chuyên giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần****3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật bóng chuyên (Chuyên bóng, Đệm bóng, phát bóng).

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện cơ bản kỹ thuật bóng chuyên để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo				
	13	14	C15	C16	C17
H1			x		

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2: Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt	LT: 0 tiết	[1] Chương 1

	2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	BT: 9 tiết	
3	Chương 3: Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 3.1. Kỹ thuật chuyền bóng bằng hai tay trước mặt 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1] Chương 1
4	Chương 4: Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1] Chương 1

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyền.	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, .... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá của từng bài:</i> - Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển.  - Bằng thực hành trực tiếp trên: Sân vận động.
3/3	Chương 2: Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1. Kỹ thuật đệm bóng bằng hai tay trước mặt 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyền.	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, .... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển - <i>Hình thức đánh giá của từng bài:</i> Bằng thực hành trực tiếp trên: Sân vận động.
3/3	Chương 3: Kỹ thuật chuyền	H1. Biết	<i>Phương pháp dạy học:</i>	Câu hỏi

	bóng bằng hai tay trước mặt 3.1. Kỹ thuật chuyên bóng bằng hai tay trước mặt 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyên.	Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang, .... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học. - Hình thức đánh giá của từng bài. - Bảng bài viết nộp tại lớp.
3/3	Chương 4: Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1. Biết và thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng chuyên.	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang, .... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	Bài kiểm tra 45 phút. Hình thức đánh giá của từng bài.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Việt Minh (2004), *Giáo trình bóng chuyên*, Nxb. ĐHSP. Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%**

**8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận**

<b>TT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Phương thức kiểm tra, đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>	<b>Tỉ lệ</b>
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực hành	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên	H1	25%
3	Kiểm tra định kỳ	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học	H1	50%
			Tổng Tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành	H1

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ Môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**TS. Phạm Hùng Mạnh**

**ThS. Nguyễn Thiện Tín**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: BƠI LỢI CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP211034**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthindk@gmail.com;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bơi lội là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bơi lội một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để tiến hành thực hiện tốt các công việc khác.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức và cách thực hiện một số động tác hỗ trợ kỹ thuật, phát triển thể lực và kỹ thuật bơi ếch.

Thực hiện cơ bản đúng kỹ thuật kiểu bơi ếch; Vận dụng được những hiểu biết về luật và tập luyện, phát triển thể lực chung, phục vụ cuộc sống, phòng tránh tai nạn sông nước. Ngoài ra Học phần học còn góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Nắm được cơ sở lý luận và hiện được kỹ thuật bơi ếch.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản bơi lội để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

**Chuẩn đầu ra học phần**

**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**C15**

**x**

**H1**

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Bài 1. Làm quen với nước 1.1. Hiểu tác dụng học tập Học phần bơi lội 1.2. Bài khởi động chung 1.3. Kỹ thuật chân ếch trên cạn 1.4. Làm quen với nước	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
2	Bài 2. Kỹ thuật bơi ếch 2.1. Kỹ thuật tay ếch trên cạn 2.2. Kỹ thuật chân ếch dưới nước 2.3. Kỹ thuật nổi người dưới nước	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
3	Bài 3. Kỹ thuật bơi ếch 3.1. Kỹ thuật nổi, lướt người dưới nước	LT: 0 tiết	[1]

	3.2. Kỹ thuật tay ếch dưới nước	BT: 3 tiết	
4	Bài 4. Kỹ thuật bơi ếch 4.1. KT nổi - lướt người - đạp chân ếch dưới nước 4.2. Kết hợp giữa tay – chân (không thở)	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
5	Bài 5. Kỹ thuật bơi ếch 5.1. Kết hợp giữa tay – chân (có thở)	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
6	Bài 6. Ôn tập 6.1. Bài khởi động chung 6.2. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 6.3. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 6.4. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
7	Bài 7. Ôn tập 7.1. Bài khởi động chung 7.2. Tập thở 7.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 7.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 7.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
8	Bài 8. Ôn tập 8.1. Bài khởi động chung 8.2. Tập thở 8.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 8.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 8.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
9	Bài 9. Ôn tập 9.1. Bài khởi động chung 9.2. Tập thở 9.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 9.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 9.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
10	Bài 10. Ôn tập 10.1. Bài khởi động chung 10.2. Tập thở 10.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước 10.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước 10.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch 10.6. Kiểm tra	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Bài 1. Làm quen với nước 1.1. Hiểu tác dụng học tập Học phần bơi lội 1.2. Bài khởi động chung 1.3. Kỹ thuật chân ếch trên cạn 1.4. Làm quen với nước	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài

	<p>1.4.1. Tập nín thở lâu dưới nước</p> <p>1.4.2. Tập hít, thở dưới nước</p> <p>1.4.3. Tập nổi người</p> <p>1.4.3. Tập đứng lên</p>		<p>sát nắm được kỹ thuật động tác.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Hiểu và thực hiện đúng kỹ thuật.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p>tập được giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 2. Kỹ thuật bơi ếch</p> <p>2.1. Kỹ thuật tay ếch trên cạn</p> <p>2.2. Kỹ thuật chân ếch dưới nước</p> <p>2.3. Kỹ thuật nổi người dưới nước</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thị phạm động tác.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 3. Kỹ thuật bơi ếch</p> <p>3.1. Kỹ thuật nổi, lướt người dưới nước</p> <p>3.2. Kỹ thuật tay ếch dưới nước</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> Thực hiện kỹ thuật động tác.</p> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tích cực tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 4. Kỹ thuật bơi ếch</p> <p>4.1. KT nổi - lướt người - đạp chân ếch dưới nước</p> <p>4.2. Kết hợp giữa tay – chân (không thở)</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thị phạm động tác.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên nắm được kỹ thuật.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 5. Kỹ thuật bơi ếch</p> <p>5.1. Kết hợp giữa tay – chân (có thở)</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực</li> </ul>

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thị phạm động tác.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên quan sát nắm được kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 6. Ôn tập</p> <p>6.1. Bài khởi động chung</p> <p>6.2. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước</p> <p>6.3. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước</p> <p>6.4. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, làm mẫu, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 7. Ôn tập</p> <p>7.1. Bài khởi động chung</p> <p>7.2. Tập thở</p> <p>7.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước</p> <p>7.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước</p> <p>7.5. Phối hợp hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 8. Ôn tập</p> <p>8.1. Bài khởi động chung</p> <p>8.2. Tập thở</p> <p>8.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước</p> <p>8.4. Tập kỹ thuật tay ếch dưới nước</p> <p>8.5. Hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, làm mẫu, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kỹ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 9. Ôn tập</p> <p>9.1. Bài khởi động chung</p> <p>9.2. Tập thở</p> <p>9.3. Tập kỹ thuật chân ếch dưới nước</p> <p>9.4. Tập kỹ thuật tay ếch</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, thị phạm, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn</li> </ul>



	dưới nước 9.5. Hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch		<i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	thành bài tập. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 10. Ôn tập 10.1. Bài khởi động chung 10.2. Hoàn thiện kỹ thuật bơi ếch 10.3. Kiểm tra	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> Thực hành: Sinh viên ôn tập và kiểm tra. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Thực hiện đúng kỹ thuật. <i>Địa điểm học:</i> Hồ bơi.	<i>Hình thức đánh giá:</i> Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình, sách học phần

[1]. Nguyễn Văn Trạch (2009), *Giáo trình bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Văn Trạch (1997), *Phương pháp giảng dạy bơi*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

[4]. UB TĐTT (2009), *Luật bơi lội*, Nxb TĐTT, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.

- Thực hiện đúng động tác các kỹ thuật cơ bản bơi ếch.

- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần bơi lội.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%**

### 8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp.	H1	50
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về kỹ thuật động tác.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	H1	50
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ thuật động tác và thành tích đạt được của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1

*Ngày 08 tháng 5 năm 2020*

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ Môn**

**Người biên soạn**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**TS. Phạm Hùng Mạnh**

**ThS. Trần Văn Hưng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CẦU LÔNG CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP211035**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Thủy; Số điện thoại: 0906531377, 0943543377;

Email: quangthin242@gmail.com; btthuy@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

Giảng viên 3: Họ và tên: Vũ Đình Công; Số điện thoại: 0986080004;

Email: vudinhcongdhntn@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Cầu lông là một trong những học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện. Tập luyện cầu lông có tác dụng làm phát triển và hoàn thiện hệ vận động trong đó bao gồm các hệ cơ, hệ xương, hệ thần kinh; đồng thời phát triển tương ứng các hệ thống cơ quan khác của cơ thể như hệ hô hấp, hệ tuần hoàn... Cùng với hệ phát triển các hệ thống cơ quan của cơ thể là sự phát triển các tổ chức vận động thể lực quan trọng của con người như: sức mạnh, sức nhanh, sức bền, khả năng phối hợp vận động.

Học phần trang bị cho sinh viên một số động tác, kỹ năng cơ bản cầu lông, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra, tập luyện cầu lông góp phần tích cực hoàn thiện về nhân cách, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong, tính tự tin, lòng quyết tâm... Tập luyện và thi đấu cầu lông còn có tác dụng tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị sự hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người, giữa các dân tộc và các quốc gia khác nhau trên thế giới.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Nắm được kỹ thuật cơ bản cầu lông để vận dụng tập luyện và thi đấu.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản cầu lông để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
	C15
H1	X

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Giới thiệu Học phần cầu lông 1.1. Nguồn gốc và lịch sử phát triển 1.2. Ý nghĩa tác dụng của việc tập luyện và thi đấu cầu lông.	1 Tiết	[1],[3],[4].
2	Chương 2. Luật thi đấu cầu lông	1 Tiết	[1],[2],[3]

	2.1. Kích thước sân 2.2. Một số Điều luật thi đấu cơ bản		
2	Chương 3. Các kỹ thuật cơ bản 3.1. Cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị cơ bản 3.2. Kỹ thuật di chuyển 3.2.1. Di chuyển đơn bước 3.2.2. Di chuyển đa bước 3.3. Kỹ thuật giao cầu 3.3.1. Kỹ thuật giao cầu thuận tay 3.3.2. Kỹ thuật giao cầu trái tay 3.4. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay 3.4.1. Kỹ thuật đánh cầu thấp thuận tay 3.4.2. Kỹ thuật đánh cầu thấp trái tay 3.5. Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) 3.6. Bài tập bổ trợ	28 Tiết	[1], [2], [3]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Bài 1: Giới thiệu Học phần cầu lông - Cách cầm cầu, vợt và tư thế chuẩn bị cơ bản – Kỹ thuật di chuyển đơn bước - Kỹ thuật đánh cầu thấp tay. 1.1. Khởi động chung 1.2. Giới thiệu Học phần Cầu lông 1.3. Cách cầm cầu-vợt 1.4. Các tư thế chuẩn bị cơ bản 1.5. Kỹ thuật di chuyển đơn bước 1.6. Kỹ thuật đánh cầu thấp tay: - Đánh cầu thấp thuận tay - Đánh cầu thấp trái tay	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày: giảng giải, phân tích kỹ thuật, nêu vấn đề và xử lý tình huống. - Thực hành: thực hiện kỹ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực trong quá trình học và tập luyện. <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.
1/3	Bài 2: Kỹ thuật giao cầu - Luật thi đấu 2.1. Khởi động chung 2.2. Luật thi đấu 2.3. Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay 2.4. Kỹ thuật giao cầu 2.5. Bài tập bổ trợ	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành: thực hiện kỹ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình học và tập luyện.... <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.

			lông.	
1/3	Bài 3: Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) – Kỹ thuật di chuyển đa bước 3.1. Khởi động chung 3.2. Ôn kỹ thuật giao cầu và đánh cầu thấp tay 3.3. Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) 3.4. Kỹ thuật di chuyển đa bước	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Thực hành: thực hiện kỹ thuật động tác theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực trong quá trình học và tập luyện.... <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.
6/3	Bài 4: Ôn tập và thi đấu Khởi động chung Ôn kỹ thuật giao cầu 4.3. Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay và đánh cầu trên đầu (cao xa) Bài tập bổ trợ/thi đấu	H1	<i>Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học:</i> Tập luyện theo sự hướng dẫn của giảng viên. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tự giác, tích cực trong quá trình tập luyện.... <i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	- Mức độ tích cực tham gia tập luyện. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện kỹ thuật động tác trước lớp.
1/3	Bài 5: Ôn tập và kiểm tra Khởi động chung Ôn tập và kiểm tra		<i>Địa điểm học:</i> Sân cầu lông.	Thực hiện kỹ thuật đánh cầu (thấp tay và cao tay)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Trần Văn Vinh (2010), *Giáo trình Cầu lông*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Quý Bình, Nguyễn Hạc Thúy (2000), *Huấn luyện thể lực cho vận động viên cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Trần Văn Vinh (2000), *Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Tổng cục thể dục thể thao (2009), *Luật cầu lông*, Nxb TDTT, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kỹ thuật cơ bản cầu lông.
- Tự tập luyện Học phần cầu lông.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%****8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	25%
2	<i>Bài tập cá nhân</i>	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	<i>Bài kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thực hành.	H1

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ Môn**Ngày tháng năm 2020  
**Người biên soạn**

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Bùi Thị Thủy

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG BÀN CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP211042**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Phạm Xuân Trí; Số điện thoại: 0941118787;

Email: placiopham@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bóng bàn là một Học phần thể thao tương đối phát triển ở nước ta. Trong kế hoạch đào tạo của nhà trường, học phần bóng bàn là một trong những học phần cơ bản đối với chuyên ngành Giáo dục Thể chất dành cho sinh viên.

Học phần trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, lý luận về kỹ, chiến thuật bóng bàn. Nắm vững phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài. Thực hiện thuần thục một số kỹ thuật cơ bản, có khả năng thực hiện động tác đẹp, chính xác, trình độ căn bản tốt.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hiện được kỹ thuật cơ bản lúp, gò bóng trong bóng bàn.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản bóng bàn để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

**Chuẩn đầu ra học phần**

**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**C15**

**H1**

**x**

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay 1.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác lúp bóng thuận tay 1.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác lúp bóng trái tay	LT: 0 tiết BT: 12 tiết	[1]
2	Chương 2. Kỹ thuật gò bóng 2.1. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng thuận tay 2.2. Nguyên lý kỹ thuật động tác gò bóng trái tay	LT: 0 tiết BT: 12 tiết	[1]
3	Chương 3: Kỹ thuật giao bóng 3.1. Kỹ thuật giao bóng thuận tay 3.2. Kỹ thuật giao bóng trái tay	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2/3	Chương 1. Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay 1.1. Nguyên lí kỹ thuật động tác lúp bóng thuận tay 1.1.1. Nguyên lí kỹ thuật động tác lúp bóng thuận tay 1.1.2. Nguyên lí kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật lúp bóng thuận tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật lúp bóng thuận tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật lúp bóng thuận tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
2/3	Chương 1. Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay 1.2. Nguyên lí kỹ thuật động tác lúp bóng trái tay 1.1.1. Nguyên lí kỹ thuật động tác lúp bóng trái tay 1.1.2. Nguyên lí kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật lúp bóng trái tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật lúp bóng trái tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật lúp bóng trái tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
2/3	Chương 2. Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay 2.1. Nguyên lí kỹ thuật động tác gò bóng thuận tay 2.1.1. Nguyên lí kỹ thuật động tác gò bóng thuận tay 2.1.2. Nguyên lí kỹ thuật đánh bóng kỹ thuật gò bóng thuận tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kỹ thuật gò bóng thuận tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ thuật gò bóng thuận tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
2/3	Chương 2. Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay 2.2. Nguyên lí kỹ thuật	H1. Biết và bước	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.	- Bài kiểm tra Thực hành kỹ



	động tác gò bóng trái tay 2.2.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác gò bóng trái tay 2.2.2. Nguyên lí kĩ thuật đánh bóng kĩ thuật gò bóng trái tay	đầu hình thành kĩ thuật gò bóng trái tay	<i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	thuật gò bóng trái tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
1/3	Chương 3. Kĩ thuật giao bóng thuận, trái tay 3.1. Nguyên lí kĩ thuật động tác giao bóng thuận tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật giao bóng thuận tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật giao bóng thuận tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.
1/3	Chương 3. Kĩ thuật giao bóng thuận, trái tay 3.2. Nguyên lí kĩ thuật động tác giao bóng trái tay	H1. Biết và bước đầu hình thành kĩ thuật giao bóng trái tay	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan, <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Nhà thi đấu.	- Bài kiểm tra Thực hành kĩ thuật giao bóng trái tay. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Nguyễn Danh Thái (1997), *Bóng bàn hiện đại*, Nxb, TDTT, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bẩm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

#### 8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực hành	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	Kiểm tra định kì	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

#### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1

Trưởng khoa

Trưởng Bộ Môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng

TS. Phạm Hùng Mạnh

ThS. Phạm Xuân Trí

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP211036**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lí thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Giảng viên 1: Trần Thị Thu; Số điện thoại: 0948476647;

Email: thutd2002@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Tử Trường; Số điện thoại: 0985582920;

Email: tutruong67@yahoo.com.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bài tập Thể dục Aerobic phải mang tính liên tục, sự mềm dẻo, sức mạnh cũng như việc sử dụng 7 bước cơ bản với mức độ hoàn hảo cao cũng như việc thực hiện không sai sót nhóm động tác có độ khó.

Bài tập của Thể dục Aerobic là khả năng thực hiện liên tiếp những cấu trúc có cường độ cao và phức tạp kết hợp với âm nhạc mà nguồn gốc là khiêu vũ cổ điển. Mục đích chính của Học phần khiêu vũ cổ điển này là nhằm cải thiện sức bền tim mạch và nâng cao sức khỏe.

Thể dục Aerobic không chỉ là một Học phần nhằm huấn luyện thể lực cho cộng đồng người dân từ cuối những năm 80 mà nó còn là một Học phần thể thao mang tính thi đấu cao hàng đầu. Aerobic trình diễn những di chuyển sống động, sức mạnh mềm dẻo, sự phối hợp vận động và kết hợp âm nhạc trong một bài tập kéo dài dưới 2 phút.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần:**

MT1. Trang bị những kỹ năng động tác, thực hiện kỹ thuật động tác chính xác.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản trong Học phần Thể dục nhịp điệu để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
	C15
H1	x

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	BÀI 1 : Giảng dạy từ động tác 1 – 12 1.1. Kỹ thuật động tác 1 - 12 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
2	Bài 2: Giảng dạy từ động tác 13 – 20 2.1. Kỹ thuật động tác 13 -20 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

3	Bài 3: Giảng dạy từ động tác 21 – 27 3.1. Kỹ thuật động tác 21 - 27 3.1.1. Mô tả chung 3.1.2. Yêu cầu tối thiểu 3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
4	Bài 4 : Giảng dạy từ động tác 28 – 32 4.1. Kỹ thuật động tác 28 - 32 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
5	Bài 5: Ôn tập từ động tác 1 đến 20 5.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 1 đến 20 5.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
6	Bài 6: Ôn tập từ động tác 21 đến 32 6.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 21 đến 32 6.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
7	Bài 7: Ôn tập toàn bài 7.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 1 đến 32 7.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
8	Bài 8: Ôn tập toàn bài 8.1. Nói bài liên hoàn từ động tác 1 đến 32 8.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
9	Bài 9: Ôn tập toàn bài và kiểm tra thường xuyên	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
10	Bài 10: Ôn tập toàn bài	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	Bài 1: Giảng dạy từ động tác 1 – 12 1.1. Kỹ thuật động tác 1 - 12 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện, tự học. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 2: Giảng dạy từ	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i>	<i>Hình thức</i>

	<p>động tác 13 -20</p> <p>1.1. Kỹ thuật động tác 13 - 20</p> <p>1.1.1. Mô tả chung</p> <p>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>		<p>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 3: Giảng dạy từ động tác 21 -27</p> <p>1.1. Kỹ thuật động tác 21 -27</p> <p>1.1.1. Mô tả chung</p> <p>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra thực hành từng động tác</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên Sân vận động.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 4: Giảng dạy từ động tác 28 -32</p> <p>1.1. Kỹ thuật động tác 28 -32</p> <p>1.1.1. Mô tả chung</p> <p>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan sát giảng viên.</li> <li>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập</li> </ul>
1/3	<p>Bài 5: Ôn tập từ động tác 1 đến 20</p> <p>5.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 1 đến 20</p> <p>5.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 6: Ôn tập từ động tác 21 đến 27</p> <p>6.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia</li> </ul>

	6.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 7: Ôn tập từ động tác 28 đến 32</p> <p>7.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27</p> <p>7.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 8: Ôn tập từ động tác đến 27</p> <p>8.1. Nối bài liên hoàn từ động tác 21 đến 27</p> <p>8.1.1. Nghe nhạc, đếm nhịp, ghép nhạc với động tác</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	Bài 9: Ôn tập và kiểm tra thường xuyên	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện</li> <li>- Tập luyện theo nhịp đếm của giảng viên, tự học.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung chú ý thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	Bài 10: Ôn tập toàn bài	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành</li> </ul>

			- Tập trung chú ý thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	bài tập được giao.
--	--	--	--	--------------------

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. *Giáo trình Học phần thể dục* (2010), Nxb. Trường ĐH TDTT TP HCM

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bầm (2010), *Tâm lý học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Thực hiện đúng động tác bài mẫu.

- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần TDNĐ.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

7.4. Phần khác: Không.

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	<i>Bài kiểm tra thực hành</i>	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	<i>Kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kỹ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng, thực hành các kỹ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ Môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn****PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng****TS. Phạm Hùng Mạnh****ThS. Trần Thị Thu**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TAEKWONDO**  
**Mã học phần: SP211037**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lí thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Y – Rô Bi Bkrông; Số điện thoại: 0974335326;

Email: Bidaihiiep@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Cũng như các Học phần thể thao khác, Taekwondo là Học phần thể thao thi đấu đối kháng cá nhân trực tiếp giữa 2 đấu thủ, được thực hiện với khối lượng và cường độ cao luôn biến động trong thời gian dài, ra đòn liên tục, tập trung cao, phán đoán nhanh, vận dụng hầu hết các cơ quan trong cơ thể.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần****3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Thực hiện được các động tác kĩ thuật cơ bản Taekwondo.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện kĩ thuật cơ bản TaeKwondo để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
	C15
H1	x

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Giới thiệu nội dung học Học phần Teakwondo, học kĩ thuật đỡ hạ đẳng, kĩ thuật đỡ trung đẳng. 1.1. Mô tả chung 1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]
2	Chương 2: Học kĩ thuật đỡ thượng đẳng, kĩ thuật đòn đá số 1, kĩ thuật đòn đá số 2. 2.1. Mô tả chung 2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]
3	Chương 3: Học kĩ thuật đòn đá số 3, Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kĩ thuật tam thế đối luyện thượng đẳng (Sebeon Kyorugi)	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1]

	3.1. Mô tả chung 3.2. Yêu cầu tối thiểu 3.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật		
4	Chương 4: Học bài Quyền số 1, thể lục 4.1. Mô tả chung 4.2. Yêu cầu tối thiểu 4.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 12 tiết BT: 0 tiết	[1]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2/3	Chương 1: Giới thiệu nội dung học Học phần Teakwondo, học kỹ thuật đỡ hạ đẳng, kỹ thuật đỡ trung đẳng. 1.1. Mô tả chung 1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm, tự học. Yêu cầu sinh viên: - Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên sân vận động.
2/3	Chương 2: Học kỹ thuật đỡ thượng đẳng, kỹ thuật đòn đá số 1, kỹ thuật đòn đá số 2. 2.1. Mô tả chung 2.2. Yêu cầu tối thiểu 2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng thực hành trực tiếp trên sân vận động.
2/3	Chương 3: Học kỹ thuật đòn đá số 3, Kỹ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kỹ thuật tam thế đối luyện trung đẳng (Sebeon Kyorugi), Kỹ thuật tam thế đối luyện thượng đẳng (Sebeon Kyorugi) 3.1. Mô tả chung 3.2. Yêu cầu tối thiểu	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quang. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài	Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm bắt nội dung bài học. -Hình thức đánh giá của từng bài:

	3.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật		tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	Bảng bài viết nộp tại lớp.
4/3	Chương 4: Học bài Quyền số 1, thể lực 4.1. Mô tả chung 4.2. Yêu cầu tối thiểu 4.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan. <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. Yêu cầu sinh viên: Tập trung chú ý, thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra 45 phút. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng bài viết nộp tại lớp.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Ủy ban TDTT (1999), *Giáo trình Taekwondo*, Nhà xuất bản TDTT, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình BẨM (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb, ĐHSP, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

### 8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	<i>Bài kiểm tra thực hành</i>	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp của sinh viên.	H1	25%
3	<i>Kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học	H1	50%

		thuật Học phần học của từng sinh viên.	phần học.		
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng, thực hành các kỹ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ Môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**TS. Phạm Hùng Mạnh**

**ThS. Y Rôbi BKrông**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG ĐÁ CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP211038**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Văn Hưng; Số điện thoại: 0919140979;

Email: hungtvh0979@gmail.com; tvhung@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Chu Vương Thìn; Số điện thoại: 0975930600;

Email: vuongthink@gmail.com;

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bóng đá là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện bóng đá một cách có hệ thống và khoa học giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan đem lại cho người học nhiều lợi ích thiết thực cả về thể chất lẫn tinh thần.

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được một số động tác, kỹ năng cơ bản bóng đá, phát triển nâng cao thể lực của sinh viên nhằm đáp ứng mục tiêu về giáo dục, đào tạo sinh viên phát triển toàn diện, mang lại hiệu quả cao trong nhiệm vụ tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất cho thế hệ trẻ.

Ngoài ra tập luyện bóng đá góp phần giáo dục, rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong ... tạo điều kiện thuận lợi cho việc tập luyện trong các Học phần thể thao khác để nâng cao thể chất cho sinh viên.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Nắm được một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để vận dụng trong tập luyện và thi đấu.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Biết thực hiện một số kỹ thuật cơ bản bóng đá để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

**Chuẩn đầu ra học phần**

**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**C15**

**H1**

**x**

**4. Cấu trúc học phần**

<i>TT</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiết</i>	<i>Tài liệu học tập</i>
1	Bài 1. Ý nghĩa tác dụng và một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá 1.1. Ý nghĩa tác dụng 1.2. Một số bài tập bổ trợ Học phần bóng đá	LT: 0 tiết BT: 6 tiết	[1], [4]
2	Bài 2. Kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 2.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2.2. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
3	Bài 3. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 3.1. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

	3.2. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân		
4	Bài 4. Kỹ thuật ném biên 4.1. Kỹ thuật ném biên 4.2. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng. 4.3. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
5	Bài 5. Kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần 5.1. Kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần 5.2. Luyện tập kỹ thuật ném biên 5.3. Luyện tập kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu Học phần	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]
6	Bài 6. Ôn tập 6.1. Luyện tập kỹ thuật ném biên 6.2. Luyện tập kỹ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần bằng mu trong bàn chân	LT: 0 tiết BT: 9 tiết	[1]
7	Ôn tập và kiểm tra	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2/3	Bài 1. Ý nghĩa tác dụng và một số bài tập hỗ trợ Học phần bóng đá 1.1. Ý nghĩa tác dụng 1.2. Một số bài tập hỗ trợ Học phần bóng đá 1.3. Làm quen với trái bóng 1.4. Thể lực chung	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Nghe giảng - Thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện một số động tác hỗ trợ bóng đá. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 2. Kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân 2.1. Kỹ thuật dẫn bóng. 2.2. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Giảng viên thị phạm động tác. - Thực hành: Sinh viên quan sát. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Đọc tài liệu. - Thực hiện kỹ thuật động tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> - Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp. - Hoàn thành bài tập được giao. - Thực hiện đúng bài tập.
1/3	Bài 3. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng và kỹ thuật đá	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải,	<i>Hình thức đánh giá:</i>

	<p>bóng bằng mu trong bàn chân</p> <p>3.1. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng.</p> <p>3.2. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân</p>		<p>trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên quan sát sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kĩ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 4. Kĩ thuật ném biên</p> <p>4.1. Kĩ thuật ném biên</p> <p>4.2. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng.</p> <p>4.3. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thị phạm động tác.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên quan sát.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kĩ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
1/3	<p>Bài 5. Kĩ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần</p> <p>5.1. Kĩ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần</p> <p>5.2. Luyện tập kĩ thuật ném biên</p> <p>5.3. Luyện tập kĩ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân vào cầu Học phần</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thị phạm động tác.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên quan sát.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kĩ thuật động tác.</li> </ul> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>
3/3	<p>Bài 6. Ôn tập</p> <p>6.1. Luyện tập kĩ thuật ném biên</p> <p>6.2. Luyện tập kĩ thuật dẫn bóng luân cọc sút cầu Học phần bằng mu trong bàn chân</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i></p> <p>Phương pháp giảng giải, trực quan, ...</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên sửa động tác sai.</li> <li>- Thực hành: Sinh viên thực hiện bài tập.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu.</li> <li>- Thực hiện kĩ thuật động</li> </ul>	<p><i>Hình thức đánh giá:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia tập luyện trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao.</li> <li>- Thực hiện đúng bài tập.</li> </ul>

			tác. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	
1/3	Bài 7: Ôn tập và kiểm tra	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan, ... <i>Hình thức tổ chức dạy học:</i> - Thực hành: Sinh viên ôn tập và kiểm tra <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Thực hiện kỹ thuật động tác <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	<i>Hình thức đánh giá:</i> Hoàn thành bài tập được giao.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Trần Đức Dũng (2007), *Giáo trình Bóng đá*, Nxb TDTT, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Ma Tuyết Điền (2008), *Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đức Thu (2009), *Lí luận và phương pháp Giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Tổng cục thể dục thể thao (2009), *Luật thi đấu bóng đá*.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thực hành

- Đọc trước tài liệu học tập.
- Thực hiện đúng động tác các kỹ thuật cơ bản Học phần bóng đá.
- Tự tập luyện ngoại khóa Học phần bóng đá.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%**

**8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	<i>Đánh giá chuyên cần</i>	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp.	H1	50
2	<i>Bài kiểm tra định kỳ</i>	Đánh giá mức độ đạt được kỹ thuật động tác và thành tích qua giai đoạn học tập của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra thực hành.	H1	50
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%



**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ thuật động tác và thành tích đạt được của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ Môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn****PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng****TS. Phạm Hùng Mạnh****ThS. Trần Văn Hưng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: BÓNG RỔ CƠ BẢN**  
**Mã học phần: SP 211043**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại Học phần học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Không.

Học phần tiên quyết: Không.

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đỗ Thị Thùy Linh; Số điện thoại: 0919140979;

Email: dothuylinhsp@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thiện Tín; Số điện thoại: 0985859510;

Email: nguyenthientin@yahoo.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Bóng rổ là học phần tự chọn được đông đảo sinh viên yêu thích và tập luyện, tập luyện, vui chơi ngoại khóa.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học cơ bản về Học phần bóng rổ. Tập luyện Bóng rổ giúp cho cơ thể người tập có một sức khỏe tốt hơn, tinh thần lạc quan để thực hiện tốt các công việc được tốt hơn. Bóng rổ giúp người học phải di chuyển và hoạt động liên tục nên nó sẽ giúp bạn có được một cơ thể dẻo dai.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Thực hành được các động tác kỹ thuật chung về Học phần bóng rổ.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Biết thực hiện kỹ thuật cơ bản bóng rổ để người học tập luyện nâng cao sức khỏe.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

**Chuẩn đầu ra học phần**

**Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

**C15**

**H1**

**x**

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị 1.1. Kỹ thuật di chuyển 1.1.1. Mô tả chung 1.1.2. Yêu cầu tối thiểu 1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật 1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị 1.2.1. Mô tả chung 1.2.2. Yêu cầu tối thiểu 1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1] Chương 1
2	Chương 2: Kỹ thuật dẫn bóng 2.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2.1.1. Mô tả chung 2.1.2. Yêu cầu tối thiểu 2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật	LT: 0 tiết BT: 3 tiết	[1]

3	<p>Chương 3: Kỹ thuật chuyền bóng bắt bóng hai tay trước ngực</p> <p>3.1. Kỹ thuật chuyền bắt bóng hai tay trước ngực</p> <p>3.1.1. Mô tả chung</p> <p>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>3.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	<p>LT: 0 tiết</p> <p>BT: 3 tiết</p>	[1]
4	<p>Chương 4: Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao</p> <p>4.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao</p> <p>4.1.1. Mô tả chung</p> <p>4.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>4.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	<p>LT: 5 tiết</p> <p>BT: 0 tiết</p>	[1]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/3	<p>Chương 1: Kỹ thuật di chuyển, tư thế chuẩn bị</p> <p>1.1. Kỹ thuật di chuyển</p> <p>1.1.1. Mô tả chung</p> <p>1.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>1.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p> <p>1.2. Kỹ thuật tư thế chuẩn bị</p> <p>1.2.1. Mô tả chung</p> <p>1.2.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>1.2.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập.</p> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển.</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động.</li> </ul>
2/3	<p>Chương 2: Kỹ thuật dẫn bóng</p> <p>2.1. Kỹ thuật dẫn bóng bằng hai tay trước mặt</p> <p>2.1.1. Mô tả chung</p> <p>2.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p> <p>2.1.3. Mô tả chi tiết kỹ thuật</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện.</li> <li>- Tập luyện và thảo luận theo nhóm.</li> </ul> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc.</p> <p><i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra thực hành kỹ thuật di chuyển.</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: Bằng thực hành trực tiếp trên sân vận động.</li> </ul>
3/3	<p>Chương 3: Kỹ thuật chuyền bắt bóng hai tay trước ngực</p> <p>3.1. Kỹ thuật chuyền bắt bóng bằng hai tay trước ngực</p> <p>3.1.1. Mô tả chung</p> <p>3.1.2. Yêu cầu tối thiểu</p>	H1	<p><i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, phương pháp trực quan.</p> <p><i>Hình thức tổ chức dạy học:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng và quan</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu hỏi nhanh trong vòng 2-3 phút để đánh giá mức độ hiểu, nắm</li> </ul>

	3.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật		sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung thực hiện bài tập. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	bắt nội dung bài học. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng bài viết nộp tại lớp
4/3	Chương 4: Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 4.1. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ 1 tay trên cao 4.1.1. Mô tả chung 4.1.2. Yêu cầu tối thiểu 4.1.3. Mô tả chi tiết kĩ thuật	H1	<i>Phương pháp dạy học:</i> Phương pháp giảng giải, trực quan. <i>Hình thức tổ chức:</i> - Nghe giảng và quan sát giảng viên hướng dẫn tập luyện. - Tập luyện và thảo luận theo nhóm. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> Tập trung chú ý, thực hiện bài tập nghiêm túc. <i>Địa điểm học:</i> Sân vận động.	- Bài kiểm tra 45 phút. - Hình thức đánh giá của từng bài: Bảng bài viết nộp tại lớp.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Iu.M.Portnova (1997) *Giáo trình bóng rổ*, Nxb. TDTT

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Đình Bầm (2010), *Tâm lí học trong thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[3]. Vũ Đào Hùng (1997), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*, Nxb TDTT, Hà Nội.

[4]. Vũ Đức Thu, Trương Anh Tuấn (2009), *Lý luận và phương pháp giáo dục thể chất*,

Nxb, ĐHSPT, Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Có.

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Không.

### 7.4. Phần khác: Không.

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

### 8.2. Thành phần, mục đích và Tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ tập ở lớp, ở nhà của sinh viên.		25%
2	Bài kiểm tra thực	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức	Phương pháp đánh giá thông qua bài thực hành trên lớp	H1	25%

	hành	độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	của sinh viên.		
3	Kiểm tra định kỳ	Đánh giá hiểu nội dung Học phần học trên lớp, khả năng hoàn thành các động tác kĩ thuật Học phần học của từng sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài kiểm tra của từng sinh viên cuối Học phần học.	H1	50%
			Tổng Tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận.		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về kĩ năng, thực hành các kĩ thuật của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ Môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**TS. Phạm Hùng Mạnh**

**ThS. Đỗ Thị Thùy Linh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐƯỜNG LỐI QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN**  
**VIỆT NAM**  
**Mã học phần: QP211011**

**1. Thông tin về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Văn Mười; Số điện thoại: 0943849636;

Email: [muoiv2255@gmail.com](mailto:muoiv2255@gmail.com)

Giảng viên 2: Lê Việt Quỳnh; Số điện thoại: 0982472358;

Email: [levietquynh90@gmail.com](mailto:levietquynh90@gmail.com)

Giảng viên 3: Đặng Đình Tác; Số điện thoại: 0982238589;

Email: [dinh\\_tacqp@gmail.com](mailto:dinh_tacqp@gmail.com)

Giảng viên 4: Nguyễn Tiến Chương; Số điện thoại: 0986700088;

Email: [tienchuongtn@gmail.com](mailto:tienchuongtn@gmail.com)

Giảng viên 5: Lê Văn Đoài; Số điện thoại: 0949200642;

Email: [doaihistory@gmail.com](mailto:doaihistory@gmail.com)

Giảng viên 6: Trần Quốc Yên; Số điện thoại: 01663664977;

Email: [quocyen78@gmail.com](mailto:quocyen78@gmail.com)

Giảng viên 7: Trần Văn Hùng; Số điện thoại: 0972912972;

Email: [tranvanhungtqs@gmail.com](mailto:tranvanhungtqs@gmail.com)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần cung cấp cơ sở lý luận về đường lối quân sự và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm: Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại; nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Học phần này là những kiến thức cơ bản tiền đề làm cơ sở để vận dụng học những học phần khác.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1 Sinh viên có kiến thức cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng và an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân ...

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Học xong học phần này, sinh viên đạt được các mục tiêu sau:

H1: Kiến thức: Hiểu rõ tầm quan trọng và nắm vững những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

H2: Kỹ năng: Biết vận dụng vào thực tiễn để bảo vệ tính đúng đắn, sự cần thiết trong đường lối quân sự của Đảng, kiên quyết phản bác, đấu tranh với các quan điểm sai trái, xuyên tạc; biết liên hệ trách nhiệm cụ thể của bản thân phù hợp với lĩnh vực học tập để góp phần thực hiện đường lối của Đảng về quốc phòng – an ninh.

H3: Thái độ: Có thái độ nghiêm túc trong học tập, hiểu đúng nội dung các chuyên đề, phát huy tính sáng tạo, tích cực, chủ động trong quá trình học tập, nghiên cứu. Tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc ta; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C4	C5
H1		X
H2		X
H3		X

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học</b> - Nội dung: 1.1. Đối tượng nghiên cứu 2. 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh	LT: 2 TL:	Giáo trình
2	<b>Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</b> - Nội dung: 2.1. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa	LT: 2 TL: 2	Giáo trình
3	<b>Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</b> - Nội dung: 3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay	LT: 4 TL:	Giáo trình
4	<b>Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</b> - Nội dung: 4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc 4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc	LT: 4 TL:	Giáo trình
5	<b>Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam</b> - Nội dung:		Giáo trình

	<p>5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</p> <p>5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới</p> <p>5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</p>	<p><b>LT: 4</b> <b>TL:</b></p>	
6	<p><b>Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam</p> <p>6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay</p> <p>6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay.</p>	<p><b>LT: 4</b> <b>TL:</b></p>	Giáo trình
7	<p><b>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta</p> <p>7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo</p> <p>7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên</p>	<p><b>LT: 4</b> <b>TL: 2</b></p>	Giáo trình
8	<p><b>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>8.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia</p> <p>8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia</p> <p>8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia</p>	<p><b>LT: 4</b> <b>TL:</b></p>	Giáo trình
9	<p><b>Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>9.1. Xây dựng lực lượng DQTV</p> <p>9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên</p> <p>9.3. Động viên quốc phòng</p>	<p><b>LT: 4</b> <b>TL: 2</b></p>	Giáo trình
10	<p><b>Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</p> <p>10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</p> <p>10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc .</p>	<p><b>LT: 2</b> <b>TL: 2</b></p>	Giáo trình
11	<p><b>Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội</b></p>		Giáo trình



	<p><b>- Nội dung:</b>  11.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia  11.2. Những nội dung cơ bản về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.  11.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p>	<p><b>LT:3</b> <b>TL:</b></p>	
--	--	-----------------------------------	--

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học (Chờ xin ý kiến chỉ đạo của Phòng ĐT- NT)**

<b>Buổi học/ Số tiết</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Chuẩn đầu ra học phần</b>	<b>Hoạt động dạy và học</b>	<b>Bài đánh giá</b>
1/5	<p><b>Bài 1: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học</b>  <b>- Nội dung:</b>  1.1. Đối tượng nghiên cứu  3. 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu  1.3. Giới thiệu về môn học giáo dục quốc phòng an ninh</p> <p><b>Bài 2: Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</b>  <b>- Nội dung:</b>  2.1. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh (Bài 2)  2.2. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội  2.3. Quan điểm Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa</p>		<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.  <b>Địa điểm học:</b>  Phòng học</p>	
2/5	<p><b>Bài 3: Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</b>  <b>- Nội dung:</b>  3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân  3.2. Nội dung xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân  3.3. Một số biện pháp chính</p>			

	<p>xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay</p> <p><b>* Thảo luận bài 2.</b></p>			
3/5	<p><b>Bài 4: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa</b></p> <p><b>- Nội dung:</b></p> <p>4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc</p> <p>4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc</p> <p>4.3. Nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc</p> <p><b>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam</b></p> <p><b>- Nội dung:</b></p> <p>7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của cha ông ta</p>			
4/5	<p><b>Bài 7: Những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam</b></p> <p><b>- Nội dung:</b></p> <p>7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo</p> <p>7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự Việt Nam vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và trách nhiệm của sinh viên</p>			
5/5	<p><b>Bài 5: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam</b></p> <p><b>- Nội dung:</b></p> <p>5.1. Đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</p> <p>5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới</p> <p>5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân</p>			

	<p><b>Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng</b> - Nội dung:</p> <p>9.1. Xây dựng lực lượng DQTV</p>			
6/5	<p><b>Bài 9: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên quốc phòng</b> - Nội dung:</p> <p>9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 9.3. Động viên quốc phòng</p>			
7/5	<p><b>Bài 6: Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh và đối ngoại</b> - Nội dung:</p> <p>6.1. Cơ sở lí luận và thực tiễn của sự kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt Nam 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh ở Việt nam hiện nay.</p> <p><b>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới</b> - Nội dung:</p> <p>8.1. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia</p>			
	<p><b>Bài 8: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia trong tình hình mới</b> - Nội dung:</p> <p>8.2. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia</p>			

8/5	<p>8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ biển, đảo, biên giới quốc gia</p> <p><b>Bài 10: Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</p> <p>10.2. Nội dung, phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc</p> <p>10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc</p>			
9/5	<p><b>Bài 11: Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>11.1. Những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia</p> <p>11.2. Những nội dung cơ bản về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.</p> <p>11.3. Trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ ANQG và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.</p> <p><b>* Thảo luận bài 10</b></p>			

## 6. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:  
Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Mai Văn Bộ (2007), *Con đường vạn dặm của Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ
- Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.
- Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1995), *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp 1945 – 1954*, NXB Quân đội nhân dân.
- Bộ Quốc phòng – Viện lịch sử quân sự Việt Nam (2001), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954 – 1975*, NXB Quân đội nhân dân.
- Chủ nghĩa Mác – Lênin bàn về Chiến tranh và Quân đội (1976), NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia.

- Đồng tác giả (2002), *20 trận đánh trong lịch sử dân tộc*, Nxb QĐND
  - Giáo trình triết học Mác – Lênin (2007), NXB Chính trị quốc gia.
  - Nguyễn Mạnh Hương (2010), *Hỏi đáp về quốc phòng- an ninh*, Nxb Chính trị- Hành chính.
  - Nhật Nam (2014), *Nghệ thuật đánh giặc giữ nước*, NXB Khoa học xã hội
  - Hồ Chí Minh, Toàn tập.
  - Hồ Chí Minh về nghệ thuật quân sự (2007), NXB Thanh Niên.
  - V.L Lênin, Toàn tập.
- Ngoài ra còn có các văn bản của Đảng, Nhà nước có liên quan đến môn học giáo dục quốc phòng và an ninh.
- Quốc hội (2005), *Luật biên giới quốc gia Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật
  - Quốc hội (2015), *Luật biển Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật
  - Dương Tuyết Miên (2010), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
  - Vụ Giáo dục quốc phòng (2012), *Biển, đại dương và chủ quyền biển đảo Việt Nam*, Xí nghiệp in Tổng cục Công nghiệp quốc phòng.

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Dự lớp  $\geq 80\%$  tổng thời lượng học phần.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung thảo luận.
- SV tự nghiên cứu tài liệu và thực hiện giờ tự học theo qui định.
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.
- Tham quan truyền thông và tham gia các hoạt động do Trung tâm tổ chức.
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của Trung tâm.

### 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

#### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: .....; Trọng số thi kết thúc học phần:....

(Trọng số điểm bộ phận:  $\leq 30\%$ ; Còn lại trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

#### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

T T T	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
11	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong việc rèn luyện của sinh viên tại Trung tâm.		60%
22	Bài kiểm tra định kỳ	Kiểm tra nhận thức của SV qua học tập	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra bằng hình thức trắc nghiệm	H1	40%
33			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

#### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1

**Trưởng khoa  
(biên soạn)**

**Trưởng Bộ môn  
(biên soạn)**

*Ngày ... tháng 5 năm 2020*  
**Người biên soạn**

**Đại tá Nguyễn Văn Mười**

**Trung tá Lê Viết Quỳnh**

**Trung tá Lê Viết Quỳnh**

***Ghi chú:*** Chương trình thực hiện theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học

**HIỆU TRƯỞNG**

**KT/GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*Ngày tháng năm 2020*  
**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**Đại tá Nguyễn Văn Mười**

**Trung tá Lê Viết Quỳnh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH**  
**Mã học phần: QP211006**

**1. Thông tin về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Văn Mười; Số điện thoại: 0943849636;

Email: [muoiv2255@gmail.com](mailto:muoiv2255@gmail.com)

Giảng viên 2: Lê Việt Quỳnh; Số điện thoại: 0982472358;

Email: [levietquynh90@gmail.com](mailto:levietquynh90@gmail.com)

Giảng viên 3: Đậu Đình Tác; Số điện thoại: 0982238589;

Email: [dinhtacqp@gmail.com](mailto:dinhtacqp@gmail.com)

Giảng viên 4: Nguyễn Tiên Chương; Số điện thoại: 0986700088;

Email: [tienchuongtn@gmail.com](mailto:tienchuongtn@gmail.com)

Giảng viên 5: Lê Văn Đoài; Số điện thoại: 0949200642;

Email: [doaihistory@gmail.com](mailto:doaihistory@gmail.com)

Giảng viên 6: Trần Quốc Yên; Số điện thoại: 01663664977;

Email: [quocyen78@gmail.com](mailto:quocyen78@gmail.com)

Giảng viên 7: Trần Văn Hùng; Số điện thoại: 0972912972;

Email: [tranvanhungtqs@gmail.com](mailto:tranvanhungtqs@gmail.com)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần đề cập những nội dung cơ bản về nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số vấn đề cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam

**3. Mục tiêu học phần:**

**3.1. Mục tiêu học phần**

Sinh viên có kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh; nắm chắc những âm mưu thủ đoạn của địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ; âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Đặc biệt là giáo dục cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước trong các lĩnh vực cơ bản quan trọng của đời sống xã hội.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Học xong học phần này, sinh viên phải đạt được các mục tiêu sau:

- *Kiến thức:* Ghi nhớ những kiến thức cơ bản; phân tích, chứng minh tính đúng đắn, khoa học trong công tác quốc phòng và an ninh của Đảng và Nhà nước ta. Đặc biệt là đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm như chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; những kiến thức cơ bản về pháp luật của Nhà nước...

- *Kỹ năng*: Biết phân tích, tổng hợp, xử lý các vấn đề có liên quan đến các nội dung về công tác quốc phòng, an ninh; vận dụng linh hoạt sáng tạo các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn cuộc sống.

- *Thái độ*:

- + Có ý thức cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.
- + Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, từ đó có thái độ nghiêm túc trong học tập, xây dựng phương pháp nghiên cứu, học tập khoa học.
- + Xây dựng niềm tin tất thắng trong phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Nêu cao ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C4	C5
H1		X
H2		X
H3		X

## 4. Cấu trúc học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu
1	<p><b>Bài 1: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.2. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta</p> <p>1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay</p>	LT: 4 TL:	Giáo trình
2	<p><b>Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc</p> <p>2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo</p> <p>2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p>	LT: 4 TL:2	Giáo trình
3	<p><b>Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>3.1. Nhận thức chung về công tác bảo vệ môi trường</p> <p>3.2. Tình hình, đặc điểm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở nước ta</p> <p>3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của sinh viên</p>	LT: 4 TL:	



4	<p><b>Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông</p> <p>4.2. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông</p> <p>4.3. Một số giải pháp và trách nhiệm của công dân trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông</p>	LT: 4 TL:	
5	<p><b>Bài 5: : Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>5.1. Những vấn đề cơ bản về danh dự, nhân phẩm</p> <p>5.2. Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở nước ta</p> <p>5.3. Một số biện pháp phòng ngừa các loại tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và trách nhiệm của sinh viên</p>	LT: 2 TL:2	
6	<p><b>Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng</p> <p>6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng</p> <p>6.3. Những giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng</p>	LT: 2 TL:2	
7	<p><b>Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>7.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống</p> <p>7.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống</p>	LT: 2 TL:2	Giáo trình

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học (Chờ xin ý kiến chỉ đạo của Phòng ĐT- NT)

Buổi học/ Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy	Bài đánh giá
10/5	<p><b>Bài 1: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam</b></p> <p>- Nội dung:</p> <p>1.1. Chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội</p> <p>1.2. Chiến lược "Diễn biến</p>		<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội,</p>	

	<p>hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam</p> <p>1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta</p> <p>1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay</p> <p><b>Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc</p>		<p>trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Phòng học</p>	
11/5	<p><b>Bài 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</b></p> <p>- <b>Nội dung:</b></p> <p>2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo</p> <p>2.3. Đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam</p>		<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình, giảng giải phân tích lấy ví dụ thực tế chứng minh</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội, trung đội để ôn luyện, nghiên cứu..</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; Khi lên lớp chú ý lắng nghe, ghi đầy đủ các nội dung chính trọng tâm.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Phòng học</p>	
12/5	<p><b>Bài 3: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường</b></p>			

	<p><b>- Nội dung:</b>  3.1. Nhận thức chung về công tác bảo vệ môi trường  3.2. Tình hình, đặc điểm tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường ở nước ta  3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và trách nhiệm của sinh viên</p> <p><b>Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông</b></p> <p><b>- Nội dung:</b>  4.1. Những vấn đề chung về vi phạm pháp luật bảo đảm trật tự an toàn giao thông</p>			
13/5	<p><b>Bài 4: Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông</b></p> <p><b>- Nội dung:</b>  4.2. Nội dung phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông  4.3. Một số giải pháp và trách nhiệm của công dân trong bảo đảm trật tự an toàn giao thông</p> <p><b>Bài 5: : Phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác</b></p> <p><b>- Nội dung:</b>  5.1. Những vấn đề cơ bản về danh dự, nhân phẩm  5.2. Các loại tội phạm xâm phạm danh dự, nhân phẩm ở nước ta  5.3. Một số biện pháp phòng ngừa các loại tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của người khác và trách nhiệm của sinh viên</p>			

14/5	<p><b>Bài 6: An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng</b>  <b>- Nội dung:</b>          6.1. Nhận thức chung về an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng          6.2. Các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng          6.3. Những giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng  <b>* Thảo luận bài 16,17</b></p>			
15/5	<p><b>Bài 7: An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam</b>  <b>- Nội dung:</b>          7.1. Khái quát chung về an ninh phi truyền thống          7.2. Quan điểm và các giải pháp cơ bản giải quyết vấn đề an ninh phi truyền thống  <b>* Thảo luận bài 17</b></p>			

## 6. Tài liệu học tập:

- Sách, giáo trình chính:
  - [1]. Tập thể tác giả (2013, tái bản 2014, 2015), *Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh, dung cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng* - Tập một, Nxb Giáo dục Việt Nam.
  - Bộ Quốc phòng, Trung tâm từ điển bách khoa quân sự (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, Nxb QĐND.
  - Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia.
  - Ban Tôn giáo chính phủ (2006), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia.
  - Đặng Nghiêm Vạn (2007), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.
  - Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia.
  - Phạm Quang Định (2005), *“Diễn biến hòa bình” và cuộc đấu tranh chống “Diễn biến hòa bình” ở Việt Nam*, Nxb QĐND.
  - Nguyễn Mạnh Hường (2011), *Hỏi đáp về quốc phòng- an ninh*, Nxb Chính trị - Hành chính.

- Quốc hội (2010), *Luật dân quân tự vệ*, Nxb Chính trị Quốc gia – Sự thật

<sup>1</sup>Nguyễn Xuân Yêm và Nguyễn Minh Đức (2011), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm trong bối cảnh toàn cầu hóa*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

<sup>2</sup>Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Vụ Pháp chế* (2017), *Tài liệu phổ biến các quy định về tội phạm về tài nguyên môi trường trong BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*.

<sup>3</sup>Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Vụ Pháp chế* (2017), *Tài liệu phổ biến các quy định về tội phạm về tài nguyên môi trường trong BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017*.

<sup>4</sup>Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014), *Tội phạm về môi trường trong PLHS Việt Nam, thực trạng và hướng hoàn thiện*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

1] Mai Văn Bính (2010), *Giáo dục công dân 10*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[2] Chính phủ (2013), *Nghị định Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình*.

[3] Chính phủ (2016), *Quyết định Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030*.

[4] Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

[5] Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

[6] Quốc hội (2017), *Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.

[7] Liên Hợp Quốc (1976), *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*.

[8] Gudmundur Alfredsson (2011), *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, 1948*, NXB Lao động – xã hội

- Ngoài ra còn có các văn bản của Đảng, nhà nước có liên quan đến Giáo dục QP-AN.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Dự lớp  $\geq$  80% tổng thời lượng học phần.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung thảo luận.
- SV tự nghiên cứu tài liệu và thực hiện giờ tự học theo quy định.
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.
- Tham quan truyền thông và tham gia các hoạt động do Trung tâm tổ chức.
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của Trung tâm.

## 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: .....; Trọng số thi kết thúc học phần:....

(Trọng số điểm bộ phận:  $\leq$  30%; Còn lại trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá rèn luyện	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm.	Đánh giá rèn luyện	60%

2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá: Thông qua kiểm tra tự luận, thực hành.	H3; H4.	40%
3			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về trình độ nhận thức, ý thức trách nhiệm, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H2

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày ... tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**Đại tá Nguyễn Văn Mười**

**Trung tá Lê Viết Quỳnh**

**Trung tá Lê Viết Quỳnh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: QUÂN SỰ CHUNG**  
**Mã học phần: QP211012**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 1.5; Số tín chỉ lý thuyết: 0.7; Số tín chỉ thực hành: 0.3

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Doãn Anh Tuấn;

Số điện thoại: 0834609785;

Email: anhtuanqp609785@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Trọng Hằng;

Số điện thoại: 0982243993;

Email: hangthuttqptn@gmail.com

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Việt Hồng;

Số điện thoại: 0912129514;

Email: hongnguyenquansu@gmail.com

Giảng viên 4: Họ và tên: Phạm Huy Tựa;

Số điện thoại: 0905211278;

Email: tuadhnt@gmail.com

Giảng viên 5: Họ và tên: Khúc Đình Tân;

Số điện thoại: 0983337637;

Email: khuctan.qs@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Quân sự chung là một nội dung trong chương trình môn học, nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại khi học tập môn học giáo dục quốc phòng và an ninh tại trung tâm; điều lệnh đội ngũ; bản đồ, địa hình quân sự; phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao; hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Học phần dành thời gian giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điền kinh, thể thao quốc phòng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Hiểu biết những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại;

MT2. Có hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam; điều lệnh đội ngũ từng người có súng, đội ngũ đơn vị;

MT3. Có kiến thức về bản đồ địa hình quân sự, biết cách phòng, tránh khi địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu biết và vận dụng được những kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; các chế độ nề nếp chính quy, cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong quá trình học tập tại Trung tâm;

H2. Có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; bản đồ địa hình quân sự; vũ khí công nghệ cao làm cơ sở để vận dụng trong phòng tránh, đánh trả.

H3. Thành thạo một số nội dung của điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết chỉ huy đội hình trung đội thực hành một số nội dung cơ bản về sử dụng bản đồ ngoài thực địa cũng như luyện tập điều lệnh đội ngũ; 3 môn quân sự phối hợp.

H4. Tác phong nhanh nhẹn, nội vụ, vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp; có ý thức trong sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật. nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng,

củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập cũng như trong chiến đấu ở cơ quan đơn vị sau này; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C4	C5
H1		x
H2		x
H3		x

**4. Cấu trúc học phần**

T T	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác</b> 1.1. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày; 1.2. chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần;	LT: 02	[1]. Bài: Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác.
2	<b>2. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</b> 2.1 Các chế độ nề nếp chính quy; 2.2 Cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.	LT: 02	[1]. Bài: Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.
3	<b>3. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội</b> <b>3.1. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các quân chủng</b> 3.1.1. Quân chủng Phòng không - Không quân 3.1.2. Quân chủng Hải quân <b>3.2. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các binh chủng</b> 3.2.1. Binh chủng Pháo binh 3.2.2. Binh chủng Tăng - thiết giáp 3.2.3. Binh chủng Đặc công 3.2.4. Binh chủng Công binh 3.2.5. Binh chủng Hóa học 3.2.6. Binh chủng Thông tin liên lạc	LT: 04	[1]. Bài: Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội.
4	<b>4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự</b> <b>4.1. Bản đồ</b> 4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa 4.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình 4.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng của bản đồ địa hình 4.1.4. Nội dung bản đồ 4.1.5. Chắp ghép, dán gập, bảo quản bản đồ. <b>4.2. Sử dụng bản đồ</b> 4.2.1. Đo cự ly, diện tích trên bản đồ. 4.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu 4.3.3. sử dụng bản đồ ngoài thực địa	LT:02 TH: 02	[1]. Bài: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự; Giáo trình
5	<b>5. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng</b> 5.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy có súng 5.2. Đặt súng, lấy súng; trao súng, nhận súng	TH: 04	[1]. Bài: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng;



	5.3. Khám súng 5.4. Sửa dây súng 5.5. Mang, đeo, treo súng		
	<b>6. Điều lệnh đội ngũ đơn vị</b> <b>6.1. Đội hình trung đội hàng ngang</b> 6.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang 6.1.2. Đội hình trung đội 2 hàng ngang 6.1.3. Đội hình trung đội 3 hàng ngang <b>6.2. Đội hình trung đội hàng dọc</b> 6.1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc 6.2. Đội hình trung đội 2 hàng dọc 6.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc	TH: 04	[1]. Bài: Điều lệnh đội ngũ đơn vị
	<b>7. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</b> <b>7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</b> 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao 7.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh <b>7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</b> 7.2.1. Biện pháp thụ động 7.2.2. Biện pháp chủ động	LT:02 TH: 02	[1]. Bài: Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao
	<b>8. Ba môn quân sự phối hợp</b> <b>8.1. Điều lệ</b> 8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu 8.1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi 8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 8.1.4. Thủ tục khiếu nại 8.1.5. Xác định thành tích xếp hạng <b>8.2. Quy tắc thi đấu</b> 8.2.1. Quy tắc chung 8.2.2 Quy tắc thi đấu các môn 8.2.3. Cách tính thành tích	LT:02 TH: 04	[1]. Bài: Ba môn quân sự phối hợp

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết 01 - 04	<b>1. Chế độ sinh hoạt, học tập, công tác</b> <b>1.1.</b> chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày; <b>1.2.</b> chế độ sinh hoạt, học tập, công tác trong ngày, trong tuần; <b>2. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại</b>	H1; H4.	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung theo lớp.	Kiểm tra SV xấp xếp nội vụ, vệ sinh phòng ở, phòng học theo

	<p>2.1. Các chế độ nề nếp chính quy; 2.2. Cách sắp xếp, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại.</p>		<p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi nhớ các nội dung chính; thực hành sắp xếp nội vụ trong phòng ở theo quy định. <b>Địa điểm học:</b> - Lý thuyết: giảng đường - Thực hành sắp xếp nội vụ: Phòng ở của sinh viên</p>	quy định
Tiết 05 - 08	<p><b>3. Hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội</b> <b>3.1. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các quân chủng</b> 3.1.1. Quân chủng Phòng không - Không quân 3.1.2. Quân chủng Hải quân <b>3.2. Vị trí, tổ chức biên chế và nhiệm vụ các binh chủng</b> 3.2.1. Binh chủng Pháo binh 3.2.2. Binh chủng Tăng - thiết giáp 3.2.3. Binh chủng Đặc công 3.2.4. Binh chủng Công binh 3.2.5. Binh chủng Hóa học 3.2.6. Binh chủng Thông tin liên lạc</p>	H2; H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung theo lớp <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
Tiết 09 - 12	<p><b>4. Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự</b> <b>4.1. Bản đồ</b> 4.1.1. Khái niệm, ý nghĩa 4.1.2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình 4.1.3. Phân loại, đặc điểm, công dụng của bản đồ địa hình 4.1.4. Nội dung bản đồ 4.1.5. Chắp ghép, dán gập, bảo quản bản đồ. <b>4.2. Sử dụng bản đồ</b> 4.2.1. Đo cự ly, diện tích trên bản đồ. 4.2.2. Xác định tọa độ chỉ thị mục tiêu 4.3.3. sử dụng bản đồ ngoài thực địa</p>	H2; H3; H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung theo lớp học; thực hành làm bài tập ứng dụng. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
Tiết 13-16	<p><b>5. Điều lệnh đội ngũ từng người có súng</b> 5.1. Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ; tiến, lùi, qua phải, qua trái; ngồi xuống, đứng dậy có súng 5.2. Đặt súng, lấy súng; trao súng, nhận súng 5.3. Khám súng 5.4. Sửa dây súng</p>	H3; H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP làm mẫu động tác. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung theo lớp. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; lắng nghe</p>	Thực hành kiểm tra Điều lệnh đội ngũ từng người có súng.

	5.5. Mang, đeo, treo súng		quan sát động tác mẫu và thực hành luyện tập theo kết luận <b>Địa điểm học:</b> Sân tập.	
Tiết 17 - 21	<b>6. Điều lệnh đội ngũ đơn vị</b> <b>6.1. Đội hình trung đội hàng ngang</b> 6.1.1. Đội hình trung đội 1 hàng ngang 6.1.2. Đội hình trung đội 2 hàng ngang 6.1.3. Đội hình trung đội 3 hàng ngang <b>6.2. Đội hình trung đội hàng dọc</b> 6.1. Đội hình trung đội 1 hàng dọc 6.2. Đội hình trung đội 2 hàng dọc 6.3. Đội hình trung đội 3 hàng dọc	H3; H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP làm mẫu động tác. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung theo lớp. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; lắng nghe quan sát động tác mẫu và thực hành luyện tập theo kết luận <b>Địa điểm học:</b> Sân tập.	Thực hành kiểm tra Điều lệnh đội ngũ đơn vị.
Tiết 22 - 25	<b>7. Phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</b> <b>7.1. Khái niệm, đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh</b> 7.1.1. Khái niệm 7.1.2. Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao 7.1.3. Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh <b>7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao</b> 7.2.1. Biện pháp thụ động 7.2.2. Biện pháp chủ động	H2; H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung, SV nghe giảng do giảng viên trình bày; thực hành xử lý các tình huống. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
Tiết 22 - 25	<b>8. Ba môn quân sự phối hợp</b> <b>8.1. Điều lệ</b> 8.1.1. Đặc điểm và điều kiện thi đấu 8.1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi 8.1.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng) 8.1.4. Thủ tục khiếu nại 8.1.5. Xác định thành tích xếp hạng <b>8.2. Quy tắc thi đấu</b> 8.2.1. Quy tắc chung 8.2.2 Quy tắc thi đấu các môn 8.2.3. Cách tính thành tích	H3; H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình; làm mẫu. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Tập trung theo lớp; SV nghe giảng do giảng viên trình bày; thực hành luyện tập theo phương án. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; ghi chép các nội dung chính; luyện	Thực hành kiểm tra chạy vũ trang.

			tập theo phương án. <b>Địa điểm học:</b> Sân tập.	
--	--	--	--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Tập thể tác giả, 20...., “*Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2*” dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Tổng Tham Mưu (2015), “*Điều lệnh đội ngũ QĐND Việt Nam*”, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Tổng Tham Mưu (2015), “*Điều lệnh quản lý bộ đội*”, Nxb QĐND.

[4]. Cục Quân huấn (2009), “*Giáo trình Địa hình Quân sự*”, Nxb QĐND

[5]. Binh chủng hóa học (2000), *Vũ khí hạt nhân và cách phòng chống*, Nxb QĐND.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 80\%$  tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo quy định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

### 7.2. Phần thực hành

- Các bài thực hành của học phần:
- Bài 4: Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự;
- Bài 5: Điều lệnh đội ngũ từng người có súng
- Bài 6: Điều lệnh đội ngũ đơn vị
- Bài 7: Phòng tránh địch tiến công hòa lực bằng vũ khí công nghệ cao
- Bài 8: Ba môn quân sự phối hợp
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;
- + Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;
- + Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;
- + Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;
- + Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận:** 30%; **Trọng số thi kết thúc học phần:** 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá rèn luyện	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm.	H4	60%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Thực hành kiểm tra Điều lệnh đội ngũ từng người có súng	Phương pháp đánh giá thông qua thực hành.	H3; H4.	40%

		hoặc kiểm tra Điều lệnh đội ngũ đơn vị.			
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1; H2; H3; H4

**Trưởng khoa**  
(biên soạn)

**Trưởng Bộ môn**  
(biên soạn)

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**Đại tá Nguyễn Văn Mười**

**Thượng tá Doãn Anh Tuấn**

**Thượng tá Doãn Anh Tuấn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: KỸ THUẬT CHIẾN ĐẤU BỘ BINH VÀ CHIẾN THUẬT**  
**Mã học phần: QP211013**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Doãn Anh Tuấn; Số điện thoại: 0834609785;

Email: anhantuanqp609785@gmail.com

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Trọng Hằng; Số điện thoại: 0982243993;

Email: hangthuttqptn@gmail.com

Giảng viên 3: Họ và tên: Nguyễn Việt Hồng; Số điện thoại: 0912129514;

Email: hongnguyenquansu@gmail.com

Giảng viên 4: Họ và tên: Phạm Huy Tựa; Số điện thoại: 0905211278;

Email: tuadhntn@gmail.com

Giảng viên 5: Họ và tên: Khúc Đình Tân; Số điện thoại: 0983337637;

Email: khuctan.qs@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên trong các trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học là môn học chính khóa.

Học phần Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật là một nội dung trong chương trình môn học. Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng; từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự; từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; Thành thạo tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn; kiểm tra bài 1 đạt kết quả cao.

MT2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng, ném lựu đạn bài 1; thành thạo động tác ném lựu đạn bài 1.

MT3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Hiểu biết những kiến thức; thực hành được các kỹ năng cơ bản về: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, lựu đạn.

H2. Thành thạo động tác chuẩn bị bắn, bắn, thôi bắn của súng tiểu liên AK, động tác ném lựu đạn. Vận dụng vào học các bài bắn tiếp theo trong quá trình huấn luyện và chiến đấu ở cơ quan, đơn vị sau này.

H3. Nắm được đặc điểm của địch. Nhiệm vụ, khả năng chiến đấu, Hiểu được yêu cầu chiến thuật, cách đánh; động tác chiến đấu của từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự cũng như làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới). Vận dụng vào học tập các nội dung chiến thuật tiếp theo.

H4. Tác phong nhanh nhẹn, nội vụ, vệ sinh gọn gàng, ngăn nắp; có ý thức trong sinh hoạt tập thể, không vi phạm kỷ luật. Nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, góp phần xây dựng nhà trường, đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, vận dụng linh hoạt vào thực tế học tập cũng như trong

chiến đấu ở cơ quan đơn vị sau này; sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C4	C5
H1		X
H2		X
H3		X

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</b></p> <p><i>1.1. Ngắm bắn</i></p> <p><i>1.1.1. Khái niệm</i></p> <p>1.1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng</p> <p>1.1.3. Thứ tự thực hành ngắm</p> <p>1.1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn</p> <p><b>1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK</b></p> <p>1.2.1. Động tác nằm bắn</p> <p>1.2.2. Động tác bắn</p> <p>1.2.3. Động tác thôi bắn</p> <p><b>1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK</b></p> <p>1.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu</p> <p>1.3.2. Phương án tập bắn</p> <p>1.3.2. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm</p> <p>1.3.3. Thực hành tập bắn</p> <p>1.3.4. Điều kiện kiểm tra và thành tích</p>	LT: 02 TH: 22	[1]. Bài: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK;
2	<p><b>2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1</b></p> <p><b>2.1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng.</b></p> <p>2.1.1. Một số loại lựu đạn thường dùng.</p> <p>2.1.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn</p> <p>2.1.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn</p> <p><b>2.2. Ném lựu đạn bài 1</b></p> <p>2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu</p> <p>2.2.2. Điều kiện kiểm tra</p> <p>2.2.3. Đánh giá thành tích</p> <p>2.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn</p>	LT: 02 TH: 06	[1]. Bài: Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1
3	<p><b>3. Từng người trong chiến đấu tiến công</b></p> <p><b>3.1. Phương án tập</b></p> <p><b>3.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật</b></p> <p>3.2.1. Nhiệm vụ</p> <p>3.2.2. Yêu cầu chiến thuật</p> <p><b>3.3. Huấn luyện đánh từng loại mục tiêu</b></p> <p>3.3.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt</p> <p>3.3.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào</p>	TH: 16	[1]. Bài: Từng người trong chiến đấu tiến công

	3.3.3. Đánh địch trong căn nhà 3.3.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép 3.3.5. Đánh tên địch, tập địch ngoài công sự		
4	<b>4. Từng người trong chiến đấu phòng ngự</b> <b>4.1. Phương án tập</b> <b>4.2. Đặc điểm tiến công của địch</b> <b>4.3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật</b> 4.1.1. Nhiệm vụ 4.1.2. Yêu cầu chiến thuật <b>4.4 Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện</b> 4.4.1. VĐHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 4.4.2. VĐHL2: Hành động của chiến sỹ khi địch chuẩn bị tiến công 4.4.3. VĐHL3: Hành động của chiến sỹ khi địch tiến công 4.4.4. VĐHL4: Hành động của chiến sỹ mỗi lần đánh bại địch tiến công. <b>4.5. Luyện tập tổng hợp</b>	TH: 08	[1]. Bài: Từng người trong chiến đấu phòng ngự
5	<b>5. Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)</b> <b>5.1. Phương án tập</b> <b>5.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật</b> 5.1.1. Nhiệm vụ 5.1.2. Yêu cầu chiến thuật <b>5.3. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện</b> 5.3.1 . VĐHL1: Hành động của chiến sỹ sau khi nhận nhiệm vụ 5.3.2 . VĐHL2: Hành động của chiến sỹ thực hành canh gác. 5.3.3. VĐHL3: Hành động của chiến sỹ sau khi hoàn thành nhiệm vụ <b>5.4. Luyện tập tổng hợp</b>	TH: 04	[1]. Bài: Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tiết: 01- 20	<b>1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</b>  <b>1.1. Ngắm bắn</b>  <i>1.1.1. Khái niệm</i> 1.1.2. Đường ngắm cơ bản, điểm ngắm đúng, đường ngắm đúng 1.1.3. Thứ tự thực hành ngắm 1.1.4. Ảnh hưởng do ngắm sai và gió đến kết quả bắn <b>1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiểu liên AK</b> 1.2.1. Động tác nắm bắn 1.2.2. Động tác bắn 1.2.3 Động tác thôi bắn	H1; H2; H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> Phần lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình. Phần thực hành: Sử dụng PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác; quá trình tập giảng viên theo dõi sửa tập cho người tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi	- Lấy được đường ngắm chết; -Hình thức đánh giá: giáo viên kiểm tra đường ngắm từng người



	<p><b>1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiểu liên AK</b></p> <p>1.3.1. Ý nghĩa, đặc điểm, yêu cầu</p> <p>1.3.2. Phương án tập bắn</p> <p>1.3.2. Cách chọn thước ngắm, điểm ngắm</p> <p>1.3.3. Thực hành tập bắn</p> <p>1.3.4. Điều kiện kiểm tra và thành tích</p>		<p>lên lớp lắng nghe, ghi tóm tắt các nội dung chính, quan sát động tác mẫu của giảng viên; luyện tập theo nội dung thống nhất.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Nhà tập bắn</p>	
Tiết: 21-24	<p><b>1. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK</b></p> <p><b>1.4. Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.</b></p>	H1; H2; H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Phổ biến ý định kiểm tra; thực hành kiểm tra theo kế hoạch.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Bình tĩnh, tự tin đạt kết quả cao trong kiểm tra.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Nhà tập bắn</p>	Thực hành kiểm tra bắn bài 1 súng tiểu liên AK bằng máy bắn tập MBT03.
Tiết: 25 - 32	<p><b>2. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng. Ném lựu đạn bài 1</b></p> <p>2.1. Tính năng, cấu tạo và cách sử dụng một số loại lựu đạn thường dùng.</p> <p>2.1.1. Một số loại lựu đạn thường dùng.</p> <p>2.1.2. Quy tắc sử dụng và bảo quản lựu đạn</p> <p>2.1.3. Tư thế, động tác ném lựu đạn</p> <p>2.2. Ném lựu đạn bài 1</p> <p>2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu</p> <p>2.2.2. Điều kiện kiểm tra</p> <p>2.2.3. Đánh giá thành tích</p> <p>2.2.4. Thực hành tập ném lựu đạn</p>	H1; H2; H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Phân lý thuyết: Sử dụng PP thuyết trình. Phân thực hành: Sử dụng PP thuyết trình kết hợp làm mẫu động tác; quá trình tập giảng viên theo dõi sửa tập cho người tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp lắng nghe, ghi tóm tắt các nội dung chính, quan sát động tác mẫu của giảng viên; luyện tập theo nội dung thống nhất.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Sân tập.</p>	Thực hành kiểm tra ném lựu đạn bài 1.
Tiết: 33 - 48	<p><b>3. Từng người trong chiến đấu tiến công</b></p> <p><b>3.1. Phương án tập</b></p> <p><b>3.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến</b></p>	H3; H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật</p>	

	<p><b>thuật</b>  3.2.1.Nhiệm vụ  3.2.2.Yêu cầu chiến thuật  <b>3.3. Huấn luyện đánh từng loại mục tiêu</b>  3.3.1. Đánh địch trong ụ súng, lô cốt.  3.3.2. Đánh địch trong chiến hào hoặc giao thông hào.  3.3.3. Đánh địch trong căn nhà.  3.3.4. Đánh xe tăng hoặc xe bọc thép.  3.3.5. Đánh tên địch, tốp địch ngoài công sự.</p>		<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.  <b>Địa điểm học:</b> Thao trường chiến thuật 420</p>	
<p>Tiết: 49 - 56</p>	<p><b>4.Từng người trong chiến đấu phòng ngự</b>  <b>4.1. Phương án tập</b>  <b>4.2. Đặc điểm tiến công của địch</b>  <b>4.3. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật</b>  4.1.1.Nhiệm vụ  4.1.2.Yêu cầu chiến thuật  <b>4.4 Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện</b>  4.4.1. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ  4.4.2. Hành động của chiến sĩ khi địch chuẩn bị tiến công  4.4.3. Hành động của chiến sĩ khi địch tiến công  4.4.4. Hành động của chiến sĩ mỗi lần đánh bại địch tiến công.  <b>4.5. Luyện tập tổng hợp</b></p>	<p>H3; H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng viên kết luận.  <b>Địa điểm học:</b> Thao trường chiến thuật 420</p>	
<p>Tiết: 57 - 60</p>	<p><b>Bài 5.Từng người làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới)</b>  <b>1. Phương án tập</b>  <b>2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật</b>  1.1.Nhiệm vụ  1.2.Yêu cầu chiến thuật  <b>3. Thực hành huấn luyện các vấn đề huấn luyện</b>  3.1 . VĐHL1: Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ  3.2 . VĐHL2: Hành động của chiến sĩ thực hành canh gác.  3.3. VĐHL3: Hành động của chiến sĩ sau khi hoàn thành nhiệm vụ</p>	<p>H3; H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  Thực hành giảng dạy theo phương pháp huấn luyện đội ngũ chiến thuật  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Lên lớp theo lớp học, cá nhân trong đội hình tiểu đội để ôn luyện.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Đọc tài liệu trước khi lên lớp; chuẩn bị đầy đủ các vật chất theo yêu cầu của giảng viên. Khi lên lớp quan sát, lắng nghe, ghi nhớ nội dung; luyện tập theo nội dung đã được giảng</p>	

	<b>4. Luyện tập tổng hợp</b>		viên kết luận. <b>Địa điểm học:</b> Thao trường chiến thuật 420	
--	------------------------------	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Tập thể tác giả, 20...., “*Giáo trình Giáo dục Quốc phòng - an ninh tập 2*” dùng cho sinh viên các trường Đại học, cao đẳng, Nxb Giáo dục Việt Nam

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Cục Quân huấn (2000), “*Tổ chức và phương pháp huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh*”, Nxb QĐND.

[3]. Bộ Tổng Tham Mưu (1998), “*Sách dạy sử dụng lựu đạn*”, Nxb QĐND.

[4]. Cục Quân huấn (1999), “*Sách dạy bắn súng bộ binh*”, Nxb QĐND

[5]. Cục Quân huấn (1999), “*Giáo trình huấn luyện Kỹ thuật chiến đấu Bộ binh*”, Nxb QĐND

[6]. Bộ Tổng Tham Mưu (2005), “*Tổ chức phương pháp huấn luyện chiến thuật*”, Nxb QĐND.

[7]. Bộ Tổng Tham Mưu (1999), “*Từng người và tổ bộ binh trong chiến đấu*”, Nxb QĐND.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 80\%$  tổng thời lượng của học phần;
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo quy định;
- Tham dự đầy đủ bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Chấp hành nghiêm các nội qui, qui định của trung tâm.

### 7.2. Phần thực hành

- Các bài thực hành của học phần: Tất cả các nội dung của học phần;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành;
- + Chuẩn bị đầy đủ, chu đáo các vật chất theo từng bài học;
- + Kết hợp nghe, nhìn và ghi chép nội dung;
- + Học mới ôn cũ; kết hợp lý thuyết với thực hành;
- + Tích cực, chủ động trong học tập, không ngại khó, ngại khổ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà; hoạt động rèn luyện ngoại khóa ngoài giờ học của sinh viên tại Trung tâm.	H3	60%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá: Thông qua kiểm tra tự luận, thực hành.	H1; H2; H4	40%
3			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi thực hành.	H1; H2; H3; H4

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn****Đại tá Nguyễn Văn Mười****Thượng tá Doãn Anh Tuấn****Thượng tá Doãn Anh Tuấn**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH TỔNG QUÁT 1**  
**Mã học phần: FL213601**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: bttinh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh tổng quát 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần tiếng Anh tổng quát nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm được lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh tổng quát 1 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe những đoạn hội thoại, các thông báo, các hướng dẫn về các chủ đề quen thuộc; mô tả kinh nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như âm nhạc, thể thao, sở thích cá nhân, tiền tệ; trình bày những bài thuyết trình đơn giản; đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề như công việc, học tập, lương thực, thực phẩm, sự gặp gỡ; viết các chú thích, tin nhắn, bức thư, bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh tổng quát 1 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần tiếng Anh tổng quát 1 sẽ trang bị cho người học*

MT1. từ vựng tiếng Anh về âm nhạc, thể thao, sở thích cá nhân, tiền tệ, công việc, học tập, lương thực, thực phẩm, sự gặp gỡ.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cụm động từ, cụm danh từ, cụm tính từ, động từ khiếm khuyết, thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả.

MT3. cách nhấn từ, nhấn câu, cách phát âm /ə/, cách nối phụ âm với nguyên âm, cách nối phụ âm các phụ âm với nhau.

MT4. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 1, người học:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về âm nhạc, thể thao, sở thích cá nhân, tiền tệ, công việc, học tập, lương thực, thực phẩm, sự gặp gỡ; sử dụng chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ trung cấp khi viết và nói.

H2. nghe hiểu được thông tin chi tiết và thông tin tổng quát của các đoạn hội thoại về các chủ đề quen thuộc; nghe hiểu được các thông báo, các bản tin trên đài phát thanh hoặc

truyền hình về các chủ đề quen thuộc; nghe hiểu được các chỉ dẫn chi tiết đơn giản (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông).

H3. mô tả được các trải nghiệm bản thân; tham gia được các cuộc thảo luận thông thường; trao đổi được các thông tin về các chủ đề quen thuộc; biết cách lấy lượt lời trong các đoạn hội thoại; biết cách làm rõ các vấn đề khi tham gia các cuộc thảo luận.

H4. đọc hiểu và lấy được thông tin chi tiết và thông tin tổng quát của các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; đọc hiểu được các chỉ dẫn chi tiết, các thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

H5. viết được các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín có tính liên kết; viết được câu chuyện về các chủ đề quen thuộc

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 1, người học:*

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh tổng quát 1, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Music</b></p> <p>1.1. Listening: music in Trinidad and Tobago, motorbike interest</p> <p>1.2. Reading: read the online programme for WOMADelaide and the interview with Ruben</p> <p>1.3. Speaking: talk about music in your country and your life, talk about sports and exercises</p> <p>1.4. Writing: write a formal and informal email for requests, invitation and declining an invitation</p> <p>1.5. Vocabulary: types of music, deciding what to do, sports and exercises, interests</p> <p>1.6. Grammar: present simple, present progressive, past simple, linking word 'so'</p> <p>1.7. Pronunciation: word stress</p> <p>1.8. Target Activity: Talk about interest</p> <p>1.9. Review</p>	LT: 4 tiết TH:3 tiết	[1] pages 10 – 17 [2], [3], [4]
2	<p><b>Chương 2. Work and study</b></p> <p>2.1. Listening: job interview, phone call</p> <p>2.2. Reading: read four web posting by people who work for a computer software company</p> <p>2.3. Speaking: talk about personal experience and work</p> <p>2.4. Writing: write about personal experience</p> <p>2.5. Vocabulary: studying, working conditions, presenting</p>	LT: 4 tiết TH:3 tiết	[1] pages 18 – 25 [2], [3], [4]

	yourself 2.6. Grammar: present perfect, for and since 2.7. Pronunciation: sentence stress 2.8. Target Activity: Role play the job interview 2.9. Review		
3	<b>Chương 3. How's your food</b> 3.1. Listening: restaurant talks, barbecue conversations, mealtime talks 3.2. Reading: read the article about 'In defense of supermarkets', read the guide information in the restaurants 3.3. Speaking: talk about food and eating, order a meal in the restaurant, describe a meal 3.4. Writing: write instructions for a recipe 3.5. Vocabulary: giving opinions, food and meals, making suggestions 3.6. Grammar: nouns with prepositional phrases, noun + with, adjective + with, verb + with 3.7. Pronunciation: schwa /ə/ sound 3.8. Target Activity: Plan a meal 3.9. Review	LT: 4 tiết TH:4 tiết	[1] pages 26 - 33 [2], [3], [4]
4	<b>Chương 4. Encounters</b> 4.1. Listening: conversations between a taxi driver and two passengers, stories about Osman and Annie 4.2. Reading: read the true story about Melissa Paul, a New York taxi driver, 4.3. Speaking: describe past events, tell a travel anecdote, show interest in a conversation 4.4. Writing: write a memorable meeting 4.5. Vocabulary: taxis, getting a taxi, linking a story, starting a story 4.6. Grammar: past progressive, verbs with back 4.7. Pronunciation: sentence stress and schwa /ə/ sound 4.8. Target Activity: Tell stories about memorable meetings 4.9. Review	LT: 4 tiết TH:4 tiết	[1] pages 34 - 41
5	<b>Chương 5. Money</b> 5.1. Listening: money changing conversations, advices from Megan and Yukio 5.2. Reading: read the instruction on a cash machine, read a text about Microcredit 5.3. Speaking: talk about rules and obligations, give the advice 5.4. Writing: write a letter giving advice to a visitor 5.5. Vocabulary: money, paying for things, giving advice 5.6. Grammar: have to, can, the uses of 'it', expressions with 'it' 5.7. Pronunciation: linking consonants and vowels 1 5.8. Target Activity: Give advice 5.9. Review	LT: 4 tiết TH:4 tiết	[1] pages 42 - 49 [2], [3], [4]
6	<b>Review and Test</b>	LT:1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 (LT + TH)	<p><b>Chương 1. Music</b></p> <p>1.1. Listening: music in Trinidad and Tobago, motorbike interest</p> <p>1.2. Reading: read the online programme for WOMADelaide and the interview with Ruben</p> <p>1.3. Speaking: talk about music in your country and your life, talk about sports and exercises</p> <p>1.4. Writing: write a formal and informal email for requests, invitation and declining an invitation</p> <p>1.5. Vocabulary: types of music, deciding what to do, sports and exercises, interests</p> <p>1.6. Grammar: present simple, present progressive, past simple, linking word 'so'</p> <p>1.7. Pronunciation: word stress</p> <p>1.8. Target Activity: Talk about interest</p> <p>1.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở</p> <p>- vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: music, WOMADelaide program, sports and exercises, interests, present simple, present progressive, past simple, linking word 'so'</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: music, WOMADelaide program, sports and exercises, interests</p> <p>+ Bài viết: a formal and informal email for requests, invitation and declining an invitation</p> <p>+ Bài thu âm: word stress</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 7 (LT + TH)	<p><b>Chương 2. Work and study</b></p> <p>2.1. Listening: job interview, phone call</p> <p>2.2. Reading: read four web posting by people who work for a computer software company</p> <p>2.3. Speaking: talk</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở</p> <p>- vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: studying, working conditions</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: studying, working conditions, personal experience,</p> <p>+ Bài viết: a paragraph about personal</p>



	<p>about personal experience and work</p> <p>2.4. Writing: write about personal experience</p> <p>2.5. Vocabulary: studying, working conditions, presenting yourself</p> <p>2.6. Grammar: present perfect, for and since</p> <p>2.7. Pronunciation: sentence stress</p> <p>2.8. Target Activity: Role play the job interview</p> <p>2.9. Review</p>		<p>personal experience, present perfect, for and since</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>experience</p> <p>+ Bài thu âm: sentence stress</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 3. How's your food</b></p> <p>3.1. Listening: restaurant talks, barbecue conversations, mealtime talks</p> <p>3.2. Reading: read the article about 'In defense of supermarkets', read the guide information in the restaurants</p> <p>3.3. Speaking: talk about food and eating, order a meal in the restaurant, describe a meal</p> <p>3.4. Writing: write instructions for a recipe</p> <p>3.5. Vocabulary: giving opinions, food and meals, making suggestions</p> <p>3.6. Grammar: nouns with prepositional phrases, noun + with, adjective + with, verb + with</p> <p>3.7. Pronunciation: schwa /ə/ sound</p> <p>3.8. Target Activity: Plan a meal</p> <p>3.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở</p> <p>- vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: food, eating, meal, nouns with prepositional phrases, noun + with, adjective + with, verb + with</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: food, eating, meal</p> <p>+ Bài viết: write instructions for a recipe</p> <p>+ Bài thu âm: schwa /ə/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>

Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 4. Encounters</b></p> <p>4.1. Listening: conversations between a taxi driver and two passengers, stories about Osman and Annie</p> <p>4.2. Reading: read the true story about Melissa Paul, a New York taxi driver,</p> <p>4.3. Speaking: describe past events, tell a travel anecdote, show interest in a conversation</p> <p>4.4. Writing: write a memorable meeting</p> <p>4.5. Vocabulary: taxis, getting a taxi, linking a story, starting a story</p> <p>4.6. Grammar: past progressive, verbs with back</p> <p>4.7. Pronunciation: sentence stress and schwa /ə/ sound</p> <p>4.8. Target Activity: Tell stories about memorable meetings</p> <p>4.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: taxis, getting a taxi, linking a story, starting a story, past progressive, verbs with back</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: taxis, getting a taxi, linking a story, starting a story</p> <p>+ Bài viết: write a memorable meeting</p> <p>+ Bài thu âm: sentence stress and schwa /ə/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 5. Money</b></p> <p>5.1. Listening: money changing conversations, advices from Megan and Yukio</p> <p>5.2. Reading: read the instruction on a cash machine, read a text about Microcredit</p> <p>5.3. Speaking: talk about rules and obligations, give the advice</p> <p>5.4. Writing: write a letter giving advice to a visitor</p> <p>5.5. Vocabulary: money, paying for things, giving advice</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: money, paying for things, giving advice, have to, can, the uses of 'it', expressions with 'it'</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học:</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: money, paying for things, giving advice</p> <p>+ Bài viết: write a letter giving advice to a visitor</p> <p>+ Bài thu âm: linking consonants and vowels 1</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp</p>

	5.6. Grammar: have to, can, the uses of 'it', expressions with 'it' 5.7. Pronunciation: linking consonants and vowels 1 5.8. Target Activity: Give advice 5.9. Review		Giảng đường	tại lớp + Bài thu âm gửi qua email
Số tiết: 1 (LT)	<b>Test and review</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6		Bài kiểm tra cuối khóa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Alex Tilbury, Theresa Clementson. Leslie Anne Hendra and David Rea (2018). *English Unlimited pre- intermediate*, Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lin Lougheed (2015). *Learning to Listen Book 1*. Macmillan.

[3] James Morgan and Nancy Douglas (2014), *World Link*, National Geography Learning.

[4] Kirsten Campbell – Howes and Clare Dignall, (2015) *English For Life – Writing*, Collins

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên	H1 H2 H3	20%

		nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	lớp của nhóm.	H4 H5	
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp, trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH TỔNG QUÁT 2**  
**Mã học phần: FL213602**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Tiếng Anh Tổng Quát 1

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên : Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: bttinh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh tổng quát 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần tiếng Anh tổng quát nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm được lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh tổng quát 2 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe những đoạn hội thoại, các thông báo, các hướng dẫn về các chủ đề quen thuộc; mô tả kinh nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như nhà hàng khách sạn, thói quen, năng lượng, nơi ở, cảm giác, trình bày những bài thuyết trình đơn giản; đọc các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề như cuộc sống đô thị, thời tiết, công việc nhà, môi trường; viết các chú thích, tin nhắn, bức thư, bài luận đơn giản, ngắn gọn... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh tổng quát 2 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần tiếng Anh tổng quát 2 sẽ trang bị cho người học*

MT1. từ vựng tiếng Anh về nhà hàng khách sạn, thói quen, năng lượng, nơi ở, cảm giác, cuộc sống đô thị, thời tiết, công việc nhà, môi trường.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 1 và loại 2, thì hiện tại hoàn thành, thì tương lai đơn, thể chủ động và bị động, các cấu trúc so sánh, cấu trúc used to, các từ diễn đạt một số lượng không xác định.

MT3. cách nối phụ âm với nguyên âm, cách đọc một cụm từ đi liền nhau, cách sử dụng âm điệu để thể hiện cảm xúc, cách sử dụng âm điệu trong câu hỏi, cách phát âm so sánh hơn và so sánh nhất của các tính từ ngắn.

MT4. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 2, người học:*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về nhà hàng khách sạn, thói quen, năng lượng, nơi ở, cảm giác, cuộc sống đô thị, thời tiết, công việc nhà, môi trường; sử dụng chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ trung cấp khi viết và nói.

H2. nghe hiểu được thông tin chi tiết và thông tin tổng quát của các đoạn hội thoại về các chủ đề quen thuộc; nghe hiểu được các thông báo, các bản tin trên đài phát thanh hoặc truyền hình về các chủ đề quen thuộc; nghe hiểu được các chỉ dẫn chi tiết đơn giản (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông).

H3. mô tả được các trải nghiệm bản thân; tham gia được các cuộc thảo luận thông thường; trao đổi được các thông tin về các chủ đề quen thuộc; biết cách lấy lượt lời trong các đoạn hội thoại; biết cách làm rõ các vấn đề khi tham gia các cuộc thảo luận.

H4. đọc hiểu và lấy được thông tin chi tiết và thông tin tổng quát của các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề quen thuộc; đọc hiểu được các chỉ dẫn chi tiết, các thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

H5. viết được các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín có tính liên kết; viết được câu chuyện về các chủ đề quen thuộc

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 2, người học:*

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh tổng quát 2, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

T	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Energy</b></p> <p>1.1. Listening: weather talks, fitness interview, telephone conversation about requests</p> <p>1.2. Reading: read the fact file from magazine and weather fact file</p> <p>1.3. Speaking: talk about present habits and weather, make comparisons, express preferences, make requests, refuse requests</p> <p>1.4. Writing: write a formal invitation and the letter RSVP</p> <p>1.5. Vocabulary: household chores, talking about habits, weather, expressing preferences</p> <p>1.6. Grammar: comparing things, the verb 'do'</p> <p>1.7. Pronunciation: words with – er and - est</p> <p>1.8. Target Activity: Do a survey</p> <p>1.9. Review</p>	LT: 4 tiết TH:3 tiết	[1] pages 50 - 57 [2], [3], [4]
2	<p><b>Chương 2. City Life</b></p> <p>2.1. Listening: tourist office conversations</p> <p>2.2. Reading: read the article about urbanization, read the Amsterdam travel guide</p> <p>2.3. Speaking: talk about climate change around the world, make predictions about life in 2050, give directions</p>	LT: 4 tiết TH:3 tiết	[1] pages 58 - 65 [2], [3], [4]

	<p>2.4. Writing: write a description of a place</p> <p>2.5. Vocabulary: environment, giving directions, getting tourist information</p> <p>2.6. Grammar: will, might, may, real conditionals</p> <p>2.7. Pronunciation: linking consonants and vowels 2</p> <p>2.8. Target Activity: Get tourist information</p> <p>2.9. Review</p>		
3	<p><b>Chương 3. Things</b></p> <p>3.1. Listening: shopping conversations, favorite possession talks</p> <p>3.2. Reading: read the webpage about mystery</p> <p>3.3. Speaking: talk about shopping, describe objects, talk about possession</p> <p>3.4. Writing: write a description of a favorite possession</p> <p>3.5. Vocabulary: buying things, describing objects, talking about possession</p> <p>3.6. Grammar: some, any, passives, expressions with ‘by’</p> <p>3.7. Pronunciation: contrastive stress</p> <p>3.8. Target Activity: Talk about a favorite possession</p> <p>3.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH:4 tiết</p>	<p>[1] pages 66 - 73</p> <p>[2], [3], [4]</p>
4	<p><b>Chương 4. Feelings</b></p> <p>4.1. Listening: conversations about giving and responding to different kinds of news, thanking people and apologizing, asking for news</p> <p>4.2. Reading: read the article about laughing,</p> <p>4.3. Speaking: say how you feel, give and respond to different kinds of news, thank people and apologize, ask for news</p> <p>4.4. Writing: write a note of apology</p> <p>4.5. Vocabulary: feelings, extreme adjectives, reacting to news, thanking, apologising, asking for news</p> <p>4.6. Grammar: Present perfect – giving news, the word ‘just’</p> <p>4.7. Pronunciation: Intonation – speaking with emotion</p> <p>4.8. Target Activity: Catch up with friends</p> <p>4.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH:4 tiết</p>	<p>[1] pages 74 - 81</p>
5	<p><b>Chương 5. Getting organized</b></p> <p>5.1. Listening: conversations about booking a room and checking into a hotel, plan and arrangement phone call, conversation about arranging to meet</p> <p>5.2. Reading: read the Sun Hotel’s website, read the opinions about social networking sites</p> <p>5.3. Speaking: book a room, check into a hotel, talk about plans and arrangements, make and change arrangements, introduce invitation and requests arrangements</p> <p>5.4. Writing: write to confirm</p> <p>5.5. Vocabulary: hotel facilities, staying in a hotel, arranging to meet up</p> <p>5.6. Grammar: Future plans and arrangements, patterns with “make”</p> <p>5.7. Pronunciation: intonation in questions</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH:4 tiết</p>	<p>[1] pages 82 – 89</p> <p>[2], [3], [4]</p>

	5.8. Target Activity: Arrange to meet up 5.9. Review		
6	<b>Test and Review</b>	LT: 1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 (LT + TH)	<b>Chương 1. Energy</b> 1.1. Listening: weather talks, fitness interview, telephone conversation about requests 1.2. Reading: read the fact file from magazine and weather fact file 1.3. Speaking: talk about present habits and weather, make comparisons, express preferences, make requests, refuse requests 1.4. Writing: write a formal invitation and the letter RSVP 1.5. Vocabulary: household chores, talking about habits, weather, expressing preferences 1.6. Grammar: comparing things, the verb 'do' 1.7. Pronunciation: words with – er and - est 1.8. Target Activity: Do a survey 1.9. Review	H1 H2 H3 H4 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: household chores, talking about habits, weather, expressing preferences, comparing things, the verb 'do' - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: household chores, talking about habits, weather, expressing preferences, comparing things, the verb 'do' + Bài viết: write a formal invitation and the letter RSVP + Bài thu âm: words with – er and - est -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp + Bài thu âm gửi qua email
Số tiết: 7 (LT + TH)	<b>Chương 2. City Life</b> 2.1. Listening: tourist office conversations 2.2. Reading: read the article about urbanization, read the Amsterdam travel guide 2.3. Speaking: talk about climate change around the world, make predictions about life in 2050, give directions 2.4. Writing: write a description of a place 2.5. Vocabulary:	H1 H2 H3 H4 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: environment, giving directions, getting tourist information, will, might, may, real conditionals + Bài viết: write a description of a place + Bài thu âm: linking consonants and vowels 2 -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của	- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: environment, giving directions, getting tourist information, will, might, may, real conditionals + Bài viết: write a description of a place + Bài thu âm: linking consonants and vowels 2 -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của



	<p>environment, giving directions, getting tourist information</p> <p>2.6. Grammar: will, might, may, real conditionals</p> <p>2.7. Pronunciation: linking consonants and vowels 2</p> <p>2.8. Target Activity: Get tourist information</p> <p>2.9. Review</p>		<p>might, may, real conditionals</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 3. Things</b></p> <p>3.1. Listening: shopping conversations, favorite possession talks</p> <p>3.2. Reading: read the webpage about mystery</p> <p>3.3. Speaking: talk about shopping, describe objects, talk about possession</p> <p>3.4. Writing: write a description of a favorite possession</p> <p>3.5. Vocabulary: buying things, describing objects, talking about possession</p> <p>3.6. Grammar: some, any, passives, expressions with 'by'</p> <p>3.7. Pronunciation: contrastive stress</p> <p>3.8. Target Activity: Talk about a favorite possession</p> <p>3.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: buying things, describing objects, talking about possession, some, any, passives, expressions with 'by'</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: buying things, describing objects, talking about possession, some, any, passives, expressions with 'by'</p> <p>+ Bài viết: write a description of a favorite possession</p> <p>+ Bài thu âm: contrastive stress</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 4. Feelings</b></p> <p>4.1. Listening: conversations about giving and responding to different kinds of news, thanking people and apologizing, asking for news</p> <p>4.2. Reading: read the article about laughing,</p> <p>4.3. Speaking: say how</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gọi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề:</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: feelings, extreme adjectives, reacting to news, thanking, apologising, asking for news, present perfect – giving news, the word 'just'</p> <p>+ Bài viết: write a</p>

	<p>you feel, give and respond to different kinds of news, thank people and apologize, ask for news</p> <p>4.4. Writing: write a note of apology</p> <p>4.5. Vocabulary: feelings, extreme adjectives, reacting to news, thanking, apologising, asking for news</p> <p>4.6. Grammar: Present perfect – giving news, the word ‘just’</p> <p>4.7. Pronunciation: Intonation – speaking with emotion</p> <p>4.8. Target Activity: Catch up with friends</p> <p>4.9. Review</p>		<p>feelings, extreme adjectives, reacting to news, thanking, apologising, asking for news, present perfect – giving news, the word ‘just’</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu: [4] pages 28 – 31</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>note of apology</p> <p>+ Bài thu âm: Intonation – speaking with emotion</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 5. Getting organized</b></p> <p>5.1. Listening: conversations about booking a room and checking into a hotel, plan and arrangement phone call, conversation about arranging to meet</p> <p>5.2. Reading: read the Sun Hotel’s website, read the opinions about social networking sites</p> <p>5.3. Speaking: book a room, check into a hotel, talk about plans and arrangements, make and change arrangements, introduce invitation and requests arrangements</p> <p>5.4. Writing: write to confirm</p> <p>5.5. Vocabulary: hotel facilities, staying in a hotel, arranging to meet up</p> <p>5.6. Grammar: Future plans and arrangements, patterns with “make”</p> <p>5.7. Pronunciation: intonation in questions</p> <p>5.8. Target Activity:</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: hotel facilities, staying in a hotel, arranging to meet up, future plans and arrangements, patterns with “make”</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: hotel facilities, staying in a hotel, arranging to meet up, future plans and arrangements, patterns with “make”</p> <p>+ Bài viết: write to confirm</p> <p>+ Bài thu âm: intonation in questions</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>

	Arrange to meet up 5.9. Review			
Số tiết: 1 (LT)	<b>Review and Test</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6		Bài kiểm tra cuối khóa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Alex Tilbury, Theresa Clementson, Leslie Anne Hendra and David Rea (2018). *English Unlimited pre- intermediate*, Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lin Lougheed (2015). *Learning to Listen Book 1*. Macmillan.

[3] James Morgan and Nancy Douglas (2014), *World Link*, National Geography Learning.

[4] Kirsten Campbell – Howes and Clare Dignall, (2015) *English For Life – Writing*, Collins

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
5	Bài kiểm	Đánh giá mức độ đạt được về	Phương pháp đánh giá	H1	20%

tra định kỳ	trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	thông qua kiểm tra tự luận, vấn đáp.	H2 H3 H4 H5	
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận				100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp, trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH TỔNG QUÁT 3**  
**Mã học phần: FL213603**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Tiếng Anh tổng quát 2

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Trần Ngọc Anh; Số điện thoại: 0984998485

Email: ngocanh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh tổng quát 3 là học phần thứ ba trong bốn học phần tiếng Anh tổng quát nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm được lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh tổng quát 3 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe các bài nói ngắn, các chương trình điểm tin trên đài phát thanh, các cuộc phỏng vấn, các bài phóng sự; mô tả các trải nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề như phương tiện thông tin đại chúng, phương thức liên lạc toàn cầu, ý tưởng kinh doanh, tham gia vào các buổi phỏng vấn và các cuộc thảo luận, trình bày những bài thuyết trình về các chủ đề như thiên tai, các kế hoạch, sự thành công, các loại hình chấn thương; đọc các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực như giấc mơ, hy vọng, du lịch, cách thương thảo, hồi ức; viết các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín, bài luận, bài báo cáo mang tính sáng tạo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh tổng quát 3 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần tiếng Anh tổng quát 3 sẽ trang bị cho người học:*

MT1. từ vựng tiếng Anh về phương tiện thông tin đại chúng, phương thức liên lạc toàn cầu, ý tưởng kinh doanh, thiên tai, các kế hoạch, sự thành công, các loại hình chấn thương, giấc mơ, hy vọng, du lịch.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, các thì hiện tại, các thì quá khứ và các thì tương lai, các động từ dùng trong kể chuyện, các cụm từ chỉ thời gian.

MT3. cách nhấn từ, nhấn câu, cách phát âm /ə/, /tʃ/, /f/, /s/, /k/, /r/, cách nói phụ âm với nguyên âm, cách đọc một cụm từ đi liền nhau.

MT4. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 3, người học*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về phương tiện thông tin đại chúng, phương thức liên lạc toàn cầu, ý tưởng kinh doanh, thiên tai, các kế hoạch, sự thành công, các loại hình

chấn thương, giấc mơ, hy vọng, du lịch; sử dụng chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ cao cấp khi viết và nói.

H2. nghe hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng; nghe hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích; nghe hiểu được ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa cho nội dung cốt truyện được diễn đạt rõ ràng; nghe hiểu được các thông tin kỹ thuật đơn giản, các chỉ dẫn chi tiết.

H3. mô tả được các trải nghiệm bản thân; tham gia được các cuộc thảo luận thông thường; trao đổi được các thông tin về các chủ đề quen thuộc; tham gia được các buổi phỏng vấn; biết cách lấy lượt lời trong các đoạn hội thoại; biết cách làm rõ các vấn đề khi tham gia các cuộc thảo luận; biết cách tự điều chỉnh và tự sửa lỗi khi giao tiếp, biết cách giao tiếp phù hợp với mục đích.

H4. đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích; đọc hiểu và xác định được các kết luận chính trong các văn bản nghị luận; đọc hiểu được các thông tin liên quan trong các văn bản sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin và các văn bản ngắn.

H5. viết được các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín có tính liên kết cao; viết được các bài báo cáo và bài luận về các chủ đề quen thuộc; viết về các trải nghiệm có tính liên kết cao; miêu tả một sự kiện, một chuyến đi gần đây; viết kể lại một câu chuyện.

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 3, người học*

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh tổng quát 3, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Media around the world</b></p> <p>1.1. Listening: TV and radio habits, the description of books and TV shows, what's on TV, experience in Egypt</p> <p>1.2. Reading: the article "Can you believe what you read?", online book reviews</p> <p>1.3. Speaking: talk about habits, describe a book or TV show, talk about entertainment media, talk about information media express preferences, evaluate ideas, make recommendations</p> <p>1.4. Writing: write a book review for a website</p> <p>1.5. Vocabulary: habits and preferences, facts and</p>	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] pages 6 - 13 [2], [3], [4], [5]

	<p>information, evaluating and recommending, describing a book or TV show</p> <p>1.6. Grammar: the present</p> <p>1.7. Pronunciation: common pairs of words 1, /f/ sound</p> <p>1.8. Target Activity: Describe a book or TV show</p> <p>1.9. Review</p>		
2	<p><b>Chương 2. Good communication</b></p> <p>2.1. Listening: conversations about keeping in touch, discussion about a management decision</p> <p>2.2. Reading: read the article about ‘Online friendships’ and ‘Email survival guide’</p> <p>2.3. Speaking: talk about methods of communication, talk about using the Internet, speculate about consequences, present and future, express opinions, clarify what you’re saying, ask for clarification</p> <p>2.4. Writing: reviewing online</p> <p>2.5. Vocabulary: expressing opinions, using the internet, expressing probability, speculating about consequences</p> <p>2.6. Grammar: will, could, may, might, so, such</p> <p>2.7. Pronunciation: sentence stress, /tʃ/ sound</p> <p>2.8. Target Activity: Discuss an issue</p> <p>2.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH:3 tiết</p>	<p>[1] pages 14 - 21</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>
3	<p><b>Chương 3. Success</b></p> <p>3.1. Listening: talks about hopes, dreams and ambitions, interviews about achievements, an interview with an investor, talks about attitudes to success</p> <p>3.2. Reading: read the article about ‘Inventors: karaoke; the iPod’ and ‘What is intelligence?’</p> <p>3.3. Speaking: talk about achievements, talk about hopes, dreams and ambitions, talk about a business idea, take part in an interview</p> <p>3.4. Writing: take notes</p> <p>3.5. Vocabulary: talking about a business idea, hopes, dreams and ambitions, abilities, facts and feelings, attitudes to success</p> <p>3.6. Grammar: present perfect, time expression,</p> <p>3.7. Pronunciation: schwa /ə/ sound, /s/ sound</p> <p>3.8. Target Activity: Sell an idea</p> <p>3.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH:4 tiết</p>	<p>[1] pages 22 - 29</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>
4	<p><b>Chương 4. What happened?</b></p> <p>4.1. Listening: conversations about accidents and injuries, conversations about natural events, accident story</p> <p>4.2. Reading: read the article ‘Why so clumsy?’</p> <p>4.3. Speaking: talk about accidents and injuries, explain how something happened, describe a dramatic experience, say how you feel about an experience, talk about natural events</p> <p>4.4. Writing: write a web posting about an experience</p> <p>4.5. Vocabulary: accidents and injuries, saying how something happened, natural events, adverbs for telling stories, common verbs in stories</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH:4 tiết</p>	<p>[1] pages 30 - 37</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>

	4.6. Grammar: narrative verb forms, multi – word verbs with ‘over’ 4.7. Pronunciation: Groups of words 1, /k/ sound 4.8. Target Activity: Describe a dramatic experience 4.9. Review		
5	<b>Chương 5. A change of plan</b> 5.1. Listening: phone call, conversation about fate, story about Maggie’s plan, reunion talks 5.2. Reading: read the story ‘True Story competition’ 5.3. Speaking: discuss plans and arrangements, talk about something that went wrong, talk about changes of plan, catch up with old friends’ news, make offers and promises 5.4. Writing: make offers and promises in emails or letters, refer back in emails or letters 5.5. Vocabulary: be supposed to, be meant to, no chance, no way, catching up, saying no politely 5.6. Grammar: future form, future in the past 5.7. Pronunciation: common pairs of words 2, /r/ sound 5.8. Target Activity: Attend a reunion 5.9. Review	LT: 4 tiết TH: 4 tiết	[1] pages 38 – 45 [2], [3], [4], [5]
6	<b>Test and Review</b>	LT: 1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 (LT + TH)	<b>Chương 1. Media around the world</b> 1.1. Listening: TV and radio habits, the description of books and TV shows, what’s on TV, experience in Egypt 1.2. Reading: the article “Can you believe what you read?”, online book reviews 1.3. Speaking: talk about habits, describe a book or TV show, talk about entertainment media, talk about information media express preferences, evaluate ideas, make recommendations 1.4. Writing: write a book review for a website 1.5. Vocabulary: habits and preferences, facts and information, evaluating and recommending, describing a	H1 H2 H3 H4 H5	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở, vấn đáp, thảo luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: habits and preferences, facts and information, evaluating and recommending, describing a book or TV show, the present - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm -Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: habits and preferences, facts and information, evaluating and recommending, describing a book or TV show, the present + Bài viết: a book review for a website + Bài thu âm: common pairs of words 1, /f/ sound -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp + Bài thu âm gửi qua email



	<p>book or TV show</p> <p>1.6. Grammar: the present</p> <p>1.7. Pronunciation: common pairs of words 1, /f/ sound</p> <p>1.8. Target Activity: Describe a book or TV show</p> <p>1.9. Review</p>			
Số tiết: 7 (LT + TH)	<p><b>Chương 2. Good communication</b></p> <p>2.1. Listening: conversations about keeping in touch, discussion about a management decision</p> <p>2.2. Reading: read the article about ‘Online friendships’ and ‘Email survival guide’</p> <p>2.3. Speaking: talk about methods of communication, talk about using the Internet, speculate about consequences, present and future, express opinions, clarify what you’re saying, ask for clarification</p> <p>2.4. Writing: reviewing online</p> <p>2.5. Vocabulary: expressing opinions, using the internet, expressing probability, speculating about consequences</p> <p>2.6. Grammar: will, could, may, might, so, such</p> <p>2.7. Pronunciation: sentence stress, / tʃ / sound</p> <p>2.8. Target Activity: Discuss an issue</p> <p>2.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: expressing opinions, using the internet, expressing probability, speculating about consequences, will, could, may, might, so, such</p> <p>- Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>- Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: expressing opinions, using the internet, expressing probability, speculating about consequences, will, could, may, might, so, such</p> <p>+ Bài viết: reviewing online</p> <p>+ Bài thu âm: sentence stress, / tʃ / sound</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp + Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 3. Success</b></p> <p>3.1. Listening: talks about hopes, dreams and ambitions, interviews about achievements, an interview with an investor, talks about attitudes to success</p> <p>3.2. Reading: read the article about ‘Inventors: karaoke; the iPod’ and ‘What is intelligence?’</p> <p>3.3. Speaking: talk about achievements, talk about</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: talking about a business idea, hopes, dreams and ambitions, abilities,</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: talking about a business idea, hopes, dreams and ambitions, abilities, facts and feelings, attitudes to success, present perfect, time expression</p> <p>+ Bài viết: taking notes</p> <p>+ Bài thu âm: schwa</p>

	<p>hopes, dreams and ambitions, talk about a business idea, take part in an interview</p> <p>3.4. Writing: take notes</p> <p>3.5. Vocabulary: talking about a business idea, hopes, dreams and ambitions, abilities, facts and feelings, attitudes to success</p> <p>3.6. Grammar: present perfect, time expression,</p> <p>3.7. Pronunciation: schwa /ə/ sound, /s/ sound</p> <p>3.8. Target Activity: Sell an idea</p> <p>3.9. Review</p>		<p>facts and feelings, attitudes to success, present perfect, time expression</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>/ə/ sound, /s/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 4. What happened?</b></p> <p>4.1. Listening: conversations about accidents and injuries, conversations about natural events, accident story</p> <p>4.2. Reading: read the article ‘Why so clumsy?’</p> <p>4.3. Speaking: talk about accidents and injuries, explain how something happened, describe a dramatic experience, say how you feel about an experience, talk about natural events</p> <p>4.4. Writing: write a web posting about an experience</p> <p>4.5. Vocabulary: accidents and injuries, saying how something happened, natural events, adverbs for telling stories, common verbs in stories</p> <p>4.6. Grammar: narrative verb forms, multi – word verbs with ‘over’</p> <p>4.7. Pronunciation: Groups of words 1, /k/ sound</p> <p>4.8. Target Activity: Describe a dramatic experience</p> <p>4.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: accidents and injuries, saying how something happened, natural events, adverbs for telling stories, common verbs in stories, narrative verb forms, multi – word verbs with ‘over’</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: accidents and injuries, saying how something happened, natural events, adverbs for telling stories, common verbs in stories, narrative verb forms, multi – word verbs with ‘over’</p> <p>+ Bài viết: write a web posting about an experience</p> <p>+ Bài thu âm: Groups of words 1, /k/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết:	<b>Chương 5. A change of</b>	H1	- Phương pháp dạy	- Bài đánh giá:

8 (LT + TH)	<p><b>plan</b></p> <p>5.1. Listening: phone call, conversation about fate, story about Maggie’s plan, reunion talks</p> <p>5.2. Reading: read the story ‘True Story competition’</p> <p>5.3. Speaking: discuss plans and arrangements, talk about something that went wrong, talk about changes of plan, catch up with old friends’ news, make offers and promises</p> <p>5.4. Writing: make offers and promises in emails or letters, refer back in emails or letters</p> <p>5.5. Vocabulary: be supposed to, be meant to, no chance, no way, catching up, saying no politely</p> <p>5.6. Grammar: future form, future in the past</p> <p>5.7. Pronunciation: common pairs of words 2, /r/ sound</p> <p>5.8. Target Activity: Attend a reunion</p> <p>5.9. Review</p>	H2 H3 H4 H5	<p>học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: be supposed to, be meant to, no chance, no way, catching up, saying no politely, future form, future in the past</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu:</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>+ Bài báo cáo: be supposed to, be meant to, no chance, no way, catching up, saying no politely, future form, future in the past</p> <p>+ Bài viết: make offers and promises in emails or letters, refer back in emails or letters</p> <p>+ Bài thu âm: common pairs of words 2, /r/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 1 (LT)	<b>Test and Review</b>	H1 H2 H3 H4 H5		Bài Kiểm Tra cuối khóa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Alex Tilbury, Theresa Clementson. Leslie Anne Hendra and David Rea (2018). *English Unlimited intermediate*, Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lin Lougheed (2015). *Learning To Listen Book 1*. Macmillan.

[3] Tim Falla and Paul A Davies (2015), *Solution Intermediate*, Oxford University Press

[4] Kirsten Campbell – Howes and Clare Dignall, (2015) *English For Life – Writing*, Collins

[5] Christina Latham – Koenig and Clive Oxenden (2019). *English File –Intermediate*, Oxford University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên.	H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày tháng năm 2020

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Trần Ngọc Anh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TIẾNG ANH TỔNG QUÁT 4**  
**Mã học phần: FL213604**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Tiếng Anh tổng quát 3

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Hoàng Thị Hồng Nhung; Số điện thoại: 0914540808

Email: hthnhung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Tiếng Anh tổng quát 4 là học phần thứ tư trong bốn học phần tiếng Anh tổng quát nhằm giúp sinh viên tích lũy và phát triển kiến thức về cấu trúc câu, ngữ pháp, từ vựng, và phát âm được lồng ghép trong bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần tiếng Anh tổng quát 4 giúp sinh viên phát triển bốn kỹ năng tiếng Anh là kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết từ việc nghe các bài nói ngắn, các chương trình điểm tin trên đài phát thanh, các cuộc phỏng vấn, các bài phóng sự; mô tả các trải nghiệm, trao đổi thông tin về các chủ đề cách quản lý tiền bạc, tính cách con người, công việc, các sản phẩm kinh doanh, tham gia vào các buổi phỏng vấn và các cuộc thảo luận, trình bày những bài thuyết trình về các chủ đề như du lịch khám phá, sự kiện; đọc các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực như các vấn đề thường gặp trong nhà; viết các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín, bài luận, bài báo cáo mang tính sáng tạo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để sinh viên hiểu được các phong cách giao tiếp khác nhau từ đó có thể phát triển các kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng đọc, kỹ năng viết tiếng Anh ở cấp độ cao hơn.

Ngoài ra, học phần tiếng Anh tổng quát 4 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần tiếng Anh tổng quát 4 sẽ trang bị cho người học:*

MT1. từ vựng tiếng Anh về cách quản lý tiền bạc, tính cách con người, công việc, các sản phẩm kinh doanh, du lịch khám phá, sự kiện, các vấn đề thường gặp trong nhà.

MT2. các chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như các cấu trúc động từ, động từ khiếm khuyết, câu điều kiện loại 2 và 3, các thì hiện tại, các thì quá khứ và các thì tương lai, câu trần thuật, các cấu trúc so sánh, các động từ dùng trong kể chuyện, các cụm giới từ, cấu trúc nhờ vả sai khiến “have”

MT3. cách phát âm /ɔ:/ , /i:/ , /ɑ:/ , /ɜ:/ , /u:/, cách nối phụ âm với nguyên âm, cách đọc một cụm từ đi liền nhau, cách sử dụng âm điệu để thể hiện cảm xúc, cách sử dụng âm điệu trong câu hỏi, cách nhấn mạnh của từ và câu, cách nhấn thể hiện sự tương phản.

MT4. các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát, kỹ năng nói đọc thoại và kỹ năng nói tương tác, kỹ năng đọc lấy thông tin và lập luận, kỹ năng viết sản sinh và viết tương tác.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 4, người học*

H1. thu nhận và sử dụng được vốn từ vựng về các chủ đề như cách quản lý tiền bạc, tính cách con người, công việc, các sản phẩm kinh doanh, du lịch khám phá, sự kiện, các vấn đề

thường gặp trong nhà; sử dụng chính xác ngữ pháp và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ cao cấp khi viết và nói.

H2. nghe hiểu được ý chính của các hội thoại mở rộng; nghe hiểu được dàn ý các bài nói ngắn, đơn giản về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích; nghe hiểu được ý chính của các chương trình điểm tin trên đài phát thanh và những nội dung phỏng vấn, phóng sự, phim thời sự có hình ảnh minh họa cho nội dung cốt truyện được diễn đạt rõ ràng; nghe hiểu được các thông tin kỹ thuật đơn giản, các chỉ dẫn chi tiết.

H3. mô tả được các trải nghiệm bản thân; tham gia được các cuộc thảo luận thông thường; trao đổi được các thông tin về các chủ đề quen thuộc; tham gia được các buổi phỏng vấn; biết cách lấy lượt lời trong các đoạn hội thoại; biết cách làm rõ các vấn đề khi tham gia các cuộc thảo luận; biết cách tự điều chỉnh và tự sửa lỗi khi giao tiếp, biết cách giao tiếp phù hợp với mục đích.

H4. đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích; đọc hiểu và xác định được các kết luận chính trong các văn bản nghị luận; đọc hiểu được các thông tin liên quan trong các văn bản sử dụng hằng ngày như thư từ, tờ thông tin và các văn bản ngắn.

H5. viết được các ghi chú, tin nhắn, biểu mẫu, thư tín có tính liên kết cao; viết được các bài báo cáo và bài luận về các chủ đề quen thuộc; viết về các trải nghiệm có tính liên kết cao; miêu tả một sự kiện, một chuyến đi gần đây; viết kể lại một câu chuyện.

*Sau khi học xong học phần tiếng Anh tổng quát 4, người học*

H6. có nhận thức đúng về học phần tiếng Anh tổng quát 4, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Let me explain</b></p> <p>1.1. Listening: phone call, instructions for using a piece of equipment, a radio program about managing money,</p> <p>1.2. Reading: read a news article about ‘How I lived on £1 a day’ and ‘Living cheaply’, read true stories about ‘What do I do next?’</p> <p>1.3. Speaking: talk about how you manage money, give advice, give reasons for advice, give detailed instructions, explain something, say you don’t understand, ask for help</p> <p>1.4. Writing: write a detail instruction for any equipment you like</p> <p>1.5. Vocabulary: linking expressions, multi – word verbs: making money, using equipment, giving reasons</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 3 tiết</p>	<p>[1] pages 46 - 53</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>

	<p>1.6. Grammar: V-ing, patterns with ‘mean’, softener ‘mean’</p> <p>1.7. Pronunciation: Linking consonants and vowels, /ɔ:/ sound</p> <p>1.8. Target Activity: Give expert advice</p> <p>1.9. Review</p>		
2	<p><b>Chương 2. Personal qualities</b></p> <p>2.1. Listening: interview with a dancer, talks about different pets, a talk about role models</p> <p>2.2. Reading: read the interview with Carlos Acosta – a dancer, read the article about pets and their owners</p> <p>2.3. Speaking: describe qualities someone needs for different activities, describe personality, make comparisons, say how a person has influenced someone</p> <p>2.4. Writing: compare and contrast two alternatives, organize ideas 1, write an email to compare and contrast the hotels.</p> <p>2.5. Vocabulary: personal qualities, matching people to jobs and activities, personality, describe someone’s influence, roles and opinions</p> <p>2.6. Grammar: comparing, like, alike</p> <p>2.7. Pronunciation: contrastive stress, /i:/ sound</p> <p>2.8. Target Activity: Talk about people who have influenced you</p> <p>2.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 3 tiết</p>	<p>[1] pages 54 – 61</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>
3	<p><b>Chương 3. Lost and found</b></p> <p>3.1. Listening: a conversation about a nightmare journey, phone calls to a lost property office, conversations about describing objects</p> <p>3.2. Reading: read the article on a lifestyle website</p> <p>3.3. Speaking: describe objects, use vague language to describe things, talk about unexpected travel situations, talk about attitudes to possessions, discuss options and decide what to do, make deductions</p> <p>3.4. Writing: describe a product you no longer need</p> <p>3.5. Vocabulary: multi- word verbs: tidying and cleaning, describing products, travel situations, describing objects</p> <p>3.6. Grammar: modals of deduction and speculation, causative ‘have’, common expressions with have + noun</p> <p>3.7. Pronunciation: emphatic stress, /ɑ:/ sound</p> <p>3.8. Target Activity: Find something at lost property</p> <p>3.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 4 tiết</p>	<p>[1] pages 62 – 69</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>
4	<p><b>Chương 49. Make up your mind</b></p> <p>4.1. Listening: a conversation about home problems, a conversation about a new business, a conversation among flat-mates</p> <p>4.2. Reading: read stories on blogs about domestic disasters, read the article about thinking strategies, web postings</p> <p>4.3. Speaking: describe problems in the home, talk about decision-making, discuss the consequences of decisions,</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 4 tiết</p>	<p>[1] pages 70 – 77</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>

	<p>discuss solutions, negotiate</p> <p>4.4. Writing: write a web posting explaining an argument, organize ideas 2, write a reply to another posting</p> <p>4.5. Vocabulary: problems in the home, discussing home problems and solutions, decision-making, negotiating, dealing with conflicts</p> <p>4.6. Grammar: real and unreal conditionals, the use of ‘on’ and ‘off’</p> <p>4.7. Pronunciation: groups of words 2, /ɜ:/ sound</p> <p>4.8. Target Activity: Reach a compromise</p> <p>4.9. Review</p>		
5	<p><b>Chương 5. Impressions</b></p> <p>5.1. Listening: a conversation about witnesses a crime, a talk about complaining in different countries, a phone call to make a complaint, a conversation about neighborhood complaints</p> <p>5.2. Reading: read the article about ‘The problem with witnesses’ from a journal for law students</p> <p>5.3. Speaking: talk about what you remember, add comments to say how you feel, talk about memory, talk about complaining, make a complaint politely, ask for a refund or replacement and explain why, complain about goods and services</p> <p>5.4. Writing: write a short paragraph to describe the problems with the things you’ve bought</p> <p>5.5. Vocabulary: remembering an event, problems with the things you’ve bought, softeners</p> <p>5.6. Grammar: verb patterns, present perfect simple and progressive, adjectives with ‘of’, verbs with ‘of’</p> <p>5.7. Pronunciation: intonation in questions, /u:/ sound</p> <p>5.8. Target Activity: Resolve a dispute</p> <p>5.9. Review</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 4 tiết</p>	<p>[1] pages 78 – 85</p> <p>[2], [3], [4], [5]</p>
6	<b>Review and Test</b>	LT: 1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 (LT + TH)	<p><b>Chương 1. Let me explain</b></p> <p>1.1. Listening: phone call, instructions for using a piece of equipment, a radio program about managing money,</p> <p>1.2. Reading: read a news article about ‘How I lived on £1 a day’ and ‘Living cheaply’, read true stories about ‘What do I do next?’</p> <p>1.3. Speaking: talk about how you manage money, give</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: linking expressions, multi – word verbs: making money, using</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo: linking expressions, multi – word verbs: making money, using equipment, giving</p>



	<p>advice, give reasons for advice, give detailed instructions, explain something, say you don't understand, ask for help</p> <p>1.4. Writing: write a detail instruction for any equipment you like</p> <p>1.5. Vocabulary: linking expressions, multi – word verbs: making money, using equipment, giving reasons</p> <p>1.6. Grammar: V-ing, patterns with 'mean', softener 'mean'</p> <p>1.7. Pronunciation: Linking consonants and vowels, /ɔ:/ sound</p> <p>1.8. Target Activity: Give expert advice</p> <p>1.9. Review</p>		<p>equipment, giving reasons, V-ing, patterns with 'mean', softener 'mean'</p> <p>- Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>reasons, V-ing, patterns with 'mean', softener 'mean'</p> <p>+ Bài viết: write a detail instruction for any equipment you like</p> <p>+ Bài thu âm: Linking consonants and vowels, /ɔ:/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp + Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 7 (LT + TH)	<p><b>Chương 2. Personal qualities</b></p> <p>2.1. Listening: interview with a dancer, talks about different pets, a talk about role models</p> <p>2.2. Reading: read the interview with Carlos Acosta – a dancer, read the article about pets and their owners</p> <p>2.3. Speaking: describe qualities someone needs for different activities, describe personality, make comparisons, say how a person has influenced someone</p> <p>2.4. Writing: compare and contrast two alternatives, organize ideas 1, write an email to compare and contrast the hotels.</p> <p>2.5. Vocabulary: personal qualities, matching people to jobs and activities,</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: personal qualities, matching people to jobs and activities, personality, describe someone's influence, roles and opinions, comparing, like, alike</p> <p>- Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: personal qualities, matching people to jobs and activities, personality, describe someone's influence, roles and opinions, comparing, like, alike</p> <p>+ Bài viết: write an email to compare and contrast the</p>

	<p>personality, describe someone's influence, roles and opinions</p> <p>2.6. Grammar: comparing, like, alike</p> <p>2.7. Pronunciation: contrastive stress, /i:/ sound</p> <p>2.8. Target Activity: Talk about people who have influenced you</p> <p>2.9. Review</p>		<p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>hotels. + Bài thu âm: contrastive stress, /i:/ sound -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp + Bài thu âm gửi qua email</p>
<p>Số tiết: 8 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 3. Lost and found</b></p> <p>3.1. Listening: a conversation about a nightmare journey, phone calls to a lost property office, conversations about describing objects</p> <p>3.2. Reading: read the article on a lifestyle website</p> <p>3.3. Speaking: describe objects, use vague language to describe things, talk about unexpected travel situations, talk about attitudes to possessions, discuss options and decide what to do, make deductions</p> <p>3.4. Writing: describe a product you no longer need</p> <p>3.5. Vocabulary: multi- word verbs: tidying and cleaning, describing products, travel situations, describing objects</p> <p>3.6. Grammar: modals of deduction and speculation, causative 'have', common expressions with have + noun</p> <p>3.7. Pronunciation: emphatic stress, /ɑ:/ sound</p> <p>3.8. Target Activity: Find something at lost property</p> <p>3.9. Review</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: multi- word verbs: tidying and cleaning, describing products, travel situations, describing objects, modals of deduction and speculation, causative 'have', common expressions with have + noun</p> <p>- Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: multi- word verbs: tidying and cleaning, describing products, travel situations, describing objects, modals of deduction and speculation, causative 'have', common expressions with have + noun + Bài viết: describe a product you no longer need + Bài thu âm: emphatic stress, /ɑ:/</p>

				<p>sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p> <p>+ Bài viết nộp tại lớp</p> <p>+ Bài thu âm gửi qua email</p>
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 4. Make up your mind</b></p> <p>4.1. Listening: a conversation about home problems, a conversation about a new business, a conversation among flat-mates</p> <p>4.2. Reading: read stories on blogs about domestic disasters, read the article about thinking strategies, web postings</p> <p>4.3. Speaking: describe problems in the home, talk about decision-making, discuss the consequences of decisions, discuss solutions, negotiate</p> <p>4.4. Writing: write a web posting explaining an argument, organize ideas 2, write a reply to another posting</p> <p>4.5. Vocabulary: problems in the home, discussing home problems and solutions, decision-making, negotiating, dealing with conflicts</p> <p>4.6. Grammar: real and unreal conditionals, the use of 'on' and 'off'</p> <p>4.7. Pronunciation: groups of words 2, /ɜː/ sound</p> <p>4.8. Target Activity: Reach a compromise</p> <p>4.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học:</p> <p>+ Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>+ Thảo luận nhóm về chủ đề: problems in the home, discussing home problems and solutions, decision-making, negotiating, dealing with conflicts, real and unreal conditionals, the use of 'on' and 'off'</p> <p>- Yêu cầu sinh viên:</p> <p>+ Đọc tài liệu: [2] page 58</p> <p>+ Ghi chép</p> <p>+ Chuẩn bị báo cáo</p> <p>+ Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá:</p> <p>+ Bài báo cáo:</p> <p>problems in the home, discussing home problems and solutions, decision-making, negotiating, dealing with conflicts, real and unreal conditionals, the use of 'on' and 'off'</p> <p>+ Bài viết: write a reply to another posting</p> <p>+ Bài thu âm: groups of words 2, /ɜː/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài báo cáo của nhóm trước lớp</p>

				+ Bài viết nộp tại lớp + Bài thu âm gửi qua email
Số tiết: 8 (LT + TH)	<p><b>Chương 5. Impressions</b></p> <p>5.1. Listening: a conversation about witnesses a crime, a talk about complaining in different countries, a phone call to make a complaint, a conversation about neighborhood complaints</p> <p>5.2. Reading: read the article about ‘The problem with witnesses’ from a journal for law students</p> <p>5.3. Speaking: talk about what you remember, add comments to say how you feel, talk about memory, talk about complaining, make a complaint politely, ask for a refund or replacement and explain why, complain about goods and services</p> <p>5.4. Writing: write a short paragraph to describe the problems with the things you’ve bought</p> <p>5.5. Vocabulary: remembering an event, problems with the things you’ve bought, softeners</p> <p>5.6. Grammar: verb patterns, present perfect simple and progressive, adjectives with ‘of’, verbs with ‘of’</p> <p>5.7. Pronunciation: intonation in questions, /u:/ sound</p> <p>5.8. Target Activity: Resolve a dispute</p> <p>5.9. Review</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p>- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo luận</p> <p>- Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm về chủ đề: remembering an event, problems with the things you’ve bought, softeners, verb patterns, present perfect simple and progressive, adjectives with ‘of’, verbs with ‘of’</p> <p>- Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu: [5] pages 18 - 19 + Ghi chép + Chuẩn bị báo cáo + Hoàn thành bài viết và bài thu âm</p> <p>-Địa điểm học: Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: + Bài báo cáo: remembering an event, problems with the things you’ve bought, softeners, verb patterns, present perfect simple and progressive, adjectives with ‘of’, verbs with ‘of’</p> <p>+ Bài viết: write a short paragraph to describe the problems with the things you’ve bought</p> <p>+ Bài thu âm: intonation in questions, /u:/ sound</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp</p>

				+ Bài thu âm gửi qua email
Số tiết: 1 (LT)	<b>Review and Test</b>	H1 H2 H3 H4 H5		Bài kiểm tra cuối khóa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Alex Tilbury, Theresa Clementson. Leslie Anne Hendra and David Rea (2018). *English Unlimited intermediate*, Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lin Lougheed (2015). *Learning To Listen Book 1*. Macmillan.

[3] Tim Falla and Paul A Davies (2015), *Solution Intermediate*, Oxford University Press

[4] Kirsten Campbell – Howes and Clare Dignall, (2015) *English For Life – Writing*, Collins

[5] Christina Latham – Koenig and Clive Oxenden (2019). *English File –Intermediate*, Oxford University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq$  2/3 tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của	H1 H2 H3	20%

		hàn	sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H4 H5	
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: vấn đáp, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Hoàng Thị Hồng Nhung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIẾNG ANH 1**  
**Mã học phần: FL213610**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 4 (FL213604)

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Ngọc Anh; Số điện thoại: 0984998485

Email: ngocanh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thiện Khoa; Số điện thoại: 0946926879;

Email: thienkhoa@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Nghe tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong ba học phần Nghe, để phát triển kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên năm thứ nhất ngành Ngôn Ngữ Anh và Sư Phạm tiếng Anh, thuộc Khoa Ngoại ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Nghe tiếng Anh 1 giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe cơ bản (như: nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin chính) từ việc nghe các cuộc đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo... bằng tiếng Anh; giới thiệu, hướng dẫn các chức năng ngôn ngữ cần thiết để nghe hiểu các phong cách giao tiếp khác nhau để có thể phát triển các kỹ năng nghe tiếng Anh ở cấp độ cao hơn (như: nghe và nhận biết thái độ của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh).

Ngoài ra học phần Nghe tiếng Anh 1 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Nghe tiếng Anh 1 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các đặc điểm tính cách, đất nước – ngôn ngữ - quốc tịch; các cuộc hẹn – lời mời – quà tặng; các vấn đề về sức khỏe – phương pháp chữa bệnh dân gian; các hoạt động giải trí: xem phim, mua sắm, ăn uống tại nhà hàng; phương tiện giao thông – các hoạt động giải trí khi đi chơi xa; các vấn đề thường gặp trong các căn hộ; các phương tiện liên lạc; và các loại nghề nghiệp – thu nhập và dịch vụ.

MT2. cung cấp cho người học nhiều kiểu bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như đàm thoại, tin nhắn, bản tin radio, thông báo.

MT3. hướng dẫn cho người học các kỹ năng nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát ở mức độ nâng cao.

MT4. hướng dẫn cho người học cách nắm bắt được các ý chính trong các đoạn hội thoại, các chỉ dẫn, các bản tin, phóng sự, phim thời sự bằng tiếng Anh trên các phương tiện truyền thông, trên đài phát thanh và trên truyền hình.

MT5. hướng dẫn cho người học các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Nghe tiếng Anh 1, người học có khả năng:*

H1. - Có thể nghe hiểu các bài nói trực tiếp hoặc ghi lại về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc trong cuộc sống cá nhân, xã hội, học tập hay nghề nghiệp khi được diễn đạt rõ ràng và bằng giọng chuẩn.

H2. - Có thể nắm bắt phần lớn nội dung những hội thoại hay độc thoại mặc dù có thể gặp khá nhiều khó khăn để hiểu toàn bộ các chi tiết của một số hội thoại hay độc thoại nếu người nói không điều chỉnh ngôn ngữ cho phù hợp.

H3. - Có thể theo dõi và hiểu được các ý chính trong một số bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp có sử dụng ngôn ngữ và ý tưởng tương đối phức tạp.

H4. - Có thể hiểu các chỉ dẫn chi tiết (ví dụ như các hướng dẫn về giao thông).

H5. - Có thể hiểu một phần tương đối nội dung các chương trình phát thanh và truyền hình về các chủ điểm mà bản thân quan tâm, ví dụ như các cuộc phỏng vấn, các bài giảng ngắn và các bản tin được diễn đạt tương đối chậm và rõ ràng.

*Sau khi học xong học phần Nghe tiếng Anh 1, người học*

H6. được trang bị các kỹ năng nghe tiếng Anh như nghe lấy thông tin chi tiết và nghe lấy thông tin tổng quát ở mức độ nâng cao.

H7. có nhận thức đúng về kỹ năng nghe, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghe hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Người học tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, vận dụng được kỹ năng thuyết trình và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6		x
H7	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Born Lucky</b> 1.1. What's going on? 1.2. What's your character? 1.3. What's your sign? 1.4. Do you think I'm smart? 1.5. Train you ear 1.6. Opposites attract 1.7. Identifying the sequence in talks	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 8-11 [2], [3]
2	<b>Chương 2. Around the world</b> 2.1. What's going on? 2.2. Which country? 2.3. Where are you from? 2.4. Where did you go? 2.5. Train Your Ear 2.6. Any place is fine 2.7. Identifying the audience in talks	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 12 - 15 [2], [3]
3	<b>Chương 3. Happy Birthday</b> 3.1. What's going on? 3.2. What do you do? 3.3. Train your ear. 3.4. You shouldn't have	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 16 - 19 [2], [3]



	3.5. Can you come to my party? 3.6. Who's coming? 3.7. Identifying a location in talks		
4	<b>Chương 4. How are you feeling?</b> 4.1. What's going on? 4.2. What's the cure? 4.3. Train your ear. 4.4. What's the matter? 4.5. The best remedy 4.6. Can you see this? 4.7. Identifying a topic in talks	LT: 1,5 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 20 - 23 [2], [3]
5	<b>Chương 5. At the mall</b> 5.1. What's going on? 5.2. What do you see? 5.3. Where will they go? 5.4. Where did we park the car? 5.5. Train your ear (-ed endings) 5.6. Come shopping with me 5.7. Identifying a request in talks	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 26 - 29 [2], [3]
6	<b>Chương 6. At the movies</b> 6.1. What's going on? 6.2. What are they talking about? 6.3. What movie did they see? 6.4. What did you like about the movie? 6.5. Train your ear 6.6. Talks strategy review 6.7. Talks Strategy Practice	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 28 - 32 [2], [3]
7	<b>Chương 7. Dining out</b> 7.1. What's going on? 7.2. What are the specials today? 7.3. What do you want to eat? 7.4. Train your ear (figure expressions: money/ percentage) 7.5. Radio ads 7.6. Where's the café? 7.7. Note completion	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 34 - 37
8	<b>Chương 8. What's are you wearing?</b> 8.1. What's going on? 8.2. What are you wearing? 8.3. What day is it on? 8.4. On or off? 8.5. What should I wear? 8.6. The right clothes 8.7. Form completion	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 38 - 41 [2], [3]
9	<b>Chương 9. Traffic jam</b> 9.1. What's going on? 9.2. How are you getting there? 9.3. Don't talk to me like that! 9.4. Train your ear 9.5. A better way to go 9.6. What's the problem?	LT: 1,5 tiết TH: 1,5 tiết	[1] pages 44 - 47 [2], [3]

	9.7. Table completion		
10	<b>Chương 10. On the weekend</b> 10.1. What's going on? 10.2. What do you want to do? 10.3. Where and when? 10.4. Things to do today 10.5. Train your ear 10.6. It was a great weekend 10.7. Note/Form/Table completion strategy practice	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 48- 51 [2], [3]
11	<b>Chương 11. Room service</b> 11.1. What's going on? 11.2. Do you have a reservation? 11.3. Train your ear 11.4. Checking in 11.5. Hotel services 11.6. Hotel reservations 11.7. People's interview 11.8. Matching (one to one)	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 52 - 55 [2], [3]
12	<b>Chương 12. Getting away</b> 12.1. What's going on? 12.2. What do you want to do? 12.3. Train your ear 12.4. Planning the getaway 12.5. Picture this 12.6. Sightseeing 12.7. Jobs 12.8. Matching (one to one) strategy practice	LT: 1 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 56 - 59 [2], [3]
13	<b>Chương 13. The ceiling is leaking!</b> 13.1. What's going on? 13.2. What do you see? 13.3. Train your ear 13.4. A new apartment 13.5. Where is everyone? 13.6. You pay how much? 13.7. Matching (one to many)	LT: 1 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 62 – 65 [2], [3]
14	<b>Chương 14. Stay in touch</b> 14.1. What's going on? 14.2. What's that noise? 14.3. What does it do? 14.4. How can I reach you? 14.5. How do you work this thing? 14.6. Train your ear 14.7. Matching (one to many) strategy practice	LT: 1 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 66 - 69 [2], [3]
15	<b>Chương 15. Call me on my cell</b> 15.1. What's going on? 15.2. Who are you talking to? 15.3. What's your number? 15.4. Send me a message	LT: 1,5 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 70- 73 [2], [3]

15.5. Getting there?		
15.6. Train your ear		
15.7. Wrap up		

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 1. Born Lucky</b> 1.1. What's going on? 1.2. What's your character? 1.3. What's your sign? 1.4. Do you think I'm smart? 1.5. Train you ear 1.6. Opposites attract 1.7. Identifying the sequence in talks	H1 H2 H3 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: personal information and characteristics <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (sign, character/trait, sequence in talks) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp.
Buổi học 2 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 2. Around the world</b> 2.1. What's going on? 2.2. Which country? 2.3. Where are you from? 2.4. Where did you go? 2.5. Train Your Ear 2.6. Any place is fine 2.7. Identifying the audience in talks	H1 H2 H3 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: country, nationality, language, audience <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (country and nationality, audience in talks) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp.
Buổi học 3 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 3. Happy Birthday</b> 3.1. What's going on? 3.2. What do you do? 3.3. Train your ear. 3.4. You shouldn't have 3.5. Can you come to	H1 H2 H3 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm:	- Bài đánh giá Test yourself (birthday, presents and location in talks) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp

	my party? 3.6. Who's coming? 3.7. Identifying a location in talks		celebrating birthdays, giving and receiving presents, location in talks <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	tại lớp.
Buổi học 4 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 4. How are you feeling?</b> 4.1. What's going on? 4.2. What's the cure? 4.3. Train your ear. 4.4. What's the matter? 4.5. The best remedy 4.6. Can you see this? 4.7. Identifying a topic in talks	H1 H2 H3 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: health problems, remedies, topics in talks <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (health problems, remedies, topics in talks) + Review 1 - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 5 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 5. At the mall</b> 5.1. What's going on? 5.2. What do you see? 5.3. Where will they go? 5.4. Where did we park the car? 5.5. Train your ear (-ed endings) 5.6. Come shopping with me 5.7. Identifying a request in talks	H1 H2 H3 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: spending time at the mall <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (types of stores, direction and location, request in talks) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 6 Số tiết:	<b>Chương 6. At the movies</b> 6.1. What's going on?	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở	- Bài đánh giá Test yourself (different features)

2,5 (LT + TH)	6.2. What are they talking about? 6.3. What movie did they see? 6.4. What did you like about the movie? 6.5. Train your ear 6.6. Talks strategy review 6.7. Talks Strategy Practice	H5 H6	<b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: talking about movies <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	of movies, likes or dislikes, set of questions in talks) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 7 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 7. Dining out</b> 7.1. What's going on? 7.2. What are the specials today? 7.3. What do you want to eat? 7.4. Train your ear (figure expressions: money/ percentage) 7.5. Radio ads 7.6. Where's the café? 7.7. Note completion	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Eating at restaurants, describing different food <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (preferences, location, time, expressing money, note completion) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 8 Số tiết: 2,5 (LT + TH)	<b>Chương 8. What's are you wearing?</b> 8.1. What's going on? 8.2. What are you wearing? 8.3. What day's it on? 8.4. On or off? 8.5. What should I wear? 8.6. The right clothes 8.7. Form completion	H1 H2 H3 H4 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: clothes you often wear <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (clothes, opinions and advices, form completion) + Review 2 -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi	<b>Chương 9. Traffic</b>	H1	<b>Phương pháp dạy học:</b>	- Bài đánh giá:

<p>học 9 Số tiết: 2,5 (LT + TH)</p>	<p><b>jam</b> 9.1. What's going on? 9.2. How are you getting there? 9.3. Don't talk to me like that! 9.4. Train your ear 9.5. A better way to go 9.6. What's the problem? 9.7. Table completion</p>	<p>H2 H3 H4 H6 H7</p>	<p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Transportation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>Test yourself (comparisons, cause and effect, table completion) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học 10 Số tiết: 2,5 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 10. On the weekend</b> 10.1. What's going on? 10.2. What do you want to do? 10.3. Where and when? 10.4. Things to do today 10.5. Train your ear 10.6. It was a great weekend 10.7. Note/Form/Table completion strategy practice</p>	<p>H1 H2 H3 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: weekend local activities <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: Test yourself (activities around town, sequences and places, note/form/table completion) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học 11 Số tiết: 2,5 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 11. Room service</b> 11.1. What's going on? 11.2. Do you have a reservation? 11.3. Train your ear 11.4. Checking in 11.5. Hotel services 11.6. Hotel reservations 11.7. People's interview 11.8. Matching (one to one)</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: staying in hotels, hotel services <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: Test yourself (places and services in a hotel, matching information) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>

Buổi học 12 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 12. Getting away</b> 12.1. What's going on? 12.2. What do you want to do? 12.3. Train your ear 12.4. Planning the getaway 12.5. Picture this 12.6. Sightseeing 12.7. Jobs 12.8. Matching (one to one) strategy practice	H1 H2 H3 H4 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: activities that can be done away from home <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (holiday activities, web addresses, matching information) + Review 3 - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 13 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 13. The ceiling is leaking!</b> 13.1. What's going on? 13.2. What do you see? 13.3. Train your ear 13.4. A new apartment 13.5. Where is everyone? 13.6. You pay how much? 13.7. Matching (one to many)	H1 H2 H3 H4 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: apartment problems <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (identifying problems, matching information) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 14 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 14. Stay in touch</b> 14.1. What's going on? 14.2. What's that noise? 14.3. What does it do? 14.4. How can I reach you? 14.5. How do you work this thing? 14.6. Train your ear 14.7. Matching (one to many) strategy practice	H1 H2 H3 H4 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: communication electronics <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận	- Bài đánh giá: Test yourself (ways of communicating and preferences, matching information) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

			<b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 15 Số tiết: 2.5 (LT + TH)	<b>Chương 15. Call me on my cell</b> 15.1. What's going on? 15.2. Who are you talking to? 15.3. What's your number? 15.4. Send me a message 15.5. Getting there? 15.6. Train your ear 15.7. Wrap up	H1 H2 H3 H4 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: cell phone technology and text messaging <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself (numbers and messages, affirming and negating – final test sample) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Lin Lougheed (2011). *Learning To Listen Book 2*. Macmillan

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Lin Lougheed (2017). *Longman Preparation Series for the TOEIC Test (6<sup>th</sup> Edition)*. Pearson Longman.

[3] Guy Cook – Hart and Vanessa Jakeman (2012). *Complete Ielts band 4-5*. Cambridge University Press

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6 H7	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài,	H1 H2 H3 H4	20%



		giảng viên đề ra.	chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H5	
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	40%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

Ngày tháng năm 2020  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ThS. Trần Ngọc Anh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NÓI TIẾNG ANH 1**  
**Mã học phần: FL213620**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 4 (FL213604)

Học phần song hành: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Phạm Thị Thanh Huệ; Số điện thoại: 0986222257

Email: [ptthue@ttn.edu.vn](mailto:ptthue@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Đoàn Thị Dung; Số điện thoại: 0934479479;

Email: [doandung@ttn.edu.vn](mailto:doandung@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Nói Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong ba học phần Nói Tiếng Anh để phát triển kỹ năng nói học thuật dành cho sinh viên năm thứ nhất chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Nói Tiếng Anh 1 giúp sinh viên trang bị nhóm từ vựng cơ bản về các chủ đề quen thuộc (hoạt động trong thời gian rảnh, sở thích/ghét, cảm xúc, công việc, du lịch, âm nhạc, tính cách, nhà cửa), kiến thức ngữ pháp cơ bản, kỹ thuật để cải thiện phát âm Tiếng Anh, các chiến thuật học và phát triển kỹ năng nói một cách hiệu quả nhất đối với học phần Nói Tiếng Anh 1 như phát triển ý phụ từ ý chính, cách xây dựng sơ đồ tư duy. Ngoài ra học phần Nói Tiếng Anh 1 còn giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói Tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Nói Tiếng Anh 1 sẽ:*

MT1. trang bị cho sinh viên từ vựng Tiếng Anh về các chủ đề hàng ngày như hoạt động trong thời gian rảnh, sở thích/ghét, cảm xúc, công việc, du lịch, âm nhạc, tính cách, nhà cửa.

MT2. cung cấp cho sinh viên một số cấu trúc ngữ pháp cho từng chủ đề cụ thể.

MT3. hướng dẫn cho sinh viên cách diễn đạt của người bản ngữ, những kỹ thuật để cải thiện phát âm Tiếng Anh, cách thay đổi ngữ điệu, nhịp điệu và đặt trọng âm câu chuẩn xác.

MT4. hướng dẫn cho sinh viên các kỹ năng phát triển ý phụ từ ý chính với những chủ đề quen thuộc; cấu trúc của một bài nói Tiếng Anh; chiến thuật xây dựng sơ đồ tư duy và những kiến thức về kỹ năng nói độc thoại trong vòng 2 phút.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Nói Tiếng Anh 1, người học có khả năng:*

H1. sử dụng từ ngữ chính xác để tham gia đàm thoại, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập công việc hoặc cuộc sống hàng ngày.

H2. sử dụng cấu trúc ngữ pháp tương đối chính xác khi diễn đạt về những vấn đề quen thuộc và không quen thuộc liên quan tới lĩnh vực chuyên môn hoặc quan tâm của mình.

H3. diễn đạt ý phù hợp hoàn cảnh giao tiếp, phát âm rõ ràng, dễ hiểu và tương đối lưu loát. Có thể nói dài mà vẫn hiểu được, mặc dù còn khó khăn diễn đạt lại về cấu trúc và từ vựng, đặc biệt là khi nói dài và tự do.

H4. giao tiếp tương đối tự tin về những chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị trước, thể hiện những quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc về cuộc sống thường ngày. Có thể trình bày một cách rõ ràng những bài thuyết trình đơn giản được

chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc hoặc lĩnh vực bản thân quan tâm để người nghe dễ dàng theo dõi.

*Sau khi học xong học phần Nói Tiếng Anh 1, người học:*

H5. tích lũy được kiến thức về kỹ năng nói Tiếng Anh cơ bản để trang bị cho các kỹ năng nói học thuật tiếp theo.

H6. có nhận thức đúng về kỹ năng nói, có thái độ tích cực khi học trên lớp cũng như khi tự học tại nhà, có ý thức rèn luyện phát triển kỹ năng nói của bản thân. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1:</b> How do you feel? 1.1. Free-time activities 1.2. Likes and dislikes; feelings	LT: 4 tiết TH: 4 tiết	[1] Pages 4-6 Pages 6-8 [2] [3]
2	<b>Chương 2:</b> We haven't got time 2.1. Slow down 2.2. Ready, steady, eat	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Pages 12-15 [2] [3]
3	<b>Chương 3:</b> The tourist trade 3.1. Your holiday, my job 3.2. Lonely Planet	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Pages 20-23 [2] [3]
4	<b>Chương 4:</b> Born to be wild 4.1. Music 4.2. Character	LT: 4 tiết TH: 4 tiết	[1] Pages 26-30 Pages 30-32 [2] [3]
5	<b>Chương 5:</b> Home truths 5.1. Moving house 5.2. A load of old junk	LT: 4 tiết TH: 4 tiết	[1] Pages 36-39 [2] [3]
	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	LT: 1 tiết	

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 8	<b>Chương 1:</b> How do you feel? 1.1. Free-time activities 1.2. Likes and dislikes; feelings	H1 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Giảng viên trình bày kiến thức về chủ đề Các hoạt động	- Bài kiểm tra hiểu biết về chủ đề Các hoạt động trong thời gian rảnh và sở thích/ghét; cảm xúc. - Bài tập luyện tập

			<p>trong thời gian rảnh, sở thích/ghét; cảm xúc, giới thiệu các vấn đề thường gặp khi phát âm tiếng Anh và cách khắc phục, giới thiệu phương pháp phát triển ý phụ từ ý chính.</p> <p>- Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá; làm bài tập luyện tập phát âm.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>phát triển ý nói về Các hoạt động trong thời gian rảnh, sở thích/ghét; cảm xúc.</p> <p>-Hình thức đánh giá: bài trắc nghiệm ngắn, bài hội thoại tại lớp. Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 7	<p><b>Chương 2:</b> We haven't got time</p> <p>2.1. Slow down</p> <p>2.2. Ready, steady, eat</p>	H1 H2 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Giảng viên trình bày kiến thức về chủ đề Công việc; cách nói ở hiện tại; giới thiệu phương pháp phát triển ý phụ từ ý chính.</p> <p>- Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày hiểu biết về bài học.</p> <p>- Sinh viên thực hành nói về chủ đề công việc sử dụng các thì hiện tại..</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Bài kiểm tra phân biệt các thì hiện tại.</p> <p>- Bài tập luyện tập phát triển ý nói về công việc sử dụng các thì hiện tại.</p> <p>-Hình thức đánh giá: bài kiểm tra ngắn, bài hội thoại tại lớp. Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 7	<p><b>Chương 3:</b> The tourist trade</p> <p>3.1. Your holiday, my job</p> <p>3.2. Lonely Planet</p>	H1 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Giảng viên trình bày kiến thức về chủ đề Du lịch; giới thiệu cấu trúc của một bài nói tiếng Anh trong 2 phút, phương pháp xây dựng sơ đồ tư duy.</p> <p>- Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo yêu cầu của</p>	<p>- Bài tập luyện tập nói về du lịch sử dụng các thì hiện tại kết hợp sơ đồ tư duy.</p> <p>-Hình thức đánh giá: Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên (trên lớp).</p>

			<p>giảng viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên thực hành xây dựng sơ đồ tư duy và nói về chủ đề Du lịch.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
Số tiết: 8	<p><b>Chương 4:</b> Born to be wild</p> <p>4.1. Music</p> <p>4.2. Character</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên trình bày kiến thức về chủ đề Âm nhạc, Tính cách; cách nói về quá khứ, tương lai; giới thiệu cấu trúc của một bài nói tiếng Anh, phương pháp xây dựng sơ đồ tư duy.</li> <li>- Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên.</li> <li>- Sinh viên thực hành xây dựng sơ đồ tư duy và nói về chủ đề Âm nhạc sử dụng các thì quá khứ.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra phân biệt các thì quá khứ, tương lai.</li> <li>- Bài tập luyện tập nói về Âm nhạc, Tính cách kết hợp sơ đồ tư duy.</li> <li>- Hình thức đánh giá: bài kiểm tra ngắn, bài nói tại lớp. Sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên, giảng viên nhận xét về bài làm của sinh viên.</li> </ul>
Số tiết: 8	<p><b>Chương 5:</b> Home truths</p> <p>5.1. Moving house</p> <p>5.2. A load of old junk</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận trên lớp, gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên trình bày kiến thức về chủ đề Nhà cửa; giới thiệu cách đánh giá một bài nói tiếng Anh dựa trên các yếu tố: từ vựng, ngữ pháp, phát âm, độ lưu loát, cách sắp xếp ý.</li> <li>- Sinh viên thảo luận nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo yêu cầu của giảng viên.</li> <li>- Sinh viên thực hành đánh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập luyện tập nói về công việc sử dụng các thì tương lai kết hợp sơ đồ tư duy.</li> <li>- Hình thức đánh giá: Sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên, giảng viên nhận xét về bài làm của sinh viên.</li> </ul>

			giá bài nói về chủ đề Nhà cửa. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
Số tiết: 1	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.	Sinh viên nói và thu âm bài nói trong 2 phút về một chủ đề chọn bởi giảng viên. Giảng viên đánh giá và nhận xét.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Chris Redston & Gillie Cunningham (2014). *Face2face Intermediate Student's Book*. Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Leo Jones (2007). *Let's talk 2*. Cambridge University Press.

[3] Cheryl Pelteret (2013). *English for Life Speaking B1+ Intermediate*. NXB Tổng hợp TP.HCM

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự luyện tập thêm.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5 H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	50%

		của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.		H5 H6	
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp	H1 H2 H3 H4 H5 H6

**Trưởng Khoa****Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Bùi Thị Tịnh****ThS. Phạm Thị Thanh Huệ**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC TIẾNG ANH 1**  
**Mã học phần: FL213630**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 4 (FL213604)

Học phần song hành: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Cù Thị Ngọc Hoa; Số điện thoại: 0793526969

Email: ctnhoa@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Đọc Tiếng Anh 1 bao gồm những bài đọc hiểu liên quan đến Đời sống Sinh viên của các nước và nền văn hóa trên thế giới, Trải nghiệm thiên nhiên, Thói quen ăn uống, Cộng đồng, Gia đình, Văn hóa và Giao văn hóa, Sức khỏe, Giải trí và các phương tiện truyền thông, Đời sống xã hội, Thể thao. Trong quá trình học, sinh viên cần vận dụng các kĩ năng đọc và chiến lược đọc hiểu (skimming, scanning, guessing meaning from contexts,...), kỹ năng đánh giá và phê phán, kỹ năng tìm hiểu từ vựng và phát triển ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên cần phải hoàn thành các dạng bài tập liên quan đến việc xác định câu chủ đề (identifying topic sentence), xác định ý chính của đoạn văn bản (identifying main idea), xác định ý phụ (identifying supporting details), sử dụng sơ đồ Venn (using a Venn diagram to organize supporting details), sử dụng sơ đồ tư duy (using a mind map), tóm tắt đoạn văn bản (summarizing a paragraph), tóm tắt bài văn (summarizing the whole reading), tóm tắt câu chuyện (summarizing a story).

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Đọc tiếng Anh 1 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hoá, khoa học và xã hội như Giáo dục, thói quen ăn uống, sức khỏe, phương tiện truyền thông của một số quốc gia trên thế giới, sự kết nối toàn cầu.

MT2. cung cấp cho người học các bài đọc về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống liên quan đến các lĩnh vực khác nhau như: khoa học và xã hội như Giáo dục, thói quen ăn uống, sức khỏe, phương tiện truyền thông

MT3. trang bị cho người học kiến thức về các kỹ năng và chiến lược đọc hiểu (reading skills and strategies) như xác định cấu trúc bài đọc (recognizing reading structure), xác định ý chính (recognizing main ideas), xác định ý phụ (recognizing supporting details), xác định chủ đề (recognizing topics), đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh (guessing meaning from context), xác định nguyên nhân, kết quả (identifying cause and effect), xác định về tự đề và chủ đề đoạn văn (recognizing titles and paragraph topics), đọc lướt để tìm chủ đề và ý chính (skimming for topics and main ideas), xác định cấu trúc bài đọc bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy (recognizing reading structure using a mind map), xác định cấu trúc bài đọc bằng cách sử dụng đề cương (recognizing reading structure using an outline).

MT4. trang bị cho người học các chiến lược về đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh (guessing meaning from contexts), xác định từ gần nghĩa (identifying words with similar meanings), đoán từ dựa vào ngữ cảnh (guessing words from contexts), nhận biết từ loại (danh từ, động từ, tính từ) (recognizing nouns, verbs, adjectives), xác định chủ đề (recognizing topics), hiểu về trạng ngữ chỉ thể cách (adverbs of manner), tìm hiểu từ khó (figuring out new or difficult vocabulary), hiểu về hậu tố (understanding suffixes), xác định từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa (identifying synonyms, antonyms).



MT5. trang bị cho người học các kỹ năng tư duy phản biện/phân tích như việc tổng hợp, thảo luận về bài đọc (synthesizing and discussing ideas from a reading), viết tóm tắt về bài đọc (summarizing a reading), đoán nội dung bài đọc (predicting the content of a reading), đánh giá, so sánh (evaluating/ comparing), diễn giải thông tin (paraphrasing information), tóm tắt bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy, đề cương (summarizing using a mind map, outline),

### 3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần *Đọc tiếng Anh 1*, người học có khả năng:

H1. Sử dụng các chiến lược và kỹ năng đọc hiểu để xác định cấu trúc bài đọc (recognizing reading structure), xác định ý chính (recognizing main ideas), xác định ý phụ (recognizing supporting details), xác định chủ đề (recognizing topics), đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh (guessing meaning from context), xác định nguyên nhân, kết quả (identifying cause and effect), xác định về tự đề và chủ đề đoạn văn (recognizing titles and paragraph topics), đọc lướt để tìm chủ đề và ý chính (skimming for topics and main ideas), xác định cấu trúc bài đọc bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy (recognizing reading structure using a mind map), xác định cấu trúc bài đọc bằng cách sử dụng đề cương (recognizing reading structure using an outline).

H2. đoán nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh (guessing meaning from contexts), xác định từ gần nghĩa (identifying words with similar meanings), đoán từ dựa vào ngữ cảnh (guessing words from contexts), nhận biết từ loại (danh từ, động từ, tính từ) (recognizing nouns, verbs, adjectives), xác định chủ đề (recognizing topics), hiểu về trạng ngữ chỉ thể cách (adverbs of manner), tìm hiểu từ khó (figuring out new or difficult vocabulary), hiểu về hậu tố (understanding suffixes), xác định từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa (identifying synonyms, antonyms).

H3. phản biện/ phân tích như việc tổng hợp, thảo luận về bài đọc (synthesizing and discussing ideas from a reading), viết tóm tắt về bài đọc (summarizing a reading), đoán nội dung bài đọc (predicting the content of a reading), đánh giá, so sánh (evaluating/ comparing), diễn giải thông tin (paraphrasing information), tóm tắt bằng cách sử dụng sơ đồ tư duy, đề cương (summarizing using a mind map, outline).

H4. có nhận thức đúng về kỹ năng đọc, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng đọc hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Người học tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4	x	

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Academic Life around the World</b> 1.1. Part 1: International students 1.2. Part 2: University life around the world 1.3. Part 3: Vocabulary and language-learning skills 1.4. Part 4: Focus on testing	LT: 4 tiết TH: 3tiết	[1] pages 4-19
2	<b>Chương 2. Experiencing Nature</b>	LT: 4 tiết	[1] pages 22

	2.1. Part 1: The powerful influence of weather 2.2. Part 2: Global Climate Changes 2.3. Part 3: Vocabulary and language-learning skills 2.4. Part 4: Focus on testing	TH: 3tiết	-39
3	<b>Chương 3. Living to eat or eating to live</b> 3.1. Part 1: Global diet choices 3.2. Part 2: Facts about food 3.3. Part 3: Vocabulary and language-learning skills 3.4. Part 4: Focus on testing	LT: 4 tiết TH: 4 tiết	[1] pages 42-59
4	<b>Chương 4. Health</b> 4.1. Part 1: The secrets of a very long life 4.2. Part 2: Claims to amazing health 4.3. Part 3: Vocabulary and language-learning skills 4.4. Part 4: Focus on testing	LT: 4 tiết TH: 4tiết	[1] pages 132-157
5	<b>Chương 5. Entertainment and the media</b> 5.1. Part 1: How the visual media affect people 5.2. Part 2: Media stories 5.3. Part 3: Vocabulary and language-learning skills 5.4. Part 4: Focus on testing	LT: 4 tiết TH: 4tiết	[1] pages 160-183
6	<b>Kiểm tra</b>	1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
LT+ TH : 7 tiết	<b>Chương 1. Academic Life Around the World</b> <b>Nội dung:</b> 1.1. Part 1: International students 1.1.1. Previewing the topic 1.1.2. Predicting 1.1.3. Previewing Vocabulary 1.1.4. Reading an article 1.1.5. Recognizing reading structure 1.1.6. Recognizing main ideas 1.1.7. Recognizing supporting details 1.2 Part 2: University Life around the World 1.2.1 Previewing Vocabulary 1.2.2 Recognizing the Topics and main ideas of Paragraph 1.2.3 Summarizing Paragraph 1.2.4 Discussing the reading 1.3 Part 3: Vocabulary and Language Learning Skills 1.3.1 Getting meaning from context: definition and Italics 1.3.2 Matching Vocabulary Words with definitions 1.3.3 Recognizing words with similar	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Thảo luận theo cặp, nhóm <b>Địa điểm</b>	+ Bằng bài viết nộp tại lớp thảo luận

	meanings 1.3.4 Focusing on High-Frequency words 1.4 Part 4: Focus on Testing		<b>học:</b> Giảng đường	
LT+ TH : 7 tiết	<b>Chương 2 . Experiencing Nature</b> <b>Nội dung:</b> 1.1. Part 1: The powerful Influence of Weather 2.1.1. Previewing the topic 2.1.2. Predicting 2.1.3. Previewing Vocabulary 2.1.4. Reading an article 2.1.5. Using a Diagram to show Cause and Effect 2.1.6 Recognizing Reading structure: Titles and paragraph topics 2.1.7. Recognizing the main ideas 2.1.8. Recognizing supporting details 2.1.9. Discussing the reading 2.2 Part 2: Global Climate Changes 2.2.1 Previewing Vocabulary 2.2.2 Recognizing Topics and main ideas of Paragraph 2.2.3 Reading an Article 2.2.4 Summarizing a Paragraph 2.2.5 Discussing the reading 2.2.6 Talking it over 2.3 Part 3: Vocabulary and Language Learning Skills 2.3.1 Getting meaning from contexts, parentheses, and from words with similar meanings 2.3.2 Recognizing words with the same or similar meanings 2.3.3 Matching Vocabulary Items with examples 2.3.4 Focusing on High-Frequency words 2.4 Part 4: Focus on Testing	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Thảo luận theo cặp, nhóm  <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	+ Bằng bài viết nộp tại lớp thảo luận
LT+ TH : 8 tiết	<b>Chương 3: Living to eat or eating to live</b> <b>Nội dung:</b> 3.1. Part 1: <b>Global Diet Choices</b> 3.1.1. Previewing the topic 3.1.2. Predicting 3.1.3. Previewing Vocabulary 3.1.4. Reading an article 3.1.5. Recognizing Reading structure 3.1.6. Recognizing one-or-two-sentence statements of the main ideas 3.1.7. Recognizing supporting details	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do	+ Bằng bài viết nộp tại lớp thảo luận

	<p>3.1.8. Discussing the reading  3.2 Part 2: Facts about Food  3.2.1 Previewing Vocabulary  3.2.2 Matching paragraph titles with topics.  3.2.3 Choosing titles and recognizing topic sentences  3.2.4 Summarizing  3.2.5 Discussing the reading  3.2.6 Talking it over  3.3 Part 3: Vocabulary and Language Learning Skills  3.3.1 Getting meaning from contexts: italics and punctuation clues  3.3.2 Recognizing vocabulary categories  3.3.3 Practicing with categories  3.3.4 Focusing on High-Frequency words  3.4 Part 4: Focus on Testing</p>		<p>giảng viên trình bày  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu  Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.  - Thảo luận theo cặp, nhóm</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
<p>LT+ TH :  8 tiết</p>	<p><b>Chương 4: Health</b>  <b>Nội dung:</b>  4.1. Part 1: <b>The secrets of a very long life</b>  4.1.1. Previewing the topic  4.1.2. Predicting  4.1.3. Previewing Vocabulary  4.1.4. Reading an article  4.1.5. Recognizing reading structure using a mind map  4.1.6. Completing a mind map  4.1.7. Understanding the Main idea  4.1.8 Recognizing supporting details after punctuation, numbers, and connecting words  4.1.9 Discussing the reading  4.2 Part 2: Claims to amazing health  4.2.1 Previewing Vocabulary  4.2.2 Understanding Facts and Opinions  4.2.3 Summarizing using a mind map  4.2.4 Discussing the reading  4.2.5 Talking it over  4.3 Part 3: Vocabulary and Language Learning Skills  4.3.1 Figuring out new or difficult vocabulary  4.3.2 Identifying synonyms  4.3.3 Identifying part of speech from Suffixes  4.3.4 Choosing word forms with Suffixes</p>	<p>H1  H2  H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp.  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu  Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi.  - Thảo luận theo cặp, nhóm</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>+ Bằng bài viết nộp tại lớp thảo luận</p>

	4.3.5 Focusing on High-Frequency words 4.3.6 Making connections 4.4 Part 4: Focus on Testing			
LT+ TH : 8 tiết	<b>Chương 5 Entertainment and the Media</b> <b>Nội dung:</b> 5.1. Part 1: <b>How the visual media affect people</b> 5.1.1. Previewing the topic 5.1.2. Predicting 5.1.3. Previewing Vocabulary 5.1.4. Reading an article 5.1.5. Recognizing reading structure: Using an outline 5.1.6. Understanding the point and recognizing supporting details 5.1.7 Discussing the reading 5.2 Part 2: Media stories 5.2.1 Previewing Vocabulary 5.2.2 Classifying stories and putting events in order 5.2.3 Finding the main idea 5.2.4 Summarizing a story 5.2.5 Discussing the reading 5.2.6 Talking it over 5.3 Part 3: Vocabulary and Language Learning Skills 5.3.1 Understanding new vocabulary from context 5.3.2 Practicing more word endings 5.3.3 Choosing from word families 5.3.4 Focusing on High-Frequency words 5.3.5 Making connections 5.4 Part 4: Focus on Testing	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. - Thảo luận theo cặp, nhóm <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	+ Bằng bài viết nộp tại lớp thảo luận
1 tiết	<b>Kiểm tra</b>			

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Elaine Kirn & Pamela Hartmann (2006). Interactions 1 Reading - Silver Edition, Mc Graw Hill.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Cambridge (2019). B1 Preliminary 1 - with answers - Authentic practice tests, Cambridge University Press.

[3] Cambridge (2007) Preliminary English Test 1-5, Cambridge University Press

[4] Cambridge University Press (2011). *First Certificate in English (1-2)*

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	20%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	50%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4

Ngày ... tháng ... năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Cù Thị Ngọc Hoa

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG ANH 1**  
**Mã học phần: FL213640**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Tiếng Anh tổng quát 4 (FL213604)

Học phần song hành: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hồ Ngọc Đoan Thư; Số điện thoại 0914248778;

Email: [hndthu@ttn.edu.vn](mailto:hndthu@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Lê Thanh Tú; Số điện thoại: 0905721183;

Email: [tlttu@ttn.edu.vn](mailto:tlttu@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Viết Tiếng Anh 1 là học phần đầu tiên trong bốn học phần viết để phát triển kỹ năng viết cho sinh viên năm thứ 1 chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Viết Tiếng Anh 1 giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết để đạt năng lực ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. (như: viết các loại câu khác nhau, bằng Tiếng Anh về một số chủ đề quen thuộc, tìm hiểu các lỗi thường gặp trong câu để tránh mắc những lỗi này khi viết câu).

Ngoài ra học phần Viết Tiếng Anh 1 còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Viết 1 sẽ:*

MT1: trang bị cho người học tiếng Anh cách nhận biết cấu trúc các loại mệnh đề, các loại câu khác nhau trong Tiếng Anh

MT2: trang bị cho người học tiếng Anh các cách nhận biết cấu trúc câu song song, những lỗi thường gặp khi viết câu và cách sửa những lỗi này

MT3: hướng dẫn người học viết những bài đơn giản bằng Tiếng Anh, có tính liên kết về một số chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Viết 1, người học có khả năng:*

H1: xác định được các loại mệnh đề, các loại câu khác nhau trong Tiếng Anh

H2: xác định và viết được những câu có cấu trúc câu song song; nhận biết chính xác và sửa được những lỗi thường gặp khi viết câu

H3: viết được những bài đơn giản bằng Tiếng Anh, có tính liên kết về một số chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.

H4. thảo luận, phát biểu và đưa ra các quan điểm cá nhân/ nhóm về các vấn đề liên quan đến viết câu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và ý thức kỷ luật cao.

H5. nhận thức đúng về môn học, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, ý thức đóng góp cho sự phát triển của môn học

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5	x	

4. Cấu trúc học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1: Clauses</b> - Independent clauses - Dependent clauses - Clauses connectors	LT: 4 BT: 3	[1] trang 170-171
2	<b>Chương 2: Simple Sentences</b> - Simple sentences with one subject and one verb. - Simple sentences with one subject and two verbs - Simple sentences with two subjects and one verb - Simple sentences with two subjects and two verbs	LT: 4 BT: 4	[1] trang 173
3	<b>Chương 3: Compound Sentences</b> - Compound Sentences with Coordinators - Compound Sentences with Conjunctive Adverbs - Compound Sentences with Semicolons	LT: 4 BT: 4	[1] trang 173
	<b>Chương 4: Complex Sentences and Compound-Complex Sentences</b> - Complex sentences - Dependent clauses + Adverb Clauses + Adjective Clauses + Noun Clauses - Compound-Complex Sentences	LT: 4 BT: 4	[1] trang 178-180
	<b>Chương 5: Parallelism and Sentence Problems</b> - Parallelism - Sentence Fragments + Choppy Sentences + Run-on Sentences and Comma Splices + Stringy Sentences	LT: 4 BT: 4	[1] trang 184-193

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
----------------------	----------	-----------------------	----------------------	--------------



<p>LT + TH: 7 tiết</p>	<p><b>Chương 1: Clauses</b> <b>Nội dung:</b> - <b>Independent clauses</b> - <b>Dependent clauses</b> - <b>Connectors</b></p>	<p>H1 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: independent clauses, dependent clauses, connectors <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>Bài đánh giá: + practice 1 (luyện tập trong tài liệu tham khảo) - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết cá nhân nộp tại lớp + Bảng bài báo cáo của nhóm trước lớp</p>
<p>LT + TH: 8 tiết</p>	<p><b>Chương 2: Simple Sentences</b> - Simple sentences with one subject and one verb. - Simple sentences with one subject and two verbs - Simple sentences with two subjects and one verb - Simple sentences with two subjects and two verbs.</p>	<p>H1 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: simple sentences <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>Bài đánh giá: + practices (luyện tập trong tài liệu tham khảo) - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết cá nhân nộp tại lớp + Bảng bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết cá nhân nộp qua email</p>
<p>LT + TH: 8 tiết</p>	<p><b>Chương 3: Compound Sentences</b> - Compound Sentences with Coordinators - Compound Sentences with Conjunctive Adverbs - Compound</p>	<p>H1 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Compound</p>	<p>Bài đánh giá: + practices (luyện tập trong tài liệu tham khảo) - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết cá nhân nộp tại lớp + Bảng bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết cá nhân</p>

	Sentences with Semicolons		Sentences with Coordinators, Compound Sentences with Conjunctive Adverbs, Compound Sentences with Semicolons <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> -Giảng đường	nộp qua email
LT + TH : 8 tiết	<b>Chương 4: Complex Sentences and Compound-Complex Sentences</b> -Complex sentences -Dependent clauses + Adverb Clauses + Adjective Clauses +	H1 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Adverb Clauses, Adjective Clauses, Noun Clauses <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> -Giảng đường	Bài đánh giá: + practices (luyện tập trong tài liệu tham khảo) -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bằng bài viết cá nhân nộp tại lớp + Bằng bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết cá nhân nộp qua email
LT+TH:8 tiết	<b>Chương 5: Parallelism and Sentence Problems</b> + Parallelism +Sentence Fragments +Choppy Sentences +Run-on Sentences and Comma Splices +Stringy Sentences	H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Parallelism +Sentence Fragments	Bài đánh giá: + practices (luyện tập trong tài liệu tham khảo) -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bằng bài viết cá nhân nộp tại lớp + Bằng bài báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết cá nhân nộp qua email

			+Choppy Sentences +Run-on Sentences and Comma Splices +Stringy Sentences <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> -Giảng đường	
--	--	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Alice Oshima & Ann Hogue (2007). *Introduction to Academic Writing*, Pearson

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Zemach, Dorothy E & Rumisek, Lisa A (2005). *Academic Writing – From Paragraph*

*to Essay*, Macmillan Publishers Limited, Oxford.

[3] Pavlik, C. & Keenan Segal, M. (2009). *Interaction Writing 2*, McGraw-Hill Education

Asia, Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận, thực hành nhóm
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4 H5	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm nhóm của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	25%

3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ThS. Trần Lê Thanh Tú**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIẾNG ANH 2**  
**Mã học phần: FL213611**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học trước: Nghe tiếng Anh 1

Học phần song hành: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thiện Khoa; Số điện thoại: 0983146976

Email: thienkhoa@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Hoàng Khánh Bảo; Số điện thoại: 0903 519 558

Email: khanhbaohoang@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Nghe Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong ba học phần Nghe để phát triển kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Nghe Tiếng Anh 2 giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe hiểu và nghe lấy ý chính từ các bài nói về những chủ đề quen thuộc (ăn uống, mua sắm, sở thích cá nhân) cho tới những chủ đề phức tạp hơn (du lịch, hẹn hò, nghe tin tức, giải trí). Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học luyện tập kỹ năng theo dõi các bài nói dài có lập luận phức tạp về những chủ đề đơn giản.

Ngoài ra, học phần này còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Nghe Tiếng Anh 2 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học nguồn từ vựng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề như ăn uống, mua sắm, sở thích, du lịch, hẹn hò, tin tức và giải trí trên truyền hình và đài phát thanh.

MT2. cung cấp cho người học nhiều dạng bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như đàm thoại, tin nhắn, thông báo, hướng dẫn, thông tin trên đài phát thanh và truyền hình.

MT3. trang bị cho người học kỹ năng nghe hiểu về các chủ đề quen thuộc và không quen thuộc

MT4. trang bị cho người học kỹ năng nghe hiểu ý chính của các bài nói phức tạp về cả nội dung và ngôn ngữ

MT5. trang bị cho người học kỹ năng nghe theo dõi các bài nói dài có lập luận phức tạp về các chủ đề quen thuộc

MT6. hướng dẫn cho người học các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Nghe Tiếng Anh 2, người học có khả năng:*

H1. nắm được nguồn từ vựng tiếng Anh về các chủ đề như ăn uống, mua sắm, sở thích, du lịch, hẹn hò, tin tức và giải trí trên truyền hình và đài phát thanh cũng như cấu trúc nhiều bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như đàm thoại, tin nhắn, thông báo, hướng dẫn, thông tin trên đài phát thanh và truyền hình

H2. theo dõi và hiểu được các hội thoại hay độc thoại của người bản xứ

H3. theo dõi và hiểu được các ý chính trong các bài nói có sử dụng ngôn ngữ hay ý tưởng phức tạp

H4. hiểu các thông báo và tin nhắn về các đề tài được diễn đạt với tốc độ bình thường

H5. hiểu được các văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn trong đời sống xã hội

H6. vận dụng được kỹ năng thuyết trình và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh

H7. nhận thức đúng về kỹ năng nghe. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường, có thái độ tích cực khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6		x
H7	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Party Talk</b> 1.1. What's going on? 1.2. Do I know you? 1.3. What's your name? 1.4. What do you do? 1.5. New friends 1.6. Train your ear 1.7. Identifying names and occupations in short conversations	LT: 2 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 9 - 11 [2] , [3]
2	<b>Chương 2. Weekend at home</b> 2.1. What's going on? 2.2. Who's related to whom? 2.3. Why can't you come? 2.4. Train your ear 2.5. Can you pick something up for me? 2.6. Dinner time 2.7. Identifying reasons in short conversations	LT: 2 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 12- 15 [2] [3]
3	<b>Chương 3. You haven't changed a bit</b> 3.1. What's going on? 3.2. Same or different? 3.3. Train your ear 3.4. What kind of person? 3.5. Now and then 3.6. How old are you 3.7. Identifying people and characteristics in short conversations	LT: 2 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 16 - 19 [2] , [3]
4	<b>Chương 4. Pen pals and keypals</b> 4.1. What's going on? 4.2. Email or snail mail?	LT: 2 tiết TH: 2 tiết	[1] pages 20 - 23 [2] , [3]

	<p>4.3. Where do they live?  4.4. What are you up to?  4.5. Train your ear  4.6. You are what you write  4.7. Identifying place and time in short conversations</p>		
5	<p><b>Chương 5. Let's get something to eat</b>  5.1. What's going on?  5.2. Where do you want to go?  5.3. What do you feel like eating?  5.4. What's the bill?  5.5. Train your ear  5.6. Where can we eat?  5.7. Identifying locations in talks</p>	<p>LT: 2 tiết  TH: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 26 - 29  [2], [3]</p>
6	<p><b>Chương 6. Let's party</b>  6.1. What's going on?  6.2. What's left to do?  6.3. Train your ear  6.4. Oops!  6.5. Change the CD!  6.6. Party date  6.7. Identifying action and sequences in talks</p>	<p>LT: 2 tiết  TH: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 30 - 33  [2], [3]</p>
7	<p><b>Chương 7. Sightseeing</b>  7.1. What's going on?  7.2. Where will they go?  7.3. Train your ear  7.4. Where shall we go?  7.5. Special events  7.6. What did they like best?  7.7. Identifying preferences in talks</p>	<p>LT: 2 tiết  TH: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 34 - 37  [2], [3]</p>
8	<p><b>Chương 8. You're the one for me</b>  8.1. What's going on?  8.2. What's most important?  8.3. Blind date  8.4. Train your ear  8.5. Lonely hearts club  8.6. How did you two first met?  8.7. Identifying preferences in talks</p>	<p>LT: 2 tiết  BT: 1 tiết</p>	<p>[1] pages 38 - 41  [2], [3]</p>
9	<p><b>Chương 9. Travelling online</b>  9.1. What's going on?  9.2. Which site do I search?  9.3. The forecast  9.4. Sightseeing  9.5. Train your ear  9.6. What room did you book?  9.7. Identifying activities and places in announcements and instructions</p>	<p>LT: 2 tiết  TH: 1 tiết</p>	<p>[1] pages 44 - 47  [2], [3]</p>
10	<p><b>Chương 10. Checking in</b>  10.1. What's going on?  10.2. Who said that?  10.3. Train your ears</p>	<p>LT: 2 tiết  TH: 1 tiết</p>	<p>[1] pages 48 - 51  [2], [3]</p>

	10.4. Is this bag yours? 10.5. Arrivals and departures 10.6. Gossips 10.7. Identifying speakers and activities in announcements and instructions		
11	<b>Chương 11. When are you free?</b> 11.1. What's going on? 11.2. What do you see? 11.3. Train your ear 11.4. Carlos' week 11.5. Changed appointments 11.6. A busy day 11.7. Identifying sequences of activities in announcements and instructions	LT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] pages 52 - 55 [2] ,[3]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 1. Party Talk</b> 1.1. What's going on? 1.2. Do I know you? 1.3. What's your name? 1.4. What do you do? 1.5. New friends 1.6. Train your ear 1.7. Identifying names and occupations in short conversations	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: names and occupations <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (names and occupations) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 2 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 2. Weekend at home</b> 2.1. What's going on? 2.2. Who's related to whom? 2.3. Why can't you come? 2.4. Train your ear 2.5. Can you pick something up for me?	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Bài đánh giá Test yourself (reasons) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp



	2.6. Dinner time 2.7. Identifying reasons in short conversations		- Thảo luận nhóm: reasons, time, and days <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 3 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 3. You haven't changed a bit</b> 3.1. What's going on? 3.2. Same or different? 3.3. Train your ear 3.4. What kind of person? 3.5. Now and then 3.6. How old are you 3.7. Identifying people and characteristics in short conversations	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: people and characteristics <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (people and characteristics) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 4 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 4. Pen pals and keypals</b> 4.1. What's going on? 4.2. Email or snail mail? 4.3. Where do they live? 4.4. What are you up to? 4.5. Train your ear 4.6. You are what you write 4.7. Identifying place and time in short conversations	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: country, language, people, place and time	- Bài đánh giá Test yourself (people, place and time) Review 1 - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

			<b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 5 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 5. Let's get something to eat</b> 5.1. What's going on? 5.2. Where do you want to go? 5.3. What do you feel like eating? 5.4. What's the bill? 5.5. Train your ear 5.6. Where can we eat? 5.7. Identifying locations in talks	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: food, restaurants, and location <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (food, restaurants, and location) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 6 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 6. Let's party</b> 6.1. What's going on? 6.2. What's left to do? 6.3. Train your ear 6.4. Oops! 6.5. Change the CD! 6.6. Party date 6.7. Identifying action and sequences in talks	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: actions, sequences, time and date <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu	- Bài đánh giá Test yourself (action and sequences) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 7 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 7. Sightseeing</b> 7.1. What's going on? 7.2. Where will they go? 7.3. Train your ear 7.4. Where shall we go? 7.5. Special events 7.6. What did they like best? 7.7. Identifying preferences in talks	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: places and events, transports, preferences <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (preferences) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 8 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 8. You're the one for me</b> 8.1. What's going on? 8.2. What's most important? 8.3. Blind date 8.4. Train your ear 8.5. Lonely hearts club 8.6. How did you two first met? 8.7. Identifying preferences in talks	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: characteristics, preferences <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép	- Bài đánh giá Test yourself (preferences) Review 2 - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 9 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 9. Planning Your Day</b> 9.1. What's going on? 9.2. Which site do I search? 9.3. The forecast 9.4. Sightseeing 9.5. Train your ear 9.6. What room did you book? 9.7. Identifying activities and places in announcements and instructions	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: weather, activities, and places <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (activities and places) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 10 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 10. Free Time</b> 10.1. What's going on? 10.2. Who said that? 10.3. Train your ears 10.4. Is this bag yours? 10.5. Arrivals and departures 10.6. Gossips 10.7. Identifying speakers and activities in announcements and instructions	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: objects and numbers, speakers and activities <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận	- Bài đánh giá Test yourself (speakers and activities) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

			- Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 11 Số tiết: 2 (LT + TH)	<b>Chương 11. When are you free?</b> 11.1. What's going on? 11.2. What do you see? 11.3. Train your ear 11.4. Carlos' week 11.5. Changed appointments 11.6. A busy day 11.7. Identifying sequences of activities in announcements and instructions	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: times and dates, sequence of activities <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (sequences of activities) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Lin Lougheed (2015). *Learning To Listen 3*. Macmillan

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] New Oriental Education & Technology Group IELTS Research (2018). *Lessons for IELTS*. Nhà Xuất Bản Tổng hợp TP.HCM

[3] Guy Brook Hart, Vanessa Jakeman & David Jay (2012). *Complete IELTS Bands 5-6.5*. Cambridge University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá	Đánh giá mức độ tích cực	Phương pháp đánh giá thông	H7	20%

	chuyên cần	học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.		
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua đánh giá bài làm của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Nguyễn Thiện Khoa

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NÓI TIẾNG ANH 2**  
**Mã học phần: FL213621**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Nói Tiếng Anh 1

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đoàn Thị Dung; Số điện thoại: 0934479479;

Email: [doandung@ttn.edu.vn](mailto:doandung@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Phạm Thị Thanh Huệ; Số điện thoại: 0986222257

Email: [ptthue@ttn.edu.vn](mailto:ptthue@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Nói Tiếng Anh 2 là học phần thứ 2 trong tổng số 4 học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm phát triển kỹ năng Nói tiếng Anh cho sinh viên chuyên ngành sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh thuộc các chủ đề cụ thể và trừu tượng bao gồm: các sự kiện trong tương lai (future events), máy tính và công nghệ (computers and technology), các tình huống tưởng tượng (imaginary situations), thời tiết và các vấn đề môi trường (weather and environmental issues), y tế và các vấn đề về y tế, sức khỏe (health and medical problems), các phương thức liên lạc (contacting people), công việc và sự nghiệp (jobs and career), hy vọng và ước mơ (dreams and hopes).

Ngoài ra, học phần còn giúp người học phát triển các kỹ năng nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác; đồng thời có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Nói tiếng Anh 2 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học kiến thức từ vựng và ngữ pháp cần thiết để phát triển kỹ năng nói cho từng chủ đề cụ thể, phù hợp với cách diễn đạt của người bản ngữ bao gồm: các sự kiện trong tương lai (future events), máy tính và công nghệ (computers and technology), các tình huống tưởng tượng (imaginary situations), thời tiết và các vấn đề môi trường (weather and environmental issues), y tế và các vấn đề về y tế, sức khỏe (health and medical problems), các phương thức liên lạc (contacting people), công việc và sự nghiệp (jobs and career), hy vọng và ước mơ (dreams and hopes).

MT2. trang bị và tăng cường các kỹ năng nói Tiếng Anh cho người học để có thể diễn giải quan điểm cá nhân, giải thích và miêu tả rõ ràng các trải nghiệm cá nhân, cảm xúc, quan điểm hay lý do khi giải quyết các vấn đề thuộc các chủ đề cụ thể, quen thuộc và trừu tượng mang tính giả định.

MT3. giúp người học phát triển các kỹ năng sử dụng hiệu quả công nghệ và mạng trực tuyến để hỗ trợ việc thực hành và các hoạt động tự học khác ngoài lớp học.

MT4. giúp người học có thái độ học tập phù hợp: tích cực và chủ động tham gia các hoạt động được tổ chức trong lớp học; có ý thức tự rèn luyện và sử dụng hiệu quả các nguồn tài liệu có sẵn trực tuyến khác để hỗ trợ việc tự học ở nhà để phát triển kỹ năng Nói tiếng Anh; đồng thời tăng cường kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm thông qua các hoạt động thực hành và kiểm tra.

### 3.2. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi học xong học phần *Nói tiếng Anh 2*, người học:

H1. nắm vững và vận dụng được nhóm từ vựng thuộc chủ đề cụ thể và trừu tượng bao gồm: các sự kiện trong tương lai (future events), máy tính và công nghệ (computers and technology), các tình huống tưởng tượng (imaginary situations), thời tiết và các vấn đề môi trường (weather and environmental issues), y tế và các vấn đề về y tế, sức khỏe (health and medical problems), các phương thức liên lạc (contacting people), công việc và sự nghiệp (jobs and career), hy vọng và ước mơ (dreams and hopes) phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp và văn hoá của người bản địa.

H2. nắm vững và vận dụng hiệu quả các kiến thức ngữ pháp cần thiết để có thể trình bày hiệu quả, trôi chảy, mạch lạc về các chủ đề nói trên.

H3. có kỹ năng giao tiếp độc lập về nhiều chủ đề từ cụ thể, quen thuộc đến các chủ đề mang tính trừu tượng và giả định, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác; đồng thời có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp.

H4. có kỹ năng sử dụng các thiết bị công nghệ và mạng trực tuyến một cách hiệu quả để hoàn thành các nhiệm vụ học tập và các hoạt động tự học khác.

H5. có thể tự đánh giá năng lực cá nhân đồng thời tăng cường năng lực giải quyết vấn đề và phát triển năng lực làm việc nhóm, phát triển kỹ năng thuyết trình đồng thời có khả năng tự rèn luyện, tự học tập và trau dồi kiến thức, kỹ năng mềm khác thông qua các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5	x	

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Decisions and choices</b> <b>Nội dung:</b> 1.1. Make up your mind 1.2. Fear of failure 1.3 Touch wood 1.4 The village festival	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Unit 6 (A,B,C,D) (trang 46-53)
2	<b>Chương 2. Technology</b> <b>Nội dung:</b> 2.1. Have a go! 2.2. What would you do? 2.3 Social networking 2.4 What's the password?	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Unit 7 (A,B,C,D) (trang 54-61)
3	<b>Chương 3. One world</b> <b>Nội dung:</b> 3.1. Angry planet	LT: 3 tiết TH: 3 tiết	[1] Unit 8 (A,B,C,D) (trang 62-69)



	3.2. Recycle! 3.3 Dangers at sea 3.4 A hiking trip		
4	<b>Chương 4. Look after yourself</b> <b>Nội dung:</b> 4.1. Get healthy! 4.2. Good news, bad news 4.3 Human behaviour 4.4 At the doctor's	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Unit 9 (A,B,C,D) (trang 70-77)
5	<b>Chương 5. Happy ever after?</b> <b>Nội dung:</b> 5.1. The anniversary 5.2. Who's that? 5.3 I do! 5.4 Do you mind if I ...?	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Unit 10 (A,B,C,D) (trang 78-85)
6	<b>Chương 6. All part of the job</b> <b>Nội dung:</b> 6.1. Any messages? 6.2. How did it go? 6.3 Undercover 6.4 It's my first day	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Unit 11 (A,B,C,D) (trang 86-93)
7	<b>Chương 7. Real or imaginary</b> <b>Nội dung:</b> 6.1. I wish! 6.2. Important moments 6.3 Superheroes	LT: 3 tiết BT: 3 tiết	[1] Unit 12 (A,B,C,D) (trang 94-100)
8	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	TH: 2 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 5 (LT: 3, TH: 2)	<b>Chương 1. Decisions and choices</b> 1.1. Make up your mind 1.2. Fear of failure 1.3 Touch wood 1.4 The village festival	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận cặp: các cụm từ sử dụng với 'make' và 'do'; các cặp từ đồng nghĩa và từ vựng thuộc chủ đề 'superstitions' - Thảo luận nhóm: ôn tập cách sử dụng câu điều kiện loại 0 và 1, mệnh đề chỉ thời gian ở tương lai - Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (superstitions, future events). <b>Yêu cầu sinh viên:</b>	- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.  -Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.  Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.

			<p>Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	
Số tiết: 5 (LT: 3, TH: 2)	<p><b>Chương 2. Technology</b></p> <p>2.1. Have a go!</p> <p>2.2. What would you do?</p> <p>2.3 Social networking</p> <p>2.4 What's the password?</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận cặp: từ vựng thuộc chủ đề 'technology', 'computers', 'electrical equipment'; ôn tập về mạo từ; chiến thuật về phép lịch sự khi đặt câu hỏi.</li> <li>- Thảo luận nhóm: cách sử dụng các cụm từ chỉ năng lực (ability); ôn tập sử dụng câu điều kiện loại 2.</li> <li>- Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (technology, computers, electrical equipment).</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.</p> <p>-Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.</p> <p>Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 6 (LT: 3, TH: 3)	<p><b>Chương 3. One world</b></p> <p>3.1. Angry planet</p> <p>3.2. Recycle!</p> <p>3.3 Dangers at sea</p> <p>3.4 A hiking trip</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận cặp: từ vựng thuộc chủ đề thời tiết và các vấn đề môi trường (weather and environmental issues); cách hình thành từ (word formation) sử dụng tiền tố và hậu tố (prefix and suffix).</li> <li>- Thảo luận nhóm: ôn tập câu bị động, từ chỉ định lượng; chiến thuật khi xin và cho lời khuyên</li> </ul>	<p>- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.</p> <p>-Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.</p> <p>Giảng viên đánh giá</p>

			<p>- Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (weather, environmental issues).</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 5 (LT: 3, TH: 2)	<b>Chương 4. Look after yourself</b> 4.1. Get healthy! 4.2. Good news, bad news 4.3 Human behaviour 4.4 At the doctor's	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận cặp: từ vựng thuộc chủ đề y tế/sức khỏe và các vấn đề về sức khỏe (health and health problems), từ nối (linking words). - Thảo luận nhóm: ôn tập mệnh đề quan hệ, thể chủ động và bị động thì Hiện tại hoàn thành. - Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (health, health problems).</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.</p> <p>-Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.</p> <p>Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 5 (LT: 3, TH: 2)	<b>Chương 5. Happy ever after?</b> 5.1. The anniversary 5.2. Who's that? 5.3 I do! 5.4 Do you mind if I ...?	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận cặp: từ vựng thuộc chủ đề các phương thức liên lạc (contacting people), miêu tả người (describing people), cụm động từ (phrasal verbs). - Thảo luận nhóm: phân biệt sử dụng 'be going to' và 'be supposed to'; sử dụng động từ</p>	<p>- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.</p> <p>-Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.</p>

			<p>khiểm khuyết để suy luận (make deduction with modal verbs); cách xin phép, cho phép hoặc từ chối cho phép người khác làm gì.</p> <p>- Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (contacting people, describing people).</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 5 (LT: 3, TH: 2)	<p><b>Chương 6. All part of the job</b></p> <p>6.1. Any messages?</p> <p>6.2. How did it go?</p> <p>6.3 Undercover</p> <p>6.4 It's my first day</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận cặp: từ vựng thuộc chủ đề công việc/ sự nghiệp (jobs/career), động từ tường thuật.</p> <p>- Thảo luận nhóm: ôn tập câu tường thuật.</p> <p>- Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (jobs/career).</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.</p> <p>-Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.</p> <p>Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 6 (LT: 3, TH: 3)	<p><b>Chương 7. Real or imaginary</b></p> <p>6.1. I wish!</p> <p>6.2. Important moments</p> <p>6.3 Superheroes</p>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận cặp: từ vựng thuộc chủ đề các tình huống có thật và giả định (real and imaginary situations); các cụm từ dùng với</p>	<p>- Bài thuyết trình cá nhân về 1 chủ đề đã thực hành trên lớp.</p> <p>-Hình thức đánh giá của bài: Sinh viên nộp video thuyết trình qua ứng dụng FlipGrid và nhận xét bài nói</p>

			<p>‘get’; và cách hình thành từ theo gia đình từ (word family).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm: ôn tập câu ước, câu điều kiện loại 3.</li> <li>- Thực hành cặp: hỏi và trả lời câu hỏi, xây dựng sơ đồ tư duy cho chủ đề được chỉ định (real and imaginary situations).</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Ghi chép, chủ động tham gia các hoạt động cặp và nhóm theo yêu cầu của giáo viên và trình bày trước lớp khi được yêu cầu.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>của sinh viên khác trong lớp sử dụng các tiêu chí đánh giá kỹ năng Nói.</p> <p>Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 2 (LT: 0, TH: 2)	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần.</li> <li>- Sinh viên đặt câu hỏi về nội dung khoá học (nếu có)</li> <li>-Giảng viên giải đáp và cùng thảo luận về các vấn đề thắc mắc (nếu có).</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình về 1 chủ đề đã học được chỉ định ngẫu nhiên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét và chấm điểm bài nói của sinh viên.</li> </ul>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Redston, C. & Cunningham, G. (2013). *Face2Face Intermediate Student's Book*. Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Tims, N., Redston, C. & Cunningham, G. (2013). *Face2Face Intermediate Workbook*. Cambridge University Press.

[3] Jones, L. (2008). *Let's Talk 3 (Second Edition)*. Cambridge University Press.

[4] Pelteret, C. (2012). *Speaking B1+ Intermediate*. Collins English for Life.

[5] Tài liệu phát tay, các video trên mạng trực tuyến (Youtube, TED talks, ....) theo gợi ý của giáo viên.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự luyện tập thêm.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động thảo luận và thực hành trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5	20%
2	Bài tập cá nhân định kỳ	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua bài đánh giá (video + nhận xét) của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	40%
3	Bài kiểm tra	Đánh giá trực tiếp mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Đồng thời, giúp sinh viên tổng kết những điểm mạnh và điểm yếu cần khắc phục để đạt được mục tiêu của môn học.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên. Mục đích của việc đánh giá tập trung chủ yếu vào kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng Nói tiếng Anh của sinh viên khi trình bày một cách độc lập về một chủ đề cụ thể.	Phương pháp đánh giá: Thi vấn đáp	H1 H2 H3 H4 H5

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Đoàn Thị Dung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC TIẾNG ANH 2**  
**Mã học phần: FL213631**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: Đọc tiếng Anh 1- FL213630

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Thân Thị Hiền Giang; Số điện thoại: 0917297676

Email: thanthihiengiang@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Cù Thị Ngọc Hoa; Số điện thoại: 0905421084

Email: ctnhoa@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Đọc Tiếng Anh 2 là học phần thứ hai trong bốn học phần Đọc để phát triển kỹ năng đọc hiểu cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngành Tiếng Anh của trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trên trung cấp. Ở học phần này, sinh viên sẽ tiếp cận những bài đọc dài hơn và mức độ từ vựng khó hơn, với các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hóa, khoa học và xã hội như: Giáo dục, Cuộc sống đô thị, Kinh doanh và tiền tệ, Phong cách sống của một số quốc gia trên TG, Sự kết nối toàn cầu. Sinh viên sẽ luyện tập để củng cố và phát triển khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh thông qua các tiêu kỹ năng như: Đọc lướt để tìm ý chính và xác định cấu trúc của bài (Skimming for main idea and recognizing reading structures), Đọc để tìm ý chi tiết của bài (Scanning for details of a paragraph or a passage), Đoán nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh của bài đọc (Guessing word meanings from contexts), Tóm tắt nội dung của bài đọc (Summary), Thảo luận và trình bày quan điểm (Discussions and presentations), Đánh giá (Assessment). Đồng thời, các sinh viên còn được phát triển những kỹ năng đọc hiểu mới như: Phân biệt ý chủ quan và khách quan, nhận biết được hàm ý của tác giả (suy luận).

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Đọc 2 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hoá, khoa học và xã hội như Giáo dục, Cuộc sống đô thị, Kinh doanh và tiền tệ, Phong cách sống của một số quốc gia trên TG, Sự kết nối toàn cầu.

MT2. cung cấp cho người học các bài đọc về các chủ đề khác nhau trong cuộc sống

MT3. hướng dẫn cho người học các kỹ năng đọc lấy thông tin chi tiết và đọc lấy thông tin tổng quát, suy luận, đoán từ vựng theo ngữ cảnh.

MT4. hướng dẫn cho người học cách xác định được các ý chính trong từng đoạn văn; xác định được các ý phụ quan trọng; xác định được hàm ý của tác giả từ đó có thể viết được tóm tắt cho đoạn văn đó.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Đọc 2, người học có khả năng:*

H1. xác định được chủ đề, ý chính, các thông tin chi tiết quan trọng trong các bài đọc tiếng Anh liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hóa, khoa học và xã hội

H2. nắm bắt được cách đoán từ vựng theo ngữ cảnh.

H3. nắm bắt được cách xác định hàm ý của tác giả muốn truyền tải.

H4. hiểu nội dung chính các tài liệu chuyên biệt về ngôn ngữ, tư duy trừu tượng, khoa học tự nhiên và thẩm mỹ; và có khả năng diễn đạt, trao đổi thông tin về các vấn đề này

H5. được trang bị các kỹ năng đọc tiếng Anh ở cấp độ trên trung cấp như đọc lấy thông tin chi tiết, đọc lấy thông tin tổng quát, đoán nghĩa từ mới dựa vào ngữ cảnh, suy luận, viết tóm tắt.

H6. có nhận thức đúng về kỹ năng đọc, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng đọc hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Người học tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1: Education and Student life</b> Part 1: Education: A reflection of Society 1. Previewing the topic 2. Previewing vocabulary the Getting meaning from context 3. Reading an article 4. Identifying idea 5. Understanding reading structure 6. Checking your vocabulary 7. Organizing information: Using a main T-chart 8. Discussing the reading	Lý thuyết: 3 tiết	(1) Pages 4-11
2	<b>Chương 1: Education and Student life</b> Part 2: Campus Life is Changing 1. Skimming for the topic and the main idea 2. Understanding pronoun reference 3. Discussing the reading 4. Summarizing 5. Writing your own ideas 6. Identifying politically correct words and phrases	Lý thuyết: 2 tiết	(1) Pages 12-17
3	<b>Chương 1: Education and Student life</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skills 1. Focusing on words from the academic word list 2. Recognizing word meanings 3. Words in phrases 4. Searching the internet 5. Practice 6. Self-Assessment Log	Thực hành: 3 tiết	(1) Pages 17-21
4	<b>Chương 2: City Life</b> Part 1: A City That's Doing Something Right 1. Previewing the topic 2. Thinking ahead	Lý thuyết: 2 tiết	(1) Pages 22-32



	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Previewing vocabulary</li> <li>4. Getting meaning from context</li> <li>5. Reading an article</li> <li>6. Identifying the main idea</li> <li>7. Identifying supporting details</li> <li>8. Understanding Italics</li> <li>9. Understanding contrast</li> <li>10. Making Inferences</li> </ol>		
5	<b>Chương 2: City Life</b> Part 2: Sick-Building Syndrome <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Making predictions</li> <li>2. Skimming for main ideas</li> <li>3. Checking your answers</li> <li>4. Understanding pronoun reference</li> <li>5. Discussing the reading</li> <li>6. Summarizing</li> <li>7. Writing your own ideas</li> <li>8. Interviewing</li> </ol>	Lý thuyết: 2 tiết	( 1) Pages 32-38
6	<b>Chương 2: City Life</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skill <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Focusing on words from the academic word list</li> <li>2. Understand parts of speech</li> <li>3. Looking up parts of speech</li> <li>4. Practice</li> <li>5. Self-Assessment Log</li> </ol>	Thực hành: 3 tiết	( 1) Pages 38-45
7	<b>Chương 3: Business and Money</b> Part 1: Banking on Poor Women <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Previewing the topic</li> <li>2. Thinking ahead</li> <li>3. Previewing vocabulary</li> <li>4. Getting meaning from context</li> <li>5. Recognizing synonyms</li> <li>6. Using parts of speech to understanding vocabulary</li> <li>7. Reading an article</li> <li>8. Organizing ideas using a Venn diagram</li> <li>9. Checking comprehension: Identifying details</li> <li>10. Critical thinking: making inferences</li> <li>11. Discussing the reading</li> </ol>	Lý thuyết: 2 tiết Thực hành: 1 tiết	( 1) Pages 48-56
8	<b>Chương 3: Business and Money</b> Part 2: Consumerism and the Human Brain <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Previewing the topic</li> <li>2. Identifying the topic and main ideas</li> <li>3. Understanding pronoun reference</li> <li>4. Discussing the reading</li> <li>5. Summarizing</li> <li>6. Responding in writing</li> <li>7. Discussing advertisement</li> </ol>	Lý thuyết: 2 tiết Thực hành: 1 tiết	( 1) Pages 57-62
9	<b>Chương 3: Business and Money</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skill <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Recognizing word meanings</li> <li>2. Focusing on words from the Academic word list</li> </ol>	Thực hành: 2 tiết	( 1) Pages 62-69

	<ol style="list-style-type: none"> <li>3. Understanding parts of speech: suffixes</li> <li>4. Understanding parts of speech: changing the suffix</li> <li>5. Paying attention to phrases</li> <li>6. Noticing words in phrases</li> <li>7. Searching the internet</li> <li>8. Practice</li> <li>9. Self-Assessment log</li> </ol>		
10	<p><b>Chương 4: Lifestyles around the World</b> Part 1: Trendspotting</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Previewing the topic</li> <li>2. Previewing Vocabulary</li> <li>3. Previewing the reading</li> <li>4. Reading an article</li> <li>5. Finding the main ideas</li> <li>6. Identifying the main idea in paragraphs</li> <li>7. Checking your understanding</li> <li>8. Getting meaning from context: Vocabulary check</li> <li>9. Finding details</li> <li>10. Discussing the reading</li> </ol>	Lý thuyết: 2 tiết Thực hành: 1 tiết	( 1) Pages 94-100
11	<p><b>Chương 4: Lifestyles around the World</b> Part 2: Fads and Trends in the 21<sup>st</sup> Century</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thinking ahead</li> <li>2. Reading: Marking text when you read</li> <li>3. Checking your answers</li> <li>4. Studying for exams: Organizing information</li> <li>5. Discussing the Reading</li> <li>6. Summarizing</li> <li>7. Writing your own summary</li> <li>8. Responding in writing</li> <li>9. Reality TV: What do you think?</li> </ol>	Lý thuyết: 2 tiết Thực hành: 1 tiết	( 1) Pages 100-106
12	<p><b>Chương 4: Lifestyles around the World</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skill</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Building Vocabulary and Study Skill</li> <li>2. Analysing Suffixes</li> <li>3. Analysing Prefixes</li> <li>4. Matching words</li> <li>5. Understanding dictionary entries: Single meanings</li> <li>6. Understanding dictionary entries: Multiple meanings</li> <li>7. Dictionary practice</li> <li>8. Practice</li> <li>9. Self-Assessment Log</li> </ol>	Thực hành: 2 tiết	( 1) Pages 107-115
13	<p><b>Chương 5: Global Connections</b> Part 1: Global Trade</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Previewing the topic</li> <li>2. Previewing Vocabulary</li> <li>3. Previewing: Discuss the questions</li> <li>4. Reading the article</li> <li>5. Finding the main ideas</li> </ol>	Lý thuyết: 2 tiết Thực hành: 1 tiết	( 1) Pages 118-126

	6. Understanding the Literal and Figurative Meanings of Words 7. Checking vocabulary 8. Checking your Understanding 9. Understanding outline 10. Discussing the reading		
14	<b>Chương 5: Global Connections</b> Part 2: Global Travel .... And Beyond 1. Thinking ahead 2. Identifying the main ideas 3. Understanding idioms 4. Summarizing 5. Writing your own ideas 6. Discussing the reading 7. Searching the internet	Lý thuyết: 2 tiết Thực hành: 1 tiết	( 1) Pages 126-132
15	<b>Chương 5: Global Connections</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skill 1. Focusing on words from the Academic word list 2. Expressions and idioms 3. Using participles as adjectives 4. Understanding inferences: a. Practice b. Critical thinking: identifying inferences 5. Self-Assessment Log	Thực hành: 2 tiết	( 1) Pages 132-139

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 3	<b>Chương 1: Education and Student life</b> Part 1: Education: A reflection of Society 1. Previewing the topic 2. Previewing vocabulary 3. Getting meaning from context 4. Reading an article 5. Identifying the main idea 6. Understanding reading structure 7. Checking your vocabulary 8. Organizing information: Using a T-chart 9. Discussing the reading	H1 H2 H4 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: Reading Comprehension Text (Short reading) - Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp

Buổi học 2 Số tiết: 2	<b>Chương 1: Education and Student life</b> Part 2: Campus Life iss Changing 1. Skimming for the topic and the main idea 2. Understanding pronoun reference 3. Discussing the reading 4. Summarizing 5. Writing your own ideas 6. Identifying politically correct words and phrases	H1 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Writing a summary -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 3 Số tiết: 3	<b>Chương 1: Education and Student life</b> Part3: Building Vocabulary and Study Skills 1. Focusing on words from the academic word list 2. Recognizing word meanings 3. Words in phrases 4. Searching the internet 5. Practice 6. Self-Assessment Log	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép -Thảo luận nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Reading comprehension text (long reading) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 4 Số tiết: 3	<b>Chương 2: City Life</b> Part 1: A City That's Doing Something Right 1. Previewing the topic 2. Thinking ahead 3. Previewing vocabulary 4. Getting meaning from context 5. Reading an article 6. Identifying the main idea 7. Identifying supporting details 8. Understanding Italics 9. Understanding contrast 10. Making Inferences	H1 H2 H3 H4 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: Reading Comprehension Text (Short reading) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 5 Số tiết:	<b>Chương 2: City Life</b> Part 2: Sick-Building Syndrome	H1 H2 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở	- Bài đánh giá Writing a summary

3	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Making predictions</li> <li>2. Skimming for main ideas</li> <li>3. Checking your answers</li> <li>4. Understanding pronoun reference</li> <li>5. Discussing the reading</li> <li>6. Summarizing</li> <li>7. Writing your own ideas</li> <li>8. Interviewing</li> </ol>	H5 H6	<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 6 Số tiết: 2	<p><b>Chương 2: City Life</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skill</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Focusing on words from the academic word list</li> <li>2. Understand parts of speech</li> <li>3. Looking up parts of speech</li> <li>4. Practice</li> <li>5. Self-Assessment Log</li> </ol>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	- Bài đánh giá Reading comprehension text (long reading) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 7 Số tiết: 3	<p><b>Chương 3: Business and Money</b> Part 1: Banking on Poor Women</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Previewing the topic</li> <li>2. Thinking ahead</li> <li>3. Previewing vocabulary</li> <li>4. Getting meaning from context</li> <li>5. Recognizing synonyms</li> <li>6. Using parts of speech to understanding vocabulary</li> <li>7. Reading an article</li> <li>8. Organizing ideas using a Venn diagram</li> <li>9. Checking comprehension: Identifying details</li> <li>10. Critical thinking: making inferences</li> <li>11. Discussing the</li> </ol>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	- Bài đánh giá: Reading Comprehension Text (Short reading) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

	reading			
Buổi học 8 Số tiết: 3	<b>Chương 3: Business and Money</b> Part 2: Consumerism and the Human Brain 1. Previewing the topic 2. Identifying the topic and main ideas 3. Understanding pronoun reference 4. Discussing the reading 5. Summarizing 6. Responding in writing 7. Discussing advertisement	H1 H2 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Writing a summary - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 9 Số tiết: 2	<b>Chương 3: Business and Money</b> Part 3: Building Vocabulary and Study Skill 1. Recognizing word meanings 2. Focusing on words from the Academic word list 3. Understanding parts of speech: suffixes 4. Understanding parts of speech: changing the suffix 5. Paying attention to phrases 6. Noticing words in phrases 7. Searching the internet 8. Practice 9. Self-Assessment log	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Reading comprehension text (long reading) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 10 Số tiết: 3	<b>Chương 4: Lifestyles around the World</b> Part 1: Trendspotting 1. Previewing the topic 2. Previewing Vocabulary 3. Previewing the reading 4. Reading an article 5. Finding the main ideas 6. Identifying the main idea in paragraphs 7. Checking your	H1 H2 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận	- Bài đánh giá: Reading Comprehension Text (Short reading) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

	<p>understanding</p> <p>8. Getting meaning from context: Vocabulary check</p> <p>9. Finding details</p> <p>10. Discussing the reading</p>		<b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
<p>Buổi học 11</p> <p>Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 4: Lifestyles around the World</b></p> <p>Part 2: Fads and Trends in the 21<sup>st</sup> Century</p> <p>1. Thinking ahead</p> <p>2. Reading: Marking text when you read</p> <p>3. Checking your answers</p> <p>4. Studying for exams: Organizing information</p> <p>5. Discussing the Reading</p> <p>6. Summarizing</p> <p>7. Writing your own summary</p> <p>8. Responding in writing</p> <p>9. Reality TV: What do you think?</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá Writing a summary</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</li> </ul>
<p>Buổi học 12</p> <p>Số tiết: 2</p>	<p><b>Chương 4: Lifestyles around the World</b></p> <p>Part 3: Building Vocabulary and Study Skill</p> <p>1. Building Vocabulary and Study Skill</p> <p>2. Analysing Suffixes</p> <p>3. Analysing Prefixes</p> <p>4. Matching words</p> <p>5. Understanding dictionary entries: Single meanings</p> <p>6. Understanding dictionary entries: Multiple meanings</p> <p>7. Dictionary practice</p> <p>8. Practice</p> <p>9. Self-Assessment Log</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá Reading comprehension text (long reading)</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</li> </ul>
<p>Buổi học 13</p> <p>Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 5: Global Connections</b></p> <p>Part 1: Global Trade</p> <p>1. Previewing the topic</p> <p>2. Previewing Vocabulary</p> <p>3. Previewing: Discuss the questions</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Reading Comprehension Text (Short reading)</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết</li> </ul>

	<p>4. Reading the article</p> <p>5. Finding the main ideas</p> <p>6. Understanding the Literal and Figurative Meanings of Words</p> <p>7. Checking vocabulary</p> <p>8. Checking your Understanding</p> <p>9. Understanding outline</p> <p>10. Discussing the reading</p>		<p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	nộp tại lớp
<p>Buổi học 14</p> <p>Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 5: Global Connections</b></p> <p>Part 2: Global Travel .... And Beyond</p> <p>1. Thinking ahead</p> <p>2. Identifying the main ideas</p> <p>3. Understanding idioms</p> <p>4. Summarizing</p> <p>5. Writing your own ideas</p> <p>6. Discussing the reading</p> <p>7. Searching the internet</p>	<p>H1</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá</p> <p>Writing a summary</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học 15</p> <p>Số tiết: 2</p>	<p><b>Chương 5: Global Connections</b></p> <p>Part 3: Building Vocabulary and Study Skill</p> <p>1. Focusing on words from the Academic word list</p> <p>2. Expressions and idioms</p> <p>3. Using participles as adjectives</p> <p>4. Understanding inferences:</p> <p>c. Practice</p> <p>d. Critical thinking: identifying inferences</p> <p>5. Self-Assessment Log</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá</p> <p>Reading comprehension text (long reading)</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

(1) Pamela Hartmann & Elaine Kirn (2007). *Interaction 2: Reading*

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

(2) Cambridge University Press (2011). *Preliminary English Test (6-9)*

(3) Cambridge University Press (2011). *First Certificate in English (1-2)*

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:



7.1. *Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận*

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. *Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5 H6	20%
2	Bài tập cá nhân định kỳ	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua đánh giá bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	40%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Thân Thị Hiền Giang

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG ANH 2**  
**Mã học phần: FL213641**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Viết Tiếng Anh 1- FL213640

Học phần học tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Lê Hằng; Số điện thoại: 0946878282;

Email: [nlhang@ttn.edu.vn](mailto:nlhang@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Nguyễn Thị Kim Phượng; Số điện thoại: 0914.072.766;

Email: [kimphuongtnu@gmail.com](mailto:kimphuongtnu@gmail.com)

**2. Tóm tắt mô tả học phần:**

Học phần Viết Tiếng Anh 2 được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành tiếng Anh. Sinh viên đã học phần Viết 1 và đã có năng lực ngôn ngữ ở trình độ bậc 3 theo Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. Sinh viên có thể viết được các loại câu từ câu đơn đến câu phức và đã nắm vững các quy tắc về chấm câu cũng như nhận dạng được các lỗi câu sai thông thường trong viết tiếng Anh.

Học phần này thuộc khối kiến thức tiếng trong khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Học phần gồm 8 chương. Chương 1 khái quát về đoạn trong tiếng Anh với trình bày định nghĩa về đoạn và cấu trúc của đoạn: câu chủ đề, những câu phát triển đoạn và câu kết luận. Chương 2 đề cập đến các hoạt động trước khi viết gồm chọn và giới hạn chủ đề viết, tập hợp ý, chỉnh sửa ý và viết dàn bài cho đoạn. Chương 3 - Tính thống nhất và Tính liên kết của văn bản cung cấp cho người học kiến thức về 1 văn bản như thế nào là có tính thống nhất và các cách để làm cho văn bản có tính liên kết. Chương 4 các kỹ thuật để phát triển đoạn. Chương 5,6,7 và 8 tập trung vào các phương pháp phát triển đoạn xoay quanh các phương pháp khác nhau như phương pháp miêu tả người, sự vật và tiến trình, phương pháp phát triển đoạn bằng cách đưa ra ý kiến, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp đưa ra vấn đề và giải quyết vấn đề

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

*3.1 Mục tiêu học phần:* Học phần giúp sinh viên

MT1: Trang bị kỹ năng viết đoạn trong tiếng Anh

MT2: Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... từ đó hiểu được các tiêu chí của đoạn văn chuẩn mực trong tiếng Anh

MT3: Nâng cao năng lực viết đoạn trong tiếng Anh thông qua việc có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.

MT4: Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần:**

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể

H1: Phân tích được cấu trúc của đoạn

H2: Lý giải được sự khác nhau giữa câu chủ đề và câu kết luận

H3: Vận dụng và viết câu chủ đề cho đoạn văn, những câu phát triển đoạn cũng như câu kết luận cho đoạn văn

H4: Vận dụng được các hoạt động trước khi viết trong quá trình luyện tập viết đoạn

H5: Phân tích được văn bản có tính liên kết và thống nhất hay không

H6: Vận dụng được các kỹ thuật khác nhau để phát triển đoạn

H7: Hiểu được đặc điểm của từng phương pháp phát triển đoạn

H8: Kiểm soát tương đối tốt đối với việc viết đoạn, biết tuân thủ các nguyên tắc trong viết đoạn.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học/học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6		x
H7		x
H8	x	x

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1:</b> What is a paragraph? An overview 1.1. The definition of a paragraph 1.2. The structures of a paragraph	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] p.11- p.16 [2] p.16- p.28
2	<b>Chương 2:</b> Pre- writing Activities 2.1. Choosing and narrowing a topic 2.2. Gathering ideas 2.3. Editing ideas 2.4. Making a simple outline	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] p.5- p.10 [2] p.3- p.15 [3], [4]
3	<b>Chương 3:</b> Unity and coherence 3.1. Unity 3.2. Coherence	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[2] p.29- p.50 [3], [4]
4	<b>Chương 4:</b> the development of a paragraph	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] p.17-p.24 [3], [4]
5	<b>Chương 5:</b> Descriptive and Process paragraphs	LT: 4 tiết BT: 2 tiết TH: 2 tiết	[1] p.25- p.32 [3], [4]
6	<b>Chương 6:</b> Opinion paragraphs	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] p.33- p.39 [3], [4]
7	<b>Chương 7:</b> Comparison-contrast paragraphs	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] p.40- p.49 [3], [4]
8	<b>Chương 8:</b> Problem- Solution paragraphs	LT: 2 tiết BT: 1 tiết TH: 1 tiết	[1] p.50- p.55 [3], [4]

### 5. Kế hoạch dạy học

Tuần/buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1 (4 tiết)	<p><b>Chương 1:</b> What is a paragraph? An overview</p> <p>1.1. The definition of a paragraph</p> <p>1.2. The structure of a paragraph</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Topic sentence</li> <li>- Supporting sentences</li> <li>- Concluding sentences</li> </ul>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> <li>- PP gọi mở -vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Thảo luận về vị trí của câu chủ đề trong đoạn và cách viết một câu chủ đề, sự khác nhau giữa câu chủ đề</li> <li>- Thực hành: viết câu chủ đề cho đoạn văn, những câu phát triển đoạn</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép, vận dụng viết câu chủ đề cho đoạn văn, những câu phát triển đoạn</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	Đánh giá khả năng qua bài tập làm và nộp tại lớp xác định cấu trúc đoạn, câu chủ đề trong đoạn và khả năng viết câu chủ đề
Tuần 2 (4 tiết)	<p><b>Chương 1:</b> What is a paragraph? An overview</p> <p>1.2. The structure of a paragraph</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Concluding sentences</li> </ul> <p><b>Chương 2:</b> Pre- writing Activities</p> <p>2.1. Choosing and narrowing a topic</p> <p>2.2. Gathering ideas</p> <p>2.3. Editing ideas</p>	H1 H2 H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> <li>- PP gọi mở -vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Thảo luận về vị trí của câu kết luận trong đoạn và cách viết một câu kết và so sánh nó với câu chủ đề. Thảo luận về sự khác nhau giữa <i>subject</i> và <i>topic</i></li> <li>- Thực hành: Viết câu kết luận cho đoạn văn</li> </ul> <p style="text-align: center;">Giới hạn chủ đề</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép, vận dụng viết</li> </ul>	Đánh giá khả năng qua bài tập làm và nộp tại lớp xác định câu kết luận của đoạn, và khả năng viết câu kết luận và khả năng giới hạn chủ đề bài viết

			<p>câu chủ đề cho đoạn văn, những câu phát triển đoạn</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
<b>Tuần 3 (4 tiết)</b>	<p><b>Chương 2:</b> Pre- writing Activities</p> <p>2.4. Making a simple outline</p> <p><b>Chương 3:</b> Unity and coherence</p> <p>3.1. Unity</p>	H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> <li>- PP gọi mở -vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Xác định các nguyên tắc khi viết dàn bài cho 1 đoạn trong tiếng Anh.</li> </ul> <p>Xác định một văn bản thể nào được gọi là có tính thống nhất</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành: Viết sườn bài cho chủ đề mình viết</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép, giới hạn được chủ đề viết và nắm vững nguyên tắc viết sườn bài cho đoạn</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Đánh giá khả năng viết sườn bài cho 1 chủ đề của cá nhân qua bài tập làm và nộp tại lớp.</p>
<b>Tuần 4 (3 tiết)</b>	<p><b>Chương 3:</b> Unity and coherence</p> <p>3.2. Coherence</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Repetition of key nouns</li> <li>2. Use of consistent pronouns</li> <li>3. Use of transition signals</li> <li>4. Logical order of sentences</li> </ol>	H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> <li>- PP gọi mở -vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm và các cách để làm một văn bản có tính liên kết.</li> </ul> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hành: vận dụng tính thống nhất và tính liên kết của văn bản trong viết đoạn</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép, xác định được</li> </ul>	<p>Đánh giá khả năng của cá nhân thông qua bài tập làm và nộp tại lớp xác định được văn bản nào có tính thống nhất và văn bản nào thiếu tính thống nhất và làm cho 1 văn bản có tính liên kết.</p>

			văn bản nào có tính thống nhất và văn bản nào thiếu tính thống nhất; vận dụng được các kỹ thuật làm cho 1 văn bản có tính liên kết. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
<b>Tuần 5 (4 tiết)</b>	<b>Chương 4: The development of a paragraph</b> 4.1. details 4.2. explanations 4.3. examples 4.4. facts	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gọi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm phân biệt các kỹ thuật khác nhau để phát triển đoạn - Thực hành: vận dụng các kỹ thuật khác nhau để phát triển đoạn theo chủ đề viết <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, xác định được văn bản nào có tính thống nhất và văn bản nào thiếu tính thống nhất; vận dụng được các kỹ thuật làm cho 1 văn bản có tính liên kết. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân thông qua bài tập và bài viết vận dụng các kỹ thuật khác nhau để phát triển đoạn Bài làm nộp tại lớp hoặc qua email
<b>Tuần 6 (4 tiết)</b>	<b>Chương 5:</b> 5.1. Descriptive paragraphs and reasons for writing them 5.2. Organizing and writing descriptive paragraphs using adjectives and prepositions	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gọi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: thảo luận cấu trúc của 1 đoạn văn miêu tả và đoạn văn miêu tả quá trình - Thực hành: viết 1 đoạn văn sử dụng phương pháp miêu tả và 1 đoạn miêu tả quá trình sự việc <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu	Khả năng vận dụng & viết đoạn sử dụng phương pháp miêu tả Bài làm nộp tại lớp hoặc qua email

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi chép, vận dụng viết 1 đoạn văn sử dụng phương pháp miêu tả và 1 đoạn miêu tả quá trình sự việc</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
<b>Tuần 7 (4 tiết)</b>	<p><b>Chương 5</b></p> <p>5.3. Process paragraphs and reasons for writing them</p> <p>5.4. Using transition words to write a process paragraph</p>		<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> <li>- PP gợi mở -vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: thảo luận cấu trúc của 1 đoạn văn đoạn văn miêu tả quá trình</li> <li>- Thực hành: viết 1 đoạn văn sử dụng phương pháp miêu tả quá trình sự việc</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép, vận dụng viết 1 đoạn văn sử dụng phương pháp miêu tả và 1 đoạn miêu tả quá trình sự việc</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Khả năng vận dụng &amp; viết đoạn sử dụng phương pháp miêu tả quá trình của 1 sự việc.</p> <p>Bài làm nộp tại lớp hoặc qua email</p>
<b>Tuần 8 (4 tiết)</b>	<p><b>Chương 6: Opinion paragraphs</b></p> <p>6.1. Distinguishing between facts and opinions</p> <p>6.2. Organizing and writing paragraphs expressing opinions and arguments</p> <p>6.3. Using transition words to express cause and effect</p> <p>6.4. Using modal expressions to make recommendations</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p> <p>H7</p> <p>H8</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- PP thuyết trình</li> <li>- PP thảo luận trên lớp</li> <li>- PP gợi mở -vấn đáp</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa fact và opinion</li> <li>- Thực hành: viết 1 đoạn bày tỏ ý kiến về 1 chủ đề</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép, vận dụng viết 1 đoạn bày tỏ ý kiến về 1 chủ đề</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Khả năng vận dụng và viết 1 đoạn bày tỏ ý kiến về 1 chủ đề</p> <p>Bài làm nộp tại lớp hoặc qua email</p>

<b>Tuần 9 (4 tiết)</b>	<b>Chương 7:</b> Comparison-contrast paragraphs 7.1. Comparison-contrast paragraphs and reasons for writing them 7.2. Organizing Comparison-contrast paragraphs 7.3. Connecting words used for comparing and contrasting topics 7.4. Writing about the advantages and disadvantages of a topic	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa phương pháp so sánh và đối chiếu và cách thức tổ chức đoạn phát triển theo phương pháp so sánh đối chiếu - Thực hành: viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp so sánh đối chiếu <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp so sánh đối chiếu <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng và viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp so sánh đối chiếu Bài làm nộp tại lớp hoặc qua email
<b>Tuần 10 (4 tiết)</b>	<b>Chương 8:</b> Problem-Solution paragraphs 8.1. writing about problems and solutions 8.2. Using first conditionals 8.3. Writing a two - paragraph text with linking phrases	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về cấu trúc của 1 đoạn được phát triển theo phương pháp vấn đề và giải quyết vấn đề - Thực hành: viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp vấn đề và giải quyết vấn đề <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp vấn đề và giải quyết vấn đề <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng và viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp vấn đề và giải quyết vấn đề



## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek (2005) *Academic Writing from Paragraph to Essay*. MacMillan

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Alice Oshima & Ann Hogue (2006) *Writing Academic English*. Addison- Wesley Publishing Company

[3] Keith S Folse, April Muchmore Vokoun & Elena Vestri Solomon (2010). *Great Paragraphs*. Heinle Cengage Learning

[4] Cynthia A. Boardman & Jia Frydenberg (2002). *Writing to communicate: Paragraphs and Essays (2nd edition)*. Pearson Education, Inc  
Pearson Education, Inc 2002

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng học phần
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

Sinh viên tham gia ít nhất 3/4 tổng số tiết của học phần.

+ Sinh viên làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá theo quy định của môn học.

+ Sinh viên không thực hiện đủ các bài kiểm tra đánh giá, hoặc vắng mặt quá 1/4 tổng số tiết học sẽ không được xem xét làm bài thi cuối kỳ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi: kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ %
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên- các bài tập thực hành viết	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên, đánh	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H4 H5	50%

		giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập		H6 H7 H8	
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

ThS. Nguyễn Lệ Hằng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIẾNG ANH 3**  
**Mã học phần: FL213612**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Nghe tiếng Anh 2-FL213611

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: bttinh@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Trần Ngọc Anh; Số điện thoại: 0984998485

Email: tnanh@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Nghe tiếng Anh 3 là học phần cuối cùng trong ba học phần Nghe để phát triển kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần nghe tiếng Anh 3 giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe ở cấp độ cao (như: nghe và nhận biết thái độ của người nói, nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh và nghe để ghi chép) từ việc nghe các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo... bằng tiếng Anh; giúp sinh viên hình thành các phản xạ ngôn ngữ thích hợp trong từng ngữ cảnh.

Ngoài ra học phần nghe tiếng Anh 3 còn giúp sinh viên nhận biết vai trò quan trọng của các chức năng ngôn ngữ trong việc nắm bắt thông tin từ người nói hoặc bài nghe; tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần nghe tiếng Anh 3 sẽ:

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về nền giáo dục và cuộc sống của sinh viên Mỹ, cuộc sống ở đô thị, tiền tệ và các doanh nhân, các phong cách sống trên thế giới, cách thức liên lạc toàn cầu, cách thức giao tiếp trên toàn thế giới và các lễ hội nổi tiếng trên thế giới.

MT2. cung cấp cho người học nhiều kiểu loại bài nghe khác nhau mô phỏng các tình huống đa dạng của cuộc sống như các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo.

MT3. trang bị cho người học các kỹ năng nghe ở cấp độ cao như nghe và nhận biết thái độ của người nói, nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh và nghe để ghi chú lại các thông tin quan trọng trong bài nghe.

MT4. cung cấp cho người học cách nắm bắt được các ý chính trong bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp.

MT5. hướng dẫn cho người học cách nắm bắt được các ý chính của các văn bản ghi âm, truyền hình sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật; hướng dẫn cho người học các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần nghe tiếng Anh 3, người học có khả năng:*

H1. hiểu được phần lớn các nội dung của những cuộc hội thoại hay độc thoại bằng tiếng Anh của người bản ngữ; hiểu được hầu hết các thông báo và tin nhắn bằng tiếng Anh về một đề tài trừu tượng, các chương trình tài liệu bằng tiếng Anh trên đài phát thanh và truyền

hình, các văn bản ghi âm, truyền hình bằng tiếng Anh sử dụng ngôn ngữ chuẩn thường gặp trong đời sống xã hội, nghề nghiệp hay học thuật.

H2. dự đoán được các ý chính trong bài giảng, bài phát biểu, bài tường thuật và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp bằng tiếng Anh.

H3. phân tích được tâm trạng, giọng điệu của người nói; đánh giá được quan điểm và thái độ của người nói cũng như nội dung thông tin được phát ngôn.

H4. ứng dụng được các kỹ năng nghe và nhận biết thái độ của người nói, nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh và nghe đề ghi chú lại các thông tin quan trọng trong bài nghe.

H5. vận dụng được kỹ năng thuyết trình và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

*Sau khi học xong học phần nghe tiếng Anh 3, người học:*

H6. có nhận thức đúng về kỹ năng nghe, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp và nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghe hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Người học tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Education and Student Life</b> 1.1. Pre-listening quiz 1.2. Previewing vocabulary 1.3. Note-taking Pretest 1.4. Taking notes on the introduction 1.5. Identifying the three keys to taking effective lecture notes 1.6. Indenting 1.7. Listening for stressed words 1.8. Predicting in tables	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 6- 15 [2], [3]
2	<b>Chương 2. City Life</b> 2.1. Pre-listening discussion 2.2. Previewing vocabulary 2.3. Abbreviating statistics 2.4. Taking notes on statistics 2.5. Listening for transitions 2.6. Taking notes 2.7. Listening for reduction 2.8. Signpost phrases, sentence completion and classification.	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 32- 41 [2], [3]
3	<b>Chương 3. Business and Money</b> 3.1. Pre-listening discussion 3.2. Previewing vocabulary	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 57, - 58, 61- 64 [2], [3]

	<p>3.3. Outlining the lecture</p> <p>3.4. Taking notes on a process</p> <p>3.5. Distinguishing between ‘Can’ and ‘Can’t’</p> <p>3.6. Listening for information in flowchart</p>		
4	<p><b>Chương 4. Jobs and Professions</b></p> <p>4.1. Pre-listening discussion</p> <p>4.2. Previewing vocabulary</p> <p>4.3. Creating abbreviation</p> <p>4.4. Taking notes on causes and effects</p> <p>4.5. Taking notes on statistics</p> <p>4.6. Outlining the lecture</p> <p>4.7. Recognizing the intonation of tag questions</p> <p>4.8. Listening for information in multiple – choice questions</p> <p>4.9. Listening for information in summary completion</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 82 – 87, 92 - 93</p> <p>[2], [3]</p>
5	<p><b>Chương 5. Lifestyles Around the World</b></p> <p>5.1. Pre-listening discussion</p> <p>5.2. Previewing vocabulary</p> <p>5.3. Taking notes on the American family in the past and at the present.</p> <p>5.4. Taking notes on new problems for American family</p> <p>5.5. Taking notes on new policies and programs to help working parents.</p> <p>5.6. Listening for linked phrases</p> <p>5.7. Understanding maps</p> <p>5.8. Listening for information in sentence and table completion.</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 108 – 111,114</p> <p>[2], [3]</p>
6	<p><b>Chương 6. Global Connections</b></p> <p>6.1. Pre-listening discussion</p> <p>6.2. Previewing vocabulary</p> <p>6.3. Taking notes on cultural rules for appropriate behavior</p> <p>6.4. Taking notes on greeting customs</p> <p>6.5. Taking notes on the use of names</p> <p>6.6. Taking notes on eating customs</p> <p>6.7. Taking notes on gift- giving customs</p> <p>6.8. Identifying intonation in patterns</p> <p>6.9. Understanding layout</p> <p>6.10. Predicting from notes</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 130, 133 - 137</p> <p>[2], [3]</p>
7	<p><b>Chương 7. Language and Communication</b></p> <p>7.1. Pre-listening discussion</p> <p>7.2. Previewing vocabulary</p> <p>7.3. Classifying lecture organization</p> <p>7.4. Taking notes on vocabulary differences between British and American English</p>	<p>LT: 2 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 157 – 164, 167 - 168</p> <p>[2], [3]</p>

	7.5. Taking notes on pronunciation differences between British and American English 7.6. Taking notes on grammar differences between British and American English 7.7. Understanding Interjections 7.8. Spelling Bee 7.9. Questions from statements 7.10. Paraphrases for matching		
8	<b>Chương 8. Tastes and Preferences</b> 8.1. Pre-listening discussion 8.2. Previewing vocabulary 8.3. Practicing paraphrase signals 8.4. Predicting note organization 8.5. Taking notes on generation Y 8.6. Identifying unredaction 8.7. Changing opinions 8.8. Extended multiple choice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 180 – 184, 187 - 188 [2], [3]
9	<b>Chương 9. New Frontiers</b> 9.1. Pre-listening discussion 9.2. Previewing vocabulary 9.3. Recognizing facts and theory in the lecture 9.4. Taking notes on exploring Mars 9.5. Distinguishing –ed endings 9.6. Words spelt out 9.7. Completing the diagram 9.8. Completing the chart	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 204 - 207, 212 - 213 [2], [3]
10	<b>Chương 10. Ceremonies</b> 10.1. Pre-listening discussion 10.2. Previewing vocabulary 10.3. Recognizing digressions 10.4. Taking notes on water in traditional ceremonies 10.5. Making plans 10.6. Recognizing the meaning of affirmative tag questions 10.7. Paraphrasing questions 10.8. Visual multiple choice	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 229 – 235, 240 - 241 [2], [3]
11	<b>Review and Test</b>	LT: 1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học: 1 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 1. Education and Student Life</b> 1.1. Pre-listening quiz 1.2. Previewing vocabulary	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở	- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about undergraduate)

	<p>1.3. Note-taking Pretest</p> <p>1.4. Taking notes on the introduction</p> <p>1.5. Identifying the three keys to taking effective lecture notes</p> <p>1.6. Indenting</p> <p>1.7. Listening for stressed words</p> <p>1.8. Predicting in tables</p>		<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: education and student life</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>courses in North America and predicting in tables)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 2 Số tiết: 4 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 2. City Life</b></p> <p>2.1. Pre-listening discussion</p> <p>2.2. Previewing vocabulary</p> <p>2.3. Abbreviating statistics</p> <p>2.4. Taking notes on statistics</p> <p>2.5. Listening for transitions</p> <p>2.6. Taking notes</p> <p>2.7. Listening for reduction</p> <p>2.8. Signpost phrases, sentence completion and classification.</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: city life</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about neighborhood watch meeting and practicing sentence completion and classification.)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 3 Số tiết: 4 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 3. Business and Money</b></p> <p>3.1. Pre-listening discussion</p> <p>3.2. Previewing vocabulary</p> <p>3.3. Outlining the lecture</p> <p>3.4. Taking notes on a process</p> <p>3.5. Distinguishing</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about entrepreneurs and listening for information in flowchart)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp</p>

	between ‘Can’ and ‘Can’t’ 3.6. Listening for information in flowchart		nhóm: business and money <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	tại lớp
Buổi học: 4 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 4. Jobs and Professions</b> 4.1. Pre-listening discussion 4.2. Previewing vocabulary 4.3. Creating abbreviation 4.4. Taking notes on causes and effects 4.5. Taking notes on statistics 4.6. Outlining the lecture 4.7. Recognizing the intonation of tag questions 4.8. Listening for information in multiple – choice questions 4.9. Listening for information in summary completion	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: jobs and professions <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about changes in the job market and listening for information in multiple – choice questions and summary completion) - Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 5 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 5. Lifestyles Around the World</b> 5.1. Pre-listening discussion 5.2. Previewing vocabulary 5.3. Taking notes on the American family in the past and at the present. 5.4. Taking notes on new problems for American family 5.5. Taking notes on new policies and	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: lifestyles around the world <b>Yêu cầu sinh viên:</b>	- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about changes in the American family and listening for information in sentence and table completion.) - Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp



	<p>programs to help working parents.</p> <p>5.6. Listening for linked phrases</p> <p>5.7. Understanding maps</p> <p>5.8. Listening for information in sentence and table completion.</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
<p>Buổi học: 6</p> <p>Số tiết: 4 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 6. Global Connections</b></p> <p>6.1. Pre-listening discussion</p> <p>6.2. Previewing vocabulary</p> <p>6.3. Taking notes on cultural rules for appropriate behavior</p> <p>6.4. Taking notes on greeting customs</p> <p>6.5. Taking notes on the use of names</p> <p>6.6. Taking notes on eating customs</p> <p>6.7. Taking notes on gift-giving customs</p> <p>6.8. Identifying intonation in patterns</p> <p>6.9. Understanding layout</p> <p>6.10. Predicting from notes</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: global connections</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about customs around the world and understanding layout)</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</li> </ul>
<p>Buổi học: 7</p> <p>Số tiết: 4 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 7. Language and Communication</b></p> <p>7.1. Pre-listening discussion</p> <p>7.2. Previewing vocabulary</p> <p>7.3. Classifying lecture organization</p> <p>7.4. Taking notes on vocabulary differences between British and American English</p> <p>7.5. Taking notes on pronunciation differences between British and American English</p> <p>7.6. Taking notes on</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: language and communication</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about differences between British and American English and paraphrasing for matching)</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</li> </ul>

	<p>grammar differences between British and American English</p> <p>7.7. Understanding Interjections</p> <p>7.8. Spelling Bee</p> <p>7.9. Questions from statements</p> <p>7.10. Paraphrases for matching</p>		<p>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
<p>Buổi học: 8</p> <p>Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 8. Tastes and Preferences</b></p> <p>8.1. Pre-listening discussion</p> <p>8.2. Previewing vocabulary</p> <p>8.3. Practicing paraphrase signals</p> <p>8.4. Predicting note organization</p> <p>8.5. Taking notes on generation Y</p> <p>8.6. Identifying unreduction</p> <p>8.7. Changing opinions</p> <p>8.8. Extended multiple choice</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: tastes and preferences</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Ghi chép</p> <p>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</p> <p>- Chuẩn bị thảo luận</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about generation Y and listening for extended multiple choice)</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 9</p> <p>Số tiết: 3 (LT + TH)</p>	<p><b>Chương 9. New Frontiers</b></p> <p>9.1. Pre-listening discussion</p> <p>9.2. Previewing vocabulary</p> <p>9.3. Recognizing facts and theory in the lecture</p> <p>9.4. Taking notes on exploring Mars</p> <p>9.5. Distinguishing – ed endings</p> <p>9.6. Words spelt out</p> <p>9.7. Completing the diagram</p> <p>9.8. Completing the chart</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: new frontiers</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Ghi chép</p> <p>- Chuẩn bị câu</p>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about exploring Mars and completing the diagrams and charts)</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</p>

			hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học: 10 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 10. Ceremonies</b> 10.1. Pre-listening discussion 10.2. Previewing vocabulary 10.3. Recognizing digressions 10.4. Taking notes on water in traditional ceremonies 10.5. Making plans 10.6. Recognizing the meaning of affirmative tag questions 10.7. Paraphrasing questions 10.8. Visual multiple choice	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: ceremonies <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (taking notes on a lecture about water in traditional ceremonies and paraphrasing questions) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 11 Số tiết: 1 (LT)	<b>Review and Test</b>	H1 H2 H3 H4 H5		Bài kiểm tra cuối khóa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Judith Tanka and Linda R. Baker (2015). *Interaction 2 – Listening and Speaking (6<sup>th</sup> edition)*, nhà xuất bản tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Sam McCarter and Judith Ash (2016). *IELTS Test Builder*. Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh.

[3] Barry Cusack and Sam MacCarter (2016). *Improve Your IELTS – Listening and Speaking Skills*. Macmillan Publisher.

### 6.3. Trang web có thể sử dụng

<https://www.esl-lab.com/>

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các nhiệm vụ được giao

## 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần**

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H6	20%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Bùi Thị Tịnh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NÓI TIẾNG ANH 3**  
**Mã học phần: FL213622**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Nói tiếng Anh 2- FL213621

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hà Lê Hồng Hoa; Số điện thoại: 0947978779

Email: hlhhoa@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Nói Tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thiết kế dành cho sinh viên năm thứ hai chuyên ngành sư phạm Anh và ngôn ngữ Anh. Đây là học phần bắt buộc tiến hành song song với các học phần Nghe Tiếng Anh 3, Viết Tiếng Anh 3, Đọc Tiếng Anh 3 nhằm phát triển kỹ năng Nói độc lập về nhiều chủ đề, có lập luận và cấu trúc mạch lạc, kết nối giữa các ý trong trình bày, sử dụng ngôn từ trôi chảy, chính xác, có thể trình bày về ý nghĩa của một sự kiện hay trải nghiệm của cá nhân, giải thích và bảo vệ quan điểm của mình một cách rõ ràng bằng lập luận chặt chẽ và phù hợp.

Học phần giúp người học phát triển các kỹ năng nói tiếng Anh để có thể giao tiếp, thảo luận hay thuật lại các câu chuyện trong cuộc sống, có kỹ năng sử dụng các phương tiện liên kết câu để đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một bài nói độc lập và nói tương tác, các chiến lược quản lý thời gian trong giao tiếp dưới áp lực thời gian.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

*3.1. Mục tiêu học phần:*

*Học phần Nói Tiếng Anh 3 sẽ:*

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các chủ đề hàng ngày như ngôn ngữ, thời gian, kinh tế, thương mại, các công việc trong gia đình, cách ứng xử...

MT2. cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp ở trình độ trung cấp như: câu điều kiện loại hai và ba, các động từ tường thuật, quá khứ hoàn thành tiếp diễn, mệnh đề quan hệ hạn định và không hạn định, mệnh đề quan hệ rút gọn,..để người học có thể vận dụng và diễn đạt ngôn ngữ như người bản ngữ.

MT3. hướng dẫn cho người học các chiến lược để có thể tham gia vào các cuộc đàm thoại tiếng Anh, đưa ra các ý kiến tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình, xem xét các đề xuất và phúc đáp cho các giả thiết, sử dụng các thành ngữ để giành thời gian và giữ lượt nói, kết hợp với các kỹ thuật cần thiết để thực hiện tốt chức năng giao tiếp.

MT4. hướng dẫn cho người học phát triển kỹ năng nói học thuật như mở đầu bài nói đưa ra câu trả lời trực tiếp cho vấn đề được hỏi, triển khai các mục đích, nguyên nhân hoặc lí do theo quan điểm của cá nhân, kết hợp đưa ra các ví dụ hoặc minh họa có liên quan để nhấn mạnh được những luận điểm quan trọng một cách xúc tích và hợp lý theo văn phong học thuật.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần:*

*Sau khi học xong học phần Nói Tiếng Anh 3, người học có khả năng:*

H1. sử dụng từ ngữ một cách trôi chảy chính xác để tham gia vào các cuộc tranh luận đối với hầu hết các chủ đề thông thường.

H2. sử dụng các cấu trúc ngữ pháp để trình bày các ý kiến, quan điểm cá nhân bằng các minh họa, dẫn chứng có liên quan.

H3. nắm được các chiến lược cần thiết để trình bày một bài thuyết trình rõ ràng, chi tiết, xây dựng chuỗi lý lẽ để thuyết phục người nghe một cách hợp lý kết hợp các liên kết câu để làm nổi bật các ý chính.

356

H4. có kiến thức, hiểu biết về một số chủ đề văn hóa, xã hội... thông qua các bài phát biểu, thuyết trình, tranh luận, thảo luận nhóm trong quá trình luyện tập kỹ năng nói học thuật.

H5. có kỹ năng biểu đạt các trạng thái cảm xúc và nhấn mạnh tầm quan trọng của từng sự việc thông qua việc trình bày bài nói.

H6. trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường, có thái độ tích cực, hòa nhập tốt khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1: A Life of Learning</b></p> <p>1.1. A global language</p> <p>1.1.1. Vocabulary: Language ability</p> <p>1.1.2. Grammar &amp; Real World: The English verb system</p> <p>1.1.3. Extended speaking: An English learner profile</p> <p>1.2. My first week</p> <p>1.2.1. Vocabulary: Education</p> <p>1.2.2. Grammar &amp; Real World: uses of auxiliaries</p> <p>1.2.3. Listening: Two university students</p> <p>1.2.4. Help with Listening &amp; Fluency: contractions</p> <p>1.3 Making the grade</p> <p>1.3.1. Vocabulary: Verb patterns</p> <p>1.3.2. Reading: Under examination</p> <p>1.3.3. Listening: Exam stories</p> <p>1.3.4. Help with Listening &amp; Fluency: sentence stress and rhythm</p> <p>1.3.5. Extended speaking: Exam experiences</p> <p>1.4 Evening classes</p> <p>1.4.1. Grammar &amp; Real World: Keeping a conversation going</p> <p>1.4.2. Listening: Doing evening classes</p> <p>1.4.3. Extended speaking: Conversations about everyday topics</p>	<p>LT: 3 tiết</p> <p>TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages 6 - 12,</p> <p>[2], [3], [4]</p>

2	<p><b>Chương 2: Time for a Change</b></p> <p>2.1 It's bad for you</p> <p>2.1.1. Vocabulary: expressing frequency</p> <p>2.1.2. Grammar: present &amp; past habits, repeated actions and states</p> <p>2.1.3. Reading: So what is good for me</p> <p>2.1.4. Listening: Two people's eating habits</p> <p>2.1.5. Extended speaking: old &amp; new habits</p> <p>2.2. Life's different here</p> <p>2.2.1. Vocabulary: feelings &amp; opinions</p> <p>2.2.2. Grammar: be used to, get used to</p> <p>2.2.3. Extended speaking: Discussions about things that you're used to</p> <p>2.3. Managing my time</p> <p>2.3.1. Vocabulary: Word building: suffixes</p> <p>2.3.2. Reading: Time tips</p> <p>2.3.3. Listening: Saving time</p> <p>2.3.4. Help with Listening &amp; Fluency: linking sounds</p> <p>2.3.5. Extended speaking: How organized are you?</p> <p>2.4. I see your point</p> <p>2.4.1. Real World: discussion language: agreeing &amp; disagreeing politely</p> <p>2.4.2. Extended speaking: discussion about controversial statements</p>	<p>LT: 3 tiết</p> <p>TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages 14 - 20, [2], [3], [4]</p>
3	<p><b>Chương 3: Breaking codes</b></p> <p>3.1. Codes of conduct</p> <p>3.1.1. Vocabulary: phrases with <i>fake</i></p> <p>3.1.2. Grammar: uses of verb +ing</p> <p>3.1.3. Reading: What every visitor to England needs to know</p> <p>3.2. He's got no manners</p> <p>3.2.1. Vocabulary: compound adjectives describing character</p> <p>3.2.2. Grammar: modal verbs - levels of certainty about the future</p> <p>3.2.3. Extended speaking: Tips for a British tourist in your country</p> <p>3.3. Hidden messages</p> <p>3.3.1. Vocabulary: Guessing meaning from context</p> <p>3.3.2. Reading: Codes through the ages</p> <p>3.3.3. Listening: Different colleague</p> <p>3.3.4. Extended speaking: The next two weeks</p> <p>3.4. Am I interrupting?</p> <p>3.4.1. Real world: polite interruptions</p> <p>3.4.2. Listening: breaking codes</p> <p>3.4.3. Help with Listening &amp; Fluency: linking sounds</p> <p>3.4.4. Extended speaking: types of codes</p>	<p>LT: 3 tiết</p> <p>TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages 46 - 52, [2], [3], [4]</p>

4	<p><b>Chương 4: Small World</b></p> <p>4.1. At the airport</p> <p>4.1.1. Vocabulary: state verbs</p> <p>4.1.2. Grammar: simple and continuous aspects; activity and state verbs</p> <p>4.1.3. Listening: How people pass the time at airports</p> <p>4.1.4. Extended speaking: discussion about things you've wanted to do</p> <p>4.2. The new superpower</p> <p>4.2.1. Vocabulary: business &amp; trade</p> <p>4.2.2. Grammar: Present perfect &amp; present perfect continuous</p> <p>4.2.3. Extended speaking: How your country has changed</p> <p>4.3. Life in cyberspace</p> <p>4.3.1. Vocabulary: the Internet, world building - prefixes</p> <p>4.3.2. Listening: Using the Internet</p> <p>4.3.3. Help with Listening &amp; Fluency: recognising redundancy</p> <p>4.3.4. Extended speaking: Internet habits</p> <p>4.4. You're breaking up</p> <p>4.4.1. Real world: problems on the phone</p> <p>4.4.2. Listening: Making plans on the phone</p> <p>4.4.3. Help with Listening &amp; Fluency: sentence stress &amp; weak forms</p> <p>4.4.4. Extended speaking: A conversation on the phone</p>	<p>LT: 3 tiết TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages 54 - 60, [2], [3], [4]</p>
5	<p><b>Chương 5: The Great Divide</b></p> <p>5.1. How practical are you?</p> <p>5.1.1. Vocabulary: household jobs</p> <p>5.1.2. Grammar: have/get something done, get somebody to do something, do something yourself</p> <p>5.1.3. Listening: Practical women</p> <p>5.1.4. Extended speaking: Who is the most practical</p> <p>5.2. New man</p> <p>5.2.1. Vocabulary: male, female &amp; neutral worlds</p> <p>5.2.2. Grammar; quantifiers</p> <p>5.2.3. Reading: Men in 21st century</p> <p>5.2.4. Extended speaking: Discussion about your family</p> <p>5.3. The same but different</p> <p>5.3.1. Vocabulary: compound noun and adjectives</p> <p>5.3.2. Listening: Why men lie &amp; women cry</p> <p>5.3.3. Help with listening and fluency: contradicting</p> <p>5.3.4. Extended speaking: The difference</p>	<p>LT: 3 tiết TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages: 78 - 84, [2], [3], [4]</p>



	<p>between men and women</p> <p>5.4. I did tell you</p> <p>5.4.1. Real world: adding emphasis</p> <p>5.4.2. Listening: Having people for a meal</p> <p>5.4.3. Help with listening and fluency: contradicting</p>		
6	<p><b>Chương 6: Making a living</b></p> <p>6.1. Meeting up</p> <p>6.1.1. Vocabulary: work collocations</p> <p>6.1.2 Grammar: Describing future events</p> <p>6.1.3. Listening: Two friends arranging to meet</p> <p>6.1.4. Extended speaking: Talking about your future</p> <p>6.2. Going into business</p> <p>6.2.1. Vocabulary: business collocations</p> <p>6.2.2. Listening: A business opportunity</p> <p>6.2.3. Extended speaking: Reporting questions and answers</p> <p>6.3. The coffee shop</p> <p>6.3.1. Reading: A problem at Daisy's</p> <p>6.3.2. Listening: Decision time</p> <p>6.3.3. Help with listening and fluency: back referencing</p> <p>6.3.4. Extended speaking: Starting your own business</p> <p>6.4. Advertising works</p> <p>6.4.1. Real world: discussion language</p> <p>6.4.2. Listening: The Go! advertising campaign</p> <p>6.4.3. Extended speaking: Designing an advertising campaign</p>	<p>LT: 3 tiết</p> <p>TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages 86 - 92, [2], [3], [4]</p>
7	<p><b>Chương 7: That's weird!</b></p> <p>7.1. Where's my mobile?</p> <p>7.1.1 Vocabulary: Colloquial words/ phrases</p> <p>7.1.2. Grammar: Modal verbs: deduction in the present and the past</p> <p>7.1.3. Listening: Louise's missing mobile</p> <p>7.2. Invasion</p> <p>7.2.1. Vocabulary: news collocations</p> <p>7.2.2. Grammar: Past forms of modal and related verbs</p> <p>7.2.3. Reading: Radio play creates panic across USA</p> <p>7.2.4. Extended speaking What do you believe in?</p>	<p>LT: 3 tiết</p> <p>TH: 2 tiết</p>	<p>[1] Pages 94 - 96, [2], [3], [4]</p>
	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	TH: 4 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 5 (LT+TH)	<p><b>Chương 1: A Life of Learning</b></p> <p>1.1. A global language</p> <p>1.1.1. Vocabulary: Language ability</p> <p>1.1.2. Grammar &amp; Real World: The English verb system</p> <p>1.1.3. Extended speaking: An English learner profile</p> <p>1.2. My first week</p> <p>1.2.1. Vocabulary: Education</p> <p>1.2.2. Grammar &amp; Real World: uses of auxiliaries</p> <p>1.2.3. Listening: Two university students</p> <p>1.2.4. Help with Listening &amp; Fluency: contractions</p> <p>1.3 Making the grade</p> <p>1.3.1. Vocabulary: Verb patterns</p> <p>1.3.2. Reading: Under examination</p> <p>1.3.3. Listening: Exam stories</p> <p>1.3.4. Help with Listening &amp; Fluency: sentence stress and rhythm</p> <p>1.3.5. Extended speaking: Exam experiences</p> <p>1.4 Evening classes</p> <p>1.4.1. Grammar &amp; Real World: Keeping a conversation going</p> <p>1.4.2. Listening: Doing evening classes</p> <p>1.4.3. Extended speaking: Conversations about everyday topics</p>	H1 H2 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gọi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> </ul> <p>Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>Bài kiểm tra về: từ vựng, cấu trúc ngữ pháp</p> <p>Hình thức: bài trắc nghiệm tại lớp. Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 5 (LT+TH)	<p><b>Chương 2: Time for a Change</b></p> <p>2.1 It's bad for you</p> <p>2.1.1. Vocabulary: expressing frequency</p> <p>2.1.2. Grammar: present &amp; past habits, repeated</p>	H1 H2 H3 H4 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gọi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> </ul>	<p>Bài kiểm tra: từ vựng, ngữ pháp, chiến lược để mở đầu bài thuyết trình.</p> <p>Hình thức</p>

	<p>actions and states</p> <p>2.1.3. Reading: So what is good for me</p> <p>2.1.4. Listening: Two people's eating habits</p> <p>2.1.5. Extended speaking: old &amp; new habits</p> <p>2.2. Life's different here</p> <p>2.2.1. Vocabulary: feelings &amp; opinions</p> <p>2.2.2. Grammar: be used to, get used to</p> <p>2.2.3. Extended speaking: Discussions about things that you're used to</p> <p>2.3. Managing my time</p> <p>2.3.1. Vocabulary: Word building: suffixes</p> <p>2.3.2. Reading: Time tips</p> <p>2.3.3. Listening: Saving time</p> <p>2.3.4. Help with Listening &amp; Fluency: linking sounds</p> <p>2.3.5. Extended speaking: How organized are you?</p> <p>2.4. I see your point</p> <p>2.4.1. Real World: discussion language: agreeing &amp; disagreeing politely</p> <p>2.4.2. Extended speaking: discussion about controversial statements</p>		<p>-Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>đánh giá: sinh viên quay video và tải lên trang web Flipgrid.com. Giảng viên và sinh viên có thể nhận xét phần trình bày của sinh viên trong lớp.</p>
Số tiết: 5 (LT+TH)	<p><b>Chương 3: Breaking codes</b></p> <p>3.1. Codes of conduct</p> <p>3.1.1. Vocabulary: phrases with <i>fake</i></p> <p>3.1.2. Grammar: uses of verb +ing</p> <p>3.1.3. Reading: What every visitor to England needs to know</p> <p>3.2. He's got no manners</p> <p>3.2.1. Vocabulary: compound adjectives describing character</p> <p>3.2.2. Grammar: modal verbs - levels of certainty about the future</p> <p>3.2.3. Extended speaking:</p>	H1 H2 H3 H4 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>-Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các</p>	<p>Bài kiểm tra: từ vựng, ngữ pháp, cách triển khai ý chính và phát triển ý thông qua các lý lẽ và ví dụ minh họa.</p> <p>Hình thức đánh giá: trả lời cá nhân, nhóm trước lớp. Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài nói của sinh viên</p>

	<p>Tips for a British tourist in your country</p> <p>3.3. Hidden messages</p> <p>3.3.1. Vocabulary: Guessing meaning from context</p> <p>3.3.2. Reading: Codes through the ages</p> <p>3.3.3. Listening: Different colleague</p> <p>3.3.4. Extended speaking: The next two weeks</p> <p>3.4. Am I interrupting?</p> <p>3.4.1. Real world: polite interruptions</p> <p>3.4.2. Listening: breaking codes</p> <p>3.4.3. Help with Listening &amp; Fluency: linking sounds</p> <p>3.4.4. Extended speaking: types of codes</p>		<p>hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	
Số tiết: 5 (LT+TH)	<p><b>Chương 4: Small World</b></p> <p>4.1. At the airport</p> <p>4.1.1. Vocabulary: state verbs</p> <p>4.1.2. Grammar: simple and continuous aspects; activity and state verbs</p> <p>4.1.3. Listening: How people pass the time at airports</p> <p>4.1.4. Extended speaking: discussion about things you've wanted to do</p> <p>4.2. The new superpower</p> <p>4.2.1. Vocabulary: business &amp; trade</p> <p>4.2.2. Grammar: Present perfect &amp; present perfect continuous</p> <p>4.2.3. Extended speaking: How your country has changed</p> <p>4.3. Life in cyberspace</p> <p>4.3.1. Vocabulary: the Internet, world building - prefixes</p> <p>4.3.2. Listening: Using the Internet</p> <p>4.3.3. Help with Listening &amp; Fluency: recognising</p>	H1 H2 H3 H4 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>Bài đánh giá: từ vựng, ngữ pháp, các phương tiện liên kết câu để liên kết các ý.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên quay video và tải lên trang web Flipgrid.com. Giảng viên và sinh viên có thể nhận xét phần trình bày của sinh viên trong lớp.</p>

	<p>redundancy</p> <p>4.3.4. Extended speaking: Internet habits</p> <p>4.4. You're breaking up</p> <p>4.4.1. Real world: problems on the phone</p> <p>4.4.2. Listening: Making plans on the phone</p> <p>4.4.3. Help with Listening &amp; Fluency: sentence stress &amp; weak forms</p> <p>4.4.4. Extended speaking: A conversation on the phone</p>			
Số tiết: 5 (LT+TH)	<p><b>Chương 5: The Great Divide</b></p> <p>5.1. How practical are you?</p> <p>5.1.1. Vocabulary: household jobs</p> <p>5.1.2. Grammar: have/get something done, get somebody to do something, do something yourself</p> <p>5.1.3. Listening: Practical women</p> <p>5.1.4. Extended speaking: Who is the most practical</p> <p>5.2. New man</p> <p>5.2.1. Vocabulary: male, female &amp; neutral worlds</p> <p>5.2.2. Grammar; quantifiers</p> <p>5.2.3. Reading: Men in 21st century</p> <p>5.2.4. Extended speaking: Discussion about your family</p> <p>5.3. The same but different</p> <p>5.3.1. Vocabulary: compound noun and adjectives</p> <p>5.3.2. Listening: Why men lie &amp; women cry</p> <p>5.3.3. Help with listening and fluency: contradicting</p> <p>5.3.4. Extended speaking: The difference between men and women</p> <p>5.4. I did tell you</p> <p>5.4.1. Real world: adding emphasis</p>	H1 H2 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>Bài đánh giá: từ vựng, ngữ pháp, cách thức thể hiện mức độ cảm xúc và nhấn mạnh tầm quan trọng của sự việc trong bài nói.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).</p>

	5.4.2. Listening: Having people for a meal 5.4.3. Help with listening and fluency: contradicting			
Số tiết: 5 (LT+TH)	<b>Chương 6: Making a living</b> 6.1. Meeting up 6.1.1. Vocabulary: work collocations 6.1.2 Grammar: Describing future events 6.1.3. Listening: Two friends arranging to meet 6.1.4. Extended speaking: Talking about your future 6.2. Going into business 6.2.1. Vocabulary: business collocations 6.2.2. Listening: A business opportunity 6.2.3. Extended speaking: Reporting questions and answers 6.3. The coffee shop 6.3.1. Reading: A problem at Daisy's 6.3.2. Listening: Decision time 6.3.3. Help with listening and fluency: back referencing 6.3.4. Extended speaking: Starting your own business 6.4. Advertising works 6.4.1. Real world: discussion language 6.4.2. Listening: The Go! advertising campaign 6.4.3. Extended speaking: Designing an advertising campaign	H1 H2 H3 H4 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gọi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày. - Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên. - Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	Bài đánh giá: từ vựng, ngữ pháp, khả năng suy đoán về nguyên nhân, hậu quả và các tình huống giả định. Hình thức đánh giá: sinh viên quay video và tải lên trang web Flipgrid.com. Giảng viên và sinh viên có thể nhận xét phần trình bày của sinh viên trong lớp.
Số tiết: 5 (LT+TH)	<b>Chương 7: That's weird!</b> 7.1. Where's my mobile? 7.1.1 Vocabulary: Colloquial words/ phrases 7.1.2. Grammar: Modal verbs: deduction in the present and the past 7.1.3. Listening: Louise's	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> thảo luận, gọi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> ôn tập, hoàn thành các bài tập	Bài đánh giá: từ vựng, ngữ pháp, cách đưa ra một bài thuyết trình rõ ràng, chi tiết, và trả lời các câu hỏi phát

	missing mobile 7.2. Invasion 7.2.1. Vocabulary: news collocations 7.2.2. Grammar: Past forms of modal and related verbs 7.2.3. Reading: Radio play creates panic across USA 7.2.4. Extended speaking What do you believe in?		trong sách; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	sinh, liên quan tới chủ đề được nói. Hình thức đánh giá: trả lời cá nhân, nhóm trước lớp. Giảng viên nhận xét, đánh giá.
Số tiết: 4 (TH)	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.	Bài đánh giá: sinh viên quay video trình bày bài nói về các câu hỏi cho sẵn (sử dụng các chiến lược phát triển ý, vận dụng các phương tiện liên kết câu đã được học) dài không quá 5p, Giảng viên đánh giá và nhận xét.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Chris Redston, Gillie Cunningham (2007), *Face2Face Upper-intermediate Student's Book*. Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Cheryl Pelteret (2009). *English For Life*. Oxford University Press

[3] Leo Jones (2007). *Let's Talk 3*. Cambridge University Press.

[4] Nancy Douglas, James R. Morgan, Susan Stempleski (2016). *World link Developing English Fluency Level (3 third edition)*. National Geographic Learning, Cengage learning.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Thực hành, luyện tập nói trên lớp

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài trình nói trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài trình nói trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần:

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp	H1 H2 H3 H4 H5 H6

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Hà Lê Hồng Hoa



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC TIẾNG ANH 3**  
**Mã học phần: FL213632**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Đọc tiếng Anh 2 – FL213631

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Văn Thông; Số điện thoại: 0343065978;

Email: nvthong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Y Cuor Bkrông; Số điện thoại: 0914407690;

Email: ycuorbkrong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Đọc Tiếng Anh 3 là học phần thứ ba trong 4 học phần Đọc hiểu bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh năm thứ hai, học kỳ 1 theo tiến trình học bình thường. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ trung cấp. Sinh viên đọc hiểu nội dung các bài viết về đất nước, con người, phong tục tập quán của một số nước trên thế giới; về tính cạnh tranh và cách thức làm việc nhóm hiệu quả; về những thay đổi trong đời sống gia đình và trách nhiệm chăm sóc con cái của bố mẹ trong các gia đình; về chế độ ăn uống và sức khỏe con người; về du lịch; về các loại phương tiện giao thông thân thiện với môi trường được hưởng lợi từ những thành tựu của khoa học công nghệ.

Học phần còn giúp sinh viên phát triển vốn từ vựng, các cấu trúc diễn đạt bằng tiếng Anh để nâng cao năng lực tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần sẽ trang bị cho sinh viên

MT1. thông tin đọc hiểu về đất nước, con người, và đời sống xã hội qua các chủ đề: đất nước, con người; gia đình; chế độ ăn uống và sức khỏe; du lịch; giao thông và môi trường;

MT2. nhiều thể loại bài viết khác nhau về các chủ đề liên quan;

MT3. các kỹ năng đọc hiểu khác nhau như: đọc lấy thông tin tổng quát, đọc lấy thông tin chi tiết, đọc so sánh đối chiếu thông tin, đọc kết nối thông tin,...;

MT4. Các kỹ năng xử lý từ vựng khác nhau như: nắm nghĩa của từ qua ngữ cảnh và cấu trúc, nắm nghĩa của từ qua hình thức từ (hình thức từ loại, tiền tố, hậu tố của từ...), nắm nghĩa của từ qua kết nối từ và giải nghĩa,...

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng

H1. hiểu và nắm vững chủ đề, thông tin chính của các bài đọc về các chủ đề: đất nước, con người; gia đình; chế độ ăn uống và sức khỏe; du lịch; giao thông và môi trường;

H2. nắm vững các thông tin chi tiết của các bài đọc, các thể loại bài viết khác nhau để vận dụng trình bày, giao tiếp được các chủ đề liên quan;

H3. phát triển các kỹ năng và chiến lược đọc hiểu, kỹ năng đánh giá và phê phán, kỹ năng tìm hiểu từ vựng và phát triển ngôn ngữ;

H4. tạo động cơ học tập đúng đắn; tích cực, chủ động chuẩn bị bài, nắm vững các thông tin đọc hiểu, tham gia trao đổi, thảo luận với giảng viên và sinh viên.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. New Challenges</b> 1.1. Part 1: <i>First Impressions</i> 1.2. Part 2: <i>My Country</i>	LT: 4 tiết TH:4 tiết	<b>Chương 1</b> [1] pages 4 – 15; pages 16 – 23 [2] pages 6, 26, 32, 51 [3] Passages [4] Reading
2	<b>Chương 2. Teamwork and Competition</b> 2.1. Part 1: <i>Beckham: An Autobiography</i> 2.2. Part 2: <i>Outward Bound</i>	LT: 4 tiết TH:3 tiết	<b>Chương 2</b> [1] pages 32 - 38; pages 40 - 48 [2] pages 65, 68, 73, 105, 122 [3] Passages [4] Reading
3	<b>Chương 3. Gender and Relationships</b> 3.1. Part 1: <i>Who's taking Care of the Children</i> 3.2. Part 2: <i>70 Brides for 7 Foreigners</i>	LT: 4 tiết TH:4 tiết	<b>Chương 3</b> [1] pages 58 – 64; pages 66 – 70 [2] pages 124, 131, 136, 148, 149 [3] Passages [4] Reading
4	<b>Chương 4. Health and Leisure</b> 4.1. Part 1: <i>Eat like a Peasant, Feel like a King</i> 4.2. Part 2: <i>Here Come the Tourists!</i>	LT: 4 tiết TH:4 tiết	<b>Chương 4</b> [1] pages 80 - 86; pages 90 – 97 [2] pages 157, 175, 176, 177 [3] Passages [4] Reading
5	<b>Chương 5. High Tech, Low Tech</b> 5.1. Part 1: <i>How Hybrid Cars work</i> 5.2. Part 2: <i>Leapfrogging the Technology Gap</i>	LT:4 tiết TH:3 tiết	<b>Chương 5</b> [1] pages 104 – 112; pages 113 - 119 [2] pages 216, 225 [3] Passages [4] Reading
6	<b>Kiểm tra</b>	LT:1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 4 (LT+TH)	<p><b>Chương 1. New Challenges</b>  <b>1.1. Part 1: First Impressions</b>            Ex.1. Reading without knowing every word            Ex.2. Recalling information            Ex.3. Analyzing paragraphs for the main idea and its development            Ex.4. Understanding the meaning of words from context            Ex.5. Analyzing suffixes            Ex.7. Understanding compound words            Ex.8. Around the Globe            Ex.9. Asking personal questions            Ex.10. Politeness            Ex.12. Using a <i>Continuum</i> (diagram)</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>            - Nghe giảng do giảng viên trình bày            - Thảo luận nhóm: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, dân cư của nước Mỹ; tính cách của người Mỹ.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>            - Đọc tài liệu            - Ghi chép            - Chuẩn bị câu hỏi            - Chuẩn bị thảo luận  <b>Địa điểm học:</b>            Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá            Test yourself;            thảo luận nhóm            - Hình thức đánh giá:            +bài viết nộp tại lớp;            +báo cáo của nhóm trước lớp</p>
Buổi học 2 Số tiết: 4 (LT+TH)	<p><b>Chương 1. New Challenges</b>  <b>1.2. Part 2: My Country</b>            Ex.1. Getting the meaning of words from context and structure            Ex.2. Reading an article            Ex.3. Checking your comprehension            Ex.4. Analyzing prefixes <i>Non-</i> and <i>Anti-</i>            Ex.5. Analyzing four more suffixes</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>            - Nghe giảng do giảng viên trình bày            - Thảo luận nhóm: Tìm hiểu về điều kiện tự nhiên, lịch sử của đất nước Canada; tính cách của người Canada.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>            - Đọc tài liệu            - Ghi chép            - Chuẩn bị câu hỏi            - Chuẩn bị thảo luận  <b>Địa điểm học:</b>            Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá            Test yourself;            thảo luận nhóm            - Hình thức đánh giá:            +bài viết nộp tại lớp;            +báo cáo của nhóm trước lớp</p>
Buổi học 3	<b>Chương 2. Teamwork</b>	H1	<b>Phương pháp dạy</b>	- Bài đánh giá

Số tiết: 4 (LT+TH)	<b>and Competition</b> <b>2.1. Part 1: Beckham: An Autobiography</b> Ex.1. Getting the meaning of idiomatic expressions from context Ex.2. Getting the meaning of specialized terms from context Ex.3. Reading without knowing every word Ex.4. Finding the sequence of events Ex.5. Guided academic conversation	H2 H3	<b>học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận về tính cạnh tranh, cách làm việc nhóm qua bài tự truyện của David Beckham. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Test yourself; thảo luận nhóm - Hình thức đánh giá: +bài viết nộp tại lớp; +báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 4 Số tiết: 4 (LT+TH)	<b>Chương 2. Teamwork and Competition</b> <b>2.2. Part 2: Outward Bound</b> Ex.1. Using the context to infer the meaning of words Ex.2. Scanning for numbers Ex.3. Selecting the main idea Ex.4. Understanding Metaphors Ex.5. Using compound adjectives Ex.6. Inferring meaning: Same or Opposite?	H1 H2 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Môi trường làm việc nhóm đã mang lại thành công lớn cho công ty của CEO Kim Ssang Su. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself; thảo luận nhóm - Hình thức đánh giá: +bài viết nộp tại lớp; +báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 5 Số tiết: 4 (LT+TH)	<b>Chương 3. Gender and Relationships</b> <b>3.1. Part 1: Who's taking Care of the Children</b> Ex.1. Skimming for the general idea Ex.2. Matching words to their definitions Ex.3. Recalling	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Bài đánh giá Test yourself; thảo luận nhóm - Hình thức đánh giá: +bài viết nộp tại lớp; +báo cáo của

	<p>information</p> <p>Ex.4. Reading a chart for information</p> <p>Ex.5. Guided academic conversation: Presenting your ideas</p>		<p>- Thảo luận nhóm: Người Mỹ đã giải quyết việc chăm sóc con cái như thế nào khi cả bố mẹ đều đi làm.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	nhóm trước lớp
<p>Buổi học 6</p> <p>Số tiết: 4</p> <p>(LT+TH)</p>	<p><b>Chương 3. Gender and Relationships</b></p> <p><b>3.2. Part 2: 70 Brides for 7 Foreigners</b></p> <p>Ex.1. Scanning for facts</p> <p>Ex.2. Distinguishing between general and specific statements</p> <p>Ex.3. Selecting the main idea</p> <p>Ex.4. Recalling antonyms</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Tìm hiểu cách tổ chức dịch vụ cung cấp cô dâu Nga cho người nước ngoài.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá</p> <p>Test yourself;</p> <p>thảo luận nhóm</p> <p>- Hình thức đánh giá:</p> <p>+bài viết nộp tại lớp;</p> <p>+báo cáo của nhóm trước lớp</p>
<p>Buổi học 7</p> <p>Số tiết: 4</p> <p>(LT+TH)</p>	<p><b>Chương 4. Health and Leisure</b></p> <p><b>4.1. Part 1: Eat like a Peasant, Feel like a King</b></p> <p>Ex.1. Using headings to preview</p> <p>Ex.2. Getting meaning from context</p> <p>Ex.3. Recalling information</p> <p>Ex.4. Paraphrasing main ideas</p> <p>Ex.5. Recognizing synonyms</p> <p>Ex.6. Ranking foods on a continuum</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Ảnh hưởng của các loại thực phẩm khác nhau đối với sức khỏe con người.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá</p> <p>Test yourself;</p> <p>thảo luận nhóm</p> <p>- Hình thức đánh giá:</p> <p>+bài viết nộp tại lớp;</p> <p>+báo cáo của nhóm trước lớp</p>

			- Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
Buổi học 8 Số tiết: 4 (LT+TH)	<b>Chương 4. Health and Leisure</b> <b>4.2. Part 2: Here Come the Tourists!</b> Ex.1. Skimming for the point of view Ex.2. Analyzing the point of view Ex.3. Getting the meaning of words from context Ex.4. Distinguishing between fact and opinion Ex.5. Scanning for vocabulary Ex.7. Comparing and contrasting with a venn diagram	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: tác động và ảnh hưởng của khách du lịch đối với những địa danh họ tới. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself; thảo luận nhóm - Hình thức đánh giá: +bài viết nộp tại lớp; +báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 9 Số tiết: 4 (LT+TH)	<b>Chương 5. High Tech, Low Tech</b> <b>5.1. Part 1: How Hybrid Cars work</b> Ex.1. Skimming for the general idea Ex.2. Scanning for definitions of key terms Ex.3. Inferring the meaning of expressions from context and vocabulary Ex.4. Inferring the meaning of specialized terms Ex.5. Filling out a chart for comparison Ex.6. Talking it over	H1 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: các dòng xe lai và ý nghĩa của chúng đối với môi trường. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself; thảo luận nhóm - Hình thức đánh giá: +bài viết nộp tại lớp; +báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 10 Số tiết: 3 (LT+TH+KTra)	<b>Chương 5. High Tech, Low Tech</b> <b>5.2. Part 2: Leapfrogging the Technology Gap</b> Ex.1. Identifying the	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp	- Bài đánh giá Test yourself; thảo luận nhóm - Hình thức

	<p>pattern of organization Ex.2. Outlining the specific details Ex.3. Analyzing the main point (thesis) of an article Ex.4. Understanding compound words Ex.5. Creating a study outline</p> <p><b>-Kiểm tra</b></p>		<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: những thành tựu của công nghệ thông tin đã mang lại nhiều thay đổi cho các quốc gia đang phát triển.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p> <p><b>Làm bài kiểm tra theo yêu cầu</b></p>	<p>đánh giá: +bài viết nộp tại lớp; +báo cáo của nhóm trước lớp</p>
--	---	--	---	---

## 6. Tài liệu học tập:

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Brenda Wegmann, Miki Knezevic (2007), *Mosaic 1 Reading*, Mc Graw-Hill (Silver Edition)

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Pamela Hartmann, Elaine Kirn (2007), *Interactions 2 Reading*, Mc Graw-Hill (Silver Edition)

[3] Sam McCarter and Norman Whitby (2014), *Reading for IELTS 4.5 – 6.0*, Macmillan

[4] Nhiều tác giả, *First Certificate in English (FCE)*, Cambridge University Press

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả	H1 H2 H3	20%

		đề ra.	bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.		
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3	
4	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H3 H4	30%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3	30%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần:

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên sau khi nghiên cứu học phần; mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương thức đánh giá: Thi tự luận, trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

Th.S Bùi Thị Tịnh

ThS. Ngô Văn Thông



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG ANH 3**  
**Mã học phần: FL213642**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Viết tiếng Anh 2-FL213641

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Phượng; Số điện thoại: 0914.072.766;

Email: ntkphuong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Lệ Hằng; Số điện thoại: 0946978282;

Email: nlhang@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Viết tiếng Anh 3 thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thiết kế dành cho sinh viên năm thứ hai khoa Ngoại ngữ, có trình độ tiếng Anh trung cấp và muốn đạt đến trình độ tương đương bậc 4 đến cận bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. Đây là học phần bắt buộc tiến hành song song với các học phần Nghe tiếng Anh 3, Nói tiếng Anh 3, Đọc tiếng Anh 3 nhằm phát triển kỹ năng Viết bài luận tiếng Anh rõ ràng, tương đối chặt chẽ, chi tiết với nhiều chủ đề tương đối phức tạp, thể hiện khả năng tổ chức văn bản, sử dụng từ ngữ và các công cụ liên kết, có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về cấu trúc một bài luận; các bài mẫu và bài tập thực hành xác định câu luận đề, xây dựng dàn bài khi viết luận, các kiểu viết mở bài và kết luận; các kiểu bài luận khác nhau; tầm quan trọng và các nguyên tắc, các phương tiện để đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một bài luận; các chiến lược quản lý thời gian trong viết luận dưới áp lực thời gian.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:* Học phần Viết 3 trang bị cho sinh viên

MT1. kiến thức về kết cấu và kỹ năng biên tập kết cấu của 1 bài luận

MT2. kiến thức và kỹ năng viết và đánh giá câu luận đề

MT3. kiến thức và kỹ năng viết và đánh giá dàn ý chi tiết

MT4. kiến thức và kỹ năng viết và đánh giá đoạn mở đầu

MT5. kiến thức và kỹ năng viết và đánh giá đoạn kết luận

MT6. kiến thức và kỹ năng viết và đánh giá phần thân bài

MT7. kiến thức và kỹ năng viết và đánh giá tính thống nhất và mạch lạc của bài viết

MT8. kiến thức và kỹ năng phân tích yêu cầu bài viết và chiến lược quản lý thời gian

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Viết 3, sinh viên có khả năng

H1. viết bài luận tiếng Anh rõ ràng, tương đối chặt chẽ, chi tiết với nhiều chủ đề tương đối phức tạp

H2. tổ chức bài luận phù hợp, rõ ràng về kết cấu, bố cục

H3. sử dụng từ ngữ và các công cụ liên kết phù hợp, linh hoạt

H4. làm nổi bật những ý quan trọng, mở rộng lập luận và quan điểm hỗ trợ cho bài viết với các bằng chứng, ví dụ cụ thể và tóm tắt dẫn đến kết luận phù hợp

H5. phát triển các lập luận một cách hệ thống, nêu bật được những ý chính và có những minh họa phù hợp

H6. tổng hợp thông tin và lập luận từ nhiều nguồn khác nhau

H7. nắm vững kiến thức về kết cấu bài luận và vận dụng các kỹ năng đã học để áp dụng vào việc viết bài luận

H8. đánh giá được bài luận sử dụng các kiến thức về kết cấu, công cụ liên kết, ... đã học

3.3. *Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
H1	C8	C9
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6		x
H7		x
H8	x	

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1. The Structure of an Essay</b> 1.1. The Structure of an Essay 1.2. Thesis statements 1.3. Writing thesis statements 1.4. Review	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Chapter 8: The Structure of an Essay [2] Chapter 8: The Essay [3] Chapter 6: From Paragraph to Essay; Chapter 7: The Thesis Statement
2	<b>Chapter 2. Outlining an Essay</b> 2.1. What is an outline? 2.2. Writing an outline 2.3. Evaluating an outline 2.4. Review	LT: 5 tiết BT: 4 tiết	[1] Chapter 9: Outlining an Essay [2] Chapter 8: The Essay
3	<b>Chapter 3. Introductions and Conclusions</b> 3.1. The Importance of Introductions and Conclusions 3.2. The Introduction 3.3. The conclusion 3.4. Review	LT: 4 tiết BT: 3 tiết	[1] Chapter 10: Introductions and Conclusions [2] Chapter 8: The Essay [3] Chapter 8: The Introductory Paragraph; Chapter 9: The Concluding Paragraph
4	<b>Chapter 4. Body paragraphs</b> 4.1. Concrete support 4.2. Topic sentences and Concluding sentences in Body paragraphs 4.3. Mechanics 4.4. Review	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[3] Chapter 10: Body paragraphs [2] Chapter 8: The Essay; Chapter 9: Patterns of Essay organization
5	<b>Chapter 5. Unity and Coherence</b> 5.1. Unity in writing	LT: 4	[1] Chapter 11: Unity and Coherence [2] Chapter 3: Unity and outlining;

5.2. Coherence in writing 5.3. Review	tiết BT: 3 tiết	Chapter 4: Coherence [3] Chapter 4: Coherence and cohesion; Chapter 5: Unity and completeness
--	-----------------------	--

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1+2/ 8	<b>Chapter 1. The Structure of an Essay</b> 1.1. The Structure of an Essay 1.2. Thesis statements 1.3. Writing thesis statements 1.4. Review	H1 H2	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: các nguyên tắc viết và đánh giá câu luận đề - Thực hành: viết câu luận đề từ các chủ đề cho sẵn. + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi - Làm bài tập tại lớp + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp
3+4+5/9	<b>Chapter 2. Outlining an Essay</b> 2.1. What is an outline? 2.2. Writing an outline 2.3. Evaluating an outline 2.4. Review	H1 H2 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: viết và đánh giá 1 dàn ý chi tiết (theo nhóm) + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp
5+6/ 7	<b>Chapter 3. Introductions and Conclusions</b> 3.1. The Importance of Introductions and Conclusions 3.2. The Introduction 3.3. The conclusion 3.4. Review	H1 H2 H4	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: viết và đánh giá đoạn mở đầu và đoạn kết luận (theo cặp) + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp
7+8/ 8	<b>Chapter 4. Body paragraphs</b>	H1 H2	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua

	4.1. Concrete support 4.2. Topic sentences and Concluding sentences in Body paragraphs 4.3. Mechanics 4.4. Review	H4 H5 H6	+ Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: viết và đánh giá phần thân bài (theo nhóm) + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	email + Báo cáo của nhóm trước lớp
9+10/7	<b>Chapter 5. Unity and Coherence</b> 5.1. Unity in writing 5.2. Coherence in writing 5.3. Review	H1 H2 H3	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: đánh giá tính thống nhất và mạch lạc của bài luận (theo nhóm) + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Zemach, Dorothy E & Rumisek, Lisa A (2005). *Academic Writing – From Paragraph to Essay*, Macmillan Publishers Limited, Oxford.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Alice Oshima & Ann Hogue (2002). *Writing academic English*, third edition (giới thiệu và chú giải, Lê Huy Lâm), NXB TP Hồ Chí Minh.

[3] Cynthia A. Boardman & Jia Frydenberg (2002). *Writing to communicate: Paragraphs and Essays*, Second edition, Pearson Education, Inc

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Viết 1 bài luận hoàn chỉnh và đánh giá 1 bài luận của 1 cá nhân khác

### 7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H7 H8	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H7 H8	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H7 H8	10%
4	Bài tập lớn	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên	Thông qua bài viết, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	30%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8	30%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh	Thi tự luận	H1 H2

viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.		H3 H4 H5 H6 H7 H8
---	--	----------------------------------

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: LUYỆN ÂM**  
**Mã học phần: FL213520**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Nguyễn Thị Tường Như; Số điện thoại: 091.440.7989

Email: nttthu@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Luyện Âm cung cấp những kiến thức cơ bản về ngữ âm tiếng Anh, giúp tạo nền móng cho sinh viên chuyên ngữ phát triển tốt hai kỹ năng nghe và nói. Người học có khả năng phát âm tự nhiên, sử dụng ngữ điệu và thẩm thấu được giọng nói của người bản xứ khi nghe. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên viết chính tả tiếng Anh chính xác hơn do nắm được sự liên kết giữa âm và chữ viết.

Học phần gồm 6 chương chính; ba chương đầu tiên giới thiệu các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, và phụ âm trong tiếng Anh; ba chương cuối trình bày về các tổ hợp phụ âm, dấu nhấn và sự nói âm.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Luyện Âm sẽ trang bị cho người học kiến thức về:*

MT1. các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm của tiếng Anh.

MT2. các tổ hợp phụ âm ở đầu, giữa và cuối từ.

MT3. dấu nhấn từ, dấu nhấn câu.

MT4. cách nói âm giữa phụ âm và nguyên âm, nguyên âm và nguyên âm trong câu của tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Luyện Âm, người học có khả năng:*

H1. phát âm chính xác nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm của tiếng Anh.

H2. phát âm tự nhiên và chính xác các tổ hợp phụ âm ở đầu, giữa, và cuối từ.

H3. nhấn đúng âm của các từ có hai âm tiết trở lên, phát triển ngữ điệu.

H4. nói được phụ âm - nguyên âm, nguyên âm - nguyên âm giữa các từ trong câu.

*Sau khi học xong học phần Luyện Âm, người học:*

H5. ý thức được sự tương đồng và khác biệt về mặt ngữ âm của hai ngôn ngữ. Có tinh thần trau dồi ngôn ngữ tiếng Anh đồng thời có ý thức giữ gìn, phát huy sự trong sáng, giàu đẹp của tiếng mẹ đẻ.

H6. có nhận thức đúng về môn Luyện Âm, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi đến lớp cũng như khi tự học ở nhà, hiểu rõ được tầm quan trọng của việc phát âm đúng, tự nhiên, trong việc học ngoại ngữ. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Người học cần có tinh thần hợp tác để làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1: Vowels</b> 1.1. Vowels /ɪ/ /i:/ 1.2. Vowels /u:/ /ʊ/ 1.3. Vowels /ɑ:/ /ʌ/ 1.4. Vowels /ɒ/ /ɔ:/ 1.5. Vowels /e/ /æ/	LT: 5 tiết TH: 4 tiết	[1] Bài 2 - 6, trang 12 - 21 [2] Bài 1 - 14, trang 1- 52
2	<b>Chương 2: Diphthongs</b> 2.1. Diphthongs /ɪə/ /eə/ 2.2. Diphthongs /eɪ/ /aɪ/ /ɔɪ/ 2.3. Diphthongs /əʊ/ /aʊ/	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Bài 8 - 10, trang 24 -28 [2] Bài 15 - 22, trang 54 - 76
3	<b>Chương 3: Consonants</b> 3.1. Consonants /θ/ /ð/ 3.2. Consonants /ʃ/ /ʒ/ 3.2. Consonants /tʃ/ /dʒ/	LT: 3 tiết TH: 3 tiết	[1] Bài 15, 17, 18 trang 38 - 45 [2] Bài 32 - 35, trang 114 - 124, 151 - 155
4	<b>Chương 4: Clusters</b> 4.1. Medial clusters 4.2. Initial clusters 4.3. Final clusters	LT: 3 tiết TH: 2 tiết	[1] Bài 14 - 16, trang 56 - 60
5	<b>Chương 5: Stress</b> 5.1. Word stress 5.2. Sentence stress	LT: 3 tiết TH: 3 tiết	[1] Bài 6, 7, 8 trang 24 - 27
6	<b>Chương 6: Sound linking</b> 6.1. Consonant-to-vowel linking 6.2. Vowel-to-vowel linking	LT: 3 tiết TH: 3 tiết	[1] Bài 34, 35, trang 76 - 79
7	<b>Chương 7: Review and trial tests</b>	LT: 1 tiết TH: 1 tiết	



## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 9	<b>Chương 1.</b> 1.1. Pizza for dinner /ɪ/ and /i:/ 1.2. A spoonful of sugar /u:/ and /ʊ/ 1.3. Father and mother /ɑ:/ and /ʌ/ 1.4. A dog in the corner /ɒ/ and /ɔ:/ 1.5. Bread and jam /e/ and /æ/	H1 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, làm mẫu - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Quan sát kỹ khi giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn - Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài nghe: nhận biết sự khác nhau của các cặp âm tương đồng, dễ gây nhầm lẫn (minimal pairs) + Bài đọc to - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài nghe: bằng bài viết nộp tại lớp + Bài đọc to: đọc cho giảng viên nghe tại lớp, thu âm và gửi email khi về nhà
Số tiết: 5	<b>Chương 2.</b> 2.1. Here and there /ɪə/ and /eə/ 2.2. Have a great time /eɪ/, /aɪ/ and /ɔɪ/ 2.3. Old town /əʊ/ and /aʊ/	H1 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, làm mẫu - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Quan sát kỹ khi giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn - Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài nghe: nhận biết sự khác nhau của các cặp âm tương đồng, dễ gây nhầm lẫn (minimal pairs) + Bài đọc to - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài nghe: bằng bài viết nộp tại lớp + Bài đọc to: đọc cho giảng viên nghe trên lớp, thu âm và gửi email khi về nhà

Số tiết: 6	<b>Chương 3.</b> 3.1. Both together /θ/ and /ð/ 3.2. Fresh fish, usually /ʃ/ and /ʒ/ 3.2. Chips and juice /tʃ/ and /dʒ/	H1 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, làm mẫu - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Quan sát kĩ khi giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn - Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài nghe: nhận biết sự khác nhau của các cặp âm tương đồng, dễ gây nhầm lẫn (minimal pairs) + Bài đọc to - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài nghe: bằng bài viết nộp tại lớp + Bài đọc to: đọc cho giảng viên nghe trên lớp, thu âm và gửi email khi về nhà
Số tiết: 5	<b>Chương 4.</b> 4.1. Sunglasses and umbrella? Consonant groups in the middle of words 4.2. Train in the rain Consonant groups at the beginning of words 4.3. Pink and orange Consonant groups at the end of words	H1 H2 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, làm mẫu - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Quan sát kĩ khi giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn - Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài nghe: nhận biết được các tổ hợp phụ âm ở đầu, giữa, và cuối từ + Bài đọc to - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài nghe: bằng bài viết nộp tại lớp + Bài đọc to: đọc cho giảng viên nghe trên lớp, thu âm và gửi email khi về nhà
Số tiết: 6	<b>Chương 5.</b> 5.1. Single and return? Stress in two syllable words 5.2. Begin at the beginning Stress in longer words	H1 H2 H3 H5 H6	Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, làm mẫu - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do	- Bài đánh giá + Bài nghe: nhận biết được dấu nhấn của từ có từ hai âm tiết trở lên + Bài đọc to - Hình thức đánh

	5.3. Remember, he told her Introducing sentence stress		giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Quan sát kỹ khi giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn - Địa điểm học: Giảng đường	giá của từng bài: + Bài nghe: bằng bài viết nộp tại lớp + Bài đọc to: đọc cho giảng viên nghe trên lớp, thu âm và gửi email khi về nhà
Số tiết: 6	<b>Chương 6.</b> 6.1. Speak it, write it, read it Linking words together 1 6.2. Me and you, you and me Linking words together 2	H1 H2 H3 H4 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, làm mẫu - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Đọc tài liệu + Ghi chép + Quan sát kỹ khi giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn - Địa điểm học: Giảng đường	- Bài đánh giá: + Bài nghe: nhận biết được những chỗ nối âm giữa phụ âm và nguyên âm, nguyên âm và nguyên âm trong câu + Bài đọc to - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài nghe: bằng bài viết nộp tại lớp + Bài đọc to: đọc cho giảng viên nghe trên lớp, thu âm và gửi email khi về nhà
Số tiết: 2	<b>Chương 7.</b> Review and trial tests	H1 H2 H3 H4 H5 H6	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, làm mẫu, ôn tập - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày + Xem giảng viên làm mẫu + Thực hành cá nhân, theo cặp, theo nhóm - Yêu cầu sinh viên: + Ghi chép + Quan sát kỹ khi	- Bài đánh giá: + Bài đọc to - Hình thức đánh giá: đọc cho giảng viên nghe trên lớp, thu âm và gửi email khi về nhà

			giảng viên làm mẫu + Thực hành liên tục cho đến khi đạt được sự nhuần nhuyễn + Tự nhận xét tiến độ học tập - Địa điểm học: Giảng đường	
--	--	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Jonathan Mark (2007). *English Pronunciation in Use, Elementary*. Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Ann Baker (2006). *Ship or Sheep, 3rd Edition*, Cambridge University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập và bài đọc to trên lớp của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5 H6

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Bùi Thị Tịnh****ThS. Nguyễn Thị Tường Như**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGỮ PHÁP ỨNG DỤNG**  
**Mã học phần: FL213503**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: *không*

Học phần học trước: *không*

Học phần tiên quyết: *không*

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Ngô Văn Thông; Số điện thoại: 0343065978;

Email: nvthong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngữ pháp ứng dụng là học phần tự chọn trong nhóm Học phần tự chọn thuộc khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ loại (parts of speech): danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, đại từ, giới từ, liên từ, từ hạn định; về cụm từ (phrases); về mệnh đề (clauses); về các loại câu (sentences) trong Tiếng Anh. Những kiến thức này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích và khả năng ứng dụng ngữ pháp tiếng Anh trong việc học tập, giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ Anh.

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức văn phạm, cú pháp của ngôn ngữ Anh, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Anh như nghe, nói, đọc, viết.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:****3.1. Mục tiêu học phần**

Học phần Ngữ pháp ứng dụng trang bị cho sinh viên

MT1. những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh;

MT2. các kỹ năng nhận biết, phân tích và sử dụng các loại từ loại, cụm từ, mệnh đề, các loại câu cơ bản;

MT3. các cách xác định ý nghĩa, chức năng của từ loại, cụm từ, mệnh đề, các loại câu cơ bản;

MT4. cách vận dụng kiến thức ngữ pháp trong các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi học xong học phần Ngữ pháp ứng dụng, sinh viên có khả năng:

H1. nắm vững những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, mệnh đề và câu trong tiếng Anh;

H2. nắm bắt và áp dụng kiến thức về từ loại, cụm từ, mệnh đề và câu trong việc củng cố kiến thức ngữ pháp, phát triển từ vựng;

H3. vận dụng các kỹ năng nhận biết, phân tích và sử dụng các loại từ loại, cụm từ, mệnh đề, các loại câu cơ bản thông qua hệ thống bài tập;

H4. phát triển kỹ năng thuyết trình, phê phán, kỹ năng làm việc nhóm, và các kỹ năng tiếng Anh khác.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	C9	C12	C24
H1	x	x	
H2	x	x	
H3	x	x	
H4			x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Introductory units</b> <b>1.1.</b> Parts of speech <b>1.2.</b> Phrases, sentences and clauses	LT: 1 tiết	[1]: <i>Parts of speech; Phrases, sentences and clauses</i> (Introduction) [2] <i>Parts of speech; Phrases, sentences and clauses</i> (Introduction)
2	<b>Chương 2. Parts of speech</b> <b>2.1. Nouns</b> - Classification - Syntactical functions - Number - Case - Gender - Noun patterns <b>2.2. Verbs</b> - Auxiliary verbs and lexical verbs - Modal verbs - The use of tenses - Conditional sentences - The passive voice - Reported speech <b>2.3. Adjectives</b> - Kinds of adjectives - Positions of adjectives - Order of adjectives in a noun phrase - Nouns used as adjectives - Adjective patterns <b>2.4. Adverbs</b> - Form and use - Kinds of adverbs - Positions of adverbs - Inversion after the verbs <b>2.5. Pronouns</b> - Kinds of pronouns - The use of pronouns <b>2.6. Prepositions</b> - Significance of prepositions - Forms of prepositions - Kinds of prepositions <b>2.7. Conjunctions</b> - Significance of conjunctions - Coordinating conjunctions - Subordinating conjunctions <b>2.8. Determiners</b> - Significance of determiners - Specific determiners - General determiners	LT: 10 tiết BT: 9 tiết	[1] các mục <i>Nouns; Verbs; Adjectives; Adverbs</i> [2] các mục <i>Nouns; Verbs; Adjectives; Adverbs; Pronouns; Prepositions; Conjunctions; Determiners</i> [3] <i>Nouns</i> [4] <i>Adjectives</i> [5] các chương 2,3,4,5,6,7,8,9

3	<b>Chương 3. Phrases, Sentences and Clauses</b> <b>3.1. Phrases</b> - The common phrases - Functions of phrases <b>3.2. Sentences and clauses</b> - Simple sentences - Compound sentences - Complex sentences - Noun clauses - Adjective clauses - Adverb clauses	LT: 5 tiết BT: 5tiết	[1] các mục <i>Basic sentence structure; related clauses and participle clauses; other kinds of clauses</i> [5] các chương 10, 11, 12
---	---	-------------------------	--

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ Số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 4	<b>Chương 1. Introductory units</b> <b>1.1. Parts of speech</b> <b>1.2. Phrases, sentences and clauses</b> <b>Chương 2. Parts of speech</b> <b>2.1. Nouns</b> 2.1.1. Classification 2.1.2. Syntactical functions 2.1.3. Number 2.1.4. Case 2.1.5. Gender 2.1.6. Noun patterns	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đặc điểm của từ loại, của cụm từ, của mệnh đề, của các loại câu cơ bản trong tiếng Anh; các loại danh từ, ý nghĩa và chức năng của danh từ <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 2 Số tiết: 4	<b>Chương 2. Parts of speech</b> <b>2.2. Verbs</b> 2.2.1. Auxiliary verbs and lexical verbs 2.2.2. Modal verbs 2.2.3. The use of tenses 2.2.4. Conditional	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bằng bài viết nộp tại lớp



	sentences 2.2.5. The passive voice 2.2.6. Reported speech		- Thảo luận nhóm: Đặc điểm và chức năng của các nhóm động từ trong tiếng Anh; các thì ngữ pháp, các loại câu điều kiện, câu gián tiếp, câu bị động <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
Buổi học 3 Số tiết: 4	<b>Chương 2. Parts of speech</b> <b>2.3. Adjectives</b> 2.3.1. Kinds of adjectives 2.3.2. Positions of adjectives 2.3.3. Order of adjectives in a noun phrase 2.3.4. Nouns used as adjectives 2.3.5. Adjective patterns <b>2.4. Adverbs</b> 2.4.1. Form and use 2.4.2. Kinds of adverbs 2.4.3. Positions of adverbs 2.4.4. Inversion after the verbs	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Đặc điểm của các loại tính từ, trạng từ trong tiếng Anh; cách sắp xếp vị trí của tính từ, trạng từ trong cụm từ, trong câu Tiếng Anh <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 4 Số tiết: 4	<b>Chương 2. Parts of speech</b> <b>2.5. Pronouns</b> 2.5.1. Kinds of pronouns 2.5.2. The use of pronouns <b>2.6. Prepositions</b> 2.6.1. Significance of prepositions 2.6.2. Forms of prepositions	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: chức năng sử dụng của các loại đại từ,	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bảng bài viết nộp tại lớp

	2.6.3. Kinds of prepositions		ý nghĩa của các nhóm giới từ trong tiếng Anh <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
Buổi học 5 Số tiết: 4	<b>Chương 2. Parts of speech</b> <b>2.7. Conjunctions</b> 2.7.1. Significance of conjunctions 2.7.2. Coordinating conjunctions 2.7.3. Subordinating conjunctions <b>2.8. Determiners</b> 2.8.1. Significance of determiners 2.8.2. Specific determiners 2.8.3. General determiners	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: chức năng của các loại liên từ, các từ xác định; ý nghĩa và cách phân loại liên từ, từ xác định <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 6 Số tiết: 2	<b>Chương 3. Phrases, Sentences and Clauses</b> <b>3.1. Phrases</b> 3.1.1. The common phrases 3.1.2. Functions of phrases	H1 H2	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: cụm từ và chức năng của cụm từ <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bảng bài viết nộp tại lớp

Buổi học 7 Số tiết: 4	<b>Chương 3.</b> <b>3.2. Sentences and clauses</b> 3.2.1. Simple sentences 3.2.2. Compound sentences 3.2.3. Complex sentences	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: cấu trúc của các loại câu đơn, câu ghép, câu phức trong tiếng Anh <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học 8 Số tiết: 4	<b>Chương 3.</b> <b>3.2. Sentences and clauses</b> 3.2.4. Noun clauses 3.2.5. Adjective clauses 3.2.6. Adverb clauses	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: chức năng, cấu trúc các mệnh đề: mệnh đề danh từ, mệnh đề tính từ, mệnh đề trạng từ <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá: Test yourself - Hình thức đánh giá: Bảng bài viết nộp tại lớp

## 6. Tài liệu học tập:

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Collins Cobuild (2006), *Intermediate English Grammar*, The University of Birmingham

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Raymond Murphy (2012), *English Grammar in use*, Fourth Edition, Cambridge University Press

[3] Trần Trọng Dương (2008), *Handbook of English Noun Usage*, Nxb Từ Điển Bách Khoa Hà Nội

[4] Lê Tuệ Minh (2009), *Manual use of English Adjective*, Nxb Đại học Sư Phạm Tp Hồ chí Minh

[5] Nguyễn Đức Tâm (2014), *Mind map English Grammar*, Nxb tổng hợp TP Hồ Chí Minh

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:****7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

**7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu****8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%****8.2. Thành phần, mục đích, và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	H1 H2 H3	40%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần:**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương thức kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên sau khi nghiên cứu học phần; mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương thức đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Bùi Thị Tịnh****ThS. Ngô Văn Thông**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGHE TIẾNG ANH NÂNG CAO**  
**Mã học phần: FL213613**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: [btinh@ttn.edu.vn](mailto:btinh@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Hoàng Khánh Bảo; Số điện thoại: 0903519558

Email: [hkbao@ttn.edu.vn](mailto:hkbao@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần nghe tiếng Anh nâng cao là một trong bốn học phần tự chọn Nghe, Đọc, Nói, Viết nâng cao để phát triển kỹ năng nghe hiểu nâng cao cho sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần nghe tiếng Anh nâng cao giúp sinh viên phát triển các kỹ năng nghe ở cấp độ cao như: nghe và nhận biết ngụ ý của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh từ việc nghe các cuộc đàm thoại, các bài diễn thuyết, các bản tin trên truyền hình, các thông báo... bằng tiếng Anh; giúp sinh viên hình thành các phản xạ ngôn ngữ thích hợp trong từng ngữ cảnh.

Ngoài ra học phần nghe tiếng Anh nâng cao còn giúp sinh viên nhận biết vai trò quan trọng của các chức năng ngôn ngữ trong việc nắm bắt thông tin từ người nói hoặc bài nghe; tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về đất nước và con người của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần nghe tiếng Anh nâng cao sẽ:

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về kỳ nghỉ, du lịch, tuổi trẻ, thiên nhiên, môi trường, gia đình, giáo dục, văn hóa, xã hội hiện đại, khoa học và công nghệ.

MT2. cung cấp cho người học kiểu loại bài nghe về những chủ đề phức tạp và trừu tượng, kiểu loại bài nghe có cấu trúc không rõ ràng và mối quan hệ giữa các ý không tường minh.

MT3. hướng dẫn cho người học các kỹ năng nghe ở cấp độ cao như nghe và nhận biết ngụ ý của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh.

MT4. hướng dẫn cho người học cách theo dõi và hiểu được những tranh luận hay lập luận mang tính trừu tượng, những thông tin cần thiết khi nghe các thông báo qua các phương tiện thông tin đại chúng và các ý chính của các văn bản ghi âm giữa những người bản ngữ; hướng dẫn cho người học các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần nghe tiếng Anh nâng cao, người học có khả năng:*

H1. hiểu được các hội thoại phức tạp bằng tiếng Anh giữa người bản ngữ ngay cả khi nội dung là những chủ đề trừu tượng, phức tạp, không quen thuộc; hiểu được các thông tin cụ thể nhất định từ các thông báo công cộng bằng tiếng Anh với âm thanh có nhiễu như ở nhà ga, sân bay.

H2. dự đoán được và hiểu được một cách dễ dàng các bài giảng, các cuộc thảo luận, các cuộc tranh luận và các dạng trình bày khác trong học thuật hay nghề nghiệp bằng tiếng Anh.

H3. hiểu được và vận dụng được các thông tin kỹ thuật phức tạp như hướng dẫn vận hành, chi tiết kỹ thuật, các sản phẩm và dịch vụ quen thuộc; phân tích được tâm trạng, giọng điệu

của người nói; đánh giá được ngụ ý của người nói cũng như nội dung thông tin được phát ngôn.

H4. vận dụng được kỹ năng thuyết trình và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

H5. ứng dụng được các kỹ năng nghe và nhận biết ngụ ý của người nói và nghe hiểu hàm ý từ ngữ cảnh.

*Sau khi học xong học phần nghe tiếng Anh nâng cao, người học:*

H6. có nhận thức đúng về kỹ năng nghe, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp và nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng nghe hiểu trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, tích cực, sáng tạo trong quá trình học tập và có ý thức tự nghiên cứu, tự học để nâng cao năng lực của bản thân, có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. On the move</b> 1.1. Vocabulary about holidays and travel 1.2. Practice exercises about completing forms 1.3. Practice exercises about matching 1.4. Practice exercises about answering multiple choice questions 1.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 8 – 15 [2] ,[3]
2	<b>Chương 2. Being young</b> 2.1. Vocabulary about youth 2.2. Practice exercises about completing tables 2.3. Practice exercises about labeling maps or plans 2.4. Practice exercises about completing the flow charts 2.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 16 - 23 [2] ,[3]
3	<b>Chương 3. Climate</b> 3.1. Vocabulary about nature and environment 3.2. Practice exercises about labeling a diagram 3.3. Practice exercises about completing notes 3.4. Practice exercises about classifying 3.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 24 - 31 [2] ,[3]
4	<b>Chương 4. Family structures</b> 4.1. Vocabulary about family matters 4.2. Practice exercises about answering short questions 4.3. Practice exercises about completing sentences / summaries 4.4. Practice exercises about selecting from a list	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 32 - 39 [2] ,[3]

	4.5. Exam practice		
5	<b>Chương 5. Starting university</b> 5.1. Vocabulary about education 5.2. Practice exercises about labeling maps or plans 5.3. Practice exercises about completing forms 5.4. Practice exercises about completing notes 5.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 40 - 47 [2] ,[3]
6	<b>Chương 6. Fame</b> 6.1. Vocabulary about culture and modern society 6.2. Practice exercises about matching sentence fragments 6.3. Practice exercises about answering multiple choice questions 6.4. Practice exercises about choosing answers from a list 6.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 48 - 55 [2] ,[3]
7	<b>Chương 7. Alternative Energy</b> 7.1. Vocabulary about science and technology 7.2. Practice exercises about completing flow charts 7.3. Practice exercises about answering short questions 7.4. Practice exercises about completing sentences / summaries 7.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 56 - 63 [2] ,[3]
8	<b>Chương 8. Migration</b> 8.1. Vocabulary about people and places 8.2. Practice exercises about classifying 8.3. Practice exercises about labeling a diagram 8.4. Practice exercises about completing tables 8.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 64 - 71 [2] ,[3]
9	<b>Chương 9. At the office</b> 9.1. Vocabulary about employment and finances 9.2. Practice exercises about classifying 9.3. Practice exercises about completing sentences / summaries 9.4. Practice exercises about completing tables 9.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 80 - 87 [2] ,[3]
10	<b>Chương 10. Local language</b> 10.1. Vocabulary about language and communication 10.2. Practice exercises about answering multiple choice questions 10.3. Practice exercises about labeling maps / plans 10.4. Practice exercises about selecting from a list 10.5. Exam practice	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 88 - 95 [2] ,[3]
11	<b>Review and Test</b>	LT: 1 tiết	



## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học: 1 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 1. On the move</b> 1.1. Vocabulary about holidays and travel 1.2. Practice exercises about completing forms 1.3. Practice exercises about matching 1.4. Practice exercises about answering multiple choice questions 1.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: holidays and travel <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (completing forms, matching, answering multiple choice questions) - Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 2 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 2. Being young</b> 2.1. Vocabulary about youth 2.2. Practice exercises about completing tables 2.3. Practice exercises about labeling maps or plans 2.4. Practice exercises about completing the flow charts 2.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: youth <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (completing tables, labeling maps or plans, completing the flow charts) - Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 3 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 3. Climate</b> 3.1. Vocabulary about nature and environment 3.2. Practice exercises about labeling a diagram 3.3. Practice exercises about completing notes 3.4. Practice exercises about classifying 3.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: nature and environment <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu	- Bài đánh giá Test yourself (labeling a diagram, completing notes, classifying) - Hình thức đánh giá của

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 4 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 4. Family structures</b> 4.1. Vocabulary about family matters 4.2. Practice exercises about answering short questions 4.3. Practice exercises about completing sentences / summaries 4.4. Practice exercises about selecting from a list 4.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: family matters</li> </ul> <b>Yêu cầu sinh viên:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá</li> <li>Test yourself (answering short questions, completing sentences / summaries, selecting from a list )</li> <li>-Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</li> </ul>
Buổi học: 5 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 5. Starting university</b> 5.1. Vocabulary about education 5.2. Practice exercises about labeling maps or plans 5.3. Practice exercises about completing forms 5.4. Practice exercises about completing notes 5.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: education</li> </ul> <b>Yêu cầu sinh viên:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá</li> <li>Test yourself (labeling maps or plans, completing forms, completing notes)</li> <li>-Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp</li> </ul>
Buổi học: 6 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 6. Fame</b> 6.1. Vocabulary about culture and modern society 6.2. Practice exercises about matching sentence fragments 6.3. Practice exercises about answering multiple choice questions 6.4. Practice exercises	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: fame</li> </ul> <b>Yêu cầu sinh viên:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá</li> <li>Test yourself (matching sentence fragments, answering multiple choice)</li> </ul>

	about choosing answers from a list 6.5. Exam practice		- Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	questions, choosing answers from a list) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 7 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 7. Alternative Energy</b> 7.1. Vocabulary about science and technology 7.2. Practice exercises about completing flow charts 7.3. Practice exercises about answering short questions 7.4. Practice exercises about completing sentences / summaries 7.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: science and technology <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (completing flow charts, answering short questions, completing sentences / summaries) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 8 Số tiết: 4 (LT + TH)	<b>Chương 8. Migration</b> 8.1. Vocabulary about people and places 8.2. Practice exercises about classifying 8.3. Practice exercises about labeling a diagram 8.4. Practice exercises about completing tables 8.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: people and places <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (classifying, labeling a diagram, completing tables) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 9 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 9. At the office</b> 9.1. Vocabulary about employment and finances 9.2. Practice exercises	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy</b>	- Bài đánh giá Test yourself

	about classifying 9.3. Practice exercises about completing sentences / summaries 9.4. Practice exercises about completing tables 9.5. Exam practice	H5 H6	<b>học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: employment and finances <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	(classifying, completing sentences / summaries, completing tables) -Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 10 Số tiết: 3 (LT + TH)	<b>Chương 10. Local language</b> 10.1. Vocabulary about language and communication 10.2. Practice exercises about answering multiple choice questions 10.3. Practice exercises about labeling maps / plans 10.4. Practice exercises about selecting from a list 10.5. Exam practice	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: language and communication <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (answering multiple choice questions, labeling maps / plans, selecting from a list) -Hình thức đánh giá của từng bài: bảng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 11 Số tiết: 1 (LT)	<b>Review and Test</b>	H1 H2 H3 H4 H5		Bài kiểm tra cuối khóa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Fiona Aish & Jo Tomlinson (2014), *Listening for IELTS*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP Hồ Chí Minh

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Brook-Hart, G. & Jakeman, V. (2012) *Complete IELTS*, Cambridge University Press.

[3] Tankar Baker (2018), *IELTS Academic*, Cambridge University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%****8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua việc tham gia lớp học, việc hoàn thành các nhiệm vụ tự học của sinh viên	H7	20%
2	Bài tập cá nhân/nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua mức độ hoàn thành các nhiệm vụ trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Bùi Thị Tịnh

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NÓI TIẾNG ANH NÂNG CAO**  
**Mã học phần: FL213623**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Hoàng Thị Hồng Nhung; Số điện thoại: 0914540808;

Email: nhunghoang2710@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Nói Tiếng Anh Nâng Cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được thiết kế dành cho sinh viên năm thứ ba, có trình độ tiếng Anh cao cấp và muốn đạt đến trình độ tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam. Đây là học phần tự chọn tiến hành song song với các học phần Nghe tiếng Anh nâng cao, Viết tiếng Anh nâng cao, và Đọc tiếng Anh nâng cao, để có thể phát triển kỹ năng nói thông qua trình bày một bài thuyết trình một cách rõ ràng, được tổ chức một cách khoa học về một chủ đề phức tạp, mở rộng và củng cố ý kiến của bản thân bằng những lập luận và các ví dụ minh họa liên quan, đồng thời có thể diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời, gần như không gặp khó khăn, có thể sử dụng tốt một vốn từ vựng lớn, đủ khả năng xử lý khi thiếu từ bằng lối nói vòng vo và kiểm soát cảm xúc tốt khi nói, thể hiện một cách tự nhiên hầu như không cần phải nỗ lực.

Học phần giúp người học phát triển các kỹ năng nói tiếng Anh để có thể giao tiếp, tranh luận, trình bày quan điểm cá nhân bằng bài nói độc lập, có kỹ năng sử dụng các phương tiện liên kết câu để đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc trong diễn đạt các ý của một bài nói độc lập, các chiến lược quản lý thời gian trong giao tiếp dưới áp lực thời gian.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

*3.1. Mục tiêu học phần:*

*Học phần Nói Tiếng Anh Nâng Cao sẽ:*

MT1. trang bị cho người học từ vựng tiếng Anh về các chủ đề hàng ngày như gia đình, bạn bè, nơi chốn, công việc, sức khỏe, phương tiện truyền thông, công nghệ, danh ngôn trong cuộc sống.

MT2. cung cấp cho người học các cấu trúc ngữ pháp nâng cao như sử dụng câu chẻ, mệnh đề phân từ, mệnh đề quan hệ giới từ, đảo ngữ, đại từ phản thân, mệnh đề It,.. để người học có thể vận dụng và diễn đạt tiếng Anh như người bản ngữ.

MT3. hướng dẫn cho người học các kỹ năng nói đàm thoại như tham gia vào các cuộc tranh luận, và trả lời các câu hỏi phức tạp một cách trôi chảy và phù hợp, hay mô tả rõ ràng, chi tiết về các chủ đề tổng hợp, thuyết phục người khác bằng ý kiến của cá nhân hay tiên đoán về các thay đổi trong tương lai.

MT4. hướng dẫn cho người học phát triển kỹ năng nói học thuật như cách mở đầu một bài nói ngắn trong 4 - 5 phút, triển khai các ý chính kết hợp đưa ví dụ minh họa để diễn đạt cho từng ý, và kết thúc bài nói học thuật một cách chặt chẽ, xúc tích, hợp lý theo văn phong học thuật.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần:*

*Sau khi học xong học phần Nói Tiếng Anh Nâng Cao, người học có khả năng:*

H1. sử dụng từ vựng để diễn đạt ý một cách trôi chảy và tức thời mà không gặp khó khăn nhằm tham gia tương tác vào các cuộc tranh luận về các chủ đề trừu tượng, phức tạp hoặc không quen thuộc.

H2. sử dụng các cấu trúc ngữ pháp nâng cao để trình bày một bài thuyết trình một cách rõ ràng, được tổ chức một cách khoa học về một chủ đề phức tạp, mở rộng và củng cố ý kiến của bản thân bằng những lập luận và các ví dụ minh họa liên quan.

H3. nắm được các chiến thuật cần thiết để đưa ra lập luận thuyết phục người khác, trả lời các câu hỏi liên quan một cách nhanh chóng và phù hợp, sử dụng tốt các công cụ liên kết câu một cách chặt chẽ.

H4. có kiến thức, hiểu biết về một số chủ đề văn hóa, xã hội... thông qua các bài phát biểu, thuyết trình, tranh luận, thảo luận nhóm trong quá trình luyện tập kỹ năng nói học thuật.

H5. có kỹ năng biểu đạt các trạng thái cảm xúc và nhấn mạnh tầm quan trọng của từng sự việc thông qua việc trình bày bài nói.

H6. trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường, có thái độ tích cực, hoà nhập tốt khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C12	C24
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	x
H5	x	
H6	x	x

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1: Let's Talk</b></p> <p>1.1. Make a good impression</p> <p>1.1.1. Vocabulary: communicating</p> <p>1.1.2. Grammar: time expressions with past simple &amp; present perfect</p> <p>1.1.3. Reading: Fake nice</p> <p>1.1.4. Listening: people discussing a book</p> <p>1.1.5. Extended speaking: Getting to know you</p> <p>1.2. Friends - the new family?</p> <p>1.2.1. Vocabulary: prepositions and phrases</p> <p>1.2.2. Grammar: Cleft sentence What &amp; If clause</p> <p>1.2.3. Reading: Friendship overload</p> <p>1.2.4. Listening: Who do you confide in</p> <p>1.2.5. Extended speaking: What makes a good friend?</p> <p>1.3 Favourite sayings</p> <p>1.3.1. Vocabulary: sayings, idioms</p> <p>1.3.2. Grammar: explaining and paraphrasing</p> <p>1.3.3. Listening: Favourite sayings</p> <p>1.3.4. Extended speaking: A panel game: bluff</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 3 tiết</p>	<p>[1] Pages 6 -12,</p> <p>[2], [3], [4]</p>
2	<p><b>Chương 2: Remarkable!</b></p> <p>2.1. Exceptional people</p> <p>2.1.1. Vocabulary: intensifying adverbs</p> <p>2.1.2. Grammar: relative clauses with prepositions</p> <p>2.1.3. Reading: The cleverest man on earth</p> <p>2.1.4. Listening: Radio programme about a painter</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 3 tiết</p>	<p>[1] Pages 16 - 22,</p> <p>[2], [3], [4]</p>

	<p>2.1.5. Extended speaking: Deciding which people should win award</p> <p>2.2. Memorable places</p> <p>2.2.1. Vocabulary: adjective word order</p> <p>2.2.2. Grammar: participle clauses</p> <p>2.2.3. Reading: I lost my heart in Kerala</p> <p>2.2.4. Listening: People talking about memorable holidays</p> <p>2.2.5. Extended speaking: Describing places you love or hate</p> <p>2.3. Spoilt for choice</p> <p>2.3.1. Vocabulary: adjective - describing places</p> <p>2.3.2. Real World: making recommendations</p> <p>2.3.3. Reading: A tourist board website</p> <p>2.3.4. Listening: interview about tourism</p> <p>2.3.5. Extended speaking: Recommending places to visit in your country</p>		
3	<p><b>Chương 3: Well-being</b></p> <p>3.1. Being confident</p> <p>3.1.1. Vocabulary: connotation - positive &amp; negative character adjectives</p> <p>3.1.2. Grammar: Introductory It</p> <p>3.1.3. Reading: Born to lose</p> <p>3.1.4. Listening: interview with people about “impostor syndrome”</p> <p>3.1.5. Extended speaking: Giving both sides of an argument</p> <p>3.2. A happy, healthy life</p> <p>3.2.1. Vocabulary: phrasal verbs: health</p> <p>3.2.2. Grammar: inversion</p> <p>3.2.3. Reading: Great ways to well-being</p> <p>3.2.4. Listening: Conversations about how to cheer yourself up</p> <p>3.2.5. Extended speaking: Persuading people to try your ideas</p> <p>3.3. It's the way you say it</p> <p>3.3.1. Vocabulary: euphemism</p> <p>3.3.2. Real world: being tactful</p> <p>3.3.3. Listening: People being tactful in different situations</p> <p>3.3.4. Extended speaking: short role plays</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 4 tiết</p>	<p>[1] Pages 26 - 32,</p> <p>[2], [3], [4]</p>
4	<p><b>Chương 4: Civilised</b></p> <p>4.1. Society and the media</p> <p>4.1.1. Vocabulary: news collocations</p> <p>4.1.2. Grammar: phrases referring to the future</p> <p>4.1.3. Reading: Four news stories</p> <p>4.1.4. Listening: Discussion about TV programmes</p> <p>4.1.5. Extended speaking: Predicting the future of the media</p> <p>4.2. Cities and technology</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 4 tiết</p>	<p>[1] Pages 36-42,</p> <p>[2], [3], [4]</p>



	<p>4.2.1. Vocabulary: near synonyms</p> <p>4.2.2. Grammar: future in the past</p> <p>4.2.3. Reading: The world goes to town</p> <p>4.2.4. Listening: radio programme</p> <p>4.2.5. Extended speaking: Describing and discussing strange inventions</p> <p>4.3. Making a splash</p> <p>4.3.1. Vocabulary: newspaper language</p> <p>4.3.2. Real world: persuading</p> <p>4.3.3. Two newspaper splashes</p> <p>4.3.4. Listening: Interview with the sub-editor of a national newspaper</p> <p>4.3.5. Extended speaking: Creating a front-page news story</p>		
5	<p><b>Chương 5: It's just a job</b></p> <p>5.1. Behind the glamour</p> <p>5.1.1. Vocabulary: word building - prefixes with multiple meanings</p> <p>5.1.2. Grammar: reflexive pronouns</p> <p>5.1.3. Reading: The Cinderella of Hollywood</p> <p>5.1.4. Listening: Interview with TV/films 'extras'</p> <p>5.1.5. Extended speaking Role play</p> <p>5.2. The young ones</p> <p>5.2.1. Vocabulary: verb +infinitive with to or verb +ing, verb - noun collocations</p> <p>5.2.2. Reading: The young ones</p> <p>5.2.3. Listening: Interview with three 18-year-olds</p> <p>5.2.4. Extended speaking: Discussion about how to improve schools</p> <p>5.3. Priorities</p> <p>5.3.1. Vocabulary: work expressions</p> <p>5.3.2. Real world: conversation strategies</p> <p>5.3.3. Listening: Discussion about work issues</p> <p>5.3.4. Extended speaking: Extending and role-playing dialogues</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>TH: 4 tiết</p>	<p>[1] Pages: 46-52, [2], [3], [4]</p>
6	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	<p>LT: 1 tiết</p>	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 7 (LT+TH)	<p><b>Chương 1: Let's Talk</b></p> <p>1.1. Make a good impression</p> <p>1.1.1. Vocabulary: communicating</p> <p>1.1.2. Grammar: time expressions with past simple &amp; present perfect</p> <p>1.1.3. Reading: Fake nice</p> <p>1.1.4. Listening: people discussing a book</p> <p>1.1.5. Extended speaking: Getting</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H4</p> <p>H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p>	<p>Bài kiểm tra: mức độ sử dụng từ vựng và cấu trúc ngữ pháp để diễn đạt bài một phát biểu.</p> <p>Hình thức: trả lời cá nhân, nhóm trước lớp. Giảng</p>

	<p>to know you</p> <p>1.2. Friends - the new family?</p> <p>1.2.1. Vocabulary: prepositions and phrases</p> <p>1.2.2. Grammar: Cleft sentence What &amp; If clause</p> <p>1.2.3. Reading: Friendship overload</p> <p>1.2.4. Listening: Who do you confide in</p> <p>1.2.5. Extended speaking: What makes a good friend?</p> <p>1.3 Favourite sayings</p> <p>1.3.1. Vocabulary: sayings, idioms</p> <p>1.3.2. Grammar: explaining and paraphrasing</p> <p>1.3.3. Listening: Favourite sayings</p> <p>1.3.4. Extended speaking: A panel game: bluff</p>		<p>Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.</p>
Số tiết: 7 (LT+TH)	<p><b>Chương 2: Remarkable!</b></p> <p>2.1. Exceptional people</p> <p>2.1.1. Vocabulary: intensifying adverbs</p> <p>2.1.2. Grammar: relative clauses with prepositions</p> <p>2.1.3. Reading: The cleverest man on earth</p> <p>2.1.4. Listening: Radio programme about a painter</p> <p>2.1.5. Extended speaking: Deciding which people should win award</p> <p>2.2. Memorable places</p> <p>2.2.1. Vocabulary: adjective word order</p> <p>2.2.2. Grammar: participle clauses</p> <p>2.2.3. Reading: I lost my heart in Kerala</p> <p>2.2.4. Listening: People talking about memorable holidays</p> <p>2.2.5. Extended speaking: Describing places you love or hate</p> <p>2.3. Spoilt for choice</p> <p>2.3.1. Vocabulary: adjective - describing places</p> <p>2.3.2. Real World: making</p>	H1 H2 H4 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của</p>	<p>Bài kiểm tra: từ vựng, ngữ pháp và cách tổ chức bài nói một cách chặt chẽ, hợp lý có sử dụng liên kết câu.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên quay video và tải lên trang web Flipgrid.com.</p> <p>Giảng viên và sinh viên có thể nhận xét phần trình bày của sinh viên trong lớp.</p>

	<p>recommendations</p> <p>2.3.3. Reading: A tourist board website</p> <p>2.3.4. Listening: interview about tourism</p> <p>2.35. Extended speaking: Recommending places to visit in your country</p>		<p>giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	
Số tiết: 8 (LT+TH)	<p><b>Chương 3: Well-being</b></p> <p>3.1. Being confident</p> <p>3.1.1. Vocabulary: connotation - positive &amp; negative character adjectives</p> <p>3.1.2. Grammar: Introductory It</p> <p>3.1.3. Reading: Born to lose</p> <p>3.1.4. Listening: interview with people about “impostor syndrome”</p> <p>3.1.5. Extended speaking: Giving both sides of an argument</p> <p>3.2. A happy, healthy life</p> <p>3.2.1. Vocabulary: phrasal verbs: health</p> <p>3.2.2. Grammar: inversion</p> <p>3.2.3. Reading: Great ways to well-being</p> <p>3.2.4. Listening: Conversations about how to cheer yourself up</p> <p>3.2.5. Extended speaking: Persuading people to try your ideas</p> <p>3.3. It's the way you say it</p> <p>3.3.1. Vocabulary: euphemism</p> <p>3.3.2. Real world: being tactful</p> <p>3.3.3. Listening: People being tactful in different situations</p> <p>3.3.4. Extended speaking: short role plays</p>	H1 H2 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>Bài kiểm tra: từ vựng, ngữ pháp, phát âm, cách diễn giải cả hai khía cạnh của một cuộc tranh luận và cách thuyết phục người khác theo quan điểm của bản thân.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).</p>
Số tiết: 8 (LT+TH)	<p><b>Chương 4: Civilised</b></p> <p>4.1. Society and the media</p> <p>4.1.1. Vocabulary: news collocations</p> <p>4.1.2. Grammar: phrases referring to the future</p> <p>4.1.3. Reading: Four news stories</p> <p>4.1.4. Listening: Discussion about TV programmes</p>	H1 H2 H3 H4 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> </ul>	<p>Bài kiểm tra: từ vựng, ngữ pháp, phát âm, kỹ năng mô tả rõ ràng, chi tiết về các chủ đề phức tạp.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên</p>

	<p>4.1.5. Extended speaking: Predicting the future of the media</p> <p>4.2. Cities and technology</p> <p>4.2.1. Vocabulary: near synonyms</p> <p>4.2.2. Grammar: future in the past</p> <p>4.2.3. Reading: The world goes to town</p> <p>4.2.4. Listening: radio programme</p> <p>4.2.5. Extended speaking: Describing and discussing strange inventions</p> <p>4.3. Making a splash</p> <p>4.3.1. Vocabulary: newspaper language</p> <p>4.3.2. Real world: persuading</p> <p>4.3.3. Two newspaper splashes</p> <p>4.3.4. Listening: Interview with the sub-editor of a national newspaper</p> <p>4.3.5. Extended speaking: Creating a front-page news story</p>		<p>-Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).</p>
Số tiết: 8 (LT+TH)	<p><b>Chương 5: It's just a job</b></p> <p>5.1. Behind the glamour</p> <p>5.1.1. Vocabulary: word building - prefixes with multiple meanings</p> <p>5.1.2. Grammar: reflexive pronouns</p> <p>5.1.3. Reading: The Cinderella of Hollywood</p> <p>5.1.4 Listening: Interview with TV/films 'extras'</p> <p>5.1.5. Extended speaking Role play</p> <p>5.2. The young ones</p> <p>5.2.1. Vocabulary: verb +infinitive with to or verb +ing, verb - noun collocations</p> <p>5.2.2. Reading: The young ones</p> <p>5.2.3. Listening: Interview with three 18-year-olds</p> <p>5.2.4. Extended speaking: Discussion about how to improve schools</p> <p>5.3. Priorities</p> <p>5.3.1. Vocabulary: work expressions</p> <p>5.3.2. Real world: conversation strategies</p> <p>5.3.3. Listening: Discussion about work issues</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>-Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</p> <p>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên;</p>	<p>Bài đánh giá: từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, phát âm, chiến lược quản lý thời gian khi trình bày bài thuyết trình.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên quay video và tải lên trang web Flipgrid.com.</p> <p>Giảng viên và sinh viên có thể nhận xét phần trình bày của sinh viên trong lớp.</p>

	5.3.4. Extended speaking: Extending and role-playing dialogues		tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài tập và bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	
Số tiết: 1 (TH)	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.	Bài đánh giá: sinh viên quay video trình bày bài nói đưa ra lựa chọn của mình, sau đó phát triển chủ đề có sẵn thành một bài nói hoàn chỉnh (sử dụng các chiến lược, các phương tiện liên kết câu đã được học) dài không quá 12p, Giảng viên đánh giá và nhận xét.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Chris Redston, Gillie Cunningham (2007), *Face2Face Advanced Student's Book*. Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Cheryl Pelteret (2009). *English For Life*. Oxford University Press

[3] Leo Jones (2007). *Let's Talk 3*. Cambridge University Press.

[4] Nancy Douglas, James R. Morgan, Susan Stempleski (2016). *World Link Developing English Fluency Level (3 third edition)*. National Geographic Learning, Cengage learning.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao
- Thực hành, luyện tập nói trên lớp

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6	20%
2	Bài tập	Đánh giá khả năng xác	Phương pháp đánh giá	H1	20%

	cá nhân	định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài trình nói trên lớp của sinh viên	H2 H3 H4 H5 H6	
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài trình nói trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
4	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của thực hành	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành của sinh viên, đánh giá qua kết quả của thực hành	H1 H2 H3 H4 H5	20%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5 H6	20%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần:

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp	H1 H2 H3 H4 H5 H6

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Th.S. Nguyễn Thị Kim Phượng

Th.S. Bùi Thị Tịnh

Th.S. Hoàng Thị Hồng Nhung

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐỌC TIẾNG ANH NÂNG CAO**  
**Mã học phần: FL213633**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 2; Số tín chỉ lý thuyết: 1.4; Số tín chỉ thực hành: 0.6

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: ThS. Y Cuôr Bkrông; Số điện thoại: 0914407690;

Email: ycuorbkrong@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Ngô Văn Thông; Số điện thoại: 0343065978;

Email: nvthong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần này dành cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ cao cấp. Ở học phần này, sinh viên sẽ tiếp cận những bài đọc dài hơn (700-1000 từ) và mức độ từ vựng khó hơn, với các chủ đề liên quan đến các lĩnh vực khác nhau trong đời sống văn hóa, khoa học và xã hội như: Ngôn ngữ và học tập (Language and Learning), Sự nguy hiểm và sự dũng cảm (Danger and Daring), giới tính và các mối quan hệ (Gender and Relationships), vẻ đẹp và thẩm mỹ (Beauty and Aesthetics), sự chuyển tiếp (Transitions), trí tuệ (The Mind), công việc (Working), sự đột phá (Breakthroughs), nghệ thuật và giải trí (Art and Entertainment), và mâu thuẫn và giải hòa (Conflict and Reconciliation).

Sinh viên sẽ luyện tập để củng cố và phát triển khả năng đọc hiểu bằng tiếng Anh thông qua các tiêu kỹ năng như: Đọc lướt để tìm ý chính và xác định cấu trúc của bài (Skimming for main idea and recognizing reading structure), Đọc để tìm ý chi tiết của bài (Scanning for details of a paragraph or a passage), Đoán nghĩa của từ mới dựa trên ngữ cảnh của bài đọc (Guessing word meanings from context), Tóm tắt nội dung của bài đọc (Summary), Thảo luận và trình bày quan điểm (Discussions and presentations), Đánh giá (Assessment). Đồng thời, sinh viên còn được phát triển những kỹ năng đọc hiểu mới như: Phân biệt ý chủ quan và khách quan, suy luận dựa trên cặp từ tương đồng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể:

MT1. Tích lũy kiến thức về ngôn ngữ và rèn luyện các kỹ năng đọc hiểu ở mức độ cao cấp (Advanced level (C1), theo khung năng lực ngoại ngữ của Châu Âu - CEFR).

MT2. Đọc hiểu nội dung chính các tài liệu chuyên biệt về ngôn ngữ, tư duy trừu tượng, khoa học tự nhiên và thẩm mỹ và có khả năng diễn đạt, trao đổi thông tin về các vấn đề này.

MT3. Từng bước nâng cao khả năng nhận thức để ghi nhớ, hiểu, áp dụng, phân tích, đánh giá và sáng tạo.

MT4. Đáp ứng được yêu cầu để tiếp tục học các học phần chuyên môn sâu nhằm đạt chuẩn đầu ra và có kiến thức để tham gia các kỳ thi chứng chỉ quốc tế hoặc các kỳ thi tương đương.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Sinh viên định nghĩa được từ nghĩa đen và nghĩa bóng; phân biệt được một số gốc từ phổ biến và phụ tố; phân biệt được hiện thực và giả định; nhận biết bố cục và nội dung của một bài đọc hiểu phức tạp.

H2. Sinh viên xác định được ý chính, phân tích cụ thể, diễn đạt ý nghĩa của bối cảnh, đưa ra những lập luận, và sử dụng thành thạo thông tin từ một bài đọc.

H3. Sinh viên tổng hợp được thông tin và tóm tắt nội dung tổng quát của một bài đọc hiểu phức tạp với nhiều chủ đề khác nhau.

H4. Sinh viên sử dụng vốn kiến thức sẵn có để khai thác nội dung bài đọc hiểu có hiệu quả.

H5. Sinh viên quản lý tốt quỹ thời gian học tập và xây dựng kế hoạch học tập có hiệu quả.

H6. Sinh viên tham gia tích cực các hoạt động trong và ngoài lớp học, tự tin trong giao tiếp khi sử dụng ngôn ngữ ở cả hình thức nói và viết, xây dựng thái độ tự học và rèn luyện tư duy biện chứng.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5		x
H6	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Language and Learning</b> 1.1. Part 1. Reading skills and strategies: English as a Universal Language 1.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: Mongolians learn to Say “Progress” in English 1.3. Part 3. Tying It All Together	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Chương 1, trang 3 – 34 [2], [3], [4], [5], [6], [7]
2	<b>Chương 2. Danger and Daring</b> 2.1. Part 1. Reading Skills and Strategies: Into Thin Air 2.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: The World We Lost 2.3. Part 3. Tying It All Together	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Chương 2, trang 36 – 69 [2], [3], [4], [5], [6], [7]
3	<b>Chương 3. Gender and Relationships</b> 3.1. Part 1. Reading Skills and Strategies: Finding Real Love 3.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: “Bare Branches” Might Snap in Asia 3.3. Part 3. Tying It All Together	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Chương 3, trang 70 – 97 [2], [3], [4], [5], [6], [7]
4	<b>Chương 4. Beauty and Aesthetics</b> 4.1. Part 1. Reading Skill and Strategy: Taj Mahal 4.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: Korea's Makeover from Dull to Hip Changes the Face of Asia 4.3. Part 3. Tying It All Together	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Chương 4, trang 98 – 136 [2], [3], [4], [5], [6], [7]
5	<b>Chương 5. Transitions</b> 5.1. Part 1. Reading Skills and Strategies: Conversations in Malaysia 5.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: Grisha Has Arrived 5.3. Part 3. Tying It All Together	LT: 4 tiết TH: 3 tiết	[1] Chương 5, trang 137 – 175 [2], [3], [4], [5], [6], [7]
6	<b>Ôn tập và kiểm tra kết thúc học phần</b>	LT: 1 tiết TH: 3 tiết	



### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1 + 2 (4 tiết LT + 3 tiết TH)	<p><b>Chương 1. Language and Learning</b>  <b>Nội dung:</b>  <b>1.1. Part 1. Reading skills and strategies: English as a Universal Language</b>            1.1.1. Getting Meaning from Word Structure and Context            1.1.2. Skimming for Main Ideas            1.1.3. Scanning for Specific Information: Statistics            1.1.4. Guided Academic Conversation            1.1.5. Understanding Acronyms and Abbreviations            1.1.6. Reacting to an Opinion            1.1.7. Reading a Map  <b>1.2. Part 2. Reading Skills and Strategies:</b>  <b>Mongolians learn to Say “Progress” in English</b>            1.2.1. Getting Meaning from Word Structure and Context            1.2.2. Completing a Summary            1.2.3. Guessing the Meaning of Strong Verbs            1.2.4. Focusing on Words from the Academic Word List            1.2.5. Guided Academic Discussion  <b>1.3. Part 3. Tying It All Together</b>            1.3.1. Your Views on Education- an Interview            1.3.2. Making Connections            1.3.3. Writing a Summary statement            1.3.4. Self-Assessment Log</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>            PP thuyết trình,            PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập.  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>            - Nghe giảng do giảng viên trình bày            - Thảo luận nhóm: guided academic conversation            - Thực hành: Writing a Summary statement  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>            - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi ...  <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Các bài đánh giá liên quan:            Trình bày nhóm, bài viết tóm tắt 1.            -Hình thức đánh giá của từng bài:            + Bảng bài viết nộp tại lớp.            + Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
Buổi 3 + 4 (4 tiết LT +	<p><b>Chương 2. Danger and Daring</b></p>	H1 H2	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p>	<p>- Các bài đánh giá liên quan:</p>

3 tiết TH)	<p><b>Nội dung:</b></p> <p><b>2.1. Part 1. Reading Skills and Strategies: Into Thin Air</b></p> <p>2.1.1. Previewing a Reading</p> <p>2.1.2. Identifying More Exact or Colorful Synonyms</p> <p>2.1.3. Making Inferences</p> <p>2.1.4. Getting Meaning from Context: Everyday Phrases</p> <p>2.1.5. Creating a storyboard</p> <p>2.1.6. Guided Academic Conversation</p> <p><b>2.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: The World We Lost</b></p> <p>2.2.1. Previewing the Reading</p> <p>2.2.2. Getting Meaning from Context</p> <p>2.2.3. Recalling Vocabulary of Fear and Anger</p> <p>2.2.4. Sequencing Events and Emotions in a Diagram</p> <p>2.2.5. Focusing on Words from the Academic Word List</p> <p>2.2.6. Guided Academic Conversation</p> <p>2.2.7. Expressing the Theme</p> <p>2.2.8. Thinking Your Way Out of Danger</p> <p>2.2.9. Focusing on the test</p> <p><b>2.3. Part 3. Tying It All Together</b></p> <p>2.3.1. Did You Catch That?</p> <p>2.3.2. Making Connections</p> <p>2.3.3. Writing Practice</p> <p>2.3.4. Self-Assessment Log</p>	H3 H4 H5 H6	<p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: guided academic conversation</p> <p>- Thực hành: Writing a Summary statement</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>Trình bày nhóm, bài viết tóm tắt 2.</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bảng bài viết nộp tại lớp.</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
Buổi 5 + 6 (3 tiết LT + 4 tiết TH)	<p><b>Chương 3. Gender and Relationships</b></p> <p><b>3.1. Part 1. Reading Skills and Strategies: Finding Real Love</b></p> <p>3.1.1. Previewing a Reading for Its Organization</p> <p>3.1.2. Identifying More Exact or Colorful Synonyms</p> <p>3.1.3. Determining the</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình</p>	<p>- Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm, bài viết tóm tắt 3.</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bảng bài viết nộp tại lớp.</p> <p>+ Báo cáo của</p>

	<p>Order of Events  3.1.4. Identifying Causes  3.1.5. Guided Academic Conversation  3.1.6. Writing the Ending  3.1.7. Drawing Conclusions from a Chart  <b>3.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: “Bare Branches” Might Snap in Asia</b>  3.2.1. Scanning for Details  3.2.2. Getting Meaning from Word Structure and Context  3.2.3. Focusing on Words from the Academic Word List  3.2.4. Making Inferences  3.2.5. Guided Academic Conversation  3.2.6. Focus on Testing  <b>3.3. Part 3. Tying It All Together</b>  3.3.1. Debate  3.3.2. Making Connections  3.3.3. Responding in writing: Practice  3.3.4. Self-Assessment Log</p>		<p>bày  - Thảo luận nhóm: guided academic conversation  - Thực hành: Writing a Summary statement  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.  <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>nhóm trước lớp</p>
<p>Buổi 7 + 8  (3 tiết LT + 4 tiết TH)</p>	<p><b>Chương 4. Beauty and Aesthetics</b>  <b>4.1. Part 1. Reading Skill and Strategy: Taj Mahal</b>  4.1.1. Previewing a Reading for Its Organization  4.1.2. Understanding the importance of a Good Opening  4.1.3. Understanding Specialized Terms Related to Architecture  4.1.4. Getting Meaning from structure and Context: Identifying Synonyms for Adjectives  4.1.5. Guided Academic Conversation  4.1.6. Illustrating Ideas  <b>4.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: Korea's Makeover from Dull to Hip Changes the Face of</b></p>	<p>H1  H2  H3  H4  H5  H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  - Thảo luận nhóm: guided academic conversation  - Thực hành: Writing a Summary statement  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu</p>	<p>- Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm, bài viết tóm tắt 4.  -Hình thức đánh giá của từng bài:  + Bảng bài viết nộp tại lớp.  + Báo cáo của nhóm trước lớp</p>

	<p><b>Asia</b>  4.2.1. Previewing a Reading to Identify the Key People  4.2.2. Understanding Specialized Terms: Personal Beauty  4.2.3. Getting Meaning from Context: Synonym or Antonym?  4.2.4. Focusing on Words from the Academic Word List  4.2.5. Guided Academic Discussion: Analyzing Facts  4.2.6. Expressing opinions  4.2.7. Structuring an Argument: Weakest to Strongest Point  4.2.8. Focus on Testing: Vocabulary Questions  <b>4.3. Part 3. Tying It All Together</b>  4.3.1. Making Connections  4.3.2. Writing Practice  4.3.3. Self-Assessment Log</p>		<p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.  <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
<p>Buổi 9 + 10  (3 tiết LT + 4 tiết TH)</p>	<p><b>Chương 5. Transitions</b>  <b>5.1. Part 1. Reading Skills and Strategies: Conversations in Malaysia</b>  5.1.1. Making Comparisons  5.1.2. Identifying Differences Between standard English and Global English  5.1.3. Getting Meaning from Word structure and Context  5.1.4. Finding Support for Main Ideas  5.1.5. Paraphrasing  5.1.6. Guided Academic Conversation  5.1.7. Recognizing Regional vocabulary differences  <b>5.2. Part 2. Reading Skills and Strategies: Grisha Has Arrived</b>  5.2.1. Selecting Adjectives to Fit the Context  5.2.2. Recognizing a Flashback  5.2.3. Predicting story</p>	<p>H1  H2  H3  H4  H5  H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ...  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  - Thảo luận nhóm: guided academic conversation  - Thực hành: Writing on a topic  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu  Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.  <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm, bài viết tóm tắt 5.  -Hình thức đánh giá của từng bài:  + Bảng bài viết nộp tại lớp.  + Báo cáo của nhóm trước lớp</p>

	<p>Events</p> <p>5.2.4. Focus on Testing: Avoiding "Traps" in standardized Vocabulary Tests</p> <p>5.2.5. Guided Academic Conversation</p> <p>5.2.6. Identifying Spelling Differences</p> <p>5.2.7. Summarizing a Story</p> <p>5.2.8. Focusing on Words from the Academic Word List</p> <p><b>5.3. Part 3. Tying It All Together</b></p> <p>5.3.1. Making Connections</p> <p>5.3.2. Responding in writing: Writing on a Topic</p> <p>5.3.3. Self-Assessment Log</p>			
Buổi 11 (4 tiết LT)	<b>Ôn tập, kiểm tra kết thúc học phần</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Bài kiểm tra kết thúc học phần</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: Bài kiểm tra kết thúc HP và bài viết reading journals.</p> <p>- Hình thức đánh giá: Kiểm tra tự luận và trắc nghiệm, nộp bài viết reading journals qua e-mail.</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Brenda Wegmann, Miki Knezevic (2012). *Mosaic Level 2 - Reading Student Book*. Mc. Graw Hill.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Sam McCarter, Norman Whitby (2007). *Improve your IELTS - Reading skills, level 7.0*. Macmillan Education.

[3] Broukal, M. (2002). *TOEFL Reading Flash*. Peterson's Thomson Learning

[4] Flynn, K. F. & Trites, L. (2006). *Paranoma – Building perspective through reading – 3*. Oxford: OUP.

[5]. Gurr, B. et al. (2008). *Comprehension Strategies, Primary 6*. Singapore: Learners Publishing

[6]. Hall, T., Milch, A. H., McCormack, D. (2007). *How to master skills for the TOEFL iBT reading, Intermediate*. NXB Tổng hợp TPHCM

[7]. Hartmann, P. & Kirn, E. (2007). *Interactions 2 Reading, Silver edition*. New York: McGraw-Hill.

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

#### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

#### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có)

#### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có)

- Viết bài Reading Journals (10 bài).

#### 7.4. Phần khác (nếu có): Ví dụ như tham quan thực tế

#### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Sinh viên tự đọc thêm tài liệu để làm tốt phần tiểu luận.

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

#### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

#### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5 H6	10%
2	Bài viết: Reading journal	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua bài viết từ 7 đến 15 trang, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	40%
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

\* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận  $\times$  trọng số điểm bộ phận + điểm thi  $\times$  trọng số thi) / 100 = kết quả học phần.

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận và trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4	

Ngày ... tháng ... năm 2020.

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ThS. Y Cuôr Bkrông**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: VIẾT TIẾNG ANH NÂNG CAO**  
**Mã học phần: FL 213643**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 Số tín chỉ lý thuyết: 1,4; Số tín chỉ thực hành: 0,6

Loại môn học: tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;

Email: [htxuan@tmn.edu.vn](mailto:htxuan@tmn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Viết Tiếng Anh Nâng cao là một trong những học phần thuộc về nhóm kiến thức tiếng Anh nhằm nâng cao năng lực Tiếng Anh, đặc biệt là nâng cao kỹ năng Viết Tiếng Anh ở trình độ bậc 5 theo khung năng lực 6 bậc Việt Nam. Học phần Viết Tiếng Anh Nâng cao giúp cho người học phát triển kỹ năng viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng tổ chức văn bản, sử dụng tốt từ ngữ nối câu và các công cụ liên kết. Ngoài ra Viết Tiếng Anh Nâng cao còn giúp sinh viên tích lũy từ vựng, cấu trúc tiếng Anh và cung cấp cho sinh viên kiến thức về các chủ đề điển hình trong đời sống xã hội của một số quốc gia nói tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. trang bị cho người học đa dạng về từ vựng, cụm từ liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống.

MT2. trang bị cho người học cấu trúc phức hợp tiếng Anh phục vụ cho viết ở trình độ nâng cao

MT3. trang bị cho người học về các kỹ năng viết: sắp xếp và nối các ý tưởng mạch lạc

MT4. người học có thể viết được những bài luận về các chủ đề phức tạp.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi học xong Viết Tiếng Anh Nâng cao người học có khả năng:

H1: Hiểu được và sử dụng được đa dạng về từ vựng, cụm từ và cấu trúc phức hợp tiếng Anh phục vụ cho viết các chủ đề trong đời sống xã hội

H2 Có khả năng viết được các bài văn về các chủ đề phức tạp (tương đương bậc 5 theo Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam)

H3 Có nhận thức đúng về Viết Tiếng Anh Nâng cao, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp và nhận thức được tầm quan trọng của việc học Tiếng Anh chuyên ngành trong phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

H4: Tích cực thảo luận nhóm và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C8	C9
H1		x
H2		x
H3		x
H4		x
H5	x	



#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1: New Challenges</b>	5 tiết	[1] (pages 2-25) [2] [3] [4]
2	<b>Chapter 2: Relationships</b>	5 tiết	[1] (pages 44-61) [2] [3] [4]
3	<b>Chapter 3: Health and Leisure</b>	5 tiết	[1] (pages 62-79) [2] [3] [4]
4	<b>Chapter 4: High Tech, Low Tech</b>	5 tiết	[1] (pages 81-101) [2] [3] [4]
5	<b>Chapter 5: Money Matters</b>	5 tiết	[1] (pages 102-119) [2] [3] [4]
6	<b>Chapter 6: Human Behavior</b>	5 tiết	[1] (pages 162-185) [2] [3] [4]
7	<b>Chapter 7: Crime and punishment</b>	5 tiết	[1] (pages 186-207) [2] [3] [4]
8	<b>Revision</b>	4 tiết	

#### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5 tiết	<b>Chapter 1: New Challenges</b> 1.1. Preparing to write 1.2. Organizing and developing your ideas	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gợi mở-vấn đáp, <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 1

			Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
5 tiết	<b>Chapter 2: Relationships</b> 2.1. Preparing to write 2.2 Organizing and developing your ideas	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gọi mở-vấn đáp, <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 2
5 tiết	<b>Chapter 3: Health and Leisure</b> 3.1 Preparing to write 3.2 Organizing and developing your ideas	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 3

5 tiết	<b>Chapter 4: High Tech, Low Tech (6 tiết)</b> 4.1 Preparing to write 4.2 Organizing and developing your ideas	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 4
5 tiết	<b>Chapter 5: Money Matters</b> 5.1 Preparing to write 5.2 Organizing and developing your ideas	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 5
5 tiết	<b>Chapter 6: Human Behavior</b> 6.1 Preparing to write 6.2 Organizing and developing your ideas	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 6

			do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
5 tiết	<b>Chapter 7: Crime and punishment</b> 7.1 Preparing to write 7.2 Organizing and developing your ideas	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày, đặt câu hỏi - Thảo luận nhóm: <b>Yêu cầu sinh viên:</b> -Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu trả lời, làm các bài tập trong sách <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp Bài viết 7
4 tiết	<b>Revision</b>			

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Meredith Pike-Baky& Laurie Blass, (2007) *Mosaic Writing 1* McGraw-Hill Education Asia

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] *Cambridge First Certificate in English*, (2007), Cambridge University Press.

[3] Stephanie Dimond Bayir (2018), *Improve Your IELTS Writing Skills*. Macmillan Education

[4] Genevieve White (2014), *Writing B2+ Upper Intermediate*, HarperColins Publishers Ltd

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

7.2. *Phần thí nghiệm, thực hành: không*

7.3. *Phần bài tập lớn, tiểu luận: không*

7.4. *Phần khác (nếu có): không*

7.5. *Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu: Sinh viên tự đọc tài liệu làm việc theo nhóm chuẩn bị cho phần trình bày.*

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. *Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

#### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua điểm danh, theo dõi việc chuẩn bị bài ở nhà và tham gia thảo luận của sinh viên	H3 H4	20%
2	Bài thuyết trình nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên	Đánh giá thông qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày báo cáo của nhóm	H1 H2 H3	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng viết nâng cao	Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3	50%
					100%

#### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về kỹ năng viết nâng cao	Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận	H1 H2 H3

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Bùi Thị Tịnh

ThS. Hoàng Thị Xuân

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ HỌC ĐỐI CHIẾU**  
**Mã học phần: FL213505**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Hoàng Thị Hồng Nhung; Số điện thoại: 0914540808;

Email: hthnhung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngôn ngữ học đối chiếu là học phần bắt thuộc khối kiến thức ngôn ngữ văn hoá. Người học được học học phần này sau khi hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức tiếng. Học phần này được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những khái niệm cơ bản về Ngôn ngữ học đối chiếu như một phân ngành trong ngôn ngữ học ứng dụng cũng như lượng từ vựng học thuật thuộc về chủ đề ngôn ngữ. Từ nền tảng bước đầu này, người học sẽ có cơ hội học chuyên sâu hơn về đối chiếu ngữ vựng tiếng Việt và tiếng Anh cho các mảng Ngữ âm học, Từ vựng – ngữ nghĩa học, Cú pháp học và Ngữ dụng học. Từ đó, người học sẽ ứng dụng khối kiến thức mới mẻ này vào mảng công việc Biên – phiên dịch. Thêm vào đó, học phần cũng trang bị cho người học các kỹ năng tự học, tổng hợp và phân tích các kiến thức thuộc về ngôn ngữ học cũng như các kỹ năng mềm khác như làm việc theo cặp, nhóm và kỹ năng thuyết trình.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu sẽ:*

MT1: Trang bị cho người học kiến thức về định nghĩa của phân tích đối chiếu, vai trò và ứng dụng của phân tích đối chiếu trong ngôn ngữ học, các vấn đề thường gặp phải khi tiến hành phân tích đối chiếu hai ngôn ngữ, các nguyên tắc, phương pháp, phương thức và bình diện trong đối chiếu ngôn ngữ.

MT2: Cung cấp cho người học cơ hội được vận dụng các khái niệm, phạm trù đặc điểm loại hình, cấu trúc các ngôn ngữ đưa vào đối chiếu, từ đó lựa chọn được các kiến thức thuộc phạm vi nghiên cứu thuộc hai nền ngôn ngữ học liên quan, tính đồng nhất cách tiếp cận, kết quả tương ứng khi đưa vào đối chiếu

MT3: Cung cấp cho người học cơ hội thực hành các thao tác tiến hành đối chiếu so sánh hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh để thu được kết quả mong muốn, thiết thực, từ đó tạo điều kiện cho người học phát triển kỹ năng tiến hành so sánh đối chiếu hai ngôn ngữ, tiếng Anh và tiếng Việt.

MT4: Trang bị thêm kiến thức về các bình diện tiến hành so sánh đối chiếu giữa hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh làm tiền đề cho người học tiếp tục nâng cao hiểu biết, khám phá tìm kiếm tri thức ngoài ngôn ngữ dân tộc mình, văn hoá dân tộc mình nói riêng từ đó cải thiện hiệu quả biên – phiên dịch.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu, người học có khả năng:*

H1. Nắm được vai trò và cách thức ứng dụng của phân tích đối chiếu trong ngôn ngữ học, các vấn đề và cách giải quyết các vấn đề đó trong quá trình tiến hành phân tích đối chiếu hai ngôn ngữ, các nguyên tắc, phương pháp, phương thức và bình diện trong đối chiếu hai ngôn ngữ. Từ đó người học có thể áp dụng được các kiến thức trên vào tiến hành phân tích và đối chiếu hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

H2: Nắm được cách vận dụng các khái niệm, phạm trù đặc điểm loại hình, cấu trúc của hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh khi đưa vào so sánh đối chiếu.

H3: Nắm được các bước và kỹ năng cần có để có thể tiến hành so sánh đối chiếu các phạm trù về ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng, phát âm giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

H4: Có kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích và xử lý thông tin về các đặc điểm của ngôn ngữ thuộc các phạm trù về ngữ pháp, phát âm, ngữ nghĩa, từ vựng, văn hoá... để tiến hành so sánh đối chiếu giữa hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt.

H5: Có nhận thức đúng về việc tiến hành so sánh đối chiếu giữa hai ngôn ngữ giúp cải thiện đáng kể hiệu quả thực hiện biên – phiên dịch từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường, có thái độ tích cực khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1</b> <b>1.1 : What is contrastive analysis?</b> 1.1.1 The place of contrastive analysis in Linguistics 1.1.2. CA as interlanguage study. <b>1.2: The psychological basis of CA.</b> 1.2.1. Some problems of definition. 1.2.2. A scale of difference.	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages. 8 - 26
2	<b>Chương 2</b> <b>2.1: Linguistic components of CA.</b> 2.1.1. Levels of language 2.1.2. Categories of grammar <b>2.2: Microlinguistic of CA.</b> 2.2.1. Definitions 2.2.2. Grammatical CA 2.2.3. Phonological CA	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages 27- 35 Pages 59 - 69
3	<b>Chương 3</b> 3.1: Những ứng dụng của Ngôn ngữ học đối chiếu 3.1.1. Những ứng dụng về phương diện lý thuyết - Ứng dụng trong ngôn ngữ học đại cương - Ứng dụng trong loại hình học - Ứng dụng trong miêu tả ngôn ngữ - Ứng dụng trong những lĩnh vực khác 3.1.2. Những ứng dụng trong phương diện thực tiễn - Ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[2] Pages 40 - 68

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng trong biên phiên dịch</li> <li>3.2: Nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</li> <li>3.2.1. Nguyên tắc đối chiếu các ngôn ngữ</li> <li>3.2.2. Phương pháp đối chiếu các ngôn ngữ</li> <li>- Khái quát</li> <li>- Phạm vi đối chiếu</li> <li>- Các bước phân tích đối chiếu</li> <li>3.2.3. Phương thức đối chiếu các ngôn ngữ</li> <li>- Phương thức đồng nhất / khu biệt cấu trúc</li> <li>- Phương thức đối chiếu chức năng</li> <li>- Phương thức đồng nhất / khu biệt hoạt động</li> <li>- Phương thức đồng nhất / khu biệt phong cách</li> <li>- Phương thức đồng nhất / khu biệt phát triển</li> <li>- Phương thức đồng nhất / khu biệt xã hội lịch sử</li> </ul>		
4	<p><b>Chương 4: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>4.1. Các bình diện trong nghiên cứu đối chiếu</li> <li>4.2. Nghiên cứu đối chiếu về từ vựng – ngữ nghĩa</li> <li>4.3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp</li> <li>4.4. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng</li> <li>4.5. Nghiên cứu đối chiếu về văn tự</li> </ul>	<p>LT: 3 tiết BT: 1 tiết</p>	[2] Pages 70 - 90
5	<p><b>Chương 5: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) - phần 1 - Đối chiếu ngữ âm Việt – Anh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>5.1. Đối chiếu ngữ âm - phụ âm</li> <li>5.2. Đối chiếu ngữ âm - nguyên âm</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết BT: 3 tiết</p>	[2] pages 91 - 100
6	<p><b>Chương 6: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) - phần 2 - Đối chiếu từ vựng Việt – Anh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>6.1. Đối chiếu từ vựng – thành ngữ diễn tả thời tiết trong tiếng Anh và tiếng Việt.</li> <li>6.2. Đối chiếu từ vựng – thành ngữ diễn tả sự cố gắng trong tiếng Anh và tiếng Việt.</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết BT: 3 tiết</p>	[2] pages 101 - 120
7	<p><b>Chương 7: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) - phần 3 - Đối chiếu ngữ pháp Việt – Anh</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>7.1. Đối chiếu ngữ pháp – câu bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt</li> <li>7.2. Đối chiếu ngữ pháp – câu hỏi có / không trong tiếng Anh và tiếng Việt</li> </ul>	<p>LT: 1 tiết BT: 3 tiết</p>	[2] – pages 121 - 135
	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	<p>LT: 1 tiết BT: 1 tiết</p>	



## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi: 1 Số tiết: 4	<p><b>Chapter 1</b></p> <p><b>1.1: What is contrastive analysis?</b></p> <p>1.1.1 The place of contrastive analysis in Linguistics</p> <p>1.1.2. CA as interlanguage study.</p> <p><b>1.2: The psychological basis of CA.</b></p> <p>1.2.1. Some problems of definition.</p> <p>1.2.2. A scale of difference.</p>	H1 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Nội dung:</b> vai trò của phân tích đối chiếu trong ngôn ngữ học và giao ngôn ngữ, một số vấn đề về sự khác nhau trong việc đưa ra định nghĩa cho phân tích đối chiếu trong ngôn ngữ học.</p> <p><b>Hình thức:</b> Câu hỏi thảo luận về mức độ hiểu của sinh viên tại lớp.</p> <p><b>Đánh giá:</b> Giảng viên đánh giá và nhận xét về câu trả lời ngắn của sinh viên.</p>
Buổi: 2 Số tiết: 4	<p><b>Chapter 2</b></p> <p><b>2.1: Linguistic components of CA.</b></p> <p>2.1.1. Levels of language</p> <p>2.1.2. Categories of grammar</p> <p><b>2.2: Microlinguistic of CA.</b></p> <p>2.2.1. Definitions</p> <p>2.2.2. Grammatical CA</p> <p>2.2.3. Phonological CA</p>	H1 H2 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp;</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p><b>Nội dung:</b> thành phần ngôn ngữ học trong phân tích đối chiếu với các cấp độ đối chiếu theo hai phạm trù ngữ pháp và phát âm.</p> <p><b>Hình thức:</b> Câu hỏi thảo luận về mức độ hiểu của sinh viên tại lớp.</p> <p><b>Đánh giá:</b> Giảng viên đánh giá và nhận xét về câu trả lời ngắn của sinh viên.</p>

<p>Buổi: 3 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 3</b> 3.1: Những ứng dụng của Ngôn ngữ học đối chiếu 3.1.1. Những ứng dụng về phương diện lý thuyết - Ứng dụng trong ngôn ngữ học đại cương - Ứng dụng trong loại hình học - Ứng dụng trong miêu tả ngôn ngữ - Ứng dụng trong những lĩnh vực khác 3.1.2. Những ứng dụng trong phương diện thực tiễn - Ứng dụng trong giảng dạy ngôn ngữ - Ứng dụng trong biên phiên dịch 3.2: Nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu các ngôn ngữ 3.2.1. Nguyên tắc đối chiếu các ngôn ngữ 3.2.2. Phương pháp đối chiếu các ngôn ngữ - Khái quát - Phạm vi đối chiếu - Các bước phân tích đối chiếu 3.2.3. Phương thức đối chiếu các ngôn ngữ - Phương thức đồng nhất / khu biệt cấu trúc - Phương thức đối chiếu chức năng - Phương thức đồng nhất / khu biệt hoạt động - Phương thức đồng nhất / khu biệt phong cách - Phương thức đồng nhất / khu biệt phát triển - Phương thức đồng nhất / khu biệt xã hội lịch sử</p>	<p>H2 H3 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Giảng viên trình bày kiến thức về các nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu hai ngôn ngữ với nhau. - Sinh viên trình bày hiểu biết về các ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu theo hai phương diện lý thuyết và thực tiễn. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Nội dung:</b> Các ứng dụng của ngôn ngữ học đối chiếu theo hai phương diện lý thuyết và thực tiễn và kiến thức về các nguyên tắc, phương pháp và phương thức đối chiếu hai ngôn ngữ với nhau. <b>Hình thức:</b> Bài kiểm tra trắc nghiệm 15 phút. <b>Đánh giá:</b> Giảng viên chấm và giải thích đáp án ngay tại lớp.</p>
-----------------------------------	---	-------------------------	---	---

<p>Buổi: 4 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 4: Các bình diện nghiên cứu đối chiếu</b> 4.1. Các bình diện trong nghiên cứu đối chiếu 4.2. Nghiên cứu đối chiếu về từ vựng – ngữ nghĩa 4.3. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ pháp 4.4. Nghiên cứu đối chiếu về ngữ dụng 4.5. Nghiên cứu đối chiếu về văn tự</p>	<p>H2 H3 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu về các bình diện trong nghiên cứu đối chiếu. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p><b>Nội dung:</b> các bình diện trong nghiên cứu đối chiếu – từ vựng – ngữ nghĩa/ngữ pháp/ngữ dụng/văn tự. <b>Hình thức:</b> Một bài tập lớn theo nhóm trong đó sinh viên đưa ra các ví dụ cụ thể về các bình diện nghiên cứu đối chiếu giữa hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh trên một poster sau đó trình bày với cả lớp. <b>Đánh giá:</b> sinh viên đánh giá sinh viên bằng cách đưa ra câu hỏi chất vấn và đánh giá chéo. Giảng viên đánh giá cuối cùng bằng cách đưa ra nhận xét, kết luận và điểm trực tiếp cho từng poster của từng nhóm.</p>
<p>Buổi: 5 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 5: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) -phần 1 - Đối chiếu ngữ âm Việt – Anh</b> 5.1. Đối chiếu ngữ âm - phụ âm 5.2. Đối chiếu ngữ âm - nguyên âm</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận, thuyết trình theo nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm đối chiếu ngữ âm cả nguyên âm và phụ âm giữa tiếng Anh và tiếng Việt. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; làm việc theo nhóm được chọn trước và</p>	<p><b>Nội dung:</b> các đặc điểm so sánh đối chiếu về mặt nguyên âm và phụ âm giữa tiếng Anh và tiếng Việt. <b>Hình thức:</b> Bài thuyết trình được chuẩn bị trước sử dụng Power</p>

			<p>tiến hành thuyết trình về mức độ hiểu của nhóm mình về các đặc điểm so sánh đối chiếu về mặt nguyên âm và phụ âm giữa tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>point hoặc poster theo nhóm trong thời gian tối đa 15 phút.</p> <p><b>Đánh giá:</b> sinh viên đánh giá sinh viên bằng cách đưa ra câu hỏi chất vấn và đánh giá chéo. Giảng viên đánh giá cuối cùng bằng cách đưa ra nhận xét, kết luận và điểm trực tiếp cho từng phần thuyết trình của từng nhóm</p>
<p>Buổi 6 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 6: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) -phần 2 - Đối chiếu từ vựng Việt – Anh</b></p> <p>6.1. Đối chiếu từ vựng – thành ngữ diễn tả thời tiết trong tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <p>6.2. Đối chiếu từ vựng – thành ngữ diễn tả sự cố gắng trong tiếng Anh và tiếng Việt.</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> gọi mở, thảo luận, thuyết trình theo nhóm</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm đối chiếu từ vựng về các thành ngữ diễn tả thời tiết và sự cố gắng giữa tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; làm việc theo nhóm được chọn trước và tiến hành thuyết trình về mức độ hiểu của nhóm mình về các đặc điểm so sánh đối chiếu về từ vựng về thành ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>Nội dung:</b> các đặc điểm so sánh đối chiếu từ vựng về các thành ngữ diễn tả thời tiết và sự cố gắng giữa tiếng Anh và tiếng Việt.</p> <p><b>Hình thức:</b> Bài thuyết trình được chuẩn bị trước sử dụng Power point hoặc poster theo nhóm trong thời gian tối đa 15 phút.</p> <p><b>Đánh giá:</b> sinh viên đánh giá sinh viên bằng cách đưa ra câu hỏi chất vấn và đánh giá chéo. Giảng viên đánh giá cuối cùng bằng cách đưa ra</p>

				nhận xét, kết luận và điểm trực tiếp cho từng phần thuyết trình của từng nhóm
Buổi 7 Số tiết: 4	<b>Chương 7: Một số thử nghiệm phân tích đối chiếu (trên cứ liệu tiếng Việt và tiếng Anh) -phần 3 - Đối chiếu ngữ pháp Việt – Anh</b> 7.1. Đối chiếu ngữ pháp – câu bị động trong tiếng Anh và tiếng Việt 7.2. Đối chiếu ngữ pháp – câu hỏi có / không trong tiếng Anh và tiếng Việt	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận, thuyết trình theo nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm đối chiếu câu bị động và câu hỏi có/không giữa tiếng Anh và tiếng Việt. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; ;làm việc theo nhóm được chọn trước và tiến hành thuyết trình về mức độ hiểu của nhóm mình về các đặc điểm so sánh đối chiếu về ngữ pháp về thành ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>Nội dung:</b> các đặc điểm so sánh đối chiếu câu bị động và câu hỏi có/không giữa tiếng Anh và tiếng Việt. <b>Hình thức:</b> Bài thuyết trình được chuẩn bị trước sử dụng Power point hoặc poster theo nhóm trong thời gian tối đa 15 phút. <b>Đánh giá:</b> sinh viên đánh giá sinh viên bằng cách đưa ra câu hỏi chất vấn và đánh giá chéo. Giảng viên đánh giá cuối cùng bằng cách đưa ra nhận xét, kết luận và điểm trực tiếp cho từng phần thuyết trình của từng nhóm
Buổi: 8 Số tiết: 2	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4  H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.	<b>Nội dung:</b> các kiến thức cốt lõi của học phần <b>Hình thức:</b> Một bài kiểm tra trắc nghiệm trong 30 phút <b>Đánh giá:</b> giảng viên

				chấm điểm và giải thích đáp án ngay trên lớp.
--	--	--	--	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình, tài liệu giảng dạy của học phần:

[1] Carl James, *contrastive analysis*, Long man, 1980.

[2] Bùi Mạnh Hùng, *Ngôn ngữ học đối chiếu*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2008

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Lê Quang Thiêm, *Nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ*, NXB đại học Quốc gia Hà Nội, 1989-2004

[4] Robert Lado (Hoàng Văn Vân dịch), *Ngôn ngữ qua các nền văn hoá*, Nhà xuất bản Đh Quốc gia Hà Nội, 1989, 2004.

[5] Diệp Quang Bân, *Ngữ Pháp Tiếng Việt*, NXB Giáo Dục, 2005.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự luyện tập thêm.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5	25%
2	Bài tập cá nhân và bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên khi làm việc theo nhóm do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua chấm điểm bài tập sau mỗi buổi học, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên, bài thuyết trình nhóm của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Tống Thị Lan Chi****ThS. Hoàng Thị Hồng Nhung**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGỮ ÂM – ÂM VỊ HỌC**  
**Mã học phần: FL213501**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy: Y Tru Alio; Số điện thoại: 0905 155 678;

Email: ytrualio.ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Ngữ âm – Âm vị học có vai trò quan trọng đối với việc trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ âm, âm vị của tiếng Anh, là nền tảng để sinh viên phát triển năng lực ngôn ngữ. Học phần này gồm có 4 chương. Chương 1 trình bày khái quát về dẫn luận ngôn ngữ học. Chương 2 giới thiệu quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của các dây thanh và luồng hơi; Chương 3 trình bày về hệ thống ngữ âm: nguyên âm và phụ âm tiếng Anh và các tiêu chí phân loại chúng, nguyên âm đôi và nguyên âm ba trong tiếng Anh; Chương 4 cung cấp kiến thức về âm vị học. Chương này đi sâu vào phân tích âm vị âm đoạn tính và âm vị siêu âm đoạn tính trong tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần***3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần Ngữ âm - âm vị học cung cấp cho sinh viên:

MT1. Kiến thức cơ bản về ngôn ngữ học và ngữ âm-âm vị học, và kiến thức đặc thù ngữ âm, âm vị học tiếng Anh.

MT2. Kiến thức về quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của cơ quan cấu âm.

MT3. Kỹ năng vận dụng kiến thức về ngữ âm – âm vị học tiếng Anh trong giao tiếp.

MT4. Sinh viên có tinh thần ham học hỏi, nghiên cứu để hiểu biết sâu rộng hơn, để có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Sinh viên trình bày chính xác các khái niệm về ngữ âm - âm vị tiếng Anh, các quá trình sản sinh lời nói, hoạt động của cơ quan cấu âm.

H2. Sinh viên thực hiện đúng giọng điệu và ngữ điệu tiếng Anh trong chuỗi lời nói.

H3. Sinh viên giao tiếp bằng tiếng Anh một cách thành thạo, thể hiện được những đặc trưng về ngữ âm, âm vị tiếng Anh một cách tự nhiên như người bản ngữ.

H4. Sinh viên tham gia tích cực các hoạt động trong và ngoài lớp học, tự tin trong giao tiếp khi sử dụng ngôn ngữ ở cả hình thức nói và viết, xây dựng thái độ tự học và rèn luyện tư duy biện chứng.

*3.3. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x



## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1. A brief introduction to language</b> 1.1. Language and Speech 1.2. Sounds and Speech 1.3. Writing 1.4. Language 1.5. Grammar 1.6. The differences between speech and language 1.7. Phonetics and linguistics	LT: 2 tiết BT: 3 tiết	[1] Chương 1, trang 6 – 14, [2]
2	<b>Chapter 2. English Phonetics</b> 2.1 The production of speech sounds 2.2 Aspects 2.3 The Speech Chain 2.4 The speech mechanism (Articulators) 2.5 The vocal cords 2.6 The air stream	LT: 3 tiết BT: 4 tiết	[1] Chương 2, trang 19 – 37, [2], [3], [4], [5], [6]
3	<b>Chapter 3. The English sounds</b> 3.1 The English Vowels 3.2 The English Diphthongs 3.3 The English Triphthongs 3.4 The English Consonants	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Chương 3, trang 39 – 44, [2], [3], [4], [5], [6]
4	<b>Chapter 4. English Phonology</b> 4.1 Segmental Phonology 4.2 The Transcription 4.3 Sounds in Connected Speech (General Phonological Rules) 4.4 The Description 4.5 Assimilation 4.6 The Elision 4.7 Liaison (sound linking) 4.8 Supra-Segmental Phonology	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Chương 4, trang 53 – 119, [2], [3], [4], [5], [6]
5	<b>Ôn tập và kiểm tra kết thúc học phần</b>	02 tiết	

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
5 tiết	<b>Chapter 1. A brief introduction to language</b> 1.1. Language and Speech 1.2. Sounds and Speech	H1 H2	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập.	- Các bài đánh giá liên quan: Hỏi đáp trên lớp về nội dung chương 1.

	<p>1.3. Writing 1.4. Language 1.5. Grammar 1.6. The differences between speech and language 1.7. Phonetics and linguistics</p>		<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: guided academic conversation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, Ghi chép, thảo luận. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
7 tiết	<p><b>Chapter 2. English Phonetics</b> 2.1 The production of speech sounds 2.2 Aspects 2.3 The Speech Chain 2.4 The speech mechanism (Articulators) 2.5 The vocal cords 2.6 The air stream</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: guided academic conversation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	- Các bài đánh giá liên quan: Hỏi đáp trên lớp về nội dung chương 2.
8 tiết	<p><b>Chapter 3. The English sounds</b> 3.1 The English Vowels 3.2 The English Diphthongs 3.3 The English Triphthongs 3.4 The English Consonants</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do</p>	- Các bài đánh giá liên quan: Hỏi đáp trên lớp về nội dung chương 3.

			giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: guided academic conversation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
8 tiết	<b>Chapter 4. English Phonology</b> 4.1 Segmental Phonology 4.2 The Transcription 4.3 Sounds in Connected Speech (General Phonological Rules) 4.4 The Description 4.5 Assimilation 4.6 The Elision 4.7 Liaison (sound linking) 4.8 Supra-Segmental Phonology	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: guided academic conversation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Các bài đánh giá liên quan: Hỏi đáp trên lớp về nội dung chương 4.
2 tiết	<b>Ôn tập, kiểm tra kết thúc học phần</b>	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành: Bài kiểm tra kết thúc học phần <b>Yêu cầu sinh viên:</b>	- Bài đánh giá: Bài kiểm tra kết thúc HP. - Hình thức đánh giá: Tự luận

			<b>viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
--	--	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

- [1]. Roach P. (1990), *English Phonetics and Phonology, A practice Course*. CUP  
 [2]. Y Tru Alio (2007), *Giáo trình Ngữ âm - Âm vị tiếng Anh* (Giáo trình nội bộ), trường Đại học Tây Nguyên.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

- [3]. Ann Baker. Sharon Goldstein (2001), *Pronunciation Pairs*, Nhà XB TP HCM  
 [4]. Cruttenden A. (1997), *Intonation*, CUP  
 [5]. Kenworthy, J.(1998), *Teaching English pronunciation*, Longman Publishing, New York  
 [6]. O'Connor J.D.(1997), *Better English Pronunciation* (reprinted), CUP.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận Không

### 7.4. Phần khác: Không

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4	30%
2	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3	70%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

\* Ghi chú: Tùy theo đặc điểm của từng học phần mà có thể có đầy đủ các hình thức đánh giá trên, hoặc có thể thêm hay bớt cho phù hợp, nhưng đảm bảo tổng tỷ lệ điểm bộ phận là 100%. Việc đánh giá điểm bộ phận gồm các thành phần và tỷ lệ tương ứng như công bố, (kết quả điểm bộ phận  $\times$  trọng số điểm bộ phận + điểm thi  $\times$  trọng số thi) / 100 = kết quả học phần.

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận và trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4	

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Tống Thị Lan Chi**

**TS. Y Tru Alio**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGỮ NGHĨA HỌC**  
**Mã học phần: FL213502**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037; Email:

[htxuan@tnn.edu.vn](mailto:htxuan@tnn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngữ Nghĩa dành cho người học ngành Tiếng Anh sau khi đã hoàn thành các học phần thuộc khối kiến thức tiếng phát triển năng lực ngôn ngữ. Học phần Ngữ Nghĩa là một trong những học phần liên quan đến lý thuyết tiếng thuộc về môn kiến thức ngành ngôn ngữ Anh. Học phần Ngữ nghĩa học cung cấp cho người học những hiểu biết chuyên sâu về ngữ nghĩa học bao gồm các kiến thức về nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn; và các phương pháp nghiên cứu ngữ nghĩa học, giúp sinh viên có một kiến thức sâu rộng hơn trong việc giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Ngoài ra, Học phần Ngữ nghĩa học còn giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá phê phán một số lý thuyết ngữ nghĩa học ở người học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

*3.1. Mục tiêu học phần:*

Tham gia học phần học phần Ngữ nghĩa, người học được

MT1: cung cấp các khái niệm chuyên sâu về nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa, các cách nhìn truyền thống về ý nghĩa từ vựng và ý nghĩa ngữ pháp, cũng như các kiến giải truyền thống về hiện tượng đa nghĩa, đồng nghĩa, đồng âm...., Các quan hệ ý, Quan niệm về mệnh đề và cú pháp lôgích, Ý nghĩa của câu và của các phát ngôn

MT2: trang bị kỹ năng trình bày lý thuyết để lý giải các hiện tượng nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn.

MT3: hướng dẫn kỹ năng đọc tài liệu, tóm tắt ý chính, lấy ví dụ minh họa sự hiểu biết về ngữ nghĩa Tiếng Anh.

MT4: hướng dẫn cách so sánh một số hiện tượng ngữ nghĩa trong Tiếng Anh và Tiếng Việt.

MT5: có nhận thức đúng về tầm quan trọng của môn học ngữ nghĩa, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp. Người học tự tin đồng thời phát triển thái độ tìm tòi học hỏi trong việc dạy và học Tiếng Anh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Ngữ nghĩa người học

H1: có kiến thức về các khái niệm chuyên sâu về nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn.

H2: có khả năng trình bày các khái niệm về nghĩa và phân tích được những vấn đề cơ bản của ngữ nghĩa ngôn ngữ Anh để nắm bắt chính xác ý nghĩa của từng đơn vị ngôn ngữ Anh.

H3: có khả năng thuyết trình, phân tích, làm việc nhóm, nâng cao năng lực Tiếng Anh.

H4: có khả năng vận dụng các lý thuyết để hiểu nghĩa của từ và câu và phát ngôn để triển khai nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và Phương Pháp dạy học Tiếng Anh.

H5: Có nhận thức đúng về Học phần Ngữ nghĩa, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tham gia làm việc nhóm và nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng các lý thuyết về ngữ nghĩa linh hoạt trong việc dạy và học Tiếng Anh.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chapter 1 BASIC IDEAS IN SEMANTICS 1.1 About semantics 1.2 Sentences, utterances, and propositions 1.3 References and senses	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1], (pages 1-25) [2], [3], [4], [5]
2	Chapter 2: REFERENCES 2.1 Referring expressions 2.2 Predicates 2.3 Predicates, Referring expressions, and universe of discourse 2.4. Deixis and definiteness 2.5. Words and things: extensions and proptotypes	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	[1], (pages 34-76) [2], [3], [4], [5]
3	Chapter 3: SENSE 3.1 Sense properties and stereotypes 3.2 Sense relations	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1], (pages 89-113) [2], [3], [4], [5]
4	Chapter 4: Word meaning 4.1 About dictionaries 4.2 Meaning postulates 4.3 Properties of predicates 4.4 Derivation 4.5 Participant roles	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	[1], (pages 177- 219) [2], [3], [4], [5]
5	Chapter 5: INTERPERSONAL MEANING 5.1 Speech acts 5.2 Perlocutions and illocutions 5.3 Feclity conditions 5.4 Direct and indirect illocution 5.5 Proposition and illocution 5.6 Conversational implicatue	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1], (pages 232-291) [2], [3], [4], [5]
6	Revision and test	2 tiết	

## 5. Kế hoạch và phương pháp học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
4 tiết	Chapter 1 BASIC IDEAS IN SEMANTICS 1.1 About semantics	H1 H2 H3	Phương pháp dạy học: PP thuyết trình	Báo cáo của nhóm trước lớp về định nghĩa, khái niệm và

	1.2 Sentences, utterances, and propositions 1.3 References and senses	<b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	các ví dụ minh họa về câu, phát ngôn, nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn
<b>6 tiết</b>	Chapter 2: REFERENCES 2.1 Referring expressions 2.2 Predicates 2.3 Predicates, referring expressions, and universe of discourse 2.4. Deixis and definiteness 2.5. Words and things: extensions and proptotypes	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về các khái niệm về hiện tượng nghĩa và giải thích nghĩa của từ, cụm từ
<b>4 tiết</b>	Chapter 3: SENSE 3.1 Sense properties and stereotypes 3.2 Sense relations	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày	Báo cáo của nhóm trước lớp về các mối quan hệ về ý nghĩa của từ, cụm từ, câu
<b>8 tiết</b>	Chapter 4: Word meaning 4.1 About dictionaries 4.2 Meaning postulates 4.3 Properties of predicates 4.4 Derivation 4.5 Participant roles	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b> <b>H5</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp các vai trò tham gia các cụm từ trong việc giải thích nghĩa của câu
<b>6 tiết</b>	Chapter 5: INTERPERSONAL MEANING 5.1 Speech acts	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b>	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ</b>	Báo cáo của nhóm trước lớp khái niệm các phát ngôn, hành động tại ngôn và



	5.2 Perlocutions and illocutions 5.3 Fecility conditions 5.4 Direct and indirect illocution 5.5 Proposition and illocution 5.6 Conversational implicatue	<b>H5</b>	<b>chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	hành động ngoại ngôn, các hàm ý và nghĩa của các phát ngôn
<b>2 tiết</b>	Revision and Test			

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1 Giáo trình học phần

[1]. Hurford, J.R and Heasley, B (2007). *Semantics. A course Book*. Cambridge University Press.

### 6.2 Danh mục tài liệu tham khảo:

[2]. Searle, J. R (2012). *Speech Acts*. Cambridge University Press.

[3]. Nguyen Hoa. (2001). *An Introduction to Semantics*. Vietnam National University

[4]. Tran Van Phuoc & Ton Nu Thuc Anh. (2003). *English Semantics*. Hue University

[5]. To Minh Thanh (2004). *English Semantics*. HCM city University.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp > 2/3 tổng thời lượng học phần

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không

### 7.3 Phần bài tập lớn, tiểu luận Không

### 7.4. Phần khác: Không

7.5 Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu: Sinh viên tự đọc tài liệu làm việc theo nhóm chuẩn bị cho phần trình bày.

## 8. Phương thức kiểm tra đánh giá học phần:

8.1 Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số khi kết thúc học phần: 70%

### 8.2 Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra đánh giá	Chuẩn đầu ra học phần	Tỷ lệ
1.	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua điểm danh, theo dõi việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên	<b>H5</b>	20%
2.	Bài thuyết trình nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên	Đánh giá thông qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày báo cáo của nhóm	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H5</b>	30%
3.	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ	Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	<b>H1</b> <b>H2</b>	50%

		tri thức về lý thuyết ngữ nghĩa và vận dụng tri thức, kỹ năng để lý giải các hiện tượng biến đổi nghĩa của từ, cụm từ, câu và phát ngôn trong tiếng Anh.		<b>H3</b> <b>H4</b>	
4.			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3 Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức về lý thuyết ngữ nghĩa ngôn ngữ Anh, kỹ năng trình bày logic, thái độ của sinh viên, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng để giải thích các hiện tượng ngữ nghĩa trong ngôn ngữ Anh.	Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	<b>H1</b> <b>H4</b> <b>H5</b>

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Tống Thị Lan Chi****ThS. Hoàng thị Xuân**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CÚ PHÁP HỌC**  
**Mã học phần: FL213544**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Nguyễn Lệ Hằng; Số điện thoại: 0946878282; Email:

[nlhang@ttn.edu.vn](mailto:nlhang@ttn.edu.vn)

**2. Tóm tắt mô tả học phần:**

Học phần Cú pháp được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngữ ngành sư phạm và cử nhân Anh. Sinh viên đã có một năng lực ngôn ngữ ở trình độ trung và cao cấp, đã học Ngữ âm âm vị và ngữ pháp ứng dụng. Môn học này hoàn chỉnh cú pháp và ngữ pháp nói chung.

Đây là học phần thuộc khối kiến thức Ngôn ngữ- Văn hoá xã hội. Học phần này được thiết kế với 6 chương. Chương 1 khái quát hóa về định nghĩa cú pháp, cấu trúc có ngữ pháp và không ngữ pháp cũng như các khía cạnh khác mà cú pháp học nghiên cứu. Chương 2 về câu đơn trong đó đề cập đến những thành tố cấu tạo nên câu, kỹ thuật phân tích cấu trúc câu, các loại cụm từ có trong tiếng Anh cũng như các mẫu câu đơn cơ bản. Chương 3 về câu ghép xoay quanh từ nối, ngữ đồng vị và câu tỉnh lược. Câu phức được trình bày ở chương 4 và 5. Đây là chương giúp người học phân biệt được mệnh đề finite và non-finite cũng như là các loại mệnh đề phụ có trong câu phức. Phân tổng hợp câu cũng được đề cập trong chương 6 nhằm mục đích giúp người học vận dụng phần kiến thức đã học về câu đơn, câu ghép và câu phức để kết hợp nhiều câu lại thành một.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

**3.1 Mục tiêu học phần:** Học phần giúp sinh viên

MT1: Nắm bắt được khái niệm cơ bản về câu và cú, phân biệt được câu đơn, câu ghép và câu phức;

MT2: Hiểu được những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả câu đơn

MT3: Nắm được những khái niệm cơ bản về các thành tố của câu, quan hệ giữa các loại động từ và các kiểu câu

MT4: Phân biệt các loại cú: độc lập và chính phụ ở cấp độ ngữ và cú;

MT 5: Biết phân tích, giải thích các hiện tượng ngữ pháp liên quan đến nội dung cú pháp.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần:**

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể

H1: Trình bày được định nghĩa về cú pháp và lý giải được sự khác biệt giữa 1 câu có ngữ pháp và 1 câu không có ngữ pháp.

H2: Đánh giá và làm sáng tỏ được cấu trúc không rõ nghĩa

H3: Phân tích cấu trúc của một câu bằng cách sử dụng các kỹ thuật khác nhau.

H4: Phân tích được các thành phần cấu tạo của các loại cụm từ khác nhau.

H5: Vận dụng và sử dụng các từ nối đẳng lập, ngữ đồng vị và cấu trúc tỉnh lược câu

H6: Phân tích được và phân biệt được các loại mệnh đề chính phụ trong tiếng Anh.

H7: Hiểu và phân tích được cấu tạo của các loại câu khác nhau trong tiếng Anh.

H8: Vận dụng kiến thức về các loại câu để tổng hợp câu.

H9: Biết tuân thủ các qui luật trong ngữ pháp tiếng Anh. Tạo cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

3.2. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học/học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H 1	x	
H 2	x	
H 3	x	
H 4	x	
H 5	x	
H 6	x	
H 7	x	
H 8	x	
H 9		x

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1: Syntax- the sentence patterns of language</b> 1.1. Syntax and sentence structure 1.2. Immediate constituent analysis	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[2] p.6-16
2	<b>Chương 2: Phrases</b> 2.1. Noun phrases 2.2. Adjective and adverb phrases 2.3. Adjuncts, disjuncts and conjuncts 2.4. Prepositional phrases 2.5. Verb phrases	LT: 6 tiết BT: 2 tiết	[1] p.59-143 [2] p.21- 51
3	<b>Chương 3: Compound sentences</b> 3.1. Ellipsis 3.2. Coordination 3.3. Appositions	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] p251-282 [2] p.58-62
4	<b>Chương 4: Finite and non- finite clauses</b> 4.1. Finite and non-finite clauses 4.2. Functions of non-finite clauses 4.3. The structure S' 4.4. Coordinating Non-finites	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] p.309-310 [2] p. 66-71
5	<b>Chương 5: Dependent and independent clauses in complex sentences</b> 5.1. Subordinate clauses 5.2. Finite and nonfinite dependent clauses 5.3. Noun clauses 5.4 Adjective clauses 5.5. Adverb clauses	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	[1] p.311- 337 [2] p.73-p81
6	<b>Chương 6: Synthesis of sentences</b> 6.1. Combinations of two or more simple sentences into a single simple sentence 6.2. Combinations of two or more simple sentences into a compound sentence Combinations of two or more simple sentences into a complex sentence	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[2] p.85- p.88

## 5. Kế hoạch dạy học

Tuần/buổi học/số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1 (4 tiết)	<b>Chương 1: Syntax- the sentence patterns of language</b> 1. What is syntax? 2. Grammatical or ungrammatical 3. What else do we know about syntax? 4. Immediate constituent analysis	H1 H2 H3 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận sự khác biệt giữa cấu trúc có ngữ pháp và không ngữ pháp và các kỹ thuật khác nhau để phân tích cấu trúc câu. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, giải thích được các cấu trúc không rõ nghĩa <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, giải thích được các cấu trúc không rõ nghĩa <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng vận dụng và giải thích được cấu trúc không rõ nghĩa trong tiếng Anh đồng thời sử dụng các kỹ thuật khác nhau để phân tích cấu trúc câu qua các bài tập trên lớp
Tuần 2 (4 tiết)	<b>Chương 2: Phrases</b> 2. Noun phrases 2.1. Types of pronominal modifiers 2.2. Types of post-nominal modifiers 3. Adjective and adverb phrases 3.1. Adjective phrases 3.2. Adverb phrases 4. Adjuncts, disjuncts and conjuncts 4.1. Unit realizing adverbial functions 4.2. Classes of adverbials 4.2.1. Adjuncts and sub-classification of adjuncts 4.2.2. Disjuncts 4.2.3. Conjuncts	H4 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về sự khác biệt giữa cụm tính từ và trạng từ, giữa adjuncts, disjuncts và conjuncts <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân phân biệt các loại cụm từ trong tiếng Anh qua các bài tập nộp tại lớp/email

<b>Tuần 3 (4 tiết)</b>	<b>Chương 2: Phrases</b> 5. Prepositional phrases 6. Verb phrases 6.1. Intensive & extensive verb phrases 6.2. Stative & dynamic 6.3. Intransitive & transitive	H3 H4 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về sự khác biệt của các cặp động từ: intensive & extensive verbs, stative & dynamic verbs, intransitive & transitive verbs cũng như các mẫu câu cơ bản trong câu đơn <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân phân biệt các loại cặp động từ cũng như khả năng phân tích các mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh qua các bài tập nộp tại lớp/email
<b>Tuần 4 (2 tiết)</b>	<b>Chương 3: Compound sentences</b> 1. Coordination 1.1. The meanings of coordinating connectives 1.2. Correlatives 2. Apposition 2.1 Non-restrictive & restrictive apposition 2.2. Ellipsis	H5 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về các loại từ nối đẳng lập và phân biệt sự khác nhau giữa ngữ đồng vị không giới hạn và ngữ đồng vị có giới hạn <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng và sử dụng các từ nối đẳng lập và phân biệt các loại ngữ đồng vị cũng như khả năng sử dụng cấu trúc tinh lược câu qua các bài tập nộp tại lớp/email
<b>2 tiết</b>	Bài kiểm tra số 1	H1 H2 H3 H4 H5 H9		Bài tự luận
<b>Tuần 5 (4 tiết)</b>	<b>Chương 4. Finite and non- finite clauses</b> 1. Finite clauses 2. Non-finite clauses 2.1. Non-finite verbs 2.2. Non-finite clauses	H6 H7 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên	Đánh giá khả năng phân biệt mệnh đề finite và non-finite, xác định cấu tạo của của 1 mệnh đề finite

	2.3. Functions of non-finite clauses 2.4. Structure S'		trình bày - Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa mệnh đề finite và non-finite, xác định cấu tạo của của 1 mệnh đề non-finite <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	and non-finite qua các bài tập nộp tại lớp/email
<b>Tuần 6 (6 tiết)</b>	<b>Chương 5: Dependent finite clauses or subordinate clauses in complex sentences</b> 5.1. Subordinate clauses 5.2. Finite and nonfinite dependent clauses 5.3. Noun clauses 5.4 Adjective clauses 5.5. Adverb clauses	H6 H7 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa mệnh đề đẳng lập và mệnh đề phụ thuộc trong câu phức - Phân biệt các loại mệnh đề phụ thuộc <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng nhận biết chính phụ cũng như khả năng phân tích câu qua các bài tập nộp tại lớp/email
<b>Tuần 7 (4 tiết)</b>	<b>Chương 6: Synthesis of sentences</b> 6.1. combination of two or more simple sentences into a single simple sentence 6.2. combination of two or more simple sentences into a compound sentence 6.3. combination of two or more simple sentences into a complex sentence	H8 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về sự khác nhau giữa phương pháp so sánh và đối chiếu và cách thức tổ chức đoạn phát triển theo phương pháp so sánh đối chiếu - Thực hành: viết 1 đoạn phát triển theo phương pháp so sánh đối chiếu <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị báo cáo <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng tổng hợp câu qua các bài tập nộp tại lớp/email

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Quirk, R & Greenbaum, S. (1976) *A University Grammar of English*. Oxford University Press

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Giáo Trình Cú Pháp Học do Bộ Môn biên soạn và lưu hành nội bộ

[3] Jacobs, Roderick A. (1995). *English Syntax: A Grammar for English Language Professionals*. Oxford University Press

[4] Lê Văn Sự (2000), *An Outline of Syntax*, Nhà xuất bản Đồng Nai.

[5] Paul Roberts (1964). *English Syntax*. New York: Harcourt, Brace and World

[6] Tô Minh Thanh (2005). *English Syntax*. Nhà Xuất Bản Đại Học Quốc Gia Thành Phố Hồ Chí Minh

[7] Trần Hữu Kỳ (2007). *English Structural Syntax*. Nhà Xuất Bản Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh

[8] Jim Miller (2002). *An introduction to English syntax*. Edinburgh University Press

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp > 2/3 tổng thời lượng học phần
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

Sinh viên tham gia ít nhất 3/4 tổng số tiết của học phần.

+ Sinh viên làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá theo quy định của môn học.

+ Sinh viên không thực hiện đủ các bài kiểm tra đánh giá, hoặc vắng mặt quá 1/4 tổng số tiết học sẽ không được xem xét làm bài thi cuối kỳ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ %
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8 H9	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên- giáo án cho các bài trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11 & 12	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8 H9	25%



3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8 H9	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		<b>100%</b>

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8 H9

Trưởng Khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Tống Thị Lan Chi

ThS. Nguyễn Lệ Hằng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: ĐẤT NƯỚC HỌC ANH – MỸ**  
**Mã học phần: FL213103**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Trần Lê Thanh Tú; Số điện thoại: 0905721183

Email: [tlttu@ttn.edu.vn](mailto:tlttu@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: [btinh@ttn.edu.vn](mailto:btinh@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Đất nước học Anh - Mỹ là học phần thuộc khối kiến thức ngôn ngữ - văn hóa. Học phần này nằm trong chương trình đào tạo chuyên ngành tiếng Anh với mục tiêu cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức về đất nước, con người Anh - Mỹ như tổng quan về đất nước, con người, các giai đoạn lịch sử, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, cấu trúc xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của hai nước Anh – Mỹ, làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng trong việc tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động liên văn hoá.

Ngoài ra trong học phần này việc kết hợp hai nước Anh và Mỹ song song với nhau nhằm tạo ra những so sánh, liên hệ. Từ đó giúp sinh viên hình thành tư duy phản biện có cái nhìn tổng quan về các lĩnh vực khác nhau của hai nước Anh và Mỹ, gồm lịch sử, chính trị, kinh tế, giáo dục và văn hóa.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Đất nước học Anh – Mỹ sẽ:*

MT1. trang bị cho người học kiến thức về đất nước, con người Anh - Mỹ, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế của hai nước Anh và Mỹ

MT2. hướng dẫn cho người học cách so sánh, liên hệ văn hóa của hai nước Anh – Mỹ. Từ đó, liên hệ với đất nước, con người và đời sống xã hội của Việt Nam làm cơ sở cho việc xây dựng và phát huy ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa của nước nhà.

MT3. trang bị cho người học các thuật ngữ liên quan đến văn hóa, kinh tế và chính trị

MT4. phát triển kỹ năng đọc hiểu, phân tích, đánh giá nghiên cứu các vấn đề văn hóa - xã hội.

MT5. phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thuyết trình, có nhận thức đúng về môn học. Trong quá trình học chấp hành mọi nội quy, quy định của môn học.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Đất nước học Anh – Mỹ, người học có khả năng:*

H1. trình bày được những nét đặc trưng về đất nước, con người Anh - Mỹ, về đất nước, con người, các giai đoạn lịch sử, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, kinh tế

H2. so sánh, liên hệ, hình thành tư duy phản biện và có cái nhìn tổng quan về các lĩnh vực khác nhau của hai nước Anh và Mỹ. Từ đó, liên hệ với đất nước, con người và đời sống xã hội của Việt Nam làm cơ sở cho việc xây dựng và phát huy ý thức bảo tồn các giá trị văn hóa của nước nhà, nêu cao tinh thần yêu nước, niềm tự hào đối với lịch sử, truyền thống, văn hóa dân tộc và thế giới

H3. hiểu được các thuật ngữ liên quan đến văn hóa, làm nền tảng vận dụng trong biên, phiên dịch và giảng dạy sơ phạm tiếng Anh

H4. đưa ra các quan điểm cá nhân về các vấn đề liên quan đến văn hóa Anh – Mỹ khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

H5. nhận thức đúng về môn học, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C6	C20
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x
H5		x

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Britain- The land and the people</b> 1.1. Geographical context 1.2. The Four Lands 1.3. Some outstanding sites 1.4. The People	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 8-14
2	<b>Chương 2. History and the system of government</b> 2.1. The Main Invasions 2.2. The Notable Events 2.3. The Monarchy 2.4. The Parliament	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 15-31; 80-112
3	<b>Chương 3. Culture, heritage and economy</b> 3.1. Language Variation 3.2. Education Provision 3.3. Religion 3.4. Cultural Activities 3.5. Economic Trend 3.6. Currency and Cash 3.7. Job and Working	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 121-150
4	<b>Chương 4. Customs and traditions</b> 4.1. National Days 4.2. Bank Holidays 4.3. Traditional and Religious Holidays 4.4. Superstitions 4.5. Etiquette	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 207-215
5	<b>Chương 5. An introduction to the USA: The making of the nation</b> 5.1. An expansive and diverse nation 5.2. A brief history of the USA 5.3. A nation of immigration 5.4. The making of the nation	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[2] pages 13-21 [6] pages 4-26
6	<b>Chương 6. American traditional beliefs and values and the political system</b>	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[2] pages 26-29; page 143-169

	6.1. American ideals and values 6.2. Traditional American values 6.3. The Political system		
7	<b>Chương 7. The U.S economy and education</b> 7.1. The U.S economy 7.2. The characteristics of American business 7.3. Education in the USA 7.4. The education system	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[2] pages 60-74; 189-203 [6] pages 89-103
8	<b>Chương 8. Review and test</b>	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết: 4	<b>Chương 1. Britain- The land and the people</b> 1.1. Geographical context 1.2. The Four Lands 1.3. Some outstanding sites 1.4. The People	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: The differences among The United Kingdom, Great Britain and England; why England is mistaken for Britain aboard, British beliefs and values <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: The differences among The United Kingdom, Great Britain and England; why England is mistaken for Britain aboard, British beliefs and values - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 2 Số tiết: 4	<b>Chương 2. History and the system of government</b> 2.1. The Main Invasions 2.2. The Notable Events 2.3. The Monarchy 2.4. The Parliament	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm:	- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: Famous people in British history; the roles of royal family; the differences between House of Lords and

			<p>Famous people in British history; the roles of royal family; the differences between House of Lords and House of Common; Government's roles in Brexit context.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Hoàn thành thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>House of Common; Government's roles in Brexit context.</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
<p>Buổi học 3 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 3. Culture, heritage and economy</b></p> <p>3.1. Language Variation 3.2. Education Provision 3.3. Religion 3.4. Cultural Activities 3.5. Economic Trend 3.6. Currency and Cash 3.7. Job and Working</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: Cockneys language; The differences and similarities in education in four nations in the UK;</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Hoàn thành thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: Cockneys language; The differences and similarities in education in four nations in the UK; The Religion conflicts; Economy power of the UK in the 21th century; Working styles.</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
<p>Buổi học 4 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 4. Customs and traditions</b></p> <p>4.1. National Days 4.2. Bank Holidays</p>	<p>H1 H2 H3 H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP</p>	<p>- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: Good lucks and bad</p>

	4.3. Traditional and Religious Holidays 4.4. Superstitions 4.5. Etiquette	H5	gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Good lucks and bad lucks; traditional and religious festivals. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Hoàn thành thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	lucks; traditional and religious festivals. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 5 Số tiết: 2	<b>Chương 5. An introduction to the USA: The making of the nation</b> 5.1. An expansive and diverse nation 5.2. A brief history of the USA 5.3. A nation of immigration 5.4. The making of the nation	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: The terms “melting pot” and “salad bowl”; the pros and cons of living in such a huge and diverse country like the US; the general ideas about the formation of America. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Hoàn thành thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: The terms “melting pot” and “salad bowl”; the pros and cons of living in such a huge and diverse country like the US; the general ideas about the formation of America. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp.
Buổi học 6 Số tiết: 4	<b>Chương 6. American traditional beliefs and values and the political system</b> 6.1. American ideals and	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở	- Bài đánh giá + Thảo luận nhóm: What values and ideals most

	<p>values</p> <p>6.2. Traditional American values</p> <p>6.3. The Political system</p>		<p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: What values and ideals most American share; how Americans understand “individual”, what “American dreams” is; the form of US government.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Hoàn thành thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>American share; how Americans understand “individual”, what “American dreams” is; the form of US government.</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</p>
<p>Buổi học 7</p> <p>Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 7. The U.S economy and education</b></p> <p>7.1. The U.S economy</p> <p>7.2. The characteristics of American business</p> <p>7.3. Education in the USA</p> <p>7.4. The education system</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H3</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: The patterns of the US economy; Why Us is called the land of the opportunities; US’s roles in the globalization context; The main features of US education; Racial equality and education; the decentralized of US education system.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Hoàn thành thảo</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá Thảo luận nhóm: The patterns of the US economy; Why Us is called the land of the opportunities; US’s roles in the globalization context; The main features of US education; Racial equality and education; the decentralized of US education system.</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp</p>

			luận nhóm <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học 8 Số tiết: 4	<b>Chương 8. Review and test</b>	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận: review the UK and the US <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Ghi chép - Hoàn thành bài kiểm tra <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: multiple – choice test - Hình thức đánh giá: nộp bài tại lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] James O’Driscoll (1995). *Britain the Country and its People: An Introduction of Learners of English*. Oxford University Press.

[2] Eckhard Fiedler, Reimer Jansen & Norman Risch (2001). *America in Close-up*. Longman

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Randee Falk (2009). *Spotlight on Britain and the USA*, Oxford University Press.

[4] Stephen Rabley (2008). *Customs and Traditions in Britain*. Longman Group UK Limited.

[5] Stephen Rabley (2008). *Customs and Traditions in the USA*. Longman Group UK Limited.

[6] Gary Althen. (2011). *American ways*. Nicholas Brealey Publishing

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5 H6	25%
2	Bài tập	Đánh giá khả năng xác	Phương pháp đánh giá thông	H1	50%



	nhóm	định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	qua nghiên cứu sản phẩm nhóm của sinh viên	H2 H3 H4 H5	
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng**

**ThS. Tống Thị Lan Chi**

**Trần Lê Thanh Tú**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: GIAO TIẾP LIÊN VĂN HOÁ**  
**Mã học phần: FL213542**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Hồ Ngọc Đoàn Thư; Số điện thoại 0914248778;

Email: hndthu@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần **Giao Tiếp Liên Văn Hóa** là học phần nằm trong nhóm kiến thức chuyên môn để trang bị cho sinh viên năm thứ 2 chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên kiến thức về giao tiếp liên văn hóa.

Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa; giao tiếp liên văn hóa bao gồm các chủ điểm như xưng hô, khen ngợi và thể hiện sự đánh giá cao người giao tiếp; tương tác bằng tiếng Anh bao gồm các chủ điểm như thể hiện sự hiểu biết, dẫn dắt cuộc nói chuyện và tương tác trong nhóm; thực hiện các cuộc tiếp xúc liên văn hóa bao gồm các chủ điểm như chọn lọc chủ đề đàm thoại, cách bắt đầu cuộc đối thoại và các kỹ thuật để giữ cuộc nói chuyện tiếp tục.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Trang bị cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa.

MT2. cung cấp cho sinh viên kiến thức về giao tiếp liên văn hóa với các chủ điểm như xưng hô, khen ngợi và thể hiện sự đánh giá cao người giao tiếp.

MT3. tạo dựng ngữ cảnh để sinh viên thực hiện các cuộc tiếp xúc liên văn hóa với các chủ điểm như chọn lọc chủ đề đàm thoại, cách bắt đầu cuộc đối thoại và các kỹ thuật để giữ cuộc nói chuyện tiếp tục.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Giao Tiếp Liên Văn Hóa, sinh viên có thể:*

H1. Nắm vững kiến thức về một số nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa.

H2. Vận dụng kiến thức về các nguyên tắc chung trong giao tiếp liên văn hóa trong giao tiếp.

H3. Tạo cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học, ý thức giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của nước nhà và thế giới.

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C6	C20
H1	x	
H2	x	
H3		x

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1.</b> Addressing people 1.1. Using forms of address 1.2. Greetings and farewell 1.3. Making introductions	LT: 10 tiết BT: 5 tiết	[1] trang 3-12
2	<b>Chương 2.</b> Complimenting and Showing Appreciation 2.1. Choosing words for complimenting 2.2. Starting conversations with compliments 2.3. Giving and receiving gifts	LT: 10 tiết BT: 5 tiết	[1] trang 16-24
3	<b>Chương 3.</b> Expressing Emotions 3.1. Cross-cultural differences 3.2. Using nonverbal and verbal communications	LT: 8 tiết BT: 4 tiết	[1] trang 32-38
4	<b>Revision and Test</b>	2 tiết	

#### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học: 1 số tiết: 4	<b>Chương 1. .</b> Addressing people <b>Nội dung:</b> 1.2. Using forms of address	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm, cặp: Using forms of address <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, xem video, phim. Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm). - Viết bài nhận xét cho những tình huống. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng phần trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email). + Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email) .
Buổi học: 2 số tiết: 4	<b>Chương 1.</b> Addressing people	H1 H2	<b>Phương pháp dạy học:</b>	- Trình bày tại lớp (cá nhân,

	1.2. Greetings and farewell	H3	<p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm, cặp:</li> </ul> <p>Greetings and farewell</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu, xem video, phim.</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng đường</li> </ul>	<p>nhóm).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết bài nhận xét cho những tình huống.</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng phần trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email).</li> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email) .</li> </ul> </li> </ul>
Buổi học: 3 Số tiết: 4	<p><b>Chương 1.</b> Addressing people</p> <p>1.3. Making introductions</p> <p><b>Chương 2.</b> Complimenting and Showing Appreciation</p> <p>2.1. Choosing words for complimenting</p>	H1 H2 H3	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm, cặp: --</li> </ul> <p>Making introductions Choosing words for complimenting</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu, xem video, phim.</li> </ul> <p>Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng đường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm).</li> <li>- Viết bài nhận xét cho những tình huống.</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảng phần trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email).</li> <li>+ Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email) .</li> </ul> </li> </ul>

<p>Buổi học: 4 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 2.</b> Complimenting and Showing Appreciation 2.2. Starting conversations with compliments</p>	<p>H1 H2 H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm, cặp: Starting conversations with compliments <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, xem video, phim. Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm). - Viết bài nhận xét cho những tình huống. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng phân trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email). + Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email) .</p>
<p>Buổi học: 5 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 2.</b> Complimenting and Showing Appreciation 2.3. Giving and receiving gifts</p>	<p>H1 H2 H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm, cặp: Giving and receiving gifts <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, xem video, phim. Ghi chép, chuẩn bị báo cáo,</p>	<p>- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm). - Viết bài nhận xét cho những tình huống. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng phân trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email). + Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email).</p>

			chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học: 6 Số tiết: 4	<b>Chương 3.</b> Expressing Emotions 3.1. Cross-cultural differences	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm, cặp: Cross-cultural differences <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, xem video, phim. Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm). - Viết bài nhận xét cho những tình huống. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng phần trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email). + Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email).
Buổi học: 7 Số tiết: 4	<b>Chương 3.</b> Expressing Emotions 3.2. Using nonverbal and verbal communications	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm, cặp: Using nonverbal and verbal communications <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, xem video, phim. Ghi chép, chuẩn	- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm). - Viết bài nhận xét cho những tình huống. -Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng phần trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp (hoặc gửi email). + Báo cáo của nhóm trước lớp, bài viết phân tích tình huống (có thể nộp tại lớp/ gửi email).

			bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học: 8 Số tiết: 2	<b>Revision and Test</b>	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Cá nhân trả lời câu hỏi. - Thảo luận nhóm, cặp. - Đóng vai (role-play) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, xem video, phim. Ghi chép, chuẩn bị báo cáo, chuẩn bị câu hỏi. <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Trình bày tại lớp (cá nhân, nhóm). - Viết bài nhận xét cho những tình huống. - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng phần trình bày, bài viết cá nhân nộp tại lớp.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Levine, D. R. & Adelman, Mara B. (1997). *The Culture Puzzle*. Longman

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Bửu Đạt (2002), *Văn Hóa và Ngôn Ngữ Giao Tiếp của người Việt*, Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin.

[3] Datesman, M.K., (1994) *The American Way*. New Jersey: Prentice Hall Regents.

[4] Kramsch, C., (1994) *Context and Cultural in Language Teaching*. Hongkong: Oxford University.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	20%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng    ThS. Tống Thị Lan Chi    ThS. Hồ Ngọc Đoàn Thu



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: VĂN HỌC CÁC NƯỚC NÓI TIẾNG ANH**  
**Mã học phần: FL213543**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Phượng; Số điện thoại: 0914.072.766;

Email: ntkphuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Văn học các nước nói tiếng Anh là học phần bắt buộc trong nhóm các học phần thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh. Học phần này sẽ cung cấp cho người học kiến thức toàn diện, chuyên sâu về văn hoá – xã hội, nghệ thuật, văn học, lịch sử và văn hóa các nước sử dụng Tiếng Anh thông qua các tác phẩm văn học thuộc nhiều thể loại khác nhau. Người học vận dụng những kiến thức toàn diện, chuyên sâu về ngôn ngữ Anh như cú pháp, ngữ nghĩa học, hình thái... tiếng Anh và những kỹ năng phân tích để có thể nắm bắt chính xác ý nghĩa của từng đơn vị ngôn ngữ tiếng Anh thông qua các tác phẩm văn học. Ngoài việc trang bị kiến thức, quá trình “học thông qua thực hành” còn tạo cơ hội cho người học phát triển tính chủ động trong học tập; năng lực ngôn ngữ và các kỹ năng khác như hợp tác, ứng dụng, giải quyết vấn đề, xử lý thông tin, v.v.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:* Học phần Văn học các nước nói tiếng Anh trang bị cho sinh viên

MT1. kiến thức về một số trào lưu văn học ở một số nước nói tiếng Anh thông qua các tác phẩm văn học

MT2. kiến thức về một số thuật ngữ văn học

MT3. kiến thức về một số thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong các tác phẩm văn học

MT4. kỹ năng phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Văn học các nước nói tiếng Anh, sinh viên có khả năng

H1. phân tích được các đặc trưng của một số trào lưu văn học ở một số nước nói tiếng Anh

H2. thông hiểu các một số thuật ngữ văn học

H3. tổng hợp được một số thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong các tác phẩm văn học

H4. đánh giá được một số thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong các tác phẩm văn học

H5. phân tích, đánh giá các tác phẩm văn học

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C6	C20
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x
H5		X

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1: Poetry</b> 1.1. She walks in beauty - Lord Byron 1.2. The Daffodils - William Wordsworth	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Unit 2: She walks in beauty [2] The Daffodils
2	<b>Chapter 2. Prose</b> 2.1. Robinson Crusoe - Daniel Defoe 2.2. Pride and Prejudice - Jane Austen 2.3. Wuthering Heights - Emily Bronte 2.4. The last tea - Dorothy Parker	LT: 8 tiết BT: 8 tiết	[1] Unit 1: Robinson Crusoe; Unit 3: Pride and Prejudice; Unit 5: Wuthering Heights [2] Wuthering Heights [3] The last tea
3	<b>Chapter 3. Drama</b> The importance of being earnest - Oscar Wilde	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] Unit 5: The importance of being earnest
4	<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	BT: 2 tiết	

#### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/ 4	<b>Chapter 1: Poetry</b> 1.1. She walks in beauty - Lord Byron	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: các thủ pháp nghệ thuật sử dụng trong bài thơ + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, làm bài tập - Thảo luận nhóm + Địa điểm học: Giảng đường	+ Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp/qua email
2/ 4	<b>Chapter 1: Poetry</b> 1.2. The Daffodils - William Wordsworth	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: cách gieo vần trong bài thơ + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, làm bài tập - Thảo luận nhóm + Địa điểm học: Giảng đường	+ Báo cáo của nhóm trước lớp + Bài viết nộp tại lớp/qua email

3/4	<b>Chương 2. Prose</b> 2.1. Robinson Crusoe - Daniel Defoe	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: tìm hiểu ngôi kể trong câu chuyện + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/qua email + Bài viết nộp tại lớp/qua email
4/4	<b>Chương 2. Prose</b> 2.2. Pride and Prejudice - Jane Austen	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: tìm hiểu quan điểm của tác giả + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/qua email + Bài viết nộp tại lớp/qua email
5/4	<b>Chương 2. Prose</b> 2.3. Wuthering Heights - Emily Bronte	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: xây dựng hình ảnh nhân vật + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/qua email + Bài viết nộp tại lớp/qua email
6/4	<b>Chương 2. Prose</b> 2.4. The last tea - Dorothy Parker	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: diễn biến tâm lý nhân vật + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/qua email + Bài viết nộp tại lớp/qua email
7/4	<b>Chương 3. Drama</b> The importance of	H1 H2	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình	+ Bài viết nộp

	being earnest - Oscar Wilde	H3 H4 H5	+ Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	tại lớp/ qua email
8/2	<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thảo luận + Hình thức tổ chức dạy học: - Thảo luận nhóm: các thuật ngữ và thủ pháp nghệ thuật trong văn chương + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Báo cáo của nhóm trước lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Evans Virginia, Dooley Jenny (2014) *Pathways to Literature*, Express Publishing

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Nhóm tác giả (2015) *English Literature*, Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

[3] Thomas Nelson (1989), *20th Century English short stories*, Thomas Nelson and Sons limited.

[4] Edgar Allan Poe et al. (2008), *Outstanding short stories*, Pearson Education Limited.

[5] The State Education Department (2016), *Literary Terms & Devices in English for Language Art*, The University of the State of New York

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	20%

2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	25%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Tống Thị Lan Chi

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: BIÊN DỊCH**  
**Mã học phần: FL212105**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Phượng; Số điện thoại: 0914.072.766;

Email: ntkphuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Biên dịch là học phần tự chọn trong nhóm các học phần thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh. Học phần này trang bị cho người học một số định nghĩa về biên dịch, các phương pháp biên dịch cơ bản, kiến thức về các bước tiến hành dịch viết, một số kỹ thuật dịch cơ bản như phân tích cấu trúc và ngữ nghĩa, xác định các thành phần câu, sự kết hợp từ, dịch câu ghép chính phụ, ... và thực hành dịch các diễn ngôn ngắn, đa dạng về cấu trúc và chủ đề, phong phú về nội dung. Ngoài việc trang bị kiến thức, quá trình “học thông qua thực hành” còn tạo cơ hội cho học viên phát triển tính chủ động trong học tập; năng lực ngôn ngữ, các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết và các kỹ năng khác như hợp tác, ứng dụng, giải quyết vấn đề, xử lý thông tin, v.v.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:* Học phần Biên dịch trang bị cho sinh viên

MT1. kiến thức và kỹ năng phân tích và dịch các thành phần câu

MT2. kiến thức và kỹ năng dịch các kiểu câu, các thể, các thì khác nhau trong ngôn ngữ nguồn

MT3. kiến thức và kỹ năng phân tích và dịch bằng cách mở rộng, bổ sung hoặc lược bỏ

MT4. kiến thức và kỹ năng phân tích và dịch các kết hợp từ

MT5. kiến thức và kỹ năng phân tích và dịch các câu ghép chính phụ

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Biên dịch, sinh viên có khả năng

H1. vận dụng kiến thức về các mẫu câu để phân tích thành phần câu, mệnh đề một cách thuần thục, phục vụ việc biên dịch chính xác

H2. phân tích và dịch các kiểu câu, các thể, các thì khác nhau trong ngôn ngữ nguồn một cách chính xác

H3. phân tích và dịch bằng cách mở rộng, bổ sung hoặc lược bỏ một cách chính xác

H4. phân tích và dịch các kết hợp từ một cách chính xác

H5. phân tích và dịch được các câu ghép chính phụ một cách chính xác

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C11	C12
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Khái niệm về dịch thuật</b> 1.1. Khái niệm về dịch thuật 1.2. Tiêu chí đánh giá bản dịch 1.3. Phương pháp dịch thuật 1.4. Kỹ năng cần có của người dịch	LT: 4 tiết	[1] Chương 1. Khái niệm về dịch thuật [2] Chapter 1. Lý thuyết cơ bản [3] Đề dẫn
2	<b>Chương 2. Phân tích các thành phần câu</b> 2.1. Các thành phần câu cơ bản 2.2. Dịch danh từ/ cụm danh từ 2.3. Dịch cụm phân từ dùng làm thuộc ngữ 2.4. Dịch cụm phân từ dùng làm trạng ngữ 2.5. Dịch mệnh đề thuộc ngữ	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] Unit 3. Translating participial phrases used as an attribute; Unit 7. Translating participial phrases used as an adverbial; Unit 1. Translating attribute phrases used as clauses [2] Lesson 2. Sentence elements; Lesson 3. Nouns and nouns equivalents
3	<b>Chương 3. Dịch các kiểu câu, các thể, các thì</b> 3.1. Dịch câu điều kiện 3.2. Dịch câu thể bị động, chủ động 3.3. Thức giả định 3.4. Câu trực tiếp, gián tiếp 3.5. Thì	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Unit 6. Translating passive sentences [2] Lesson 4. Conditional sentences; Lesson 6. Active and passive voice; Lesson 7. Subjunctive mood; Lesson 8. Tenses; Lesson 10. Direct and indirect speech;
4	<b>Chương 4. Mở rộng nghĩa, lược bỏ từ, bổ sung từ trong dịch thuật</b> 4.1. Mở rộng nghĩa và thêm từ ngữ 4.2. Lược bỏ từ 4.3. Bổ sung từ	LT: 2 tiết BT: 4 tiết	[1] Unit 5. Extension and amplification; Unit 9. Omission; Unit 10. Addition
5	<b>Chương 5. Sự kết hợp từ</b> 5.1. Kết hợp từ 1 5.2. Kết hợp từ 2	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[2] Unit 12. Collocation 1; Unit 13. Collocation 2
6	<b>Chương 6. Dịch câu ghép chính phụ</b>	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] Unit 16. Cách dịch câu ghép chính phụ

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/ 4	<b>Chương 1. Khái niệm về dịch thuật</b> 1.1. Khái niệm về dịch thuật 1.2. Tiêu chí đánh giá bản dịch 1.3. Phương pháp dịch thuật 1.4. Kỹ năng cần có của người dịch	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: các kỹ năng cần có của người dịch + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi - Thảo luận nhóm + Địa điểm học: Giảng đường	+ Báo cáo của nhóm trước lớp
2/4	<b>Chương 2. Phân tích các thành phần câu</b> 2.1. Các thành phần câu cơ bản 2.2. Dịch danh từ/ cụm danh từ 2.3. Dịch cụm phân từ dùng làm thuộc ngữ 2.4. Dịch cụm phân từ dùng làm trạng ngữ 2.5. Dịch mệnh đề thuộc ngữ	H1 H2 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập cá nhân/ nhóm: luyện dịch Việt-Anh, Anh-Việt + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email
3+4+5/12	<b>Chương 3. Dịch các kiểu câu, các thể, các thì</b> 3.1. Dịch câu điều kiện 3.2. Dịch câu thể bị động, chủ động 3.3. Thức giả định 3.4. Câu trực tiếp, gián tiếp 3.5. Thì	H1 H2 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập cá nhân/ nhóm: luyện dịch Việt-Anh, Anh-Việt + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email
6/4	<b>Chương 4. Mở rộng nghĩa, lược bỏ từ, bổ sung từ trong dịch thuật</b> 4.1. Mở rộng nghĩa và	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày	+ Báo cáo của nhóm trước lớp



	thêm từ ngữ 4.2. Lược bỏ từ 4.3. Bổ sung từ	H6 H8	- Bài tập cá nhân/ nhóm: luyện dịch Việt-Anh, Anh-Việt + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	
7+8/6	<b>Chương 5. Sự kết hợp từ</b> 5.1. Kết hợp từ 1 5.2. Kết hợp từ 2	H1 H2 H3 H4	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập cá nhân/ nhóm: luyện dịch Việt-Anh, Anh-Việt + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp
7	<b>Chương 6. Dịch câu ghép chính phụ</b>	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập cá nhân/ nhóm: luyện dịch Việt-Anh, Anh-Việt + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Lê Huy Lâm, Trương Hoàng Duy, Phạm Văn Thuận (2008), *Luyện dịch Anh - Việt Việt - Anh*, NXB Tổng hợp TP. HCM

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đức Châu (2004), *Phương pháp mới Phiên dịch - Biên dịch Anh - Việt, Việt - Anh*, NXB Trẻ

[3] Nguyễn Quốc Hùng (2007), *Hướng dẫn kỹ thuật Biên dịch Việt- Anh, Anh- Việt*, NXB Văn hoá Sài Gòn

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%****8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H3 H5	25%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H3 H5	25%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Tống Thị Lan Chi****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: PHIÊN DỊCH**  
**Mã học phần: FL212106**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Tống Thị Lan Chi; Số điện thoại: 0985404444;

Email: [ttlchi@ttn.edu.vn](mailto:ttlchi@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Phiên dịch là học phần đầu tiên trong tổng số 3 học phần phiên dịch trong chương trình đào tạo nhằm cung cấp kỹ năng nghề nghiệp cho người học.

Học phần này cung cấp kiến thức về các cấp độ và loại hình phiên dịch phổ biến và các kỹ thuật cần thiết để thực hiện tốt các loại hình phiên dịch khác nhau. Học phần cũng giúp người học luyện tập, trau dồi kỹ thuật dịch đuổi không ghi chép (consecutive interpreting without notes) và dịch song song (dịch thầm- whispered interpreting as a form simultaneous interpreting) thông qua việc dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại các bài phát biểu, thuyết trình có độ dài không quá 5 phút. Ngoài ra, người học có thể tích lũy kiến thức về văn hóa, xã hội từ nội dung của các bài thuyết trình và phát triển kỹ năng ngôn ngữ (đặc biệt là kỹ năng Nghe và Nói) cũng như các kỹ năng mềm (như kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ dưới áp lực...) trong quá trình học tập.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Phiên dịch sẽ:*

MT1. trang bị cho người học kiến thức về các cấp độ và loại hình phiên dịch phổ biến và các kỹ thuật cần thiết để thực hiện tốt các loại hình phiên dịch khác nhau.

MT2. cung cấp cho người học cơ hội luyện tập, thực hành và phát triển kỹ thuật dịch đuổi không ghi chép (consecutive interpreting without notes) và dịch song song (dịch thầm- whispered interpreting as a form of simultaneous interpreting) từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

MT3. phát triển kỹ năng ngôn ngữ, kỹ năng thuyết trình và các kỹ năng mềm... trong quá trình học tập.

MT4. trang bị kiến thức, hiểu biết về một số chủ đề văn hóa, xã hội... thông qua các bài phát biểu, bài thuyết trình sử dụng trong quá trình luyện tập kỹ thuật phiên dịch.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Phiên dịch, người học sẽ:*

H1. Nắm được các cấp độ và loại hình phiên dịch và trình bày, phân tích được sự khác biệt giữa các cấp độ và loại hình phiên dịch phổ biến, các tiêu chí (về: kiến thức ngôn ngữ học, kiến thức nền, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng phiên dịch), quy tắc và đạo đức của nghề phiên dịch để có thể áp dụng trong quá trình thực hành trong môn học và vào thực tế nghề nghiệp trong tương lai.

H2. Nắm bắt được các kỹ thuật cần thiết để thực hiện phiên dịch từ ngôn ngữ nguồn sang ngôn ngữ đích và ngược lại.

H3. Có kiến thức, hiểu biết về một số chủ đề văn hóa, xã hội... thông qua các bài phát biểu, thuyết trình... sử dụng trong quá trình luyện tập kỹ thuật phiên dịch.

H4. Có kỹ năng phiên dịch (dịch xuôi không ghi chép và dịch song song- dịch thâm) từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại, về các chủ đề văn hóa, xã hội khác nhau và kỹ năng ngôn ngữ để thực hiện được kỹ năng phiên dịch.

H5. Có nhận thức đúng về phiên dịch như là một kỹ năng nghề nghiệp. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường, có thái độ tích cực khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác và có ý thức kỷ luật cao.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C11	C12
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Bài 1:</b> Levels and Types of Interpreting 1.1. Levels at which interpreters are accredited 1.2. Categories of Interpreting	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages. 11-25
2	<b>Bài 2:</b> Criteria, rules and codes of ethic 2.1 Criteria for a good interpreter 2.2. Rules and codes of ethics	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages 26- 46
3	<b>Bài 3:</b> Interpreting skills 3.1. The process of interpreting 3.2. Overview of interpreting skills - Understanding the message - Paraphrase and reformulation - Simplification	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages 47-81 Pages 131-152 Pages 153-164
4	<b>Bài 4:</b> Interpreting practice- Consecutive interpreting without notes	LT: 1 tiết BT: 7 tiết	[2] Videos: 1-10
5	<b>Bài 5:</b> Interpreting practice- Whispered interpreting as a form of simultaneous interpreting	LT: 1 tiết BT: 7 tiết	[2] Videos: 11-20
	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi: 1 Số tiết: 4	<b>Bài 1:</b> Levels and Types of Interpreting 1.1. Levels at which interpreters are accredited 1.2. Categories of Interpreting	H1 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gọi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng	Bài kiểm tra về các cấp độ và loại hình phiên dịch. Hình thức: bài trắc nghiệm ngắn tại lớp. Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.

			<p>viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường hoặc qua platform e-learning của Khoa Ngoại ngữ.</p>	
<p>Buổi: 2 Số tiết: 4</p>	<p><b>Bài 2:</b> Criteria, rules and codes of ethic 2.1 Criteria for a good interpreter 2.2. Rules and codes of ethics</p>	<p>H1 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên.</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; xem và nhận xét ít nhất 2 video Flipgrid về nội dung theo yêu cầu của 2 người học cùng học phần.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> giảng đường hoặc qua platform e-learning của Khoa Ngoại ngữ</p>	<p>Bài trình bày về các quy định, quy tắc đạo đức quan trọng của nghề phiên dịch.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên quay video phần trình bày bằng Flipgrid và upload lên nền tảng học trực tuyến của Khoa Ngoại ngữ. Giảng viên nhận xét phần trình bày của sinh viên.</p>
<p>Buổi: 3 Số tiết: 4</p>	<p><b>Bài 3:</b> Interpreting skills 3.1. The process of interpreting 3.2. Overview of interpreting skills - Understanding the message - Paraphrase and</p>	<p>H2 H3 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên trình bày kiến thức về quá trình phiên dịch và các kỹ năng cần thiết trong phiên dịch</li> </ul>	<p>Bài tập luyện tập kỹ thuật paraphrase, reformulation và simplification.</p> <p>Hình thức đánh giá: sinh viên nghe một bài phát biểu ngắn bằng</p>

	reformulation - Simplification		- Sinh viên trình bày hiểu biết về các kỹ năng phiên dịch và luyện tập một số kỹ thuật phiên dịch. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; luyện tập kỹ thuật phiên dịch theo cặp và theo nhóm; làm bài tập luyện tập kỹ thuật phiên dịch theo sự hướng dẫn của giảng viên. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	tiếng Anh và thu âm bài dịch luyện tập kỹ năng đơn giản hóa và sắp xếp ý hợp lý nhất. Giảng viên nhận xét bài làm của sinh viên.
Buổi: 4 Số tiết: 4	<b>Bài 4:</b> Interpreting practice- Consecutive interpreting without notes (1)	H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> gọi mở, thảo luận, thực hành theo cặp, nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm riêng của loại hình dịch đũa không ghi chép, hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm để luyện tập dịch video. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; luyện tập dịch video từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo cặp và theo nhóm. Tích lũy từ vựng, cấu trúc cần thiết về chủ đề bài phát biểu. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	Bài đánh giá: dịch 1 bài phát biểu, thuyết trình có đội dài không quá 3 phút từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).
Buổi: 5 Số tiết: 4	<b>Bài 4:</b> Interpreting practice- Consecutive interpreting without notes (2)	H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> gọi mở, thảo luận, thực hành theo cặp, nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm riêng của loại hình dịch đũa không ghi chép, hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm để luyện tập dịch video. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; luyện tập dịch video từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo cặp và theo nhóm.	Bài đánh giá: dịch 1 bài phát biểu, thuyết trình có đội dài không quá 3 phút từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).

			Tích lũy từ vựng, cấu trúc cần thiết về chủ đề bài phát biểu. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	
Buổi: 6 Số tiết: 4	<b>Bài 5:</b> Interpreting practice- Whispered interpreting as a form of simultaneous interpreting (1)	H2 H3 H4  H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> gọi mở, thảo luận, thực hành theo cặp, nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm riêng của loại hình dịch song song (dịch thầm), hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm để luyện tập dịch video. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; luyện tập dịch video từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo cặp và theo nhóm. Tích lũy từ vựng, cấu trúc cần thiết về chủ đề bài phát biểu. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	Bài đánh giá: dịch 1 bài phát biểu, thuyết trình có đội dài không quá 3 phút từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).
Buổi: 7 Số tiết: 4	<b>Bài 5:</b> Interpreting practice- Whispered interpreting as a form of simultaneous interpreting (2)	H2 H3 H4  H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> gọi mở, thảo luận, thực hành theo cặp, nhóm <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm riêng của loại hình dịch song song (dịch thầm), hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm để luyện tập dịch video. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; luyện tập dịch video từ tiếng Anh sang tiếng Việt theo cặp và theo nhóm. Tích lũy từ vựng, cấu trúc cần thiết về chủ đề bài phát biểu. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	Bài đánh giá: dịch 1 bài phát biểu, thuyết trình có đội dài không quá 3 phút từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Hình thức đánh giá: sinh viên tự đánh giá, sinh viên đánh giá sinh viên và giảng viên nhận xét (trên lớp).
Buổi: 8 Số tiết:	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	H1 H2	<b>Phương pháp dạy học:</b> gọi mở, thảo luận.	Bài đánh giá: sinh viên dịch và thu



2		H3 H4 H5	<b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.	âm bài dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt (sử dụng 1 trong 2 loại hình dịch đã được học). Giảng viên đánh giá và nhận xét.
---	--	----------------	--	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình, tài liệu giảng dạy của học phần

[1] Nguyễn Quốc Hùng (2007). *Hướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh-Việt, Việt- Anh*. Nhà xuất bản tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

[2] 20 video clips for interpreting: <https://tinyurl.com/va7xvb4>

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Roderick Jones (2002). *Translation practices explained*. St. Jerome Publishing, Manchester, UK.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự luyện tập thêm.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua sản phẩm bài làm của sinh viên trên lớp và bài tập về nhà.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra vấn đáp.	H1 H2 H3 H4 H5	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào mức độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi vấn đáp	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Tống Thị Lan Chi****ThS. Tống Thị Lan Chi**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: HÌNH THÁI HỌC**  
**Mã học phần: FL213510**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thiện Khoa; Số điện thoại: 0983146976

Email: thienkhoa@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Hà Lê Hồng Hoa; Số điện thoại: 0947978779

Email: hlhhoa@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Hình thái học là một trong những học phần về lý thuyết ngôn ngữ. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ có liên quan đến các học phần khác như: Ngữ âm-Âm vị, Cú pháp học, và Ngữ nghĩa học tiếng Anh.

Học phần bao gồm những khái niệm về hình vị, các tính chất của hình vị, sự phân biệt hình vị với âm vị, âm tiết và từ trong tiếng Anh, phân loại các hình vị (free morphemes and bound morphemes) quá trình phái sinh (derivation) và thêm biến tố (inflection) của hình vị tiếng Anh và sự khác biệt giữa 2 quá trình này, các biến thể của hình vị (Variations of Morphemes – Allomorphs), cách xác định các thành phần cấu tạo từ trực tiếp (immediate constituents) của tiếng Anh, khái niệm về từ, các tính chất của từ (Indivisibility, Internal stability and Positional mobility), phân loại từ và các cách cấu tạo từ của tiếng Anh như: coinage, borrowing, compounding, blending, clipping, acronymy, conversion, affixation và back-formation.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Hình thái học sẽ:*

MT1. trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hình vị, từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh.

MT2. hỗ trợ người học hiểu sâu và rộng hơn các đặc điểm và tính chất của hình vị, từ trong tiếng Anh thông qua các bài đọc thêm có trong mỗi chương.

MT3. trang bị cho người học kỹ năng xác định các thành phần và ý nghĩa của các thành phần cấu tạo từ trong tiếng Anh thông qua các bài tập.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Hình thái học, người học có khả năng:*

H1. lĩnh hội những kiến thức về hình vị, từ và các phương thức cấu tạo từ trong tiếng Anh.

H2. vận dụng được kỹ năng phân tích các thành phần cấu tạo từ trong tiếng Anh bằng cách vận dụng các kiến thức về lý thuyết và bài tập thực hành của học phần.

H3. nhận thức đúng về hình thái học và có ý thức tốt trong học tập, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, có khả năng tự nghiên cứu, và yêu thích môn học thông qua học tập.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3		x

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. MORPHEMES</b>  <b>Nội dung:</b>            1.1. Definition - Characteristics            1.2. Distinction between Morphemes, Phonemes, Syllables and Words.            1.2.1. Morphemes vs. Phonemes            1.2.2. Morphemes vs. Syllables            1.2.3. Morphemes vs. Words            1.3. Classification of Morphemes            1.3.1. Free morphemes vs. Bound morphemes.            1.3.2. Bases (also called Roots) vs. Affixes            1.4. Variations of Morphemes – Allomorphs            1.4.1. Definition            1.4.2. Selection of Allomorphs            1.4.3. Types of Allomorphs            Exercises            Extra reading</p>	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] pages 1-35 [2] pages 66-71 [3] pages 73-100
2	<p><b>Chương 2. DERIVATION vs. INFLECTION</b>  <b>Nội dung:</b>            2.1. Derivation            2.1.1. Definition            2.1.2. Types of Derivational Affixes            2.1.3. Morphological Rules            2.2. Inflection            2.2.1. Definition            2.2.2. Kinds of Inflection            2.3. How to Distinguish Derivation from Inflection            2.3.1. Key Points to Remember in Derivation            2.3.2. Key Points to Remember in Inflection            Exercises            Extra reading</p>	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] pages 41-74 [2] pages 62-73 [3] pages 105-109
3	<p><b>Chương 3. IMMEDIATE CONSTITUENTS IN MORPHOLOGY</b>  <b>Nội dung:</b>            3.1. Definition            3.2. Some recommendations on IC division            3.3. Diagram            Exercises            Extra reading</p>	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 76-150 [3] pages 92-93
4	<p><b>Chương 4. WORDS</b>  <b>Nội dung:</b>            4.1. Definition            4.2. Characteristics            4.2.1. Indivisibility.            4.2.2. Internal Stability and Positional Mobility</p>	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] pages 103-150 [2] pages 52-60 [3] pages 116-120

	4.3. Classification 4.3.1. Classification of Words according to their Internal structure 4.3.2. Classification of Words according to their word-formation process Exercises Extra reading		
5	<b>TEST</b>	2 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1/số tiết: 4	<b>Chương 1. MORPHEMES</b> <b>Nội dung:</b> 1.1. Definition - Characteristics 1.2. Distinction between Morphemes, Phonemes, Syllables and Words. 1.2.1. Morphemes vs. Phonemes 1.2.2. Morphemes vs. Syllables 1.2.3. Morphemes vs. Words Exercises Extra reading	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm (Definition – Characteristics; Distinction between Morphemes, Phonemes, Syllables and Words) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Các bài tập đánh giá: +Identify the number of morphemes in the given words; +Identify bound morphemes in the given words; +Underline the base in the given words. <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bảng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp
Buổi học 2/số tiết: 4	<b>Chương 1. (tiếp theo) MORPHEMES</b> <b>Nội dung:</b> 1.3. Classification of Morphemes 1.3.1. Free morphemes vs. Bound morphemes. 1.3.2. Bases (also called Roots) vs. Affixes 1.4. Variations of Morphemes – Allomorphs 1.4.1. Definition 1.4.2. Selection of Allomorphs	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm (Classification of Morphemes, Variations of Morphemes) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị	- Các bài tập đánh giá: +Identify bound morphemes in the given words; +Underline the base in a word; +Identify the meaning of the affix in the given words; +identify the meaning of the bound base in the given sets of words; +Identify the

	1.4.3. Types of Allomorphs Exercises Extra reading		báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	meaning of the bound base in the given words; +Exercises of allomorphs. <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bảng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp.
Buổi học 3/số tiết: 4	<b>Chương 2</b> <b>DERIVATION vs. INFLECTION</b> <b>Nội dung:</b> 2.1. Derivation 2.1.1. Definition 2.1.2. Types of Derivational Affixes 2.1.3. Morphological Rules Exercises Extra reading	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm (Classification of Morphemes, Variations of Morphemes) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>- Các bài tập đánh giá:</b> +Give as many words with the same bound base; +Identify all the possible the suffixes in each of the given words; +Identify the meaning of the prefix in the given words. <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bảng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp.
Buổi học 4/số tiết: 4	<b>Chương 2 (tiếp theo)</b> <b>DERIVATION vs. INFLECTION</b> <b>Nội dung:</b> 2.2. Inflection 2.2.1. Definition 2.2.2. Kinds of Inflection 2.3. How to Distinguish Derivation from Inflection 2.3.1. Key Points to Remember in Derivation 2.3.2. Key Points to Remember in Inflection. Exercises Extra reading	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm (Classification of Morphemes, Variations of Morphemes) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	<b>- Các bài tập đánh giá:</b> +Each group contains a base and a few suffixes. Make each into a word; +Add a derivational suffix to each of the given words, which already end in a derivational suffix; <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bảng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp.

<p>Buổi học 5/số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 3.</b> <b>IMMEDIATE</b> <b>CONSTITUENTS</b> <b>IN MORPHOLOGY</b> <b>Nội dung:</b> 3.1. Definition 3.2. Some recommendations on IC division 3.3. Diagram Exercises Extra reading</p>	<p>H1 H2 H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm (Classification of Morphemes, Variations of Morphemes) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>- Các bài tập đánh giá:</b> +Give the IC cuts of each of the given words; +Reanalyse the given words. <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bằng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp.</p>
<p>Buổi học 6/số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 4. WORDS</b> <b>Nội dung:</b> 4.1. Definition 4.2. Characteristics 4.2.1. Indivisibility. 4.2.2. Internal Stability and Positional Mobility Exercises Extra reading</p>	<p>H1 H2 H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm (Classification of Morphemes, Variations of Morphemes) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p><b>- Các bài tập đánh giá:</b> +Make the first IC cut in the given words; +Indicate whether each italicized and underlined expression is a compound or a grammatical structure. <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bằng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp.</p>
<p>Buổi học 7/số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 4. WORDS</b> (tiếp theo) <b>Nội dung:</b> 4.3. Classification 4.3.1. Classification of Words according to their Internal structure 4.3.2. Classification of Words according to their word-formation</p>	<p>H1 H2 H3</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm</p>	<p><b>- Các bài tập đánh giá:</b> +Classify the given items with the symbols S (simple), C-BB (complex with two bound forms), C-FB (complex with one free form),</p>

	process Exercises Extra reading		(Classification of Morphemes, Variations of Morphemes) <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị báo cáo. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Comp (compound), GS (grammatical structure); +Give the original words from which the given clipped words were formed; +Give the original of each of the given blends; +Give the blends that result from fusing the given words; +The given words are back- formations. Write the words from which they are formed. <b>-Hình thức đánh giá của từng bài:</b> + Bằng bài viết nộp tại lớp + Báo cáo của nhóm trước lớp.
Buổi học 8/số tiết: 2	<b>TEST</b>		<b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Hoàn thành các yêu cầu của bài kiểm tra. <b>Địa điểm:</b> Giảng đường	<b>-Hình thức đánh giá:</b> Bằng bài viết nộp tại lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Tô Minh Thanh (2019). *Hình Thái Học Tiếng Anh – English Morphology*, nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] George Yule (2010). *The Study of Language*, Cambridge University Press.

[3] Lê Văn Sự (2000). *Ngôn ngữ học tiếng Anh – English Linguistics – Syntax & Morphology*, nhà xuất bản Đồng Nai.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học	Tỷ lệ
----	------------	----------	--------------------------------	---------	-------



				<b>phần</b>	
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H3	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên.	H1 H2	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Tống Thị Lan Chi

ThS. Nguyễn Thiện Khoa

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN**  
**Mã học phần: FL215994**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Trần Ngọc Anh; Số điện thoại: 0984.99.84.85;

Email: [ngocanh@ttn.edu.vn](mailto:ngocanh@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Lê Thị Hồng Vân; Số điện thoại:

Email: [lthvan@ttn.edu.vn](mailto:lthvan@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Phân tích điển ngôn là một trong số các môn học trang bị kiến thức ngành cho các sinh viên chọn định hướng chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng. Học phần bao gồm những kiến thức về điển ngôn và sự khác nhau khi diễn đạt ảnh hưởng bởi yếu tố giới tính, văn hóa, tôn giáo và các kỹ thuật phân tích, kiến tạo điển ngôn ở hình thức điển ngôn nói và điển ngôn viết. Ngoài ra, học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên được phát triển kỹ năng xây dựng điển ngôn ở nhiều thể loại khác nhau một cách hiệu quả để ứng dụng trong việc học và công việc chuyên môn liên quan đến ngôn ngữ Anh trong tương lai.

Học phần Phân tích điển ngôn có sự liên quan chặt chẽ đến các môn học như: Ngữ dụng học, Ngôn Ngữ xã hội học,...nên khi kết hợp các kiến thức đã học được từ các môn học liên quan, học phần Phân tích điển ngôn sẽ góp phần giúp sinh viên hiểu sâu hơn.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

**3.1. Mục tiêu học phần**

Học phần Phân tích điển ngôn sẽ:

MT1: trang bị cho sinh viên kiến thức về các khái niệm về điển ngôn, và kỹ thuật phân tích điển ngôn

MT2: hướng dẫn cho sinh viên kỹ năng phân tích các đặc điểm – yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành nên các điển ngôn, xác định được các tính chất của điển ngôn, các yếu tố ngôn ngữ trong điển ngôn và sự khác nhau giữa điển ngôn nói và điển ngôn viết

MT3: hướng dẫn cho sinh viên cách trau dồi kỹ năng xây dựng điển ngôn ở nhiều thể loại khác nhau một cách hiệu quả để ứng dụng trong việc học và dạy ngôn ngữ.

MT4: hướng dẫn cho sinh viên ý thức tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi học xong học phần Phân tích điển ngôn, người học có khả năng:

H1: phân biệt sự khác nhau của các thể loại điển ngôn nói và điển ngôn viết

H2: phân tích, xác định được các tính chất của điển ngôn, các yếu tố ngôn ngữ trong điển ngôn

H3: xây dựng điển ngôn ở nhiều thể loại khác nhau một cách hiệu quả để ứng dụng trong việc học và dạy ngôn ngữ

Sau khi học xong học phần *Phân tích điển ngôn*, người học:

H4: được trang bị kỹ năng phân tích và xây dựng điển ngôn ở nhiều thể loại khác nhau.

H5: có ý thức tự tìm tòi, ham học hỏi, cập nhật kiến thức, tự nghiên cứu, yêu thích môn học.

Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường và pháp luật của nhà nước. Ngoài ra, người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1:</b> What is discourse analysis 1. What is discourse analysis? 2. Different views of discourse analysis	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 1-14
2	<b>Chương 2:</b> Discourse and Society 1. Discourse communities 2. Language as social and local practice 3. Discourse and gender 4. Discourse and identity 5. Discourse and ideology	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 15-38
3	<b>Chương 3:</b> Discourse and Pragmatics 1. What is pragmatics? 2. Language, context and discourse 3. Speech acts and discourse 4. The cooperative principle and discourse 5. Flouting the cooperative principle 6. Cross-cultural pragmatics and discourse 7. Conversational implicature and discourse 8. Politeness, face and discourse 9. Face and politeness across cultures 10. Politeness and gender 11. Face-threatening acts 12. Politeness and cross-cultural pragmatic failure	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 38-61
4	<b>Chương 4:</b> Discourse and Genre 1. What is genre? 2. Relationships between genres 3. Written genres across cultures 4. Spoken genres across cultures 5. Genre and academic writing 6. Steps in genre analysis 7. The social and cultural context of genres 8. The discourse structure of genres 9. Application of genre analysis	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 62-89
5	<b>Chương 5:</b> Discourse and Conversation 1. Background to conversation analysis 2. Transcription conventions 3. Sequence and structure in conversation 4. Preference organization 5. Feedback 6. Repair	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 90-112

	<ol style="list-style-type: none"> <li>7. Discourse markers</li> <li>8. Gender and conversation analysis</li> <li>9. Conversation analysis and second language conversation</li> <li>10. Criticisms of conversation analysis</li> <li>11. A sample study: Refusals</li> </ol>		
6	<b>Chương 6:</b> Discourse and Grammar <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Grammar from a discourse perspective</li> <li>2. The texture of a text</li> <li>3. Cohesion and discourse</li> <li>4. Reference</li> <li>5. Lexical cohesion</li> <li>6. Collocation</li> <li>7. Conjunction</li> <li>8. Substitution and ellipsis</li> <li>9. Patterns of cohesion: A sample analysis</li> <li>10. Theme and rheme</li> <li>11. Thematic progression</li> <li>12. Attitude and grammar</li> <li>13. Grammar and engagement</li> <li>14. Grammatical differences between spoken and written discourse</li> </ol>	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 113-143
7	<b>Chương 7:</b> Critical Discourse Analysis <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Principles of discourse analysis</li> <li>2. Doing critical discourse analysis</li> <li>3. Critical discourse analysis and genre</li> <li>4. Critical discourse analysis and framing</li> <li>5. Critical discourse analysis and larger data sets</li> <li>6. Criticisms of critical discourse analysis</li> </ol>	LT: 3tiết BT: 1 tiết	[1] pages 186-203
8	<b>Chương 8:</b> Doing discourse analysis	2 tiết	[1] pages 204-224

### 5. Kế hoạch và phương pháp giảng dạy

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học 1 Số tiết 4	<b>Chương 1:</b> What is discourse analysis <ol style="list-style-type: none"> <li>1. What is discourse analysis?</li> <li>2. Different views of discourse analysis</li> </ol>	H1 H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm để khai thác sự hiểu biết của sinh viên về Phân tích diễn ngôn và những quan điểm của các nhà ngôn ngữ học trên thế giới về Phân tích diễn ngôn. <b>Yêu cầu sinh viên:</b>	

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
Buổi học 2 Số tiết 4	<p><b>Chương 2:</b> Discourse and Society</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Discourse communities</li> <li>2. Language as social and local practice</li> <li>3. Discourse and gender</li> <li>4. Discourse and identity</li> <li>5. Discourse and ideology</li> </ol>	H1 H2 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm về mối quan hệ giữa các yếu tố xã hội với diễn ngôn.</li> <li>- Thuyết trình kết quả thảo luận</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Thuyết trình – đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá:</li> <li>+ Các nhóm sinh viên thuyết trình lấy điểm</li> <li>+ Các sinh viên còn lại nghe và đặt câu hỏi</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: sinh viên lấy điểm theo nhóm và theo hiệu quả công việc cá nhân</li> </ul>
Buổi học 3 Số tiết 4	<p><b>Chương 3:</b> Discourse and Pragmatics</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. What is pragmatics?</li> <li>2. Language, context and discourse</li> <li>3. Speech acts and discourse</li> <li>4. The cooperative principle and discourse</li> <li>5. Flouting the cooperative principle</li> <li>6. Cross-cultural pragmatics and discourse</li> <li>7. Conversational implicature and discourse</li> <li>8. Politeness, face and discourse</li> <li>9. Face and politeness across cultures</li> </ol>	H1 H2 H4 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm về mối liên hệ giữa Ngữ dụng và diễn ngôn.</li> <li>- Thuyết trình kết quả thảo luận</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Thuyết trình – đặt câu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá:</li> <li>+ Các nhóm sinh viên thuyết trình lấy điểm</li> <li>+ Các sinh viên còn lại nghe và đặt câu hỏi</li> <li>- Hình thức đánh giá của từng bài: sinh viên lấy điểm theo nhóm và</li> </ul>

	<p>10. Politeness and gender</p> <p>11. Face-threatening acts</p> <p>12. Politeness and cross-cultural pragmatic failure</p>		<p>hỏi</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>theo hiệu quả công việc cá nhân</p>
<p>Buổi học 4</p> <p>Số tiết 4</p>	<p><b>Chương 4:</b> Discourse and Genre</p> <p>1. What is genre?</p> <p>2. Relationships between genres</p> <p>3. Written genres across cultures</p> <p>4. Spoken genres across cultures</p> <p>5. Genre and academic writing</p> <p>6. Steps in genre analysis</p> <p>7. The social and cultural context of genres</p> <p>8. The discourse structure of genres</p> <p>9. Application of genre analysis</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm về mối quan hệ giữa thể loại văn bản và việc hình thành nên các diễn ngôn khác nhau.</li> <li>- Thuyết trình kết quả thảo luận</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Thuyết trình – đặt câu hỏi</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá: + Các nhóm sinh viên thuyết trình lấy điểm + Các sinh viên còn lại nghe và đặt câu hỏi</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: sinh viên lấy điểm theo nhóm và theo hiệu quả công việc cá nhân</p>
<p>Buổi học 5</p> <p>Số tiết 4</p>	<p><b>Chương 5:</b> Discourse and Conversation</p> <p>1. Background to conversation analysis</p> <p>2. Transcription conventions</p> <p>3. Sequence and structure in conversation</p> <p>4. Preference organization</p> <p>5. Feedback</p> <p>6. Repair</p> <p>7. Discourse markers</p> <p>8. Gender and conversation analysis</p> <p>9. Conversation analysis and second language conversation</p> <p>10. Criticisms of conversation analysis</p>	<p>H1</p> <p>H2</p> <p>H4</p> <p>H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thảo luận nhóm về sự tương quan giữa phân tích diễn ngôn và phân tích đoạn hội thoại.</li> <li>- Thuyết trình kết quả thảo luận</li> <li>- Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá: + Các nhóm sinh viên thuyết trình lấy điểm + Các sinh viên còn lại nghe và đặt câu hỏi</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài: sinh viên lấy điểm theo nhóm và</p>

	11. A sample study: Refusals		- Thuyết trình – đặt câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	theo hiệu quả công việc cá nhân
Buổi học 6 Số tiết 4	<b>Chương 6:</b> Discourse and Grammar 1. Grammar from a discourse perspective 2. The texture of a text 3. Cohesion and discourse 4. Reference 5. Lexical cohesion 6. Collocation 7. Conjunction 8. Substitution and ellipsis 9. Patterns of cohesion: A sample analysis 10. Theme and rheme 11. Thematic progression 12. Attitude and grammar 13. Grammar and engagement 14. Grammatical differences between spoken and written discourse	H1 H2 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thảo luận nhóm về ngữ pháp dưới góc độ diễn ngôn. - Thuyết trình kết quả thảo luận - Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Thuyết trình – đặt câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá: + Các nhóm sinh viên thuyết trình lấy điểm + Các sinh viên còn lại nghe và đặt câu hỏi - Hình thức đánh giá của từng bài: sinh viên lấy điểm theo nhóm và theo hiệu quả công việc cá nhân
Buổi học 7 Số tiết 4	<b>Chương 7:</b> Critical Discourse Analysis 1. Principles of discourse analysis 2. Doing critical discourse analysis 3. Critical discourse analysis and genre 4. Critical discourse analysis and framing 5. Critical discourse analysis and larger data sets 6. Criticisms of critical discourse analysis	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thảo luận nhóm về các nguyên tắc phân tích diễn ngôn. - Thuyết trình kết quả thảo luận - Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận	- Bài đánh giá: + Các nhóm sinh viên thuyết trình lấy điểm + Các sinh viên còn lại nghe và đặt câu hỏi - Hình thức đánh giá của từng bài: sinh viên lấy điểm theo

			- Thuyết trình – đặt câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	nhóm và theo hiệu quả công việc cá nhân
Buổi học 8 Số tiết 2	<b>Chương 8:</b> Doing discourse analysis Bài kiểm tra	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	Bài kiểm tra

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình chính

[1] Paltridge, Brian (2012). *Discourse Analysis - An introduction - 2<sup>nd</sup> edition*, Bloomsbury Publishing Plc.

### 6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hatch, E. (1994). *Discourse and Language Education*. Cambridge University Press.

[3] McCarthy, M. (1991). *Discourse Analysis for Teachers*, Cambridge University Press.

[4] Nunan, D. (1993). *Introducing Discourse Analysis*. Penguin.

[5] Tran Van Phuoc & Truong Bach Le (2003). *An Introduction to Discourse Analysis*, Hue University College of Pedagogy.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần

- Chuẩn bị thảo luận, thuyết trình và đặt câu hỏi cho các nhóm thuyết trình

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Hình thức	Mục đích, phương pháp kiểm tra đánh giá	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm sinh viên do giảng viên đề ra. Phương pháp đánh giá thông qua việc chấm bài, sửa bài tập trên lớp của sinh viên	30%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập. Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	40%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%



**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày tháng năm 2020

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn****Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Tống Thị Lan Chi****ThS. Trần Ngọc Anh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGỮ DỤNG HỌC**  
**Mã học phần: FL215995**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Đoàn Thị Dung; Số điện thoại: 0934479479;

Email: doandung@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần này là học phần tự chọn thuộc Khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hoá nhằm cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh những kiến thức và hiểu biết về ngành ngữ dụng học, mối quan hệ giữa ngữ dụng học và các ngành khác thuộc ngôn ngữ học, các vấn đề chính thường đề cập cũng như tầm quan trọng của việc ứng dụng ngôn ngữ phù hợp với mục đích giao tiếp trong các ngữ cảnh giao tiếp tiếng Anh khác nhau.

Sau khi đã phát triển các kỹ năng ngôn ngữ giao tiếp chính, học phần này giúp người học hiểu và giải thích được các khái niệm và nội dung chính trong ngữ dụng, sau đó có thể ứng dụng các kiến thức thuộc khối ngôn ngữ và văn hoá này trong giao tiếp tiếng Anh để bước đầu hiểu được mục đích giao tiếp của người nói từ đó có thể phân tích và đưa ra các phản hồi phù hợp trong từng ngữ cảnh nhất định của hội thoại trong giao tiếp tiếng Anh.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Ngữ dụng học sẽ:*

MT1. trang bị cho người học khái niệm và những kiến thức chính thường đề cập trong lĩnh vực ngữ dụng, mối tương quan của ngữ dụng với các lĩnh vực khác trong ngôn ngữ học và tầm quan trọng của việc nghiên cứu ngữ nghĩa của phát ngôn trong giao tiếp tiếng Anh.

MT2. trang bị cho người học kỹ năng vận dụng kiến thức về ngữ dụng trong giao tiếp tiếng Anh một cách phù hợp và hiệu quả.

MT3. trang bị cho người học kỹ năng phân tích và sử dụng tiếng Anh phù hợp trong các ngữ cảnh phát ngôn cụ thể.

MT4. Rèn luyện và phát triển cho người học thái độ học tập phù hợp, phát triển kỹ năng tự học, tự đánh giá, rèn luyện và các kỹ năng mềm khác như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, lên kế hoạch học tập và sử dụng các thiết bị công nghệ, mạng trực tuyến để phát triển năng lực cá nhân về ngữ dụng học.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Ngữ dụng học, người học:*

H1. nắm vững các khái niệm cơ bản được sử dụng trong ngữ dụng học tiếng Anh.

H2. hiểu rõ mối tương quan giữa ngữ dụng học và các lĩnh vực khác trong ngôn ngữ học và tầm quan trọng của văn hoá, ngữ cảnh và mục đích giao tiếp của người nói.

H3. xác định được mục đích giao tiếp của người nói trong ngữ cảnh giao tiếp cụ thể.

H4. xác định nghĩa của câu thông qua việc phân tích các phát ngôn như hàm ý, hàm ngôn, tiền giả định, hành động lời nói, phép lịch sự, các chiến thuật về lịch sự, nhu cầu về thể diện, thể diện dương tính, thể diện dương tính, nguyên lý cộng tác và lời rào đón trong tiếng Anh.

H5. nắm vững các kỹ năng liên quan đến ngữ dụng và sử dụng tiếng Anh phù hợp với ngữ cảnh phát ngôn và tình huống giao tiếp cụ thể.

H6. phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá, chọn lọc tài liệu học tập phù hợp qua việc sử dụng những thành tựu về công nghệ thông tin để hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong và ngoài lớp học.

H7. phát triển năng lực tự học, tự định hướng, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân và trình độ chuyên môn; phát triển các kỹ năng mềm như kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng hòa nhập và thích nghi, có tinh thần trách nhiệm khi tham gia các hoạt động thực hành, thảo luận trong và ngoài lớp học

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	
H6		x
H7		x

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Definitions and background</b> <b>Nội dung:</b> 1.1. Syntax, semantics and pragmatics 1.2. Regularity	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 3-4 [2] trang 3-14
2	<b>Chương 2. Deixis and distance</b> <b>Nội dung:</b> 2.1. Person deixis 2.2. Spatial deixis 2.3 Temporal deixis	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 9 - 14 [2] trang 52 – 56, 240
3	<b>Chương 3. Reference and inference</b> <b>Nội dung:</b> 3.1. Referential and attributive uses 3.2. Names and references 3.3 The role of co-text	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 17 - 21 [2] trang 39-56
4	<b>Chương 4. Presupposition and entailment</b> <b>Nội dung:</b> 4.1. Presupposition 4.2. Types of presupposition	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 25 - 27 [2] trang 39-49, 67 – 85, 264-265
5	<b>Chương 5. Cooperation and implicature</b> <b>Nội dung:</b> 5.1. The cooperative principle 5.2 Hedges 5.3. Conversational implicature	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 35 - 40 [2] trang 184-188
6	<b>Chương 6. Speech acts</b> <b>Nội dung:</b> 6.1. Speech acts	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 47, 53 - 55 [2] trang 92-124

	6.2. Speech act classification 6.3 Direct and indirect speech acts		
7	<b>Chương 7. Politeness and interaction</b> <b>Nội dung:</b> 7.1. Politeness and face wants 7.2. Negative and positive face 7.3 Negative and positive politeness 7.4 Strategies	LT: 7 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 59 - 61, 64 - 65 [2] trang 79 – 81, 268-269
8	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	2 tiết	

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi: 1 Số tiết: 4	<b>Chương 1. Definitions and background</b> 1.1. Syntax, semantics and pragmatics 1.2. Regularity <b>Chương 2. Deixis and distance</b>  2.1. Person deixis 2.2. Spatial deixis 2.3 Temporal deixis	H1 H2 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm về tổng quan và mối liên hệ giữa ngữ dụng học và các lĩnh vực thuộc ngôn ngữ học khác. -Thảo luận cặp: chỉ tổ về người, không gian, thời gian  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.	- Bài kiểm tra mức độ hiểu biết chung về ngữ dụng học và mối tương quan với các lĩnh vực khác thuộc ngôn ngữ học.  -Hình thức đánh giá: Bài trắc nghiệm tại lớp.  Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.
Buổi: 2 Số tiết: 4	<b>Chương 3. Reference and inference</b>  3.1. Referential and attributive uses 3.2. Names and references 3.3 The role of co-text	H1 H3 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: chỉ xuất và các loại chỉ xuất, mối tương quan giữa đồng văn bản với các chỉ xuất. - Thực hành cặp: tìm và phân tích các ví dụ có sử dụng chỉ xuất và vai trò của đồng văn bản (co-text) trong 1 đoạn video do giáo viên cung cấp. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng	- Kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên về việc sử dụng các chỉ xuất và phân tích vai trò của co-text trong mối tương quan với các chỉ xuất đó.  -Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm phân tích các ví dụ có sử dụng các chỉ

			<p>viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>xuất trong 1 đoạn phim/video giao tiếp ngắn.</p> <p>Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.</p>
<p>Buổi: 3 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 4.</b> <b>Presupposition and entailment</b></p> <p>4.1. Presupposition 4.2. Types of presupposition.</p>	<p>H1 H3 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: phân tích và xác định các tiền giả định và hàm ý trong các ví dụ do giáo viên cung cấp. - Thực hành cặp: xác định các tiền giả định và hàm ý có thể có từ các ví dụ giáo viên cung cấp.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.</p>	<p>- Kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên về việc xác định các tiền giả định và hàm ý trong ngữ dụng học.</p> <p>-Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm phân tích các các tiền giả định và hàm ý từ tài liệu do sinh viên tự chọn.</p> <p>Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.</p>
<p>Buổi: 4 Số tiết: 4</p>	<p><b>Chương 5:</b> <b>Cooperation and implicature</b></p> <p>5.1. The cooperative principle 5.2 Hedges 5.3. Conversational implicature</p>	<p>H1 H3 H4 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: nguyên lý cộng tác, lời rào đón và hàm ngôn hội thoại. - Thực hành cặp: phân tích các ví dụ liên quan đến nguyên lý cộng tác, lời rào đón, và hàm ngôn hội thoại.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá.</p>	<p>- Kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên về nguyên lý cộng tác, lời rào đón, và hàm ngôn hội thoại.</p> <p>-Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm phân tích các ví dụ liên quan đến nguyên lý cộng tác, lời rào đón, và hàm ngôn hội thoại. từ tài liệu do</p>

			<b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.	sinh viên tự chọn.  Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.
Buổi: 5 Số tiết: 4	<b>Chương 6. Speech acts</b> 6.1. Speech acts 6.2. Speech act classification 6.3 Direct and indirect speech acts	H1 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: hành vi ngôn ngữ, phân loại hành vi ngôn ngữ. - Thực hành cặp: phân tích các ví dụ liên quan đến hành vi ngôn ngữ. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.	- Kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên về hành vi ngôn ngữ.  -Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm phân tích các ví dụ liên quan đến hành vi ngôn ngữ.  Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.
Buổi: 6 Số tiết: 4	<b>Chương 7. Politeness and interaction</b>  7.1. Politeness and face wants 7.2. Negative and positive face	H1 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: lịch sự, nhu cầu thể diện, thể diện dương tính và âm tính. - Thực hành cặp: phân tích các ví dụ liên quan đến lịch sự, nhu cầu thể diện, thể diện dương tính và âm tính. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.	- Kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên về lịch sự, nhu cầu thể diện, thể diện dương tính và âm tính.  -Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm phân tích các ví dụ liên quan đến lịch sự, nhu cầu thể diện, thể diện dương tính và âm tính.  Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.

				có.
Buổi: 7 Số tiết: 4	<b>Chương 7. Politeness and interaction (tiếp theo)</b>  7.3 Negative and positive politeness 7.4 Strategies	H1 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: lịch sự dương tính, âm tính và các chiến thuật về lịch sự. - Thực hành cặp: phân tích các ví dụ liên quan đến lịch sự dương tính, âm tính và các chiến thuật về lịch sự. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường hoặc qua nền tảng học trực tuyến của khoa Ngoại ngữ.	- Kiểm tra mức độ hiểu của sinh viên về lịch sự dương tính, âm tính và các chiến thuật về lịch sự.  - Hình thức đánh giá: Bài thuyết trình nhóm phân tích các ví dụ liên quan đến lịch sự dương tính, âm tính và các chiến thuật về lịch sự.  Giảng viên đánh giá và thảo luận cùng sinh viên các vấn đề nếu có.
Buổi: 8 Số tiết: 2	<b>Ôn tập và kiểm tra đánh giá.</b>	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần. - Sinh viên đặt câu hỏi về nội dung khoá học (nếu có) - Giảng viên giải đáp và cùng thảo luận về các vấn đề thắc mắc (nếu có). <b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.	- Bài thi vấn đáp kiểm tra kiến thức và kỹ năng của sinh viên về những nội dung đã học. - Giảng viên nhận xét và chấm điểm bài nói của sinh viên.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Yule, G. (1996). Pragmatics. Oxford: Oxford University Press.

[2] Mey, J. L. (2001). Pragmatics – An Introduction (2nd edition). USA: Blackwell Publishing.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[3] Grundy, P. (2000). Doing Pragmatics (2nd edition). New York: Oxford University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq$  2/3 tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị bài theo sự hướng dẫn của giảng viên.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu, tự luyện tập thêm.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%****8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H7	20%
2	Bài tập định kỳ	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	40%
3	Bài kiểm tra	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim  
Phượng

ThS. Tống Thị Lan Chi

ThS. Đoàn Thị Dung



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI**  
**Mã học phần: FL215985**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên : Tống Thị Lan Chi; Số điện thoại: 0985404444;

Email: [ttlchi@ttn.edu.vn](mailto:ttlchi@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Ngôn ngữ học xã hội là học phần tự chọn nằm trong nhóm khối kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa nhằm trang bị cho sinh viên chuyên ngữ của trường Đại học Tây Nguyên kiến thức về đặc điểm, mục đích, vai trò của Ngôn ngữ học xã hội như là một môn khoa học ngôn ngữ. Bên cạnh đó học phần này cũng cung cấp những kiến thức chuyên ngành về: biến thể ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới tính, giữa ngôn ngữ và tuổi tác và ngôn ngữ và truyền thông; đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính và tuổi tác...

Ngoài ra, người học sẽ được rèn luyện và phát triển kỹ năng trình bày, so sánh, phân tích đặc điểm của các biến thể ngôn ngữ, đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính, tuổi tác và cách tường thuật, cách kể của người viết trong tiếng Anh (kèm theo so sánh đối chiếu với tiếng Việt).

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

*Học phần Ngôn ngữ học xã hội sẽ:*

MT1. trang bị cho người học kiến thức về đặc điểm, mục đích, vai trò của Ngôn ngữ học xã hội như là một môn khoa học ngôn ngữ.

MT2. trang bị cho người học kiến thức về biến thể ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới tính, giữa ngôn ngữ và tuổi tác và ngôn ngữ và truyền thông; đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính và tuổi tác...

MT3. rèn luyện và phát triển kỹ năng trình bày, so sánh, phân tích một số biến thể ngôn ngữ, đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính, tuổi tác và cách tường thuật, cách kể của người viết.

MT4. trang bị năng lực so sánh đối chiếu một số đặc điểm ngôn ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần Ngôn ngữ học xã hội, người học có khả năng:*

H1. Nắm được đặc điểm, mục đích, vai trò của Ngôn ngữ học xã hội như là một môn khoa học ngôn ngữ.

H2. Nắm bắt được những kiến thức về: biến thể ngôn ngữ; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giới tính, giữa ngôn ngữ và tuổi tác và ngôn ngữ và truyền thông; đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính và tuổi tác...

H3. Có kỹ năng trình bày, so sánh, phân tích một số biến thể ngôn ngữ, đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính, tuổi tác và cách tường thuật, cách kể của người viết trong tiếng Anh và tiếng Việt.

H4. Có nhận thức đúng về tầm quan trọng, mối tương quan của học phần này với các học phần khác trong khối kiến thức cơ sở ngành. Trong quá trình học tập, người học phải chấp hành mọi nội quy, quy chế của nhà trường, có thái độ tích cực khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu, có tinh thần hợp tác và có ý thức kỷ luật cao.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x

## 4. Cấu trúc học phần:

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Bài 1:</b> What is language and what does it do? 1.1. Why study language? 1.2. What is language? 1.3. Power 1.4. Sociolinguistics	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages. 1-13
2	<b>Bài 2:</b> Language varieties 2.1 Accent and dialect: regional and social variation 2.2 Standard language 2.3. Varieties of a language	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] Pages 105-107 [1] Pages 133-153 [1] Pages 155- 163
3	<b>Bài 3:</b> Language and gender 3.1. How is language sexist? Symmetry and asymmetry Unmarked and marked terms Semantic derogation Sexism in discourse 3.2. Do men and women talk differently? How much talk? Turn construction and interruption Back channel support Mitigated and aggravated forms Topic development 3.3. Why do men and women talk differently?	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Pages 58- 74
4	<b>Bài 4: Language and age</b> 4.1. How can a language reflect the status of children and older people? 4.2. Talking to young children and the elderly	LT: 1 tiết BT: 3 tiết	[1] Pages 87-101
5	<b>Bài 5:</b> Language and the media 5.1. The function of the media 5.2. Media, language and power 5.3. Language and power	LT: 1 tiết BT: 7 tiết	[1] Pages 43-53
	<b>Ôn tập và bài kiểm tra</b>	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi: 1 Số tiết: 4	<b>Bài 1:</b> What is language and what does it do? 1.1. Why study language? 1.2. What is language? 1.3. Power 1.4. Sociolinguistics	H1 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên. - Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; hoàn thành bài đánh giá. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường hoặc qua platform e-learning của Khoa Ngoại ngữ.	Bài kiểm tra kiến thức về Ngôn ngữ học xã hội như là 1 môn khoa học. Hình thức: bài trắc nghiệm ngắn tại lớp. Giảng viên đánh giá và nhận xét về bài làm của sinh viên.
Buổi: 2 Số tiết: 4	<b>Bài 2:</b> Language varieties 2.1 Accent and dialect: regional and social variation 2.2 Standard language 2.3. Varieties of a language	H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Sinh viên thảo luận theo nhóm, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự phân công của giảng viên. - Giảng viên nhận xét phần trình bày, nhấn mạnh, giảng giải những kiến thức then chốt. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> đọc tài liệu trước theo yêu cầu của giảng viên; tham gia các hoạt động học trên lớp; viết bài trình bày, so sánh, phân tích đặc điểm của một số biến thể ngôn ngữ. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường hoặc qua platform e-learning của Khoa Ngoại ngữ	Bài trình bày, so sánh, phân tích đặc điểm của một số biến thể ngôn ngữ. Hình thức đánh giá: bài viết (cá nhân) bằng tiếng Anh. Giảng viên nhận xét và đánh giá.
Buổi: 3 Số tiết: 4	<b>Bài 3:</b> Language and gender (1) 3.1. How is language sexist? Symmetry and asymmetry Unmarked and	H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> thuyết trình, thảo luận, gợi mở. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Giảng viên trình bày các đặc trưng để xác định và kết luận một ngôn ngữ bất kỳ có tính kỳ thị giới.	Bài tập: tìm dẫn chứng về sự kỳ thị giới trong 2 ngôn ngữ: tiếng Anh và tiếng Việt.

	marked terms Semantic derogation Sexism in discourse		- Sinh viên trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; trao đổi, thảo luận, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự hướng dẫn của giảng viên. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	Hình thức đánh giá: bài viết theo nhóm 3 sinh viên. Giảng viên nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.
Buổi: 4 Số tiết: 4	<b>Bài 3:</b> Language and gender (2) 3.2. Do men and women talk differently? How much talk? Turn construction and interruption Back channel support Mitigated and aggravated forms Topic development 3.3. Why do men and women talk differently?	H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu kiến thức về mối tương quan giữa ngôn ngữ và giới tính; các đặc điểm ngôn ngữ theo giới. - Sinh viên trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; trao đổi, thảo luận, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự hướng dẫn của giảng viên. <b>Địa điểm học:</b> giảng đường	Bài đánh giá: bài tập so sánh, phân tích đặc trưng ngôn ngữ theo giới tính. Hình thức đánh giá: bài viết theo nhóm 3 sinh viên. Sinh viên phân tích 2 đoạn diễn ngôn bằng tiếng Anh và phân tích đặc điểm để đưa ra kết luận về giới tính của người thực hiện diễn ngôn. Giảng viên nhận xét, đánh giá bài làm của sinh viên.
Buổi: 5 Số tiết: 4	<b>Bài 4: Language and age</b> 4.1. How can a language reflect the status of children and older people? 4.2. Talking to young children and the elderly	H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận. <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> -Giảng viên giới thiệu đặc điểm, đặc trưng ngôn ngữ của người thuộc những nhóm tuổi khác nhau. - Sinh viên trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; trao đổi, thảo luận, trình bày hiểu biết về nội	Bài đánh giá: bài tập so sánh sự khác biệt về ngôn ngữ của người thuộc các nhóm tuổi khác nhau. Hình thức đánh giá: sinh viên sưu

			<p>dung bài học theo sự hướng dẫn của giảng viên.  <b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>tầm những  điển ngôn  của người  nói/ viết  thuộc nhiều  lứa tuổi khác  nhau về cùng  1 chủ đề và  so sánh, phân  tích sự khác  biệt. Sau đó,  sinh viên sẽ  đánh giá  chéo bài viết  của nhau.</p>
<p>Buổi: 6  Số tiết:  4</p>	<p><b>Bài 5:</b> Language and the media (1)  5.1. The function of the media  5.2. Media, language and power</p>	<p>H2  H3  H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận.  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  -Giảng viên giới thiệu chức năng của truyền thông và ảnh hưởng của truyền thông đối với ngôn ngữ của người sử dụng.  - Sinh viên trao đổi, thảo luận theo hướng dẫn của giảng viên.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> tham gia vào các hoạt động học; trao đổi, thảo luận, trình bày hiểu biết về nội dung bài học theo sự hướng dẫn của giảng viên.  <b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>Bài đánh giá: thuyết trình.  Hình thức đánh giá: sinh viên trình bày những sự khác biệt trong cách tường thuật của 2 bài báo do giảng viên cung cấp.</p>
<p>Buổi: 7  Số tiết:  4</p>	<p><b>Bài 5:</b> Language and the media (2)  5.3. Language and power</p>	<p>H2  H3  H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận.  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  -Giảng viên hướng dẫn cách phân tích những đặc điểm khác biệt giữa 2 bài báo về cùng 1 chủ đề.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> nghe giảng, thực hành so sánh, phân tích các bài báo cùng chủ đề.  <b>Địa điểm học:</b> giảng đường</p>	<p>Bài đánh giá: bài viết.  Hình thức đánh giá: bài viết (cá nhân)</p>
<p>Buổi: 8  Số tiết:  2</p>	<p><b>Ôn tập và bài kiểm tra</b></p>	<p>H1  H2  H3  H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> gợi mở, thảo luận.  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  -Giảng viên tổng kết các kiến thức của học phần.  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> làm bài kiểm tra đánh giá theo yêu cầu.</p>	<p>Bài đánh giá: sinh viên dịch và thu âm bài dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt (sử dụng 1 trong 2 loại hình</p>

				dịch đã được học). Giảng viên đánh giá và nhận xét.
--	--	--	--	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Linda Thomas et al. (2005). *Language, Society and Power*. Routledge Taylor & Francis Group.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Khang (1999). *Ngôn ngữ xã hội học*. Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

[3] Florian Coulmas (2005). *Sociolinguistics*. Cambridge University Press.

[4] Ronald Wardhaugh (2006). *Introduction to Sociolinguistics*. Blackwell Publishing.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

**8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua sản phẩm bài làm của sinh viên trên lớp và ở nhà.	H1 H2 H3 H4	20%
3	Bài tập nhóm	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, khả năng làm việc nhóm mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua sản phẩm bài làm của sinh viên theo nhóm (trên lớp và ở nhà).	H1 H2 H3 H4	20%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4	40%
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào mức độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim  
Phượng****ThS. Tống Thị Lan Chi****ThS. Tống Thị Lan Chi**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: TÂM LÝ GIÁO DỤC**  
**Mã học phần: SP211023**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Vũ Thị Vân; Số điện thoại: 0932352362;

Email: vanvt.dhtn@gmail.com; tvvan@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Lê Thị Thảo Nguyễn; Số điện thoại: 0355527702;

Email: thaoguyen.le1206@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học.

Học phần xây dựng cho sinh viên quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người, các qui luật tâm lý của con người. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được chính mình, hiểu được tâm lý của người khác để sống, học tập đạt hiệu quả tốt nhất và ra trường thích ứng với nghề nghiệp nhanh nhất.

Học phần giúp sinh viên có thể hình thành những kỹ năng học, nghiên cứu tâm lý học và có cơ sở để tiếp tục nghiên cứu các lĩnh vực khác của tâm lý học cũng như các khoa học khác.

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học, cơ bản, hiện đại về tâm lý học lứa tuổi học sinh các cấp học và tâm lý học sư phạm.

Học phần tạo cơ sở để sinh viên tiếp thu các vấn đề cơ bản liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh, nhân cách người giáo viên trong tương lai, cũng như góp phần rèn luyện tay nghề, hình thành xu hướng nghề nghiệp.

Ngoài ra học phần giúp sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về giao tiếp, thấy rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc nghiên cứu kỹ năng giao tiếp sư phạm, từ đó có ý thức học tập nghiêm túc, tích cực vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Người học nhận diện được những tri thức cơ bản về tâm lý học, tâm lý học lứa tuổi, giao tiếp sư phạm.

MT2. Người học nắm được các thuật ngữ chuyên ngành: bản chất tâm lý người, sự phát triển của tâm lý người ở từng giai đoạn lứa tuổi học sinh các cấp học, hiểu biết về các quá trình nhận thức ở các giai đoạn lứa tuổi, yêu cầu nhân cách người giáo viên

MT3. Học phần còn giúp người học tiếp cận nền tảng kiến thức tâm lý học qua việc tìm hiểu tri thức chuyên ngành như giáo dục học, xã hội học, phương pháp giảng dạy.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*3.2.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức*

H1. Người học biết vận dụng kiến thức tâm lý học để hình thành kỹ năng đánh giá bản thân, tìm ra điểm mạnh, điểm yếu của chính mình để học tập tốt hơn và ra trường thích ứng nghề sư phạm.

H2. Người học biết dựa vào những kiến thức tâm lý để giao tiếp, dạy học, giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh các lứa tuổi.

H3. Biết vận dụng kiến thức tâm lý học vào từng ngành nghề cụ thể.

H4. Kỹ năng trình bày và chia sẻ thông tin với người khác, phù hợp với đặc trưng nghề sư phạm.

H5. Có kỹ năng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu của xã hội.



H6. Có kỹ năng ứng xử phù hợp với đồng nghiệp, phụ huynh, học sinh và các lực lượng giáo dục khác.

H7. Nắm được những vấn đề cơ bản về tâm lý học nhân cách người thầy giáo.

### 3.2.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

H8. Có hứng thú với môn học, biết tôn trọng, đối xử công bằng với bạn bè và mọi tầng lớp trong xã hội.

H9. Có lối sống tích cực, thể hiện lòng nhân ái, có lòng tự trọng.

H10. Có lòng yêu nghề, yêu quý học sinh, đối xử công bằng, phù hợp với học sinh.

H11. Có lý tưởng đào tạo thế hệ trẻ, tận tụy với nghề, được học sinh, đồng nghiệp, nhân dân yêu thương, tôn trọng, quý mến.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C12	C13
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	
H6	x	
H7	x	
H8	x	
H9		x
H10		x
H11		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Quan niệm về tâm lý học 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học tâm lý 1.3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lý 1.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lý học 1.5. Bản chất của tâm lý người 1.6. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người	LT: 10 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [7]
2	Chương 2. Hoạt động – Giao tiếp – Giao tiếp sư phạm Nội dung: 2.1. Hoạt động 2.2. Giao tiếp 2.3. Giao tiếp sư phạm	LT: 6 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [6], [11]
3	Chương 3. Hoạt động nhận thức – Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh 3.1. Hoạt động nhận thức 3.2. Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh	LT: 11 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [7], [8], [9]
4	Chương 4. Một số vấn đề về nhân cách và nhân cách lứa tuổi học sinh 4.1. Những vấn đề chung về nhân cách 4.2. Một số vấn đề về nhân cách lứa tuổi học sinh	LT: 8 TL: 1	[1], [2], [3] [4], [5], [7], [8], [9], [10]
5	Chương 5. Tâm lý học nhân cách người giáo viên 5.1. Đặc điểm lao động của người giáo viên 5.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên	LT: 5 TL: 1	[1], [3] [4],[5][8], [10],

## 5.3. Sự hình thành uy tín người giáo viên

**5. Kế hoạch và phương pháp dạy học**

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,3/11	<p><b>Chương 1. Tâm lí học là một khoa học</b></p> <p>1.1. Quan niệm về tâm lí học</p> <p>1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của khoa học tâm lí</p> <p>1.3. Đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lí</p> <p>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của khoa học tâm lí</p> <p>1.3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của khoa học tâm lí</p> <p>1.4. Phương pháp nghiên cứu tâm lí học</p> <p>1.5. Bản chất của tâm lí người</p> <p>1.5.1. Tâm lí người là sự phản ánh hiện thực khách quan của não</p> <p>1.5.2. Tâm lí người mang tính chủ thể</p> <p>1.5.3. Tâm lí người mang bản chất xã hội – lịch sử</p> <p>1.6. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người</p> <p>1.6.1. Khái niệm về giai đoạn lứa tuổi</p> <p>1.6.2. Sự phân chia các giai đoạn lứa tuổi của con người</p>	H1, H5, H6, H9, H10	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email)</li> <li>- Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>
4,5/7	<p><b>Chương 2. Hoạt động – Giao tiếp – Giao tiếp sư phạm</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>2.1. Hoạt động</p> <p>2.1.1. Khái niệm</p> <p>2.1.2. Các quá trình hoạt động</p> <p>2.1.3. Đặc điểm của hoạt động</p> <p>2.1.4. Phân loại hoạt động</p> <p>2.1.5. Vai trò của hoạt động đối với sự phát triển tâm lí</p> <p>2.1.6. Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi mầm non, lứa tuổi tiểu học, lứa tuổi trung học cơ sở, lứa tuổi trung học phổ thông</p> <p><b>* Tùỳ theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp</b></p>	H1, H2 H3, H4, H6, H8, H9	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo</li> </ul>	<p>Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email)</li> <li>- Hoặc báo cáo của</li> </ul>

	<p>2.2. Giao tiếp</p> <p>2.2.1. Khái niệm</p> <p>2.2.2. Phân loại giao tiếp</p> <p>2.2.3. Vai trò của giao tiếp đối với sự phát triển tâm lí</p> <p>2.2.4. Đặc điểm giao tiếp của lứa tuổi mầm non, lứa tuổi tiểu học, lứa tuổi trung học cơ sở, lứa tuổi trung học phổ thông</p> <p><b>* Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp</b></p> <p>2.3. Giao tiếp sư phạm</p> <p>2.3.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm</p> <p>2.3.2. Mục đích giao tiếp sư phạm</p> <p>2.3.3. Kỹ năng giao tiếp sư phạm</p>		<p>viên.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>nhóm trước lớp</p>
6,8/11	<p><b>Chương 3. Hoạt động nhận thức – Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>3.1. Hoạt động nhận thức</p> <p>3.1.1. Nhận thức cảm tính</p> <p>3.1.2. Nhận thức lí tính</p> <p>3.1.3. Trí nhớ</p> <p>3.2. Hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh</p> <p>3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi mầm non</p> <p>3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh tiểu học</p> <p>3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở</p> <p>3.2.1. Đặc điểm hoạt động nhận thức của lứa tuổi học sinh trung học phổ thông</p> <p><b>* Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp</b></p>	H1, H3, H4, H6, H8, H9	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp.</li> <li>- Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email)</li> <li>- Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>
9,10/9	<p><b>Chương 4. Một số vấn đề về nhân cách và nhân cách lứa tuổi học sinh</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>4.1. Những vấn đề chung về nhân cách</p> <p>4.1.1. Khái niệm nhân cách</p> <p>4.1.2. Cấu trúc nhân cách</p>	H1, H2, H4, H5, H7, H8, H9, H10, H11	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do</li> </ul>	<p>Hình thức đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp.</li> </ul>

	<p>4.1.3. Các thuộc tính của nhân cách</p> <p>4.1.4. Mặt tình cảm và ý chí của nhân cách</p> <p>4.2. Một số vấn đề về nhân cách lứa tuổi học sinh</p> <p>4.2.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi mầm non</p> <p>4.2.1.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi học sinh tiểu học</p> <p>4.2.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi học sinh trung học cơ sở</p> <p>4.2.1.1. Đặc điểm nhân cách cơ bản của lứa tuổi trung học phổ thông</p> <p><b>* Tùy theo đối tượng sinh viên, lựa chọn lứa tuổi cho phù hợp</b></p>		<p>giảng viên trình bày</p> <p>- Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Ghi chép</p> <p>- Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>- Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email)</p> <p>- Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp</p>
10,11/6	<p><b>Chương 5. Tâm lý học nhân cách người giáo viên</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>5.1. Đặc điểm lao động của người giáo viên</p> <p>5.2. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên</p> <p>5.3. Sự hình thành uy tín người giáo viên.</p>	H1, H2 H3, H4, H6, H8, H9	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Trao đổi vấn đề trực tiếp với sinh viên</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>- Ghi chép</p> <p>- Trả lời trực tiếp câu hỏi của giáo viên.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>Hình thức đánh giá:</p> <p>- Mức độ tích cực tham gia học tập, phát biểu ý kiến trên lớp.</p> <p>- Hoàn thành bài tập được giao: Bằng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email)</p> <p>- Hoặc báo cáo của nhóm trước lớp</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

- [1] Nguyễn Quang Uẩn (1996), *Tâm lý học đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Lê Văn Hồng (2009), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [3] Bùi Văn Huệ (2008), *Giáo trình Tâm lý học tiểu học*, nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
- [4] Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Minh Hiền, Lê Thị Thanh Huyền và Vũ Thị Vân (2016), *Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm mầm non*, Nhà xuất bản Giáo dục VN.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

- [5] Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2009), *Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[6] Nguyễn Văn Lũy, Mai Quang Sơn (2014), *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm.

[7] Huỳnh Văn Sơn (2010), *Những kiến thức cơ bản của Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, Nhà xuất bản Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

#### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

#### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành (nếu có): Không

#### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận (nếu có): Không

#### 7.4. Phần khác (nếu có): Không

#### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

#### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 15%; Trọng số thi kết thúc học phần: 85%

#### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6, H7, H8, H9, H10	10%
2	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tổng hợp kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức nhằm đánh giá, giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập liên quan đến bản thân và nghề nghiệp đã chọn.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận.	H1, H2, H3, H4, H5, H7, H11	90%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

#### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7, H8, H9, H10, H11

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

PGS.TS Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Nguyễn Thị Hoài

TS. Vũ Thị Vân

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**GIÁO DỤC HỌC PHỔ THÔNG**  
**Mã học phần: SP211024**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 03; Số tín chỉ lý thuyết: 03; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: Tâm lý giáo dục- SP211023

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Lê Quang Hùng; Số điện thoại: 0914111102;

Email: [lqhung@ttn.edu.vn](mailto:lqhung@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Vũ Minh Chiến; Số điện thoại: 0835139539;

Email: [vmchien@ttn.edu.vn](mailto:vmchien@ttn.edu.vn)

Giảng viên 3: Nguyễn Thị Anh Mai; Số điện thoại: 0973112129;

Email: [ntamai@ttn.edu.vn](mailto:ntamai@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Giáo dục học phổ thông giữ vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về giáo dục học, những vấn đề cơ bản của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục. Giáo dục học phổ thông còn là sự khái quát những lý luận về công tác dạy học, giáo dục học sinh trung học phổ thông, thực tiễn và quá trình tổ chức các hoạt động, dạy học và giáo dục học sinh trung học phổ thông.

Bên cạnh đó, giáo dục học phổ thông còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để có thể tiếp tục học các học phần thực hành kỹ năng nghề ở trường trung học phổ thông. Vì vậy, giáo dục học phổ thông được xem là học phần là cơ sở của một số học phần, trong đó có các học phần giáo dục pháp bộ môn.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

MT1. Sinh viên có hiểu biết cơ bản về những vấn đề chung của Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển của xã hội, giáo dục đối với sự phát triển nhân cách.

MT2. Nắm được những vấn đề cơ bản của Lý luận dạy học: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình dạy học; Nguyên tắc dạy học, Phương pháp và hình thức dạy học.

MT3. Nắm được những vấn đề cơ bản của Lý luận giáo dục: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình giáo dục; Nguyên tắc giáo dục, Phương pháp giáo dục.

MT4. Sinh viên có thái độ tích cực khi học tập và nghiên cứu giáo dục học và những vấn đề trong thực tiễn giáo dục ở Việt Nam và thế giới hiện nay.

MT5. Hình thành thái độ đúng đắn đối với công tác dạy học và giáo dục học sinh.

MT6. Hình thành thái độ tích cực đối với nghề dạy học, bước đầu hình thành tình cảm và lý tưởng nghề nghiệp.

MT7. Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kỹ năng sư phạm của bản thân, có kỹ năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay.

MT8. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học để vận dụng vào các học phần PPDH chuyên ngành của bản thân.

MT9. Biết vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục, bước đầu hình thành kỹ năng trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

H1. Sinh viên đạt được hiểu biết cơ bản về Giáo dục học: Bản chất của giáo dục, chức năng của giáo dục, vai trò của GD đối với sự phát triển của xã hội, GD đối với sự phát triển nhân cách.

H2. Có được kiến thức cơ bản về Lí luận dạy học: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình dạy học; Nguyên tắc dạy học, Phương pháp và hình thức dạy học.

H3. Có được kiến thức cơ bản về Lí luận giáo dục: Bản chất, động lực, nhiệm vụ, các khâu của quá trình giáo dục; Nguyên tắc giáo dục, Phương pháp giáo dục.

H4. Sinh viên có thái độ tích cực khi học tập và nghiên cứu giáo dục học và những vấn đề trong thực tiễn giáo dục hiện nay.

H5. Có thái độ đúng đắn, tích cực đối với công tác dạy học và giáo dục học sinh.

H6. Có thái độ tích cực đối với nghề dạy học, bước đầu hình thành tình cảm và lí tưởng nghề nghiệp.

H7. Có kĩ năng vận dụng kiến thức giáo dục học vào hình thành kĩ năng sư phạm của bản thân, có khả năng phát hiện những vấn đề của thực tiễn giáo dục hiện nay.

H8. Vận dụng phối hợp được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc dạy học để vận dụng vào các học phần phương pháp dạy học chuyên ngành, làm cơ sở để thực hành các kĩ năng dạy học chuyên ngành.

H9. Có khả năng vận dụng phối hợp các phương pháp và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc giáo dục, bước đầu hình thành kĩ năng trong công tác chủ nhiệm lớp và giáo dục học sinh.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C7	C9
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5		x
H6		x
H7		x
H8		x
H9		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC</b> <b>Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</b> 1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội 1.2. Bản chất, nguồn gốc của giáo dục 1.3. Tính chất của giáo dục 1.4. Một số khái niệm cơ bản của giáo dục học 1.5. Phương pháp luận và PP nghiên cứu của giáo dục học	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [5] chương 1
2	<b>Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</b> 2.1. Các chức năng xã hội của giáo dục <b>2.2. Xã hội hiện đại và thách thức đặt ra cho giáo dục</b> 2.3. Những thách thức đặt ra cho giáo dục	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [5] chương 2
3	<b>Chương 3. GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH</b> 3.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển	LT: 6 tiết BT: 0 tiết	[1], [2], [5] chương 3

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
	nhân cách 3.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi 3.4. Một số phẩm chất nhân cách con người VN cần gìn giữ và phát huy		
4	PHẦN II: LÝ LUẬN DẠY HỌC Chương 4. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC 4.1. Khái niệm quá trình dạy học 4.2. Bản chất của quá trình dạy học 4.3. Nhiệm vụ dạy học 4.4. Các khâu của quá trình dạy học	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [4], [5] chương 4
5	Chương 5. NGUYÊN TẮC DẠY HỌC 5.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 5.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học cụ thể 5.3. Mối liên hệ giữa các nguyên tắc	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1], [4], [5] chương 5
6	Chương 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 6.1. Khái niệm về phương pháp dạy học 6.2. Đặc điểm về phương pháp dạy học 6.3. Hệ thống các phương pháp dạy học 6.4. Các PPDH theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của HS	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1], [4], [5] chương 6
7	Chương 7. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC 7.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học 7.2. Một số hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông	LT: 2 tiết BT: 0 tiết	[1], [4], [5] chương 7
8	PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC Chương 8. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC 8.1. Khái niệm quá trình giáo dục 8.2. Bản chất và đặc điểm của quá trình giáo dục 8.3. Động lực của quá trình giáo dục 8.4. Các khâu của quá trình giáo dục	LT: 4 tiết BT: 0 tiết	[1], [3], [5] chương 8
9	Chương 9. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC 9.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục 9.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1], [3], [5] chương 9
10	Chương 10. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC 10.1. Khái niệm về phương pháp giáo dục 10.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục 10.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục	LT: 2 tiết BT: 3 tiết	[1], [3], [5] chương 10

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi/ số tiết	Nội dung	CĐR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	<b>PHẦN 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA GIÁO DỤC HỌC</b>	H1 H4	<b>PP dạy học:</b> PP thuyết trình,	- Liệt kê các bài đánh giá



Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	<p><b>Chương 1: GIÁO DỤC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</b></p> <p>1.1. Giáo dục là một hiện tượng xã hội  1.2. Bản chất, nguồn gốc của giáo dục  1.3. Tính chất của giáo dục  1.3.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng của GD  1.3.2. Tính quy định của xã hội đối với GD  1.3.3. Tính lịch sử của giáo dục  1.3.4. Tính giai cấp của giáo dục  1.3.5. Tính nhân văn, đại chúng, dân tộc và quốc tế  1.4. Một số khái niệm cơ bản của GDH  1.4.1. Giáo dục theo nghĩa rộng  1.4.2. Giáo dục theo nghĩa hẹp  1.4.3. Dạy học  1.5. PP luận và PP nghiên cứu của GDH  1.5.1. Phương pháp luận  1.5.2. Phương pháp cụ thể  * Các phương pháp nghiên cứu lí thuyết  a) PP phân tích và tổng hợp lí thuyết  * Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn  a) PP quan sát  b) PP trưng cầu ý kiến bằng phiếu hỏi  c) Phương pháp phỏng vấn  d) PP tổng kết kinh nghiệm giáo dục  e) PP thực nghiệm sư phạm  f) PP nghiên cứu sản phẩm hoạt động SP  g) PP chuyên gia  h) PP sử dụng toán thống kê</p>	H7	<p>PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  - Vấn đáp  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi  <b>Địa điểm học:</b>  Giảng đường</p>	<p>liên quan  - Hình thức đánh giá của từng bài:  + Bảng bài viết nộp tại lớp (hoặc gửi qua email)  (bản cứng, file, ...)  + Báo cáo của nhóm trước lớp (nếu đánh giá qua thảo luận)</p>
1/4	<p><b>Chương 2: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</b></p> <p>2.1. Các chức năng xã hội của giáo dục  2.1.1. Chức năng kinh tế sản xuất  2.1.2. Chức năng chính trị- tư tưởng  2.1.3. Chức năng văn hóa-xã hội  2.2. XH hiện đại &amp; thách thức đặt ra cho GD  2.2.1. Đặc điểm của xã hội hiện đại  2.2.2. Cuộc cách mạng KH &amp; CN  2.2.3. Xu thế toàn cầu hóa  2.2.4. Phát triển nền kinh tế tri thức  2.3. Những thách thức đặt ra cho giáo dục</p>	H1 H4 H7	<p><b>PP dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  - Vấn đáp  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi  <b>Địa điểm học:</b>  Giảng đường</p>	

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,5/4	<p><b>Chương 3: GIÁO DỤC VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH</b></p> <p>3.1. Nhân cách và sự phát triển nhân cách 3.1.1. Khái niệm con người, cá nhân, nhân cách 3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.2.1. Di truyền, bẩm sinh và sự phát triển nhân cách 3.2.2. Môi trường và sự phát triển nhân cách 3.2.3. GD và sự phát triển nhân cách 3.2.4. Hoạt động và giao tiếp của cá nhân đối với nhân cách 3.3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách của học sinh theo lứa tuổi 3.4. Một số phẩm chất nhân cách con người Việt Nam cần gìn giữ và phát huy</p>	H1 H4 H7	<p><b>PP dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi SV làm 1 bài kiểm tra kết thúc Phần I. - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (bản cứng)</p>
1/4	<p><b>PHẦN II: LÝ LUẬN DẠY HỌC</b> <b>Chương 4. QUÁ TRÌNH DẠY HỌC</b> 4.1. Khái niệm quá trình dạy học 4.2. Bản chất của quá trình dạy học 4.3. <u>Nhiệm vụ dạy học</u> 4.3.1. Nhiệm vụ 1 4.3.2. Nhiệm vụ 2 4.3.3. Nhiệm vụ 3 4.3.4. Mối quan hệ giữa ba nhiệm vụ DH 4.4. <u>Các khâu của quá trình dạy học</u></p>	H2 H5 H6 H8	<p><b>PPDH:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Vấn đáp <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	
1/4	<p><b>Chương 5. NGUYÊN TẮC DẠY HỌC</b> 5.1. Khái niệm nguyên tắc dạy học 5.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học cụ thể 5.2.1. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục 5.2.2. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính lý luận và tính thực tiễn 5.2.3 NT đảm bảo sự thống nhất giữa cái</p>	H2 H5 H6 H8	<p><b>PP dạy học:</b> PP thuyết trình, PP gọi mở-vấn đáp, PP thảo luận nhóm (các nguyên tắc DH) <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình</p>	<p>- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi nhóm chuẩn bị 1 NTDH - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo</p>

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	cụ thể và cái trừu tượng 5.2.4. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính hệ thống và tính tuần tự trong dạy học 5.2.5. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và tính vừa sức riêng 5.2.6. NT đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức, kỹ năng, kỹ xảo và tính mềm dẻo trong tư duy 5.2.7. NT đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò tự giác, tích cực, độc lập của HS và vai trò chủ đạo của GV trong DH 5.3. Mối liên hệ giữa các nguyên tắc		bày - Trình bày kết quả thảo luận. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	của nhóm trước lớp (slides ppt)
2/8	Chương 6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC 6.1. Khái niệm về phương pháp dạy học 6.2. Đặc điểm về phương pháp dạy học 6.3. Hệ thống các phương pháp dạy học 6.3.1. Nhóm phương pháp dạy học dùng ngôn ngữ 6.3.2. Nhóm phương pháp dạy học trực quan 6.3.3. Nhóm phương pháp dạy học thực hành 6.3.3. Nhóm phương pháp kiểm tra, đánh giá 6.4. Các phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực nhận thức của học sinh 6.4. Kết luận về phương pháp dạy học	H2 H5 H6 H8	<b>PP dạy học:</b> PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp, PP thảo luận nhóm (các PPDH) <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trình bày kết quả thảo luận. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi nhóm chuẩn bị 1 PPDH - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides ppt)
1/2	Chương 7. HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC 7.1. Khái niệm về hình thức tổ chức DH 7.2. Một số hình thức tổ chức dạy học ở trường phổ thông 7.2.1. Hình thức dạy học cơ bản 7.2.2. Hình thức dạy học khác	H2 H5 H6 H8	<b>PP dạy học:</b> PP thuyết trình, PP gợi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu, ghi chép, trả lời câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	- Liệt kê các bài đánh giá liên quan: + Mỗi SV làm 1 bài kiểm tra kết thúc Phần II. - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bảng bài viết nộp tại lớp (bản cứng)

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1/4	<p><b>PHẦN III: LÝ LUẬN GIÁO DỤC</b>  <b>Chương 8. QUÁ TRÌNH GIÁO DỤC</b>            8.1. Khái niệm quá trình giáo dục            8.1.1. Quá trình giáo dục là gì            8.1.2. Cấu trúc của quá trình giáo dục            8.2. Bản chất và đặc điểm của QTGD            8.2.1. Bản chất của quá trình giáo dục            8.2.2. Đặc điểm của quá trình giáo dục            8.3. Động lực của quá trình giáo dục            8.4. Các khâu của quá trình giáo dục            8.4.1. Khâu thứ nhất            8.4.2. Khâu thứ hai            8.4.3. Khâu thứ ba</p>	H3 H5 H6 H9	<p><b>PP dạy học:</b>            PP thuyết trình,            PP thảo luận            trên lớp, PP gợi            mở-vấn đáp  <b>Hình thức tổ            chức dạy học:</b>            - Nghe giảng do            giảng viên trình            bày            - Vấn đáp  <b>Yêu cầu sinh            viên:</b>            - Đọc tài liệu,            ghi chép, trả lời            câu hỏi  <b>Địa điểm học:</b>            Giảng đường</p>	
1/4	<p><b>Chương 9. NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC</b>            9.1. Khái niệm về nguyên tắc giáo dục            9.2. Hệ thống các nguyên tắc giáo dục            9.2.1. Đảm bảo tính mục đích của giáo            dục            9.2.2. Đảm bảo giáo dục gắn với đời            sống            9.2.3. Đảm bảo giáo dục trong tập thể            9.2.4. Đảm bảo tôn trọng nhân cách đồng            thời yêu cầu hợp lý đối với người được            GD            9.2.5. Vai trò chủ đạo nhà giáo dục với            phát huy tính chủ động, độc lập, sáng tạo            của người được giáo dục            9.2.6. Đảm bảo phát huy ưu điểm, khắc            phục nhược điểm            9.2.7. Đảm bảo tính hệ thống, tính kế            tiếp, tính liên tục của giáo dục            9.2.8. Đảm bảo sự thống nhất giữa ba lực            lượng giáo dục gia đình - nhà trường - xã            hội            9.2.9. Đảm bảo giáo dục phù hợp đặc            điểm tâm sinh lí lứa tuổi và tính cá biệt            trong QTGD            9.2.10. Bảo đảm tính toàn vẹn của quá            trình giáo dục nhân cách</p>	H3 H5 H6 H9	<p><b>PP dạy học:</b>            PP thuyết trình,            PP gợi mở-vấn            đáp, PP thảo            luận nhóm (các            nguyên tắc GD)  <b>Hình thức tổ            chức dạy học:</b>            - Nghe giảng do            giảng viên trình            bày            - Trình bày kết            quả thảo luận.  <b>Yêu cầu sinh            viên:</b>            - Chuẩn bị            slides, thảo            luận, tranh luận  <b>Địa điểm học:</b>            Giảng đường</p>	<p>- Liệt kê các            bài đánh giá            liên quan:            + Mỗi nhóm            chuẩn bị 1            NTGD            - Hình thức            đánh giá của            từng bài:            + Báo cáo            của nhóm            trước lớp            (slides ppt)</p>
1,5/5	<p><b>Chương 10. PHƯƠNG PHÁP GIÁO            DỤC</b>            10.1. Khái niệm về phương pháp giáo</p>	H3 H5 H6 H9	<p><b>PP dạy học:</b>            PP thuyết trình,            PP thảo luận            nhóm (các</p>	<p>- Liệt kê các            bài đánh giá            liên quan:            + Mỗi nhóm</p>

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	dục 10.2. Đặc điểm của phương pháp giáo dục 10.3. Hệ thống các phương pháp giáo dục 10.3.1. Nhóm phương pháp hình thành ý thức cá nhân 10.3.2. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kinh nghiệm hành vi ứng xử xã hội 10.3.3. Nhóm phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử của người được GD		PPGD) <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Trình bày kết quả thảo luận. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Chuẩn bị slides, thảo luận, tranh luận <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	chuẩn bị 1 PPGD - Hình thức đánh giá của từng bài: + Báo cáo của nhóm trước lớp (slides ppt)

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), Phạm Khắc Chương, Phạm Viết Vượng, Bùi Minh Hiền, Nguyễn Ngọc Bảo, Bùi Văn Quân, Phan Hồng Vinh, Từ Đức Văn (2015), *Giáo dục học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Trần Thị Hương (chủ biên), Hồ Văn Liêm, Võ Thị Hồng Trước, Nguyễn Đắc Thanh (2014), *Giáo trình Giáo dục học phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm TP. HCM.

[3]. Phan Thanh Long (chủ biên), Trần Quang Cán, Nguyễn Văn Diên (2013), *Lí luận giáo dục*, NXB ĐHSP Hà Nội.

[4]. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường (2018), *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB ĐHSP Hà Nội.

[5]. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên) (2015), *Giáo dục học* (tập 1 và 2), NXB ĐHSP Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lí thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 20%; Trọng số thi kết thúc học phần: 80%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H4 H5 H6	30%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỉ lệ
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H7 H8 H9	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H7 H8 H9	40%
<i>Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận</i>					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1, H2, H3 H7, H8, H9

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Ngày tháng năm 2020  
Người biên soạn

PGS.TS.Nguyễn Thanh Hưng

ThS. Nguyễn Thị Hoài

ThS. Lê Quang Hùng  
TS. Vũ Minh Chiến

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VÀ**  
**QUẢN LÝ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**  
**Mã học phần: SP211005**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 0.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Ngô Thị Hiếu; Số điện thoại: 0914.116.779;

Email: hieunt@ttn.edu.vn

Giảng viên 2: Họ và tên: Nguyễn Thanh Hưng; Số điện thoại: 0914111101;

Email: nguyenthanhhung@tnu.edu.vn.

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần tập trung các nội dung về Một số vấn đề về Nhà nước và QL HCNN; Nhà nước CHXHCNVN; Quan điểm của Hồ Chí Minh về GD&ĐT, Quan điểm của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT; Chiến lược phát triển GD; Luật Giáo dục; Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Điều lệ Nhà trường, Chuẩn giáo viên; Văn bản quản lý HCNN và Giáo dục địa phương.

Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo, giúp người học nâng cao năng lực và cải tiến công tác quản lý hành chính Nhà nước trong nhà trường và trong hoạt động giáo dục ; kiến thức cơ bản về nhà nước, cơ chế tổ chức và nội dung quản lý hành chính nhà nước về giáo dục, từ đó giúp người học ý thức được những chức trách, nhiệm vụ của mình trong quá trình xây dựng nền hành chính tối ưu góp phần nâng cao chất lượng và công bằng giáo dục ; chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người giáo viên; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý học sinh, quản lý trường học... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên. môn học có sự lồng ghép của giảng viên.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý giáo dục đào tạo, cụ thể:

M1: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Nhà nước, quản lý hành chính Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục và đào tạo; Đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục và đào tạo; Điều lệ Nhà trường; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Mầm non, Giáo viên Tiểu học và Giáo viên Trung học cơ sở, trung học phổ thông; Luật Giáo dục, Luật cán bộ, công chức; Luật viên chức; Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; Giáo dục địa phương.

M2: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tư duy tổng hợp; Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; Trình bày văn bản đúng thể thức.

M3: Rèn luyện sinh viên khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1: Sinh viên trình bày, phân tích, so sánh được nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của Nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam; phân biệt được các khái niệm Quản lý, quản lý Nhà nước, quản lý Nhà nước về Giáo dục; phân tích được các nội dung chủ yếu của QLHCNN, quản lý NN về GD&ĐT; phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu GD&ĐT; quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước theo Nghị quyết 29-NQ/TW về “Đổi

mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

H2: Tư duy tổng hợp, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc rèn luyện đạo đức, phong cách học tập của mỗi sinh viên; vận dụng các quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác Quản lý GD.

H3: Vận dụng một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo vào thực tiễn; hiểu rõ các qui định của CBCC, VC về nghĩa vụ, quyền; đạo đức văn hóa giao tiếp; những điều không được làm; đào tạo, bồi dưỡng; thi đua, khen thưởng, kỉ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức; các qui định của Điều lệ Nhà trường và Chuẩn nghề nghiệp Giáo viên...

H4: Nhận diện được văn bản qui phạm pháp luật, văn bản cá biệt, văn bản hành chính thông thường, văn bản chuyên môn kĩ thuật; Trình bày văn bản đúng thể thức.

H5: Tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm, giao tiếp; khả năng đọc hiểu, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề, tình huống trong thực tiễn.

H6: Nhận biết được các quy định của Nhà nước về quản lý giáo dục.

H7: Nghiêm túc trong thi hành công vụ, văn bản Luật và dưới luật (Luật Giáo dục, Luật cán bộ công chức, viên chức,...).

H8: Không ngừng rèn luyện, học tập theo phong cách đạo đức Hồ Chí Minh.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C15	C17
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	x
H5		x
H6		x
H7		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b> 1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.2. Quản lý Hành chính Nhà nước, Quản lý Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[1] Chương 1
2	<b>Chương 2. CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b> 2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo 2.2. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[15] Chương 2
3	<b>Chương 3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2021–2030</b> 3.1. Tình hình Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020 <b>3.2. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với giáo dục nước ta giai đoạn 2021-2030</b>	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[14]



	3.3. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục 3.4. Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030 3.5. Các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030		
4	<b>Chương 4: LUẬT GIÁO DỤC</b> 4.1. Sự cần thiết ban hành Luật giáo dục 2019 4.2. Nội dung cơ bản của Luật giáo dục 2019	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[9]
5	<b>Chương 5: LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LUẬT VIÊN CHỨC</b> 5.1. Luật cán bộ, công chức 2008 5.2. Luật viên chức 2010 5.3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức	LT: 02 tiết BT: 00 tiết	[10], [11]
6	<b>Chương 6: ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG, CHUẨN GIÁO VIÊN</b> 6.1. Điều lệ Nhà trường 6.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên 6.3. Một số quy định liên quan đến Điều lệ Nhà trường và chuẩn nghề nghiệp giáo viên	LT: 02 tiết BT: 0 tiết	[2],[3], [4],[5], [6],[7]
7	<b>Chương 7: VĂN BẢN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b> 7.1. Khái quát về văn bản quản lý hành chính nhà nước 7.2. Yêu cầu, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Nhà nước	LT: 02 tiết BT: 00 tiết	[8]
8	<b>Chương 8: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG</b> 8.1. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ GDĐT, các Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp 8.2. Trách nhiệm của Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo	LT: 01 tiết BT: 0 tiết	[7], [13], [15]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
0,5/2	<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b> 1.1. Những vấn đề cơ bản về Nhà nước 1.2. Quản lý Hành chính Nhà nước, Quản lý Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo	H1 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: +Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.

			liên quan. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
0,5/2	<p><b>Chương 2. CÁC QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VỀ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b></p> <p>2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo</p> <p>2.2. Các quan điểm của Đảng, Nhà nước về Giáo dục và Đào tạo</p>	H1 H2 H8	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm:</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/2	<p><b>Chương 3. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC 2021-2030</b></p> <p>3.1. Tình hình Giáo dục Việt Nam giai đoạn 2011-2020</p> <p><b>3.2. Bối cảnh, thời cơ và thách thức đối với giáo dục nước ta giai đoạn 2021-2030</b></p> <p>3.3. Quan điểm chỉ đạo phát triển giáo dục</p> <p>3.4. Mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030</p> <p>3.5. Các giải pháp phát triển giáo dục giai đoạn 2021-2030</p>	H1 H3 H6 H7	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/2	<p><b>Chương 4: LUẬT GIÁO DỤC</b></p> <p>4.1. Sự cần thiết ban hành Luật giáo dục 2019</p> <p>4.2. Nội dung cơ bản của Luật giáo dục 2019</p>	H1 H6 H7	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p>	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của

			<p>- Thảo luận nhóm</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	nhóm trước lớp.
0,5/2	<p><b>Chương 5:LUẬT CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, LUẬT VIÊN CHỨC</b></p> <p>5.1. Luật cán bộ, công chức 2008</p> <p>5.2. Luật viên chức2010</p> <p>5.3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức, Luật viên chức</p>	H1 H3 H5 H6 H7	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Trả lời câu hỏi qua google forms</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp.</p>
0,5/2	<p><b>Chương 6:ĐIỀU LỆ NHÀ TRƯỜNG, CHUẨN GIÁO VIÊN</b></p> <p>6.1. Điều lệ Nhà trường</p> <p>6.2. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên</p> <p>6.3. Một số quy định liên quan đến Điều lệ Nhà trường và chuẩn nghề nghiệp giáo viên</p>	H1 H3 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan.</p> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	<p>-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Trả lời câu hỏi qua google forms</p> <p>+ Báo cáo của nhóm trước lớp.</p>
0,5/2	<p><b>Chương 7:VĂN BẢN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC</b></p> <p>7.1. Khái quát về văn bản quản lý hành chính nhà nước</p>	H1 H4 H6 H7	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập,</p> <p><b>Hình thức tổ chức</b></p>	<p>-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài:</p>

	7.2. Yêu cầu, kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính Nhà nước		<b>dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	+ Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.
0,5/1	<b>Chương 8: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG</b> 8.1. Trách nhiệm quản lý Nhà nước về giáo dục của Bộ GDĐT, các Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp 88.2. Trách nhiệm của Sở giáo dục và đào tạo, Phòng giáo dục và đào tạo	H1 H2 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập, <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Bài tập nhóm <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi, số liệu có liên quan. <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	-Liệt kê các bài đánh giá liên quan: tham gia trao đổi, thảo luận trong lớp -Hình thức đánh giá của từng bài: + Trả lời câu hỏi qua google forms + Báo cáo của nhóm trước lớp.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Phạm Viết Vượng, Ngô Thành Can (2003), *Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo*, NX.B Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non*.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 về việc ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông*.

[4] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Điều lệ trường Mầm non*, ban hành kèm theo Quyết định số 14 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008.

[5] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Điều lệ trường Tiểu học*, ban hành kèm theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 .

[6] Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Điều lệ trường trung học*, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3 /2011.

[7] Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018), *Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục*.

[8] Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam (2020), *Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 về công tác văn thư*.

[9] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục số 43/2019/QH14* được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019.

[10] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2008), *Luật cán bộ, công chức* số 22/2008/QH12, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2008.

[11] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2010), *Luật viên chức* số 58/2010/QH12, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2010.

[12] Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2019), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức*, số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2019.

[13] Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk (2013), *Quy hoạch phát triển Giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2011-2020, định hướng đến 2025*.

[14] Thủ tướng Chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020*, ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 13/6/2012.

[15] Ngô Thị Hiếu (2019), *Bài giảng quản lý hành chính nhà nước và quản lý giáo dục & đào tạo*.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. *Trọng số điểm bộ phận: 30 %; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%*

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4	30%
2	Bài kiểm tra định kì	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kĩ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kĩ năng tái hiện kiến thức, kĩ năng vận dụng tri thức, kĩ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, ...	H1 H2 H3 H4	70%
Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CĐR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận, vấn đáp, ...	H1 H2 H3 H4

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020***Người biên soạn****PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng****ThS. Bùi Thị Tâm****ThS. Ngô Thị Hiếu**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: CÔNG NGHỆ TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ**  
**Mã học phần: FL213111**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 01; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Ngô Hà Thanh; Số điện thoại: 0942018637;

Email: hathanhngo92@gmail.com

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ là học phần tự chọn để phát triển kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học ngoại ngữ dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh trường Đại học Tây Nguyên.

Học phần Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ giới thiệu cho sinh viên những khái niệm cơ bản, cũng như vai trò và mục đích của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, định hướng cho sinh viên ngành sư phạm tiếng Anh tiếp cận công nghệ thông tin dưới góc độ dạy và học ngoại ngữ. Học phần tập trung cung cấp kiến thức và kỹ năng ứng dụng một số phần mềm cơ bản và ứng dụng mạng Internet phục vụ dạy học ngoại ngữ, giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách hiệu quả nhất với vai trò là một giáo viên dạy ngoại ngữ.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ sẽ:

MT1. trang bị cho người học cái nhìn khái quát về *công nghệ dạy học* và vai trò của công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ;

MT2. cung cấp cho người học các đường hướng dạy học dựa trên các thuyết học tập cơ bản ứng với các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng;

MT3. hướng dẫn cho người học cách sử dụng một số phần mềm xử lý hình ảnh, âm thanh, trình chiếu, hỗ trợ tạo bài giảng và bài tập điện tử tương tác định dạng trang web;

MT4. giới thiệu cho người học về một số ứng dụng trực tuyến hỗ trợ thiết kế các hoạt động tương tác, mở rộng môi trường học tập ngoài lớp học, phát huy năng lực tự học của người học ngoại ngữ.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Công nghệ trong dạy học ngoại ngữ, người học:

H1. nắm được các khái niệm cơ bản về *công nghệ dạy học*, lịch sử hình thành và phát triển của *công nghệ dạy học*; nhận thức được tầm quan trọng của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ, định hướng cho sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông gắn với dạy học ngoại ngữ;

H2. có thể lựa chọn được hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ dựa trên ba thuyết học tập cơ bản (thuyết hành vi, thuyết nhận thức và thuyết kiến tạo) để phù hợp với bối cảnh cụ thể tại Việt Nam;

H3. nắm được các tính năng cơ bản của các phần mềm xử lý hình ảnh và âm thanh Snipping Tool, Paint, Cool Edit, Windows Movies Maker; các phần mềm hỗ trợ thiết kế bài giảng điện tử và bài tập kiểm tra đánh giá Microsoft PowerPoint, Hot Potatoes phục vụ cho việc dạy học ngoại ngữ;

H4. có thể sử dụng một số ứng dụng trực tuyến của Google (Slides, Forms, Sheets, Docs, Hangouts, Classroom), mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0) và hệ thống quản trị học tập (LMS);

H5. có thái độ tích cực đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy ngoại ngữ, yêu thích môn học, nghiêm túc nghe giảng và thảo luận, có ý thức tự học và nghiên cứu giúp phát huy tính sáng tạo về mặt phương pháp giảng dạy ngoại ngữ trên cơ sở công nghệ thông tin và truyền thông.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
	C12
H1	x
H2	x
H3	x
H4	x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1: Khái quát về công nghệ trong dạy học</b> 1.1. Khái niệm <i>Công nghệ dạy học</i> 1.2. Sự hình thành và phát triển của công nghệ dạy học 1.2.1. Cơ sở của công nghệ dạy học 1.2.2. Các thời kỳ phát triển của công nghệ dạy học 1.3. Vai trò của công nghệ trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng	LT: 4 tiết	[1] trang 46, 47, 52 □ 59 [2] trang 5 □ 16, 18 □ 25
2	<b>Chương 2: Các đường hướng và hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</b> 2.1. Các đường hướng dạy học dựa trên thuyết hành vi, thuyết nhận thức và thuyết kiến tạo 2.2. Các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá 2.3. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng ở Việt Nam	LT: 4 tiết	[1] trang 7 □ 15, 18 □ 41, 60 □ 66 [3] trang 35 □ 81
3	<b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ việc dạy học ngoại ngữ</b> 3.1. Thu thập và xử lý dữ liệu hình ảnh: Snipping tool, Paint, Windows Movies Maker 3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu âm thanh: Cool Edit Pro 3.3. Thiết kế bài giảng bằng Microsoft PowerPoint 3.4. Thiết kế bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes	LT: 4 tiết TH: 20 tiết	[1] trang 101 □ 146 [2] trang 160 □ 186 [4] trang 39 □ 81
4	<b>Chương 4: Ứng dụng mạng internet trong dạy học ngoại ngữ</b> 4.1. Một số ứng dụng trực tuyến của Google (Slides, Forms, Sheets, Docs, Hangouts, Classroom) 4.2. Mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0) 4.3. Hệ thống quản trị học tập (LMS)	LT: 2 tiết TH: 6 tiết	[1] trang 101 □ 146 [2] trang 160 □ 186
5	<b>Kiểm tra</b>	5 tiết	



### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi 1 4 tiết	<p><b>Chương 1: Khái quát về công nghệ trong dạy học</b></p> <p>1.1. Khái niệm <i>Công nghệ dạy học</i></p> <p>1.2. Sự hình thành và phát triển của công nghệ dạy học</p> <p>1.2.1. Cơ sở của công nghệ dạy học</p> <p>1.2.2. Các thời kỳ phát triển của công nghệ dạy học</p> <p>1.3. Vai trò của công nghệ trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng</p>	H1 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: vai trò của công nghệ trong dạy học</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Vai trò của công nghệ trong dạy học</li> <li>- Hình thức đánh giá: Báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>
Buổi 2 4 tiết	<p><b>Chương 2: Các đường hướng và hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học</b></p> <p>2.1. Các đường hướng dạy học dựa trên thuyết hành vi, thuyết nhận thức và thuyết kiến tạo</p> <p>2.2. Các hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và kiểm tra đánh giá</p> <p>2.3. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học nói chung và dạy học ngoại ngữ nói riêng ở Việt Nam</p>	H2 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình</li> <li>- Thảo luận</li> </ul> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: thực trạng của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Việt Nam</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thảo luận nhóm</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Thực trạng của ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở Việt Nam</li> <li>- Hình thức đánh giá: Báo cáo của nhóm trước lớp</li> </ul>
Buổi 3 4 tiết	<p><b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ việc dạy học ngoại ngữ (1)</b></p> <p>3.1. Thu thập và xử lý dữ liệu hình ảnh: Snipping tool, Paint, Windows Movies Maker</p>	H3 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thực hành: Sử dụng Microsoft PowerPoint</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Crossword</li> <li>- Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại nhà theo nhóm, nộp qua mail</li> </ul>

	<p>3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu âm thanh: Cool Edit Pro</p> <p>3.3. Thiết kế bài giảng bằng Microsoft PowerPoint</p> <p>3.4. Thiết kế bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes</p>		<p>tạo crossword</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Thực hành</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b></p> <p>Giảng đường</p>	
Buổi 4 4 tiết	<p><b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ việc dạy học ngoại ngữ (2)</b></p> <p>3.1. Thu thập và xử lý dữ liệu hình ảnh: Snipping tool, Paint, Windows Movies Maker</p>	H3 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Hỗ trợ thực hành</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thực hành: Sử dụng phần mềm Windows Movies Maker tạo video dạy từ vựng</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Thực hành</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Phòng máy tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Video dạy từ vựng</li> <li>- Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy, nộp lên máy chủ</li> </ul>
Buổi 5 4 tiết	<p><b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ việc dạy học ngoại ngữ (3)</b></p> <p>3.2. Thu thập và xử lý dữ liệu âm thanh: Cool Edit Pro</p>	H3 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Hỗ trợ thực hành</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thực hành: Sử dụng phần mềm Cool Edit Pro chỉnh sửa các file âm thanh</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Thực hành</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Phòng máy tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Các file âm thanh đã chỉnh sửa</li> <li>- Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy, nộp lên máy chủ</li> </ul>
Buổi 6 4 tiết	<p><b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ việc dạy học ngoại ngữ (4)</b></p> <p>3.3. Thiết kế bài giảng bằng Microsoft PowerPoint</p>	H3 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Hỗ trợ thực hành</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thực hành: Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint thiết kế bài giảng điện tử</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b> Thực hành</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Phòng máy tính</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Bài giảng điện tử</li> <li>- Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy, nộp lên máy chủ</li> </ul>
Buổi 7 4 tiết	<p><b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ</b></p>	H3 H5	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Hỗ trợ thực</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài đánh giá: Các bài</li> </ul>

	<p><b>việc dạy học ngoại ngữ (5)</b> 3.4. Thiết kế bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes</p>		<p>hành <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thực hành: Sử dụng Hot Potatoes tạo các bài tập điện tử <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Thực hành <b>Địa điểm học:</b> Phòng máy tính</p>	<p>tập điện tử - Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy, nộp lên máy chủ</p>
<p>Buổi 8 4 tiết</p>	<p><b>Chương 3: Một số phần mềm phục vụ việc dạy học ngoại ngữ (6)</b> 3.4. Thiết kế bài tập kiểm tra đánh giá bằng Hot Potatoes</p>	<p>H3 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Hỗ trợ thực hành <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Sử dụng Hot Potatoes tạo bài kiểm tra điện tử <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Thực hành <b>Địa điểm học:</b> Phòng máy tính</p>	<p>- Bài đánh giá: Bài kiểm tra điện tử - Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy, nộp lên máy chủ</p>
<p>Buổi 9 4 tiết</p>	<p><b>Chương 4: Ứng dụng mạng internet trong dạy học ngoại ngữ (1)</b> 4.1. Một số ứng dụng trực tuyến của Google (Slides, Forms, Sheets, Docs, Hangouts, Classroom) 4.2. Mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0) 4.3. Hệ thống quản trị học tập (LMS)</p>	<p>H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> - Thuyết trình - Hỗ trợ thực hành <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Hỗ trợ thực hành - Thực hành: + Tạo tài khoản cá nhân tại Edmodo + Sử dụng ứng dụng Google Slides thiết kế bài giảng điện tử và đưa lên Edmodo <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Thực hành <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường - Phòng máy tính</p>	<p>- Bài đánh giá: Bài giảng điện tử - Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy, nộp lên Edmodo</p>
<p>Buổi 10 4 tiết</p>	<p><b>Chương 4: Ứng dụng mạng internet trong dạy học ngoại ngữ (2)</b> 4.1. Một số ứng dụng trực tuyến của Google (Slides, Forms, Sheets, Docs, Hangouts,</p>		<p><b>Phương pháp dạy học:</b> Hỗ trợ thực hành <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thực hành: Sử dụng ứng dụng Google Forms,</p>	<p>- Bài đánh giá: Form, sheet, doc - Hình thức đánh giá: Bài thực hành tại phòng máy,</p>

	Classroom) 4.2. Mạng xã hội học tập Edmodo (Web 2.0)		Sheets, Docs tạo form, sheet, doc và đưa lên Edmodo <b>Yêu cầu sinh viên:</b> Thực hành <b>Địa điểm học:</b> Phòng máy tính	nộp lên Edmodo
Buổi 11 1 tiết	<b>Kiểm tra lý thuyết</b>	H1 H2 H3 H4 H5		Các câu hỏi tự luận về nội dung chương 1 & 2
Buổi 12 4 tiết	<b>Kiểm tra thực hành</b>	H1 H2 H3 H4 H5		Bài thực hành sử dụng phần mềm Windows Movies Maker, Cool Edit Pro, Microsoft PowerPoint và Hot Potatoes tại phòng máy, nộp lên máy chủ

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Đỗ Mạnh Cường (2008). Giáo trình Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Ngô Anh Tuấn (2012). Giáo trình Công nghệ dạy học, NXB Đại học Quốc gia Tp.HCM.

[3] Boni Hamilton (2014). Integrating Technology in the Classroom: Tools to Meet the Need of Every Student, International Society for Technology in Education.

[4] Graham Stanley (2013). Language Learning with Technology: Ideas for Integrating Technology in the Classroom, Cambridge University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần
- Chuẩn bị thảo luận

### 7.2. Phần thực hành

- Thực hiện được các thao tác cơ bản, đảm bảo các nội dung yêu cầu được đưa vào bài thực hành
- Hoàn thành đầy đủ các bài thực hành của học phần

### 7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

<b>TT</b>	<b>Thành phần</b>	<b>Mục đích</b>	<b>Phương thức kiểm tra, đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5	15%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H5	10%
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo của các kỹ năng thực hành của sinh viên và kết quả của thực hành.	Phương pháp đánh giá qua quan sát hoạt động thực hành và qua nghiên cứu sản phẩm của thực hành do sinh viên tạo ra.	H3 H4	25%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, thực hành.	H1 H2 H3 H4	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thực hành trên máy tính	H3 H4 H5

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim  
Phượng**

**ThS. Nguyễn Lệ Hằng**

**CN. Ngô Hà Thanh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN GIẢNG DẠY TIẾNG ANH**  
**Mã học phần: FL213104**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Cù Thị Ngọc Hoa; Số điện thoại: 0931622395

Email: ctnhoa@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Lý luận giảng dạy Tiếng Anh là học phần bắt buộc trong nhóm các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành sư phạm, được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh.

Học phần Lý luận giảng dạy tiếng Anh là một trong những học phần cốt lõi, đóng vai trò quan trọng trong đào tạo ngành sư phạm tiếng Anh. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp luận giảng dạy tiếng nói chung và dạy tiếng Anh nói riêng.

Học phần bao gồm 6 chương. Chương 1 cung cấp kiến thức về phương pháp luận dạy tiếng, học tiếng; Chương 2 trình bày về các nguyên tắc dạy và học; Chương 3 nêu đặc điểm của quá trình tiếp thu ngôn ngữ; Chương 4 cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp giảng dạy đã và đang được áp dụng trong giảng dạy ngoại ngữ; Chương 5 trình bày về bối cảnh giảng dạy ngoại ngữ, lứa tuổi, trình độ; Chương 6 đề cập đến việc ứng dụng các phương pháp giảng dạy vào thực tiễn giảng dạy.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

*Học phần Lý luận giảng dạy Tiếng Anh cung cấp cho người học:*

MT 1. các phương pháp luận dạy tiếng và học tiếng, bản chất của quá trình dạy học;

MT 2. các cơ sở nguyên tắc dạy tiếng và học tiếng;

MT 3. kiến thức về quá trình học tiếng và những yếu tố tác động của quá trình học tiếng;

MT 4. bốn phương pháp giảng dạy cơ bản, những ưu và nhược điểm, và ứng dụng vào tình hình học tiếng trong điều kiện ở Việt Nam;

MT 5. phương pháp dạy tiếng theo các trình độ và lứa tuổi đồng thời giới thiệu bối cảnh và tình huống lựa chọn tiếng để dạy trong các viện trường và các công sở.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

*Sau khi học xong học phần Lý luận giảng dạy Tiếng Anh, người học có khả năng:*

H1. vận dụng các phương pháp luận dạy tiếng và học tiếng vào quá trình dạy học;

H2. nắm vững các kiến thức về cơ sở nguyên tắc dạy và học tiếng;

H3. hiểu, vận dụng và phân biệt được bốn phương pháp giảng dạy cơ bản, phát huy những ưu điểm và khắc phục nhược điểm trong quá trình vận dụng vào tình hình học tiếng ở Việt Nam

H4. vận dụng các phương pháp dạy tiếng theo các trình độ và lứa tuổi đồng thời giới thiệu bối cảnh và tình huống lựa chọn tiếng để dạy trong các viện trường và các công sở.

H5. có nhận thức đúng về học phần Lý luận giảng dạy Tiếng Anh, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu. Người học có tinh thần hợp tác làm việc nhóm hiệu quả, có đạo đức tốt và có ý thức kỷ luật cao.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
	C12	C13
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4		x
H5		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1: Methodology</b> 1.1. The nature of methodology 1.2. Principles 1.3. Techniques 1.4. Approach, Design, Procedure	LT + BT: 5 tiết	[1] Pages 4-7
2	<b>Chương 2. Teaching principles</b> <b>2.1 Cognitive Principles</b> 2.1.1 Automaticity 2.1.2 Meaningful Learning 2.1.3 Anticipation of Rewards 2.1.4 Intrinsic Motivation 2.1.5 Strategic Investment <b>2.2 Affective Principles</b> 2.2.1 Language Ego 2.2.2 Self-Confidence 2.2.3 Risk-Taking 2.2.4 Language-Culture Connection <b>2.3 Linguistic Principles</b> 2.3.1 Native Language Effect 2.3.2 Interlanguage 2.3.3 Communicative Competence	LT + BT: 5 tiết	[1]Pages: 8-22
3	<b>Chương 3. Language acquisition and language learning</b> <b>3.1 Acquisition</b> 3.1.1 The interference of the first language 3.1.2 What is Foreign Language Acquisition 3.1.3 Competence and Performance <b>3.2 Learning</b> 3.2.1 Learning strategy 3.2.2 Learning Styles 3.2.3 Language-Learning Language <b>3.3 The natural Route of Development</b> <b>3.4 Contextual Variation in Language-Learner Language</b> <b>3.5 Individual Learner Differences</b> <b>3.6 The Role of the Input</b> <b>3.7 Learner Processes</b>	LT + BT: 5 tiết	[1] 23-38

	3.8 <i>Types of Learning Associated with the CLT Approach</i> 3.9 <i>The Role of Formal instruction</i> 3.10 <i>The Acquisition-Learning Distinction</i>		
4	<b>Chương 4. Language teaching methods</b> 4.1 <i>The Grammar Translation Method (GTM)</i> 4.1.1 What is the Grammar Translation Method? 4.1.2 The major characteristics of the Grammar Translation Method 4.1.3 Principles and techniques of the GTM 4.1.4 Advantages and Disadvantages of the GTM 4.1.5 Implications for Classroom Teaching in Vietnam 4.2 <i>The Direct Method (DM)</i> 4.2.1 What is the Direct Method? 4.2.2 Some characteristics of the DM 4.2.3 Advantages and Disadvantages of the DM 4.2.4 Implications for Classroom Teaching in Vietnam 4.3 <i>The Audio-Lingual Method (ALM)</i> 4.3.1 What is the Audio-Lingual Method? 4.3.2 The major characteristics of the ALM 4.3.3 Principles and techniques of the ALM 4.3.4 Advantages and Disadvantages of the ALM 4.3.5 Implications for Classroom Teaching in Vietnam 4.4 <i>The Communicative Language Teaching Method (CLTM)</i> 4.4.1 What is the Communicative Language Teaching Method (CLTM)? 4.4.2 Some characteristics of the CLTM 4.4.3 Advantages and Disadvantages of the CLTM 4.4.4 Implications for Classroom Teaching in Vietnam 4.5 <i>Conclusion</i>	LT + BT: 5 tiết	[1] Pages 39-71
5	<b>Chương 5. Contexts of teaching</b> 5.1 <i>Teaching Across Age Levels</i> 5.1.1 Teaching Children 5.1.2 Teaching Adults 5.2 <i>Teaching Across Proficiency Levels</i> 5.2.1 Teaching Beginning Levels 5.2.2 Teaching Intermediate Levels 5.2.3 Teaching Advanced Levels	LT + BT: 5 tiết	[1] Pages 72-83
6	<b>Chương 6: Sociopolitical and institutional contexts</b> 6.1 Sociopolitical Contexts 6.2 Second and Foreign Language Contexts 6.3 English as an International Language 6.4 Language Policy Issues 6.5 Institutional Contexts	LT+BT: 5 tiết	[1] Pages 84-86

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Số tiết: 5	<b>Chapter 1: Methodology</b> 1.1. The nature of methodology	H1 H2 H3	- Phương pháp dạy học: thuyết trình, gợi mở - vấn đáp, thảo	-Hình thức đánh giá của từng bài: Trình bày tại lớp



	1.2. Principles 1.3. Techniques 1.4. Approach, Design, Procedure		luận - Hình thức tổ chức dạy học: + Nghe giảng do giảng viên trình bày - Yêu cầu sinh viên: Thảo luận theo nhóm: The nature of methodology + Đọc tài liệu [1], [2] + Ghi chép + Chuẩn bị câu hỏi - Địa điểm học: Giảng đường	
Số tiết: 5	<b>Chương 2. Teaching principles</b> <b>2.1 Cognitive Principles</b> 2.1.1 Automaticity 2.1.2 Meaningful Learning 2.1.3 Anticipation of Rewards 2.1.4 Intrinsic Motivation 2.1.5 Strategic Investment <b>2.2 Affective Principles</b> 2.2.1 Language Ego 2.2.2 Self-Confidence 2.2.3 Risk-Taking 2.2.4 Language-Culture Connection <b>2.3 Linguistic Principles</b> 2.3.1 Native Language Effect 2.3.2 Interlanguage 2.3.3 Communicative Competence	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> <b>- Thảo luận:</b> Cognitive Principles, Affective Principles, Linguistic Principles - Đọc tài liệu [3], [4] Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	-Hình thức đánh giá của từng bài: + Trình bày theo nhóm tại lớp
Số tiết: 5	<b>Chương 3. Language acquisition and language learning</b> <b>3.1 Acquisition</b>	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên	-Hình thức đánh giá của từng bài: Trình bày tại lớp về vấn đề thảo

	<p>3.1.1 The interference of the first language  3.1.2 What is Foreign Language Acquisition  3.1.3 Competence and Performance  3.2 <i>Learning</i>  3.2.1 Learning strategy  3.2.2 Learning Styles  3.2.3 Language-Learning Language  3.3 <i>The natural Route of Development</i>  3.4 <i>Contextual Variation in Language-Learner Language</i>  3.5 <i>Individual Learner Differences</i>  3.6 <i>The Role of the Input</i>  3.7 <i>Learner Processes</i>  3.8 <i>Types of Learning Associated with the CLT Approach</i>  3.9 <i>The Role of Formal instruction</i>  3.10 <i>The Acquisition-Learning Distinction</i></p>		<p>lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập,  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - <b>Thảo luận theo nhóm:</b>  Acquisition, learning, The natural Route of Development, Contextual Variation in Language-Learner Language  - Đọc tài liệu [5], [6]  Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi  <b>Địa điểm học:</b>  - Giảng đường</p>	<p>luận</p>
<p>Số tiết: 5</p>	<p><b>Chương 4. Language teaching methods</b>  4.1 <i>The Grammar Translation Method (GTM)</i>  4.1.1 What is the Grammar Translation Method?  4.1.2 The major characteristics of the Grammar Translation Method  4.1.3 Principles and techniques of the GTM  4.1.4 Advantages and Disadvantages of the GTM  4.1.5 Implications for Classroom Teaching in Vietnam  4.2 <i>The Direct Method</i></p>	<p>H1  H2  H3  H4</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b>  PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, PP ôn tập, ...  <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b>  - Nghe giảng do giảng viên trình bày  <b>Yêu cầu sinh viên:</b>  - Đọc tài liệu [7], [8]  Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...  -Thảo luận:  Grammar Translation Method, The</p>	<p>-Hình thức đánh giá của từng bài:  Trình bày tại lớp về vấn đề thảo luận</p>

	<p>(DM)</p> <p>4.2.1 What is the Direct Method?</p> <p>4.2.2 Some characteristics of the DM</p> <p>4.2.3 Advantages and Disadvantages of the DM</p> <p>4.2.4 Implications for Classroom Teaching in Vietnam</p> <p>4.3 <i>The Audio-Lingual Method (ALM)</i></p> <p>4.3.1 What is the Audio-Lingual Method?</p> <p>4.3.2 The major characteristics of the ALM</p> <p>4.3.3 Principles and techniques of the ALM</p> <p>4.3.4 Advantages and Disadvantages of the ALM</p> <p>4.3.5 Implications for Classroom Teaching in Vietnam</p> <p>4.4 <i>The Communicative Language Teaching Method (CLTM)</i></p> <p>4.4.1 What is the Communicative Language Teaching Method (CLTM)?</p> <p>4.4.2 Some characteristics of the CLTM</p> <p>4.4.3 Advantages and Disadvantages of the CLTM</p> <p>4.4.4 Implications for Classroom Teaching in Vietnam</p> <p>4.5 <i>Conclusion</i></p>		<p>Direct Method, The Audio-Lingual Method (ALM) , The Communicative Language Teaching Method (CLTM)</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
Số tiết: 5	<p><b>Chương 5. Contexts of teaching</b></p> <p>5.1 <i>Teaching Across Age Levels</i></p> <p>5.1.1 Teaching</p>	H1 H2 H3 H4	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-</p>	<p>-Hình thức đánh giá của từng bài: Trình bày tại lớp về vấn đề thảo luận</p>

	Children 5.1.2 Teaching Adults 5.2 <i>Teaching Across Proficiency Levels</i> 5.2.1 Teaching Beginning Levels 5.2.2 Teaching Intermediate Levels 5.2.3 Teaching Advanced Levels		vấn đáp, PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu [8] Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi - Thảo luận: Teaching Across Age Levels, Teaching Across Proficiency Levels <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Số tiết: 5	<b>Chương 6: Sociopolitical and institutional contexts</b> 6.1 Sociopolitical Contexts 6.2 Second and Foreign Language Contexts 6.3 English as an International Language 6.4 Language Policy Issues 6.5 Institutional Contexts	H1 H2 H3 H4	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu [8] Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi - Thảo luận: Sociopolitical Contexts, Second and Foreign Language Contexts, English as an International Language, Language Policy Issues <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	-Hình thức đánh giá của từng bài: Trình bày tại lớp về vấn đề thảo luận

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Y Tru Alio (2007). *Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1* (Giáo trình nội bộ), Trường Đại học Tây Nguyên

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Barasch, R. M., and James, C.V. (1994). *Beyond The Monitor*.

[3] Cross, D. (1992). *A Practical Handbook of Language Teaching*.

[4] Harmer, J. (1992). *The Practice of English Language Teaching*

[5] Krashen, S.D. (1987). *Principles and Practice in Second Language Acquisition*

[6] Larsen, D. and Freeman (1986). *Techniques and Principles in Language Teaching*.

[7] Nunan, D. (1985). *Language Teaching Course Design, Trends & Issues*

[8] Brown, H. D. (1994). *Teaching by Principles, An Interactive Approach to Language Pedagogy*.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30; Trọng số thi kết thúc học phần: 70

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	25%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận kết hợp trắc nghiệm	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn**

*Ngày ... tháng ... năm 20...*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Nguyễn Lệ Hằng****ThS. Cù Thị Ngọc Hoa**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: GIẢNG DẠY LỒNG GHÉP 4 KỸ NĂNG**  
**Mã học phần: FL213105**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: 0

Học phần học trước: 0

Học phần tiên quyết: 0

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;

Email: [htxuan@tnn.edu.vn](mailto:htxuan@tnn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng là một trong những học phần thuộc về nhóm phương pháp giảng dạy ngành sư phạm Tiếng Anh. Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp giảng dạy Tiếng Anh, về bản chất của quá trình dạy và học ngoại ngữ, cách dạy lồng ghép các thành tố và kỹ năng ngôn ngữ, các cơ sở lý luận và phương pháp giảng dạy. Qua đó Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng giúp tăng cường năng lực nghiệp vụ sư phạm. Ngoài ra, Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng còn phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá một số lý thuyết giảng dạy, áp dụng phương pháp phù hợp với thực tế giảng dạy tại các cơ sở dạy tiếng Anh ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng sẽ

MT1: cung cấp cho người học kiến thức về các yếu tố ngôn ngữ trong giảng dạy.

MT2: cung cấp cho người học kiến thức về các nguyên tắc giảng dạy các yếu tố ngôn ngữ

MT3: trang bị cho người học các kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh dạy các thành tố và kỹ năng theo kiểu lồng ghép

MT4: hướng dẫn cho người học biết cách đọc tài liệu, tóm tắt ý chính, lấy ví dụ minh họa sự hiểu biết về các lý thuyết giảng dạy ngôn ngữ

MT5: trang bị người học kỹ năng trình bày trước lớp nội dung của học phần

MT6: hướng dẫn cho người học biết cách nhận xét và rút kinh nghiệm cho bản thân qua các phần trình bày của nhóm.

MT7: Tăng cường năng lực ngôn ngữ Tiếng Anh cho người học.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng người học có khả năng:

H1: Trình bày được yếu tố và kỹ năng ngôn ngữ trong giảng dạy tiếng

H2: Vận dụng các lý thuyết vào thiết kế các bài trình bày về giảng dạy minh họa.

H3: Vận dụng các lý thuyết về phương pháp giảng dạy để ứng dụng trong việc dạy và học Tiếng Anh và triển khai nghiên cứu.

H4: Vận dụng các lý thuyết về phương pháp giảng dạy trong việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ chuyên môn.

*Sau khi học xong học phần* Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng

H5: Có nhận thức đúng về Học phần Giảng Dạy Lồng Ghép 4 Kỹ Năng, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp và nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng các quy tắc linh hoạt trong việc dạy và học Tiếng Anh.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	C12	C13	C17
H1	x		
H2	x		
H3	x		x
H4		x	
H5		x	x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1. LANGUAGE ELEMENTS AND SKILLS</b> 1.1 Language elements 1.2. Skills	2 tiết	[1] (pages 1-7) [2], [3], [4]
	<b>Chapter 2. STAGES OF AN ORAL LESSON</b> 2.1. The presentation stage 2.2. The practice stage 2.3. The production stage	2 tiết	[1], (pages 9-20) [2], [3], [4]
2	<b>Chapter 3. MEANINGFUL DRILLS</b> 3.1. Using drills 3.2. The principles of a drill 3.3. Kinds of drills	2 tiết	[1],(pages 23-29) [2], [3], [4]
3	<b>Chapter 4. TEACHING PRONUNCIATION</b> 4.1. Teaching the sounds of English 4.2. Principles for teaching English sounds 4.3. Steps for Teaching and Practicing Sounds 4.4. Some activities for teaching sounds: 4.5. Stress in English and some activities for practicing stress 4.6 Teaching intonation	2 tiết	[1], (pages 30-33) [3], [4], [5]
4	<b>Chapter 5. TEACHING VOCABULARY</b> 5.1. Vocabulary: What need to be taught? 5.2 Techniques of presentation 5.3. Choosing which vocabulary to present 5.4. Presentation procedure 5.5 The importance of review	2 tiết	[1], (pages 37-45) [2], [3], [5], [6]
5	<b>Chapter 6. TEACHING GRAMMAR</b> 6.1. Methods of teaching grammar 6.2. Principles for teaching grammar 6.3. Steps for introducing grammar structures 6.4. Examples of grammar teaching	2 tiết	[1], (pages 52-64) [2], [3], [5], [6], [7]
6	<b>Chapter 7. INTEGRATING THE SKILLS</b> 7.1. What are integrated skills? 7.2. Why integrate the skills?	2 tiết	[1],(pages 66-69) [2], [3], [5], [6], [7]
7	<b>Chapter 8. TEACHING LISTENING</b> 8.1. Listening skills	4 tiết	[1],(pages 70-76)



	8.2. Principles for teaching listening 8.3. Activities for listening practice and communication		[2], [3], [5], [6], [7]
8	<b>Chapter 9. TEACHING SPEAKING</b> 9.1 Why encourage students to do speaking tasks 9.2. Principles for teaching speaking 9.3. Activities for speaking 9.4. Dialogues	4 tiết	[1]. (pages 79-89) [2], [3], [5], [6], [7]
9	<b>Chapter 10. TEACHING READING</b> 10.1. Reading skills 10.2. Principles for teaching reading 10.3. Steps for presenting a reading text 10.4. Reading exercise and activities	4 tiết	[1], (pages 91-98) [2], [3], [5], [6], [7]
10	<b>Chapter 11. TEACHING WRITING</b> 11.1. The process of writing 11.2. The progression of writing 11.3. Kinds of writing 11.4. Principles for teaching writing 11.5. Feedback in writing 11.6. Exercises and activities for teaching	4 tiết	[1], (pages 100-111) [2], [3], [4], [6], [7]

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
4 tiết	<b>Chapter 1. LANGUAGE ELEMENTS AND SKILLS</b> 1.1 Language elements 1.2. Skills <b>Chapter 2. STAGES OF AN ORAL LESSON</b> 2.1. The presentation stage 2.2. The practice stage 2.3. The production stage	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về các yếu tố ngôn ngữ và các kỹ năng trong dạy và học Tiếng Anh
4 tiết	<b>Chapter 3. MEANINGFUL DRILLS</b> 3.1. Using drills 3.2. The principles of a drill 3.3. Kinds of drills <b>Chapter 4. TEACHING PRONUNCIATION</b> 4.1. Teaching the	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày	Báo cáo của nhóm trước lớp về các hoạt động luyện tập yếu tố ngôn ngữ.  Báo cáo của

	<p>sounds of English</p> <p>4.2. Principles for teaching English sounds</p> <p>4.3. Steps for Teaching and Practicing Sounds</p> <p>4.4. Some activities for teaching sounds:</p> <p>4.5. Stress in English and some activities for practicing stress</p> <p>4.6 Teaching intonation</p>		<p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy phát âm và bài giảng minh họa</p>
4 tiết	<p><b>Chapter 6. TEACHING GRAMMAR</b></p> <p>6.1. Methods of teaching grammar</p> <p>6.2. Principles for teaching grammar</p> <p>6.3. Steps for introducing grammar structures</p> <p>6.4. Examples of grammar teaching</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy các cấu trúc ngữ pháp chức năng và bài giảng minh họa</p>
2 tiết	<p><b>Chapter 7. INTEGRATING THE SKILLS</b></p> <p>7.1. What are integrated skills?</p> <p>7.2. Why integrate the skills?</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước lớp các lồng ghép các kỹ năng và tầm quan trọng của việc lồng ghép các kỹ năng trong một bài học.</p>
4tiết	<p><b>Chapter 8. TEACHING LISTENING</b></p> <p>8.1. Listening skills</p> <p>8.2. Principles for teaching listening</p> <p>8.3. Activities for listening practice and communication</p>	<p>H1 H2 H3 H4 H5</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy kỹ năng Nghe và bài giảng minh họa</p>

4tiết	<b>Chapter 9.</b> <b>TEACHING SPEAKING</b> 9.1 Why encourage students to do speaking tasks 9.2. Principles for teaching speaking 9.3. Activities for speaking 9.4. Dialogues	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy kỹ Nói nghe và bài giảng minh họa
4 tiết	<b>Chapter 10.</b> <b>TEACHING READING</b> 10.1. Reading skills 10.2. Principles for teaching reading 10.3. Steps for presenting a reading text 10.4. Reading exercise and activities	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy kỹ năng Đọc và bài giảng minh họa
4 tiết	<b>Chapter 11.</b> <b>TEACHING WRITING</b> 11.1. The process of writing 11.2. The progression of writing 11.3. Kinds of writing 11.4. Principles for teaching writing 11.5. Feedback in writing 11.6. Exercises and activities for teaching	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy kỹ năng Viết và bài giảng minh họa

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1]. Khoa Ngoại Ngữ (2007). *Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2- Giáo trình nội bộ*

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Cross, D. (1995). *A Practical Handbook of Language Teaching*. Prentice Hall International.

[3]. Harmer.J (1996) *The practice of English Language Teaching*. Longman Group Limited

[4]. Nelson (1991). *At the Chalkface*. Edward Arnold Ltd.

[5]. Roger Gover et al (2005) *Teaching Practice*. Macmillan Education

[6]. Nguyen Bang et al (2003). *English Language Teaching Method*. Hanoi

[7]. Tạ Tiên Hùng & Nguyễn Văn Độ.(1994) *Methodology HandBook for VietNam*. Hanoi

**7. Nhiệm vụ của sinh viên:****7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận**

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

**7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: không****7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: không****7.4. Phần khác (nếu có): không**

**7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu:** Sinh viên tự đọc tài liệu làm việc theo nhóm chuẩn bị cho phần trình bày.

**8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần****8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%**

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi =  $100\% - \text{Trọng số bộ phận}$ )

**8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận**

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1.	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua điểm danh, theo dõi việc chuẩn bị bài ở nhà và tham gia thảo luận của sinh viên	H5	20%
2.	Bài thuyết trình nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên	Đánh giá thông qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày báo cáo của nhóm	H1 H2 H3 H5	30%
3.	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức về lý thuyết phương pháp lồng ghép 4 kỹ năng và vận dụng tri thức, kỹ năng để thiết kế một hoạt động dạy học	Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H4 H5	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức về lý thuyết về phương pháp lồng ghép 4 kỹ năng, kỹ năng trình bày logic, thái độ của sinh viên, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng để thiết kế bài giảng.	Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Lệ Hằng

ThS Hoàng Thị Xuân

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: QUẢN LÝ LỚP HỌC VÀ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**  
**NGOẠI NGỮ**  
**Mã học phần: FL213106**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Bùi thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: [btinh@ttn.edu.vn](mailto:btinh@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ là học phần thứ ba trong sáu học phần về kiến thức nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên năm thứ ba chuyên ngữ của trường đại học Tây Nguyên.

Học phần quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ giúp sinh viên phát triển kỹ năng quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học từ việc phân tích các nguyên tắc cơ bản trong quản lý lớp học; giới thiệu, hướng dẫn cách áp dụng lý thuyết để đưa vào thực tiễn của việc quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ.

Ngoài ra, học phần này giúp sinh viên tích lũy được các phương pháp quản lý lớp học để dần dần cải thiện việc đứng lớp của sinh viên.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ sẽ:

MT1. trang bị cho người học các nguyên tắc cơ bản trong quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ.

MT2. trang bị cho người học các kỹ năng về sử dụng giáo cụ trực quan trong giảng dạy tiếng Anh, sử dụng bảng phấn, sử dụng các kỹ thuật kích lệ học sinh phát biểu xây dựng bài, cách thức tổ chức làm việc theo nhóm và theo cặp và cách sửa lỗi cho học sinh.

MT3. hướng dẫn cho người học các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh.

MT4. hướng dẫn cho người học các kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ, người học có khả năng:*

H1. sử dụng được giáo cụ trực quan, sử dụng được bảng phấn và sử dụng được các kỹ thuật kích lệ học sinh phát biểu xây dựng bài trong giảng dạy tiếng Anh.

H2. vận dụng lý thuyết để tổ chức cho học sinh làm việc theo nhóm, theo cặp và sửa lỗi cho học sinh.

H3. vận dụng các nguyên tắc cơ bản trong quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ để đạt hiệu quả cao trong quản lý lớp học.

H4. vận dụng thuần thục các kỹ năng đứng lớp để đạt hiệu quả cao trong quản lý lớp học.

H5. vận dụng được kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, kỹ năng tranh luận bằng tiếng Anh, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin.

*Sau khi học xong học phần quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ, người học:*

H6. có nhận thức đúng về việc quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tích cực, sáng tạo trong quá trình học tập và

có ý thức tự nghiên cứu nâng cao năng lực quản lý của bản thân đồng thời mạnh dạn đổi mới công tác quản lý nâng cao chất lượng đào tạo của các trường phổ thông.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	C12	C13	C16
H1	x		
H2	x		
H3	x		
H4		x	
H5			x
H6			x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<p><b>Chương 1. Using visual aids</b></p> <p>1.1. The importance of using visual aids</p> <p>1.2. Real objects</p> <p>1.2.1. Uses of real objects</p> <p>1.2.2. Practice</p> <p>1.3. Flashcards</p> <p>1.3.1. Advantages of using flashcards</p> <p>1.3.2. Making flashcards</p> <p>1.3.3. Examples of flashcards and their uses</p> <p>1.4. Charts</p> <p>1.4.1. Advantages of showing pictures on a chart</p> <p>1.4.2. Examples of charts and their uses</p> <p>1.4.3. Practice</p>	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 1 – 22 [2] pages 177 – 180 [3] pages 4 - 7
2	<p><b>Chương 2. Using the blackboard</b></p> <p>2.1. Advantages of blackboard work</p> <p>2.2. Some golden rules for using the blackboard properly</p> <p>2.2.1. Carry a tool kit</p> <p>2.2.2. Start clean</p> <p>2.2.3. Write legible and clearly</p> <p>2.2.4. Write straight</p> <p>2.2.5. Stand sideways</p> <p>2.2.6. The talk and chalk principle</p> <p>2.2.7. Economize on blackboard time</p> <p>2.2.8. The layout of the blackboard</p> <p>2.3. Blackboard models</p> <p>2.3.1. Laying out grammar structures</p> <p>2.3.2. Language practice tables</p> <p>2.4. Practice</p> <p>2.5. Blackboard drawings</p>	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 23 - 37 [2] pages 183 - 187 [3] pages 120 - 123
3	<p><b>Chương 3. Eliciting</b></p> <p>3.1. Importance of eliciting</p> <p>3.2. Ways of eliciting</p> <p>3.2.1. Teach – student eliciting</p> <p>3.2.1.1. Questions for short – answer elicits</p> <p>3.2.1.2. Questions for longer – answer elicits</p> <p>3.2.1.3. Prompts</p> <p>3.2.2. Getting students to question each other</p>	LT: 4 tiết BT: 2 tiết	[1] pages 38 - 55 [2] pages 121 - 131 [3] pages 86 - 92

	<p>3.3. Managing the class during question time</p> <p>3.3.1. The surprise nomination</p> <p>3.3.2. The shotgun nomination</p> <p>3.3.3. Chorus responses</p> <p>3.3.4. Written answers</p> <p>3.3.5. Written questions</p> <p>3.4. Coping with mixed ability classes</p> <p>3.5. Practice</p> <p>3.5.1. Eliciting from pictures</p> <p>3.5.2. Getting students to guess</p> <p>3.5.3. Getting students to imagine</p>		
4	<p><b>Chương 4. Correction</b></p> <p>4.1. Significance of errors and mistakes</p> <p>4.2. Errors and mistakes and their nature</p> <p>4.2.1. Mistakes and their nature</p> <p>4.2.2. Errors and their nature</p> <p>4.3. Dealing with errors and mistakes</p> <p>4.3.1. Approaches to correction</p> <p>4.3.2. Dealing with spoken errors</p> <p>4.3.2.1. Principles for spoken errors</p> <p>4.3.2.2. Spoken correction during practice</p> <p>4.3.2.3. Spoken correction during a free expression phrase</p> <p>4.3.3. Dealing with written errors</p> <p>4.3.3.1. Principles for written correction</p> <p>4.3.3.2. A basic procedure for correcting simple written work in class</p> <p>4.3.3.3. Techniques for written correction</p> <p>4.3.3.4. Practice</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 56 - 69</p> <p>[2] pages 137 - 151</p> <p>[3] pages 110 - 118</p>
5	<p><b>Chương 5. Using pair work and group work</b></p> <p>5.1. Significance of pair work and group work</p> <p>5.2. Problems with pair work and group work and solutions</p> <p>5.2.1. Incorrectness</p> <p>5.2.2. Noise</p> <p>5.2.3. The use of mother tongue</p> <p>5.3. Organizing pair work</p> <p>5.3.1. Teacher's role during pair work</p> <p>5.3.2. Introducing pair work</p> <p>5.3.3. Forming pair work</p> <p>5.3.4. Steps in using pair work</p> <p>5.3.5. Suitable activities for pair work</p> <p>5.3.6. Practice</p> <p>5.4. Organizing group work</p> <p>5.4.1. Teacher's role in group work</p> <p>5.4.2. Forming group work</p> <p>5.4.3. Suitable activities for group work</p> <p>5.5. Practice</p>	<p>LT: 4 tiết</p> <p>BT: 2 tiết</p>	<p>[1] pages 70 – 87</p> <p>[2] pages 121 – 135, 161 - 173</p> <p>[3] pages 101 – 108, 126 - 128</p>

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học: 1	<b>Chương 1. Using</b>	H1	<b>Phương pháp</b>	- Bài đánh giá

Số tiết: 4	<b>visual aids</b> 1.1. The importance of using visual aids 1.2. Real objects 1.2.1. Uses of real objects 1.2.2. Practice 1.3. Flashcards 1.3.1. Advantages of using flashcards 1.3.2. Making flashcards 1.3.3. Examples of flashcards and their uses	H3 H4 H5 H6	<b>dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: the importance of using visual aids, real objects, flashcards. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	Test yourself (the importance of using visual aids, real objects, flashcards.) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 2 Số tiết: 4	<b>Chương 1. Using visual aids (Cont)</b> 1.4. Charts 1.4.1. Advantages of showing pictures on a chart 1.4.2. Examples of charts and their uses 1.4.3. Practice <b>Chương 2. Using the blackboard</b> 2.1. Advantages of blackboard work 2.2. Some golden rules for using the blackboard properly 2.2.1. Carry a tool kit 2.2.2. Start clean 2.2.3. Write legible and clearly 2.2.4. Write straight 2.2.5. Stand sideways 2.2.6. The talk and chalk principle 2.2.7. Economize on blackboard time 2.2.8. The layout of	H1 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: charts, advantages of blackboard work golden rules for using the blackboard <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (charts, advantages of blackboard work golden rules for using the blackboard) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp



	the blackboard			
Buổi học: 3 Số tiết: 4	<b>Chương 2. Using the blackboard (cont.)</b> 2.3. Blackboard models 2.3.1. Laying out grammar structures 2.3.2. Language practice tables 2.4. Practice 2.5. Blackboard drawings	H1 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: blackboard models, blackboard drawing <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (blackboard models, blackboard drawing) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 4 Số tiết: 4	<b>Chương 3. Eliciting</b> 3.1. Importance of eliciting 3.2. Ways of eliciting 3.2.1. Teach – student eliciting 3.2.1.1. Questions for short – answer elicits 3.2.1.2. Questions for longer – answer elicits 3.2.1.3. Prompts 3.2.2. Getting students to question each other 3.3. Managing the class during question time 3.3.1. The surprise nomination 3.3.2. The shotgun nomination 3.3.3. Chorus responses 3.3.4. Written answers	H1 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: importance of eliciting, ways of eliciting, managing the class during question time <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu	- Bài đánh giá Test yourself (importance of eliciting, ways of eliciting, managing the class during question time) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

	3.3.5. Written questions		hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học: 5 Số tiết: 4	<b>Chương 3. Eliciting (cont.)</b> 3.4. Coping with mixed ability classes 3.5. Practice 3.5.1. Eliciting from pictures 3.5.2. Getting students to guess 3.5.3. Getting students to imagine <b>Chương 4. Correction</b> 4.1. Significance of errors and mistakes 4.2. Errors and mistakes and their nature 4.2.1. Mistakes and their nature 4.2.2. Errors and their nature	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: coping with mixed ability classes, eliciting from pictures, getting students to guess, getting students to imagine <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (coping with mixed ability classes, eliciting from pictures, getting students to guess, getting students to imagine) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 6 Số tiết: 4	<b>Chương 4. Correction (cont.)</b> 4.3. Dealing with errors and mistakes 4.3.1. Approaches to correction 4.3.2. Dealing with spoken errors 4.3.2.1. Principles for spoken errors 4.3.2.2. Spoken correction during practice 4.3.2.3. Spoken correction during a free expression phrase 4.3.3. Dealing with	H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: dealing with spoken errors and mistakes, dealing with written errors and	- Bài đánh giá Test yourself (dealing with spoken errors and mistakes, dealing with written errors and mistakes) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

	written errors 4.3.3.1. Principles for written correction 4.3.3.2. A basic procedure for correcting simple written work in class 4.3.3.3. Techniques for written correction 4.3.3.4. Practice		mistakes <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học: 7 Số tiết: 4	<b>Chương 5. Using pair work and group work</b> 5.1. Significance of pair work and group work 5.2. Problems with pair work and group work and solutions 5.2.1. Incorrectness 5.2.2. Noise 5.2.3. The use of mother tongue 5.3. Organizing pair work 5.3.1. Teacher's role during pair work 5.3.2. Introducing pair work 5.3.3. Forming pair work 5.3.4. Steps in using pair work 5.3.5. Suitable activities for pair work 5.3.6. Practice	H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: significance of pair work and group work, problems with pair work and group work and solutions, organizing pair work <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (significance of pair work and group work, problems with pair work and group work and solutions, organizing pair work) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 8 Số tiết: 4	<b>Chương 5. Using pair work and group work (cont.)</b> 5.4. Organizing group work 5.4.1. Teacher's role in group work 5.4.2. Forming group work	H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình	- Bài đánh giá Test yourself (organizing group work) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

	5.4.3. Suitable activities for group work 5.5. Practice		bày - Thảo luận nhóm: organizing group work  <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
--	--	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] David Cross (2005). A practical handbook of language teaching, Prentice Hall International (UK) Limited

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Jeremy Harmer (2010). The Practice of English Language Teaching, Pearson Longman.

[3] Penny Ur (2013). A Course in Language Teaching, Cambridge University Press

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H5 H6	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	40%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	40%

		năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.			
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận.	H1 H2 H3 H4

Ngày tháng năm 2020

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn****Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Nguyễn Lệ Hằng****ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: THIẾT KẾ GIÁO ÁN DẠY HỌC NGOẠI NGỮ**  
**Mã học phần: FL213107**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Nguyễn Lệ Hằng; Số điện thoại: 0946878282;

Email: [nlhang@ttn.edu.vn](mailto:nlhang@ttn.edu.vn)

**2. Tóm tắt mô tả học phần:**

Học phần Thiết kế giáo án dạy học ngoại ngữ được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành sư phạm. Sinh viên đã học môn Lý luận giảng dạy tiếng Anh, Giảng dạy lồng ghép 4 kỹ năng và Quản lý lớp học và đã có một năng lực ngôn ngữ ở trình độ trung cao cấp sau 7 học kỳ. Môn học này hoàn chỉnh về phương pháp giảng dạy cho sinh viên trước khi ra trường.

Học phần này nằm trong khối kiến thức chuyên ngành sư phạm nhằm cung cấp cho sinh viên ngành sư phạm kiến thức về phương pháp soạn giáo án nói chung cũng như phương pháp soạn giáo án dạy các kỹ năng ngôn ngữ nói riêng để phục vụ việc soạn giáo án môn Tiếng Anh cấp trung học phổ thông. Cụ thể, học phần này giúp sinh viên nắm vững các khái niệm, lợi ích của việc soạn giáo án, các yếu tố cần phải xem xét khi soạn 1 giáo án cũng như các thành phần cần có của 1 giáo án; phương pháp và kỹ thuật soạn giáo án cho các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cũng như kỹ năng soạn giáo án cho phần dạy phát âm và ngữ pháp.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

**3.1 Mục tiêu học phần: Học phần giúp trang bị cho người học**

MT1: kiến thức về phương pháp soạn giáo án và thực hiện giáo án giảng dạy tiếng Anh cấp trung học phổ thông

MT2: kiến thức và sự hiểu biết về các bước cơ bản của việc soạn giáo án cấp trung học phổ thông và cách tiến hành thực hiện soạn giáo án cho từng kỹ năng ngôn ngữ. Thông qua đó người học có khả năng tham khảo, nghiên cứu nắm vững giáo trình giảng dạy tiếng Anh cấp trung học phổ thông từ đó tự tin đứng lớp.

MT3: kiến thức vận dụng lý thuyết vào thực tiễn của việc soạn giáo án,

MT4: kiến thức việc soạn giáo án giảng dạy tiếng Anh cho các kỹ năng khác nhau một cách linh hoạt

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần: Kết thúc học phần, người học có thể**

H1: Trình bày được định nghĩa về giáo án

H2: Ghi nhớ được các mặt lợi ích của việc soạn giáo án trong giảng dạy và nhận diện được 1 giáo án được biên soạn tốt

H3: Hiểu được sự khác nhau giữa các thành phần của 1 giáo án từ đó phân tích được những yếu tố cần phải xem xét khi soạn 1 giáo án

H4: Vận dụng được các nguyên tắc khi tiến hành soạn giáo án dạy trong giảng dạy và viết được mục tiêu của bài giảng

H5: Trình bày được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy các kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh

H6: Ghi nhớ và nhận diện được các bước chính của 1 giáo án dạy các kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh

H7: Phân tích và lý giải được các bước cơ bản của 1 giáo án dạy các kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh

H8: Vận dụng được các bước cơ bản để soạn giáo án dạy kỹ năng khác nhau trong tiếng Anh

H9: Nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc soạn giáo án, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp. Người học tự tin khi soạn 1 giáo án khi đứng lớp đồng thời phát triển thái độ tìm tòi học hỏi trong công việc soạn giáo án.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	C12	C13	C17
H1	X		
H2	X		
H3	X		
H4		x	
H5		x	
H6		x	
H7			x
H8			x
H9			x

### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1: Lesson Planning</b> 1.1. What's a lesson plan? 1.2. Lesson preparation 1.3. varying lesson components 1.4. evaluating lesson effectiveness 1.5. Practical lesson management 1.6. Main stages of a lesson	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] (p.308-320) [2] (p. 213- 222)
2	<b>Chương 2: A Lesson Plan for Reading</b> 2.1. Reading lesson sequences 2.2. Stages of planning a reading lesson	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] (p. 210-215) [3] (p.91-98)
3	<b>Chương 3: A Lesson Plan for Speaking</b> 3.1. Elements of speaking 3.2. Classroom speaking activities 3.3. Stages of planning a speaking lesson	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] (p.269-276) [3] (p. 70-87)
4	<b>Chương 4: A Lesson Plan for Pronunciation</b> 4.1. Features of a good pronunciation task 4.2. Problems of teaching pronunciation 4.3. Stages of planning a pronunciation lesson	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] (p. 187-197) [3] (p.30-33)
5	<b>Chương 5: A Lesson Plan for a Writing Lesson</b> 5.1. Approaches to student writing 5.2. Writing lesson sequences 5.3. Stages of planning a writing lesson	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] (p.257-262) [3] (p.100-111)
6	<b>Chương 6: A Lesson Plan for Teaching Language Focus</b> 6.1. How to teach grammar 6.2. Basic procedures for planning a grammar lesson	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[3] (p.52-64)
7	<b>Chương 7: A Lesson Plan for Teaching Listening</b> 7.1. Listening lesson sequences	LT: 3 tiết BT: 1 tiết	[1] (p. 232- 242) [3] (p.70-76)

## 7.2. Stages of planning a speaking lesson

## 5. Kế hoạch dạy học

Tuần/buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1 (4 tiết)	<b>Chương 1: Lesson Planning</b> 1.1. What's a lesson plan? 1.2. The benefits of planning 1.3. What to consider when writing a lesson plan 1.4. Key components of a lesson plan 1.5. A well-developed lesson plan 1.6. Main stages of a lesson	H1 H2 H3 H4 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về tầm quan trọng của việc soạn giáo án, các yếu tố cần xem xét, các thành phần chính của 1 giáo án cũng như các bước chính của 1 bài giảng. - Thực hành: viết mục tiêu bài giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng viết mục tiêu cho 1 bài giảng trong sách giáo khoa tiếng Anh lớp 10 hoặc 11 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng và viết mục tiêu cho bài giảng trong sách Tiếng Anh 10, 11 & 12
Tuần 2 (4 tiết)	<b>Chương 2: A Lesson Plan for Reading</b> 2.1. Reading lesson sequences 2.2. Stages of planning a reading lesson 2.3. Practise planning a reading lesson for English 10, 11 & 12	H4 H5 H6 H7 H8 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận về các bước dạy kỹ năng đọc. - Thực hành: soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng kỹ năng đọc trong sách Tiếng Anh 10, 11& 12 <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng kỹ năng nói trong sách Tiếng Anh 10, 11& 12 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng & viết giáo án cho 1 bài đọc trong sách Tiếng Anh 10, 11 & 12



<b>Tuần 3 (4 tiết)</b>	<b>Chương 3: A Lesson Plan for Speaking</b> 3.1. Elements of speaking 3.2. Classroom speaking activities 3.3. Stages of planning a speaking lesson	H4 H5 H6 H7 H8 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về các bước dạy kỹ năng nói - Thực hành: soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng kỹ năng nói trong sách Tiếng Anh 10, 11& 12 <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng kỹ năng nói trong sách Tiếng Anh 10, 11& 12 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng & viết giáo án cho 1 bài Nói trong sách Tiếng Anh 10, 11 & 12
<b>Tuần 4 (4 tiết)</b>	<b>Chương 4: A Lesson Plan for Pronunciation</b> 4.4. Features of a good pronunciation task 4.5. Problems of teaching pronunciation 4.6. Stages of planning a pronunciation lesson	H4 H5 H6 H7 H8 H9	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về các bước dạy luyện âm - Thực hành: soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng luyện âm trong sách Tiếng Anh 10, 11& 12 <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng luyện âm trong sách Tiếng Anh 10, 11& 12 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng & viết giáo án cho 1 bài đọc trong sách Tiếng Anh 10, 11 & 12
<b>2 tiết</b>	Bài kiểm tra số 1	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7 H8 H9		Bài tự luận
<b>Tuần 5 (4 tiết)</b>	<b>Chương 5: A Lesson Plan for a</b>	H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình	Khả năng

	<p><b>Writing Lesson</b> 5.1. Approaches to student writing 5.2. Writing lesson sequences 5.3. Stages of planning a writing lesson</p>	<p>H6 H7 H8 H9</p>	<p>- PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng viết - Thực hành: soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng viết trong sách Tiếng Anh 10, 11&amp; 12 <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng soạn giáo án cho 1 bài giảng viết trong sách giáo khoa tiếng Anh lớp 10, 11 &amp; 12 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>vận dụng &amp; viết giáo án cho 1 bài VIẾT trong sách Tiếng Anh 10, 11 &amp; 12</p>
<p><b>Tuần 6 (4 tiết)</b></p>	<p><b>Chương 6: A Lesson Plan for Teaching Language Focus</b> 6.1. How to teach grammar 6.2. Basic procedures for planning a grammar lesson</p>	<p>H4 H5 H6 H7 H8 H9</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: thảo luận về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng ngữ pháp - Thực hành: soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng ngữ pháp trong sách Tiếng Anh 10, 11&amp; 12 <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng soạn 1 giáo án cho 1 bài giảng ngữ pháp trong sách Tiếng Anh 10, 11 &amp; 12 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Khả năng vận dụng &amp; viết giáo án cho 1 bài Language Focus trong sách Tiếng Anh 10, 11 &amp; 12</p>
<p><b>Tuần 7 (4 tiết)</b></p>	<p><b>Chương 7: A Lesson Plan for Teaching Listening</b> 7.1. Listening lesson sequences 7.2. Stages of planning a speaking lesson</p>	<p>H4 H5 H6 H7 H8 H9</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thuyết trình - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Thảo luận nhóm về các bước cơ bản của 1 giáo án cho 1 bài giảng nghe - Thực hành: soạn giáo án cho 1 bài giảng nghe trong sách Tiếng Anh 10, 11 &amp; 12</p>	<p>Khả năng vận dụng &amp; viết giáo án cho 1 bài NGHE trong sách Tiếng Anh 10, 11 &amp; 12</p>

			<b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép, vận dụng soạn giáo án cho 1 bài giảng nghe trong sách Tiếng Anh 10, 11 & 12 <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
--	--	--	--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Jeremy Harmer (20). *The Practice of English Language Teaching*. Longman London and New York

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Penny Ur. (1996). *A course in Language Teaching*. Cambridge University Press.

[3] Khoa Ngoại Ngữ (2007). *Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2* Giáo trình nội bộ

[4] Andrian Doff (1988). *Teach English*. Scotland: CUP

[5] Michael H.Long & Jack C. Richards (1987). *Methodology in TESOL*. Heinle & Heinle Publishers

[6]. Cross, D. (1995). *A Practical Handbook of Language Teaching*. Prentice Hall International.

[7]. Harmer.J (1996) *The practice of English Language Teaching*. Longman Group Limited

[8]. Roger Gover et al (2005) *Teaching Practice*. Macmillan Education

[9]. Nguyen Bang et al (2003). *English Language Teaching Method*. Hanoi

[10] Sách giáo khoa tiếng Anh 10, 11, 12.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng học phần

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

Sinh viên tham gia ít nhất 3/4 tổng số tiết của học phần.

+ Sinh viên làm đầy đủ các bài kiểm tra, đánh giá theo quy định của môn học.

+ Sinh viên không thực hiện đủ các bài kiểm tra đánh giá, hoặc vắng mặt quá 1/4 tổng số tiết học sẽ không được xem xét làm bài thi cuối kỳ.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ %
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	25%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên- giáo án cho các bài trong sách giáo	H1 H2 H3 H4 H5	25%

		đề ra	khoa Tiếng Anh 10, 11 & 12	H6 H7	
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên	Phương pháp đánh giá: thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5 H6 H7

Ngày tháng năm 2020

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Lệ Hằng

ThS. Nguyễn Lệ Hằng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**HỌC PHẦN: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ**  
**Mã học phần: FL213108**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;

Email: [htxuan@ttn.edu.vn](mailto:htxuan@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Họ và tên: Y Cuôr Bkrông; Số điện thoại: 0914407690

Email: [ycuorbkrong@ttn.edu.vn](mailto:ycuorbkrong@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ là một trong những học phần liên quan đến kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết kiểm tra, đánh giá trong việc học ngoại ngữ và rèn luyện các kỹ năng lập kế hoạch kiểm tra, và đánh giá quá trình dạy học, thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá. Học phần cung cấp cho người học các kỹ năng về kiểm tra, đánh giá các kỹ năng ngoại ngữ như Nghe, Nói, Đọc, Viết, Từ vựng – Ngữ pháp. Ngoài ra, Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ còn phát triển năng lực nghiên cứu, bước đầu biết đánh giá việc kiểm tra đánh giá dạy học ngoại ngữ tại các cơ sở dạy tiếng Anh, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần này cung cấp cho sinh viên/ người học:

MT1. Các khái niệm về kiểm tra, đánh giá các kỹ năng ngoại ngữ.

MT2. Các hình thức kiểm tra, đánh giá các kỹ năng ngoại ngữ.

MT3. Các tiêu chí để đánh giá một bài kiểm tra ngoại ngữ.

MT4. Các phương pháp thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ.

MT5. Sự tích cực vận dụng linh hoạt các chiến thuật trong kiểm tra đánh giá các kỹ năng và các yếu tố ngôn ngữ.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học Học phần Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ người học sẽ

H1. trình bày chính xác các khái niệm về kiểm tra, đánh giá trong việc dạy ngoại ngữ.

H2. phân biệt, so sánh đối chiếu các hình thức kiểm tra, đánh giá.

H3. thiết lập được các tiêu chí để đánh giá một bài kiểm tra ngoại ngữ.

H4. thiết kế được các bài kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ.

H5. vận dụng thành thạo các lý thuyết về kiểm tra, đánh giá năng lực ngoại ngữ ứng dụng trong việc dạy và học Tiếng Anh và triển khai nghiên cứu.

H6. có nhận thức đúng về Học phần Kiểm tra đánh giá trong dạy học ngoại ngữ, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp và nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng các hình thức đánh giá linh hoạt trong việc dạy và học Tiếng Anh.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo		
	C12	C13	C19
H1	x		
H2	x		
H3	x		
H4		x	
H5		x	x
H6			x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Assessment concepts and issues</b> 1.1. Assessment and testing 1.2. Types and Purposes of Assessment 1.3. Issues in Language Assessment: Then and Now 1.4. Current ‘Hot Topics’ in Classroom-Based Assessment	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 1 – 23 [2], [3], [4], [5]
2	<b>Chương 2. Principles of Language Assessment</b> 2.1. Practicality 2.2. Reliability 2.3. Validity 2.4. Authenticity 2.5. Washback 2.6. Applying Principles to the Evaluation of Classroom Tests	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 26 – 51 [2], [3], [4], [5]
3	<b>Chương 3. Designing Classroom Language Tests</b> 3.1. Determining the Purpose of a Test 3.2. Designing Clear, Unambiguous Objectives 3.3. Drawing Up Test Specifications 3.4. Devising Test Items 3.5. Designing Multiple-Choice Items 3.6. Administering the Test 3.7. Scoring, Grading, and Giving Feedback	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 63 – 84 [2], [3], [4], [5]
4	<b>Chương 4. Standards-Based Assessment</b> 4.1. The Role of Standards in Standardized Tests 4.2. Standards-Based Education 4.3. Designing English Language Standards 4.4. Standards-Based Assessment 4.5. CASAS and SCANS 4.6. The Consequences of Standards-Based and Standardized Testing 4.7. Ethical Issues: Critical Language Testing	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 86 – 98 [2], [3], [4], [5]
5	<b>Chương 5. Standardized Testing</b> 5.1. Advantages and Disadvantages of Standardized Tests 5.2. Developing a Standardized Test 5.3. Standardized Language Proficiency Testing 118	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 104 – 170 [2], [3], [4], [5]
6	<b>Chương 6. Assessing Listening</b> 6.1. Integration of Skills in Language Assessment 6.2. Assessing Grammar and Vocabulary 6.3. Observing the Performance of the Four Skills	LT: 2tiết BT: 2 tiết	[1] trang 157 – 178 [2], [3], [4], [5]

	6.4. The Importance of Listening 6.5. Basic Types of Listening 6.6. Micro- and Macroskills of Listening 6.7. Designing Assessment Tasks Intensive Listening 6.8. Designing Assessment Tasks: Responsive Listening 6.9. Designing Assessment Tasks: Selective Listening 6.10. Designing Assessment Tasks: Extensive Listening		
7	<b>Chương 7. Assessing Speaking</b> 7.1. Basic Types of Speaking 7.2. Micro- and Macroskills of Speaking 7.3. Designing Assessment Tasks: Imitative Speaking 7.4. Designing Assessment Tasks: Intensive Speaking 7.5. Designing Assessment Tasks: Responsive Speaking 7.6. Designing Assessment Tasks: Interactive speaking 7.7. Designing Assessments: Extensive Speaking	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] trang 184 – 221 [2], [3], [4], [5]
8	<b>Chương 8. Assessing Reading</b> 8.1. Genres of Reading 8.2. Microskills, Macroskills, and Strategies for Reading 8.3. Types of Reading 8.4. Designing Assessment Tasks: Perceptive Reading 8.5. Designing Assessment Tasks: Selective Reading 8.6. Designing Assessment Tasks: Interactive Reading 8.7. Designing Assessment Tasks: Extensive Reading	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] trang 225 – 255 [2], [3], [4], [5]
9	<b>Chương 9. Assessing Writing</b> 9.1. Genres of Written Language 9.2. Types of Writing Performance 9.3. Micro- and Macroskills of Writing 9.4. Designing Assessment Tasks: Imitative Writing 9.5. Designing Assessment Tasks: Intensive (Controlled) Writing 9.6. Issues in Assessing Responsive and Extensive Writing 9.7. Designing Assessment Tasks: Responsive and Extensive Writing 9.8. Scoring Methods for Responsive and Extensive Writing 9.9. Beyond Scoring: Responding to Extensive Writing	LT: 2 tiết BT: 2 tiết	[1] trang 260 – 289 [2], [3], [4], [5]
10	<b>Chương 10. Assessing Grammar and Vocabulary</b> 10.1. Assessing Grammar 10.2. Designing Assessment Tasks: Selected Response 10.3. Designing Assessment Tasks: Limited Production 10.4. Designing Assessment Tasks: Extended Production 10.5. Assessing Vocabulary 10.6. Some Considerations in Designing Assessment Tasks 10.7. Designing Assessment Tasks: Receptive Vocabulary 10.8. Designing Assessment Tasks: Productive Vocabulary	LT: 1 tiết BT: 1 tiết	[1] trang 293 – 314
11	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	2 tiết	

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
2 tiết	<p><b>Chương 1. Assessment concepts and issues</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>1.1. Assessment and testing</p> <p>1.2. Types and Purposes of Assessment</p> <p>1.3. Issues in Language Assessment: Then and Now</p> <p>1.4. Current ‘Hot Topics’ in Classroom-Based Assessment</p>	H1 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: guided academic conversation</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	- Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các khái niệm về kiểm tra đánh giá
2 tiết	<p><b>Chương 2. Principles of Language Assessment</b></p> <p><b>Nội dung:</b></p> <p>2.1. Practicality</p> <p>2.2. Reliability</p> <p>2.3. Validity</p> <p>2.4. Authenticity</p> <p>2.5. Washback</p> <p>2.6. Applying Principles to the Evaluation of Classroom Tests</p>	H2 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</p> <p>- Thảo luận nhóm: guided academic conversation</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu</p> <p>Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các nguyên tắc kiểm tra đánh giá
2 tiết	<p><b>Chương 3. Designing Classroom Language Tests</b></p> <p>3.1. Determining the</p>	H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về cách thiết kế bài kiểm



	<p>Purpose of a Test 3.2. Designing Clear, Unambiguous Objectives 3.3. Drawing Up Test Specifications 3.4. Devising Test Items 3.5. Designing Multiple-Choice Items 3.6. Administering the Test 3.7. Scoring, Grading, and Giving Feedback</p>		<p>lớp, PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: guided academic conversation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>tra ngôn ngữ</p>
2 tiết	<p><b>Chương 4. Standards-Based Assessment</b> 4.1. The Role of Standards in Standardized Tests 4.2. Standards-Based Education 4.3. Designing English Language Standards 4.4. Standards-Based Assessment 4.5. CASAS and SCANS 4.6. The Consequences of Standards-Based and Standardized Testing 4.7. Ethical Issues: Critical Language Testing</p>	<p>H3 H4 H5 H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp, <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: guided academic conversation <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ... <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các chuẩn khi thiết kế kiểm tra đánh giá</p>
2 tiết	<p><b>Chương 5. Standardized Testing</b> 5.1. Advantages and Disadvantages of Standardized Tests 5.2. Developing a Standardized Test 5.3. Standardized Language Proficiency Testing</p>	<p>H3 H4 H5 H6</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở-vấn đáp <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày</p>	<p>Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các chuẩn khi thiết kế kiểm tra đánh giá</p>

			<p>- Thảo luận nhóm: guided academic conversation</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi ...</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
4 tiết	<p><b>Chương 6. Assessing Listening</b></p> <p>6.1. Integration of Skills in Language Assessment</p> <p>6.2. Assessing Grammar and Vocabulary</p> <p>6.3. Observing the Performance of the Four Skills</p> <p>6.4. The Importance of Listening</p> <p>6.5. Basic Types of Listening</p> <p>6.6. Micro- and Macroskills of Listening</p> <p>6.7. Designing Assessment Tasks Intensive Listening</p> <p>6.8. Designing Assessment Tasks: Responsive Listening</p> <p>6.9. Designing Assessment Tasks: Selective Listening</p> <p>6.10. Designing Assessment Tasks: Extensive Listening</p>	H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, phương pháp thuyết trình.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- Bài tập nhóm: Thiết kế bài kiểm tra môn nghe.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập, thảo luận nhóm.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các thiết kế kiểm tra đánh giá kỹ năng nghe
4 tiết	<p><b>Chương 7. Assessing Speaking</b></p> <p>7.1. Basic Types of Speaking</p> <p>7.2. Micro- and Macroskills of Speaking</p> <p>7.3. Designing Assessment Tasks: Imitative Speaking</p>	H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, phương pháp thuyết trình.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các thiết kế kiểm tra đánh giá kỹ năng nói

	<p>7.4. Designing Assessment Tasks: Intensive Speaking</p> <p>7.5. Designing Assessment Tasks: Responsive Speaking</p> <p>7.6. Designing Assessment Tasks: Interactive speaking</p> <p>7.7. Designing Assessments: Extensive Speaking</p>		<p>giảng viên trình bày.</p> <p>- Bài tập nhóm: Thiết kế bài kiểm tra môn nói.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập, thảo luận nhóm.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
4 tiết	<p><b>Chương 8. Assessing Reading</b></p> <p>8.1. Genres of Reading 225</p> <p>8.2. Microskills, Macroskills, and Strategies for Reading</p> <p>8.3. Types of Reading</p> <p>8.4. Designing Assessment Tasks: Perceptive Reading</p> <p>8.5. Designing Assessment Tasks: Selective Reading</p> <p>8.6. Designing Assessment Tasks: Interactive Reading</p> <p>8.7. Designing Assessment Tasks: Extensive Reading</p>	H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, phương pháp thuyết trình.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- Bài tập nhóm: Thiết kế bài kiểm tra môn đọc hiểu.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <p>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập, thảo luận nhóm.</p> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các thiết kế kiểm tra đánh giá kỹ năng đọc
4 tiết	<p><b>Chương 9. Assessing Writing</b></p> <p>9.1. Genres of Written Language</p> <p>9.2. Types of Writing Performance</p> <p>9.3. Micro- and Macroskills of Writing</p> <p>9.4. Designing Assessment Tasks: Imitative Writing</p> <p>9.5. Designing Assessment Tasks:</p>	H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, phương pháp thuyết trình.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <p>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</p> <p>- Bài tập nhóm:</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các thiết kế kiểm tra đánh giá kỹ năng viết

	<p>Intensive (Controlled) Writing</p> <p>9.6. Issues in Assessing Responsive and Extensive Writing</p> <p>9.7. Designing Assessment Tasks: Responsive and Extensive Writing</p> <p>9.8. Scoring Methods for Responsive and Extensive Writing</p> <p>9.9. Beyond Scoring: Responding to Extensive Writing</p>		<p>Thiết kế bài kiểm tra môn viết.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập, thảo luận nhóm.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	
2 tiết	<p><b>Chương 10. Assessing Grammar and Vocabulary</b></p> <p>10.1. Assessing Grammar</p> <p>10.2. Designing Assessment Tasks: Selected Response</p> <p>10.3. Designing Assessment Tasks: Limited Production</p> <p>10.4. Designing Assessment Tasks: Extended Production</p> <p>10.5. Assessing Vocabulary</p> <p>10.6. Some Considerations in Designing Assessment Tasks</p> <p>10.7. Designing Assessment Tasks: Receptive Vocabulary</p> <p>10.8. Designing Assessment Tasks: Productive Vocabulary</p>	H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở-vấn đáp, phương pháp thuyết trình.</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày.</li> <li>- Bài tập nhóm: Thiết kế bài kiểm tra từ vựng – ngữ pháp.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu Ghi chép, chuẩn bị tài liệu học tập, thảo luận nhóm.</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	Các bài đánh giá liên quan: Trình bày nhóm về các thiết kế kiểm tra đánh giá ngữ pháp và từ vựng
2 tiết	<b>Ôn tập và kiểm tra</b>	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	Kiểm tra tự luận và trắc nghiệm; nộp bài thiết kế bài kiểm tra, đánh giá 01 kỹ năng ngoại ngữ (tùy chọn).

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] H. Douglas Brown, Priyanvada Abeywickrama (2018). *Language Assessment: Principles and classroom practices*. Pearson Education.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Hughes Arthur (1991). *Testing for Language Teacher*. Cambridge University Press

[3]. Bachman L.F (1990). *Fundamental Considerations in Language Testing*. Oxford University Press

[4] Coombe,C & Folsie,K & Hubley.N (2007). *A Practical Guide to Assessing English Language Learners*. The University of Michigan Press

[5] Heaton J.B (1988). *Writing English Language Tests*. Longman Group UK Ltd.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: Không

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận:

- Thiết kế bài kiểm tra;

### 7.4. Phần khác: Không

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi=100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6	20%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4	50%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim  
Phượng****ThS. Nguyễn Lệ Hằng****ThS. Hoàng Thị Xuân  
ThS. Y Cuôr Bkrông**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM THƯỜNG XUYÊN**  
**Mã học phần: FL216715**

**1. Thông tin chung về học phần**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Thiết kế giáo án dạy học ngoại ngữ- FL213107

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Nguyễn Lê Hằng; Số điện thoại: 0946878282;

Email: [nlhang@ttn.edu.vn](mailto:nlhang@ttn.edu.vn)

Giảng viên 2: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914.087.037;

Email: [htxuan@ttn.edu.vn](mailto:htxuan@ttn.edu.vn)

**2. Tóm tắt mô tả học phần:**

Học phần rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên là một học phần thuộc khối thực hành nghề nghiệp gồm 4 phần. Phần 1 sinh viên ôn lại các kỹ năng đứng lớp và các kỹ thuật hỗ trợ phương pháp giảng dạy. Phần 2 sinh viên thực hành thao giảng cho 1 tiết nghe. Điều này đòi hỏi sinh viên phải ôn lại tài liệu về các hoạt động tổ chức cho kỹ năng nghe. Phần 3 tập trung rèn luyện về cách dạy phát âm, các hoạt động giao tiếp, cách sửa lỗi cho người học và cách đặt câu hỏi. Phần 4 sinh viên thực hành thao giảng cho kỹ năng đọc hiểu. Sinh viên phải vận dụng kiến thức về phương pháp giảng dạy đã học như cách dạy từ vựng, cách tổ chức các hoạt động cho kỹ năng đọc và sử dụng bài đọc hiểu cho hoạt động sau khi đọc. Phần 5 và 6 sinh viên thực hành thao giảng cho kỹ năng viết và ngữ pháp. Các hoạt động sử dụng cho kỹ năng viết, cách sửa lỗi và cách dạy cấu trúc ngữ pháp phải được sinh viên xem lại trước khi thao giảng.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:**

**3.1. Mục tiêu học phần:** Học phần giúp sinh viên

MT 1: Rèn luyện kỹ năng và kỹ thuật đứng lớp thực tế cần thiết cho việc giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ.

MT 2: Trang bị kiến thức và kinh nghiệm giảng dạy qua việc thực hành soạn giáo án và tập giảng.

MT3: Vận dụng các lý thuyết về phương pháp giảng dạy tự tin khi đứng lớp.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể

H1: Ghi nhớ được kỹ năng đứng lớp

H2: Lý giải được sự khác biệt giữa kỹ năng và kỹ thuật trong giảng dạy

H3: Vận dụng thành thạo các kỹ thuật đứng lớp

H4: Thực hành thành thạo việc soạn giáo án đứng lớp cho 1 bài giảng

H5: Vận dụng được các bước dạy các kỹ năng tiếng khác nhau trong giảng dạy

H6: Rèn luyện cho sinh viên phát triển thái độ tích cực, tự tin khi giảng dạy cùng với khả năng giảng dạy và chuẩn bị cho các sinh viên yêu thích nghề dạy học bước vào nghề một cách vững vàng.

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C13	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5		x
H6		x

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	Phần 1: 1. Preview of the procedures of Teaching Practice 2. Techniques	8	[1], [2], [3] [4] (p.1-87)
2	Phần 2: Teaching listening	4	[1], [2], [3] [4] (p.70-76)
3	Phần 3: Teaching pronunciation & speaking	6	[1], [2], [3] [4] (p.79-89)
4	Phần 4: Teaching reading	4	[1], [2], [3] [4] (p.30-33)
5	Phần 5: Teaching writing	4	[1], [2], [3] [4] (p.100-111)
6	Phần 6: Teaching grammar	4	[1], [2], [3] [4] (p.52-64)

#### 5. Kế hoạch dạy học

Tuần/ buổi học/số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
<b>Tuần 1 (4 tiết)</b>	<b>Phần 1:</b> 1. Preview of the procedures of Teaching Practice 2. Techniques 2.1. Using the Board 2.2. Using Visual Aids 2.3. Using Worksheets 2.4. Eliciting 2.5. Using English in Class 2.6. Pair work and group work 2.7. Role Play	H1 H2 H3	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: SV tập viết giáo án và đứng lớp giảng dạy cho 1 tiết <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án cho 1 tiết đứng lớp <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Khả năng vận dụng thành thạo các kỹ thuật đứng lớp. Thực hành tại lớp
<b>Tuần 2 (4</b>	<b>Phần 1:</b> 2. Techniques	H1 H2	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp	



<b>tiết)</b>	2.4. Eliciting 2.5. Using English in Class 2.6. Pair work and group work 2.7. Role Play	H3	- PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: SV tập viết giáo án và đứng lớp giảng dạy cho 1 tiết <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án cho 1 tiết đứng lớp <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
<b>Tuần 3 (4 tiết)</b>	<b>Phần 2: Teaching listening</b> 8.1. Listening skills 8.2. Principles for teaching listening 8.3. Activities for listening practice and communication	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: thực hành bằng cách thao giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng nghe <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân qua 1 tiết giảng thực hành tại lớp
<b>Tuần 4 (2tiết)</b>	<b>Phần 2: Teaching pronunciation</b> 1. Teaching the sounds of English 2. Principles for teaching English sounds 3. Steps for Teaching and Practicing Sounds 4. Some activities for teaching sounds: 5. Stress in English and some activities for practicing stress 6 Teaching intonation	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: thực hành bằng cách thao giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho phát âm <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân qua 1 tiết giảng thực hành tại lớp
<b>Tuần 5 (4 tiết)</b>	<b>Phần 3: Teaching speaking</b> Principles for teaching speaking 9.3. Activities for speaking 9.4. Dialogues	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: thực hành bằng cách thao giảng	Đánh giá khả năng của cá nhân qua 1 tiết giảng thực hành tại lớp

			<b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng nói <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	
<b>Tuần 6 (4 tiết)</b>	<b>Phần 4: Teaching reading</b> 1. Presenting vocabulary 2. Reading activities 3. Using a reading text	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: thực hành bằng cách thao giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng đọc <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân qua 1 tiết giảng thực hành. Thực hành tại lớp
<b>Tuần 7 (4 tiết)</b>	<b>Phần 5: Teaching writing</b> 1. The process of writing 2. The progression of writing 3. Kinds of writing 4. Principles for teaching writing 5. Feedback in writing 6. Exercises and activities for teaching	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: thực hành bằng cách thao giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng viết <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân qua 1 tiết giảng thực hành tại lớp
<b>Tuần 8 (4 tiết)</b>	<b>Phần 6: Teaching grammar</b> 1. Methods of teaching grammar 2. Principles for teaching grammar 3. Steps for introducing grammar structures 4. Examples of grammar teaching	H1 H2 H3 H4 H5	<b>Phương pháp dạy học:</b> - PP thảo luận trên lớp - PP gợi mở -vấn đáp - PP ôn tập <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Thực hành: thực hành bằng cách thao giảng <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Soạn giáo án 1 tiết đứng lớp cho kỹ năng viết <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Đánh giá khả năng của cá nhân qua 1 tiết giảng thực hành tại lớp

### 6.1. Giáo trình học phần

- [1] Tiếng Anh 10
- [2] Tiếng Anh 11
- [3] Tiếng Anh 12

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

- [4] Khoa Ngoại Ngữ (2007). Phương Pháp Giảng Dạy Tiếng Anh 2 Giáo trình nội bộ
- [5] David Cross (2005). A practical handbook of language teaching, Prentice Hall
- [6]. Harmer.J (1996) *The practice of English Language Teaching*. Longman Group Limited
- [7]. Nelson (1991). *At the Chalkface*. Edward Arnold Ltd.
- [8]. Roger Gover et al (2005) *Teaching Practice*. Macmillan Education
- [9]. Nguyen Bang et al (2003). *English Language Teaching Method*. Hanoi
- [10]. Tạ Tiên Hùng & Nguyễn Văn Độ.(1994) *Methodology HandBook for VietNam*. Hanoi

### 7. Nhiệm vụ của sinh viên

#### 7.1. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- + Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu cho các bài thực hành
- + Sinh viên thực hiện đầy đủ các bài tập cá nhân được giao

#### 7.2. Phần thực hành:

Sinh viên tham gia 100% số tiết thực hành

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

#### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 0%; Trọng số thực hành học phần: 100%

#### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm thực hành

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ %
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài	H1 H2 H3 H4 H5	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên- giáo án cho các bài trong sách giáo khoa Tiếng Anh 10, 11 & 12	H1 H2 H3 H4 H5	20%
3	Thực hành	Đánh giá mức độ thành thạo các kỹ năng thực hành của sinh viên, đánh giá kết quả của sinh			70%

		viên			
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm thực hành			100%

*Ngày tháng năm 2020*

**Trưởng Khoa**

**Trưởng bộ môn**

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Nguyễn Lệ Hằng**

**ThS. Nguyễn Lệ Hằng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: THỰC HÀNH KĨ NĂNG SƯ PHẠM**  
**Mã học phần: SP213031**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 01; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 01.

Loại môn học: Bắt buộc.

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần song hành: Không

Học phần học trước: Giáo dục học phổ thông

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

1. TS. Vũ Minh Chiến <mailto:lqhung@ttn.edu.vn>; ĐT: 0835139539;

Email: [vmchien@ttn.edu.vn](mailto:vmchien@ttn.edu.vn)

2. ThS. Lê Thị Thúy An;

ĐT: 0945003747;

Email: [lttan@ttn.edu.vn](mailto:lttan@ttn.edu.vn)

3. PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng; ĐT: 0914111101;

Email: [nguyenthanhhung@ttn.edu.vn](mailto:nguyenthanhhung@ttn.edu.vn)

4. Giảng viên phụ trách công tác rèn luyện NVSP hoặc giảng viên dạy học phần Lí luận và PPDH Bộ môn ở các chuyên ngành đào tạo sư phạm.

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm các hoạt động thực hành kĩ năng dạy học bằng phương pháp dạy học vi mô, kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục, kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm khoa học nhằm bồi dưỡng và nâng cao năng lực nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên. Hình thành năng lực dạy học, năng lực giáo dục và năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp cho sinh viên sư phạm.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần**

MT1. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kĩ năng dạy học, kĩ năng giáo dục và kĩ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với cấp học.

MT2. Có thái độ tích cực đối với hoạt động rèn nghề. Chủ động tham gia các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Bước đầu hình thành tình cảm và lí tưởng nghề nghiệp.

MT3. Hình thành và phát triển kĩ năng dạy học, kĩ năng giáo dục cơ bản và kĩ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm phù hợp với cấp học.

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

H1. Trình bày được kiến thức cơ bản về hệ thống năng lực sư phạm của người giáo viên phù hợp cấp học.

H2. Soạn thảo được kế hoạch dạy học cho hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm phù hợp cấp học.

H3. Thực hiện được các kĩ năng dạy học, kĩ năng giáo dục và hoạt động trải nghiệm đã soạn thảo.

H4. Có phương pháp làm việc khoa học, tự chủ và tự học trong việc tự rèn luyện kĩ năng sư phạm cho bản thân và cho nhóm.

H5. Chủ động, tích cực trong học tập, tích cực tìm hiểu thực tế giảng dạy và giáo dục ở trường phổ thông, yêu thích nghề dạy học và có định hướng phát triển nghề nghiệp.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C13	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	x

H5					x
<b>4. Cấu trúc học phần</b>					
TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập		
1	<p><i>Chương 1: Thực hành kỹ năng dạy học cơ bản thông qua áp dụng phương pháp dạy học (10 tiết)</i></p> <p>1.1. Kỹ năng trình bày bảng 1.2. Kỹ năng tổ chức học tập theo nhóm 1.3. Kỹ năng mở đầu bài dạy (dẫn nhập) 1.4. Kỹ năng diễn đạt, thể hiện ngữ âm, ngữ điệu và tốc độ nói 1.5. Kỹ năng quản lý lớp học 1.6. Kỹ năng dự giờ, rút kinh nghiệm</p>	TH: 10 tiết	[1], [6].		
2	<p><i>Chương 2: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục (10 tiết)</i></p> <p>2.1. Kỹ năng cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp 2.2. Kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm (tuần, tháng, học kỳ, năm học) 2.3. Kỹ năng thiết kế và tổ chức giờ sinh hoạt đầu tuần, cuối tuần 2.4. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động lao động 2.5. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động theo chủ điểm 2.6. Kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh 2.7. Kỹ năng thiết kế và tổ chức các buổi họp hội phụ huynh học sinh</p>	TH: 10 tiết	[1], [6].		
3	<p><i>Chương 3: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS (10 tiết)</i></p> <p>3.1. Kỹ năng xác định các chu trình trải nghiệm 3.2. Kỹ năng xác định dạng hoạt động trong mỗi pha của chu trình trải nghiệm 3.3. Kỹ năng thiết kế tiến trình hoạt động trải nghiệm 3.4. Kỹ năng thiết kế các tiêu chí và bộ công cụ kiểm tra, đánh giá học sinh trong hoạt động trải nghiệm 3.5. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh</p>	TH: 10 tiết	[2], [3], [4], [5].		
<b>5. Kế hoạch và phương pháp dạy học</b>					
Buổi/số tiết	Nội dung	CDR HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá	
2,5/4	<p><i>Chương 1: Thực hành kỹ năng dạy học cơ bản thông qua áp dụng phương pháp dạy học</i></p> <p>1.1. Kỹ năng trình bày bảng 1.2. Kỹ năng tổ chức học tập theo nhóm 1.3. Kỹ năng mở đầu bài giảng 1.4. Kỹ năng diễn đạt, thể hiện ngữ âm, ngữ điệu và tốc độ nói 1.5. Kỹ năng quản lý lớp học 1.6. Kỹ năng dự giờ, rút kinh nghiệm</p>	H1 H2 H3	<p><i>PP dạy học:</i> PP thực hành, PP thảo luận nhóm, rèn luyện. <i>Hình thức tổ chức DH:</i> - GV khái quát nội dung, làm mẫu, xem clip mẫu - SV thực hành. <i>Yêu cầu sinh viên:</i> - Ghi chép, thực hành, thảo luận, rút kinh nghiệm. <i>Địa điểm học:</i> - Trung tâm KNSP - Trường THPT TH</p>	<p>- Liệt kê các bài đánh giá liên quan - Hình thức đánh giá của từng bài: + Bài thiết kế thực hành (bản cứng). + Mỗi cá nhân thực hành kỹ năng đã rèn luyện.</p>	

Buổi/ số tiết	Nội dung	CDR HP	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
			Cao Nguyên, Mầm non thực hành 11-11. - ...	
2,5/4	<p><i>Chương 2: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục</i></p> <p>2.1. Kỹ năng cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp</p> <p>2.2. Kỹ năng lập kế hoạch chủ nhiệm (tuần, tháng, học kỳ, năm học)</p> <p>2.3. Kỹ năng thiết kế và tổ chức giờ sinh hoạt đầu tuần, cuối tuần</p> <p>2.4. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động lao động</p> <p>2.5. Kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động theo chủ điểm</p> <p>2.6. Kỹ năng phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh</p> <p>2.7. Kỹ năng thiết kế và tổ chức các buổi họp hội phụ huynh học sinh</p>	H1 H2 H3	<p><i>PP dạy học:</i></p> <p>PP thực hành, PP thảo luận nhóm, rèn luyện.</p> <p><i>Hình thức tổ chức</i></p> <p><i>DH:</i></p> <p>- GV khái quát nội dung, làm mẫu, xem clip mẫu</p> <p>- SV thực hành.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <p>- Ghi chép, thực hành, thảo luận, rút kinh nghiệm.</p> <p><i>Địa điểm học:</i></p> <p>- Trung tâm KNSP</p> <p>- Trường THPT TH Cao Nguyên, Mầm non thực hành 11-11.</p> <p>- ...</p>	<p>- Liệt kê các bài đánh giá liên quan</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài thiết kế thực hành (bản cứng).</p> <p>+ Mỗi cá nhân thực hành kỹ năng đã rèn luyện.</p>
2,5/4	<p><i>Chương 3: Thực hành kỹ năng thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm cho HS</i></p> <p>3.1. Kỹ năng xác định các chu trình trải nghiệm</p> <p>3.2. Kỹ năng xác định dạng hoạt động trong mỗi pha của chu trình trải nghiệm</p> <p>3.3. Kỹ năng thiết kế tiến trình hoạt động trải nghiệm</p> <p>3.4. Kỹ năng thiết kế các tiêu chí và bộ công cụ kiểm tra, đánh giá học sinh trong hoạt động trải nghiệm</p> <p>3.5. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh</p>	H1 H2 H3	<p><i>PP dạy học:</i></p> <p>PP thực hành, PP thảo luận nhóm, rèn luyện.</p> <p><i>Hình thức tổ chức</i></p> <p><i>DH:</i></p> <p>- GV khái quát nội dung, làm mẫu, xem clip mẫu</p> <p>- SV thực hành.</p> <p><i>Yêu cầu sinh viên:</i></p> <p>- Ghi chép, thực hành, thảo luận, rút kinh nghiệm.</p> <p><i>Địa điểm học:</i></p> <p>- Trung tâm KNSP</p> <p>- Trường THPT TH Cao Nguyên, Mầm non thực hành 11-11.</p> <p>- ...</p>	<p>- Liệt kê các bài đánh giá liên quan</p> <p>- Hình thức đánh giá của từng bài:</p> <p>+ Bài thiết kế thực hành (bản cứng).</p> <p>+ Mỗi cá nhân thực hành kỹ năng đã rèn luyện.</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phân

[1]. Phạm Trung Thành (2006), *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Nhà xuất bản ĐHSP Hà Nội.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp*, Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), *Tài liệu tập huấn hướng dẫn thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (trong chương trình giáo dục phổ thông 2018)*, Hà Nội.

[4]. Tường Duy Hải (đồng chủ biên) (2017), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học vật lí*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5]. Nguyễn Thị Liên (chủ biên), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6]. Phạm Trung Thành (2008), *Bài tập rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nhà xuất bản ĐHSPT Hà Nội.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên

### 7.1. Phần thực hành, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị trước (ở nhà) cơ sở lí thuyết
- Thực hiện các bài thực hành trên lớp

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

- Rèn luyện thường xuyên tại nhà, tại Trung tâm KNSP, tại các giảng đường và Trường THPT TH Cao Nguyên; Trường Mầm non thực hành 11-11; ....

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi thực hành kết thúc học phần: 70%.

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỉ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR HP	Tỉ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực rèn luyện, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ thực hành lớp, việc chuẩn bị bài, rèn luyện thường xuyên ở nhà, ở trường.	H4 H1 H2 H3	30%
2	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3	30%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về thái độ, kỹ năng sư phạm của sinh viên sau khi trải qua một quá trình luyện tập.	Quan sát, đánh giá mức độ hoàn thành, thuần thục kỹ năng đã rèn luyện của sinh viên bằng bài thực hành.	H1 H2 H3	40%
Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%



**8.3. Thi kết thúc học phần**

<i>Mục đích</i>	<i>Phương pháp kiểm tra đánh giá</i>	<i>CDR học phần</i>
Đánh giá mức độ đạt được kỹ năng sau quá trình thực hành, rèn luyện hệ thống kỹ năng sư phạm trong học phần này, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào mức độ thuần thục kỹ năng của sinh viên.	Thi thực hành.	H1, H2, H3

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**Trưởng khoa**

**Trung tâm KNSP**

**PGS.TS. Nguyễn Thanh Hưng**

**TS. Vũ Minh Chiến**

**TS. Vũ Minh Chiến**  
**ThS. Lê Thị Thúy An**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: KIẾN TẬP SƯ PHẠM**  
**Mã học phần: FL216820**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 02

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: 0

Học phần học trước: Giáo dục học phổ thông – SP211024

Học phần tiên quyết: 0

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Kiến tập sư phạm là một trong những học phần thuộc về nhóm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngành sư phạm Tiếng Anh. Trong thời gian này sinh viên thực hành tại trường phổ thông. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về trường, lớp nơi được phân công về kiến tập bao gồm các nội dung sau: công tác chủ nhiệm, dự giờ giảng của các giáo viên phổ thông, tập dượt nghiên cứu khoa học giáo dục. Ngoài ra, thông qua học phần Kiến tập sư phạm sinh viên nhận thức được vai trò của hoạt động học tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời, đồng thời tiếp cận được các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ ở các trường phổ thông.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần****3.1. Mục tiêu học phần**

Học phần Kiến tập sư phạm sẽ

MT1: củng cố và phát triển hiểu biết về nhà trường trung học phổ thông, hoạt động dạy học của giáo viên, việc tổ chức lớp học, hiểu biết nội dung, phương pháp tổ chức dạy học

MT2: phát triển kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp, nâng cao nhận thức vai trò và nhiệm vụ của giáo viên.

MT3: phát triển kỹ năng tự đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình kiến tập, kỹ năng giao tiếp với học sinh, giáo sinh, giáo viên, cán bộ viên chức, phụ huynh học sinh trong trường, kỹ năng xử lý các tình huống sư phạm

MT4: giúp sinh viên nhiệt tình hơn, có tinh thần ý thức tổ chức kỷ luật, có thái độ khiêm tốn hòa nhã, có tinh thần tự học hỏi, cầu tiến tận tâm với công việc

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi tham gia học phần Kiến tập sư phạm người học có khả năng:

H1: hiểu biết về nhà trường trung học phổ thông, hoạt động dạy học của giáo viên, việc tổ chức lớp học, hiểu biết nội dung, phương pháp tổ chức dạy học

H2: Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu tình hình trường, củng cố và lĩnh hội sâu sắc hơn những kiến thức này.

H3: có kỹ năng công tác chủ nhiệm lớp, tham gia các hoạt động xã hội, tự đánh giá rút kinh nghiệm, giao tiếp ứng xử trong môi trường giáo dục

H4: Vận dụng các lý thuyết về phương pháp giảng dạy trong việc tự bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn.

H5: Hình thành, phát triển tình cảm, ý thức trách nhiệm; trau dồi kinh nghiệm nghề nghiệp.

**3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C10	C14
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	x
H5		x

#### 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1.	<b>1. Giai đoạn tìm hiểu:</b> - Dự buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần và ra mắt học sinh - Nghe các báo cáo + Thực tế địa phương, nơi trường PTTH tọa lạc + Tình hình cơ cấu tổ chức và các hoạt động của trường + xây dựng kế hoạch kiến tập	1 tuần	
2.	<b>2. Giai đoạn thực hiện</b> - Dự giờ chủ nhiệm và chuyên môn - Xây dựng công tác chủ nhiệm - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt đoàn,.. - Tham dự các buổi họp của bộ môn, đoàn thực tập,.. - Tham gia các hoạt động giáo dục học sinh cá biệt, phụ đạo các học sinh yếu....	1 tuần	
3.	<b>3. Giai đoạn kết thúc</b> - Viết và thông qua báo cáo tổng kết cá nhân - Hoàn tất các hồ sơ thực tập cá nhân - Họp rút kinh nghiệm qua đợt thực tập - Dự lễ tổng kết Kiến tập sư phạm	1 tuần	

#### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Theo sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và chuyên môn. Sinh viên thực tập (giáo sinh) cần phải thực hiện các nội dung sau:

- nghe báo cáo: Báo cáo của ban giám hiệu, tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Đoàn TNCSHCM, cán bộ, giáo viên phụ trách các hoạt động của trường.
- dự giờ chuyên môn, các tiết sinh hoạt của lớp chủ nhiệm.
- tham gia họp tổ chuyên môn.
- tổ chức sinh hoạt lớp.
- tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động xã hội (nếu được phép)
- Viết báo cáo kiến tập sư phạm gồm các nội dung sau:
  - Thông tin cá nhân
  - Cơ cấu tổ chức của trường
  - Tình hình học sinh
  - Cơ sở vật chất
  - Kế hoạch dự giờ giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm và chuyên môn
  - Các hoạt động diễn ra trong các tiết dự giờ cùng với nhận xét của bản thân

#### 6. Tài liệu học tập

- [1]. Giáo trình nội bộ: *Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 1*. Khoa Ngoại ngữ biên soạn
- [2]. Nguyễn Ngọc Bảo, Hà Thị Đức.(1998) *Hoạt động dạy học ở trường THCS*. NXBGD
- [3]. Vũ Văn Dân (1997). *Chỉ dẫn thực tập sư phạm*. ĐHSPT Quy Nhơn
- [4]. Hà Nhật Thăng(2001). *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*. NXBGD
- [5]. Hà Nhật Thăng & Lê Tiên Hùng (1997) *Tổ chức hoạt động giáo dục*. NXBGD
- [6]. SGK Tiếng Anh lớp 10, 11, 12

#### 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

##### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Tham dự 100% thời gian kiến tập tại trường nơi được phân công thực tập.

##### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: dự giờ chủ nhiệm và chuyên môn

7.3. *Phần bài tập lớn, tiểu luận*: Viết báo cáo cuối đợt thực tập

7.4. *Phần khác (nếu có)*: tham gia các hoạt động của trường nơi thực tập

7.5. *Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu*: Sinh viên tự đọc tài liệu và vận dụng vào thực tiễn

### 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1.	Tinh thần, thái độ tác phong	Đánh giá mức độ tham gia các hoạt động giáo dục tại trường phổ thông	Đánh giá thông qua điểm danh, theo dõi việc chuẩn bị giáo án, lên kế hoạch và tham gia dự họp của sinh viên	H5 H6	15%
2.	Công tác chủ nhiệm	Đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp sinh viên	Đánh giá thông qua quan sát kế hoạch hoạt động	H1 H2 H3 H4	40%
3.	Công tác chuyên môn	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ dự giờ giảng dạy chuyên môn của sinh viên	Đánh giá thông qua biên bản dự giờ quan sát giờ dạy (6 tiết)	H1 H2 H3 H4	30%
4.	Bài báo cáo	Đánh giá mức độ trình bày nội dung các hoạt động trong thời gian thực tập	Bài báo cáo	H1 H2 H3 H4	15%
		Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

Điểm đánh giá được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim  
Phượng**

**ThS. Nguyễn Lệ Hằng**

**ThS Hoàng Thị Xuân**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP SỰ PHẠM**  
**Mã học phần: FL216821**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 05; Số tín chỉ lí thuyết: 0; Số tín chỉ thực hành: 05.

Loại môn học: Bắt buộc

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: Không.

Học phần học trước: Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên- FL216715

Học phần tiên quyết: Không

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Thực tập sư phạm là một trong những học phần thuộc về nhóm rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ngành sư phạm Tiếng Anh. Trong thời gian này sinh viên thực hành kiến thức về các môn chuyên ngành, kiến thức về khoa học giáo dục đã được học. Sinh viên có cơ hội tìm hiểu về trường, lớp nơi được phân công về thực tập bao gồm các nội dung sau: công tác chủ nhiệm, dự giờ giảng của các giáo viên phổ thông, tập giảng và thực hiện giảng một số tiết có đánh giá, tập dượt nghiên cứu khoa học giáo dục. Sinh viên thực tập tại trường phổ thông 7 tuần và được xem là thành viên của trường, chịu sự quản lý, phân công của trường nơi thực tập. Ngoài ra, thông qua học phần Thực tập sư phạm sinh viên nhận thức được vai trò của hoạt động tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời, đồng thời tiếp cận được các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ ở các trường phổ thông.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Người học sẽ

MT1: có thể hệ thống hóa kiến thức về nghiệp vụ sư phạm bao gồm cơ cấu tổ chức, quản lý và hoạt động của trường phổ thông; củng cố kiến thức chuyên môn và có hiểu biết tổng quát về khoa học giáo dục

MT2: phát triển kỹ năng vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy; phát triển các kỹ năng quản lý học sinh, dự giờ đánh giá.

MT3: phát triển kỹ năng sống và giao tiếp xã hội trong điều kiện làm việc thực tế với học sinh, đồng nghiệp và phụ huynh.

MT4: Có kỹ năng học tập suốt đời để tự nâng cao trình độ, phục vụ tốt cho nghề nghiệp

MT5: Nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng đất nước; nắm vững quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên. Có ý thức trách nhiệm và bồi dưỡng kinh nghiệm nghề nghiệp.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi hoàn tất thực tập sư phạm người học có khả năng:

H1: Có kiến thức về nghiệp vụ sư phạm bao gồm cơ cấu tổ chức, quản lý và hoạt động của trường phổ thông; củng cố kiến thức chuyên môn và có hiểu biết tổng quát về khoa học giáo dục.

H2: Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các lý thuyết vào thiết kế các các hoạt động giáo dục tại các trường phổ thông.

H3: Vận dụng các kỹ năng về tâm lý giáo dục và lý luận dạy học vào thực tiễn.

H4: Phát triển kỹ năng giao tiếp, quản lý học sinh, dự giờ, đánh giá, hỗ trợ học sinh.

H5: Nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp xây dựng đất nước; nắm vững quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của giáo viên.

H6: Chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học và từ đó phấn đấu trở thành người giáo viên giỏi.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C17	C18
h1	X	
h2	X	
h3	X	
h4	X	
h5		X
h6		X

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1.	<p><b>1. Giai đoạn tìm hiểu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần và ra mắt học sinh</li> <li>- Nghe các báo cáo</li> <li>- Gặp gỡ giáo viên hướng dẫn chủ nhiệm và lớp chủ nhiệm</li> <li>- gặp giáo viên hướng dẫn chuyên môn và nhận nhiệm vụ chuyên môn</li> <li>- Họp nhóm xây dựng kế hoạch chủ nhiệm, dự giờ và giảng dạy</li> <li>- Dự giờ chủ nhiệm và chuyên môn</li> </ul>	1 tuần	
2.	<p><b>2. Giai đoạn thực hiện</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự giờ chủ nhiệm và chuyên môn.</li> <li>- Dự giờ các sinh viên cùng nhóm</li> <li>- Soạn giáo án chủ nhiệm và giáo án chuyên môn</li> <li>- Tập giảng</li> <li>- Thiết kế đồ dùng dạy học</li> <li>- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt đoàn,..</li> <li>- Tham dự các buổi họp của bộ môn, đoàn thực tập,..</li> <li>- Tham gia các hoạt động giáo dục học sinh cá biệt, phụ đạo các học sinh yếu....</li> </ul>	5 tuần	
3.	<p><b>3. Giai đoạn kết thúc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viết và thông qua nhóm báo cáo cá nhân</li> <li>- Hoàn tất các hồ sơ thực tập cá nhân</li> <li>- Họp rút kinh nghiệm qua đợt thực tập</li> <li>- Dự lễ tổng kết Thực tập sư phạm</li> </ul>	1 tuần	

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Theo sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và chuyên môn tại trường phổ thông

5.1 Thực tập giáo dục

Sinh viên thực tập (giáo sinh) cần phải:

- phối hợp với sinh viên trong nhóm chủ nhiệm lập kế hoạch chung, lập kế hoạch cá nhân trong cả đợt, và từng phần. Bản kế hoạch này được giáo viên hướng dẫn duyệt và ký tên trước khi thực hiện.
- Hướng dẫn các hoạt động xã hội, công tác ngoại khóa khác.

5.2 Thực tập giảng dạy

Chuẩn bị bài giảng, lên lớp, rút kinh nghiệm giờ giảng, sinh viên thực tập (giáo sinh) cần phải:

- nghe báo cáo về chủ trương, biện pháp về cải tiến phương pháp giảng dạy của giáo viên trong trường.
- lập kế hoạch giảng dạy cả đợt, kế hoạch hàng tuần: nội dung, biện pháp, và chỉ tiêu phân đầu hoàn thành trong từng giai đoạn.
- Dự giờ tất cả giờ dạy của giáo viên hướng dẫn, của giáo sinh thuộc nhóm chuyên ngành
- nghiên cứu chương trình, tài liệu, kết hợp trao đổi nhóm chuyên môn, soạn giáo án. Bài soạn phải được giáo viên hướng dẫn nhận xét và ký duyệt 2 ngày trước khi giáo sinh lên lớp. Trước khi lên lớp cần dạy thử, có các bạn cùng nhóm dự để góp ý cho nhau.

### 5.3 Viết báo cáo

#### 5.3.1 Phần 1: Những vấn đề chung về TTSP

- Thông tin cá nhân
- Cơ cấu tổ chức của trường
- Tình hình học sinh
- Cơ sở vật chất

#### 5.3.2 Phần 2: Công tác thực tập giáo dục

- Những phổ biến của giáo viên hướng dẫn, của đoàn TTSP, của nhóm chủ nhiệm về công tác chủ nhiệm.
- Kế hoạch công tác giáo dục của nhóm và cá nhân.
- Kết quả và nhận xét, đánh giá công tác giáo dục của nhóm và cá nhân.
- Giáo án chủ nhiệm; kế hoạch thực tập giáo dục.

#### 5.3.3 Phần 3: Công tác thực tập giảng dạy

- Tìm hiểu chương trình, kế hoạch giảng dạy bộ môn.
- Tìm hiểu nội dung và phương pháp dạy học.
- Những hướng dẫn của tổ chuyên môn và giáo viên hướng dẫn.
- Kế hoạch thực tập giảng dạy.
- Kế hoạch dự giờ giáo viên, giáo sinh cùng nhóm.

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

- [1]. Giáo trình giảng dạy Tiếng Anh 1. Khoa Ngoại ngữ biên soạn
- [2]. Giáo trình giảng dạy Tiếng Anh 2. Khoa Ngoại ngữ biên soạn
- [3]. Giáo trình giảng dạy Tiếng Anh 3. Khoa Ngoại ngữ biên soạn
- [4]. Giáo trình giảng dạy Tiếng Anh 4. Khoa Ngoại ngữ biên soạn
- [5]. Hà Nhật Thăng (2001). *Công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường phổ thông*. NXBGD
- [6]. Hà Nhật Thăng & Lê Tiến Hùng (1997) *Tổ chức hoạt động giáo dục*. NXBGD
- [7]. SGK Tiếng Anh lớp 10, 11, 12.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Tham dự 100% thời gian thực tập tại trường nơi được phân công thực tập.

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: dự giờ chủ nhiệm và chuyên môn và dạy các tiết đánh giá

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: Viết báo cáo cuối đợt thực tập

### 7.4. Phần khác (nếu có): tham gia các hoạt động của trường nơi thực tập

### 7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu: Sinh viên tự đọc tài liệu và vận dụng vào thực tiễn

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1.	Tinh thần, thái độ tác	Đánh giá mức độ tham gia các hoạt động giáo dục tại trường phổ	Đánh giá thông qua điểm danh, theo dõi việc chuẩn bị giáo án, lên kế	H5 H6	15%

	phong	thông	hoạch và tham gia dự họp của sinh viên		
2.	Công tác chủ nhiệm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ thực hiện công tác chủ nhiệm lớp sinh viên	Đánh giá thông qua quan sát kế hoạch hoạt động (4 tiết)	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b>	30%
3.	Công tác chuyên môn	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ thực hiện công tác giảng dạy chuyên môn của sinh viên	Đánh giá thông qua dự giờ quan sát giờ dạy (6 tiết dạy)	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b>	40%
4.	Bài báo cáo	Đánh giá mức độ trình bày nội dung các hoạt động trong thời gian thực tập	Bài báo cáo	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b>	15%
		Tổng tỉ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

Điểm đánh giá được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*

**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Nguyễn Lệ Hằng**

**ThS Hoàng Thị Xuân**



**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: GIẢNG DẠY TIẾNG ANH NHƯ MỘT NGÔN NGỮ QUỐC TẾ**  
**Mã học phần: FL215101**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Phượng; Số điện thoại: 0914.072.766;

Email: ntkphuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế là học phần tự chọn trong nhóm các học phần tốt nghiệp thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế dành cho sinh viên ngành Sư phạm tiếng Anh. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên một cái nhìn tổng quát về các vấn đề trong giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế (EIL) trong bối cảnh Việt nam, khu vực và quốc tế. Nội dung học phần bao gồm một số chủ đề như đặc điểm của một ngôn ngữ quốc tế; hiện tượng toàn cầu hóa tiếng Anh, các biến thể của tiếng Anh (varieties). Đặc biệt, học viên sẽ nghiên cứu ảnh hưởng của những hiện tượng trên đối với vị trí, vai trò của giáo viên, quá trình xây dựng chương trình, phát triển tư liệu giảng dạy, lựa chọn phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, cũng như các chính sách về việc dạy và học tiếng Anh ở Việt Nam. Ngoài việc trang bị kiến thức, quá trình “học thông qua thực hành” còn tạo cơ hội cho học viên phát triển tính chủ động trong học tập; năng lực ngôn ngữ và các kỹ năng khác như hợp tác, ứng dụng, giải quyết vấn đề, xử lý thông tin, v.v.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần:* Học phần Giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế trang bị cho sinh viên

MT1. kiến thức về các đặc điểm của những mô hình tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ và kỹ năng nhận diện chúng

MT2. kiến thức về các biến thể về từ vựng, phát âm của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ và kỹ năng nhận diện chúng

MT3. kiến thức về đặc điểm của các biến thể về hình thái của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ và kỹ năng nhận diện chúng

MT4. kiến thức về đặc điểm của các biến thể về cú pháp, chính tả của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ và kỹ năng nhận diện chúng

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Giảng dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế, sinh viên có khả năng

H1. phân biệt các mô hình tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ

H2. phân biệt các biến thể về từ vựng, phát âm của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ

H3. phân biệt các biến thể về hình thái của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ

H4. phân biệt các biến thể về cú pháp, chính tả của tiếng Anh ở các nước mà tiếng Anh được sử dụng như tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ thứ nhất, ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ

H5. nắm vững các công cụ, các hoạt động, các kỹ thuật giảng dạy để vận dụng trong những môi trường giảng dạy đa dạng, có tính quốc tế trong tương lai

### 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C12	C13
H1	X	
H2	X	
H3	X	
H4	X	X
H5		X

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter 1. Standard English in the world</b> 1.1. Models of English 1.2. The spread of English 1.3. The nature of native overseas Englishes	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Chapter 1. Standard English in the world [2] Chapter 11: Standardisation
2	<b>Chapter 2. English, Australasian, South African and Welsh English</b> 2.1. The RP accent 2.2. Australian, New Zealand, and South African English 2.3. Welsh English	LT: 4 tiết BT: 4 tiết	[1] Chapter 2. English, Australasian, South African and Welsh English
3	<b>Chapter 3. English and North American English: grammatical, orthographical and lexical differences</b> 3.1. Grammatical differences 3.2. Spelling and punctuation differences 3.3. Vocabulary differences	LT: 2 tiết BT: 4 tiết	[1] Chapter 3. English and North American English: grammatical, orthographical and lexical differences; Chapter 4. English and North American English [2] Chapter 10: Dialects in British English
4	<b>Chapter 4. Second language varieties of English</b> 4.1. West African English 4.2. East African English 4.3. Indian English 4.4. Singaporean English 4.5. English in the Philippines	LT: 2 tiết BT: 6 tiết	[1] Chapter 6. Second language varieties of English; Chapter 8. Varieties of English [2] Chapter 12: World Englishes

## 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1+2/ 8	<b>Chapter 1. Standard English in the world</b> 1.1. Models of English 1.2. The spread of English 1.3. The nature of native overseas Englishes	H1 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: So sánh các mô hình phân loại tiếng Anh trên thế giới; Đánh giá sự thay đổi về bản chất của tiếng Anh ở các nước sử dụng tiếng Anh khác + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi - Thảo luận nhóm + Địa điểm học: Giảng đường	+ Báo cáo của nhóm trước lớp
3+4+5/10	<b>Chapter 2. English, Australasian, South African and Welsh English</b> 2.1. The RP accent 2.2. Australian, New Zealand, and South African English 2.3. Welsh English	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thực hành (nhóm): + Các đặc điểm của giọng Anh phổ thông + Các đặc điểm của tiếng Anh ở Australia, New Zealand, Nam Phi, xứ Wales + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email
4+5/6	<b>Chapter 3. English and North American English: grammatical, orthographical and lexical differences</b> 3.1. Grammatical differences 3.2. Spelling and punctuation differences	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu sự khác biệt về hình thái và cú pháp của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ + So sánh sự khác biệt về cách viết, dấu câu của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ + Đánh giá sự khác biệt về từ vựng của tiếng Anh – Anh và tiếng Anh – Mỹ + Yêu cầu sinh viên:	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp

	3.3. Vocabulary differences		- Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	
5+6+7/8	<b>Chapter 4. Second language varieties of English</b> 4.1. West African English 4.2. East African English 4.3. Indian English 4.4. Singaporean English 4.5. English in the Philippines	H1 H2 H3 H4 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: + Tìm hiểu đặc trưng của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippin + Đánh giá sự khác biệt của tiếng Anh được dùng như ngôn ngữ thứ hai tại Tây Phi, Đông Phi, Ấn Độ, Singapore, Philippine + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Trudgill, P. and Hannah, J. (2013). *International English*, Routledge, New York.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Jonathan Culpeper (2000) *History of English*, Routledge, London.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiên bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3 H4 H5	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng	Thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập	H1 H2 H3 H4	25%

		viên đề ra.	trên lớp của sinh viên	H5	
3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	25%
4	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Thông qua kiểm tra tự luận.	H1 H2 H3 H4 H5	30%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CDR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa**

**Trưởng Bộ môn**

*Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ThS. Nguyễn Lệ Hằng**

**ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: LÝ LUẬN GIẢNG DẠY TIẾNG ANH CHO TRẺ EM**  
**Mã học phần: FL215102**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02 ; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần:

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên : Họ và tên: Bùi Thị Tịnh; Số điện thoại: 0983146976

Email: [bttingh@ttn.edu.vn](mailto:bttingh@ttn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Lý luận giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em là học phần tự chọn nằm trong nhóm khoá luận, chuyên đề tốt nghiệp và học phần thay thế của ngành sư phạm Tiếng Anh. Học phần lý luận giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em giúp sinh viên phát triển kỹ năng giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em từ việc phân tích các tính cách, thái độ của trẻ em khi học một ngoại ngữ; giới thiệu, hướng dẫn cách quản lý và giúp đỡ trẻ em khi học một ngoại ngữ, cách tạo ra những hoạt động học ngoại ngữ phù hợp với trẻ em và cách đánh giá việc học ngoại ngữ của trẻ em.

Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên biết liên hệ so sánh, đối chiếu phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em với phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho người trưởng thành.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần lý luận giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em sẽ:

MT1. trang bị cho người học các kiến thức về tính cách và thái độ của trẻ em khi học một ngoại ngữ

MT2: cung cấp cho người học cách tạo ra những hoạt động học ngoại ngữ phù hợp với trẻ em và cách đánh giá việc học ngoại ngữ của trẻ em.

MT3. trang bị cho người học các kỹ năng về quản lý và giúp đỡ trẻ em khi học một ngoại ngữ.

MT4. trang bị cho người học các kỹ năng lập so sánh, đối chiếu phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em với phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho người trưởng thành.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

*Sau khi học xong học phần lý luận giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em, người học có khả năng:*

H1. hiểu biết và dự đoán được tính cách và thái độ của trẻ em khi học một ngoại ngữ.

H2. vận dụng lý thuyết để tạo ra những hoạt động học ngoại ngữ phù hợp với trẻ em.

H3. vận dụng lý thuyết để đánh giá việc học ngoại ngữ của trẻ em một cách hiệu quả.

H4. vận dụng thuần thục các kỹ năng quản lý trẻ em khi học một ngoại ngữ để đạt hiệu quả cao trong giờ học ngoại ngữ.

H5. vận dụng thuần thục các kỹ năng lập so sánh, đối chiếu.

*Sau khi học xong học phần quản lý lớp học và tổ chức các hoạt động dạy học ngoại ngữ, người học:*

H6. có nhận thức đúng về việc giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp.

H7. tích cực, sáng tạo trong quá trình học tập và có ý thức tự nghiên cứu nâng cao năng lực học tập của bản thân đồng thời mạnh dạn đổi mới phương pháp giảng dạy Tiếng Anh cho trẻ em.

## 3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C13	C21
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5		x
H6		x
H7		x

## 4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chương 1. Children learning English</b> 1.1. Contexts for learning English 1.2. Children as language learners 1.3. How teacher's beliefs about learning affect their teaching 1.4. Ways of observing children's language learning	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 1 – 14 [2] pages 1 - 6 [3] pages 12 - 17
2	<b>Chương 2. Pupils' attitudes to learning English</b> 2.1. Pupils' attitudes to learning English and what influences them 2.2. Finding out about pupils' attitudes 2.3. Ways of developing positive attitudes towards English 2.4. Teachers' attitudes to their own English	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 15 – 25 [2] pages 7 – 14 [3] pages 18 - 23
3	<b>Chương 3. Are All Children the Same?</b> 3.1. Teachers' experience of differences 3.2. Teacher's expectations of pupils 3.3. Strategies for responding to different needs	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 26 - 40 [2] pages 15 – 30 [3] pages 24 - 29
4	<b>Chương 4. Managing Pupils' Language Learning</b> 4.1. Kinds of classroom managers 4.2. Ways of developing a positive classroom atmosphere 4.2.1. creating a sense of security 4.2.2. developing pupils' self – esteem 4.2.3. developing teachers' self – esteem 4.3. Organizing pupils for language learning in pairs and groups	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 41 – 59 [2] pages 30 – 50 [3] pages 30 - 35
5	<b>Chương 5. Who Has Some Good News for Today?</b> 5.1. The purposes of teacher talk in the language classroom. 5.2. Some advantages and disadvantages of using English to teach English. 5.3. Developing classroom interaction strategies which create an environment supportive of risk – taking. 5.4. Teachers' concerns about communicating with pupils through English.	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 60 – 74 [2] pages 51 – 70 [3] pages 36 - 41
6	<b>Chương 6. Supporting Children's Language Learning</b>	LT: 2 tiết	[1] pages

	6.1. Support and how to provide it. 6.2. Ways of supporting children's language learning. 6.3. How to assess the support needed. 6.4. How to adjust and reduce support gradually. 6.5. Teachers' questions about providing appropriate support for young learners.	BT: 1 tiết	75 – 85 [2] pages 71 – 90 [3] pages 42 - 47
7	<b>Chương 7. Creating, Adapting and Evaluating Activities for Children Language Learning</b> 7.1. Teachers' views on creating their own materials. 7.2. How to analyze and evaluate activities. 7.3. How to select activities for language learning. 7.4. The benefits of adapting activities and of creating your own.	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 86 – 98 [2] pages 91 – 110 [3] pages 48 - 51
8	<b>Chương 8. Planning for Children's Language Learning</b> 8.1. Teachers' views on planning. 8.2. Decisions involved in planning lessons. 8.3. The content and organizing of a lesson plan. 8.4. A closer look at some of the steps in planning lessons.	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 99 – 117 [2] pages 111 – 130 [3] pages 52 - 55
9	<b>Chương 9. Using a cross – curricular for organizing language learning</b> 9.1. What is topic work? 9.2. How topics can be used as a basis for planning and organizing learning 9.3. How to organize topic work 9.4. The benefits and problems of using topic work	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 118 – 134 [2] pages 131 – 150 [3] pages 56 - 59
10	<b>Chương 10. Assessing learning and teaching</b> 10.1. What is assessment? 10.2. Pupils' views on assessment 10.3. The difference between on – going and overall assessment 10.4. How to carry out on – going assessment 10.5. Ways of getting pupils to assess themselves	LT: 2 tiết BT: 1 tiết	[1] pages 148 – 162 [2] pages 151 – 170 [3] pages 60 - 63

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Buổi học: 1 Số tiết: 3	<b>Chương 1. Children learning English</b> 1.1. Contexts for learning English 1.2. Children as language learners 1.3. How teacher's beliefs' about learning affect their teaching 1.4. Ways of observing children's language learning	H1 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: contexts for learning English, children as language learners, how	- Bài đánh giá Test yourself (contexts for learning English, children as language learners, how teacher's beliefs' about learning affect their teaching,



			<p>teacher's beliefs' about learning affect their teaching, ways of observing children's language learning</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>ways of observing children's language learning )</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 2 Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 2. Pupils' attitudes to learning English</b></p> <p>2.1. Pupils' attitudes to learning English and what influences them</p> <p>2.2. Finding out about pupils' attitudes</p> <p>2.3. Ways of developing positive attitudes towards English</p> <p>2.4. Teachers' attitudes to their own English</p>	<p>H1 H4 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: pupils' attitudes to learning English and what influences them, ways of developing positive attitudes towards English, teachers' attitudes to their own English</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (pupils' attitudes to learning English and what influences them, ways of developing positive attitudes towards English, teachers' attitudes to their own English)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 3 Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 3. Are All Children The Same?</b></p> <p>3.1. Teachers' experience of differences</p> <p>3.2. Teacher's expectations of pupils</p> <p>3.3. Strategies for responding to different needs</p>	<p>H2 H4 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: teachers' experience of differences, teacher's</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (teachers' experience of differences, teacher's expectations of pupils, strategies for responding to different needs)</p>

			<p>expectations of pupils, strategies for responding to different needs</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 4 Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 4. Managing Pupils' Language Learning</b></p> <p>4.1. Kinds of classroom managers</p> <p>4.2. Ways of developing a positive classroom atmosphere</p> <p>4.2.1. creating a sense of security</p> <p>4.2.2. developing pupils' self – esteem</p> <p>4.2.3. developing teachers' self – esteem</p> <p>4.3. Organizing pupils for language learning in pairs and groups</p>	<p>H2 H4 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: kinds of classroom managers, ways of developing a positive classroom atmosphere, organizing pupils for language learning in pairs and groups</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (kinds of classroom managers, ways of developing a positive classroom atmosphere, organizing pupils for language learning in pairs and groups)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 5 Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 5. Who Has Some Good News For Today?</b></p> <p>5.1. The purposes of teacher talk in the language classroom.</p> <p>5.2. Some advantages and disadvantages of using English to teach English.</p> <p>5.3. Developing classroom interaction strategies which create</p>	<p>H2 H4 H5 H6 H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: the purposes of teacher talk in the language classroom, some</li> </ul>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (the purposes of teacher talk in the language classroom, some advantages and disadvantages of using English to</p>

	<p>an environment supportive of risk – taking.</p> <p>5.4. Teachers’ concerns about communicating with pupils through English.</p>		<p>advantages and disadvantages of using English to teach English, developing classroom interaction strategies which create an environment supportive of risk – taking, teachers’ concerns about communicating with pupils through English.</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường</p>	<p>teach English, developing classroom interaction strategies which create an environment supportive of risk – taking, teachers’ concerns about communicating with pupils through English)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>
<p>Buổi học: 6</p> <p>Số tiết: 3</p>	<p><b>Chương 6.</b></p> <p><b>Supporting Children’s Language Learning</b></p> <p>6.1. Support and how to provide it.</p> <p>6.2. Ways of supporting children’s language learning.</p> <p>6.3. How to assess the support needed.</p> <p>6.4. How to adjust and reduce support gradually.</p> <p>6.5. Teachers’ questions about providing appropriate support for young learners.</p>	<p>H2</p> <p>H4</p> <p>H5</p> <p>H6</p> <p>H7</p>	<p><b>Phương pháp dạy học:</b></p> <p>PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe giảng do giảng viên trình bày</li> <li>- Thảo luận nhóm: ways of supporting children’s language learning, how to assess the support needed, how to adjust and reduce support gradually, teachers’ questions about providing appropriate support for young learners.</li> </ul> <p><b>Yêu cầu sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc tài liệu</li> <li>- Ghi chép</li> <li>- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận</li> <li>- Chuẩn bị thảo luận</li> </ul> <p><b>Địa điểm học:</b> - Giảng</p>	<p>- Bài đánh giá Test yourself (ways of supporting children’s language learning, how to assess the support needed, how to adjust and reduce support gradually, teachers’ questions about providing appropriate support for young learners.)</p> <p>-Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp</p>

			đường	
Buổi học: 7 Số tiết: 3	<b>Chương 7. Creating, Adapting and Evaluating Activities for Children Language Learning</b> 7.1. Teachers' views on creating their own materials. 7.2. How to analyze and evaluate activities. 7.3. How to select activities for language learning. 7.4. The benefits of adapting activities and of creating your own.	H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: teachers' views on creating their own materials, how to analyze and evaluate activities, how to select activities for language learning, the benefits of adapting activities and of creating your own. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (teachers' views on creating their own materials, how to analyze and evaluate activities, how to select activities for language learning, the benefits of adapting activities and of creating your own.) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 8 Số tiết: 3	<b>Chương 8. Planning For Children's Language Learning</b> 8.1. Teachers' views on planning. 8.2. Decisions involved in planning lessons. 8.3. The content and organizing of a lesson plan. 8.4. A closer look at some of the steps in planning lesson.	H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gọi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: teachers' views on planning, decisions involved in planning lessons, the content and organizing of a lesson plan, a closer look at some of the steps in planning lesson. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận	- Bài đánh giá Test yourself (teachers' views on planning, decisions involved in planning lessons, the content and organizing of a lesson plan, a closer look at some of the steps in planning lesson.) - Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp

			- Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	
Buổi học: 9 Số tiết: 3	<b>Chương 9. Using a cross – curricular for organizing language learning</b> 9.1. What is topic work? 9.2. How topics can be used as a basis for planning and organizing learning 9.3. How to organize topic work 9.4. The benefits and problems of using topic work	H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: topic work, how topics can be used as a basis for planning and organizing learning, how to organize topic work, the benefits and problems of using topic work. <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép - Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	- Bài đánh giá Test yourself (topic work, how topics can be used as a basis for planning and organizing learning, how to organize topic work, the benefits and problems of using topic work.) -Hình thức đánh giá của từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
Buổi học: 10 Số tiết: 3	<b>Chương 10. Assessing learning and teaching</b> 10.1. What is assessment? 10.2. Pupils’ views on assessment 10.3. The difference between on – going and overall assessment 10.4. How to carry out on – going assessment 10.5. Ways of getting pupils to assess themselves	H3 H4 H5 H6 H7	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp, PP gợi mở <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: what is assessment, pupils’ views on assessment, the difference between on – going and overall assessment, how to carry out on – going assessment, ways of getting pupils to assess themselves <b>Yêu cầu sinh viên:</b> - Đọc tài liệu - Ghi chép	- Bài đánh giá Test yourself (what is assessment, pupils’ views on assessment, the difference between on – going and overall assessment, how to carry out on – going assessment, ways of getting pupils to assess themselves -Hình thức đánh giá của

			- Chuẩn bị câu hỏi thảo luận - Chuẩn bị thảo luận <b>Địa điểm học:</b> - Giảng đường	từng bài: bằng bài viết nộp tại lớp
--	--	--	--	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Jayne Moon (2011), *Children Learning English*, Macmillan Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] William O'Grady (2009), *How Children Learn Language*, Cambridge University Press.

[3] Hana Svecova (2007), *Basic for children*, Oxford University Press.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.

- Chuẩn bị thảo luận

- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H6 H7	20%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4 H5	40%
3	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm.	H1 H2 H3 H4 H5	40%
			Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận		100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Phương pháp đánh giá: Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim  
Phượng****ThS. Nguyễn Lệ Hằng****ThS. Bùi Thị Tịnh**

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN TÀI LIỆU**  
**Mã học phần: FL213110**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: không

Học phần học trước: không

Học phần tiên quyết: không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên 1: Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Phượng; Số điện thoại: 0914.072.766;

Email: ntkphuong@ttn.edu.vn

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần Phát triển tài liệu thuộc khối kiến thức ngành, được thiết kế dành cho sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh. Đây là học phần tự chọn nhằm trang bị cho người học kiến thức về tầm quan trọng và sự đa dạng về hình thức của tài liệu, giáo trình môn tiếng Anh trong chương trình đào tạo nói chung, về các phương pháp và tiêu chí trong lựa chọn và phát triển giáo trình giảng dạy và tài liệu hỗ trợ cho việc dạy học môn tiếng Anh đối với các đối tượng người học khác nhau, đồng thời giúp người học nắm được các nguyên tắc và phương thức để đánh giá các tài liệu sẵn có trên bình diện lý thuyết và tính sư phạm và có khả năng sử dụng, kết hợp, cải tiến sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu chương trình, đối tượng người học, hoàn cảnh giảng dạy. Học phần bao gồm những khái niệm tổng quan về chọn lựa giáo trình, tài liệu giảng dạy và tài liệu hỗ trợ, mục tiêu và kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy sẵn có, mục tiêu và kỹ thuật thiết kế và xây dựng giáo trình điện tử trong học ngoại ngữ; các nguyên tắc trong lựa chọn tài liệu giảng dạy; các phương pháp và nguyên tắc trong cải tiến và thiết kế tài liệu, giáo trình; các nguyên tắc và phương pháp trong lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

**3.1. Mục tiêu học phần:** Học phần Phát triển tài liệu trang bị cho sinh viên

MT1. kiến thức tổng quan về giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ trong giảng dạy

MT2. kiến thức về mục tiêu và các nguyên tắc trong lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ

MT3. kiến thức về mục tiêu và các kỹ thuật trong điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ

MT4. kiến thức về các nguyên tắc và phương pháp lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo

MT5. kiến thức và kỹ năng nhận biết và nắm vững các khái niệm, mục tiêu, các nguyên tắc và phương pháp lựa chọn và/ hoặc điều chỉnh tài liệu giảng dạy có sẵn để đáp ứng việc thực hiện chương trình đào tạo.

MT6. kiến thức về mục tiêu và kỹ thuật thiết kế và xây dựng giáo trình điện tử trong học ngoại ngữ

**3.2. Chuẩn đầu ra học phần**

Sau khi học xong học phần Phát triển tài liệu, sinh viên có khả năng

H1. phối hợp các nguyên tắc, kỹ thuật và phương pháp để đánh giá giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ trong giảng dạy

H2. phối hợp các nguyên tắc, kỹ thuật và phương pháp để lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ trong giảng dạy

H3. phối hợp các nguyên tắc, kỹ thuật và phương pháp để điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ trong giảng dạy



H4. bước đầu tổ chức thực hiện việc đánh giá, lựa chọn, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu hỗ trợ trong giảng dạy

H5. bước đầu tổ chức thực hiện việc tìm hiểu và đánh giá giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong giảng dạy ngoại ngữ

*3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C17	C21
H1	X	
H2	X	
H3	X	
H4	X	
H5		X

**4. Cấu trúc học phần**

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1	<b>Chapter I: Selection of Materials</b> 1.1. The Roles and Functions of Course books 1.2. Material Evaluation and Selection 1.3. Existing proposals for Evaluating materials 1.4. A Framework for the Selection of Coursebooks	LT: 4 tiết BT: 6 tiết	[1] Chapter 1: Selection of Materials [2] Chapter 2: Materials
2	<b>Chapter 2. Adapting Classroom Materials</b> 2.1. Reasons for Adaptation 2.2. Objectives and Techniques for Adaptation 2.3. Techniques for Adaptation	LT: 4 tiết BT: 6 tiết	[1] Chapter 5: Adapting Classroom Materials [2] Chapter 11: Adopting and Adapting an Existing Course Book
3	<b>Chapter 3. Developing Electronic Materials for Language Teaching</b> 3.1. Introduction 3.2. Contribution to Language Learning 3.3. Building an Electronic Learning Environment	LT: 5 tiết BT: 5 tiết	[1] Chapter 3: Developing Electronic Materials for Language Teaching [2] Chapter 12: Electronic Materials for Language Teaching

### 5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/ số tiết	Nội dung	CDR học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1+2/ 6	<b>Chapter I: Selection of Materials</b> 1.1. The Roles and Functions of Course books 1.2. Material Evaluation and Selection 1.3. Existing proposals for Evaluating materials 1.4. A Framework for the Selection of Coursebooks	H1 H2 H4	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình, PP thảo luận trên lớp + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: So sánh chức năng, tính sư phạm trong sách giáo khoa tiếng Anh phổ thông và các giáo trình, tài liệu giảng dạy tiếng Anh sẵn có trên thị trường; - Thực hành: Đánh giá SGK theo khung tham chiếu về lựa chọn giáo trình và tài liệu giảng dạy + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép, chuẩn bị câu hỏi - Làm bài tập tại lớp + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp
2+3/5	<b>Chapter 2. Adopting and Adapting Classroom Materials</b> 2.1. Reasons for Adaptation 2.2. Objectives and Techniques for Adaptation 2.3. Techniques for Adaptation	H1 H2 H5	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày - Thảo luận nhóm: Các mục tiêu của việc điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ; Các kỹ thuật điều chỉnh, cải tiến giáo trình, tài liệu giảng dạy trong giảng dạy ngoại ngữ - Thực hành: đề xuất cải tiến 1 phần bài giảng trong SGK + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	+ Bài viết nộp tại lớp/ qua email + Báo cáo của nhóm trước lớp
4+5/6	<b>Chapter 3. Developing Electronic Materials for Language Teaching</b> 3.1. Introduction 3.2. Contribution to Language Learning 3.3. Building an	H1 H2 H4	+ Phương pháp dạy học: PP thuyết trình + Hình thức tổ chức dạy học: - Nghe giảng do giảng viên trình bày + Thảo luận nhóm: Tìm hiểu một số giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử dùng trong dạy và học	+ Báo cáo của nhóm trước lớp

	Electronic Learning Environment		ngoại ngữ; So sánh giáo trình, tài liệu giảng dạy truyền thống và giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử dùng trong dạy và học ngoại ngữ; Đánh giá ưu điểm và nhược điểm của giáo trình, tài liệu giảng dạy điện tử trong dạy và học ngoại ngữ + Yêu cầu sinh viên: - Đọc tài liệu - Ghi chép - Làm bài tập tại lớp và ở nhà + Địa điểm học: Giảng đường	
--	---------------------------------	--	---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Tomlinson, B. et all (2014). *Developing Materials for Language Teaching*, Bloomsbury Publishing PLC, New York

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Nation, I.S.P and Macalister, J. (2010). *Language Curriculum Design*, Routledge, New York.

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần bài tập lớn, tiểu luận

- Đề xuất cải tiến 1 phần bài giảng trong SGK tiếng Anh THPT

### 7.3. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của sinh viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của sinh viên.	H1 H2 H3	10%
2	Bài tập cá nhân	Đánh giá khả năng xác định và giải quyết vấn đề, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của sinh viên do giảng viên đề ra.	Thông qua nghiên cứu sản phẩm bài làm của sinh viên, hoặc việc trả bài, chữa bài tập trên lớp của sinh viên	H1 H2 H3 H4	20%

3	Bài tập nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ, giữa sinh viên với sinh viên.	Phương pháp đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm chung của nhóm, qua quan sát hoạt động của nhóm, trình diễn sản phẩm của nhóm.	H1 H2 H3 H4 H5	10%
4	Bài tập lớn	Đánh giá kỹ năng tổng hợp, khái quát hóa, hệ thống hóa, kỹ năng giải quyết vấn đề bằng ngôn ngữ viết của sinh viên	Thông qua bài viết, đánh giá cách lập luận vấn đề, giải quyết vấn đề của sinh viên	H4 H5	30%
5	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên qua một giai đoạn học tập của sinh viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của sinh viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Thông qua kiểm tra tự luận.	H4 H5	30%
Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận					100%

### 8.3. Thi kết thúc học phần

Mục đích	Phương pháp kiểm tra đánh giá	CĐR học phần
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của sinh viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của sinh viên.	Thi tự luận	H1 H2 H3 H4 H5

Ngày tháng năm 2020

P. Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

ThS. Nguyễn Lệ Hằng

ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**  
**TÊN HỌC PHẦN: PHÁT TRIỂN NGHIỆP VỤ**  
**Mã học phần: FL213109**

**1. Thông tin chung về học phần và giảng viên:**

Tổng số tín chỉ: 02; Số tín chỉ lý thuyết: 02; Số tín chỉ thực hành: 0

Loại môn học: Tự chọn

Các yêu cầu đối với học phần (nếu có):

Học phần học song hành: Không

Học phần học trước: Không

Học phần tiên quyết: Không

Giảng viên giảng dạy:

Giảng viên: Họ và tên: Hoàng Thị Xuân; Số điện thoại: 0914087037;

Email: [htxuan@tnn.edu.vn](mailto:htxuan@tnn.edu.vn)

**2. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:**

Học phần Phát triển nghiệp vụ là một trong những học phần tự chọn thuộc về nhóm khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp và học phần thay thế của ngành sư phạm Tiếng Anh. Học phần Phát triển nghiệp vụ cung cấp cho người học những kiến thức về các hoạt động phát triển, nâng cao năng lực thực hành giảng dạy đối với ngành sư phạm dành cho sinh viên ngành tiếng Sư phạm tiếng Anh. Các hoạt động bao gồm: hội thảo, tự đánh giá, viết nhật ký, lập nhóm hỗ trợ giáo viên, dự giờ, hồ sơ giảng dạy, nghiên cứu tình huống, và nghiên cứu hoạt động. Ngoài ra, học phần Phát triển nghiệp vụ còn phát triển năng lực nghiên cứu, nhận thức được vai trò của hoạt động học tập nâng cao trình độ thường xuyên và suốt đời, đồng thời tiếp cận được các hoạt động phát triển nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ.

**3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần**

*3.1. Mục tiêu học phần*

Học phần Phát triển nghiệp vụ sẽ

MT1: cung cấp cho người học kiến thức về vai trò và mục đích các hoạt động trong phát triển nghiệp vụ.

MT2: cung cấp cho người học các bước trong các hoạt động trong phát triển nghiệp vụ.

MT3: hướng dẫn cho người học biết cách đọc tài liệu, và có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động trong phát triển nghiệp vụ.

MT4: trang bị người học kỹ năng trình bày trước lớp nội dung của học phần

MT5: giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn về vai trò của học tập suốt đời và có ý thức tự học tập và nghiên cứu giúp phát huy hiệu quả của hoạt động giảng dạy thông qua việc tiếp cận các phương pháp phát triển nghiệp vụ trong giảng dạy ngoại ngữ.

*3.2. Chuẩn đầu ra học phần*

Sau khi học xong học phần Phát triển nghiệp vụ người học có khả năng:

H1: Trình bày và hiểu được khái niệm, mục đích và các bước của các hoạt động phát triển nghề nghiệp.

H2: Vận dụng các lý thuyết vào thiết kế các các hoạt động phát triển nghề nghiệp

H3: Vận dụng các lý thuyết về các hoạt động phát triển nghề nghiệp để ứng dụng trong việc dạy và học Tiếng Anh và triển khai nghiên cứu.

H4: Vận dụng các lý thuyết về các hoạt động phát triển nghề nghiệp y trong việc tự bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ và nghiệp vụ chuyên môn.

Sau khi học xong học phần Học phần Phát triển nghiệp vụ

H5: Có nhận thức đúng về Phát triển nghiệp vụ, có thái độ tích cực, nghiêm túc khi học trên lớp, tham gia nhóm và nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng các quy tắc linh hoạt trong việc dạy và học Tiếng Anh.

H6: Tích cực thảo luận và phát biểu khi tham gia học tập trên lớp, tự học ở nhà và tự nghiên cứu.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra của học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	
	C12	C13
H1	x	
H2	x	
H3	x	
H4	x	
H5	x	x
H6		x

4. Cấu trúc học phần

TT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu học tập
1.	Chương I: Professional development: Nature of teacher education	4 tiết	[1] (pages 1-22) [2], [3], [4]
2.	Chương II: Workshops	2 tiết	[1] (pages 22-33) [2], [3], [4]
3.	Chương III: Self-monitoring	2 tiết	[1] (pages 34-50) [2], [3], [4]
4.	Chương IV: Teacher support groups	2 tiết	[1] (pages 51-67) [2], [3], [4]
5.	Chương V: Keeping a teaching journal	2 tiết	[1] (pages 68-84) [2], [3], [4]
6.	Chương VI: Peer observation	2 tiết	[1] (pages 85-97) [2], [3], [4]
7.	Chương 7: Teaching portfolios	2 tiết	[1] (pages 98-112) [2], [3], [4]
8.	Chương 8: Critical incidents and Case analysis	4 tiết	[1] (pages 113-126) [2], [3], [4]
9.	Chương 9: Peer coaching	2 tiết	[1] (pages 127-143) [2], [3], [4]
10.	Chương 10: Team(peer) teaching	4 tiết	[1] (pages 144-159) [2], [3], [4]
11.	Chương 11: Action research	4tiết	[1] (pages 160-171) [2], [3], [4]

5. Kế hoạch và phương pháp dạy học

Buổi học/số tiết	Nội dung	Chuẩn đầu ra học phần	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
------------------	----------	-----------------------	----------------------	--------------

4 tiết	<p>Chương I: Professional development: Nature of teacher education</p> <p>1. Teacher training and Teacher development</p> <p>1.2 Conceptualizations of teacher learning</p> <p>1.3 Individual and institutional perspectives</p> <p>1.4 Collaborative and self-directed learning</p> <p>1.5 Implementing professional development</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm và vai trò của hoạt động phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên nói chung và giáo viên dạy ngoại ngữ nói riêng.</p>
2 tiết	<p>Chương II: Workshops</p> <p>2.1 What are workshops?</p> <p>2.2 Benefits of workshops</p> <p>2.3 Procedures for planning effective workshops</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, quy trình tổ chức, lợi ích của của hội thảo chuyên đề trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.</p> <p>Báo cáo của nhóm trước lớp về các lý thuyết dạy phát âm và bài giảng minh họa</p>
2 tiết	<p>Chương III: Self-monitoring</p> <p>3.1 The nature of self-monitoring</p> <p>3.2 Purpose and benefits of self-monitoring</p> <p>3.3 Procedures used in self-monitoring</p> <p>3.4 Implementing self-monitoring</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, quy trình thực hiện, lợi ích của hoạt động tự giám sát trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.</p>
2 tiết	<p>Chương IV: Teacher support groups</p> <p>4.1 The nature of teacher support groups</p> <p>4.2 Purpose and benefits of teacher support groups</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm</p>	<p>Báo cáo của nhóm trước khái niệm, mục đích, quy trình thực hiện, lợi ích của nhóm hỗ trợ giáo</p>

	4.3 Types of teacher support groups 4.4 Forming a teacher support group		Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	viên trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.
<b>2 tiết</b>	Chương V: Keeping a teaching journal 5.1 The nature of a teaching journal 5.2 Purpose and benefits of a teaching journal 5.3 Procedures used for keeping a journal 5.4 Audience for a teaching journal 5.5 Responding to another teacher's teaching journal 5.6 Implementing journal writing	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của viết nhật ký giảng dạy trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.
<b>2 tiết</b>	Chương VI: Peer observation 6.1 The nature of peer observation 6.2 Purpose and benefits of peer observation 6.3 Procedures used for peer observation 6.4 Implementing peer observation	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b> Giảng đường	Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của hoạt động dự giờ lẫn nhau trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ
<b>2 tiết</b>	Chương 7: Teaching portfolios 7.1 The nature of teaching portfolios 7.2 Purpose and benefits of creating a portfolio 7.3 Procedures used in compiling a teaching portfolio 7.4 Implementing teaching portfolios	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình <b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày <b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày <b>Địa điểm học:</b>	Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của hồ sơ giảng dạy trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.



			Giảng đường	
4 tiết	<p>Chương 8: Critical incidents and Case analysis</p> <p>8.1 The nature of critical incidents</p> <p>8.2 Purpose and benefits of critical incident analysis</p> <p>8.3 Procedures used in analyzing critical incidents</p> <p>8.4 Implementing critical incident analysis</p> <p>8.5 Nature of case analysis</p> <p>8.6 Purpose and benefits of using cases</p> <p>8.7 Procedures for analyzing and discussing cases</p> <p>8.8 Implementing case analysis</p>	H1 H2 H3 H4 H5 H6	<p><b>Phương pháp dạy học:</b> PP thuyết trình</p> <p><b>Hình thức tổ chức dạy học:</b> Thảo luận nhóm Trình bày</p> <p><b>Yêu cầu sinh viên</b> Đọc tài liệu Chuẩn bị báo cáo trình bày</p> <p><b>Địa điểm học:</b> Giảng đường</p>	Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của phân tích tình huống đặc biệt trong lớp học và nghiên cứu tình huống trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.
2 tiết	<p>Chương 9: Peer coaching</p> <p>9.1 The nature of peer coaching</p> <p>9.2 Purpose, benefits and types of peer coaching</p> <p>9.3 Procedures used for peer coaching</p> <p>9.4 Implementing peer coaching</p>			Báo cáo của nhóm trước lớp về mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của tập huấn lẫn nhau trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.
4 tiết	<p>Chương 10: Team(peer) teaching</p> <p>10.1 The nature of team teaching</p> <p>10.2 Purpose and benefits of team teaching</p> <p>10.3 Procedures used for team teaching</p> <p>10.4 Implementing team teaching</p>			Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, mục đích, phương pháp tiến hành, lợi ích của giảng dạy theo đội trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.
4tiết	<p>Chương 11: <b>Action research</b></p> <p>11.1 The nature of ation research</p>			Báo cáo của nhóm trước lớp về khái niệm, mục đích,

	11.2 Purpose and benefits of action research 11.3 Procedures used for conducting action research 11.4 Implementing action research			phương pháp tiến hành, lợi ích của nghiên cứu hoạt động trong phát triển nghiệp vụ đối với giáo viên dạy ngoại ngữ.
--	--	--	--	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Giáo trình học phần

[1] Jack C. Richards & Thomas S.C. Farrell (2005). *Professional Development for Language Teachers – Strategies for Teacher Learning*, Cambridge University Press.

### 6.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Jack C. Richards & Charles Lockhart (1995). *Reflective Teaching in Second Language Classroom*, Cambridge University Press.

[3] Jack C. Richards & David Nunan (1990). *Second Language Teacher Education*, Cambridge University Press.

[4] Sara Efrat Efron (2013), *Action Research in Education*, The Guilford Press

## 7. Nhiệm vụ của sinh viên:

### 7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp  $\geq 2/3$  tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

### 7.2. Phần thí nghiệm, thực hành: không

### 7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận: không

### 7.4. Phần khác (nếu có): không

7.5. Sinh viên tự nghiên cứu tài liệu: Sinh viên tự đọc tài liệu làm việc theo nhóm chuẩn bị cho phần trình bày.

## 8. Phương thức kiểm tra, đánh giá học phần

### 8.1. Trọng số điểm bộ phận: 30%; Trọng số thi kết thúc học phần: 70%

(Trọng số điểm bộ phận  $\leq 30\%$ ; Còn lại là trọng số thi = 100% - Trọng số bộ phận)

### 8.2. Thành phần, mục đích và tỷ lệ điểm bộ phận

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ
1.	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tham gia các hoạt động trong giờ học của sinh viên	Đánh giá thông qua điểm danh, theo dõi việc chuẩn bị bài ở nhà và tham gia thảo luận của sinh viên	H6	20%
2.	Bài thuyết trình nhóm	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của nhóm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tương tác, chia sẻ giữa sinh viên với sinh viên	Đánh giá thông qua quan sát hoạt động của nhóm, trình bày báo cáo của nhóm	H1 H2 H3 H6	30%
3.	Bài kiểm tra định kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức về lý thuyết phương pháp lồng ghép 4 kỹ năng và vận	Đánh giá thông qua kiểm tra tự luận	H1 H2 H3 H4	50%

		dụng tri thức, kỹ năng để thiết kế một hoạt động dạy học		<b>H5</b>	
		Tổng tỷ lệ thành phần của điểm bộ phận			100%

**8.3. Thi kết thúc học phần**

<b>Mục đích</b>	<b>Phương pháp kiểm tra đánh giá</b>	<b>CDR học phần</b>
Đánh giá mức độ đạt được về tri thức về lý thuyết về phương pháp lồng ghép 4 kỹ năng, kỹ năng trình bày logic, thái độ của sinh viên, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng để thiết kế bài giảng.	Đánh giá thông qua bài kiểm tra tự luận	<b>H1</b> <b>H2</b> <b>H3</b> <b>H4</b>

**Trưởng khoa****Trưởng Bộ môn***Ngày tháng năm 2020*  
**Người biên soạn****ThS. Nguyễn Thị Kim Phượng****ThS. Nguyễn Lệ Hằng****ThS Hoàng Thị Xuân**